LÊ-NIN



В. Ульянов (Ленин)

VÔ SẢN TẤT CẢ CÁC NƯỚC, ĐOÀN KẾT LẠI!

NHÀ XUẤT BẢN TIẾN BỘ

V.I. Lê-nin

MÁC –
ĂNG-GHEN –
CHỦ NGHĨA MÁC

MÁT-XCƠ-VA • 1976

Bản dịch các tác phẩm trong văn tập này căn cứ theo Toàn tập của V. I. Lê-nin, xuất bản lần thứ 5, do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô chuẩn bị.

В. И. ЛЕНИН

Маркс — Энгельс — марксизм

На вьетнамском языке

Những tác phẩm của V. I. Lê-nin trong quyển này in theo bản dịch của Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội

Л $\frac{10102-950}{014(01)-76}$ 857—76

CÁC MÁC

(Sơ lược tiểu sử, có trình bày chủ nghĩa Mác)[1]

Các Mác sinh ngày 5 tháng Năm 1818 ở Tơ-ri-ơ (miền Rê-na-ni nước Phổ). Cha là luật sư người Do-thái, đến năm 1824 thì theo đạo Tin lành. Gia đình ông phong lưu, có học thức, nhưng không phải là gia đình cách mạng. Sau khi tốt nghiệp trường trung học ở Tơ-ri-ơ, Mác vào học đại học tổng hợp Bon rồi sau đó học ở trường đại học tổng hợp Béc-lanh; ở đây, ông học luật và nhất là sử và triết học. Năm 1841, ông học xong và trình bày luận án tiến sĩ về triết học Ê-pi-quya. Hồi đó, với những quan điểm của ông, ông còn là một người duy tâm thuộc phái Hê-ghen. Ở Béc-lanh, ông gia nhập «phái Hê-ghen cánh tả» (trong đó có Bru-nô Bau-ơ và những người khác), là phái tìm cách rút ở triết học Hê-ghen ra những kết luận vô thần và cách mạng.

Sau khi tốt nghiệp ở đại học ra, Mác đến ngụ ở Bon, với ý định xin một chân giáo sư ở đó. Nhưng chính sách phản động của chính phủ hồi đó buộc ông phải bỏ ý định làm nghề giáo sư đại học, chính phủ đó đã cách chức giáo sư của Lút-vích Phơ-bách năm 1832; năm 1836 lại từ chối không cho Phơ-bách vào dạy ở trường đại học và năm 1841, cấm giáo sư trẻ tuổi Bru-nô Bau-ơ giảng ở Bon. Hồi đó, tư tưởng của phái Hê-ghen cánh tả phát triển rất nhanh chóng ở Đức. Lút-vích Phơ-bách, đặc biệt là từ năm 1836, bắt đầu phê phán thần học và hướng về chủ nghĩa duy vật; đến năm 1841, chủ nghĩa duy vật đã hoàn toàn chinh phục ông («Bản chất của đạo cơ đốc»); năm 1843, tác phẩm «Nguyên lý của triết học về tương lai» của ông được xuất bản. Về sau, khi viết về những tác phẩm này của Phơ-bách, Ăng-ghen có nói: «Phải cảm thấy tác dụng giải phóng» của những tác phẩm ấy. «Chúng tôi» (nghĩa là phái Hê-ghen cánh tả, kể cả Mác) «lập tức đều trở thành những người theo Phơ-bách»[2]. Hồi đó, phái tư sản cấp tiến ở Rê-na-ni, tức là phái có những điểm gần giống với phái Hê-ghen cánh tả, đã sáng lập ở Cô-lô-nhơ tờ báo đối lập, tờ «Báo Rê-na-ni» (xuất bản từ ngày

1 tháng Giêng 1842). Mác và Bru-nô Bau-ơ được mời làm cộng tác viên chính và đến tháng Mười 1842 thì Mác trở thành chủ bút; lúc đó, ông rời Bon đến ở Cô-lô-nhơ. Dưới sự lãnh đạo của Mác, xu hướng dân chủ cách mạng của tờ báo ngày càng rõ ràng hơn, và chính phủ sau khi buộc tờ báo phải theo chế độ kiểm duyệt hai lần, rồi ba lần, và đến ngày 1 tháng Giêng 1843 thì quyết định đình bản hoàn toàn. Lúc đó, Mác buộc phải rút lui không làm chủ bút nữa, nhưng cũng không cứu vãn được tờ báo; đến tháng Ba 1843, tờ báo bị cấm hẳn. Trong số những bài quan trọng nhất mà Mác viết trên «Báo Rê-na-ni», ngoài những bài kể sau này (xem *Mục lục sách tham khảo*[3]), Ăng-ghen còn chỉ ra một bài nói về tình cảnh của những người trồng nho ở thung lũng sông Mô-den[4] nữa. Hoạt động báo chí đã làm cho Mác thấy rằng sự hiểu biết của mình về chính trị kinh tế học hãy còn thiếu sót, nên ông bắt đầu chăm chú nghiên cứu môn ấy.

Năm 1843, Mác kết hôn với Giên-ni phôn Ve-xtơ-pha-len ở Crây-txơ-nách. Giên-ni là bạn hồi nhỏ, và đã đính hôn với ông từ khi ông còn là sinh viên. Vợ ông xuất thân trong một gia đình quý tộc phản động ở Phổ. Anh cả của Giên-ni phôn Ve-xtơ-pha-len làm bộ trưởng Bộ nội vụ Phổ vào một trong những thời kỳ phản động nhất: thời kỳ từ 1850 đến 1858. Mùa thu 1843, Mác đến Pa-ri để xuất bản ở nước ngoài một tạp chí cấp tiến, cùng với Ác-nôn Ru-ghê (1802 - 1880; một người thuộc phái Hê-ghen cánh tả, bị cầm tù từ 1825 đến 1830, sau năm 1848 ra nước ngoài; và sau 1866 - 1870 ủng hộ Bi-xmác). Tờ tạp chí lấy tên là «Niên giám Pháp - Đức» ấy chỉ ra được số đầu. Vì việc bí mật phát hành tờ báo về Đức gặp nhiều khó khăn và vì bất đồng ý kiến với Ru-ghê nên tờ tạp chí phải ngừng xuất bản. Trong những bài viết trên tạp chí này, Mác đã tỏ ra là một nhà cách mạng, chủ trương «phê bình gắt gao tất cả những cái hiện có» và nhất là «phê bình bằng vũ khí»[5], và chủ trương dựa vào *quần chúng* và *giai cấp vô sản*.

Tháng Chín 1844, Phri-đrích Ăng-ghen đến Pa-ri vài hôm và từ đó đã trở thành bạn thân nhất của Mác. Cả hai ông đều tham gia hết sức hăng hái vào sinh hoạt đang sôi sục của những nhóm cách mạng lúc bấy giờ ở Pa-ri (học thuyết của Pru-đông hồi đó có một tầm quan trọng đặc biệt, và Mác đã kiên quyết bác học thuyết đó trong tác phẩm «Sự khốn cùng của triết học» của mình, xuất bản năm 1847), và trong khi đấu tranh quyết liệt chống mọi thứ học thuyết của chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản, hai ông đã sáng lập ra lý luận và sách lược của *chủ nghĩa xã hội vô sản* cách mạng, hay là chủ nghĩa cộng sản (chủ nghĩa Mác).

Xem những tác phẩm của Mác hồi đó, 1844 - 1848, kể sau đây: *Mục lục sách tham khảo*. Năm 1845, theo lời yêu cầu của chính phủ Phổ, Mác bị trục xuất khỏi Pa-ri, vì bị coi là một nhà cách mạng nguy hiểm. Ông sang ở Bruy-xen. Mùa xuân 1847, Mác và Ăng-ghen gia nhập hội tuyên truyền bí mật: «Đồng minh những người cộng sản»[6] và đã góp được phần xuất sắc nhất vào đại hội II của Đồng minh ấy (họp ở Luân-đôn, tháng Mười một 1847). Theo lời yêu cầu của đại hội, hai ông thảo bản tuyên ngôn nổi tiếng «Tuyên ngôn của Đảng cộng sản», xuất bản vào tháng Hai 1848. Tác phẩm này trình bày một cách hết sức sáng sủa và rõ ràng thế giới quan mới, chủ nghĩa duy vật triệt để — chủ nghĩa duy vật này bao quát cả lĩnh vực sinh hoạt xã hội, — phép biện chứng với tư cách là học thuyết toàn diện nhất và sâu sắc nhất về sự phát triển, lý luận về đấu tranh giai cấp và về vai trò cách mạng trong lịch sử toàn thế giới của giai cấp vô sản, tức là giai cấp sáng tạo ra một xã hội mới, xã hội cộng sản.

Khi Cách mạng tháng Hai 1848 bùng nổ[7], Mác bị trục xuất khỏi Bỉ. Ông trở về Pa-ri, rồi sau cách mạng tháng Ba[8], ông lại rời Pa-ri, trở về Đức và đến ở Cô-lô-nhơ. Ở đấy, từ 1 tháng Sáu 1848 đến 19 tháng Năm 1849, «Báo Rê-na-ni mới» được xuất bản, do ông làm chủ bút. Quá trình những sự biến cách mạng từ 1848 đến 1849 và về sau, tất cả những phong trào vô sản và dân chủ ở tất cả các nước trên thế giới đã chứng thực một cách rực rỡ lý luận mới đó. Phe phản cách mạng vừa chiến thắng liền đưa Mác ra tòa (9 tháng Hai 1849, ông được tha bổng), rồi trục xuất ông ra khỏi Đức (16 tháng Năm 1849). Thoạt tiên, ông lại đến Pa-ri, rồi sau cuộc biểu tình ngày 13 tháng Sáu 1849[9] lại bị trục xuất, ông phải sang Luân-đôn ở hẳn cho đến khi chết.

Hoàn cảnh của cuộc sống lưu vong vô cùng chật vật, những thư từ giữa Mác và Ăng-ghen (xuất bản năm 1913)[10] chứng tỏ rõ rệt điều đó. Mác và gia đình ông đã bị cảnh cùng khốn thật sự giày vò; nếu không được sự giúp đỡ thường xuyên và tận tụy của Ăng-ghen về mặt tài chính thì không những Mác không thể viết xong bộ «Tư bản», mà chắc chắn còn ngã quỵ dưới ách cùng khốn nữa. Ngoài ra, những học thuyết và trào lưu thịnh hành nhất của chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản, của chủ nghĩa xã hội phi vô sản nói chung, buộc Mác phải thường xuyên tiến hành một cuộc đấu tranh quyết liệt, đôi khi phải chống đỡ những đòn công kích cá nhân dữ dội nhất và ngu xuẩn nhất (như chống «Herr Vogt»[11]). Xa lánh các nhóm kiều dân, Mác phát triển lý luận duy vật của ông trong một loạt tác phẩm sử học (xem *Mục lục sách tham khảo*),

ra sức nghiên cứu chính trị kinh tế học. Mác đã cách mạng hóa môn khoa học này (*xem học thuyết* của Mác nói ở sau) trong những tác phẩm «Góp phần phê phán chính trị kinh tế học» (1859) và «Tư bản» (quyển I. 1867).

Thời kỳ phục hưng của các phong trào dân chủ, vào cuối những năm 50 và trong những năm 60, đã làm cho Mác trở lại hoạt động thực tiễn. Năm 1864 (28 tháng Chín), Quốc tế I nổi tiếng, tức «Hội liên hiệp lao động quốc tế», được thành lập ở Luân-đôn. Mác là linh hồn của tổ chức này, lại là tác giả bài «Lời kêu gọi»[12] đầu tiên và một số lớn nghị quyết, tuyên bố và tuyên ngôn. Trong khi thống nhất phong trào công nhân các nước, trong khi tìm cách hướng mọi hình thức khác nhau của chủ nghĩa xã hội phi vô sản, tiền mác-xít (Mát-di-ni, Pru-đông, Ba-cu-nin, phong trào công liên tự do chủ nghĩa Anh, những thiên hướng hữu khuynh của phái Lát-xan ở Đức, v. v.) vào con đường hoạt động chung, trong khi đấu tranh chống những lý luận của tất cả các phái và trường phái ấy, Mác đã rèn đúc một sách lược duy nhất cho cuộc đấu tranh vô sản của giai cấp công nhân các nước. Sau thất bại của Công xã Pa-ri (1871)[13] mà Mác đã dùng quan điểm cách mạng để đánh giá một cách rất sâu sắc, đúng đắn, xuất sắc và có *tác dụng tích cực* (trong cuốn «Nội chiến ở Pháp» 1871), và sau khi phái Ba-cu-nin[14] gây chia rẽ trong Quốc tế thì Quốc tế không thể tồn tại ở châu Âu được nữa. Sau đại hội năm 1872 họp ở La-hay, đề nghị của Mác chuyển trụ sở Hội đồng trung ương của Quốc tế sang Niu-oóc được chấp nhận. Quốc tế I đã hoàn thành vai trò lịch sử của nó và nhường chỗ cho một thời kỳ phát triển vô cùng lớn mạnh hơn trước của phong trào công nhân tất cả các nước trên thế giới, thời kỳ mà phong trào công nhân phát triển về *bề rộng*, thời kỳ thành lập nhiều đảng công nhân xã hội chủ nghĩa có *tính chất quần chúng* trên cơ sở từng quốc gia dân tộc.

Hoạt động khẩn trương của Mác trong Quốc tế, và những công tác nghiên cứu lý luận còn khẩn trương hơn nhiều đã làm cho sức khỏe ông bị suy yếu hẳn đi. Ông tiếp tục cải tạo chính trị kinh tế học và viết phần cuối bộ *«Tư bản»* trên cơ sở gom góp rất nhiều tài liệu mới và học thêm nhiều thứ tiếng (như tiếng Nga chẳng hạn), nhưng bệnh tình đã không để cho ông viết xong bộ *«Tư bản»*.

Ngày 2 tháng Chạp 1881 vợ ông từ trần. Ngày 14 tháng Ba năm 1883 ông yên giấc nghìn thu trên chiếc ghế bành. Ông được an táng tại nghĩa địa Hai-ghết ở Luân-đôn, nơi đã an táng vợ ông. Trong số các con cái của Mác, có mấy người đã chết non ở Luân-đôn, khi gia đình ông

sống trong cảnh rất khốn cùng. Ba người con gái của Mác đều kết hôn với những người xã hội chủ nghĩa Anh và Pháp: Ê-lê-ô-nô-ra Ê-vê-linh, Lô-ra La-phác-gơ và Gien-ni Lông-ghê. Con trai Lông-ghê là đảng viên Đảng xã hội Pháp.

Học thuyết của Mác

Chủ nghĩa Mác là hệ thống các quan điểm và học thuyết của Mác. Mác đã thừa kế và hoàn chỉnh một cách thiên tài ba trào lưu tư tưởng chủ yếu của thế kỷ XIX, thuộc ba nước tiên tiến nhất của loài người: triết học cổ điển Đức, chính trị kinh tế học cổ điển Anh và chủ nghĩa xã hội Pháp gắn liền với các học thuyết cách mạng Pháp nói chung. Tính triệt để và tính hoàn chỉnh đặc sắc (ngay cả kẻ thù địch với Mác cũng phải thừa nhận) của những quan điểm của ông (mà toàn bộ hợp thành chủ nghĩa duy vật hiện đại và chủ nghĩa xã hội khoa học hiện đại, tức là lý luận và cương lĩnh của phong trào công nhân ở tất cả các nước văn minh trên thế giới) buộc chúng tôi, trước khi trình bày nội dung chủ yếu của chủ nghĩa Mác, tức là học thuyết kinh tế của Mác, phải trình bày sơ lược thế giới quan chung của Mác.

CHỦ NGHĨA DUY VẬT TRIẾT HỌC

Từ 1844 - 1845, thời kỳ mà những quan điểm của Mác hình thành, Mác đã là một nhà duy vật chủ nghĩa, đặc biệt đứng về phía L. Phơ-bách, mà mãi cho đến sau này, Mác vẫn cho rằng chỗ yếu của Phơ-bách chính là ở chỗ chủ nghĩa duy vật của ông ta còn thiếu tính triệt để và toàn diện. Đối với Mác, tác dụng lịch sử thế giới có tính chất «vạch thời đại» của Phơ-bách chính là ở chỗ ông đã đoạn tuyệt hẳn với chủ nghĩa duy tâm của Hê-ghen và đã thừa nhận chủ nghĩa duy vật. Chủ nghĩa này, ngay từ «thế kỷ XVIII, nhất là ở Pháp, đã đấu tranh không những chống các thiết chế chính trị hiện có, cũng như chống tôn giáo và thần học, mà còn... chống lại mọi thứ siêu hình học» (hiểu theo nghĩa là «tư biện say túy lúy» ngược với một «triết học tỉnh táo») («Gia đình thần thánh» trong «Di sản văn học»). Mác viết: «Theo Hê-ghen, thì quá trình tư duy, — cái quá trình mà dưới cái tên là ý niệm ông đã biến nó thành một chủ

thể độc lập, — là thần sáng tạo (kẻ sáng tạo, kẻ làm) ra hiện thực... Theo tôi thì trái lại ý niệm chỉ là vật chất được chuyển vào và cải biến trong đầu óc con người mà thôi» («Tư bản», I, lời bạt của lần xuất bản thứ 2). Hoàn toàn căn cứ vào triết học duy vật chủ nghĩa đó của Mác, nên khi trình bày triết học đó trong tác phẩm «Chống Đuy-rinh» (xin đọc tác phẩm), — Mác đã đọc bản thảo của tác phẩm này, — Ăng-ghen viết: «...Tính thống nhất của thế giới không phải là ở sự tồn tại của nó, mà là ở tính chất vật chất của nó, và tính chất vật chất này được chứng minh... bởi một sự phát triển lâu dài và gian khổ của triết học và của khoa học tự nhiên... Vận động là phương thức tồn tại của vật chất. Không bao giờ và không ở đâu lại có và có thể có vật chất không có vận động, có vận động không có vật chất... Nếu người ta tự hỏi rằng... tư duy và ý thức là gì và từ đâu sinh ra, thì người ta thấy rằng đó là những sản phẩm của bộ óc con người, và chính bản thân con người cũng là sản phẩm của tự nhiên, một sản phẩm phát triển trong một hoàn cảnh tự nhiên nhất định và cùng với hoàn cảnh đó. Như vậy, hiển nhiên là những sản phẩm của bộ óc con người, xét đến cùng, cũng là những sản phẩm của tự nhiên, nên những sản phẩm đó không mâu thuẫn mà còn phù hợp với toàn bộ tự nhiên». — «Hê-ghen là nhà duy tâm chủ nghĩa, nghĩa là ông không coi những tư tưởng của bộ óc của chúng ta là những phản ánh (trong nguyên bản là Abbilder, có lúc Ăng-ghen còn gọi là «sự in lại») ít nhiều trừu tượng của các sự vật và các quá trình hiện thực, mà ngược lại, ông lại coi các sự vật và sự phát triển của những sự vật ấy chỉ là những phản ánh của ý niệm nào đó, tồn tại ở đâu đó, trước khi có thế giới»[15]. Trong tác phẩm «Lút-vích Phơ-bách», tức là tác phẩm trong đó Ăng-ghen trình bày ý kiến của mình và ý kiến của Mác về triết học của Phơ-bách, tác phẩm mà ông chỉ đưa in sau khi đã xem lại một lần nữa bản thảo cũ năm 1844-1845 ông cùng viết chung với Mác về Hê-ghen, về Phơ-bách và về quan niệm duy vật lịch sử, Ăng-ghen viết: «Vấn đề lớn cơ bản của bất cứ triết học nào, nhất là của triết học hiện đại, là vấn đề quan hệ giữa tư duy và tồn tại, giữa tinh thần và tự nhiên.., là vấn đề xét xem cái nào có trước, tinh thần hay tự nhiên... Tùy theo cách trả lời câu hỏi đó, mà các nhà triết học đã chia thành hai phe lớn. Những người nào quả quyết rằng tinh thần có trước tự nhiên và do đó, xét đến cùng, bằng cách này hay cách khác thừa nhận sự sáng tạo ra thế giới.., những người ấy hợp thành phe duy tâm chủ nghĩa. Còn những người cho rằng tự nhiên là cái có trước thì thuộc về các môn phái khác nhau của chủ nghĩa

duy vật». Hễ vận dụng khái niệm chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật (triết học) theo bất cứ cách nào khác thì chỉ gây ra lẫn lộn mà thôi. Mác không những kiên quyết gạt bỏ chủ nghĩa duy tâm là chủ nghĩa luôn luôn gắn liền với tôn giáo bằng cách này hay cách khác, mà còn kiên quyết gạt bỏ cả quan điểm hiện rất phổ biến của Hi-um và của Can-tơ, như chủ nghĩa bất khả tri, chủ nghĩa phê phán, chủ nghĩa thực chứng dưới đủ mọi hình thức của chúng, vì Mác cho rằng loại triết học ấy là một sự nhượng bộ «phản động» đối với chủ nghĩa duy tâm và giỏi lắm cũng chỉ là «một sự e thẹn thừa nhận thầm vụng chủ nghĩa duy vật, tuy vẫn công khai phủ nhận nó»[16]. Về điểm này, ngoài những tác phẩm kể trên của Ăng-ghen và của Mác, nên xem cả bức thư của Mác gửi Ăng-ghen ngày 12 tháng Chạp 1866, trong đó, ông nói đến lời phát biểu của nhà tự nhiên học nổi tiếng là T. Hơ-xli; Mác nhận xét là ông này đã tỏ ra «duy vật hơn» ngày thường và đã thừa nhận rằng chừng nào «chúng ta xem xét và suy nghĩ thật sự thì không bao giờ chúng ta có thể xa rời lập trường chủ nghĩa duy vật được», nhưng đồng thời Mác cũng trách ông ta là đã «mở cửa sau» cho chủ nghĩa bất khả tri và cho thuyết Hi-um. Đặc biệt cần phải chú ý đến quan điểm của Mác về quan hệ giữa tự do và tất yếu: «tất yếu chỉ mù quáng chừng nào ta chưa nhận thức được nó. Tự do là sự nhận thức được tất yếu» (Ph. Ăng-ghen: «Chống Đuy-rinh») = thừa nhận những quy luật khách quan của tự nhiên và thừa nhận sự chuyển biến một cách biện chứng của tất yếu thành tự do (cũng như sự chuyển biến của «vật tự nó», mà ta chưa nhận thức được nhưng có thể nhận thức được, thành «vật cho ta», nghĩa là sự chuyển biến của «bản chất của sự vật» thành «hiện tượng»). Theo Mác và Ăng-ghen thì thiếu sót căn bản của chủ nghĩa duy vật «cũ», kể cả chủ nghĩa duy vật của Phơ-bách (dĩ nhiên càng phải kể cả chủ nghĩa duy vật «tầm thường» của Buy-khơ-nơ — Phô-gtơ - Mô-lét-sốt) là ở chỗ: 1) chủ nghĩa duy vật này «căn bản là máy móc» và không đếm xỉa gì đến sự phát triển mới nhất của hóa học và sinh vật học (hiện nay, còn phải kể thêm cả thuyết điện về vật chất nữa); 2) chủ nghĩa duy vật cũ là phi lịch sử, là không biện chứng (mà là siêu hình, theo nghĩa là trái với biện chứng) và không áp dụng một cách triệt để và toàn diện quan điểm về phát triển; 3) những chủ nghĩa đó hiểu «bản chất con người» một cách trừu tượng, chứ không coi đó là «toàn bộ tất cả những quan hệ xã hội» (do lịch sử quy định một cách cụ thể), do đó đáng lẽ phải «cải biến» thế giới thì chúng chỉ «giải thích» thế giới, nghĩa là chung không hiểu được ý nghĩa của «hoạt động cách mạng thực tiễn».

PHÉP BIỆN CHỨNG

Mác và Ăng-ghen coi phép biện chứng của Hê-ghen — học thuyết toàn diện nhất, phong phú nhất, sâu sắc nhất về sự phát triển — là một thành quả lớn nhất của triết học cổ điển Đức. Đối với hai ông thì trình bày nguyên lý về sự phát triển, nguyên lý về sự tiến hóa bằng bất cứ cách nào khác đều là phiến diện, nghèo nàn, đều bóp méo và cắt xén quá trình thực tế của sự phát triển (thường có những bước nhảy vọt, những sự đột biến, những cuộc cách mạng) trong tự nhiên và trong xã hội. «Có lẽ hầu như chỉ có Mác và tôi là những người đã tự đề ra cho mình nhiệm vụ cứu phép biện chứng tự giác» (thoát khỏi sự phá hoại của chủ nghĩa duy tâm, kể cả chủ nghĩa Hê-ghen) «để đưa nó vào trong quan điểm duy vật về tự nhiên». «Tự nhiên là vật chứng thực cho phép biện chứng, và phải nói rằng khoa học tự nhiên hiện đại đã chứng tỏ rằng vật chứng thực ấy vô cùng phong phú» (đoạn này viết trước khi phát hiện ra ra-đi-om, điện tử và luật biến hóa của nguyên tố, v. v.!), «mỗi ngày tích lũy thêm nhiều tài liệu và chứng tỏ rằng, xét đến cùng, thì trong giới tự nhiên, mọi sự việc đều xảy ra một cách biện chứng chứ không phải siêu hình»[17].

Ăng-ghen viết: «Tư tưởng cơ bản vĩ đại cho rằng thế giới không phải là một tập hợp gồm những sự vật đã có sẵn, đã được hoàn tất, mà là một tập hợp gồm những quá trình, trong đó những sự vật, tuy bề ngoài có vẻ bất biến nhưng cũng như những hình ảnh của chúng phản ánh vào đầu óc chúng ta, tức là những khái niệm, đều trải qua một quá trình biến đổi không ngừng, lúc thì phát sinh, khi thì diệt vong, — tư tưởng cơ bản vĩ đại đó, nhất là từ thời Hê-ghen, đã thâm nhập sâu vào ý thức thông thường đến nỗi, dưới hình thức chung ấy, hầu như nó không gặp một sự phản đối nào cả. Nhưng thừa nhận tư tưởng ấy trên lời nói và vận dụng nó trong từng trường hợp riêng biệt và từng lĩnh vực nghiên cứu cụ thể là hai việc khác nhau». «Đối với triết học biện chứng thì không có gì là vĩnh viễn không thay đổi, là tuyệt đối, là thiêng liêng cả. Trên mọi sự vật và trong mọi sự vật, nó đều nhìn thấy dấu vết của sự nhất định tiêu vong, và đối với nó thì không có cái gì đứng vững được, ngoài quá trình không ngừng phát sinh và diệt vong, ngoài sự tiến triển vô tận từ thấp lên cao. Chính tư tưởng ấy cũng chỉ là phản ánh của quá trình đó vào trong bộ óc có tư duy». Vậy theo Mác thì phép biện chứng là «khoa học về những quy luật chung của sự vận động của thế giới bên ngoài cũng như của tư duy con người»[18].

Chính phương diện cách mạng ấy của triết học Hê-ghen là phương diện mà Mác đã thừa nhận và phát triển. Chủ nghĩa duy vật biện chứng «không cần đến một thứ triết học đứng lên trên mọi khoa học khác». Trong triết học cũ thì phần còn lưu lại là «học thuyết về tư duy và về những quy luật của tư duy — lô-gích hình thức và phép biện chứng»[10]. Theo quan niệm của Mác, cũng như của Hê-ghen, thì phép biện chứng bao gồm cái mà ngày nay người ta gọi là lý luận về nhận thức hay nhận thức luận, lý luận này cũng phải xem xét đối tượng của nó theo quan điểm lịch sử, bằng cách nghiên cứu và khái quát nguồn gốc và sự phát triển của nhận thức, sự chuyển hóa từ *không* biết đến biết.

Ngày nay, quan niệm về sự phát triển, về sự tiến hóa hầu như đã hoàn toàn thâm nhập vào ý thức xã hội, nhưng bằng những con đường khác, chứ không phải bằng triết học của Hê-ghen. Tuy nhiên quan niệm đó, quan niệm mà Mác và Ăng-ghen đã dựa vào Hê-ghen để nêu lên, toàn diện hơn và có một nội dung phong phú hơn nhiều so với quan niệm thông thường về sự tiến hóa. Một sự phát triển hình như diễn lại những giai đoạn đã qua, nhưng dưới một hình thức khác, ở một trình độ cao hơn («phủ định của phủ định»); một sự phát triển có thể nói là theo đường trôn ốc chứ không theo đường thẳng; một sự phát triển bằng những bước nhảy vọt, bằng những sự đột biến, bằng những cuộc cách mạng; «những bước gián đoạn của sự tiến triển dần dần», sự biến đổi lượng thành chất; những sự thúc đẩy nội tại theo hướng phát triển, những sự thúc đẩy gây ra bởi sự mâu thuẫn, bởi sự xung đột giữa những lực lượng và giữa những xu thế khác nhau đang tác động vào một vật thể nhất định, trong phạm vi một hiện tượng nhất định, hoặc trong nội bộ một xã hội nhất định; sự phụ thuộc lẫn nhau và mối liên hệ chặt chẽ, mật thiết giữa *tất cả* các mặt của từng hiện tượng (và lịch sử luôn luôn làm lộ ra những mặt mới), cái mối liên hệ nó quy định quá trình vận động có tính chất thế giới, thống nhất và có quy luật; — đó là một số đặc điểm của phép biện chứng, tức là học thuyết về sự phát triển, có một nội dung phong phú hơn (so với học thuyết thông thường). (Xem thư Mác gửi Ăng-ghen ngày 8 tháng Giêng 1868, trong đó Mác đã chế nhạo thuyết «ba giai đoạn cứng nhắc» của Stanh, là thuyết mà nhầm lẫn với phép biện chứng duy vật thì thật là vô lý.)

QUAN NIỆM DUY VẬT LỊCH SỬ

Nhận thấy chủ nghĩa duy vật cũ là không triệt để, chưa hoàn bị và phiến diện, nên Mác tin là cần phải «làm cho khoa học về xã hội phù hợp với cơ sở duy vật và dựa vào cơ sở đó để cải tạo khoa học ấy»[20]. Nếu, nói chung, chủ nghĩa duy vật lấy tồn tại để giải thích ý thức chứ không phải ngược lại, thì khi áp dụng vào xã hội loài người, nó bắt buộc phải lấy tồn tại *xã hội* để giải thích ý thức *xã hội*. Mác nói: «Kỹ thuật học bóc trần phương thức tác động của con người vào tự nhiên, bóc trần quá trình sản xuất ra đời sống vật chất của con người, và do đó bóc trần nguồn gốc của những quan hệ xã hội và của những ý niệm hay quan niệm tinh thần phát sinh ra từ những quan hệ xã hội ấy» («Tư bản», I). Trong bài tựa của tác phẩm «Góp phần phê phán chính trị kinh tế học», Mác nêu ra một công thức đầy đủ về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa duy vật áp dụng vào xã hội loài người và lịch sử loài người, như sau:

«Trong sự sản xuất xã hội ra đời sống của mình, con người có những quan hệ với nhau, những quan hệ nhất định, tất yếu, độc lập với ý muốn của họ, tức những quan hệ sản xuất, những quan hệ này phù hợp với một trình độ phát triển nhất định của các lực lượng sản xuất vật chất của họ.

Toàn bộ những quan hệ sản xuất ấy hợp thành cơ cấu kinh tế của xã hội, tức là cơ sở thực tại, trên đấy dựng lên một kiến trúc thượng tầng pháp lý và chính trị, và thích ứng với cơ sở thực tại đó thì có những hình thái nhất định của ý thức xã hội. Phương thức sản xuất ra đời sống vật chất quyết định quá trình sinh hoạt xã hội, chính trị và tinh thần nói chung. Không phải ý thức của con người quyết định tồn tại của họ; trái lại, chính tồn tại xã hội của họ mới quyết định ý thức của họ. Tới một giai đoạn phát triển nào đó, lực lượng sản xuất vật chất của xã hội sẽ mâu thuẫn với những quan hệ sản xuất hiện có, hay — đây chỉ là nói theo cách của pháp luật — với những quan hệ tài sản trong đó từ trước đến nay các lực lượng sản xuất vẫn phát triển. Từ chỗ là hình thức phát triển của các lực lượng sản xuất, những quan hệ sản xuất ấy trở thành những trở ngại cho những lực lượng sản xuất. Khi đó bắt đầu một thời đại cách mạng xã hội. Cơ sở kinh tế thay đổi thì tất cả cái kiến trúc thượng tầng đồ sộ cũng bị đảo lộn ít nhiều nhanh chóng. Khi nghiên cứu những cuộc đảo lộn ấy, người ta phải luôn luôn phân biệt sự đảo lộn vật chất — mà người ta có thể lấy sự chính xác

của khoa học tự nhiên ra để xét nghiệm — của những điều kiện kinh tế của sản xuất, với những hình thái pháp lý, chính trị, tôn giáo, nghệ thuật hay triết học, tóm lại là với những hình thái tư tưởng qua đó người ta nhận thức được cuộc xung đột ấy và đấu tranh khắc phục nó.

Không thể phán đoán một người mà chỉ căn cứ vào ý kiến của chính người ấy về bản thân, cũng như không thể phán đoán một thời đại đảo lộn nào đó mà chỉ căn cứ vào ý thức của thời đại ấy. Trái lại, phải giải thích ý thức ấy bằng những mâu thuẫn của đời sống vật chất, bằng sự xung đột hiện có giữa các lực lượng sản xuất của xã hội với những quan hệ sản xuất...» «Về đại thể, có thể coi các phương thức sản xuất Á châu, cổ đại, phong kiến và tư sản hiện đại là những thời đại tiến triển dần dần của hình thái kinh tế xã hội». (Xem công thức vắn tắt của Mác viết trong bức thư gửi Ăng-ghen ngày 7 tháng Bảy 1866, đầu đề là: «Lý luận của chúng ta về việc tư liệu sản xuất quyết định tổ chức lao động».)

Việc phát hiện ra quan niệm duy vật lịch sử, hay nói cho đúng hơn, việc phổ biến, vận dụng triệt để chủ nghĩa duy vật để xem xét lĩnh vực những hiện tượng xã hội, đã loại bỏ được hai thiếu sót căn bản của những lý luận lịch sử trước kia. Một là, những lý luận này cùng lắm thì cũng chỉ xem xét những động cơ tư tưởng của hoạt động lịch sử của con người mà không nghiên cứu căn nguyên của những động cơ đó, không phát hiện ra tính quy luật khách quan trong sự phát triển của hệ thống quan hệ xã hội và không nhận thấy rằng trình độ phát triển của sản xuất vật chất là nguồn gốc của những quan hệ ấy. Hai là, những lý luận trước kia đã không nói đến chính ngay hành động của *quần chúng* nhân dân, còn chủ nghĩa duy vật lịch sử, lần đầu tiên, đã giúp ta nghiên cứu một cách chính xác như khoa học tự nhiên, những điều kiện xã hội của đời sống quần chúng và những biến đổi của những điều kiện ấy. «Xã hội học» và sử học trước Mác thì *nhiều lắm* cũng chỉ tích lũy được những sự kiện nguyên xi, góp nhặt từng mảnh, và chỉ trình bày một số mặt nào đó của quá trình lịch sử. Chủ nghĩa Mác mở đường cho việc nghiên cứu rộng rãi và toàn diện quá trình phát sinh, phát triển và suy tàn của các hình thái kinh tế xã hội, bằng cách xem xét *toàn bộ* những xu hướng mâu thuẫn nhau, bằng cách quy những xu hướng ấy vào những điều kiện sinh hoạt và sản xuất đã được xác định rõ ràng của các *giai cấp* trong xã hội, bằng cách gạt bỏ chủ nghĩa chủ quan và thái độ tùy tiện khi lựa

chọn những tư tưởng «chủ đạo» hay khi giải thích những tư tưởng ấy, bằng cách vạch ra *nguồn gốc* của mọi tư tưởng và mọi xu hướng khác nhau là ở trong trạng thái của lực lượng sản xuất vật chất, không trừ một tư tưởng, một xu hướng nào. Con người làm ra lịch sử của chính mình, nhưng cái gì quyết định những động cơ của con người và của chính quần chúng nhân dân, nguyên nhân của những xung đột giữa những tư tưởng mâu thuẫn và giữa những nguyện vọng mâu thuẫn là gì, toàn bộ những xung đột ấy trong toàn thể xã hội loài người là như thế nào, những điều kiện khách quan của sự sản xuất ra đời sống vật chất, tức là những điều kiện làm cơ sở cho mọi hoạt động lịch sử của con người là những gì, quy luật phát triển của những điều kiện ấy là gì, — Mác đã chú ý đến tất cả những vấn đề ấy và đã vạch ra con đường nghiên cứu lịch sử một cách khoa học, coi lịch sử là một quá trình thống nhất và có quy luật, mặc dầu quá trình đó có rất nhiều mặt và rất nhiều mâu thuẫn.

ĐẤU TRANH GIAI CẤP

Ai cũng biết rằng, trong mọi xã hội, nguyện vọng của những kẻ này thì trái ngược với nguyện vọng của những kẻ khác; rằng đời sống xã hội chứa đầy mâu thuẫn; rằng lịch sử vạch cho ta thấy cuộc đấu tranh giữa các dân tộc và giữa các xã hội, cũng như đấu tranh trong nội bộ các dân tộc và nội bộ các xã hội; rằng lịch sử còn vạch cho ta thấy một sự kế tiếp giữa những thời kỳ cách mạng và phản động, chiến tranh và hòa bình, ngừng trệ và tiến bộ nhanh chóng hay suy sụp. Chủ nghĩa Mác đã cho ta cái kim chỉ nam để tìm ra những quy luật trong tình trạng rối tung và hỗn độn bề ngoài ấy, đó chính là: lý luận về đấu tranh giai cấp. Chỉ có nghiên cứu toàn bộ những nguyện vọng của mọi thành viên trong một xã hội hay một số xã hội, mới có thể xác định được một cách chính xác khoa học kết quả của những nguyện vọng ấy. Mà những nguyện vọng mâu thuẫn nhau ấy lại sinh ra từ sự khác nhau về hoàn cảnh sinh hoạt và điều kiện sinh hoạt của những *giai cấp* hợp thành mọi xã hội. Mác viết trong «Tuyên ngôn của Đảng cộng sản»: «Lịch sử tất cả các xã hội cho đến nay (sau này Ăng-ghen thêm: trừ lịch sử của công xã nguyên thủy) là lịch sử đấu tranh giai cấp. Người tự do và người nô lệ, quý tộc và bình dân, chúa đất và nông nô, trùm phường và thợ bạn, nói tóm lại, những kẻ áp bức và những người bị áp bức, vĩnh viễn đối lập với nhau, đã tiến hành một cuộc đấu tranh không ngừng,

lúc công khai, lúc ngấm ngầm, một cuộc đấu tranh bao giờ cũng kết thúc hoặc bằng một cuộc cải tạo cách mạng toàn bộ cơ cấu xã hội, hoặc bằng sự diệt vong của cả những giai cấp đấu tranh với nhau... Xã hội tư sản hiện đại, sinh ra từ trong lòng xã hội phong kiến bị diệt vong, đã không xóa bỏ được những đối kháng giai cấp. Nó chỉ đem những giai cấp mới, những điều kiện áp bức mới, những hình thức đấu tranh mới thay thế cho những giai cấp, những điều kiện áp bức, những hình thức đấu tranh xưa kia mà thôi. Tuy nhiên, đặc điểm của thời đại chúng ta, của thời đại giai cấp tư sản, là đã làm đơn giản những đối kháng giai cấp: xã hội ngày càng chia thành hai phe lớn thù địch nhau, hai giai cấp lớn hoàn toàn đối lập nhau — giai cấp tư sản và giai cấp vô sản». Từ cuộc Đại Cách mạng Pháp, lịch sử châu Âu, trong nhiều nước, đã vạch ra đặc biệt rõ nguyên nhân thật sự này của các sự biến: đấu tranh giai cấp. Ngay trong thời đại Phục tích[21], ở Pháp đã có một số sử gia (như Chi-e-ry, Ghi-dô, Mi-nhê, Chi-e) trong khi tổng hợp các sự biến, đã không thể không thừa nhận rằng đấu tranh giai cấp là chìa khóa giúp ta hiểu được toàn bộ lịch sử nước Pháp. Còn thời đại hiện đại, tức là thời đại của sự toàn thắng của giai cấp tư sản, thời đại của thể chế đại nghị, của chế độ đầu phiếu mở rộng (nếu không phải phổ thông), của báo hàng ngày giá rẻ đi sâu vào quần chúng, v. v., thời đại của những hội liên hiệp mạnh mẽ và ngày một rộng rãi, những hội liên hiệp của công nhân và những hội liên hiệp của chủ xưởng, v. v., thời đại đó chứng tỏ một cách còn rõ rệt hơn rằng đấu tranh giai cấp (mặc dầu đôi lúc dưới một hình thức rất phiến diện, «hòa bình», «hiến chính») là động lực của những sự biến. Đoạn văn sau đây trong «Tuyên ngôn của Đảng cộng sản» chứng tỏ rằng Mác đòi hỏi khoa học xã hội phải phân tích một cách khách quan tình hình của từng giai cấp trong xã hội hiện đại, gắn liền với các điều kiện phát triển của giai cấp ấy: «Trong tất cả các giai cấp hiện đang đương đầu với giai cấp tư sản, chỉ có giai cấp vô sản là giai cấp thật sự cách mạng. Các giai cấp khác đều suy tàn và tiêu vong với sự phát triển của đại công nghiệp; trái lại, giai cấp vô sản là sản vật của bản thân đại công nghiệp. Các tầng lớp trung gian — tiểu chủ, tiểu thương, thợ thủ công, nông dân, — tất cả đều đấu tranh chống tư sản, vì giai cấp này là một mối đe dọa cho sự sống còn của họ với tính cách là tầng lớp trung gian. Cho nên họ không cách mạng, mà bảo thủ. Hơn thế, họ lại phản động: họ tìm cách làm cho bánh xe lịch sử quay ngược trở lại. Nếu họ là cách mạng thì cũng vì họ có cơ bị chuyển sang hàng ngũ giai cấp vô sản: lúc đó, họ bảo vệ lợi ích tương

lai của họ, chứ không phải bảo vệ lợi ích hiện tại của họ; họ bỏ quan điểm của chính họ, để đứng về quan điểm của giai cấp vô sản». Trong nhiều tác phẩm sử học (xem *Mục lục sách tham khảo*), Mác đã cho ta những tấm gương rực rỡ và sâu sắc về cách nghiên cứu lịch sử theo quan điểm duy vật, về cách phân tích địa vị của *từng* giai cấp và đôi lúc của các tập đoàn hay tầng lớp trong một giai cấp, vạch ra hết sức rõ vì sao và như thế nào mà «mọi cuộc đấu tranh giai cấp đều là đấu tranh chính trị»[22]. Đoạn văn chúng tôi vừa trích chứng tỏ rõ ràng tính chất phức tạp của hệ thống những quan hệ xã hội và những giai đoạn *quá độ* từ giai cấp này đến giai cấp khác, từ quá khứ đến tương lai, hệ thống mà Mác đã phân tích để xác định đúng cái hợp thành lực của sự phát triển lịch sử.

Lý luận của Mác được chứng minh và được vận dụng sâu sắc nhất, toàn diện nhất và tỉ mỉ nhất trong học thuyết kinh tế của ông.

Học thuyết kinh tế của Mác

Mác viết trong bài tựa cho bộ «Tư bản»: «Mục đích cuối cùng của bộ sách này là phát hiện ra quy luật kinh tế của sự vận động của xã hội hiện đại», nghĩa là của xã hội tư bản chủ nghĩa, của xã hội tư sản. Nghiên cứu sự phát sinh, phát triển và diệt vong của những quan hệ sản xuất của một xã hội nhất định trong lịch sử, đó là nội dung của học thuyết kinh tế của Mác. Cái đang thống trị xã hội tư bản chủ nghĩa, đó là sản xuất *hàng hóa*; cho nên sự phân tích của Mác bắt đầu từ việc phân tích hàng hóa.

GIÁ TRỊ

Hàng hóa, trước hết, là một vật thỏa mãn một nhu cầu nào đó của con người; sau nữa, là một vật mà người ta đem đổi lấy một vật khác. Công dụng của một vật làm cho vật đó có *giá trị sử dụng*. Giá trị trao đổi (hay gọi tắt là giá trị) trước hết là tỷ lệ, tỷ suất trao đổi một số giá trị sử dụng nhất định này lấy một số giá trị sử dụng nhất định khác. Kinh nghiệm hàng ngày cho ta thấy rằng hàng triệu, hàng tỷ việc trao đổi như thế luôn luôn định ra những tỷ lệ ngang giá giữa những giá trị sử dụng hết sức nhiều loại và hết sức khác nhau. Giữa những vật

khác nhau ấy, những vật luôn luôn được đem so sánh với nhau trong một hệ thống quan hệ xã hội nhất định, có cái gì giống nhau? Cái giống nhau giữa những vật ấy là ở chỗ chúng đều là *sản phẩm của lao động*. Khi trao đổi sản phẩm, người ta lập ra những tỷ lệ ngang giá giữa những loại lao động hết sức khác nhau. Sản xuất hàng hóa là một hệ thống quan hệ xã hội, trong đó những người sản xuất khác nhau tạo ra những sản phẩm khác nhau (phân công lao động trong xã hội) và làm cho những sản phẩm ấy ngang giá nhau khi trao đổi. Thế thì chỗ giống nhau giữa tất cả các hàng hóa không phải là lao động cụ thể của một ngành sản xuất nhất định, không phải là lao động thuộc một loại riêng biệt, mà là lao động *trừu tượng* của con người, lao động con người nói chung. Trong một xã hội nhất định, toàn bộ sức lao động, biểu hiện bằng tổng số giá trị của tất cả các hàng hóa, là cùng một sức lao động duy nhất của con người: hàng nghìn triệu việc trao đổi chứng minh điều đó. Cho nên từng hàng hóa riêng biệt cũng chỉ được biểu hiện bằng một phần nào đó của thời gian lao động *xã hội tất yếu*. Lượng của giá trị được quy định bởi số lượng lao động xã hội tất yếu, hoặc bởi thời gian lao động xã hội tất yếu để sản xuất ra một hàng hóa nhất định hay một giá trị sử dụng nhất định. «Khi xác định những sản phẩm khác nhau của họ là ngang nhau trong trao đổi thì qua đó họ (những người sản xuất) đã xác định rằng những lao động khác nhau của họ là ngang nhau. Họ đã làm như thế mà không biết» [23]. Một nhà kinh tế học thời trước đã nói: giá trị là một quan hệ giữa hai người; đáng lẽ ông ta phải nói thêm: một quan hệ ẩn dưới cái vỏ vật phẩm. Chỉ có xét cái hệ thống những quan hệ sản xuất xã hội của một hình thái lịch sử nhất định của xã hội, trước hết là những quan hệ biểu hiện ra trong trao đổi, hiện tượng phổ biến diễn đi diễn lại hàng nghìn triệu lần, người ta mới hiểu giá trị là cái gì. «Về mặt là giá trị, tất cả mọi hàng hóa đều chỉ là những số lượng nhất định của thời gian lao động đã kết tinh lại» [24]. Sau khi phân tích tỉ mỉ hai tính chất của lao động thể hiện trong hàng hóa, Mác chuyển sang phân tích những *hình thức của giá trị* và của *tiền*. Như thế, nhiệm vụ chính của Mác là nghiên cứu *nguồn gốc* của hình thức tiền tệ của giá trị, là nghiên cứu *quá trình lịch sử* của sự phát triển của trao đổi, bắt đầu từ những hành vi trao đổi riêng lẻ, ngẫu nhiên («hình thức giản đơn, riêng lẻ hay ngẫu nhiên của giá trị»: một số lượng nhất định của một hàng hóa này đổi lấy một số lượng nhất định của một hàng hóa khác) đến hình thức chung của giá trị, khi nhiều hàng hóa khác nhau đều đổi lấy cũng cùng một thứ hàng hóa nhất định, và cuối cùng đến

hình thức tiền tệ của giá trị, khi vàng xuất hiện thành thứ hàng hóa nhất định ấy, thành vật ngang giá chung. Là sản phẩm tột cùng của sự phát triển của trao đổi và của sản xuất hàng hóa, tiền làm lu mờ và che lấp tính chất xã hội của lao động cá nhân, tức là mối liên hệ xã hội giữa những người sản xuất khác nhau mà thị trường đã thống nhất với nhau. Mác phân tích hết sức cặn kẽ các chức năng khác nhau của tiền tệ, và cần chú ý rằng ngay cả ở đây (cũng như trong tất cả các chương đầu của bộ «Tư bản»), hình thức trừu tượng của bản trình bày, tuy đôi lúc hình như có tính chất thuần túy suy diễn, nhưng thật ra là ghi lại những tài liệu vô cùng phong phú về lịch sử phát triển của trao đổi và của sản xuất hàng hóa. «Việc trao đổi sản phẩm đã phải có hình thức lưu thông hàng hóa rồi thì tiền mới có thể ra đời được. Những chức năng khác nhau của tiền như là vật ngang giá đơn thuần, phương tiện lưu thông, phương tiện thanh toán, tiền tích trữ, quỹ dự trữ, v. v., đến lượt nó, đều chỉ rõ các giai đoạn rất khác nhau của sản xuất xã hội, tùy theo ưu thế của chức năng này so với chức năng kia» («Tư bản», I).

GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

Sản xuất hàng hóa phát triển đến một mức độ nhất định thì tiền biến thành tư bản. Công thức của lưu thông hàng hóa trước kia là: H (hàng hóa) — T (tiền) — H (hàng hóa), nghĩa là bán một hàng hóa để mua một hàng hóa khác. Trái lại, công thức chung của tư bản là T — H — T, nghĩa là mua để bán (có thêm lợi nhuận). Phần tăng thêm đó của giá trị lúc đầu của số tiền bỏ vào lưu thông, Mác gọi là giá trị thặng dư. Trong lưu thông tư bản chủ nghĩa, «sự tăng thêm» đó của tiền là một sự thật mà mọi người đều biết. Chính «sự tăng thêm» ấy biến tiền thành *tư bản*, tức là một quan hệ sản xuất xã hội đặc biệt, nhất định trong lịch sử. Giá trị thặng dư không thể do lưu thông hàng hóa mà có, vì lưu thông hàng hóa chỉ là việc trao đổi vật ngang giá; giá trị thặng dư cũng không thể do việc tăng giá cả mà có, vì lỗ và lãi của kẻ mua, người bán bù trừ cho nhau; đây là một hiện tượng chung, phổ biến, mang tính chất xã hội, không phải là một hiện tượng cá biệt. Muốn có giá trị thặng dư, «người có tiền phải tìm ra được trên thị trường một hàng hóa mà giá trị sử dụng có đặc tính là nguồn tạo ra giá trị»[25], một hàng hóa mà quá trình bị tiêu dùng cũng đồng thời là quá trình tạo ra giá trị. Và hàng hóa ấy thì có: đó là sức lao động của

con người. Tiêu dùng hàng hóa ấy, tức là lao động, mà lao động thì tạo ra giá trị. Người có tiền thì mua sức lao động theo đúng giá trị của nó, giá trị này, cũng như giá trị của bất cứ hàng hóa nào khác, được quy định bằng thời gian lao động xã hội tất yếu dùng để sản xuất ra nó (nghĩa là bằng số tiền chi phí để nuôi sống người công nhân và gia đình người đó). Mua sức lao động rồi, người có tiền có quyền tiêu dùng nó, nghĩa là buộc nó làm việc suốt ngày, 12 giờ chẳng hạn. Nhưng trong 6 giờ (thời gian lao động «tất yếu») người công nhân tạo ra một sản phẩm đủ bù lại số chi phí dùng để nuôi sống mình, và trong 6 giờ kia (thời gian lao động «thặng dư»), người công nhân tạo ra một sản phẩm «thặng dư» không được nhà tư bản trả công, đó là giá trị thặng dư. Do đó, đứng về phương diện quá trình sản xuất mà xét, phải phân biệt hai bộ phận của tư bản: tư bản bất biến chỉ dùng vào tư liệu sản xuất (máy móc, công cụ lao động, nguyên liệu, v. v.) mà giá trị chuyển nguyên vẹn vào thành phẩm (chuyển một lúc hay chuyển từng phần), và tư bản khả biến dùng trả công cho sức lao động. Giá trị của tư bản khả biến này không phải không thay đổi; nó tăng thêm trong quá trình lao động, bằng cách tạo ra giá trị thặng dư. Cho nên, muốn nói lên trình độ tư bản bóc lột sức lao động, thì phải so sánh giá trị thặng dư với riêng tư bản khả biến thôi, chứ không phải với toàn bộ tư bản. Trong ví dụ nói trên, thì tỷ suất giá trị thặng dư — đây là tên mà Mác đặt cho tỷ lệ đó — sẽ là: $^6/_6$, hay là 100%.

Tiền đề lịch sử khiến cho tư bản xuất hiện là: 1) sự tích lũy một số tiền nào đó trong tay những tư nhân, ở một giai đoạn phát triển sản xuất hàng hóa nói chung tương đối cao; 2) có những công nhân «tự do» về hai phương diện: tự do không bị bó buộc hạn chế gì cả trong việc bán sức lao động của mình, và tự do vì không có ruộng đất và không có tư liệu sản xuất nói chung; tức là những công nhân không có chủ, những công nhân «vô sản» chỉ có thể sống được bằng cách bán sức lao động của mình thôi.

Việc tăng thêm giá trị thặng dư có thể thực hiện được bằng hai phương pháp chủ yếu là: kéo dài ngày lao động («giá trị thặng dư tuyệt đối») và rút bớt thời gian lao động tất yếu («giá trị thặng dư tương đối»). Khi phân tích phương pháp thứ nhất, Mác phác ra một bức tranh vĩ đại tả cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân đòi rút ngắn ngày lao động và việc chính quyền nhà nước can thiệp để kéo dài (thế kỷ XIV đến XVII) hay để giảm bớt thời gian ấy đi (luật công xưởng hồi thế kỷ XIX). Từ khi bộ «Tư bản» ra đời, lịch sử phong trào công nhân trong tất cả các

nước văn minh đã cung cấp hàng nghìn, hàng vạn sự kiện mới minh họa cho bức tranh đó.

Khi phân tích sự sản xuất ra giá trị thặng dư tương đối, Mác đã nghiên cứu ba giai đoạn lịch sử cơ bản trong đó chủ nghĩa tư bản đã tăng thêm năng suất lao động: 1) hợp tác giản đơn; 2) sự phân công lao động và công trường thủ công; 3) máy móc và đại công nghiệp. Mức độ phân tích sâu sắc của Mác đã vạch ra những đặc điểm cơ bản và điển hình của sự phát triển của chủ nghĩa tư bản đã được xác minh bởi việc nghiên cứu cái công nghiệp mệnh danh là «công nghiệp thủ công» ở Nga, việc nghiên cứu này đã cung cấp được rất nhiều tài liệu minh họa cho hai giai đoạn đầu. Còn tác dụng cách mạng của đại công nghiệp cơ khí mà Mác mô tả năm 1867, thì đã biểu lộ ra trong suốt nửa thế kỷ từ đó đến nay ở hàng loạt nước «mới» (Nga, Nhật, v. v.).

Sau nữa, điều hết sức mới mẻ và quan trọng là sự phân tích của Mác về *việc tích lũy tư bản*, nghĩa là việc chuyển hóa một phần giá trị thặng dư thành tư bản và việc lại sử dụng phần đó vào quá trình sản xuất mới, chứ không sử dụng để thỏa mãn nhu cầu cá nhân hay sở thích của nhà tư bản. Mác đã vạch ra sai lầm của toàn bộ chính trị kinh tế học cổ điển trước kia (kể từ A-đam Xmít) cho rằng toàn bộ phần giá trị thặng dư đã chuyển hóa thành tư bản đều trở thành tư bản khả biến cả. Nhưng thật ra, nó phân ra thành: *tư liệu sản xuất* cộng với tư bản khả biến. Phần tư bản bất biến (trong tổng số tư bản) tăng lên nhanh hơn so với phần tư bản khả biến, điều đó có một tầm quan trọng hết sức to lớn trong quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản và trong quá trình chủ nghĩa tư bản chuyển biến thành chủ nghĩa xã hội.

Khi đẩy nhanh quá trình máy móc loại trừ công nhân và khi tạo ra sự giàu có ở cực này và sự cùng khổn ở cực kia, thì việc tích lũy tư bản cũng đẻ ra cái mà người ta gọi là «đạo quân lao động trừ bị», số công nhân «thừa tương đối» hay «nạn nhân khẩu thừa tư bản chủ nghĩa»; đạo quân này có những hình thức hết sức khác nhau và giúp cho tư bản có khả năng mở rộng sản xuất hết sức nhanh chóng. Khả năng ấy, cùng với tín dụng và việc tích lũy tư bản bằng tư liệu sản xuất, làm cho chúng ta hiểu được *những cuộc khủng hoảng* sản xuất thừa thường xảy ra theo chu kỳ trong các nước tư bản chủ nghĩa, trước hết cứ độ 10 năm một lần, rồi sau, trong những khoảng thời gian dài hơn và ít có tính định kỳ hơn. Phải phân biệt tích lũy tư bản trên cơ sở chủ nghĩa tư bản, với tích lũy gọi là tích lũy nguyên thủy: dùng bạo lực để tách người lao động khỏi tư liệu sản xuất, đuổi nông dân ra khỏi ruộng đất

của họ, cướp ruộng đất công xã, chế độ thuộc địa, công trái, thuế quan bảo hộ, v. v.. «Tích lũy nguyên thủy» tạo ra, ở cực này là giai cấp vô sản «tự do», ở cực kia là kẻ nắm tiền bạc trong tay, tức nhà tư bản.

Mác nói về *«xu hướng lịch sử của tích lũy tư bản chủ nghĩa»* bằng những câu nổi tiếng như sau: «Việc tước đoạt những người sản xuất trực tiếp đã được tiến hành bằng một lối phá hoại tàn nhẫn, dưới sự thúc đẩy của những động cơ bỉ ổi nhất, những tham vọng bẩn thỉu nhất, nhỏ nhen nhất và điên cuồng nhất. Tài sản tư hữu, kiếm được do lao động cá nhân» (của nông dân và thợ thủ công), «và dựa trên, có thể nói là, sự kết hợp người lao động cá thể và độc lập với những điều kiện bên ngoài của lao động, sẽ bị thay thế bởi tài sản tư hữu tư bản chủ nghĩa dựa trên sự bóc lột lao động của những người khác, chỉ tự do trên hình thức... Bây giờ thì bị tước đoạt, không phải là người công nhân tự kinh doanh nữa mà là nhà tư bản, người bóc lột nhiều công nhân. Sự tước đoạt đó được thực hiện bởi tác dụng của những quy luật nội tại của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, bởi sự tập trung tư bản. Một nhà tư bản bóp chết nhiều nhà tư bản. Phát triển song song với việc tập trung tư bản ấy, nghĩa là với tình trạng nhiều nhà tư bản bị một nhúm nhà tư bản khác tước đoạt, thì có hình thức hợp tác của quá trình lao động — hình thức này ngày càng mở rộng, — áp dụng một cách có ý thức khoa học vào kỹ thuật, kinh doanh ruộng đất một cách có kế hoạch, biến tư liệu lao động thành tư liệu mà chỉ có dùng chung mới có hiệu quả, tiết kiệm toàn bộ tư liệu sản xuất do chỗ dùng những tư liệu sản xuất đó như những tư liệu sản xuất của một lao động xã hội liên hợp, nhân dân tất cả các nước gia nhập hệ thống thị trường thế giới, và, do đó, có tính chất quốc tế của chế độ tư bản chủ nghĩa. Số trùm tư bản chiếm đoạt và độc quyền mọi lợi ích của quá trình biến đổi đó càng giảm đi thì sự khốn cùng, ách áp bức, ách nô lệ, sự thoái hóa, sự bóc lột càng tăng lên, nhưng sự phẫn nộ của giai cấp công nhân, — là giai cấp không ngừng lớn lên về số lượng và được chính ngay cơ cấu của quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa rèn luyện, liên hợp và tổ chức lại — cũng càng tăng lên. Độc quyền của tư bản trở thành một trở ngại cho phương thức sản xuất đã lớn lên cùng với và dưới độc quyền đó. Việc tập trung tư liệu sản xuất và việc xã hội hóa lao động đã đạt đến một trình độ mà chúng không còn thích hợp với cái vỏ tư bản chủ nghĩa của chúng nữa. Cái vỏ ấy vỡ ra. Giờ cuối cùng của chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa đã điểm. Những kẻ đi tước đoạt bị tước đoạt» («Tư bản», I).

Sau nữa, điều cực kỳ mới mẻ và quan trọng là sự phân tích của Mác trong bộ «Tư bản», quyển II, về việc tái sản xuất ra tổng tư bản xã hội. Ở đây cũng vậy, Mác xét một hiện tượng phổ biến, chứ không xét một hiện tượng cá biệt, xét toàn bộ nền kinh tế xã hội, chứ không xét một bộ phận của nền kinh tế đó. Sửa lại sai lầm nói trên của các nhà cổ điển, Mác chia toàn bộ sản xuất xã hội ra làm hai bộ phận lớn: I) sản xuất tư liệu sản xuất và II) sản xuất vật phẩm tiêu dùng; sau đó, dùng những ví dụ bằng số liệu, ông nghiên cứu tỉ mỉ lưu thông của tổng tư bản xã hội cả trong tái sản xuất theo quy mô cũ, lẫn trong tích lũy. Trong quyển III của bộ «Tư bản», vấn đề sự hình thành của tỷ suất lợi nhuận trung bình đã được giải quyết trên cơ sở quy luật giá trị. Bước tiến lớn trong khoa học kinh tế, bước tiến mà Mác là đại biểu, là ở chỗ sự phân tích đã xuất phát từ những hiện tượng kinh tế phổ biến, từ toàn bộ nền kinh tế xã hội, chứ không phải từ những trường hợp riêng lẻ hay từ vẻ bề ngoài của sự cạnh tranh, như chính trị kinh tế học tầm thường hoặc «thuyết hữu dụng giới hạn»[26] hiện đại thường vẫn chỉ làm như vậy. Trước hết, Mác phân tích nguồn gốc của giá trị thặng dư, rồi sau đó, mới nhận xét đến việc giá trị thặng dư phân thành lợi nhuận, lợi tức và địa tô. Lợi nhuận là tỷ lệ của giá trị thặng dư so với toàn bộ tư bản bỏ vào một xí nghiệp. Tư bản «cấu thành hữu cơ cao» (nghĩa là khi tư bản bất biến lớn hơn tư bản khả biến theo một tỷ lệ cao hơn tỷ lệ trung bình của tư bản xã hội) mang lại một tỷ suất lợi nhuận dưới mức trung bình. Tư bản «cấu thành hữu cơ thấp» thì mang lại một tỷ suất lợi nhuận trên mức trung bình. Trong cả hai trường hợp, sự cạnh tranh giữa những tư bản, việc những tư bản đó tự do chuyển từ ngành này sang ngành khác, đều làm cho tỷ suất lợi nhuận ngang với tỷ suất lợi nhuận trung bình. Tổng giá trị tất cả những hàng hóa trong một xã hội nhất định thì bằng tổng giá cả hàng hóa, nhưng trong mỗi xí nghiệp và trong mỗi ngành sản xuất riêng biệt, cạnh tranh làm cho hàng hóa không được bán theo giá trị của nó, mà theo *giá cả sản xuất*, tức là, bằng tư bản đã bỏ ra cộng với lợi nhuận trung bình.

Do đó, tình trạng giá cả chênh lệch với giá trị và tình trạng bình quân hóa lợi nhuận, — tình trạng này không ai chối cãi được và ai cũng biết,— đã được Mác giải thích một cách đầy đủ trên cơ sở quy luật giá trị, vì tổng số giá trị của tất cả các hàng hóa thì bằng tổng số giá cả của những hàng hóa đó. Nhưng việc giá trị (xã hội) chuyển hóa thành giá cả (cá biệt) không tiến hành một cách giản đơn và trực tiếp, mà lại theo một con đường rất phức tạp: hoàn toàn tự nhiên là trong một xã hội gồm

những người sản xuất hàng hóa sống phân tán, chỉ liên hệ với nhau bằng thị trường, thì tính quy luật chỉ có thể biểu hiện thành tính quy luật trung bình, xã hội, phổ biến, thông qua sự bù trừ lẫn nhau giữa những chênh lệch cá biệt về phía này và về phía kia.

Năng suất lao động tăng lên có nghĩa là tư bản bất biến tăng lên nhanh hơn tư bản khả biến. Nhưng vì giá trị thặng dư là tùy thuộc chỉ vào tư bản khả biến thôi, nên ai cũng thấy rằng tỷ suất lợi nhuận (tỷ lệ của giá trị thặng dư so với toàn bộ tư bản, chứ không phải chỉ so với phần khả biến) có xu hướng hạ thấp xuống. Mác phân tích tỉ mỉ xu hướng ấy, và cả những hoàn cảnh che đậy nó hay làm trở ngại nó. Chúng ta sẽ không nhắc lại đây những chương rất hay của quyển III chuyên nói về tư bản cho vay nặng lãi, tư bản thương nghiệp và tư bản tiền tệ, mà chúng ta sẽ nói đến vấn đề chủ yếu này là: lý luận về *địa tô*. Vì diện tích đất đai là có hạn, và trong các nước tư bản chủ nghĩa, thì lại hoàn toàn bị tư nhân chiếm hữu, nên giá cả sản xuất các sản phẩm nông nghiệp là do chi phí sản xuất trên một thửa đất không thuộc hạng trung mà thuộc hạng xấu nhất quyết định, và do điều kiện vận tải không phải trung bình mà là xấu nhất để đưa sản phẩm đến thị trường quyết định. Chênh lệch giữa giá cả ấy và giá cả sản xuất trên những thửa đất hạng tốt (hay có những điều kiện thuận lợi nhất) là địa tô *chênh lệch*. Phân tích tỉ mỉ địa tô đó, chứng minh rằng địa tô ấy sinh ra từ sự khác nhau về độ phì nhiêu giữa các ruộng đất và từ sự khác nhau về tư bản bỏ vào việc khai thác đất đai, Mác đã hoàn toàn vạch rõ (xem thêm «Các học thuyết về giá trị thặng dư», trong đó đoạn phê bình Rốt-béc-tút đáng được đặc biệt chú ý) sai lầm của Ri-các-đô là người cho rằng sở dĩ có địa tô chênh lệch, đó chỉ là vì những đất tốt dần dần biến thành những đất xấu. Trái lại, có những sự biến đổi ngược lại, những đất thuộc một loại này biến thành một loại khác (do sự tiến bộ của kỹ thuật nông nghiệp, do sự phát triển của các thành thị, v. v.) và cái «quy luật ruộng đất giảm màu mỡ» nổi tiếng ấy, — cái quy luật toàn đem những khuyết điểm, tính hạn chế và những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản đổ cho giới tự nhiên, — là sai lầm lớn. Sau nữa, sự bình quân hóa lợi nhuận trong mọi ngành công nghiệp và kinh tế quốc dân nói chung đòi hỏi phải có tự do cạnh tranh hoàn toàn, tự do chuyển dịch tư bản từ ngành này sang ngành khác. Nhưng chế độ tư hữu về đất đai lại tạo ra một thứ độc quyền và một trở ngại cho sự tự do chuyển dịch ấy. Do độc quyền đó, nên sản phẩm của ngành nông nghiệp, là ngành rõ rệt có cấu thành hữu cơ tư bản thấp hơn và, do

đó, có tỷ suất lợi nhuận cá biệt cao hơn, không gia nhập quá trình hoàn toàn tự do bình quân hóa tỷ suất lợi nhuận; người có ruộng đất, với tư cách là người nắm độc quyền, có thể giữ giá cả ở trên mức trung bình, và giá cả độc quyền đó đẻ ra địa tô *tuyệt đối*. Dưới điều kiện của chủ nghĩa tư bản thì không thể xóa bỏ được địa tô chênh lệch, nhưng *có thể* xóa bỏ được địa tô tuyệt đối, ví dụ, bằng cách quốc hữu hóa đất đai, bằng cách chuyển những đất đai này thành sở hữu nhà nước. Chuyển như thế có nghĩa là phá hoại độc quyền của những người tư hữu, là thiết lập một sự tự do cạnh tranh triệt để hơn và hoàn toàn hơn trong nông nghiệp. Mác nói, đó là lẽ tại sao, trong lịch sử, những người tư sản cấp tiến đã nhiều lần đề ra yêu sách tư sản, tiến bộ, là quốc hữu hóa đất đai; yêu sách này, tuy vậy, cũng làm cho đa số trong giai cấp tư sản hoảng sợ, vì nó «chạm» rất sát đến một độc quyền khác hiện nay đặc biệt quan trọng và «nhạy cảm»: độc quyền về tư liệu sản xuất nói chung. (Mác trình bày lý luận về lợi nhuận trung bình do tư bản mang lại và về địa tô tuyệt đối bằng những lời lẽ rất đại chúng, khúc chiết và sáng sủa trong bức thư gửi Ăng-ghen ngày 2 tháng Tám 1862. Xem «Thư trao đổi», t. III, tr. 77 - 81 và cả bức thư của Mác ngày 9 tháng Tám 1862, như trên tr. 86 - 87.) Về lịch sử địa tô, cũng cần nêu lên đoạn phân tích của Mác vạch rõ sự biến đổi địa tô lao động (khi nông dân cày cấy đất đai của địa chủ tạo ra một sản phẩm thặng dư) thành địa tô sản phẩm hay địa tô hiện vật (khi nông dân tạo ra trên thửa đất của mình một sản phẩm thặng dư mà do «sự cưỡng bách phi kinh tế» người nông dân đó phải đem nộp cho địa chủ) rồi thành địa tô tiền (chính địa tô hiện vật ấy biến thành tiền — ở nước Nga cũ gọi là «ô-bơ-rốc» — do sự phát triển của nền sản xuất hàng hóa), và cuối cùng thành địa tô tư bản chủ nghĩa, khi mà, trong nông nghiệp, thay chân người nông dân là nhà tư bản dùng công nhân làm thuê để khai thác đất đai. Nói đến sự phân tích ấy về «nguồn gốc của địa tô tư bản chủ nghĩa», chúng ta cũng nêu ra một loạt tư tưởng sâu sắc của Mác (đặc biệt quan trọng cho những nước lạc hậu như nước Nga) về *sự tiến triển của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp*. «Cùng với sự chuyển biến của địa tô hiện vật thành địa tô tiền, thì nhất thiết là cùng một lúc, thậm chí trước cả lúc đó nữa, cũng hình thành một giai cấp những người làm công nhật tay không và đi làm thuê lấy tiền. Trong thời kỳ giai cấp ấy hình thành, khi giai cấp ấy xuất hiện dưới trạng thái hãy còn có tính chất cá biệt, thì những nông dân khá giả, buộc phải nộp địa tô, tất nhiên sinh ra thói quen bóc lột những công nhân

nông nghiệp làm thuê, giống hệt như dưới chế độ phong kiến, những nông nô giàu chính họ cũng có những nông nô khác. Do đó, những nông dân ấy có thể dần dần góp nhặt được một số của cải nhất định và có thể biến thành những người tư bản sau này. Thế là, trong đám người trước kia có ruộng đất kinh doanh độc lập, nảy sinh ra một vườn ươm những phéc-mi-ê tư bản chủ nghĩa, mà điều kiện phát triển của họ là tùy thuộc vào sự phát triển chung của sản xuất tư bản chủ nghĩa ở bên ngoài phạm vi nông nghiệp» («Tư bản», III², 332)... «Sự tước đoạt và đuổi một bộ phận nông dân không những «giải phóng» được cho tư bản công nghiệp những công nhân, tư liệu sinh hoạt và tư liệu lao động của họ mà còn tạo ra thị trường trong nước nữa» («Tư bản», I², 778). Đến lượt nó, sự bần cùng hóa và sự phá sản của dân cư nông thôn lại tạo ra đạo quân lao động trù bị cho tư bản. Trong bất cứ nước tư bản chủ nghĩa nào, «một phần nhân khẩu nông thôn cũng do đó mà luôn luôn ở vào chỗ biến thành dân cư thành thị hay dân cư công trường thủ công (nghĩa là phi nông nghiệp), cái nguồn dân cư thừa tương đối ấy cứ trôi đi mãi... Bởi vậy, người công nhân nông nghiệp buộc phải nhận số tiền công tối thiểu và luôn luôn có một chân ở trong vũng bùn của sự bần khốn» («Tư bản», I², 668). Quyền tư hữu của nông dân đối với ruộng đất mà anh ta cày cấy, là cơ sở của nền sản xuất nhỏ, là điều kiện cho nền sản xuất nhỏ ấy phồn thịnh và đạt tới một hình thức điển hình. Nhưng nền sản xuất nhỏ ấy chỉ phù hợp với những khuôn khổ nguyên thủy chật hẹp của sản xuất và của xã hội thôi. Trong chế độ tư bản chủ nghĩa, «sự bóc lột nông dân chỉ khác sự bóc lột giai cấp vô sản công nghiệp về hình thức mà thôi. Kẻ bóc lột vẫn là một: tư bản. Những người tư bản cá biệt bóc lột những nông dân cá biệt bằng việc cầm cố và cho vay nặng lãi. Giai cấp tư bản bóc lột giai cấp nông dân bằng sưu thuế nhà nước» («Đấu tranh giai cấp ở Pháp»). «Mảnh đất nhỏ của người nông dân chỉ còn là lý do cho nhà tư bản bòn rút ở ruộng đất ra lợi nhuận, lợi tức và địa tô và bỏ mặc cho nông dân tự mình làm sao xoay sở kiếm được tiền công thì làm» («Ngày 18 tháng Sương mù»). Thường thường, người nông dân phải nộp cho xã hội tư bản chủ nghĩa, nghĩa là cho giai cấp bọn tư bản, ngay cả một phần tiền công của mình và do đó rơi «vào hoàn cảnh của người tá điền Ai-rơ-len, mặc dầu anh ta vẫn mang danh là người tư hữu» («Đấu tranh giai cấp ở Pháp»). «Một trong những lý do làm cho giá lúa ở những nước mà chế độ sở hữu ruộng đất tiểu nông chiếm ưu thế hạ hơn ở những nước có phương thức sản xuất tư bản

chủ nghĩa» là gì? («Tư bản», III[2], 340). Là ở chỗ người nông dân nộp không cho xã hội (nghĩa là cho giai cấp bọn tư bản) một phần sản phẩm thặng dư. «Vậy cái giá hạ ấy (của lúa và các nông phẩm khác) là kết quả của tình trạng nghèo khổ của những người sản xuất, chứ không phải là kết quả của năng suất lao động của họ» («Tư bản», III[2], 340). Trong chế độ tư bản chủ nghĩa, chế độ tiểu tư hữu ruộng đất, hình thức thông thường của tiểu sản xuất, bị suy sụp, tiêu điều và diệt vong. «Do bản chất của nó, chế độ tư hữu những mảnh ruộng nhỏ loại trừ: sự phát triển của lực lượng sản xuất xã hội của lao động, những hình thức xã hội của lao động, sự tích tụ xã hội của tư bản, việc chăn nuôi đại quy mô, việc áp dụng khoa học ngày một nhiều. Nợ lãi nặng và chế độ thuế khóa nhất định làm cho nó bị phá sản ở khắp nơi. Tư bản bỏ ra để mua ruộng đất không được dùng vào việc trồng trọt. Tư liệu sản xuất bị phân tán đến cực độ và bản thân người sản xuất thì sống lề tề». (Hợp tác xã, tức tổ chức của những người tiểu nông, mặc dầu có một tác dụng tư sản hết sức tiến bộ, nhưng vẫn chỉ có thể làm yếu chứ không thủ tiêu được xu thế ấy; cũng đừng nên quên rằng những hợp tác xã ấy có lợi nhiều cho những nông dân khá giả, chứ rất ít hay hầu như không có lợi gì cho quần chúng nông dân nghèo, và sau nữa, bản thân những tổ chức ấy rồi cũng đi tới chỗ bóc lột lao động làm thuê.) «Sức người bị lãng phí rất lớn. Điều kiện sản xuất ngày càng xấu đi và tư liệu sản xuất đắt thêm lên, đó là quy luật của chế độ sở hữu ruộng đất manh mún (nhỏ)». Trong nông nghiệp cũng như trong công nghiệp, chủ nghĩa tư bản cải tạo quá trình sản xuất chỉ bằng cách «hy sinh những người sản xuất». «Tình trạng những người lao động nông nghiệp ở phân tán trên những diện tích rộng lớn, làm suy yếu sức phản kháng của họ, còn tình trạng ở tập trung làm tăng sức phản kháng của công nhân thành thị lên. Trong nông nghiệp hiện đại, tư bản chủ nghĩa, cũng như trong công nghiệp hiện đại, việc tăng sức sản xuất của lao động và tính lưu động cao của lao động chỉ có thể đổi được bằng một cái giá là phá hoại và làm cạn bản thân sức lao động. Ngoài ra, mỗi bước tiến trong nông nghiệp tư bản chủ nghĩa không phải chỉ là một bước tiến trong nghệ thuật bóc lột người lao động, mà còn là một bước tiến trong nghệ thuật bóc lột ruộng đất nữa... Cho nên sản xuất tư bản chủ nghĩa chỉ phát triển kỹ thuật và sự liên hợp trong quá trình sản xuất xã hội, bằng cách đồng thời làm kiệt quệ cả hai nguồn sinh ra mọi của cải: ruộng đất và người lao động» («Tư bản», I, cuối chương 13).

Chủ nghĩa xã hội

Do những điều nói trên, ta thấy rằng Mác hoàn toàn dựa vào và chỉ dựa vào những quy luật kinh tế của sự vận động của xã hội hiện đại mà kết luận rằng xã hội tư bản chủ nghĩa nhất định sẽ phải chuyển biến thành xã hội xã hội chủ nghĩa. Việc xã hội hóa lao động,— ngày càng tiến nhanh thêm dưới muôn vàn hình thức, và trong nửa thế kỷ vừa qua, từ khi Mác mất, — đã biểu hiện đặc biệt rõ ràng ở sự phát triển của đại công nghiệp, của những các-ten, xanh-đi-ca, tơ-rớt tư bản chủ nghĩa và cả ở sự phát triển ghê gớm của quy mô và thế lực tư bản tài chính, — đấy là cơ sở vật chất chủ yếu cho sự ra đời không thể tránh khỏi của chủ nghĩa xã hội. Động lực trí tuệ và tinh thần của sự chuyển biến đó, lực lượng thể lực thi hành sự chuyển biến đó, là giai cấp vô sản, giai cấp đã được bản thân chủ nghĩa tư bản bồi dưỡng. Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản, — biểu hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, những hình thức có nội dung ngày càng phong phú, — nhất định biến thành một cuộc đấu tranh chính trị của giai cấp vô sản nhằm giành chính quyền («chuyên chính vô sản»). Việc xã hội hóa sản xuất không thể không dẫn tới việc chuyển tư liệu sản xuất thành tài sản xã hội, tới «việc tước đoạt những kẻ đi tước đoạt». Năng suất lao động tăng lên rất nhiều, thời gian lao động được rút ngắn lại, lao động tập thể hoàn thiện thay thế cho dấu vết, cho tàn tích của tiểu sản xuất thô sơ và phân tán, — đó là kết quả trực tiếp của sự chuyển biến nói trên. Chủ nghĩa tư bản cắt đứt hẳn mối liên hệ giữa nông nghiệp và công nghiệp, nhưng đồng thời, do nó phát triển đến một trình độ cao, nó cũng chuẩn bị những nhân tố mới cho mối liên hệ ấy: sự kết hợp giữa công nghiệp với nông nghiệp trên cơ sở áp dụng khoa học một cách có ý thức, trên cơ sở sự liên hợp của lao động tập thể, trên cơ sở phân phối lại dân cư (chấm dứt tình trạng nông thôn sống biệt lập, bị bỏ rơi, dã man, cũng như tình trạng dân cư tập hợp cực kỳ đông đảo ở những thành trị lớn). Những hình thức cao nhất của chủ nghĩa tư bản hiện đại chuẩn bị một hình thức gia đình mới, những điều kiện mới cho địa vị của phụ nữ và cho việc giáo dục những thế hệ trẻ: trong xã hội hiện đại lao động của phụ nữ và trẻ con, sự tan rã của gia đình gia trưởng do chủ nghĩa tư bản gây nên đều không tránh khỏi có những hình thức khủng khiếp nhất, tai hại nhất và ghê tởm nhất. Tuy nhiên «khi giao cho phụ nữ, cho thanh niên và trẻ con nam nữ một vai trò quyết định trong quá trình sản xuất có tổ chức và có tính chất xã hội,

ngoài phạm vi gia đình, như thế là đại công nghiệp cũng tạo ra cơ sở kinh tế cho một hình thức gia đình cao hơn và hình thức quan hệ nam nữ cao hơn. Cho rằng hình thức gia đình kiểu Giéc-manh cơ đốc giáo là tuyệt đối và vĩnh viễn thì cũng vô lý chẳng khác gì cho rằng những hình thức gia đình La-mã cổ, Hy-lạp cổ và phương Đông, là tuyệt đối và vĩnh viễn; thật ra những hình thức gia đình đó hợp thành một loạt khâu của dây xích duy nhất trong sự phát triển lịch sử. Cũng rõ ràng là ngay cả cái việc tập hợp những cá nhân cả nam lẫn nữ đủ lứa tuổi thành nhóm lao động kết hợp, việc đó tuy dưới hình thức tự phát, tàn bạo, tư bản chủ nghĩa của nó — dưới hình thức này người công nhân tồn tại vì quá trình sản xuất, chứ không phải quá trình sản xuất tồn tại vì người công nhân — thì nó là cái nguồn ghê gớm sinh ra sự bại hoại và ách nô lệ, nhưng trong những điều kiện thích hợp, nó nhất định biến đổi ngược lại thành cái nguồn của sự phát triển nhân đạo» («Tư bản», I, cuối chương 13). Chế độ công xưởng cho chúng ta thấy cái «mầm mống của nền giáo dục tương lai, một nền giáo dục sẽ kết hợp lao động sản xuất với học tập và thể dục cho tất cả các trẻ em trên một hạn tuổi nào đó, nó không phải chỉ là một phương pháp để làm tăng thêm sản xuất xã hội mà còn là một phương pháp duy nhất để tạo ra những con người được phát triển toàn diện» (như trên). Cũng chính trên cơ sở lịch sử ấy mà chủ nghĩa xã hội của Mác đề ra vấn đề dân tộc và vấn đề nhà nước, không phải chỉ để giải thích quá khứ, mà còn để dự kiến tương lai một cách mạnh dạn và thực hiện dự kiến ấy bằng hành động dũng cảm. Dân tộc là sản vật và hình thức tất nhiên của thời đại tư sản trong quá trình phát triển của xã hội. Giai cấp công nhân không thể mạnh lên được, không thể trưởng thành và thành hình được nếu không «tự cấu thành trong phạm vi dân tộc», nếu không «có tính chất dân tộc» («tuy nhiên tính chất dân tộc đây hoàn toàn không phải là hiểu theo nghĩa tư sản»). Nhưng, sự phát triển của chủ nghĩa tư bản không ngừng phá vỡ ranh giới dân tộc, phá hủy sự biệt lập dân tộc, thay thế những đối kháng dân tộc bằng những đối kháng giai cấp. Vì thế trong các nước tư bản chủ nghĩa đã phát triển thì điều sau đây hoàn toàn là một chân lý: «công nhân không có tổ quốc», và ít ra trong những nước văn minh, «hành động chung» của họ «là một trong những điều kiện đầu tiên để giải phóng giai cấp vô sản» («Tuyên ngôn của Đảng cộng sản»[27]). Nhà nước, tức cơ quan bạo lực có tổ chức, nhất định phải xuất hiện khi xã hội đã phát triển đến một trình độ nhất định, lúc mà xã hội đã phân hóa thành giai cấp không thể điều hòa, lúc mà xã

hội không thể tồn tại được nếu không có một «quyền lực» tựa hồ như đứng lên trên xã hội và tách rời xã hội đến một mức độ nào đó. Phát sinh từ những mâu thuẫn giai cấp, nhà nước trở thành «nhà nước của giai cấp mạnh nhất, của giai cấp thống trị về mặt kinh tế, cái giai cấp mà, nhờ có nhà nước, cũng trở nên giai cấp thống trị cả về mặt chính trị và do đó lại có thêm những thủ đoạn mới để khống chế và bóc lột giai cấp bị áp bức. Chẳng hạn, nhà nước thời cổ, trước hết là nhà nước của chủ nô dùng để khống chế nô lệ; nhà nước phong kiến là cơ quan của quý tộc dùng để khống chế nông nô, và nhà nước đại nghị hiện đại là một công cụ để cho tư bản bóc lột lao động làm thuê» (Ph. Ăng-ghen: «Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước», trong đó Ăng-ghen trình bày quan điểm của ông và của Mác)[28]. Ngay cả hình thức tự do nhất và tiến bộ nhất của nhà nước tư sản là nhà nước cộng hòa dân chủ cũng không hề xóa bỏ hiện tượng đó, mà chỉ thay đổi hình thức của hiện tượng đó đi thôi (liên hệ giữa chính phủ và sở giao dịch, việc mua chuộc trực tiếp và gián tiếp các viên chức và báo chí, v. v.). Trong khi dẫn đến chỗ xóa bỏ các giai cấp thì chủ nghĩa xã hội, do đó, cũng dẫn tới chỗ xóa bỏ cả nhà nước nữa. Trong tác phẩm «Chống Đuy-rinh», Ăng-ghen viết: «Hành động đầu tiên, qua đó nhà nước thật sự tỏ ra là đại biểu của toàn thể xã hội, — sự tước đoạt tư liệu sản xuất vì lợi ích của toàn thể xã hội, — đồng thời cũng là hành động độc lập cuối cùng của mình với tư cách là nhà nước. Việc chính quyền nhà nước can thiệp vào các quan hệ xã hội sẽ trở thành thừa từ lĩnh vực này qua lĩnh vực kia và sẽ tự đình chỉ. Việc quản lý người sẽ nhường chỗ cho việc quản lý vật và việc chỉ đạo quá trình sản xuất. Nhà nước không bị «xóa bỏ», nó sẽ tự tiêu vong»[29]. «Cái xã hội mà tổ chức sản xuất trên cơ sở những tổ chức liên hợp tự do và bình đẳng của những người sản xuất, sẽ xếp toàn bộ bộ máy nhà nước vào chỗ lúc đó dành riêng cho bộ máy đó: vào viện bảo tàng đồ cổ, bên cạnh cái xa quay sợi và chiếc búa bằng đồng» (Ph. Ăng-ghen: «Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước»[30]).

Cuối cùng, về vấn đề thái độ của chủ nghĩa xã hội của Mác đối với tiểu nông, là những người còn tồn tại trong thời kỳ tước đoạt những kẻ đi tước đoạt, thì chúng ta cần nêu ra lời tuyên bố của Ăng-ghen nói lên tư tưởng của Mác: «Khi chúng ta nắm được chính quyền nhà nước rồi, chúng ta sẽ không thể nghĩ đến việc dùng bạo lực để tước đoạt tiểu nông (dù có hoặc không bồi thường cũng vậy), như chúng ta sẽ buộc phải làm đối với bọn địa chủ. Nhiệm vụ của chúng ta đối với

tiểu nông, trước hết, sẽ là hướng sản xuất tư nhân và tài sản tư hữu của họ vào con đường làm ăn hợp tác, không phải bằng cách cưỡng bức mà bằng cách nêu gương và bằng cách đề ra biện pháp xã hội giúp đỡ để thực hiện mục đích ấy. Cố nhiên, lúc đó chúng ta sẽ có khá đủ biện pháp để chỉ cho tiểu nông thấy tất cả những tính ưu việt của sự chuyển hướng đó mà ngay từ bây giờ chúng ta đã phải giải thích cho họ hiểu rồi»[31] (Ph. Ăng-ghen: «Về vấn đề ruộng đất ở phương Tây». Nhà xuất bản A-lếch-xê-ê-va, tr. 17. Bản dịch ra tiếng Nga có những chỗ sai. Xem nguyên bản trong tờ «Neue Zeit»[32]).

Sách lược đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản

Đã thấy rõ được, ngay từ 1844 - 1845, rằng một trong những thiếu sót chính của chủ nghĩa duy vật cũ là không hiểu được những điều kiện và cũng không đánh giá được ý nghĩa của hoạt động thực tiễn cách mạng, nên song song với công tác lý luận của mình, Mác đã suốt đời luôn luôn chú ý đến vấn đề sách lược đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản. Về mặt này, *tất cả* những tác phẩm của Mác đều cung cấp những tài liệu phong phú, nhất là tập thư gửi Ăng-ghen, gồm 4 quyển, xuất bản năm 1913. Những tài liệu này chưa hoàn toàn được thu thập, tập hợp, nghiên cứu và phân tích. Cho nên ở đây, chúng ta chỉ nhận xét một cách tổng quát nhất và vắn tắt nhất, đồng thời nhấn mạnh là Mác đã có lý khi cho rằng nếu thiếu mặt *đó* thì chủ nghĩa duy vật sẽ không triệt để, phiến diện và thiếu sinh khí. Mác căn cứ chặt chẽ vào tất cả những tiền đề của thế giới quan duy vật - biện chứng của mình mà xác định nhiệm vụ căn bản sách lược của giai cấp vô sản. Chỉ có nghiên cứu một cách khách quan toàn bộ những mối liên hệ qua lại giữa các giai cấp trong một xã hội nhất định, không trừ một giai cấp nào, và do đó hiểu biết được trình độ phát triển khách quan của xã hội ấy và những mối liên hệ qua lại giữa xã hội ấy với những xã hội khác, thì mới có thể có cơ sở cho một sách lược đúng của giai cấp tiên phong được. Ngoài ra, mọi giai cấp và mọi nước đều được nhận xét theo phương diện động chứ không theo phương diện tĩnh, nghĩa là trong trạng thái vận động (sự vận động này có những quy luật bắt nguồn từ những điều kiện kinh tế trong đời sống của mỗi một giai cấp) chứ không phải trong trạng thái bất động. Rồi sự vận động lại được xét

không những về mặt quá khứ mà cả về mặt tương lai nữa, và xét một cách biện chứng chứ không phải xét theo quan niệm tầm thường của phái «tiền hóa luận» là phái chỉ thấy những biến đổi chậm chạp thôi. Mác viết cho Ăng-ghen: «Trong những thời đại phát triển lịch sử lớn lao, thì 20 năm cũng không hơn gì một ngày, mặc dầu sau đó, có thể có những ngày bằng cả hàng 20 năm» («Thư trao đổi», t. III, tr. 127). Ở từng giai đoạn phát triển, trong từng lúc, sách lược của giai cấp vô sản phải tính đến biện chứng khách quan tất nhiên ấy của lịch sử loài người: một mặt, phải lợi dụng những thời kỳ trì trệ về chính trị, hay là những thời kỳ phát triển gọi là phát triển «hòa bình» tiến chậm như rùa, để phát triển ý thức, lực lượng và khả năng chiến đấu của giai cấp tiên phong lên; mặt khác, phải hướng toàn bộ công việc lợi dụng những thời kỳ trì trệ về chính trị vào «mục đích cuối cùng» của cuộc vận động của giai cấp tiên phong đó và làm cho giai cấp này có thể giải quyết một cách thực tiễn những nhiệm vụ lớn lao trong những ngày vĩ đại, những ngày «bằng cả hàng 20 năm». Về vấn đề này, Mác đưa ra hai luận điểm đặc biệt quan trọng. Một luận điểm về đấu tranh kinh tế và tổ chức kinh tế của giai cấp vô sản trong quyển «Sự khốn cùng của triết học»; và luận điểm khác về nhiệm vụ chính trị của giai cấp vô sản trong «Tuyên ngôn của Đảng cộng sản». Luận điểm thứ nhất là: «Đại công nghiệp tập trung một số đông người không quen biết nhau vào một nơi duy nhất. Sự cạnh tranh chia rẽ họ về mặt quyền lợi. Nhưng việc giữ vững tiền công, cái quyền lợi chung ấy của họ chống lại người chủ của họ, đã đoàn kết họ lại trong cùng một tư tưởng phản kháng, liên hợp... Những sự liên hợp, lúc đầu còn lẻ tẻ, về sau hợp thành tập đoàn và đứng trước tư bản luôn luôn liên hiệp với nhau, thì họ coi việc duy trì các hiệp hội của mình là cần thiết hơn việc duy trì tiền công... Trong cuộc đấu tranh ấy — một cuộc nội chiến thật sự — mọi yếu tố cần thiết cho cuộc chiến đấu sắp tới đều được tích góp lại và phát triển. Khi đã tới mức ấy, thì sự liên hợp mang một tính chất chính trị». Đây là cương lĩnh và sách lược của đấu tranh kinh tế và của phong trào công đoàn, cho hàng chục năm, cho suốt cả thời kỳ lâu dài chuẩn bị lực lượng của giai cấp vô sản «cho cuộc chiến đấu sắp tới». Cũng cần đối chiếu điều nói trên với nhiều điều chỉ dẫn của Mác và Ăng-ghen, những điều chỉ dẫn dựa trên kinh nghiệm của phong trào công nhân Anh và chỉ cho chúng ta thấy rằng «sự phồn thịnh» công nghiệp đã gây nên như thế nào những mưu toan hòng «mua chuộc công nhân» («Thư trao đổi với Ăng-ghen», I, 136), hòng làm cho công nhân xa lánh đấu tranh;

rằng sự phồn thịnh ấy «làm bại hoại ý thức của công nhân» nói chung như thế nào (II, 218); rằng giai cấp vô sản Anh «tư sản hóa» như thế nào — «dân tộc tư sản nhất trong các dân tộc» (dân tộc Anh) «cuối cùng hình như muốn có, bên cạnh giai cấp tư sản, một tầng lớp quý tộc tư sản và một giai cấp vô sản tư sản» (II, 290); rằng «nghị lực cách mạng» của giai cấp vô sản Anh đã biến mất như thế nào (III, 124); rằng phải chờ đợi tương đối lâu như thế nào việc «công nhân Anh thoát khỏi sự trụy lạc tư sản bề ngoài của họ» (III, 127); rằng phong trào công nhân Anh đã thiếu «tinh thần hăng hái của những người theo phái Hiến chương» [33] như thế nào (1866; III, 305); rằng những lãnh tụ công nhân Anh đã trở thành một hạng người đứng trung gian «giữa những người tư sản cấp tiến và công nhân» như thế nào (ám chỉ Gô-li-ốc, IV, 209); rằng do sự lũng đoạn của Anh và chừng nào sự lũng đoạn ấy vẫn còn, thì «sẽ không hy vọng gì vào người công nhân Anh cả» (IV, 433). Ở đây sách lược đấu tranh kinh tế, gắn liền với tiến trình chung (*và với kết cục*) của phong trào công nhân, đã được xét theo một quan điểm hết sức rộng rãi, toàn diện, biện chứng và thật sự cách mạng.

«Tuyên ngôn của Đảng cộng sản» đã nêu ra nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác về sách lược đấu tranh chính trị như sau: «những người cộng sản chiến đấu cho những lợi ích và những mục đích trước mắt của giai cấp công nhân, nhưng đồng thời họ bảo vệ tương lai của phong trào». Do đó, năm 1848, Mác đã ủng hộ đảng «cách mạng ruộng đất» ở Ba-lan, «nghĩa là đảng đã làm cuộc khởi nghĩa ở Cra-cốp năm 1846» [34]. Năm 1848 - 1849, Mác ủng hộ phái dân chủ cách mạng cực đoan ở Đức và về sau không bao giờ ông rút lui ý kiến hồi đó của ông về sách lược. Ông coi giai cấp tư sản Đức là một phần tử «ngay từ đầu đã có khuynh hướng phản bội nhân dân» (chỉ có sự liên minh với nông dân mới làm cho giai cấp tư sản có thể hoàn toàn đạt mục đích của nó) «và thỏa hiệp với bọn vương công trong xã hội cũ». Sau đây là đoạn phân tích có tính chất tổng kết của Mác về địa vị giai cấp của giai cấp tư sản Đức trong thời kỳ cách mạng dân chủ tư sản, một sự phân tích, thật ra là kiểu mẫu phân tích duy vật chủ nghĩa, xem xét xã hội trong sự vận động của nó, và hơn nữa, xem xét không phải chỉ từ phương diện của sự vận động *hướng về quá khứ*: «... không tin tưởng ở mình, không tin tưởng ở nhân dân; cằn nhằn với những bọn trên, run sợ trước kẻ dưới; ... khiếp sợ cơn bão táp thế giới; không chút nghị lực nào, hoàn toàn sáo rỗng; ...không có sáng kiến; ...như một ông già đang bị nguyền rủa, bị giam hãm trong những lợi ích già cỗi của bản thân mình mà lại

buộc phải lãnh đạo những bước tiến đầu tiên của một dân tộc trẻ trung và cường tráng...[36]» («Báo Rê-na-ni mới», 1848, xem «Di sản văn học», t. III, tr. 212). Gần 20 năm sau, trong một bức thư gửi Ăng-ghen (III, 224), Mác viết rằng sở dĩ cuộc cách mạng 1848 thất bại là vì giai cấp tư sản muốn có hòa bình trong cảnh nô lệ hơn là chỉ có cái triển vọng duy nhất là chiến đấu vì tự do. Khi thời kỳ cách mạng 1848 - 1849 kết thúc, Mác phản đối mọi lối chơi trò cách mạng (đấu tranh chống Sáp-pơ — Vin-lích), đòi mọi người phải biết cách công tác trong thời đại mới, là thời đại đang chuẩn bị, một cách tựa hồ như «hòa bình», những cuộc cách mạng mới. Việc đánh giá sau đây của Mác về tình hình Đức năm 1856, trong thời kỳ phản động đen tối nhất, chứng tỏ Mác muốn công tác đó phải được thực hiện theo tinh thần như thế nào: «Ở Đức, toàn bộ vấn đề sẽ phụ thuộc vào khả năng tái diễn được hay không cuộc chiến tranh nông dân để ủng hộ cách mạng vô sản» («Thư trao đổi với Ăng-ghen», II, 108). Chừng nào cách mạng dân chủ (tư sản) ở Đức chưa hoàn thành thì về phương diện sách lược của giai cấp vô sản xã hội chủ nghĩa, Mác vẫn đặt tất cả tâm trí vào việc phát huy nghị lực dân chủ của nông dân. Ông cho rằng thái độ của Lát-xan «đứng về mặt khách quan mà nói, là một sự phản bội phong trào công nhân để làm lợi cho nước Phổ» (III, 210), chính là vì y dung túng bọn địa chủ và chủ nghĩa dân tộc Phổ. Năm 1865, trong khi trao đổi ý kiến về dự án lời tuyên bố chung của hai ông trên báo chí, Ăng-ghen viết cho Mác như sau: «Trong một nước nông nghiệp, nếu chỉ thay mặt công nhân công nghiệp mà công kích giai cấp tư sản, chứ không nói gì đến sự bóc lột kiểu gia trưởng, «sự bóc lột bằng roi vọt» của bọn quý tộc phong kiến đối với công nhân nông nghiệp, thì thật là một việc đê hèn» (III, 217). Trong thời kỳ từ 1864 đến 1870, khi thời đại cách mạng dân chủ tư sản Đức, tức thời đại các giai cấp bóc lột Phổ và Áo đấu tranh với nhau về vấn đề dùng những phương thức nào để hoàn thành cách mạng ấy *từ trên* xuống, sắp chấm dứt, thì Mác không chỉ kết tội Lát-xan, vì y ve vãn Bi-xmác, mà ông còn sửa chữa sai lầm cho Liếp-nếch nữa, vì Liếp-nếch rơi vào «bệnh thân Áo» và bênh vực chủ nghĩa phân lập; Mác đòi phải có một sách lược cách mạng quyết liệt đấu tranh chống Bi-xmác cũng như chống những người thân Áo, một sách lược không nhằm thích ứng với «kẻ chiến thắng», — tức bọn gioong-ke Phổ [36], — mà nhằm tái diễn lập tức cuộc đấu tranh cách mạng chống kẻ chiến thắng ấy, *ngay cả trên cơ sở* do thắng lợi quân sự của nước Phổ đã tạo ra («Thư trao đổi với Ăng-ghen», III, 134, 136, 147, 179, 204, 210, 215, 418, 437,

440 - 441). Trong bài Lời kêu gọi bất hủ của Quốc tế ngày 9 tháng Chín 1870, Mác đã khuyên giai cấp vô sản Pháp nên đề phòng đừng khởi nghĩa quá sớm, nhưng khi cuộc khởi nghĩa cứ nổ ra (1871) thì Mác vẫn nhiệt liệt chào mừng sáng kiến cách mạng của quần chúng «đang xông lên chọc trời» (thư Mác gửi Cu-ghen-man). Theo quan điểm chủ nghĩa duy vật biện chứng của Mác, sự thất bại của hành động đấu tranh cách mạng trong tình thế đó cũng như trong nhiều tình thế khác thì ít có hại cho tiến trình chung *và kết cục* của cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản hơn là rời bỏ vị trí đang chiến đấu, đầu hàng mà không chiến đấu: đầu hàng như thế sẽ làm cho giai cấp vô sản mất tinh thần và làm tiêu hao sức chiến đấu của nó. Mác đánh giá rất đúng việc sử dụng những thủ đoạn đấu tranh hợp pháp trong thời kỳ trì trệ về chính trị, trong thời kỳ chế độ hợp pháp tư sản chiếm ưu thế, nhưng năm 1877 - 1878, sau khi đạo luật ngoại lệ chống những người xã hội chủ nghĩa [37] được công bố, Mác kịch liệt lên án những «lời cách mạng suông» của Mô-xtơ, và với một thái độ không kém phần kịch liệt, nếu không nói là kịch liệt hơn, Mác đã chê trách chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa này hồi ấy tạm thời thống trị trong Đảng dân chủ - xã hội chính thức, là đảng không biết kịp thời tỏ ra tinh thần kiên định, tinh thần kiên quyết, tinh thần cách mạng, tinh thần sẵn sàng chuyển sang đấu tranh bí mật để đối phó với đạo luật ngoại lệ («Thư của Mác gửi cho Ăng-ghen», IV, 397, 404, 418, 422, 424 [38]. Nên xem cả những thư của Mác gửi cho Doóc-ghê).

Viết hồi tháng Bảy - tháng Mười một 1914 Toàn tập, t. 26

PHRI-ĐRÍCH ĂNG-GHEN

Bó đuốc sáng ngời biết bao của trí tuệ đã tắt,
Trái tim vĩ đại biết bao đã ngừng đập![39]

Ngày 5 tháng Tám lịch mới (24 tháng Bảy) 1895, Phri-đrích Ăng-ghen từ trần ở Luân-đôn. Sau bạn ông là Các Mác (mất năm 1883), Ăng-ghen là nhà bác học và người thầy lỗi lạc nhất của giai cấp vô sản hiện đại trong toàn thế giới văn minh. Từ ngày mà vận mệnh đã gắn liền Các Mác với Phri-đrích Ăng-ghen thì sự nghiệp suốt đời của hai người bạn ấy trở thành sự nghiệp chung của họ. Cho nên muốn hiểu Phri-đrích Ăng-ghen đã làm gì cho giai cấp vô sản thì phải nhận rõ ý nghĩa của học thuyết và hoạt động của Mác đối với sự phát triển của phong trào công nhân hiện đại. Mác và Ăng-ghen là những người đầu tiên đã chỉ ra rằng giai cấp công nhân, với những yêu sách của họ, là sản phẩm tất yếu của chế độ kinh tế hiện đại, chế độ này cùng với giai cấp tư sản, đang không tránh khỏi tạo ra và tổ chức giai cấp vô sản; hai ông đã chỉ ra rằng không phải những việc làm có thiện ý nào của những người hào hiệp, mà chính là đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản có tổ chức, sẽ giải phóng loài người khỏi những tai nạn hiện đang đè lên họ. Mác và Ăng-ghen là những người đầu tiên đã giải thích trong các tác phẩm khoa học của mình rằng chủ nghĩa xã hội không phải là một điều bịa đặt của những kẻ mộng tưởng, mà là mục đích cuối cùng và là kết quả tất yếu của sự phát triển lực lượng sản xuất trong xã hội hiện đại. Toàn bộ lịch sử thành văn từ trước đến nay là lịch sử đấu tranh giai cấp, là sự thay thế nhau của nền thống trị và những cuộc chiến thắng của những giai cấp xã hội này đối với những giai cấp xã hội khác. Và tình trạng ấy sẽ còn kéo dài mãi, chừng nào mà những cơ sở của đấu tranh giai cấp và của sự thống trị giai cấp — tức là chế độ tư hữu và sự sản xuất xã hội vô tổ chức — vẫn chưa mất đi. Lợi ích của giai cấp vô sản đòi hỏi phải tiêu diệt những cơ sở ấy, và do đó cuộc đấu tranh giai cấp tự giác của những công nhân có tổ chức phải nhằm chống lại những cơ sở ấy. Mà bất cứ cuộc đấu tranh giai cấp nào cũng là một cuộc đấu tranh chính trị.

Ngày nay, toàn thể giai cấp vô sản đang đấu tranh để tự giải phóng đều tiếp thu những quan điểm ấy của Mác và Ăng-ghen, nhưng vào khoảng những năm 40, khi hai người bạn ấy tham gia viết sách báo xã hội chủ nghĩa và các phong trào xã hội hồi bấy giờ thì những quan điểm ấy là hoàn toàn mới. Lúc đó, có nhiều người có tài và vô tài, lương thiện và bất lương, say sưa đấu tranh cho tự do chính trị, đấu tranh chống lại chế độ chuyên chế của bọn vua chúa, cảnh sát và thầy tu, đã không nhìn thấy sự đối lập giữa lợi ích của giai cấp tư sản với lợi ích của giai cấp vô sản. Những người ấy không thừa nhận ngay cả đến ý nghĩ cho rằng công nhân có thể hoạt động với tư cách là một lực lượng xã hội độc lập. Mặt khác, có nhiều người mộng tưởng, đôi khi lại là những thiên tài, nghĩ rằng chỉ cần thuyết phục cho những nhà cầm quyền và các giai cấp thống trị thấy được tính chất bất công của chế độ xã hội hiện hành là cũng đủ để dễ dàng kiến tạo trên trái đất một nền hòa bình và một nền thịnh vượng chung. Họ mơ tưởng có chủ nghĩa xã hội mà không cần đấu tranh. Cuối cùng, hầu hết những người xã hội chủ nghĩa lúc đó và nói chung, những người bạn của giai cấp công nhân chỉ thấy rằng giai cấp vô sản là một *ung nhọt*, họ khiếp sợ thấy ung nhọt ấy lớn lên cùng với sự phát triển của công nghiệp. Cho nên tất cả bọn họ đều tìm cách chặn sự phát triển của công nghiệp và của giai cấp vô sản lại, chặn «bánh xe lịch sử» lại. Ngược lại với tâm lý sợ hãi chung trước sự phát triển của giai cấp vô sản, Mác và Ăng-ghen đặt tất cả hy vọng của mình vào sự lớn lên không ngừng của giai cấp vô sản. Càng có nhiều người vô sản bao nhiêu thì lực lượng của họ, với tư cách là giai cấp cách mạng, càng lớn lên bấy nhiêu, thì chủ nghĩa xã hội càng tới gần và càng có khả năng được thực hiện bấy nhiêu. Có thể vắn tắt nêu công lao của Mác và Ăng-ghen đối với giai cấp công nhân như sau: hai ông đã dạy cho công nhân tự nhận thức được mình và có ý thức về mình, và đã đem khoa học thay thế cho mộng tưởng.

Chính vì vậy, mỗi công nhân phải biết tên tuổi và cuộc đời của Ăng-ghen, chính vì vậy trong văn tập của chúng tôi mà mục đích, cũng như tất cả những xuất bản phẩm khác của chúng tôi, là thức tỉnh ý thức giai cấp của công nhân Nga, chúng tôi phải thuật lại cuộc đời và hoạt động của Phri-đrích Ăng-ghen, một trong hai người thầy vĩ đại của giai cấp vô sản hiện đại.

Ăng-ghen sinh năm 1820 ở Bác-mên, thuộc tỉnh Rê-na-ni của vương quốc Phổ. Cha ông là một chủ xưởng. Năm 1838, vì hoàn cảnh gia đình, Ăng-ghen chưa học hết trung học đã phải vào làm thư ký trong một

hãng buôn ở Brê-mơ. Công việc buôn bán không cản trở được Ăng-ghen trau dồi kiến thức khoa học và chính trị. Ngay từ khi còn học trung học, ông đã căm ghét chế độ chuyên chế và sự độc đoán của bọn quan lại. Việc nghiên cứu triết học dẫn ông tiến xa hơn. Hồi ấy học thuyết của Hê-ghen đang chi phối triết học Đức, và Ăng-ghen trở thành môn đồ của học thuyết đó. Tuy bản thân Hê-ghen là người hâm mộ nhà nước chuyên chế Phổ mà ông đã phục vụ với tư cách là giáo sư Trường đại học tổng hợp Béc-lanh, nhưng *học thuyết* của Hê-ghen có tính chất cách mạng. Lòng tin của Hê-ghen vào lý tính của con người và vào quyền lợi của con người, và nguyên lý cơ bản của triết học Hê-ghen cho rằng trong thế giới luôn diễn ra một quá trình liên tiếp biến hóa và phát triển, đã dẫn những học trò của nhà triết học ở Béc-lanh, không muốn điều hòa với hiện trạng, đến ý nghĩ cho rằng ngay cả cuộc đấu tranh chống hiện trạng, cuộc đấu tranh chống bất công đang tồn tại và chống điều ác đang hoành hành, cũng bắt rễ từ quy luật phổ biến là sự phát triển không ngừng. Nếu mọi cái đều phát triển, nếu những thể chế này bị những thể chế khác thay thế, vậy thì tại sao chế độ chuyên chế của vua Phổ hay của Nga hoàng, việc một thiểu số rất nhỏ làm giàu trên lưng tuyệt đại đa số, sự thống trị của giai cấp tư sản đối với nhân dân lại cứ tồn tại mãi được? Triết học Hê-ghen bàn về sự phát triển của tinh thần và của tư tưởng; nó là *duy tâm*. Nó căn cứ từ sự phát triển của tinh thần mà suy diễn ra sự phát triển của tự nhiên, của con người và của những quan hệ xã hội giữa người với người. Mác và Ăng-ghen giữ lại tư tưởng của Hê-ghen về quá trình phát triển không ngừng * và vứt bỏ quan điểm duy tâm chủ nghĩa cố chấp; nhìn vào cuộc sống, hai ông thấy rằng không thể lấy sự phát triển của tinh thần để giải thích sự phát triển của tự nhiên được mà trái lại, phải lấy tự nhiên, lấy vật chất để giải thích tinh thần... Trái với Hê-ghen và những người khác thuộc phái Hê-ghen, Mác và Ăng-ghen là những nhà duy vật chủ nghĩa. Xem xét thế giới và loài người một cách duy vật, hai ông nhận thấy rằng cũng như mọi hiện tượng trong giới tự nhiên đều có nguyên nhân vật chất, sự phát triển của xã hội loài người là do sự phát triển của những lực lượng vật chất, sản xuất quyết định. Quan hệ giữa người với nhau trong việc sản xuất những vật phẩm cần thiết để thỏa mãn

* Mác và Ăng-ghen đã nhiều lần chỉ rằng sự phát triển trí tuệ của các ông một phần lớn là nhờ các nhà triết học lớn ở Đức, nhất là nhờ Hê-ghen. Ăng-ghen nói: «Không có triết học Đức thì đã chẳng có chủ nghĩa xã hội khoa học» [40].

nhu cầu của con người là do sự phát triển của lực lượng sản xuất quyết định. Và chính những quan hệ ấy giải thích tất cả những hiện tượng của đời sống xã hội, những nguyện vọng, tư tưởng và luật pháp của con người. Sự phát triển của lực lượng sản xuất đã tạo ra những quan hệ xã hội dựa trên chế độ tư hữu, nhưng ngày nay, chúng ta thấy cũng sự phát triển ấy của lực lượng sản xuất lại tước mất sở hữu của đa số và tập trung sở hữu đó vào tay một thiểu số rất nhỏ. Nó xóa bỏ cái chế độ sở hữu làm cơ sở cho trật tự xã hội hiện đại, nó tự hướng tới chính cái mục đích mà những người xã hội chủ nghĩa đã tự đề ra cho mình. Những người xã hội chủ nghĩa chỉ còn cần nhận rõ được lực lượng xã hội nào do địa vị của nó trong xã hội hiện nay mà quan tâm đến việc thực hiện chủ nghĩa xã hội, và làm cho lực lượng ấy giác ngộ về lợi ích và sứ mệnh lịch sử của nó. Lực lượng đó là giai cấp vô sản. Ăng-ghen đã tìm hiểu giai cấp vô sản khi ông ở Anh, ở trung tâm công nghiệp của Anh, là Man-se-xtơ, nơi mà năm 1842, ông đến làm công cho một hãng buôn trong đó cha ông có cổ phần. Ở đây, Ăng-ghen không phải chỉ làm việc ở phòng giấy của xưởng, ông còn đi thăm các khu phố bẩn thỉu là nơi công nhân sống chen chúc, thấy tận mắt những sự cùng khốn và những nỗi đau khổ của họ. Nhưng ông không thỏa mãn với những nhận xét cá nhân của mình, ông còn đọc tất cả những điều mà người ta đã viết trước ông về tình cảnh của giai cấp công nhân Anh; ông nghiên cứu tỉ mỉ tất cả những tài liệu chính thức mà ông có thể tra cứu được. Quyển «Tình cảnh giai cấp công nhân ở Anh», xuất bản năm 1845 là kết quả của những sự nghiên cứu và những nhận xét ấy. Trên kia, chúng ta đã nói đến công lao chủ yếu của Ăng-ghen, với tư cách là tác giả quyển «Tình cảnh giai cấp công nhân ở Anh». Trước Ăng-ghen, đã có rất nhiều người mô tả những nỗi đau khổ của giai cấp vô sản và chỉ ra rằng cần phải giúp đỡ giai cấp ấy. Ăng-ghen là *người đầu tiên* đã nói rằng giai cấp vô sản *không phải chỉ* là giai cấp đau khổ, rằng chính địa vị kinh tế nhục nhã của giai cấp vô sản thúc đẩy, một cách không gì ngăn cản nổi, nó tiến lên và buộc nó phải đấu tranh cho sự giải phóng cuối cùng của nó. Và giai cấp vô sản đấu tranh *sẽ tự mình giúp bản thân mình*. Phong trào chính trị của giai cấp công nhân nhất định sẽ dẫn công nhân đến chỗ hiểu rằng đối với họ, không có lối thoát nào khác ngoài chủ nghĩa xã hội. Mặt khác, chủ nghĩa xã hội chỉ sẽ là một sức mạnh, khi nó đã trở thành mục tiêu đấu tranh *chính trị* của *giai cấp* công nhân. Đó là những tư tưởng chủ chốt trong cuốn sách của Ăng-ghen viết về tình cảnh của giai cấp công nhân ở Anh, những tư tưởng mà hiện

nay, toàn thể giai cấp vô sản có suy nghĩ và đang đấu tranh, đã tiếp thu, nhưng lúc đó thì còn hoàn toàn mới. Những tư tưởng ấy đã được trình bày trong cuốn sách bằng một giọng văn hấp dẫn, mô tả rất nhiều cảnh cùng khốn xác thực nhất và ghê sợ nhất của giai cấp vô sản Anh. Cuốn sách ấy là một lời buộc tội ghê gớm chủ nghĩa tư bản và giai cấp tư sản. Cuốn sách ấy gây một ấn tượng rất lớn. Đâu đâu người ta cũng dẫn chứng cuốn sách của Ăng-ghen, coi nó là một bức tranh miêu tả đúng nhất tình cảnh của giai cấp vô sản hiện đại. Thật thế, trước hay sau năm 1845 cũng vậy, chưa hề thấy có một cuốn sách nào miêu tả được những cảnh cùng khốn của giai cấp công nhân một cách xuất sắc và chân thực đến như thế.

Chỉ ở Anh, Ăng-ghen mới trở thành người xã hội chủ nghĩa. Ở Man-se-xtơ, ông liên hệ với những người hoạt động trong phong trào công nhân Anh lúc bấy giờ và bắt đầu viết trong các xuất bản phẩm xã hội chủ nghĩa Anh. Năm 1844, trên đường trở về Đức, khi đi qua Pa-ri, ông gặp Mác mà trước đó ông đã liên lạc bằng thư từ. Ở Pa-ri, chịu ảnh hưởng của những nhà xã hội chủ nghĩa Pháp và của đời sống Pháp, Mác cũng đã trở thành một người xã hội chủ nghĩa. Ở đó, hai người bạn ấy đã viết chung cuốn «Gia đình thần thánh, hay là phê phán sự phê phán có tính chất phê phán». Cuốn sách đó — xuất bản một năm trước cuốn «Tình cảnh giai cấp công nhân ở Anh» và là do Mác viết một phần lớn — đã đặt cơ sở cho chủ nghĩa xã hội duy vật - cách mạng mà trên kia chúng tôi đã trình bày những tư tưởng chủ yếu. «Gia đình thần thánh» là một cái tên gọi chế giễu những nhà triết học, theo kiểu anh em Bau-ơ cùng những môn đồ của họ. Các ngài ấy tuyên truyền một sự phê phán đứng trên mọi hiện thực, trên các đảng phái và chính trị, một sự phê phán phủ nhận mọi hoạt động thực tế mà chỉ đứng nhìn, «với tinh thần phê phán», thế giới chung quanh và những diễn biến trong thế giới đó. Các ngài Bau-ơ khinh thường giai cấp vô sản, coi họ là một đám quần chúng không có óc phê phán. Mác và Ăng-ghen kiên quyết chống lại xu hướng vô lý và có hại ấy. Vì con người thực sự, — con người công nhân bị những giai cấp thống trị và nhà nước áp bức, — hai ông đòi hỏi phải đấu tranh cho một kết cấu xã hội tốt đẹp hơn, chứ không phải là đứng nhìn. Dĩ nhiên, hai ông coi giai cấp công nhân là lực lượng vừa có khả năng tiến hành cuộc đấu tranh ấy lại vừa quan tâm đến cuộc đấu tranh ấy. Trước khi xuất bản cuốn «Gia đình thần thánh», Ăng-ghen đã đăng trong tờ «Niên giám Pháp-Đức»[41] của Mác và Ru-ghê một bài «Tiểu luận phê phán chính trị kinh

tế học», trong bài đó ông đã đứng trên quan điểm xã hội chủ nghĩa mà xem xét những hiện tượng căn bản của chế độ kinh tế hiện đại, coi là những hậu quả tất nhiên của sự thống trị của chế độ tư hữu. Rõ ràng là mối quan hệ với Ăng-ghen đã thúc đẩy Mác bắt tay vào nghiên cứu chính trị kinh tế học, là khoa học trong đó những tác phẩm của Mác đã gây ra cả một cuộc cách mạng.

Từ năm 1845 đến năm 1847, Ăng-ghen sống ở Bruy-xen và Pa-ri, vừa nghiên cứu khoa học vừa hoạt động thực tế trong giới công nhân Đức ở hai thành phố đó. Ở đây, Mác và Ăng-ghen đã liên hệ với tổ chức bí mật Đức là «Đồng minh những người cộng sản», tổ chức này giao cho hai ông trình bày những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa xã hội mà hai ông đã xây dựng lên. Do đó mà có quyển «Tuyên ngôn của Đảng cộng sản» nổi tiếng của Mác và Ăng-ghen xuất bản năm 1848. Cuốn sách nhỏ ấy có giá trị bằng hàng bộ sách: tinh thần của nó, đến bây giờ, vẫn cổ vũ và thúc đẩy toàn thể giai cấp vô sản có tổ chức và đang chiến đấu của thế giới văn minh.

Cách mạng 1848 nổ ra trước tiên ở Pháp, sau lan sang các nước khác ở Tây Âu, khiến Mác và Ăng-ghen trở về nước. Ở trong nước, tại vùng Rê-na-ni nước Phổ, hai ông đứng đầu tờ «Báo Rê-na-ni mới», một tờ báo dân chủ xuất bản ở Cô-lô-nhơ. Hai người bạn đó là linh hồn của mọi xu hướng dân chủ - cách mạng ở vùng Rê-na-ni nước Phổ. Hai ông tận lực bảo vệ lợi ích của nhân dân và của tự do, chống lại những lực lượng phản động. Như mọi người đều biết, những lực lượng phản động đã thắng. Tờ «Báo Rê-na-ni mới» bị cấm; Mác, vì đã mất quốc tịch Phổ trong thời gian di cư ra nước ngoài, nên bị trục xuất; còn Ăng-ghen thì tham gia cuộc khởi nghĩa vũ trang của nhân dân, đã dự ba trận chiến đấu cho tự do và sau khi những người khởi nghĩa thất bại, ông lánh qua Thụy-sĩ sang Luân-đôn.

Mác cũng sang trú ngụ ở Luân-đôn. Không bao lâu, Ăng-ghen lại trở thành thư ký, rồi cổ đông trong chính ngay hãng buôn Man-se-xtơ mà trước kia, trong những năm 40, ông đã làm ở đó. Cho đến năm 1870, ông sống ở Man-se-xtơ, còn Mác ở Luân-đôn, nhưng điều đó vẫn không cản trở hai ông liên hệ hết sức mật thiết với nhau về tư tưởng: hầu như ngày nào, hai ông cũng đều biên thư cho nhau. Trong thư từ qua lại như thế, hai người bạn đã trao đổi ý kiến và những điều hiểu biết cho nhau, và tiếp tục cùng nhau xây dựng chủ nghĩa xã hội khoa học. Năm 1870 Ăng-ghen đến ở Luân-đôn, và hai ông tiếp tục sống chung một cuộc sống tinh thần đầy lao động khẩn trương mãi cho đến năm

1883, tức là cho đến khi Mác mất. Kết quả của lao động đó thì về phần Mác, là bộ «Tư bản», một tác phẩm chính trị kinh tế học vĩ đại nhất của thế kỷ chúng ta; về phần Ăng-ghen, là cả một loạt những tác phẩm lớn nhỏ. Mác chuyên chú phân tích những hiện tượng phức tạp của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Ăng-ghen, trong những tác phẩm viết một cách hết sức dễ hiểu và thường là có tính chất luận chiến, đã làm sáng tỏ những vấn đề khoa học chung nhất và những hiện tượng khác nhau của quá khứ và hiện tại — theo tinh thần quan niệm duy vật lịch sử và lý luận kinh tế của Mác. Trong số các tác phẩm ấy của Ăng-ghen, chúng tôi xin nêu ra: tác phẩm luận chiến chống Đuy-rinh (trong đó ông phân tích những vấn đề quan trọng nhất của triết học, của khoa học tự nhiên và khoa học xã hội)*, «Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước»[44] (bản dịch tiếng Nga, xuất bản ở Xanh Pê-téc-bua, in lần thứ 3, 1895), «Lút-vích Phơ-bách»[45] (bản dịch ra tiếng Nga có chú thích của G. Plê-kha-nốp, Giơ-ne-vơ, 1892), một bài nói về chính sách đối ngoại của chính phủ Nga (bản dịch ra tiếng Nga đã đăng trên tờ «Người dân chủ - xã hội» số 1 và số 2, xuất bản ở Giơ-ne-vơ[46]) những bài đặc sắc về vấn đề nhà ở[47], sau cùng là hai bài ngắn nhưng rất quý nói về sự phát triển kinh tế của nước Nga[48] («Phri-đrích Ăng-ghen nói về nước Nga», bản dịch ra tiếng Nga của V. I. Da-xu-lích, Giơ-ne-vơ, 1894)[49]. Mác mất đi chưa kịp hoàn chỉnh tác phẩm vĩ đại của ông, viết về tư bản. Tuy nhiên bản thảo cũng đã hoàn thành và thế là Ăng-ghen, sau khi bạn mình từ trần, đã đảm đương nhiệm vụ nặng nề là chỉnh lý và cho xuất bản quyển II và quyển III của bộ «Tư bản». Ông xuất bản quyển II, năm 1885 và quyển III, năm 1894 (ông không kịp chỉnh lý quyển IV)[50]. Hai quyển này đòi hỏi ông phải bỏ ra rất nhiều công sức. Át-lơ, một đảng viên dân chủ xã hội Áo đã nhận xét rất đúng rằng khi xuất bản quyển II và III của bộ «Tư bản», Ăng-ghen đã dựng cho người bạn thiên tài của ông một đài kỷ niệm trang nghiêm trên đó Ăng-ghen cũng không ngờ là đã khắc luôn cả tên mình bằng những chữ không bao giờ phai mờ được. Thật vậy, hai quyển đó của bộ «Tư bản» là tác phẩm chung của cả hai người: Mác và Ăng-ghen. Những chuyện cổ tích thường kể lại những tấm

---

* Đó là một cuốn sách có nội dung đặc biệt phong phú và bổ ích[42]. Tiếc rằng mới chỉ có một phần nhỏ được dịch ra tiếng Nga, phần sơ lược lịch sử phát triển của chủ nghĩa xã hội («Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học», xuất bản lần thứ 2, Giơ-ne-vơ, 1892)[43].

gương cảm động về tình bạn. Giai cấp vô sản châu Âu có thể nói rằng khoa học của mình là tác phẩm sáng tạo của hai nhà bác học kiêm chiến sĩ mà tình bạn đã vượt xa tất cả những gì là cảm động nhất trong những truyền thuyết của đời xưa kể về tình bạn của con người. Ăng-ghen vẫn luôn luôn — mà nói chung như thế là hoàn toàn đúng — tự đặt mình sau Mác. Ông đã viết cho một người bạn lâu năm của ông như sau: «Tôi luôn luôn là một cây vĩ cầm thứ hai, bên cạnh Mác»[51]. Mối tình thân yêu của ông đối với Mác lúc còn sống và lòng kính mến của ông đối với Mác lúc đã mất, thật là vô hạn. Người chiến sĩ khắc khổ và nhà tư tưởng nghiêm nghị ấy có một tấm lòng yêu thương thật là sâu sắc.

Sau phong trào 1848 - 1849, Mác và Ăng-ghen, khi sống ở nước ngoài, không phải chỉ nghiên cứu khoa học không thôi. Năm 1864, Mác đã sáng lập ra «Hội liên hiệp lao động quốc tế» và đã lãnh đạo hội đó suốt trong 10 năm. Ăng-ghen cũng đã tham gia tích cực vào công tác của hội. Hoạt động của «Hội liên hiệp quốc tế», — hội theo Mác, đã đoàn kết được vô sản ở tất cả các nước, — có một tác dụng to lớn đối với sự phát triển của phong trào công nhân. Ngay cả sau khi «Hội liên hiệp quốc tế» giải tán vào những năm 70, tác dụng đoàn kết của Mác và Ăng-ghen cũng vẫn không chấm dứt. Ngược lại, người ta có thể nói vai trò của hai ông, với tư cách là những người lãnh đạo tinh thần của phong trào công nhân, không ngừng lớn lên mãi, vì chính phong trào công nhân cũng phát triển không ngừng. Sau khi Mác mất, Ăng-ghen vẫn một mình tiếp tục làm người cố vấn và chỉ đạo cho những người xã hội chủ nghĩa ở châu Âu. Đến xin ông cho ý kiến và chỉ dẫn thì có cả những người xã hội chủ nghĩa Đức, là những người mà lực lượng của họ, tuy bị chính phủ truy bức nhưng vẫn không ngừng lớn lên nhanh chóng, và cả những đại biểu của các nước lạc hậu, chẳng hạn người Tây-ban-nha, người Ru-ma-ni, người Nga, là những người đang phải suy nghĩ và đắn đo trong bước đi đầu tiên của họ. Tất cả họ đều nhờ đến kho tàng tri thức và kinh nghiệm phong phú của cụ Ăng-ghen.

Mác và Ăng-ghen, — cả hai người đều biết tiếng Nga và đọc sách Nga, — đều quan tâm nhiều đến nước Nga, theo dõi phong trào cách mạng Nga một cách có cảm tình và liên hệ với những người cách mạng Nga. Hai ông đều từ những *người dân chủ* trở thành người xã hội chủ nghĩa, và tình cảm dân chủ *căm ghét* của hai ông đối với chế độ chuyên quyền chính trị thật là hết sức mãnh liệt. Tình cảm chính trị trực tiếp đó, cộng thêm sự hiểu biết lý luận sâu sắc về quan hệ giữa chế độ chuyên quyền chính trị và sự áp bức kinh tế, cũng như kinh nghiệm

sống dồi dào, đã khiến cho Mác và Ăng-ghen hết sức nhạy cảm chính là về mặt *chính trị*. Cho nên cuộc đấu tranh anh hùng của một nhóm rất nhỏ những người cách mạng Nga chống lại chính phủ Nga hoàng hùng mạnh được hai nhà cách mạng lão luyện đó hưởng ứng với thái độ đồng tình nhất. Trái lại, mọi manh tâm vin vào những lợi ích kinh tế hư ảo để rời bỏ nhiệm vụ trực tiếp nhất và quan trọng nhất của những người xã hội chủ nghĩa Nga, tức là việc giành lấy tự do chính trị, thì dĩ nhiên là bị hai ông coi là đáng nghi; thậm chí hai ông còn coi đó là một thái độ phản bội sự nghiệp vĩ đại của cách mạng xã hội. «Việc giải phóng giai cấp vô sản phải là sự nghiệp của bản thân giai cấp vô sản»[52], — Mác và Ăng-ghen luôn luôn dạy như thế. Mà muốn đấu tranh để tự giải phóng về mặt kinh tế thì giai cấp vô sản phải giành cho được một số quyền *chính trị* nhất định. Ngoài ra, cả Mác, cả Ăng-ghen đều thấy rõ rằng cách mạng chính trị ở Nga cũng sẽ có một ý nghĩa lớn lao đối với phong trào công nhân ở Tây Âu. Nước Nga chuyên chế xưa nay vẫn là thành trì của tất cả thế lực phản động châu Âu. Dĩ nhiên là địa vị quốc tế đặc biệt có lợi cho Nga sau cuộc chiến tranh 1870, cuộc chiến tranh đã gieo rắc sự bất hòa giữa Đức và Pháp trong một thời gian lâu, chỉ làm tăng thêm tác dụng của nước Nga chuyên chế là một lực lượng phản động mà thôi. Chỉ có một nước Nga tự do, không cần phải áp bức người Ba-lan, người Phần-lan, người Đức, người Ác-mê-ni và những dân tộc nhỏ yếu khác, không cần phải luôn luôn làm cho nước Pháp và nước Đức chống lại nhau, mới có thể khiến cho châu Âu hiện đại thoát khỏi những gánh nặng chiến tranh, mới làm cho tất cả các phần tử phản động ở châu Âu yếu đi và lực lượng của giai cấp công nhân châu Âu tăng lên. Bởi vậy, Ăng-ghen hết sức mong mỏi rằng quyền tự do chính trị được thiết lập ở Nga để có lợi cho cả thắng lợi của phong trào công nhân phương Tây. Ăng-ghen mất đi, những người cách mạng Nga đã mất một người bạn tốt nhất.

Phri-đrích Ăng-ghen, người chiến sĩ và người thầy vĩ đại của giai cấp vô sản, đời đời sống mãi!

Viết xong vào mùa thu 1895 — Toàn tập, t. 2

TẬP THƯ GIỮA MÁC VÀ ĂNG-GHEN[53]

Tập thư của các nhà sáng lập trứ danh ra chủ nghĩa xã hội khoa học được dự định xuất bản từ lâu thì nay đã ra đời. Trong lời của mình, Ăng-ghen di chúc đã trao cho Bê-ben và Béc-stanh phụ trách việc xuất bản tập đó, và Bê-ben, trước lúc qua đời ít lâu, đã kịp hoàn thành phần biên tập do mình phụ trách.

Tập thư của Mác và Ăng-ghen, do Nhà xuất bản Đít-xơ ở Stút-ga xuất bản được vài tuần nay, gồm bốn quyển lớn. Tổng cộng có 1 386 bức thư giữa Mác và Ăng-ghen, viết trong khoảng thời gian rất dài từ 1844 đến 1883.

Công tác biên tập, nghĩa là viết những lời tựa cho từng tập qua các thời kỳ, là do E. Béc-stanh đảm nhiệm. Quả như người ta có thể đoán trước được, công tác đó thì thiếu sót cả về mặt kỹ thuật cũng như về mặt tư tưởng. Béc-stanh — sau «bước tiến triển» lừng danh một cách đáng buồn của mình tới những quan điểm của chủ nghĩa cơ hội cực đoan — thì đáng lẽ không nên đảm nhiệm công việc biên tập những thư tràn đầy tinh thần cách mạng. Những bài tựa của Béc-stanh, phần thì không có nội dung, phần thì hoàn toàn sai, chẳng hạn như đáng lẽ là nói lên một cách chính xác, rõ ràng và trực tiếp những sai lầm cơ hội chủ nghĩa của Lát-xan và Svai-txơ đã bị Mác và Ăng-ghen vạch ra thì người ta lại thấy những lời nói chiết trung chủ nghĩa và những lời công kích đại loại như: «không phải lúc nào Mác và Ăng-ghen phản đối Lát-xan cũng đều đúng cả» (t. III, tr. XVIII); hoặc về mặt sách lược thì Mác và Ăng-ghen «gần» Svai-txơ «hơn» là gần Liep-nếch (t. IV, tr. X). Những lời công kích đó không có nội dung nào khác ngoài việc che giấu và ngụy trang chủ nghĩa cơ hội. Thật chán thay, cái thái độ chiết trung chủ nghĩa đối với cuộc đấu tranh tư tưởng của Mác chống nhiều kẻ thù của Người, lại càng ngày càng phổ biến trong nội bộ Đảng dân chủ - xã hội Đức hiện đại.

Về mặt kỹ thuật, thì bản chỉ dẫn không làm cho người ta thỏa mãn, một bản cho cả bốn quyển (chẳng hạn, không có những tên người như: Cau-xky, Xtiếc-linh); những chú thích cho các bức thư thì quá ít và chìm trong những lời tựa của người biên tập, chứ không để liền ngay cạnh từng bức thư, như Doóc-ghê đã làm, v. v..

Giá bán tập thư in ra lại quá cao — bốn tập mà giá gần 20 rúp. Không nghi ngờ gì cả, người ta có thể và phải xuất bản toàn tập thư đó, một cách không quá sang như thế, với giá bán dễ mua hơn và ngoài ra, để phổ biến rộng trong công nhân thì phải xuất bản những đoạn trích quan trọng nhất về mặt nguyên tắc.

Đương nhiên là tất cả những khuyết điểm đó về xuất bản sẽ làm cho việc nghiên cứu tập thư thành khó khăn. Thật đáng tiếc, vì giá trị khoa học và chính trị của tập thư thì rất lớn. Ở đây, chẳng những Mác và Ăng-ghen đã xuất hiện trước mắt độc giả một cách đặc biệt rõ nét, với tất cả tầm vĩ đại của hai ông, mà ở đây, nội dung lý luận cực kỳ phong phú của chủ nghĩa Mác cũng biểu lộ ra một cách hết sức rõ, vì trong những bức thư của mình, Mác và Ăng-ghen thường đề cập nhiều lần đến các mặt hết sức khác nhau của học thuyết của mình, nhấn mạnh và làm sáng tỏ — đôi khi thảo luận với nhau và thuyết phục lẫn nhau — những cái mới nhất (so với những quan điểm cũ), những cái quan trọng nhất, khó nhất.

Bạn đọc sẽ thấy diễn ra trước mắt mình một cách hết sức sinh động, lịch sử phong trào công nhân toàn thế giới, — trong những thời kỳ quan trọng nhất và ở những nơi chủ yếu nhất. Nhưng cái còn quý báu hơn nữa, ấy là lịch sử *chính trị* của giai cấp công nhân. Đối với các vấn đề hết sức khác nhau trong những nước khác nhau trong thế giới cũ và ở thế giới mới, trong những thời kỳ lịch sử khác nhau, Mác và Ăng-ghen đã bàn đến những cái có ý nghĩa nguyên tắc nhất trong *cách đặt* vấn đề về nhiệm vụ *chính trị* của giai cấp công nhân. Mà cái thời kỳ tập thư bao hàm lại chính là thời kỳ giai cấp công nhân tách khỏi phái dân chủ tư sản, thời kỳ xuất hiện một phong trào công nhân độc lập, thời kỳ những nguyên lý cơ bản của sách lược vô sản và chính sách vô sản được xác định. Ngày nay, người ta càng nhận thấy rằng, phong trào công nhân các nước bị khổ vì chủ nghĩa cơ hội như thế nào, do tình trạng trì trệ và thối nát của giai cấp tư sản, do các lãnh tụ công nhân chỉ chuyên chú vào những việc nhỏ nhặt hàng ngày, v. v., thì những tài liệu vô cùng phong phú trong tập thư lại càng trở nên quý giá, những tài liệu đó chứng tỏ sự hiểu biết hết sức sâu sắc về những mục

đích của giai cấp vô sản nhằm cải tạo *căn bản* và chứng tỏ sự quy định một cách cực kỳ mềm dẻo những nhiệm vụ sách lược tương ứng, xuất phát từ những mục đích cách mạng đó, mà không mảy may nhượng bộ chủ nghĩa cơ hội hoặc những luận điệu cách mạng trống rỗng.

Nếu muốn dùng chỉ một từ để định nghĩa cái có thể nói là tiêu điểm của toàn bộ tập thư — tức là điểm trung tâm quy tụ tất cả những tư tưởng đã phát biểu và đã được thảo luận — thì từ đó sẽ là *phép biện chứng*. Vận dụng phép biện chứng duy vật vào việc cải tạo toàn bộ khoa kinh tế chính trị một cách căn bản, vận dụng phép đó vào lịch sử, vào khoa học tự nhiên, vào triết học, vào chính sách và sách lược của giai cấp công nhân, — đó là điều mà Mác và Ăng-ghen chú ý hơn cả; đó là cống hiến căn bản nhất và mới nhất của hai ông và đó là bước tiến thiên tài của hai ông trong lịch sử của tư tưởng cách mạng.

Trong phần trình bày tiếp, chúng tôi dự tính là sau khi nói khái quát về tập thư, chúng tôi sẽ sơ lược trình bày những nhận định và lập luận đáng chú ý nhất của Mác và Ăng-ghen, nhưng không có tham vọng chút nào nói hết tất cả nội dung các bức thư.

I. Nhìn khái quát

Mở đầu tập thư là những bức thư của Ăng-ghen viết lúc 24 tuổi, gửi cho Mác vào năm 1844. Tình hình ở Đức hồi đó được nói lên một cách hết sức nổi bật. Bức thư đầu tiên, viết vào cuối tháng Chín 1844, và gửi từ Bác-mên, là nơi mà gia đình Ăng-ghen sinh sống và là nơi sinh của ông. Hồi đó, Ăng-ghen chưa đầy 24 tuổi. Ông chán cảnh gia đình và tìm cách thoát ly gia đình. Cha ông là một người độc đoán, một chủ xưởng sùng đạo, bực mình vì thấy con cứ đi dự các cuộc hội họp chính trị và có những niềm tin cộng sản. Nếu không phải vì mẹ tôi mà tôi rất yêu mến, — Ăng-ghen viết — thì có lẽ tôi đã không chịu nổi thậm chí mấy ngày còn lại trước khi ra đi. Anh không thể tưởng được — Ăng-ghen phàn nàn với Mác — những lý do nhỏ nhen, những điều lo sợ có tính chất mê tín mà gia đình viện ra để phản đối việc tôi ra đi.

Trong thời gian Ăng-ghen còn ở lại Bác-mên, — một mối tình đã lưu ông lại ít ngày ở đó — ông nhượng bộ cha và đi làm vài tuần ở

văn phòng công xưởng (lúc đó, cha ông là chủ xưởng). «Buôn bán là ghê tởm, — Ăng-ghen viết cho Mác, — Bác-mên là một thành phố ghê tởm, cái cách dùng thì giờ ở đây là một điều ghê tởm; và điều đặc biệt ghê tởm là chẳng những làm một anh tư sản, mà lại còn làm một anh chủ xưởng, nghĩa là một anh tư sản hoạt động tích cực chống lại giai cấp vô sản». Ăng-ghen viết tiếp rằng tôi tự an ủi bằng cách viết cuốn sách của tôi nói về tình cảnh giai cấp công nhân (sách này như mọi người đều biết, được xuất bản năm 1845 và là một trong những tác phẩm ưu tú nhất trong những văn phẩm xã hội chủ nghĩa thế giới). «Có thể làm một người cộng sản, mà do hoàn cảnh bên ngoài, vẫn là một anh tư sản và làm cái việc buôn bán chó chết này, chừng nào mà không viết lách gì; chứ làm công tác tuyên truyền cộng sản rộng rãi, mà đồng thời lại hoạt động kinh doanh công thương nghiệp, thì thật là không ổn. Tôi sẽ đi khỏi đây. Thêm vào đó, lại còn có cuộc sống mụ mẫm trong một gia đình Phổ ngoan đạo đến cùng: tôi không sao chịu được hơn nữa, có lẽ rồi ở đây tôi đến trở thành một anh phi-li-xtanh Đức và đem chủ nghĩa phi-li-xtanh du nhập vào chủ nghĩa cộng sản mất». Hồi đó, người thanh niên Ăng-ghen đã viết như thế đấy. Sau cách mạng 1848, cuộc sống đã buộc ông lại phải quay về văn phòng của người cha, và trong nhiều năm, ông đã phải làm cái «việc buôn bán chó chết», nhưng lúc này ông chịu đựng được, ông đã tạo ra xung quanh mình một bầu không khí, không phải là bầu không khí Phổ ngoan đạo, mà là một bầu không khí khác hẳn, một bầu không khí bè bạn; ông đã suốt đời trở thành kẻ thù không đội trời chung với cái lối «đem chủ nghĩa phi-li-xtanh du nhập vào chủ nghĩa cộng sản».

Đời sống xã hội của một tỉnh ở Đức hồi 1844 cũng tương tự như đời sống ở Nga hồi đầu thế kỷ XX, trước cách mạng 1905. Mọi người đều háo hức tham gia chính trị, mọi người đều sôi sục căm uất chống chính phủ; bọn mục sư thì thóa mạ thanh niên theo chủ nghĩa vô thần; con cái các gia đình tư sản làm rầy cha mẹ, phản đối cha mẹ «có thái độ của kẻ quý tộc đối với những người ở và công nhân».

Tinh thần phản đối phổ biến thể hiện ở chỗ là tất cả mọi người đều tự xưng là cộng sản. Ăng-ghen đã viết cho Mác: «Ở Bác-mên, viên cảnh sát trưởng là người cộng sản». Tôi đã đến Cô-lô-nhơ, Đuýt-xen-đoóc-phơ, En-béc-phen, — chỗ nào cũng gặp những người cộng sản! «Một người cộng sản rất nhiệt tâm, họa sĩ, vẽ tranh châm biếm, tên là Dê-en, hai tháng nữa anh ta sẽ đi Pa-ri. Tôi sẽ bảo người đó đến gặp anh.

Người này sẽ làm cho anh hài lòng về mọi mặt, — anh ta có nhiệt tình, thích âm nhạc, và có thể dùng rất tốt làm họa sĩ vẽ tranh châm biếm».

«Ở En-béc-phen này, đang xảy ra những chuyện kỳ lạ. Bữa qua (thư viết ngày 22 tháng Hai 1845), chúng tôi đã họp cuộc họp cộng sản lần thứ ba trong gian phòng lớn nhất của một khách sạn sang nhất trong thành phố. Cuộc họp thứ nhất có 40 người dự, cuộc họp thứ hai có 130 người và cuộc họp thứ ba có ít nhất là 200 người. Tất cả En-béc-phen và tất cả Bác-mên, từ những nhà quý tộc giàu có đến những chủ hiệu nhỏ, đều có mặt, chỉ trừ có giai cấp vô sản».

Ăng-ghen đã viết nguyên văn như vậy. Ở Đức hồi đó, tất cả mọi người đều là cộng sản, chỉ trừ giai cấp vô sản là không. Chủ nghĩa cộng sản là hình thức biểu hiện tinh thần chống đối trong tất cả mọi người và nhất là trong giai cấp tư sản. «Cái đám người ngu độn nhất, lười nhác nhất, phi-li-xtanh nhất đó, không quan tâm đến một cái gì trên đời thì nay bắt đầu công khai tỏ ra hoan nghênh chủ nghĩa cộng sản». Những người tuyên truyền chủ yếu cho chủ nghĩa cộng sản hồi đó giống như những người thuộc loại dân túy [54], «xã hội chủ nghĩa - cách mạng», «xã hội chủ nghĩa nhân dân» [55] ở nước ta, v. v., nghĩa là, trên thực tế là những người tư sản có thiện ý, ít nhiều căm phẫn chống chính phủ.

Thế mà, trong một bầu không khí như vậy, giữa vô số những tư trào và phe phái gọi là xã hội chủ nghĩa, Ăng-ghen đã biết tự vạch cho mình một con đường đi đến chủ nghĩa xã hội *vô sản*, không sợ đoạn tuyệt với đông đảo những con người tốt, những nhà cách mạng nhiệt tình, nhưng là những người cộng sản tồi.

Năm 1846, Ăng-ghen ở Pa-ri. Hồi đó, Pa-ri đang sôi sục một không khí chính trị và đang tranh luận về các học thuyết xã hội chủ nghĩa khác nhau. Ăng-ghen say sưa nghiên cứu chủ nghĩa xã hội, làm quen với Ca-bê, Lu-i Blăng và những nhà xã hội chủ nghĩa nổi tiếng khác, thường lui tới các tòa soạn và các nhóm chính trị.

Ông chủ yếu chú ý đến một học thuyết xã hội chủ nghĩa nghiêm túc nhất và phổ biến nhất thời đó là chủ nghĩa Pru-đông [56]. Và ngay cả *trước khi* quyển «Triết học của sự khốn cùng» của Pru-đông được xuất bản (tháng Mười 1846; Mác đã trả lời cuốn sách này bằng tác phẩm nổi tiếng của ông là «Sự khốn cùng của triết học», xuất bản năm 1847), Ăng-ghen đã phê bình một cách chua cay thẳng tay và cực kỳ sâu sắc những tư tưởng căn bản của Pru-đông, mà nhà xã hội chủ nghĩa Đức Gruyn hồi đó đặc biệt tán dương. Do hiểu biết rất giỏi tiếng Anh (còn Mác thì mãi sau này mới học biết tiếng Anh) và sách báo Anh, nên lúc

đó Ăng-ghen đã có thể nêu ra ngay (trong thư ngày 16 tháng Chín 1846) những ví dụ chứng tỏ sự phá sản ở nước Anh của những «chợ lao động»[57] nổi tiếng một cách đáng buồn kiểu Pru-đông. Pru-đông đã *bôi xấu* chủ nghĩa xã hội, — Ăng-ghen nổi giận nói như vậy — theo Pru-đông thì công nhân phải *chuộc lại* tư bản!

Ăng-ghen, lúc đó 26 tuổi, đã trực tiếp đập tan «chủ nghĩa xã hội chân chính»[58], — danh từ này chúng ta gặp trong bức thư ngày 23 tháng Mười 1846, tức là một thời gian lâu trước khi có «Tuyên ngôn của Đảng cộng sản», — cái chủ nghĩa xã hội mà người đại biểu chính của nó, ông đã chỉ tên ra là Gruyn. Một học thuyết «phản giai cấp vô sản, tiểu tư sản, phi-li-xtanh», những «lời nói rỗng tuếch», đủ mọi loại nguyện vọng «chung cho mọi người», «mù quáng sợ hãi chủ nghĩa cộng sản «thô lỗ»» (Löffel-Kommunismus — nguyên văn nghĩa là: «chủ nghĩa cộng sản của cái thìa» hay chủ nghĩa cộng sản chỉ thú miếng ăn), «kế hoạch hòa bình để đem lại hạnh phúc» cho loài người — đó là những lời Ăng-ghen phê phán *tất cả* các thứ chủ nghĩa xã hội trước Mác.

«Cả ba tối, — Ăng-ghen viết — chúng tôi đã tranh luận về chủ nghĩa Pru-đông; hầu hết mọi người, đứng đầu là Gruyn, đều phản đối tôi. Điểm chủ yếu mà tôi phải chứng minh là tính tất yếu của một cuộc cách mạng bạo lực» (23 tháng Mười 1846). Sau cùng tôi nổi nóng và quần cho đối phương đến mức họ buộc phải công khai nói chống lại chủ nghĩa cộng sản. Tôi yêu cầu biểu quyết về vấn đề xem chúng ta có phải là những người cộng sản hay không. Phái Gruyn hết sức phẫn nộ, họ liền chống chế lại là họ họp nhau ở đây để thảo luận vấn đề «hạnh phúc của loài người» và cần phải biết chủ nghĩa cộng sản *thực ra là cái gì* đã. Tôi đã nói cho họ biết một định nghĩa cực kỳ giản đơn để cho họ không thể nào hiểu chệch ra ngoài thực chất của vấn đề được. Ăng-ghen viết: «Tôi đã xác định chủ trương của những người cộng sản như sau: 1) bênh vực lợi ích của những người vô sản chống lại lợi ích của bọn tư sản; 2) đạt mục tiêu đó bằng cách thủ tiêu chế độ tư hữu và thay bằng chế độ công hữu; 3) không thừa nhận một phương sách nào khác để thực hiện chủ trương đó, ngoài cuộc cách mạng dân chủ, bạo lực» (thư này viết một năm rưỡi trước cách mạng 1848).

Cuộc tranh luận kết thúc như sau: định nghĩa của Ăng-ghen đã được thông qua với 13 phiếu thuận và 2 phiếu phản đối của những người thuộc phe Gruyn. Khoảng 20 thợ mộc tiểu thủ công đã dự các cuộc họp đó. 67 năm trước đây, ở Pa-ri, những cơ sở của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Đức đã được xây dựng lên như vậy đấy.

Một năm sau, trong một bức thư đề ngày 24 tháng Mười một 1847, Ăng-ghen đã báo tin cho Mác biết rằng ông chuẩn bị xong bản dự thảo cuốn «Tuyên ngôn của Đảng cộng sản» và nói rằng ông không thích cái hình thức vấn đáp mà trước đây ông đã chủ trương. Ăng-ghen viết: «Tôi bắt đầu bằng câu hỏi: chủ nghĩa cộng sản là gì? Rồi tôi nói ngay đến giai cấp vô sản: lịch sử nguồn gốc của nó, chỗ khác nhau giữa nó với công nhân xưa kia, sự phát triển của tình trạng đối lập giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, những cuộc khủng hoảng, kết luận». «Ở phần cuối, là chính sách của Đảng của những người cộng sản».

Bức thư lịch sử đó của Ăng-ghen — nói về bản sơ thảo đầu tiên của một tác phẩm đã được truyền đi khắp thế giới và cho đến nay, nó vẫn đúng về tất cả mọi điều căn bản, nó sinh động và có tính thời sự tựa như vừa mới được viết ra hôm qua, — chỉ rõ rằng người ta để tên của Mác và Ăng-ghen, những người sáng lập ra chủ nghĩa xã hội hiện đại, liền bên cạnh nhau, là đúng.

Viết xong vào cuối năm 1913 Toàn tập, t. 24

LỜI PHÁT BIỂU TẠI BUỔI LỄ KHÁNH THÀNH ĐÀI KỶ NIỆM MÁC VÀ ĂNG-GHEN NGÀY 7 THÁNG MƯỜI MỘT 1918

Hôm nay, chúng ta khánh thành đài kỷ niệm Mác và Ăng-ghen, hai vị lãnh tụ của cách mạng công nhân thế giới.

Trong bao nhiêu thế kỷ nay, loài người đã từng đau khổ và bị hành hạ dưới ách thống trị của một nhúm rất nhỏ kẻ bóc lột đã áp bức hàng triệu người lao động. Nhưng nếu những kẻ bóc lột của thời đại trước, tức là bọn chúa đất, đã cướp bóc và áp bức nông nô sống rời rạc, tản mạn và không có văn hóa thì bọn bóc lột hiện đại, tức là bọn tư bản, lại đang đương đầu với đội ngũ tiên tiến của quần chúng bị áp bức, những công nhân công nghiệp thành thị, trong các nhà máy và công xưởng. Nhà máy đã đoàn kết họ lại, đời sống thành thị đã mở mang trí tuệ cho họ, cuộc đấu tranh bãi công chung và các hành động cách mạng đã tôi luyện họ.

Công lao vĩ đại có ý nghĩa lịch sử thế giới, của Mác và Ăng-ghen, là ở chỗ hai ông đã chứng minh, bằng phương pháp phân tích khoa học, rằng chủ nghĩa tư bản không thể tránh khỏi bị tan vỡ và chủ nghĩa tư bản sẽ chuyển lên chủ nghĩa cộng sản, trong đó không còn có nạn người bóc lột người.

Công lao vĩ đại có ý nghĩa lịch sử thế giới, của Mác và Ăng-ghen, là ở chỗ hai ông đã chỉ ra cho những người vô sản ở tất cả các nước thấy vai trò của họ, nhiệm vụ của họ, sứ mệnh của họ là: đứng ở hàng đầu cuộc đấu tranh cách mạng chống tư bản và tập hợp xung quanh mình, trong cuộc đấu tranh này, *tất cả* những người lao động và những người bị áp bức.

Chúng ta đang sống ở một thời đại hạnh phúc mà lời tiên đoán đó của hai nhà xã hội chủ nghĩa vĩ đại bắt đầu được thực hiện. Tất cả chúng ta đều thấy bình minh của cách mạng xã hội chủ nghĩa quốc tế của giai cấp vô sản đang bừng lên ở nhiều nước. Những sự khủng khiếp chưa từng thấy của cuộc thảm sát do chủ nghĩa đế quốc gây ra

cho các dân tộc, đang gây ra ở khắp mọi nơi, một cao trào đấu tranh anh dũng của quần chúng bị áp bức, và đã nhân gấp bội lực lượng của họ trong cuộc đấu tranh để tự giải phóng.

Mong rằng đài kỷ niệm Mác và Ăng-ghen sẽ nhắc nhở mãi mãi cho hàng triệu công nhân và nông dân thấy rằng chúng ta không đơn độc trong cuộc đấu tranh của chúng ta. Sát cánh với chúng ta, công nhân các nước tiên tiến hơn đang nổi dậy đấu tranh. Nhiều cuộc chiến đấu gay go còn đang chờ đợi họ và chúng ta. Trong cuộc đấu tranh chung đó, ách thống trị của tư bản sẽ bị đập tan, chủ nghĩa xã hội sẽ giành được thắng lợi cuối cùng!

Toàn tập, t. 37

BA NGUỒN GỐC VÀ BA BỘ PHẬN CẤU THÀNH CỦA CHỦ NGHĨA MÁC[59]

Trong toàn thế giới văn minh, học thuyết của Mác đã gây ra sự thù địch mạnh nhất và lòng căm thù lớn nhất của toàn bộ khoa học tư sản (cả của giới quan phương lẫn của phái tự do), là khoa học xem chủ nghĩa Mác như một loại «tông phái có hại». Không thể trông mong có một thái độ nào khác thế được, vì trong một xã hội xây dựng trên đấu tranh giai cấp thì không thể có một khoa học xã hội «vô tư» được. Bằng cách này hay cách khác, *toàn bộ* khoa học của giới quan phương và của phái tự do đều *bênh vực* chế độ nô lệ làm thuê, còn chủ nghĩa Mác thì tuyên chiến quyết liệt với chế độ nô lệ ấy. Mong đợi có một khoa học vô tư trong một xã hội xây dựng trên chế độ nô lệ làm thuê là một sự khờ dại ngây thơ không khác gì mong đợi các chủ xưởng tỏ ra vô tư trong vấn đề xem có nên bớt lợi nhuận của tư bản để tăng tiền công cho công nhân không.

Nhưng chưa phải thế là hết. Lịch sử triết học và lịch sử khoa học xã hội chỉ ra một cách hoàn toàn rõ ràng chủ nghĩa Mác không có gì là giống «chủ nghĩa tông phái», hiểu theo nghĩa là một học thuyết đóng kín và cứng nhắc, nảy sinh *ở ngoài* con đường phát triển vĩ đại của văn minh thế giới. Trái lại, tất cả thiên tài của Mác chính là ở chỗ đã giải đáp được những vấn đề mà tư tưởng tiên tiến của nhân loại đã nêu ra. Học thuyết của ông ra đời thành *sự thừa kế* thẳng và trực tiếp học thuyết của các đại biểu xuất sắc nhất cho triết học, chính trị kinh tế học và chủ nghĩa xã hội.

Học thuyết của Mác là học thuyết vạn năng vì nó chính xác, nó hoàn bị và chặt chẽ; nó cung cấp cho người ta một thế giới quan hoàn chỉnh, không thỏa hiệp với bất cứ một sự mê tín nào, một thế lực phản động nào, một hành vi nào bảo vệ sự áp bức của giai cấp tư sản. Nó là kẻ thừa kế chính đáng của tất cả những cái tốt đẹp nhất mà loài người

đã sáng tạo ra hồi thế kỷ XIX: triết học Đức, chính trị kinh tế học Anh và chủ nghĩa xã hội Pháp.

Chúng tôi sẽ nói vắn tắt về ba nguồn gốc và ba bộ phận cấu thành đó của chủ nghĩa Mác.

I

Triết học của chủ nghĩa Mác là *chủ nghĩa duy vật*. Trong suốt toàn bộ lịch sử hiện đại của châu Âu và nhất là vào cuối thế kỷ XVIII, ở nước Pháp, nơi đã diễn ra một cuộc quyết chiến chống tất cả những rác rưởi của thời trung cổ, chống chế độ nông nô trong các thiết chế và trong những tư tưởng thì chủ nghĩa duy vật là triết học duy nhất triệt để, trung thành với tất cả mọi học thuyết của khoa học tự nhiên, thù địch với mê tín, với thói đạo đức giả v. v.. Cho nên, những kẻ thù của phái dân chủ hết sức tìm cách «bác bỏ», phá hoại, vu cáo chủ nghĩa duy vật và bênh vực các loại chủ nghĩa duy tâm triết học là chủ nghĩa, bằng cách này hay cách khác, rút cuộc lại đều luôn luôn bênh vực hay ủng hộ tôn giáo.

Mác và Ăng-ghen kiên quyết bảo vệ chủ nghĩa duy vật triết học và đã nhiều lần vạch rõ rằng mọi khuynh hướng ly khai cơ sở ấy là hết sức sai lầm. Quan điểm của hai ông được trình bày rõ rệt nhất và tỉ mỉ nhất trong những tác phẩm của Ăng-ghen: «Lút-vích Phơ-bách» và «Chống Đuy-rinh», những sách này cũng như «Tuyên ngôn của Đảng cộng sản», đều là những sách gối đầu giường của mọi công nhân giác ngộ.

Nhưng Mác không dừng lại ở chủ nghĩa duy vật của thế kỷ XVIII, ông đẩy triết học tiến lên nữa. Ông làm cho triết học thêm phong phú bằng những thành quả của triết học cổ điển Đức và nhất là của hệ thống triết học Hê-ghen, là hệ thống, đến lượt nó, lại dẫn tới chủ nghĩa duy vật của Phơ-bách. Trong số những thành quả đó thì thành quả chủ yếu là *phép biện chứng*, tức là học thuyết về sự phát triển, dưới hình thức hoàn bị nhất, sâu sắc nhất và không phiến diện, tức là học thuyết về tính tương đối của nhận thức của con người, nhận thức này phản ánh vật chất luôn luôn phát triển không ngừng. Những phát hiện mới đây của khoa học tự nhiên — như ra-đi-om, điện tử, sự biến hóa của nguyên tố — đều xác nhận một cách tuyệt diệu chủ nghĩa duy vật biện chứng của Mác, bất chấp những học thuyết của các nhà triết học

tư sản cùng với việc họ «lại» quay về với chủ nghĩa duy tâm đã cũ kỹ và thối nát.

Nghiên cứu sâu hơn và phát triển chủ nghĩa duy vật triết học, Mác đã đưa học thuyết đó tới chỗ hoàn bị và mở rộng học thuyết ấy từ chỗ nhận thức giới tự nhiên đến chỗ nhận thức *xã hội loài người*. *Chủ nghĩa duy vật lịch sử* của Mác là thành tựu vĩ đại nhất của tư tưởng khoa học. Sự hỗn độn và sự tùy tiện từ trước đến nay vẫn thống trị trong các quan niệm về lịch sử và chính trị đã được thay thế bằng một lý luận khoa học hết sức hoàn chỉnh và chặt chẽ, nó chỉ cho ta thấy rằng do sự phát triển của lực lượng sản xuất mà từ một chế độ sinh hoạt xã hội này đã nảy ra và phát triển lên như thế nào một chế độ sinh hoạt xã hội khác, cao hơn, — chẳng hạn như chủ nghĩa tư bản đã nảy sinh ra như thế nào từ chế độ nông nô.

Nhận thức của con người phản ánh giới tự nhiên đang tồn tại độc lập đối với con người, nghĩa là phản ánh vật chất đang phát triển, thì *sự nhận thức xã hội* của con người (nghĩa là các quan điểm và học thuyết khác nhau về triết học, tôn giáo, chính trị, v. v.) cũng thế, nó phản ánh *chế độ kinh tế* của xã hội. Các thiết chế chính trị đều là kiến trúc thượng tầng, xây dựng trên một cơ sở kinh tế. Chúng ta thấy, chẳng hạn, những chính thể khác nhau của các nước hiện đại ở châu Âu đều được dùng để củng cố quyền thống trị của giai cấp tư sản đối với giai cấp vô sản như thế nào.

Triết học của Mác là một chủ nghĩa duy vật triết học hoàn bị, nó đã cung cấp cho loài người và nhất là cho giai cấp công nhân, những công cụ nhận thức vĩ đại.

II

Sau khi nhận thấy rằng chế độ kinh tế là cơ sở trên đó kiến trúc thượng tầng chính trị được xây dựng lên thì Mác chú ý nhiều nhất đến việc nghiên cứu chế độ kinh tế ấy. Tác phẩm chính của Mác là bộ «Tư bản» được dành riêng để nghiên cứu chế độ kinh tế của xã hội hiện đại, nghĩa là xã hội tư bản chủ nghĩa.

Chính trị kinh tế học cổ điển hồi trước Mác thì hình thành ở Anh là nước tư bản phát triển nhất. A-đam Xmít và Đa-vít Ri-các-đô, qua việc nghiên cứu chế độ kinh tế, đã mở đầu *lý luận về giá trị lao động*. Mác đã tiếp tục sự nghiệp của hai người đó. Ông đã mang lại cho lý

luận đó một cơ sở chặt chẽ và phát triển lý luận đó một cách nhất quán. Ông chỉ ra rằng giá trị của mọi hàng hóa được quyết định bởi số lượng thời gian lao động xã hội tất yếu để sản xuất ra hàng hóa ấy.

Ở chỗ nào mà các nhà kinh tế học tư sản nhìn thấy quan hệ giữa vật với vật (hàng hóa này đổi lấy hàng hóa khác), thì ở đó, Mác đã tìm thấy *quan hệ giữa người với người*. Sự trao đổi hàng hóa biểu thị sự liên hệ giữa những người sản xuất riêng lẻ với nhau, do thị trường làm trung gian. *Tiền tệ* xuất hiện có nghĩa là mối liên hệ ấy ngày càng thêm chặt chẽ, gắn bó toàn bộ sinh hoạt kinh tế của những người sản xuất riêng lẻ thành một chỉnh thể không thể phân chia. *Tư bản* xuất hiện có nghĩa là mối liên hệ ấy tiếp tục phát triển hơn nữa: sức lao động của con người trở thành hàng hóa. Công nhân làm thuê bán sức lao động của mình cho người chủ ruộng đất, chủ nhà máy, chủ công cụ lao động. Người công nhân dùng một phần ngày lao động để bù vào chi phí nuôi bản thân và nuôi gia đình mình (tiền công); còn phần kia thì làm công không, tạo ra *giá trị thặng dư* cho người tư bản, đó là nguồn lợi nhuận, nguồn giàu có của giai cấp tư bản.

Học thuyết về giá trị thặng dư là viên đá tảng của học thuyết kinh tế của Mác.

Tư bản, do lao động của công nhân tạo ra, đè nặng lên người công nhân, làm phá sản các tiểu chủ và tạo ra một đạo quân thất nghiệp. Trong công nghiệp, thắng lợi của sản xuất lớn thì thấy rõ được ngay; nhưng cả trong nông nghiệp, chúng ta cũng thấy một hiện tượng tương tự như thế: ưu thế của nông nghiệp tư bản chủ nghĩa quy mô lớn tăng thêm, việc dùng máy móc ngày càng phát triển, kinh tế nông dân bị siết chặt trong sợi dây thòng lọng của tư bản tiền tệ, bị suy tàn và phá sản vì kỹ thuật lạc hậu của mình. Trong nông nghiệp, nền sản xuất nhỏ có những hình thức suy tàn khác, nhưng chính sự suy tàn đó là một sự thật không thể bàn cãi được.

Đánh bại sản xuất nhỏ, tư bản đưa đến chỗ nâng cao năng suất lao động và tạo ra một địa vị độc quyền cho những công ty của các nhà đại tư bản. Bản thân sản xuất ngày càng được xã hội hóa, — hàng chục vạn và hàng triệu công nhân gắn chặt với nhau trong một cơ cấu kinh tế có kế hoạch, — nhưng sản phẩm của lao động chung thì lại do một nhúm nhà tư bản chiếm hữu. Tình trạng vô chính phủ trong sản xuất, những cuộc khủng hoảng, sự chạy đua điên cuồng đi tìm thị trường, tình trạng đời sống của quần chúng nhân dân không được đảm bảo đều tăng lên.

Khi làm cho công nhân ngày càng lệ thuộc vào tư bản, chế độ tư bản chủ nghĩa tạo ra sức mạnh vĩ đại của lao động liên hợp.

Mác đã nghiên cứu sự phát triển của chủ nghĩa tư bản từ những mầm mống đầu tiên của kinh tế hàng hóa, tức là từ sự trao đổi đơn giản, cho đến những hình thức cao nhất của nó, tức là sản xuất lớn.

Và kinh nghiệm của tất cả các nước tư bản chủ nghĩa cũ cũng như mới, ngày càng chứng tỏ rõ ràng cho một số công nhân ngày càng đông thấy rằng học thuyết ấy của Mác là đúng.

Chủ nghĩa tư bản đã thắng trên toàn thế giới, nhưng thắng lợi ấy chẳng qua chỉ là màn mở đầu cho thắng lợi của lao động đối với tư bản mà thôi.

III

Khi chế độ nông nô bị lật đổ và khi xã hội tư bản *«tự do»* đã ra đời thì lập tức người ta thấy rõ rằng tự do ấy có nghĩa là một chế độ áp bức và bóc lột mới đối với người lao động. Các loại học thuyết xã hội chủ nghĩa lập tức bắt đầu mọc ra, đó là sự phản ánh và sự phản đối ách áp bức ấy. Nhưng chủ nghĩa xã hội lúc đầu là chủ nghĩa xã hội *không tưởng*. Nó chỉ trích, lên án và nguyền rủa xã hội tư bản; nó mơ ước xóa bỏ xã hội này và tưởng tượng ra một chế độ tốt đẹp hơn; nó tìm cách thuyết phục những người giàu để họ thấy rằng bóc lột là không có đạo đức.

Nhưng chủ nghĩa xã hội không tưởng không thể vạch ra được một lối thoát thực sự. Nó không giải thích được bản chất của chế độ nô lệ làm thuê trong chế độ tư bản, cũng không phát hiện ra được những quy luật phát triển của chế độ tư bản và cũng không tìm ra *lực lượng xã hội* có khả năng trở thành người sáng tạo xã hội mới.

Tuy nhiên, những cuộc cách mạng bão táp, ở khắp châu Âu và nhất là ở Pháp, nổ ra kèm với sự sụp đổ của chế độ phong kiến, của chế độ nông nô, thì ngày càng chứng tỏ rõ rằng *đấu tranh giai cấp* là cơ sở và động lực của toàn bộ quá trình phát triển.

Không một thắng lợi nào về tự do chính trị giành được từ trong tay giai cấp chủ nông nô, mà lại không gặp một sức phản kháng quyết liệt. Không một nước tư bản chủ nghĩa nào được thành lập trên một cơ sở ít nhiều tự do, dân chủ, mà lại không có một cuộc đấu tranh sống mái giữa các giai cấp khác nhau của xã hội tư bản.

Thiên tài của Mác là ở chỗ ông là người đầu tiên đã từ đó rút ra và triệt để vận dụng cái kết luận do lịch sử toàn thế giới chỉ ra. Kết luận đó là học thuyết *đấu tranh giai cấp*.

Chừng nào người ta chưa biết phân biệt được *lợi ích* của giai cấp này hay của giai cấp khác, qua những câu nói, những lời tuyên bố và những lời hứa hẹn nào đó có tính chất đạo đức, tôn giáo, chính trị và xã hội, thì trước sau bao giờ người ta cũng vẫn là kẻ ngốc nghếch bị người khác lừa dối và tự lừa dối mình về chính trị. Những kẻ chủ trương cải cách và cải thiện sẽ còn bị bọn bênh vực cái cũ lừa bịp mãi, nếu họ chưa biết rằng tất cả những chế độ cũ, dầu dã man và thối nát đến đâu đi nữa, cũng đều được những lực lượng của giai cấp thống trị này hay giai cấp thống trị khác ủng hộ. Và muốn đập tan sự phản kháng của những giai cấp ấy, thì *chỉ có một* cách là: tìm ngay trong xã hội xung quanh chúng ta, những lực lượng có thể — và, do địa vị xã hội của chúng mà *phải* — trở thành những lực lượng có khả năng quét sạch cái cũ và tạo ra cái mới, rồi giáo dục và tổ chức những lực lượng ấy để đấu tranh.

Chỉ có chủ nghĩa duy vật triết học của Mác là đã chỉ cho giai cấp vô sản con đường thoát khỏi chế độ nô lệ tinh thần, trong đó tất cả các giai cấp bị áp bức đã sống lay lắt từ trước tới nay. Chỉ có học thuyết kinh tế của Mác là đã giải thích được địa vị thực sự của giai cấp vô sản trong toàn bộ chế độ tư bản chủ nghĩa.

Trên toàn thế giới, kể từ châu Mỹ đến Nhật, từ Thụy-điển đến Nam Phi, những tổ chức độc lập của giai cấp vô sản đang tăng thêm. Giai cấp vô sản tự giáo dục và tự bồi dưỡng trong khi tiến hành cuộc đấu tranh giai cấp của nó, nó thoát khỏi những thiên kiến của xã hội tư sản, ngày càng đoàn kết chặt chẽ lại và biết đánh giá đúng mức những thành tích của nó, nó tôi luyện mãi lực lượng của nó và lớn lên không gì ngăn nổi.

«Giáo dục», số 3, tháng Ba 1913 Toàn tập, t. 23

VẬN MỆNH LỊCH SỬ CỦA HỌC THUYẾT CỦA CÁC MÁC[60]

Điểm chủ yếu trong học thuyết của Mác là ở chỗ nó đã làm sáng rõ vai trò lịch sử thế giới của giai cấp vô sản là người xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa. Sau khi Mác trình bày học thuyết đó, tiến trình những sự biến trên toàn thế giới có chứng thực học thuyết đó không?

Lần đầu tiên Mác đề ra học thuyết của mình là vào năm 1844. Bản «Tuyên ngôn của Đảng cộng sản» của Mác và Ăng-ghen, xuất bản năm 1848, đã trình bày học thuyết đó một cách đầy đủ và có hệ thống, đó là bản trình bày hoàn hảo hơn cả từ trước đến nay. Từ đó trở đi, lịch sử toàn thế giới chia rõ rệt thành ba thời kỳ chính: 1) từ Cách mạng 1848[61] đến Công xã Pa-ri (1871); 2) từ Công xã Pa-ri đến Cách mạng Nga (1905); 3) từ Cách mạng Nga đến nay.

Chúng ta hãy nhìn qua vận mệnh của học thuyết Mác trong từng thời kỳ ấy.

I

Đầu thời kỳ thứ nhất, học thuyết của Mác không hề chiếm được địa vị thống trị. Nó chỉ mới là một trong rất nhiều phái hay trào lưu của chủ nghĩa xã hội. Những hình thức chủ nghĩa xã hội chiếm địa vị thống trị là những hình thức về cơ bản, giống như chủ nghĩa dân túy ở nước ta: không hiểu rõ cơ sở duy vật chủ nghĩa của sự vận động lịch sử, không nhận rõ vai trò và tầm quan trọng của mỗi giai cấp trong xã hội tư bản chủ nghĩa, dùng những lời lẽ giả danh xã hội chủ nghĩa về «nhân dân», «công bằng», «quyền» v. v. để che đậy thực chất tư sản của những cải cách dân chủ.

Cách mạng 1848 giáng một đòn trí mạng vào tất cả những hình thái ầm ĩ, sặc sỡ và ồn ào của chủ nghĩa xã hội *trước* Mác. Ở tất cả các nước, cách mạng làm lộ rõ các giai cấp xã hội khác nhau *đang hành động*.

Việc bọn tư sản cộng hòa tàn sát công nhân trong những ngày tháng Sáu 1848 ở Pa-ri, đã xác minh dứt khoát rằng *chỉ có* giai cấp vô sản *mới* có bản chất xã hội chủ nghĩa. Giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa sợ sự độc lập của giai cấp vô sản nhiều gấp trăm lần hơn sợ bất kỳ thế lực phản động nào. Phái tự do chủ nghĩa hèn nhát bò rạp trước bọn phản động. Nông dân lấy làm mãn nguyện với việc xóa bỏ tàn tích của chế độ phong kiến và đứng về phía nền trật tự hiện hành, chỉ họa hoằn lắm mới ngả nghiêng giữa *nền dân chủ công nhân và chủ nghĩa tự do tư sản*. Tất cả những học thuyết về chủ nghĩa xã hội *phi* giai cấp và về chính trị *phi* giai cấp đều là những lời nhảm nhí vô nghĩa.

Công xã Pa-ri (1871) kết thúc quá trình phát triển đó của những cải cách tư sản; chính chỉ nhờ tinh thần anh dũng của giai cấp vô sản mà nền Cộng hòa — tức là hình thức tổ chức nhà nước trong đó quan hệ giữa các giai cấp bộc lộ ra một cách ít che giấu nhất — được củng cố.

Trong tất cả các nước khác ở châu Âu, một quá trình phát triển hỗn loạn hơn và ít hoàn chỉnh hơn, cũng dẫn tới một xã hội tư sản đã hình thành như vậy. Đến cuối thời kỳ thứ nhất (1848 - 1871), là thời kỳ bão táp và cách mạng, thì chủ nghĩa xã hội trước Mác *không còn nữa*. Những đảng *vô sản* độc lập ra đời: Quốc tế I[62] (1864 - 1872) và Đảng dân chủ - xã hội Đức.

II

Thời kỳ thứ hai (1872-1904) khác thời kỳ đầu ở chỗ nó có tính chất «hòa bình», không có những cuộc cách mạng. Phương Tây đã kết thúc những cuộc cách mạng tư sản. Phương Đông thì những cuộc cách mạng ấy chưa chín muồi.

Phương Tây bước vào giai đoạn chuẩn bị «một cách hòa bình» cho thời đại những cuộc cải cách mai sau. Đâu đâu cũng thành lập những đảng xã hội chủ nghĩa mà về căn bản là những đảng vô sản, những đảng này học cách lợi dụng chế độ đại nghị tư sản, ra báo chí hàng ngày, tổ chức những cơ quan giáo dục, công đoàn, hợp tác xã của mình. Học thuyết của Mác đã thu được một thắng lợi hoàn toàn và đang *phát triển về bề rộng*. Quá trình chọn lọc và tập hợp những lực lượng của giai cấp vô sản, quá trình giai cấp vô sản chuẩn bị cho các cuộc đấu tranh sau này, — quá trình đó được tiến hành dần dần nhưng không ngừng.

Thắng lợi của chủ nghĩa Mác về mặt lý luận buộc kẻ thù của nó phải *hóa trang* làm người mác-xít, — biện chứng của lịch sử là như thế. Chủ nghĩa tự do, bên trong đã thối nát, tìm cách sống lại dưới hình thức *chủ nghĩa cơ hội* xã hội chủ nghĩa. Thời kỳ chuẩn bị lực lượng cho những cuộc chiến đấu lớn đã bị chúng giải thích thành ra là từ bỏ những cuộc chiến đấu ấy. Việc cải thiện tình cảnh của người nô lệ nhằm đấu tranh chống chế độ nô lệ làm thuê, thì chúng đem giải thích thành ra: người nô lệ đem bán quyền tự do của mình để lấy một xu. Chúng cổ động một cách hèn nhát cho «hòa bình xã hội» (nghĩa là hòa bình với chế độ nô lệ), cho việc từ bỏ đấu tranh giai cấp v. v.. Trong bọn nghị sĩ xã hội chủ nghĩa, trong các viên chức khác nhau của phong trào công nhân và trong số trí thức «có cảm tình» có rất nhiều người tán thành chúng.

III

Bọn cơ hội chủ nghĩa chưa dứt lời tán tụng «hòa bình xã hội» và tính không tất yếu của những cơn bão táp dưới «chế độ dân chủ», thì ở châu Á, đã phát sinh một nguồn mới những cơn bão táp hết sức lớn của thế giới. Theo sau cách mạng Nga là cách mạng Thổ, Ba-tư, Trung-hoa. Chúng ta đang sống chính trong thời đại những cơn bão táp ấy, thời đại mà những cơn bão táp ấy đang «dội ngược trở lại» châu Âu. Dù vận mệnh của nước Cộng hòa Trung-hoa vĩ đại — tất cả những loại lang sói «văn minh» ngày nay đang muốn cắn xé nước này — sẽ thế nào đi nữa, cũng không một lực lượng nào trên thế giới có thể lập lại được chế độ nông nô cũ ở châu Á, có thể quét sạch được khỏi mặt đất tinh thần dân chủ anh dũng của quần chúng nhân dân các nước châu Á và nửa châu Á.

Việc trì hoãn lâu dài cuộc đấu tranh quyết định chống chủ nghĩa tư bản ở châu Âu làm cho một số người không chú ý đến những điều kiện chuẩn bị và phát triển cuộc đấu tranh quần chúng, đâm ra thất vọng và sa vào chủ nghĩa vô chính phủ. Bây giờ, chúng ta thấy sự thất vọng vô chính phủ chủ nghĩa ấy là thiển cận và hèn nhát biết bao.

Không được thất vọng mà phải phấn khởi lên, khi thấy châu Á với 800 triệu người, đã được lôi cuốn vào cuộc đấu tranh nhằm cùng một lý tưởng với châu Âu.

Những cuộc cách mạng ở châu Á cũng đã vạch cho ta thấy rõ tính chất nhu nhược và đê tiện như vậy của phái tự do, ý nghĩa đặc biệt

như vậy của tính độc lập của quần chúng dân chủ, ranh giới rõ rệt như vậy giữa giai cấp vô sản và đủ loại tư sản. Sau kinh nghiệm của cả châu Âu lẫn châu Á, kẻ nào còn nói đến một chính trị *phi* giai cấp và một chủ nghĩa xã hội *phi* giai cấp nữa thì kẻ đó thật chỉ đáng bỏ vào cũi và đem trưng bày bên cạnh một con căng-gu-ru nào đó của châu Úc mà thôi.

Sau châu Á, thì châu Âu cũng bắt đầu chuyển mình, nhưng không phải chuyển theo lối châu Á. Thời kỳ «hòa bình» 1872 - 1904 dứt khoát đã qua hẳn rồi. Sinh hoạt đắt đỏ và ách thống trị của các tờ-rớt làm cho cuộc đấu tranh kinh tế trở nên gay gắt chưa từng thấy, sự gay gắt này đã lay chuyển được cả công nhân Anh, là những người bị chủ nghĩa tự do làm hư hỏng nhiều hơn hết. Trước mắt chúng ta, một cuộc khủng hoảng chính trị đang chín muồi ở ngay cả nước Đức, một nước «vững chắc» nhất của giai cấp tư sản và địa chủ. Việc vũ trang điên cuồng và chính sách đế quốc chủ nghĩa làm cho châu Âu hiện nay có một thứ «hòa bình xã hội» giống một thùng thuốc nổ. Còn sự tan rã của *tất cả* các đảng tư sản và sự trưởng thành của giai cấp vô sản vẫn cứ tiến triển không ngừng.

Từ sau khi chủ nghĩa Mác ra đời, mỗi một thời đại vĩ đại của lịch sử thế giới trong ba thời đại nói trên đều đem lại cho chủ nghĩa ấy những chứng thực mới và những thắng lợi mới. Nhưng thời đại lịch sử sắp tới sẽ đem lại cho chủ nghĩa Mác, học thuyết của giai cấp vô sản, một thắng lợi còn to lớn hơn nữa.

«Sự thật», số 50.
Ngày 1 tháng Ba 1913

Toàn tập, t. 23

TRÍCH:

NHỮNG «NGƯỜI BẠN DÂN» LÀ THẾ NÀO VÀ HỌ ĐẤU TRANH CHỐNG NHỮNG NGƯỜI DÂN CHỦ - XÃ HỘI RA SAO?

(Trả lời những bài báo đăng trên tạp chí «Của cải nước Nga»[63] chống lại những người mác-xít)

Nói chung, những người cộng sản Nga, những người theo chủ nghĩa Mác, hơn ai hết, phải tự gọi mình là những NGƯỜI DÂN CHỦ - XÃ HỘI và trong hoạt động của mình, không bao giờ được quên ý nghĩa lớn lao của CHẾ ĐỘ DÂN CHỦ*.

Những tàn dư của những thể chế trung cổ, nửa nông nô còn rất mạnh ở Nga (so với Tây Âu), chúng đè nặng lên giai cấp vô sản và nhân dân nói chung, kìm hãm sự phát triển của tư tưởng chính trị trong tất cả các tầng lớp và giai cấp đến mức là không thể không nhấn mạnh rằng cuộc đấu tranh chống đủ mọi thể chế nông nô, chống chế độ chuyên chế, chế độ đẳng cấp, chế độ quan lại có một ý nghĩa rất quan trọng đối với công nhân. Cần phải vạch ra một cách chi tiết cho công nhân thấy rằng những chế độ ấy là một lực lượng phản động ghê gớm như thế nào, chúng làm tăng cường ách áp bức của tư bản đối với lao động như thế nào, chúng làm nhục những người lao động như thế nào, chúng kìm hãm tư bản trong các hình thức trung cổ của nó như thế nào, — các hình thức này, đứng về mặt bóc lột lao động mà nói thì cũng chẳng kém gì các hình thức hiện đại, công nghiệp, nhưng ngoài sự bóc lột đó ra, chúng còn gây thêm những khó khăn ghê gớm cho cuộc đấu tranh giải phóng. Công nhân cần phải biết rằng, nếu không đánh đổ được các cột trụ đó của thế lực phản động**, thì họ sẽ hoàn toàn không thể đấu tranh

* Đó là một điểm rất quan trọng. Plê-kha-nốp đã hoàn toàn có lý khi nói rằng những người cách mạng chúng ta có «hai kẻ thù: một mặt là những thiên kiến cũ chưa được hoàn toàn quét sạch, và mặt khác là cách hiểu hẹp về cương lĩnh mới». Xem Phụ lục III. (Văn tập này, tr. 76. *BT.*)

** Một thể chế phản động đặc biệt lợi hại mà các nhà cách mạng ở nước ta tương đối ít chú ý đến, là *chế độ quan lại* ở nước ta; nó điều khiển de facto (trên thực tế. BT.) nhà nước Nga. Được bổ sung chủ yếu bằng những người trong đám bình dân, chế độ quan lại đó — vừa do nguồn gốc của nó, vừa

có hiệu qủa chống giai cấp tư sản được, bởi vì ngày nào mà các cột trụ đó vẫn còn tồn tại thì giai cấp vô sản nông thôn Nga — sự ủng hộ của giai cấp này là điều kiện cần thiết để cho giai cấp công nhân thắng lợi — vẫn không thể nào thoát ra khỏi cái tình cảnh của con người bị vùi dập và bị đè nén, chỉ biết tuyệt vọng một cách đần độn, chứ không có khả năng phản đối và đấu tranh một cách sáng suốt và kiên quyết. Và vì thế nên việc đấu tranh sát cánh với phái dân chủ cấp tiến chống lại chế độ chuyên chế, chống lại các đẳng cấp và các thể chế phản động, là nghĩa vụ trực tiếp của giai cấp công nhân, nghĩa vụ mà những người dân chủ - xã hội có nhiệm vụ phải nhắc cho giai cấp công nhân biết, đồng thời không một phút nào quên làm cho giai cấp công nhân hiểu rằng cuộc đấu tranh chống tất cả các thể chế đó chỉ cần thiết với tư cách là một phương tiện để làm cho cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản được dễ dàng hơn, rằng việc thực hiện những yêu sách dân chủ chung chỉ cần thiết cho công nhân với tư cách là một phương tiện dùng để dọn quang con đường dẫn đến chiến thắng kẻ thù chính của những người lao động, tức là *tư bản*; do bản chất của nó, tư bản là một thể chế thuần túy dân chủ, nhưng ở nước ta, ở nước Nga, nó lại đặc biệt có xu hướng từ bỏ nguyên tắc dân chủ của nó, mà câu kết với bọn phản động để đè bẹp công nhân, để kìm hãm mạnh hơn nữa sự ra đời của phong trào công nhân.

Điều mà chúng tôi vừa trình bày hình như đã nói lên khá rõ thái độ của những người dân chủ - xã hội đối với chế độ chuyên chế và quyền tự do chính trị, cũng như đối với một xu hướng gần đây được

---

do mục đích và tính chất hoạt động của nó — có tính chất tư sản rất sâu sắc, nhưng chế độ chuyên chế và những đặc quyền chính trị to lớn của giai cấp địa chủ quý tộc đã đưa lại cho chế độ quan lại đó những tính chất đặc biệt có hại. Đó là một cái chong chóng luôn luôn xoay chuyển, coi nhiệm vụ tối cao của mình là kết hợp lợi ích của địa chủ với lợi ích của tư sản. Đó là một tên Tiểu I-u-đa đã lợi dụng những cảm tình và quan hệ phong kiến của mình để lừa bịp công nhân và nông dân, mượn cớ «bênh vực người yếu về mặt kinh tế» và «bảo trợ» để che chở người đó chống lại bọn cu-lắc và kẻ cho vay nặng lãi, chế độ quan lại đó áp dụng những biện pháp làm cho những người lao động rơi vào tình cảnh «đám dân đen ti tiện», giao họ vào tay bọn địa chủ phong kiến và làm cho họ càng không có cách gì tự vệ được trước giai cấp tư sản. Đó là một lũ giả nhân giả nghĩa hết sức nguy hiểm, chúng dựa vào kinh nghiệm của những tay phản động lành nghề ở Tây Âu, dùng những lời lẽ ra vẻ yêu thương dân chúng để che giấu một cách khôn khéo những tham vọng theo lối A-rắc-tsê-ép[64] của chúng.

đặc biệt tăng cường, nhằm mục đích «thống nhất» và «liên hợp» tất cả các phái cách mạng để giành lấy quyền tự do chính trị [65].

Đó là một xu hướng khá độc đáo và tiêu biểu.

Độc đáo là vì những đề nghị «liên hợp» không phải là do một hay nhiều nhóm nhất định, có những cương lĩnh nhất định và giống nhau ở điểm này hay điểm khác đề ra. Nếu thế thì sự liên hợp sẽ tùy từng trường hợp riêng biệt, sẽ là một vấn đề cụ thể, do các đại biểu của các nhóm có nhiệm vụ thống nhất với nhau, giải quyết. Như thế sẽ không thể có xu hướng «thống nhất» đặc biệt được. Nhưng xu hướng đó lại có thật và nó chỉ bắt nguồn từ những người đã tách khỏi cái cũ nhưng lại không gắn gì với cái mới: cái lý luận từ trước tới nay vẫn được dùng làm chỗ dựa cho những chiến sĩ đấu tranh chống chế độ chuyên chế, thì rõ ràng là đang sụp đổ, phá hủy luôn cả những điều kiện đoàn kết và tổ chức cần thiết cho cuộc đấu tranh. Và chắc hẳn các ngài trong «phái thống nhất» và «phái liên hợp» nghĩ rằng cái phương sách dễ dàng nhất để tạo ra một lý luận như thế, là qui tất cả cái lý luận đó thành một sự phản kháng chế độ chuyên chế và thành một yêu sách đòi tự do chính trị, không cần đến tất cả các vấn đề xã hội chủ nghĩa và phi xã hội chủ nghĩa khác. Hiển nhiên là cái ý kiến sai lầm ngây thơ đó nhất định sẽ sụp đổ ngay khi có những mưu toan đầu tiên định tiến hành một sự thống nhất như thế.

Nhưng xu hướng «thống nhất» đó tiêu biểu vì nó phản ánh một trong những giai đoạn cuối cùng của quá trình chuyển biến từ chủ nghĩa dân túy chiến đấu và cách mạng thành một thứ chủ nghĩa dân chủ cấp tiến về chính trị, quá trình mà tôi đã cố gắng miêu tả trên kia. Chỉ sau khi người ta đã thảo ra một cương lĩnh vững vàng gồm những yêu sách *dân chủ*, một cương lĩnh đã xóa bỏ được những thiên kiến về những điều kiện độc đáo trước đây của nước Nga, thì tất cả các nhóm cách mạng không phải dân chủ - xã hội mới có thể thống nhất vững chắc dưới ngọn cờ đó được. Đương nhiên, những người dân chủ - xã hội coi việc thành lập một đảng dân chủ như thế là một bước tiến có ích, và hành động của họ chống chủ nghĩa dân túy phải góp phần vào bước tiến đó, phải góp phần vào việc quét sạch hết thảy mọi thiên kiến và mọi chuyện huyền hoặc, vào việc tập hợp những người xã hội chủ nghĩa dưới ngọn cờ của chủ nghĩa Mác và giúp các nhóm khác lập ra một đảng dân chủ.

Cố nhiên là những người dân chủ - xã hội sẽ không thể «thống nhất» với đảng đó được, vì họ cho rằng công nhân phải tự mình tổ

chức thành một đảng công nhân riêng biệt, song, công nhân vẫn hết sức kiên quyết ủng hộ mọi cuộc đấu tranh của những người dân chủ chống lại các thể chế phản động.

Sự thoái hóa của chủ nghĩa dân túy thành một lý luận tầm thường nhất của chủ nghĩa cấp tiến tiểu tư sản, — sự thoái hóa mà những «người bạn dân» là một bằng chứng rất nổi bật, — đã vạch cho chúng ta thấy sai lầm rất lớn của những kẻ truyền bá cho công nhân cái tư tưởng đấu tranh chống chế độ chuyên chế, nhưng đồng thời lại không giải thích cho công nhân thấy tính chất đối kháng của những quan hệ xã hội ở nước ta, cái tính chất đối kháng này đã khiến cho ngay cả các nhà tư tưởng của giai cấp tư sản cũng tán thành quyền tự do chính trị, không giải thích cho công nhân thấy rõ vai trò lịch sử của công nhân Nga là chiến sĩ đấu tranh để giải phóng toàn thể nhân dân lao động.

Người ta hay trách những người dân chủ - xã hội là dường như họ muốn giữ độc quyền về lý luận của Mác, trong khi mà lý luận kinh tế của Mác hình như đã được tất cả những người xã hội chủ nghĩa thừa nhận. Nhưng thử hỏi, giải thích cho công nhân hiểu hình thức của giá trị, bản chất của chế độ tư sản và vai trò cách mạng của giai cấp vô sản thì phỏng có ích gì, nếu ở nước ta, ở Nga, nguyên nhân của sự bóc lột người lao động, nói chung và ở đâu cũng đều được giải thích không phải là do tổ chức có tính chất tư sản của nền kinh tế xã hội, mà chẳng hạn do tình trạng thiếu ruộng đất, do những đảm phụ, do sự áp bức của cơ quan hành chính?

Giải thích cho công nhân hiểu lý luận đấu tranh giai cấp thì phỏng có ích gì nếu lý luận ấy thậm chí cũng không thể giải thích được những mối quan hệ giữa công nhân với chủ xưởng (chủ nghĩa tư bản ở nước ta là do chính phủ đã du nhập vào một cách nhân tạo), đấy là chưa nói đến quần chúng «nhân dân» là những người không thuộc vào giai cấp công nhân công xưởng đã hình thành hẳn hoi?

Làm thế nào có thể thừa nhận được lý luận kinh tế của Mác với cái kết luận phải rút ra từ đó về vai trò cách mạng của giai cấp vô sản là người tổ chức ra chủ nghĩa cộng sản thông qua chủ nghĩa tư bản, khi mà ở nước ta, người ta cứ muốn tìm những con đường đi tới chủ nghĩa cộng sản mà không thông qua chủ nghĩa tư bản và giai cấp vô sản do chủ nghĩa tư bản sản sinh ra?

Rõ ràng là trong những điều kiện ấy mà kêu gọi công nhân đấu tranh cho tự do chính trị thì chẳng khác gì kêu gọi công nhân còng lưng làm

cho giai cấp tư sản tiên tiến hưởng, vì người ta không thể phủ nhận (điều đáng chú ý là ngay cả phái dân túy và phái Dân ý [66] cũng không phủ nhận) rằng tự do chính trị phục vụ trước hết là lợi ích của giai cấp tư sản, nó không cải thiện tình cảnh của công nhân mà chỉ... chỉ cải thiện những điều kiện đấu tranh... *chống lại chính ngay giai cấp tư sản ấy*. Tôi nói điều này để phản đối những người xã hội chủ nghĩa không thừa nhận lý luận của những người dân chủ - xã hội, nhưng lại cứ hướng việc tuyên truyền của họ vào các giới công nhân, vì họ đã nhờ kinh nghiệm mà thấy được rằng chỉ trong các giới đó mới có thể tìm được những phần tử cách mạng. Những người xã hội chủ nghĩa đó làm cho lý luận của họ mâu thuẫn với thực tiễn, và họ phạm một sai lầm cực kỳ nghiêm trọng là đã làm cho công nhân đi trệch nhiệm vụ trực tiếp của mình: TỔ CHỨC MỘT ĐẢNG CÔNG NHÂN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA*.

Sai lầm đó dĩ nhiên đã xảy ra một cách tự nhiên vào lúc mà các đối kháng giai cấp của xã hội tư sản còn hoàn toàn chưa phát triển, còn đang bị bóp nghẹt bởi chế độ nông nô, khi mà chế độ này gây nên sự nhất trí phản kháng và đấu tranh của toàn bộ giới trí thức, khiến cho nảy ra cái ảo tưởng cho rằng giới trí thức ở nước ta có một tinh thần dân chủ đặc biệt, cho rằng không có sự bất đồng sâu sắc về tư tưởng giữa những người thuộc phái tự do và những người xã hội chủ nghĩa. Ngày nay, — khi mà sự phát triển kinh tế đã tiến đến mức khiến cho ngay cả những người trước kia không thừa nhận rằng ở nước Nga có cơ sở cho chủ nghĩa tư bản phát triển thì bây giờ cũng đã phải thừa nhận rằng chúng ta đang đi vào con đường phát triển tư bản chủ nghĩa, — ngày nay mọi ảo tưởng về vấn đề giới trí thức đều không thể có được

---

* Có hai con đường có thể dẫn đến kết luận là cần phải phát động công nhân đứng lên đấu tranh chống chế độ chuyên chế: *hoặc* coi công nhân là chiến sĩ duy nhất đấu tranh cho chế độ xã hội chủ nghĩa, và do đó coi tự do chính trị là một trong những điều kiện giúp cho cuộc đấu tranh của công nhân được thuận lợi. Đó là cách nhìn của những người dân chủ - xã hội. *Hoặc* coi công nhân chỉ là người bị chế độ hiện hành làm cho đau khổ nhất, là người chẳng có gì để mà mất nữa và là người có thể chống lại chế độ chuyên chế một cách kiên quyết hơn cả. Nhưng như thế sẽ có nghĩa là buộc công nhân phải chạy theo đuôi phái cấp tiến tư sản, là phái không muốn thấy sự đối kháng giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản ở đằng sau khối đoàn kết của toàn thể «nhân dân» chống lại chế độ chuyên chế.

nữa. Thành phần của «giới trí thức» cũng lộ ra rõ rệt như thành phần của cái xã hội sản xuất ra những giá trị vật chất: nếu nhà tư bản chi phối và thống trị trong xã hội đó thì trong cái giới nói trên kia, một bọn ngày càng đông gồm những kẻ cầu cạnh danh lợi và những kẻ tôi đòi của giai cấp tư sản sẽ có vai trò cầm cương nảy mực, — đó là «những phần tử trí thức» thỏa mãn và an tâm, xa lạ với hết thảy mọi mơ ước viển vông và biết rất rõ mình muốn cái gì. Phái cấp tiến và phái tự do của chúng ta chẳng những không phủ nhận mà trái lại còn hết sức nhấn mạnh sự thật đó, ra sức chứng minh tính chất vô đạo đức của nó, ra sức lên án, nỗ lực đả phá, làm nhục... và thủ tiêu nó đi. Những tham vọng ngây thơ nhằm *làm nhục* các phần tử trí thức tư sản vì tính chất tư sản của họ, cũng lố bịch chẳng kém gì cái xu hướng của các nhà kinh tế học tiểu thị dân muốn làm cho giai cấp tư sản ở nước ta hoảng sợ (bằng cách viện ra kinh nghiệm của «những người anh cả» [67]), bằng cách chỉ cho nó thấy rằng nó đang làm cho nhân dân phá sản, làm cho quần chúng bần cùng, thất nghiệp và chết đói; lên án như vậy giai cấp tư sản và các nhà tư tưởng của giai cấp đó làm cho người ta nhớ đến câu chuyện con cá măng bị kết án ném xuống sông. Vượt qua những giới hạn đó là «các phần tử trí thức» thuộc phái tự do và phái cấp tiến, họ nói thao thao bất tuyệt về tiến bộ, về khoa học, về công lý, về nhân dân, v. v.; họ thích thương tiếc những năm 60, là thời kỳ không có những sự bất hòa, không có tình trạng rã rời, chán nản và lãnh đạm, và là thời kỳ mà chủ nghĩa dân chủ đang cháy rực trong tâm trí mọi người.

Vốn dĩ ngây thơ, các ngài đó hoàn toàn không muốn hiểu rằng sự đoàn kết lúc đó là do những điều kiện vật chất của thời kỳ đó sinh ra, và những điều kiện này không thể nào tái diễn nữa: chế độ nông nô lúc đó đã đè nặng lên tất cả mọi người một cách giống nhau — nó đè lên anh quản gia nông nô cóp nhặt được chút tiền và muốn sống đàng hoàng, nó đè lên anh mu-gích khá giả căm ghét ngài địa chủ quý tộc vì những khoản đóng góp, vì sự can thiệp và làm gián đoạn công việc kinh doanh của anh, nó đè lên người vô sản làm tôi tớ và đè lên người nông dân đã bị bần cùng hóa, mà người ta đem bán cho tên lái buôn bóc lột; cả những thương nhân kiêm chủ xưởng và công nhân, cả thợ thủ công lẫn thợ cả cũng đều đau khổ vì chế độ nông nô đó. Mối liên hệ duy nhất giữa những người đó là lòng căm thù của họ đối với chế độ nông nô: bên kia sự nhất trí ấy, là sự đối kháng kịch liệt nhất về kinh tế. Phải tự ru ngủ mình bằng những giấc mộng êm đềm đến thế nào

thì mãi ngày nay mới không nhận thấy sự đối kháng đã phát triển mạnh mẽ đó, mới cầu mong cho cái thời nhất trí kia quay trở lại, khi mà thực tế đòi hỏi phải đấu tranh, đòi hỏi tất cả những ai không muốn làm tay chân TỰ NGUYỆN hay KHÔNG TỰ NGUYỆN cho giai cấp tư sản, đều phải đứng về phía giai cấp vô sản.

Nếu bạn không tin vào những lời nói hoa mỹ về «lợi ích của nhân dân» và nếu bạn thử đào sâu suy nghĩ hơn chút nữa, bạn sẽ thấy rằng trước mặt bạn là những nhà tư tưởng thuần túy nhất của giai cấp tiểu tư sản, nó mơ tưởng cải thiện, giữ vững và khôi phục nền kinh tế của họ (mà nó gọi là nền kinh tế «nhân dân») bằng những biện pháp tiến bộ vô hại, và nó tuyệt đối không thể hiểu được rằng trên cơ sở những quan hệ sản xuất hiện nay, hết thảy mọi biện pháp tiến bộ đó đều chỉ làm cho quần chúng bị vô sản hóa ngày càng sâu sắc mà thôi. Những «người bạn dân» xứng đáng được chúng ta biết ơn vì họ đã đóng góp rất nhiều vào việc vạch trần tính chất giai cấp của giới trí thức ở nước ta và do đó đã làm vững thêm lý luận của những người mác-xít về bản chất tiểu tư sản của những người sản xuất nhỏ ở nước ta; họ nhất định phải làm tiêu tan mau chóng những ảo tưởng và những chuyện huyền hoặc cũ là những cái đã làm cho những người xã hội chủ nghĩa ở Nga bị lúng túng từ lâu. Những «người bạn dân» đã bôi nhọ, làm sứt mẻ và làm mất uy tín các lý luận đó đến mức khiến những người xã hội chủ nghĩa Nga, từ trước đến nay vẫn bám lấy các lý luận ấy, bây giờ không tránh khỏi đứng trước một tình trạng lưỡng nan là: hoặc xét lại các lý luận ấy một lần nữa, hoặc hoàn toàn quẳng các lý luận đó đi, giao toàn quyền sử dụng các lý luận đó cho những ngài đang dương dương tự đắc loan báo urbi et orbi * rằng những nông dân giàu có đã mua được dụng cụ cải tiến, và thuyết phục chúng ta một cách nghiêm trang nhất rằng cần phải chào mừng những người đã chán không thiết ngồi quanh cái bàn giải thảm xanh nữa. Và cũng theo ý nghĩa đó, họ nói đến «chế độ nhân dân» và «giới trí thức», không những chỉ nói một cách nghiêm trang, mà còn dùng những lời hoa mỹ và kiêu căng về những lý tưởng rộng lớn, về cái việc đặt vấn đề của cuộc sống một cách lý tưởng!..

Các nhà trí thức xã hội chủ nghĩa sẽ chỉ có thể hy vọng làm công tác có hiệu qủa khi nào họ bỏ hẳn được các ảo tưởng và bắt đầu thấy

---

* cho toàn thế giới. *BT*.

chỗ dựa của mình là sự phát triển thực tế của nước Nga, chứ không phải sự phát triển ý muốn của mình, là các quan hệ kinh tế - xã hội có thực chứ không phải những quan hệ kinh tế - xã hội có thể có. Như thế, công tác LÝ LUẬN của họ sẽ phải hướng vào việc *nghiên cứu cụ thể hết thảy mọi hình thức của sự đối kháng kinh tế ở nước Nga, vào việc nghiên cứu những mối liên hệ và sự phát triển lô-gích của các hình thức đó*; công tác lý luận đó phải *vạch trần sự đối kháng đó ở bất cứ chỗ nào mà nó bị lịch sử chính trị, bị những đặc điểm của các chế độ pháp lý, bị những định kiến lý luận sẵn có, che giấu đi*. Nó phải *vẽ ra được bức tranh trọn vẹn về hiện thực nước ta, với tính cách là một hệ thống quan hệ sản xuất nhất định, nó phải chỉ rõ rằng với hệ thống đó thì tất nhiên phải có sự bóc lột và tước đoạt những người lao động, nó phải vạch ra con đường thoát khỏi hệ thống đó, con đường mà sự phát triển kinh tế đề ra.*

Lý luận đó, dựa trên cơ sở nghiên cứu tỉ mỉ và sâu sắc lịch sử và hiện thực nước Nga, phải đáp ứng những đòi hỏi của giai cấp vô sản, — và nếu lý luận đó thỏa mãn được những yêu cầu của khoa học, thì bất cứ một sự thức tỉnh nào của tư tưởng phản kháng của giai cấp vô sản cũng đều nhất định sẽ đẩy tư tưởng ấy vào con đường chủ nghĩa dân chủ - xã hội. Việc xây dựng lý luận đó càng tiến lên, thì chủ nghĩa dân chủ - xã hội sẽ càng phát triển nhanh chóng, vì những người bảo vệ giảo quyệt nhất của chế độ hiện tại, đều bất lực không thể ngăn nổi việc thức tỉnh tư tưởng của giai cấp vô sản, bất lực là vì chế độ đó tất nhiên và không tránh khỏi sẽ đưa đến chỗ làm cho những người sản xuất ngày càng bị tước đoạt mạnh hơn, giai cấp vô sản và đạo quân trù bị của nó ngày càng phát triển nhiều hơn, và điều đó xảy ra song song với tình hình là của cải xã hội không ngừng tăng lên, lực lượng sản xuất phát triển rất mạnh và chủ nghĩa tư bản xã hội hóa lao động. Tuy còn phải tốn nhiều công phu mới xây dựng được lý luận đó, nhưng điều đảm bảo cho những người xã hội chủ nghĩa sẽ làm tròn được nhiệm vụ ấy, là sự phổ biến chủ nghĩa duy vật — một phương pháp duy nhất khoa học, đòi hỏi bất cứ một cương lĩnh nào cũng đều phải thể hiện đúng quá trình hiện thực — trong bọn họ, điều đảm bảo đó là sự thành công của những người dân chủ - xã hội đã tiếp thu những tư tưởng đó; sự thành công này đã làm náo động phái tự do và phái dân chủ ở nước ta đến nỗi họ phải làm cho các tạp chí dày cộm của họ, theo như nhận xét của một người mác-xít, không còn chán ngắt nữa.

Trong khi nhấn mạnh như thế sự cần thiết, tầm quan trọng và quy mô rộng lớn của công tác lý luận của những người dân chủ - xã hội, tôi không hề muốn nói rằng công tác đó phải được đặt vào vị trí hàng đầu trước công tác THỰC TIỄN *, và càng không hề cho rằng người ta hãy đợi cho đến khi nào công tác thứ nhất xong xuôi rồi mới làm công tác thứ hai. Chỉ có những kẻ nhiệt thành sùng bái cái «phương pháp chủ quan trong xã hội học» hay những tín đồ của chủ nghĩa xã hội không tưởng, mới có thể rút ra được cái kết luận như thế. Đương nhiên, nếu người ta cho rằng nhiệm vụ của những người xã hội chủ nghĩa là phải đi tìm «những con đường phát triển khác» (ngoài con đường hiện thực) cho nước nhà thì như thế tự nhiên là công tác thực tiễn sẽ chỉ có thể tiến hành được khi nào các nhà triết học thiên tài phát hiện và vạch ra được «những con đường khác» ấy; và ngược lại, khi các con đường khác ấy đã được phát hiện và vạch ra rồi thì bấy giờ công tác lý luận kết thúc và bắt đầu cái công tác của những người phải hướng «tổ quốc» đi theo «con đường khác» «mới được phát hiện ra» đó. Nhưng khi nhiệm vụ của những người xã hội chủ nghĩa là phải làm những người lãnh đạo tư tưởng của giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh hiện thực của nó chống lại những kẻ thù hiện thực, thực sự, đang đứng chắn ngang trên con đường *hiện thực* của sự phát triển kinh tế - xã hội nhất định thì sự việc lại khác hẳn. Trong điều kiện đó, cả hai công tác lý luận và công tác thực tiễn sẽ hòa làm một công tác mà Liếp-nếch, một chiến sĩ kỳ cựu của Đảng dân chủ - xã hội Đức, đã nêu lên rất đúng như sau:

Studieren, Propagandieren, Organisieren**.

Không thể là một nhà lãnh đạo tư tưởng mà lại không làm công tác lý luận nói trên, cũng như không thể là một nhà lãnh đạo tư tưởng mà lại không hướng công tác đó theo những nhu cầu của sự nghiệp, mà lại không tuyên truyền trong công nhân những kết luận của lý luận đó và không giúp đỡ họ tổ chức nhau lại.

---

* Trái lại. Công tác thực tiễn tuyên truyền và cổ động nhất thiết bao giờ cũng phải ở vị trí hàng đầu, vì một là, công tác lý luận chỉ giải đáp những vấn đề do công tác thực tiễn nêu ra. Hai là, những người dân chủ - xã hội, vì những tình hình không phụ thuộc vào họ, thường buộc phải chỉ làm công tác lý luận thôi, nên không thể không hết sức coi trọng những lúc có thể làm được công tác thực tiễn.

** Nghiên cứu, tuyên truyền, tổ chức. *BT*.

Quy định nhiệm vụ như thế thì đảm bảo cho phái dân chủ - xã hội khỏi mắc phải những thiếu sót mà các nhóm xã hội chủ nghĩa thường hay phạm phải: chủ nghĩa giáo điều và chủ nghĩa bè phái.

Không thể có chủ nghĩa giáo điều ở nơi nào mà tiêu chuẩn tối cao và duy nhất của học thuyết là sự phù hợp giữa nó với quá trình thực tế của sự phát triển kinh tế - xã hội, không thể có chủ nghĩa bè phái khi nhiệm vụ là phải giúp vào việc tổ chức của giai cấp vô sản, và do đó mà vai trò của «giới trí thức» là ở chỗ làm cho những người lãnh đạo đặc biệt, trí thức, trở nên không cần thiết.

Vì thế, mặc dù giữa những người mác-xít còn có những ý kiến bất đồng trong các vấn đề lý luận khác nhau, nhưng những phương pháp hoạt động chính trị của họ, từ khi thành lập nhóm cho đến nay, vẫn không thay đổi.

Hoạt động chính trị của những người dân chủ - xã hội là ở chỗ giúp vào việc phát triển và tổ chức phong trào công nhân ở Nga, vào việc cải biến phong trào đó từ trạng thái những mưu toan phản đối, «bạo động» và bãi công lẻ tẻ và thiếu tư tưởng chỉ đạo, thành một cuộc đấu tranh có tổ chức của TOÀN THỂ GIAI CẤP công nhân Nga nhằm chống lại chế độ tư sản, nhằm tước đoạt những kẻ đi tước đoạt, nhằm tiêu diệt cái chế độ xã hội xây dựng trên sự áp bức người lao động. Hoạt động đó dựa vào lòng tin tưởng chung của những người mác-xít cho rằng công nhân Nga là đại biểu duy nhất và tự nhiên của toàn thể nhân dân lao động và bị bóc lột ở Nga *.

Là đại biểu tự nhiên, bởi vì sự bóc lột người lao động ở nước Nga, *đứng về thực chất của nó mà nói thì ở khắp mọi nơi đều là* sự bóc lột theo lối *tư bản chủ nghĩa,* nếu người ta bỏ không nói đến những tàn tích hiện đang tiêu vong của nền kinh tế nông nô; chỉ có điều là sự bóc lột đông đảo những người sản xuất thì nhỏ bé, phân tán, chưa phát triển, trong lúc đó sự bóc lột giai cấp vô sản công xưởng - nhà máy thì lại rộng lớn, phổ biến và tập trung. Trong trường hợp thứ nhất, sự bóc lột đó đang còn được che đậy bằng những hình thức trung cổ, bằng những vật trang trí về mặt chính trị, pháp lý và phong tục

---

* Những người đại biểu cho chủ nghĩa xã hội nông dân, tức là những người thuộc phái dân túy hiểu theo nghĩa rộng nhất, đều nghĩ rằng: mu-gích là con người của tương lai ở nước Nga. Còn những người dân chủ - xã hội thì cho rằng: công nhân là con người của tương lai ở nước Nga. Quan điểm đó của những người mác-xít đã được trình bày trong một bản thảo.

tập quán, bằng mọi mánh lới lừa bịp và dối trá, khiến cho người lao động và nhà tư tưởng của anh ta không thấy được thực chất của chế độ đang đè nặng lên người lao động, không thấy được là có thể thoát khỏi chế độ đó bằng lối nào và bằng cách nào. Trái lại, trong trường hợp thứ hai, sự bóc lột đã hoàn toàn phát triển và thể hiện ra dưới hình thức thuần túy của nó, chứ không còn có tất cả những chi tiết làm rối loạn sự việc nữa. Người công nhân đã không thể không thấy rằng kẻ áp bức mình, chính là *tư bản*; rằng mình phải đấu tranh chống *giai cấp* tư sản. Và cuộc đấu tranh đó của họ nhằm thỏa mãn những nhu cầu kinh tế trước mắt, nhằm cải thiện đời sống vật chất của họ, tất nhiên sẽ đòi hỏi sự tổ chức của công nhân, cuộc đấu tranh đó tất nhiên sẽ trở thành một cuộc chiến tranh không phải là chống những cá nhân mà chống cả một *giai cấp*, chính cái giai cấp không phải chỉ ở trong các công xưởng và nhà máy mà bất cứ lúc nào và bất cứ ở đâu, cũng đều áp bức và đè nặng lên người lao động. Cho nên người công nhân công xưởng - nhà máy chẳng qua chỉ là người đại biểu tiên tiến cho toàn thể dân chúng bị bóc lột mà thôi, và muốn cho anh ta có thể làm tròn vai trò đó của mình trong một cuộc đấu tranh có tổ chức và kiên định thì hoàn toàn không cần phải dùng những «tiền đồ» này nọ để lôi kéo anh ta; chỉ cần *giải thích cho anh ta hiểu rõ tình cảnh của anh ta*, hiểu rõ cơ cấu kinh tế - chính trị của chế độ đang áp bức anh ta; chỉ cần giải thích cho anh ta thấy rằng với chế độ đó thì sự đối kháng giai cấp là việc tất nhiên, không thể tránh được. Tình cảnh của công nhân công xưởng - nhà máy trong hệ thống chung của các quan hệ tư bản chủ nghĩa, làm cho anh ta trở thành chiến sĩ duy nhất đấu tranh để giải phóng giai cấp công nhân, vì chỉ có giai đoạn phát triển cao của chủ nghĩa tư bản, tức nền đại công nghiệp cơ khí, mới tạo ra được những điều kiện vật chất và những lực lượng xã hội cần thiết cho cuộc đấu tranh đó. Bất cứ ở đâu khi các hình thức phát triển của chủ nghĩa tư bản còn thấp thì không có những điều kiện vật chất ấy: sản xuất bị phân tán thành hàng nghìn đơn vị kinh doanh hết sức nhỏ (các đơn vị này vẫn là những *đơn vị kinh doanh* phân tán, ngay cả dưới những hình thức bình quân nhất của *chế độ sở hữu* công xã về ruộng đất), phần nhiều thì người bị bóc lột vẫn còn có một cơ sở kinh doanh nhỏ xíu và vì vậy mà bị ràng buộc vào chính ngay cái hệ thống tư sản mà người đó phải đấu tranh chống lại: đó là điều kìm hãm và gây khó khăn cho sự phát triển của các lực lượng xã hội có khả năng lật đổ chủ nghĩa tư bản. Cơ sở kinh doanh nhỏ, phân tán, cá thể ràng buộc những người

lao động vào địa phương của họ, làm cho họ tách rời nhau, không giúp cho họ hiểu được sự đoàn kết giai cấp của họ, cũng không giúp cho họ có thể đoàn kết nhau lại, sau khi họ đã hiểu rằng nguyên nhân gây ra áp bức không phải là cá nhân này hay cá nhân khác, mà là toàn bộ hệ thống kinh tế. Trái lại, chủ nghĩa đại tư bản tất nhiên phải phá vỡ mọi mối liên hệ ràng buộc công nhân vào xã hội cũ, vào một địa phương nào đó và vào một kẻ bóc lột nào đó, nó đoàn kết họ lại, buộc họ phải suy nghĩ và đặt họ vào trong những điều kiện khiến họ có thể tiến hành được một cuộc đấu tranh có tổ chức. Những người dân chủ - xã hội hướng toàn bộ sự chú ý và toàn bộ hoạt động của mình vào giai cấp công nhân. Khi những đại biểu tiên tiến của giai cấp đó đã thấm nhuần được những tư tưởng của chủ nghĩa xã hội khoa học, tư tưởng về vai trò lịch sử của công nhân Nga, khi các tư tưởng đó đã được phổ biến rộng rãi và khi mà trong hàng ngũ công nhân đã lập ra được các tổ chức vững chắc có thể biến cuộc chiến tranh kinh tế phân tán hiện nay của công nhân thành một cuộc đấu tranh giai cấp tự giác, thì lúc đó **NGƯỜI CÔNG NHÂN** Nga, đứng đầu tất cả các phần tử dân chủ, sẽ đạp đổ được chế độ chuyên chế và đưa **GIAI CẤP VÔ SẢN NGA** (sát cánh với giai cấp vô sản trong **TẤT CẢ CÁC NƯỚC**), *thông qua con đường trực tiếp đấu tranh chính trị công khai* tiến tới **CÁCH MẠNG CỘNG SẢN CHỦ NGHĨA THẮNG LỢI.**

Hết.
1894.

Phụ lục III

Khi nói đến việc hiểu chủ nghĩa Mác một cách chật hẹp, là tôi muốn nói đến chính bản thân những người mác-xít. Về vấn đề này, không thể không nêu lên rằng chủ nghĩa Mác đã bị cắt xén và bóp méo một cách hết sức kỳ quái, khi phái tự do và phái cấp tiến ở nước ta trình bày chủ nghĩa Mác trên các trang báo hợp pháp. Trình bày gì mà như vậy! Hãy nghĩ xem người ta phải cắt xén học thuyết cách mạng ấy như thế nào để đặt được nó vào vừa với cái giường Prô-crút [68] của chế độ

kiểm duyệt ở Nga! Và các nhà chính luận của chúng ta đã thản nhiên làm việc ấy: chủ nghĩa Mác, như họ đã trình bày, hầu như chung quy lại là cái học thuyết vạch cho ta thấy rằng trong chế độ tư bản, chế độ sở hữu cá nhân xây dựng trên cơ sở lao động của người tư hữu đã phát triển một cách biện chứng như thế nào, nó tự biến thành cái phủ định nó để rồi sau đó tự nó xã hội hóa như thế nào. Và với một vẻ nghiêm túc, người ta đem toàn bộ nội dung của chủ nghĩa Mác đặt vào trong cái «công thức» đó, đồng thời bỏ qua hết thảy mọi đặc điểm của phương pháp xã hội học của chủ nghĩa Mác, bỏ qua học thuyết đấu tranh giai cấp, bỏ qua mục đích nghiên cứu trực tiếp của chủ nghĩa Mác, tức là: vạch rõ hết thảy mọi hình thức đối kháng và hình thức bóc lột để giúp cho giai cấp vô sản vứt bỏ được các hình thức ấy. Không lấy gì làm lạ rằng kết quả sẽ là một cái gì hết sức mờ nhạt và nhỏ hẹp, đến nỗi phái cấp tiến ở nước ta cũng phải than khóc về những người mác-xít Nga đáng thương. Chả phải nói! Chế độ chuyên chế Nga và thế lực phản động Nga sẽ không còn là chế độ chuyên chế và thế lực phản động nữa, nếu như trong khi còn có chế độ chuyên chế Nga và thế lực phản động Nga mà người ta vẫn có thể trình bày được toàn bộ chủ nghĩa Mác một cách chính xác và đầy đủ, bằng cách nói hết những kết luận của nó! Và nếu phái tự do và phái cấp tiến ở nước ta hiểu biết chủ nghĩa Mác đến nơi đến chốn (dù chỉ căn cứ vào sách báo Đức) thì có lẽ họ sẽ phát ngượng về việc họ đã xuyên tạc chủ nghĩa Mác như thế trên các trang báo chí bị kiểm duyệt. Nếu các ông không thể trình bày được một lý luận thì các ông hãy im miệng đi, hoặc các ông hãy nên nói trước rằng điều mà các ông trình bày ra đó hoàn toàn chưa phải là tất cả đâu, rằng các ông đã bỏ qua phần căn bản; nhưng khi trình bày từng mảnh một thì tại sao các ông lại la lối lên về tính chất chật hẹp kia chứ?

Vì chỉ có như vậy thì cuối cùng người ta mới có thể đi đến những chuyện kỳ khôi chỉ có thể xảy ra ở nước Nga thôi, tức là xếp vào hàng ngũ mác-xít những kẻ hoàn toàn không hiểu gì về đấu tranh giai cấp, về sự đối kháng vốn có của xã hội tư bản chủ nghĩa và về sự phát triển của đối kháng ấy, những kẻ không có một khái niệm nào về vai trò cách mạng của giai cấp vô sản; thậm chí cả những kẻ đề ra những đề án rõ ràng có tính chất tư sản, miễn là trong đó có những tiếng như «kinh tế tiền tệ», «tính tất yếu» của nền kinh tế đó và những thành ngữ tương tự khác, những thành ngữ mà phải có tất cả sự sắc sảo thâm thúy của ông Mi-khai-lốp-xki thì mới coi đó là những thành ngữ chuyên dùng của người mác-xít được.

Nhưng Mác thì lại cho rằng tất cả giá trị của lý luận của ông là ở chỗ lý luận đó «về bản chất là một lý luận có tính chất phê phán * và cách mạng» [69]. Và thật vậy, tính chất sau cùng này là cái hoàn toàn và tuyệt đối vốn có của *chủ nghĩa Mác,* vì lý luận này công khai tự đề ra cho mình nhiệm vụ phải *vạch trần* hết thảy mọi hình thức đối kháng và hình thức bóc lột trong xã hội hiện đại, phải theo dõi sự diễn biến của các hình thức đó, phải chứng minh tính tạm thời của các hình thức đó, sự chuyển biến không thể tránh khỏi của các hình thức ấy thành các hình thức khác, *và do đó, giúp cho giai cấp vô sản kết liễu một cách hết sức nhanh chóng và dễ dàng mọi sự bóc lột.* Sự hấp dẫn không gì cưỡng nổi đã lôi cuốn những người xã hội chủ nghĩa của tất cả các nước đi theo lý luận đó, chính là ở chỗ nó kết hợp tính chất khoa học chặt chẽ và cao độ (đó là đỉnh cao nhất của khoa học xã hội) với tinh thần cách mạng, và kết hợp không phải một cách ngẫu nhiên, không phải chỉ vì người sáng lập ra học thuyết ấy đã kết hợp trong bản thân mình những phẩm chất của nhà bác học và của nhà cách mạng, mà là kết hợp trong chính bản thân lý luận ấy, một sự kết hợp nội tại và khăng khít. Thật thế, nhiệm vụ của lý luận, mục đích của khoa học được nêu thẳng ra ở đây là giúp đỡ giai cấp những người bị áp bức trong cuộc đấu tranh kinh tế đang thực sự diễn ra.

«Chúng tôi không nói với thế giới rằng: thôi đừng đấu tranh nữa, toàn bộ cuộc đấu tranh của anh là vô vị. Chúng tôi chỉ muốn nêu cho thế giới cái khẩu hiệu đấu tranh chân chính mà thôi» [70]

Vậy là, theo Mác, nhiệm vụ trực tiếp của khoa học là nêu ra một khẩu hiệu đấu tranh chân chính, nghĩa là phải biết trình bày một cách khách quan cuộc đấu tranh đó như là sản phẩm của một hệ thống quan

---

* Nên chú ý rằng đây là Mác nói đến sự phê phán duy vật chủ nghĩa, sự phê phán duy nhất được ông coi là có tính cách khoa học, nghĩa là sự phê phán đem so sánh các sự kiện pháp lý - chính trị, xã hội, tập tục v. v. với kinh tế, hệ thống quan hệ sản xuất, lợi ích các giai cấp, lợi ích tất nhiên phải hình thành trên cơ sở tất cả các quan hệ xã hội đối kháng. Các quan hệ xã hội ở Nga là quan hệ đối kháng, điều đó vị tất đã có ai có thể nghi ngờ được. Nhưng vẫn chưa có một người nào thử căn cứ vào các quan hệ xã hội đối kháng đó để tiến hành phê phán *như thế* cả.

hệ sản xuất nhất định, phải biết *cách hiểu rõ* tính tất yếu của cuộc đấu tranh đó, nội dung của nó, tiến trình và điều kiện phát triển của nó. Không thể nào đưa ra «khẩu hiệu đấu tranh» được, nếu không nghiên cứu thật tỉ mỉ mỗi một hình thức của cuộc đấu tranh ấy, nếu không theo sát từng bước cuộc đấu tranh ấy khi nó chuyển từ hình thức này sang hình thức khác, để biết cách xác định tình thế ở từng lúc nhất định, mà không bỏ qua tính chất chung và mục đích chung của cuộc đấu tranh là: thủ tiêu hoàn toàn và vĩnh viễn mọi sự bóc lột và mọi sự áp bức.

Hãy thử đem những điều nhảm nhí vô vị mà ông N. C. Mi-khai-lốp-xki «nổi tiếng của chúng ta» đã trình bày trong bài «phê phán» của ông ta và đã công kích chống lại mà so sánh với lý luận «có tính chất phê phán và cách mạng» của Mác, thì các bạn sẽ sửng sốt thấy rằng thật vậy, làm sao lại có thể có những người tự cho là những «nhà tư tưởng của giai cấp lao động», nhưng đồng thời lại chỉ tự giới hạn... ở cái «điều nhạt nhẽo tầm thường» mà các nhà chính luận nước ta biến chủ nghĩa Mác thành bằng cách xóa bỏ tất cả những cái sinh động trong chủ nghĩa đó.

Hãy thử đem các sách báo dân túy ở nước ta — tức là các sách báo cũng xuất phát từ cái ý định muốn làm nhà tư tưởng của người lao động, các sách báo chuyên bàn về lịch sử và về hiện trạng của chế độ kinh tế của chúng ta nói chung và về lịch sử và hiện trạng của giai cấp nông dân nói riêng — mà so sánh với yêu cầu của lý luận đó thì các bạn sẽ sửng sốt thấy rằng làm thế nào mà những người xã hội chủ nghĩa lại có thể thỏa mãn được với một lý luận như thế, một lý luận chỉ đóng khung trong việc nghiên cứu và miêu tả các tai họa và trong những câu nói đạo đức về các tai họa đó. Chế độ nông nô được trình bày không phải như một hình thức tổ chức kinh tế nhất định, đẻ ra một sự bóc lột nào đó, những giai cấp đối kháng nào đó, chế độ chính trị, pháp lý nào đó, v. v., mà chỉ là những hành động lạm quyền của bọn chúa đất, chỉ là một tình trạng bất công đối với nông dân. Cuộc cải cách nông dân được trình bày không phải như sự xung đột giữa những hình thức kinh tế nhất định và những giai cấp kinh tế nhất định, mà là một biện pháp của cái cơ quan chính quyền cấp trên, nó đã «chọn» nhầm «một con đường sai lạc» tuy rằng nó có những ý định hết sức tốt. Nước Nga sau thời kỳ cải cách được trình bày là đã đi chệch con đường đúng, — do đó mà có những tai họa đổ lên đầu người lao động, — chứ không phải là một hệ thống nhất định những quan hệ sản xuất đối kháng, đang có một sự phát triển nhất định.

Và lại, không nghi ngờ gì cả, ngày nay lý luận ấy đang mất tín nhiệm và những người xã hội chủ nghĩa càng mau hiểu rằng, với trình độ hiểu biết hiện nay, người ta không thể có một lý luận cách mạng nào ngoài chủ nghĩa Mác cả, họ càng mau dốc hết tâm sức của mình ra để vận dụng lý luận đó vào nước Nga, cả về mặt lý luận lẫn về mặt thực tiễn, thì thắng lợi của công tác cách mạng sẽ càng chắc chắn và càng mau chóng.

Viết vào xuân - hè 1894 — Toàn tập, t. 1.

LỜI PHẢN KHÁNG CỦA NHỮNG NGƯỜI DÂN CHỦ - XÃ HỘI NGA[71]

Hội nghị của những người dân chủ - xã hội ở một địa phương* gồm 17 người, đã nhất trí thông qua nghị quyết sau đây và đã quyết định đem công bố và đưa ra cho toàn thể các đồng chí thảo luận bản nghị quyết đó

Thời gian gần đây, người ta nhận thấy có một số người dân chủ - xã hội Nga đã đi trệch khỏi những nguyên tắc cơ bản của đảng dân chủ - xã hội Nga, những nguyên tắc đã được các nhà sáng lập và các chiến sĩ tiên phong của đảng ấy, tức là những hội viên trong nhóm «Giải phóng lao động»[72], cũng như được các sách báo dân chủ - xã hội của các tổ chức công nhân Nga vào những năm 90, công bố. Bản «credo»** dẫn ra dưới đây, dùng để nói lên những quan điểm chủ yếu của một số người dân chủ - xã hội Nga (gọi là phái «trẻ»), là một bản có ý định trình bày một cách có hệ thống và rõ ràng «những quan điểm mới». Đây là toàn văn bản «credo» ấy.

Thời kỳ phường hội và công trường thủ công ở phương Tây đã để lại dấu ấn sâu sắc cho toàn bộ lịch sử sau thời kỳ đó, đặc biệt là lịch sử của phong trào dân chủ - xã hội. Sự cần thiết đối với giai cấp tư sản phải giành lấy những hình thức phát triển tự do, nguyện vọng muốn thoát khỏi những quy chế phường hội đang kìm hãm sản xuất, đã làm cho giai cấp tư sản trở thành một thành phần cách mạng; khắp mọi nơi ở phương Tây, giai cấp tư sản đều bắt đầu từ việc đưa ra khẩu hiệu liberté, fraternité, égalité (tự do, bác ái, bình đẳng), từ việc giành lấy những hình thức chính trị tự do. Nhưng, như lời Bi-xmác nói, do việc giành được những hình thức đó, giai cấp tư sản đã cấp cho đối thủ của mình, tức là giai cấp công nhân, một kỳ phiếu mà giai cấp tư sản phải trả trong tương lai. Hầu hết khắp nơi ở phương Tây giai cấp công nhân, với tư cách là một giai cấp, đều không giành được những thiết chế dân chủ, nhưng đã sử dụng những thiết chế đó. Người ta có thể cãi lại chúng ta rằng giai cấp công nhân đã tham gia các cuộc cách mạng. Cứ tham khảo lịch sử cũng có thể đánh đổ được ý kiến đó, bởi vì, chính hồi 1848, khi mà ở phương Tây các hiến pháp được củng cố, thì giai cấp công nhân bao

---

* Trong bản trích ở tạp chí «Sự nghiệp công nhân» có thêm hai tiếng «(nước Nga)». *BT*.

** — tín điều, cương lĩnh, sự trình bày thế giới quan. *BT*.

gồm những thợ thủ công ở thành thị và phái dân chủ tiểu thị dân; giai cấp vô sản công xưởng thì lúc đó hầu như chưa có, còn giai cấp vô sản trong đại công nghiệp (như thợ dệt ở Đức mà Hau-pơ-tman miêu tả, thợ dệt ở Ly-ông) vẫn còn là một đám quần chúng tản mạn, chỉ có khả năng bạo động thôi, chứ tuyệt nhiên không có khả năng đề ra được những yêu sách chính trị nào cả. Người ta có thể nói dứt khoát rằng chính giai cấp tư sản và tầng lớp tiểu thị dân, thợ thủ công đã giành được những hiến pháp năm 1848. Mặt khác, giai cấp công nhân (thợ thủ công và công nhân công trường thủ công, thợ in, thợ dệt, thợ đồng hồ, v. v.), ngay từ thời trung cổ, đã quen tham gia các tổ chức, các quỹ tương tế, các đoàn thể tôn giáo, v. v.. Tinh thần tổ chức đó vẫn còn tồn tại trong những công nhân được đào luyện của phương Tây, và làm cho họ khác biệt rõ rệt với vô sản công xưởng là những người khó và không thể tham gia tổ chức nhanh được, và chỉ có khả năng họp thành các lose Organisation (những tổ chức nhất thời), chứ không thể họp thành các tổ chức vững chắc có điều lệ và quy chế hẳn hoi. Chính những công nhân được đào luyện trong các công trường thủ công đó trở thành hạt nhân của các đảng dân chủ - xã hội. Do đó mà có tình hình như sau: một mặt là tương đối dễ dàng và hoàn toàn có khả năng tiến hành đấu tranh chính trị, và, mặt khác là có khả năng tổ chức một cách có kế hoạch cuộc đấu tranh đó nhờ những công nhân được rèn luyện trong thời kỳ công trường thủ công. Ở phương Tây, chủ nghĩa Mác đã lớn lên về phương diện lý luận và thực tiễn chính là trên miếng đất ấy. Điểm xuất phát là đấu tranh chính trị nghị trường mà triển vọng — chỉ giống chủ nghĩa Blăng-ki [73] ở bề ngoài thôi, nhưng về nguồn gốc, lại có một tính chất khác hẳn — thì một mặt là giành được chính quyền và mặt khác là Zusammenbruch (sụp đổ). Chủ nghĩa Mác là biểu hiện lý luận của hoạt động thực tiễn đang chiếm ưu thế, tức là của cuộc đấu tranh chính trị đã chiếm ưu thế đối với cuộc đấu tranh kinh tế. Ở Bỉ cũng như ở Pháp và đặc biệt là ở Đức, công nhân đã tổ chức đấu tranh chính trị một cách dễ dàng lạ thường, còn khi tổ chức đấu tranh kinh tế thì lại gặp những khó khăn ghê gớm và gặp một sự va chạm ý kiến rất lớn. So với các tổ chức chính trị, thì cho đến nay, các tổ chức kinh tế (không kể nước Anh) vẫn còn yếu ớt và bấp bênh hết sức, và ở nơi nào cũng laissent à désirer quelque chose (còn có điểm đáng chê trách). Chừng nào mà nghị lực trong cuộc đấu tranh chính trị vẫn chưa được tận dụng hết thì chừng đó tiếng Zusammenbruch vẫn còn là Schlagowort (lời nói thông dụng) cần thiết, có tác dụng tổ chức, và nó phải có một tác dụng lịch sử lớn lao. Quy luật cơ bản có thể rút ra trong khi nghiên cứu phong trào công nhân, là quy luật về con đường ít tốn công sức nhất. Ở các nước phương Tây, con đường đó là sự hoạt động chính trị, và chủ nghĩa Mác, dưới hình thức được nêu ra trong bản «Tuyên ngôn của Đảng cộng sản», đã tỏ rõ là một hình thức thích hợp không gì bằng, mà phong trào cần phải có. Nhưng khi toàn bộ nghị lực trong sự hoạt động chính trị, đã tận dụng hết rồi, khi phong trào chính trị đã đạt đến một cường độ cao đến nỗi khó hoặc hầu như không thể nào đưa phong trào lên quá được nữa (số phiếu tán thành trong thời gian gần đây tăng lên chậm, công chúng thờ ơ trong các cuộc hội họp, giọng chán nản trong sách báo), và mặt khác, khi sự hoạt động nghị

trường tỏ rõ là bất lực, đồng thời khi đám dân đen, tức giai cấp vô sản công xưởng không có tổ chức và hầu như không thể tổ chức lại được, bước lên vũ đài, thì tất cả những nhân tố ấy đã làm nảy nở ở phương Tây cái hiện tượng mà hiện nay người ta gọi là chủ nghĩa Béc-stanh[74], là sự khủng hoảng của chủ nghĩa Mác. Khó mà tưởng tượng được một sự tiến triển nào có tính chất lô-gích hơn là thời kỳ phát triển của phong trào công nhân từ khi bản «Tuyên ngôn của Đảng cộng sản» ra đời đến lúc chủ nghĩa Béc-stanh xuất hiện, và cứ nghiên cứu kỹ toàn bộ quá trình đó là có thể xác định được một cách chính xác như trong thiên văn học, kết cục của «sự khủng hoảng» ấy. Dĩ nhiên, ở đây không phải là vấn đề sự thành bại của chủ nghĩa Béc-stanh vì điều này không có gì đáng quan tâm tới, mà vấn đề là sự thay đổi căn bản trong hoạt động thực tiễn, sự thay đổi này, từ lâu đã dần dần diễn ra trong nội bộ đảng.

Sự thay đổi ấy sẽ diễn ra không những chỉ theo hướng là tiến hành một cách kiên quyết hơn nữa cuộc đấu tranh kinh tế, củng cố các tổ chức kinh tế, mà cũng còn diễn ra — và chính đây mới là điều căn bản nhất — theo hướng là thay đổi thái độ của đảng đối với các đảng phái đối lập khác. Chủ nghĩa Mác không khoan nhượng, chủ nghĩa Mác phủ định, chủ nghĩa Mác nguyên thủy (với một ý niệm quá ư sơ lược về sự phân chia xã hội thành giai cấp) sẽ phải nhường chỗ cho chủ nghĩa Mác dân chủ, và địa vị xã hội của đảng trong xã hội hiện đại sẽ phải thay đổi căn bản. Đảng *sẽ thừa nhận* xã hội; những nhiệm vụ có tính chất phường hội hẹp hòi và nhiều khi lại có tính chất bè phái của nó sẽ mở rộng ra thành những nhiệm vụ xã hội, và những nguyện vọng của nó muốn giành lấy chính quyền sẽ trở thành ý muốn thay đổi, cải cách xã hội đương thời theo hướng dân chủ, thích ứng với tình hình thực tế hiện nay, để đảm bảo việc bênh vực một cách có hiệu quả nhất, đầy đủ nhất, những quyền lợi (đủ thứ) của các giai cấp cần lao. Nội dung của khái niệm «chính trị» sẽ mở rộng ra và sẽ có một ý nghĩa thật sự xã hội, và những yêu sách thực tiễn có tính chất nhất thời trước mắt sẽ có uy lực hơn, sẽ có thể được chú ý nhiều hơn là từ trước đến nay.

Từ phần mô tả vắn tắt đó quá trình phát triển của phong trào công nhân phương Tây, cũng dễ rút ra một kết luận đối với nước Nga. Ở nước ta, con đường ít tốn công sức nhất sẽ không bao giờ được hướng vào hoạt động chính trị. Sự áp bức chính trị quá quắt sẽ làm cho người ta nói nhiều đến nó và làm cho người ta đặc biệt chú ý đến nó, nhưng nó sẽ không bao giờ bắt buộc người ta hành động một cách thực tiễn cả. Nếu ở phương Tây, các lực lượng công nhân yếu ớt, được lôi cuốn vào hoạt động chính trị, nhờ đó mà được củng cố và tổ chức lại, thì trái lại, ở nước ta, lực lượng yếu ớt đó đang đụng đầu phải sự áp bức chính trị và không những không có được những phương tiện thực tiễn để đấu tranh chống lại sự áp bức ấy, và do đó để phát triển lên, mà lại còn bị sự áp bức ấy bóp nghẹt một cách có hệ thống, và không thể tiến lên được một bước nào, dù chỉ là một bước rất nhỏ thôi. Nếu kể thêm rằng giai cấp công nhân nước ta không thừa hưởng được cái tinh thần tổ chức đặc trưng cho các chiến sĩ phương Tây, thì chúng ta sẽ đứng trước một tình hình bi thảm khả dĩ làm nản lòng những người mác-xít lạc quan nhất đang tin rằng chỉ độc sự tồn tại của mỗi một cái ống khói mới của

công xưởng không thôi cũng đã mang lại phúc lợi lớn. Cuộc đấu tranh kinh tế cũng khó, khó tiến hành nó vô cùng, nhưng vẫn có thể tiến hành được, và cuối cùng nó đã được chính bản thân quần chúng tiến hành rồi. Qua cuộc đấu tranh kinh tế đó, công nhân Nga học tập được cách tổ chức nhau lại, và do luôn luôn đụng đầu phải chế độ chính trị trong cuộc đấu tranh kinh tế ấy, nên cuối cùng họ sẽ tạo ra được cái mà người ta có thể gọi là hình thức của phong trào công nhân, sẽ tạo ra được cái tổ chức hoặc những tổ chức thích hợp nhất với những điều kiện của thực tế nước Nga. Bây giờ, người ta có thể nói quả quyết rằng phong trào công nhân Nga vẫn đang còn ở trạng thái phôi thai và vẫn chưa tạo ra được một hình thức nào cả. Phong trào bãi công, tồn tại dưới bất cứ một hình thức tổ chức nào, cũng vẫn chưa thể được gọi là một hình thức đã được kết tinh hẳn hoi của phong trào Nga; còn về các tổ chức bất hợp pháp, thì dù chỉ thuần túy đứng về mặt số lượng mà nói (chứ chưa nói đến ích lợi của các tổ chức đó, trong điều kiện hiện nay) cũng chưa đáng được người ta chú ý tới.

Tình hình là như vậy. Nếu thêm vào đó những cảnh túng đói và quá trình phá sản ở nông thôn đang tạo điều kiện thuận lợi cho những hành vi Streikbrecher * dễ phát sinh và do đó, việc nâng văn hóa quần chúng công nhân lên một trình độ khả quan hơn sẽ lại còn khó khăn hơn nữa, — thì... thử hỏi người mác-xít Nga liệu còn làm được việc gì ở đây chăng?! Bàn việc thành lập một chính đảng công nhân độc lập chẳng qua chỉ là đem những nhiệm vụ của nước ngoài, những kết quả của nước ngoài mà cấm vào đất nước chúng ta thôi. Cho đến bây giờ, người mác-xít Nga vẫn còn ở vào một cảnh đáng buồn. Nhiệm vụ thực tiễn của họ hiện nay thật là bé nhỏ; những sự hiểu biết của họ về lý luận, — trong chừng mực họ sử dụng những sự hiểu biết đó *không phải để làm phương tiện nghiên cứu*, mà để làm công thức hoạt động, — thì chẳng có giá trị gì cả, ngay cả đối với việc thực hiện những nhiệm vụ thực tiễn nhỏ bé kia cũng thế. Và lại, những công thức đi mượn đó đều có hại về mặt thực tiễn. Vì quên rằng giai cấp công nhân phương Tây hoạt động trên một địa bàn chính trị đã được dọn sẵn rồi, nên những người mác-xít nước ta có một thái độ khinh miệt thái quá đối với hoạt động cấp tiến, hoặc hoạt động đối lập theo xu hướng tự do chủ nghĩa, của tất cả mọi tầng lớp không phải là công nhân trong xã hội. Chỉ hơi tập trung sự chú ý đến những biểu hiện xã hội có tính chất chính trị theo xu hướng tự do chủ nghĩa, là đã bị những người mác-xít chính thống phản đối rồi, những người này quên rằng cả một loạt điều kiện lịch sử khiến chúng ta không thể là những người mác-xít phương Tây được, và đòi hỏi chúng ta phải có một chủ nghĩa Mác khác, chủ nghĩa Mác thích hợp và cần thiết trong những điều kiện nước Nga. Rõ ràng là không thể lấy những lời bàn về chính trị hoặc những lời kêu gọi một lực lượng không có thực để bù lại tình trạng thiếu ý thức chính trị và không nhạy cảm về chính trị của mỗi người công dân Nga. Chỉ bằng cách giáo dục, nghĩa là chỉ bằng cách tham gia vào đời sống (dù cho đời sống đó có thiếu tính chất mác-xít chăng nữa) mà thực tại nước Nga đã đưa lại cho chúng

---

* — phá hoại bãi công. *BT*.

ta thì mới có thể có được sự nhạy cảm về chính trị như vậy. «Sự phủ định» trước kia thích hợp (tạm thời) với phương Tây như thế nào, thì ngày nay, ở nước ta, nó có hại như thế, bởi vì sự phủ định do một lực lượng có tổ chức và có thực lực đề xuất ra là một chuyện, còn sự phủ định do một đám đông chưa có hình thù gì và gồm những cá nhân tản mạn đề xuất ra, thì lại là một chuyện khác.

Người mác-xít Nga chỉ có một kết cục là: tham gia, tức là giúp vào cuộc đấu tranh kinh tế của giai cấp vô sản và tham gia vào sự hoạt động đối lập theo hướng tự do chủ nghĩa. Với tư cách là «người phủ định», người mác-xít Nga đã xuất hiện quá sớm, và sự phủ định này đã làm suy yếu ở họ một phần nghị lực đáng lẽ phải được đem phục vụ cho chủ nghĩa cấp tiến chính trị. Cho đến nay, tất cả những cái đó không đáng ghê sợ, nhưng nếu cái công thức giai cấp cản trở người trí thức Nga đóng góp tích cực vào đời sống và đẩy họ ra quá xa các nhóm đối lập, thì điều đó sẽ đem lại một thiệt hại nghiêm trọng cho tất cả những ai buộc phải đấu tranh để giành lấy những hình thức pháp quyền, đấu tranh nhưng không kề vai sát cánh với giai cấp công nhân, là giai cấp vẫn chưa đề ra được những nhiệm vụ chính trị. Sự ngây thơ về chính trị của người trí thức mác-xít Nga, sự ngây thơ ẩn dưới những lập luận trừu tượng về các vấn đề chính trị, có thể chơi anh ta một vố đòn đau.

Chúng tôi không biết có nhiều người dân chủ - xã hội Nga tán thành những quan điểm đó không. Nhưng không thể chối cãi được rằng nói chung thì những ý kiến loại ấy đã có những người tán thành, và chính vì thế mà chúng tôi cho rằng nhiệm vụ của chúng tôi là phải cương quyết phản đối những quan điểm như thế và ngăn ngừa trước để tất cả các đồng chí tránh khỏi cái nguy cơ đưa phong trào dân chủ - xã hội Nga đi trệch con đường mà tự nó đã vạch ra, tức là: thành lập một chính đảng công nhân độc lập, gắn liền với cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản và lấy việc giành quyền tự do chính trị làm nhiệm vụ trước mắt của mình.

Nội dung bản «credo» nói trên, gồm, một là, «phần mô tả vắn tắt quá trình phát triển của phong trào công nhân phương Tây», hai là, «những kết luận về nước Nga».

Trước hết, những quan niệm của các tác giả bản «credo» đối với quá khứ của phong trào công nhân Tây Âu là những quan niệm hoàn toàn sai. Sai ở chỗ họ nói: giai cấp công nhân phương Tây đã không tham gia đấu tranh giành tự do chính trị và không tham gia các cuộc cách mạng chính trị. Lịch sử phong trào Hiến chương [75] và cuộc cách mạng hồi 1848 ở Pháp, ở Đức và ở Áo, đều chứng thực ngược hẳn lại. Hoàn toàn sai ở chỗ họ cho rằng «chủ nghĩa Mác là biểu hiện lý luận của hoạt động thực tiễn đang chiếm ưu thế, tức là của cuộc đấu tranh

chính trị đã chiếm ưu thế đối với cuộc đấu tranh kinh tế». Trái lại, «chủ nghĩa Mác» đã xuất hiện trong khi chủ nghĩa xã hội phi chính trị (chủ nghĩa Ô oen, «chủ nghĩa Phu ri-ê», «chủ nghĩa xã hội chân chính», v. v.) đang thịnh hành, và bản «Tuyên ngôn của Đảng cộng sản» đã lập tức phản đối chủ nghĩa xã hội phi chính trị. Ngay cả khi chủ nghĩa Mác đã xuất hiện trong tư thế được vũ trang đầy đủ về mặt lý luận (bộ «Tư bản») và đã tổ chức được Hội liên hiệp lao động quốc tế [76] nổi tiếng, thì đấu tranh chính trị vẫn hoàn toàn chưa phải là hoạt động thực tiễn chiếm ưu thế đấu (chủ nghĩa công liên chật hẹp ở Anh, chủ nghĩa vô chính phủ và chủ nghĩa Pru-đông [77] ở các nước rô-manh). Ở Đức, công lao lịch sử to lớn của Lát-xan là ông đã làm cho giai cấp công nhân, từ chỗ là bộ phận phụ thuộc của phái tư sản tự do, biến thành một chính đảng độc lập. Chủ nghĩa Mác đã kết hợp cuộc đấu tranh kinh tế với cuộc đấu tranh chính trị của giai cấp công nhân thành một chỉnh thể cố kết, và những cố gắng của các tác giả bản «credo» mưu tách rời những hình thức đấu tranh đó ra, đều là những hành động thoát ly chủ nghĩa Mác một cách vô hiệu quả nhất và thảm hại nhất.

Sau nữa, các tác giả bản «credo» cũng quan niệm rất sai về tình hình hiện nay của phong trào công nhân ở Tây Âu và về lý luận chủ nghĩa Mác mà phong trào đó dùng làm ngọn cờ chỉ đạo. Nói đến «sự khủng hoảng của chủ nghĩa Mác», tức là lặp lại những lời ba hoa phi lý của bọn ký giả tư sản nhảm nhí đang ra công khơi to lên mọi sự bất hòa giữa những người xã hội chủ nghĩa để gây ra một sự phân liệt giữa các đảng xã hội chủ nghĩa. «Chủ nghĩa Béc-stanh» khét tiếng, — hiểu theo cái nghĩa mà đông đảo công chúng nói chung và các tác giả bản «credo» nói riêng vẫn thường hiểu, — là mưu toan muốn thu hẹp lý luận của chủ nghĩa Mác, mưu toan muốn biến đảng công nhân cách mạng thành một đảng cải lương chủ nghĩa; và, dĩ nhiên, mưu toan đó đã bị đa số các đảng viên dân chủ - xã hội Đức kiên quyết lên án. Các khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa đã nhiều lần biểu lộ rõ trong đảng dân chủ- xã hội Đức, và lần nào cũng đều bị đảng bác bỏ, vì đảng trung thành bảo vệ những di huấn của phong trào dân chủ - xã hội cách mạng quốc tế. Chúng ta tin chắc rằng bất cứ một mưu toan nào nhằm đem du nhập những quan điểm cơ hội chủ nghĩa vào nước Nga, đều sẽ vấp phải một sức phản kháng không kém phần kiên quyết của tuyệt đại đa số những người dân chủ - xã hội Nga.

Cũng như hoàn toàn không thể nào nói đến một «sự thay đổi căn bản» nào «trong hoạt động thực tiễn» của các đảng công nhân Tây Âu, bất

chấp ý muốn của các tác giả bản «credo»: ý nghĩa trọng đại của cuộc đấu tranh kinh tế của giai cấp vô sản và sự tất yếu phải tiến hành cuộc đấu tranh đó, đã được chủ nghĩa Mác thừa nhận ngay từ buổi đầu rồi, và ngay trong những năm 40, Mác và Ăng-ghen đã luận chiến với những nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng là những người phủ nhận ý nghĩa của cuộc đấu tranh đó [78].

Sau đó gần hai mươi năm, khi Hội liên hiệp lao động quốc tế thành lập, thì vấn đề ý nghĩa của các công đoàn và của cuộc đấu tranh kinh tế đã được nêu lên ngay trong Đại hội lần thứ nhất của Hội liên hiệp đó, họp ở Giơ-ne-vơ, năm 1866. Nghị quyết do đại hội ấy thông qua, đã vạch ra một cách chính xác tầm quan trọng của đấu tranh kinh tế, đã ngừa trước cho những người xã hội chủ nghĩa và công nhân, một mặt, đừng khuếch đại ý nghĩa của cuộc đấu tranh đó (công nhân Anh thời bấy giờ đã có biểu hiện này), và mặt khác, cũng không được coi nhẹ ý nghĩa của cuộc đấu tranh đó (người Pháp, người Đức và nhất là phái Lát-xan đã có biểu hiện như thế). Nghị quyết đó đã thừa nhận rằng các nghiệp đoàn công nhân không những chỉ là một hiện tượng hợp với quy luật, mà còn là một hiện tượng cần thiết dưới chế độ tư bản, và đã thừa nhận ý nghĩa cực kỳ quan trọng của những nghiệp đoàn công nhân đó đối với việc tổ chức giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh hàng ngày của họ chống lại tư bản, và đối với việc xóa bỏ chế độ làm thuê. Nghị quyết đã tuyên bố rằng các nghiệp đoàn công nhân không nên chỉ chú ý đến «đấu tranh trực tiếp chống tư bản», không nên xa rời phong trào chính trị và phong trào xã hội chung của giai cấp công nhân; rằng mục đích của nghiệp đoàn công nhân không được «bó hẹp» mà phải nhằm giải phóng chung hàng triệu người lao động bị áp bức. Từ đó, trong các đảng công nhân ở các nước, người ta đã nêu lên nhiều lần, và cố nhiên người ta sẽ còn nêu lên nhiều lần vấn đề xét xem trong một lúc nào đó, thì cần phải chú ý nhiều hơn hay chú ý ít hơn đến cuộc đấu tranh kinh tế hoặc đến cuộc đấu tranh chính trị của giai cấp vô sản; nhưng vấn đề chung hay vấn đề nguyên tắc, thì hiện nay vẫn được đặt ra, cũng như trước kia chủ nghĩa Mác đã từng đặt nó ra. Niềm tin chắc rằng cuộc đấu tranh giai cấp tất yếu phải kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh kinh tế thành một chỉnh thể duy nhất, — đã ăn sâu vào phong trào dân chủ - xã hội quốc tế. Sau nữa, kinh nghiệm lịch sử chứng minh một cách không thể bác bỏ được rằng khi giai cấp vô sản không có tự do chính trị hay khi quyền lợi chính trị

của họ còn bị bó hẹp lại, thì bao giờ tình trạng đó cũng dẫn tới chỗ tất yếu phải đặt đấu tranh chính trị lên hàng đầu.

Về thái độ của đảng công nhân đối với các đảng đối lập khác, thì lại càng không thể nói là có một sự thay đổi đôi chút quan trọng được. Cả về mặt này nữa, chủ nghĩa Mác cũng đã chỉ ra lập trường đúng đắn là vừa không hề khuếch đại vai trò của chính trị, không hề chủ trương âm mưu (chủ nghĩa Blăng-ki, v. v.) lại cũng không hề khinh thường chính trị hoặc không đem bó hẹp chính trị lại thành một sự chắp vá xã hội, có tính chất cơ hội chủ nghĩa, cải lương chủ nghĩa (chủ nghĩa vô chính phủ, chủ nghĩa xã hội không tưởng và tiểu tư sản, chủ nghĩa xã hội nhà nước, chủ nghĩa xã hội giảng đường [79], v. v.). Giai cấp vô sản phải ra sức lập ra các chính đảng công nhân độc lập, mà mục đích chủ yếu của các chính đảng đó phải là làm cho giai cấp vô sản giành lấy chính quyền để tổ chức xã hội xã hội chủ nghĩa. Giai cấp vô sản không được mảy may coi các giai cấp khác và các đảng khác như là «một khối phản động» [80]: trái lại, giai cấp vô sản phải tham gia vào toàn bộ sinh hoạt chính trị và xã hội, phải ủng hộ các giai cấp và các đảng tiến bộ chống lại các giai cấp và các đảng phản động, phải ủng hộ bất cứ phong trào cách mạng nào để chống lại chế độ hiện tồn; phải bênh vực mọi dân tộc hay mọi chủng tộc bị áp bức, bênh vực mọi tôn giáo bị ngược đãi, bênh vực nữ giới là giới không được hưởng quyền lợi gì cả, v. v.. Những lý lẽ của các tác giả bản «credo» về vấn đề ấy chẳng qua chỉ chứng tỏ rằng họ có ý muốn làm lu mờ tính chất giai cấp của cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản, muốn dùng cái điều vô lý gọi là «sự thừa nhận xã hội» để làm suy yếu cuộc đấu tranh đó, muốn bó hẹp chủ nghĩa Mác cách mạng lại đến mức biến chủ nghĩa đó thành một trào lưu cải lương chủ nghĩa tầm thường mà thôi. Chúng ta tin chắc rằng tuyệt đại đa số những người dân chủ - xã hội Nga sẽ kiên quyết bác bỏ cái lối xuyên tạc những nguyên tắc cơ bản của đảng dân chủ - xã hội như vậy. Những luận cứ sai lầm về phong trào công nhân Tây Âu, đã đưa các tác giả bản «credo» đến «những kết luận về nước Nga» còn sai lầm hơn nữa.

Khẳng định rằng giai cấp công nhân Nga «vẫn chưa đề ra được những nhiệm vụ chính trị», như vậy chỉ tỏ rõ rằng những người khẳng định như thế không biết gì về phong trào cách mạng ở Nga cả. Ngay «Hội liên hiệp công nhân Nga ở miền Bắc» [81], thành lập năm 1878, và «Hội liên hiệp công nhân Nga ở miền Nam» [82], thành lập năm 1875, đều đã nêu ra, trong cương lĩnh của mình, yêu sách đòi quyền tự do chính trị. Sau thời kỳ phản động trong những năm 80, giai cấp công

nhân, trong những năm 90, lại nhiều lần nêu ra cũng cái yêu sách đó. Khẳng định rằng những «lời bàn việc thành lập một chính đảng công nhân độc lập chẳng qua chỉ là đem những nhiệm vụ của nước ngoài, những kết quả của nước ngoài mà cắm vào đất nước chúng ta thôi», — khẳng định như vậy chỉ chứng tỏ rằng họ hoàn toàn không hiểu gì về vai trò lịch sử của giai cấp công nhân Nga và về những nhiệm vụ bức thiết nhất của đảng dân chủ - xã hội Nga. Cương lĩnh riêng của các tác giả bản «credo», rõ ràng là nhằm làm cho giai cấp công nhân đi theo «con đường ít tốn công sức nhất», sẽ chỉ bo bo biết có đấu tranh kinh tế thôi, còn «những phần tử đối lập theo xu hướng tự do chủ nghĩa», thì sẽ đấu tranh để giành lấy «những hình thức pháp quyền», với «sự tham gia» của những người mác-xít. Thực hiện một cương lĩnh như thế thì chẳng khác gì Đảng dân chủ - xã hội Nga tự sát về chính trị, chẳng khác gì kìm hãm rất nhiều và hạ thấp rất nhiều phong trào công nhân Nga và phong trào cách mạng Nga (đối với chúng ta, hai khái niệm đó đều có một nội dung như nhau). Chỉ độc việc một cương lĩnh như thế đã xuất hiện được, cũng đủ chứng tỏ rằng nỗi lo âu của P. B. Ác-xen-rốt, một trong những chiến sĩ tiên phong của đảng dân chủ - xã hội Nga, là có căn cứ biết chừng nào, khi ông viết, hồi cuối năm 1897, như sau về khả năng của một triển vọng như thế:

«Phong trào công nhân không vượt ra ngoài phạm vi chật hẹp của những cuộc xung đột thuần túy kinh tế giữa công nhân và chủ xưởng, và, đứng về toàn bộ mà nói, thì tự nó không có tính chất chính trị; trái lại, trong cuộc đấu tranh giành quyền tự do chính trị, các tầng lớp tiên tiến của giai cấp vô sản đều đi theo các tiểu tổ và các phái cách mạng thuộc cái mà người ta gọi là giới trí thức» (Ác-xen-rốt. «Bàn về những nhiệm vụ hiện nay và sách lược của những người dân chủ - xã hội Nga». Giơ-ne-vơ. 1898, tr. 19).

Những người dân chủ - xã hội Nga phải tuyên chiến quyết liệt với toàn bộ những tư tưởng nêu lên trong bản «credo», vì những tư tưởng đó đều trực tiếp làm cho triển vọng nói trên trở thành hiện thực. Những người dân chủ - xã hội Nga phải dốc toàn lực của mình ra để thực hiện một triển vọng khác, triển vọng đã được P. B. Ác-xen-rốt trình bày như sau:

«Triển vọng khác là: đảng dân chủ - xã hội tổ chức giai cấp vô sản Nga thành một chính đảng độc lập, đấu tranh giành tự do, *một phần thì sát cánh và liên minh* với các phái cách mạng tư sản (nếu* có những phái như thế),

---

* Đến đây bản thảo dừng lại. *BT*.

một phần thì công khai thu hút vào hàng ngũ mình hoặc kéo theo mình những phần tử trí thức yêu nhân dân nhất và cách mạng nhất (như trên, tr. 20).

Ngay thời kỳ mà P. B. Ác-xen-rốt viết những dòng trên đây, thì những lời tuyên bố của những người dân chủ - xã hội Nga cũng đã chứng tỏ rằng tuyệt đại đa số họ đều tán thành quan điểm đó. Đành rằng có một tờ báo của công nhân ở Pê-téc-bua, tờ «Tư tưởng công nhân»[83], dường như đã tỏ ra đồng tình với những tư tưởng của tác giả bản «credo», khi nó đưa ra, — điều này thật đáng tiếc, — trong một bài xã luận có tính chất cương lĩnh (số 1, tháng Mười 1897) cái tư tưởng sau đây, hoàn toàn sai lầm và trái ngược với chủ nghĩa dân chủ - xã hội, nói rằng «cơ sở kinh tế của phong trào» có thể «bị làm lu mờ đi bởi cái ý muốn luôn luôn không lãng quên lý tưởng chính trị». Nhưng đồng thời lại có một tờ báo khác của công nhân ở Pê-téc-bua, «Báo công nhân Xanh Pê-téc-bua khổ nhỏ»[84] (số 2, tháng Chín 1897), đã tuyên bố quả quyết rằng «chỉ có một đảng công nhân đông đảo và có tổ chức vững mạnh, mới có thể... lật đổ được chế độ chuyên chế», rằng công nhân «được tổ chức thành một đảng vững mạnh», thì «sẽ tự giải phóng được mình và sẽ giải phóng được cả nước Nga ra khỏi mọi sự áp bức chính trị và kinh tế». Một tờ báo thứ ba, tờ «Báo công nhân»[85], đã viết trong bài xã luận số 2 (tháng Mười một 1897) rằng: «Đấu tranh chống chính phủ chuyên chế để giành quyền tự do chính trị là nhiệm vụ trước mắt của phong trào công nhân Nga». — «Phong trào công nhân Nga sẽ tăng được lực lượng của mình lên gấp mười lần, nếu nó hành động thành một khối thống nhất và chặt chẽ, dưới một danh hiệu chung và có một tổ chức chặt chẽ...» «Các tiểu tổ công nhân riêng lẻ phải biến thành một đảng thống nhất». «Đảng công nhân Nga sẽ là một đảng dân chủ - xã hội». — Tuyệt đại đa số những người dân chủ - xã hội Nga đã hoàn toàn đồng tình với chính những quan điểm đó của tờ «Báo công nhân», điều này ta cũng thấy rõ qua việc đại hội những người dân chủ - xã hội Nga[86], họp vào mùa xuân 1898, đã thành lập «Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga», đã nhân danh đảng này công bố một bản tuyên ngôn và thừa nhận tờ «Báo công nhân» là cơ quan chính thức của đảng. Vậy là các tác giả bản «credo» đã bước một bước thụt lùi rất xa, so với trình độ phát triển mà đảng dân chủ - xã hội Nga đã đạt được, một trình độ đã được thể hiện qua bản «Tuyên ngôn của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga». Nếu những sự đàn áp ác liệt của chính phủ Nga, làm cho hoạt động của đảng giờ đây tạm thời bị yếu đi và cơ quan chính thức của đảng không xuất bản được, thì nhiệm

vụ của tất cả mọi người dân chủ - xã hội Nga là phải dốc toàn lực ra để triệt để củng cố đảng, định ra cương lĩnh của mình và tục bản lại cơ quan chính thức của mình. Vì có những sự dao động về tư tưởng, sự dao động được chứng minh qua sự thật là những cương lĩnh như bản «credo» — mà chúng ta đã phân tích ở trên đây — đã có thể xuất hiện, nên chúng tôi nhận thấy rằng cần phải đặc biệt nhấn mạnh đến những nguyên lý cơ bản sau đây được trình bày trong bản «Tuyên ngôn», những nguyên lý có một ý nghĩa trọng đại đối với phong trào dân chủ - xã hội Nga. Một là: phong trào dân chủ - xã hội Nga «mong muốn và trước sau vẫn muốn là một phong trào giai cấp của quần chúng công nhân có tổ chức». Do đó, phương châm của phong trào dân chủ - xã hội phải là: không những chỉ ủng hộ công nhân trong đấu tranh kinh tế, mà còn ủng hộ họ trong đấu tranh chính trị nữa; không những chỉ cổ động trên địa hạt yêu sách kinh tế trước mắt, mà còn cổ động chống hết thảy mọi biểu hiện của áp bức chính trị nữa; không những chỉ tuyên truyền những tư tưởng của chủ nghĩa xã hội khoa học, mà còn tuyên truyền cả những tư tưởng dân chủ nữa. Chỉ có lý luận của chủ nghĩa Mác cách mạng mới có thể dùng làm ngọn cờ cho phong trào giai cấp của công nhân được, và đảng dân chủ - xã hội Nga phải quan tâm phát triển hơn nữa và thực hành lý luận đó, đồng thời bảo vệ nó, không để cho nó bị xuyên tạc và bị tầm thường hóa, như «những lý luận rất mốt» thường bị như thế (những thắng lợi của phong trào dân chủ - xã hội cách mạng ở Nga chính là đã làm cho chủ nghĩa Mác trở thành một thứ lý luận «rất mốt» rồi đấy). Hiện nay, trong lúc tập trung toàn lực của mình vào sự hoạt động trong công nhân ở nhà máy, công xưởng và hầm mỏ, đảng dân chủ - xã hội không được quên rằng khi phong trào mở rộng ra thì nó cũng phải thu hút vào hàng ngũ quần chúng công nhân mà nó đang tổ chức, cả những công nhân làm ở nhà, cả những thợ thủ công, cả những công nhân nông nghiệp lẫn hàng triệu nông dân bị phá sản và đang chết đói.

Hai là: «Trên hai vai lực lượng của mình, giai cấp công nhân Nga phải gánh vác và sẽ gánh vác được sự nghiệp giành quyền tự do chính trị». Đảng dân chủ - xã hội đã lấy việc đánh đổ chế độ chuyên chế làm nhiệm vụ trước mắt của mình, thì phải là người chiến sĩ tiên phong trong cuộc đấu tranh giành dân chủ, và chỉ nguyên với lý do đó, nó phải tận lực giúp đỡ tất cả mọi phần tử dân chủ trong dân cư nước Nga để lôi kéo họ trở thành những bạn đồng minh của mình. Chỉ có một chính đảng công nhân độc lập mới có thể là bức thành trì vững chắc trong cuộc

đấu tranh chống chế độ chuyên chế, và chỉ có liên minh với một đảng như thế, chỉ có ủng hộ nó, thì tất cả các chiến sĩ khác trong cuộc đấu tranh giành quyền tự do chính trị mới có thể phát huy hết tác dụng tích cực của mình được.

Cuối cùng, ba là: «Với tư cách là một phong trào và là một trào lưu xã hội chủ nghĩa, đảng dân chủ - xã hội Nga tiếp tục sự nghiệp và truyền thống của toàn bộ phong trào cách mạng tiền bối ở nước Nga; lấy việc giành quyền tự do chính trị làm nhiệm vụ chủ yếu nhất trong những nhiệm vụ trước mắt của toàn đảng, nên đảng dân chủ - xã hội đang tiến đến mục đích mà những chiến sĩ vinh quang của nhóm «Dân ý»[87] cũ đã vạch rõ ra từ trước». Truyền thống của toàn bộ phong trào cách mạng tiền bối ở nước Nga đòi hỏi đảng dân chủ - xã hội hiện nay phải tập trung toàn lực của mình vào việc tổ chức đảng, tăng cường kỷ luật trong nội bộ đảng và phát triển những phương pháp đấu tranh bí mật. Nếu các chiến sĩ của nhóm «Dân ý» cũ đã có được một tác dụng to lớn trong lịch sử nước Nga, mặc dầu số anh hùng ít ỏi của nhóm đó chỉ được những tầng lớp xã hội không đông đảo ủng hộ thôi, mặc dầu ngọn cờ chỉ đạo của phong trào đó tuyệt nhiên chưa phải là một lý luận cách mạng, — thì đảng dân chủ - xã hội, dựa vào đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản, nhất định sẽ trở nên vô địch. «Giai cấp vô sản Nga sẽ vứt bỏ cái ách chế độ chuyên chế để tiếp tục đấu tranh một cách càng kiên quyết hơn nữa chống chủ nghĩa tư bản và giai cấp tư sản, kỳ cho chủ nghĩa xã hội toàn thắng».

Chúng tôi đề nghị tất cả các nhóm dân chủ - xã hội và tất cả các tiểu tổ công nhân ở nước Nga hãy thảo luận cả bản «credo» đã dẫn ra ở trên đây lẫn bản nghị quyết của chúng tôi, và hãy tỏ rõ thái độ của mình đối với vấn đề nêu lên đó, để gạt bỏ tất cả mọi bất đồng ý kiến và để xúc tiến công cuộc tổ chức và củng cố Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga.

Nghị quyết của các nhóm và tiểu tổ đó có thể thông báo cho «Hội liên hiệp những người dân chủ - xã hội Nga» ở nước ngoài biết, vì chiếu theo điều 10 trong quyết định của đại hội những người dân chủ - xã hội Nga họp năm 1898, thì Hội liên hiệp đó là một bộ phận của Đảng dân chủ - xã hội Nga và là đại diện của đảng ở nước ngoài *.

Viết vào tháng Tám,
trước ngày 22, 1899

Toàn tập, t. 4

---

* Trong bản «Vademecum», đoạn cuối này không có. *BT.*

CƯƠNG LĨNH CỦA CHÚNG TA

Phong trào dân chủ - xã hội quốc tế hiện đang trải qua một thời kỳ dao động về tư tưởng. Từ trước đến nay, những học thuyết của Mác và Ăng-ghen được coi như nền tảng vững chắc của lý luận cách mạng, nhưng giờ đây, khắp nơi đã có những người lên tiếng cho rằng những học thuyết đó là không đầy đủ và đã lỗi thời rồi. Người nào tự xưng là đảng viên dân chủ - xã hội và muốn lập ra một cơ quan ngôn luận dân chủ - xã hội thì người đó phải xác định rõ thái độ của mình đối với một vấn đề mà không phải chỉ riêng những người dân chủ-xã hội Đức mới quan tâm đến.

Chúng ta hoàn toàn đứng trên cơ sở lý luận của Mác: lý luận đó là lý luận lần đầu tiên đã biến chủ nghĩa xã hội từ không tưởng thành khoa học; lý luận đó đã dựng lên những cơ sở vững chắc cho khoa học ấy và vạch rõ con đường mà chúng ta cần phải theo, để phát triển khoa học đó thêm nữa và phát huy nó với đầy đủ chi tiết. Lý luận của Mác đã bóc trần bản chất nền kinh tế tư bản chủ nghĩa hiện đại, bằng cách giải thích cho chúng ta thấy rõ việc thuê mướn công nhân, việc mua sức lao động đã che đậy như thế nào cho việc nô dịch của một nhúm những tên tư bản, địa chủ, chủ xưởng, chủ mỏ, v. v., đối với hàng triệu người tay trắng. Lý luận đó chỉ rõ toàn bộ sự phát triển của chủ nghĩa tư bản có xu hướng làm cho sản xuất lớn gạt bỏ sản xuất nhỏ như thế nào, sản xuất lớn đã tạo ra như thế nào những điều kiện khiến có thể và cần phải tổ chức xã hội theo phương thức xã hội chủ nghĩa. Lý luận đó dạy ta nhận rõ rằng đằng sau những tập quán đã ăn sâu, những âm mưu chính trị, những luật lệ tinh vi và những học thuyết lắt léo, là *cuộc đấu tranh giai cấp*, cuộc đấu tranh giữa tất cả các loại giai cấp hữu sản chống quần chúng không có tài sản, *chống giai cấp vô sản*, giai cấp dẫn đầu tất cả những người không có tài sản. Lý luận đó đã chỉ rõ nhiệm vụ thật sự của một đảng xã hội chủ nghĩa cách mạng

không phải là đặt ra những kế hoạch cải tạo xã hội, không phải là khuyên nhủ bọn tư bản và tôi tớ của chúng cải thiện đời sống cho công nhân, không phải là sắp đặt những cuộc âm mưu, *mà là tổ chức cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản và lãnh đạo cuộc đấu tranh đó mà mục đích cuối cùng là giai cấp vô sản giành lấy chính quyền và tổ chức xã hội xã hội chủ nghĩa*.

Và bây giờ chúng ta thử hỏi: «những người cách tân» ồn ào kia, hiện đang khua chiêng gõ trống ầm ĩ lên như thế và đang tập hợp chung quanh nhà xã hội chủ nghĩa Đức Béc-stanh, thì đã đem lại được cái gì mới cho lý luận của Mác chăng? *Hoàn toàn không đem lại gì cả*: vì đối với khoa học mà Mác và Ăng-ghen căn dặn chúng ta nên phát triển thì họ không làm cho nó nhích lên được một bước nào cả; họ không dạy được cho giai cấp vô sản một phương pháp đấu tranh mới nào cả; họ chỉ đi thụt lùi thôi, họ đưa ra những mẩu lý luận lạc hậu và tuyên truyền cho giai cấp vô sản không phải lý luận đấu tranh mà là thứ lý luận nhượng bộ đối với những kẻ thù độc ác nhất của giai cấp vô sản, tức là các chính phủ và các chính đảng tư sản, những bọn này lúc nào cũng cố tìm những thủ đoạn mới để tấm nã những người xã hội chủ nghĩa. Plê-kha-nốp, một trong những người sáng lập và lãnh tụ đảng dân chủ - xã hội Nga, đã hoàn toàn có lý khi ông phê phán thẳng tay «sự phê phán» mới nhất đây của Béc-stanh mà quan điểm, hiện nay, đã bị ngay cả những đại biểu công nhân Đức bác bỏ (tại đại hội Han-nô-vơ)[88].

Chúng ta biết rằng những lời nói đây sẽ làm cho người ta gieo vào đầu chúng ta vô số những lời buộc tội: người ta sẽ la lên rằng chúng ta muốn biến đảng xã hội chủ nghĩa thành một hội «chính giáo» để làm hại những người «tà giáo» vì họ đã xa rời «giáo điều», họ đã có ý kiến độc lập, v. v.. Tất cả những lời lẽ cay độc đang được thịnh hành ấy, chúng ta đều đã biết. Song những lời đó không có chút gì sự thật và không có ý nghĩa gì cả. Không thể có một đảng xã hội chủ nghĩa vững mạnh, nếu không có lý luận cách mạng để đoàn kết tất cả những người xã hội chủ nghĩa lại, để họ rút ra từ trong lý luận đó tất cả những tín điều của họ và đem áp dụng lý luận đó vào những phương pháp đấu tranh và phương sách hành động của họ; bênh vực cho một lý luận như thế, mà mình nhận định là đúng, để chống lại những sự công kích vô căn cứ và những mưu toan bóp méo lý luận đó, như thế tuyệt nhiên chưa có nghĩa là phản đối *mọi* sự phê phán. Chúng ta không hề coi lý luận của Mác như là một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm;

trái lại, chúng ta tin rằng lý luận đó chỉ đặt nền móng cho môn khoa học mà những người xã hội chủ nghĩa *cần phải* phát triển hơn nữa về mọi mặt, nếu họ không muốn trở thành lạc hậu đối với cuộc sống. Chúng tôi nghĩ rằng những người xã hội chủ nghĩa ở Nga đặc biệt cần phải *tự mình* phát triển hơn nữa lý luận của Mác, vì lý luận này chỉ đề ra những nguyên lý *chỉ đạo* chung, còn việc áp dụng những nguyên lý ấy thì, *xét riêng từng nơi*, ở Anh không giống ở Pháp, ở Pháp không giống ở Đức, ở Đức không giống ở Nga. Cho nên, chúng tôi sẵn sàng dành một chỗ trên tờ báo của chúng tôi[89] cho những bài bàn về các vấn đề lý luận, và chúng tôi mời tất cả các đồng chí chúng ta công khai thảo luận những điểm cần tranh luận.

Vậy thì trong việc áp dụng ở Nga bản cương lĩnh chung cho tất cả những người dân chủ - xã hội, đã phát sinh ra những vấn đề chủ yếu gì? Chúng tôi đã từng nói rằng thực chất của cương lĩnh là tổ chức cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản và lãnh đạo cuộc đấu tranh đó mà mục đích cuối cùng là giai cấp vô sản giành lấy chính quyền và thiết lập một xã hội xã hội chủ nghĩa. Cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản chia thành đấu tranh kinh tế (đấu tranh chống những tên tư bản riêng lẻ, hay chống những nhóm tư bản riêng lẻ, để cải thiện đời sống của công nhân) và đấu tranh chính trị (đấu tranh chống chính phủ để mở rộng quyền lợi của nhân dân, nghĩa là đấu tranh cho quyền dân chủ, và để mở rộng quyền chính trị của giai cấp vô sản). Một số người dân chủ - xã hội Nga (trong số này có lẽ có những người lãnh đạo báo «Tư tưởng công nhân») cho rằng cuộc đấu tranh kinh tế là vô cùng quan trọng hơn, còn đấu tranh chính trị thì hầu như bị họ gác lại để đến một tương lai ít nhiều xa hơn nữa. Quan điểm ấy hoàn toàn sai. Tất cả những người dân chủ - xã hội đều đồng ý là cần phải tổ chức cuộc đấu tranh kinh tế của giai cấp công nhân, cần phải cổ động công nhân về mặt đó, nghĩa là cần phải giúp đỡ công nhân trong cuộc đấu tranh hàng ngày chống bọn chủ xưởng, làm cho họ chú ý đến tất cả mọi hình thức và mọi trường hợp áp bức, và do đó giải thích cho họ hiểu sự cần thiết phải cùng nhau đoàn kết lại. Nhưng nếu vì đấu tranh kinh tế mà quên mất đấu tranh chính trị, thì như thế là xa rời nguyên lý chủ yếu của phong trào dân chủ - xã hội quốc tế, là quên mất những điều mà toàn bộ lịch sử của phong trào công nhân đã dạy chúng ta. Những kẻ hăng say bênh vực cho giai cấp tư sản và cho cái chính phủ vẫn phục vụ giai cấp này, thì thậm chí đã nhiều phen tìm cách tổ chức những công hội có tính chất thuần túy kinh tế, và do đó mà làm cho công nhân không

chú ý đến «chính trị», đến chủ nghĩa xã hội. Rất có thể là chính phủ Nga cũng sẽ tiến hành được những biện pháp tương tự như thế, vì nó vẫn luôn luôn tìm cách vứt cho nhân dân một vài món bố thí nho nhỏ, hay nói cho đúng hơn, một vài món bố thí giả dối, với mục đích duy nhất là làm cho nhân dân quên rằng mình đang bị áp bức và bị tước mất các quyền lợi. Không có một cuộc đấu tranh kinh tế nào có thể mang lại cho công nhân một sự cải thiện vững bền; thậm chí cuộc đấu tranh đó cũng không thể tiến hành được trên một quy mô rộng lớn, nếu công nhân không có quyền được tổ chức một cách tự do các cuộc họp, các hiệp hội, xuất bản báo chí của họ, cử đại biểu của họ vào Quốc hội, như công nhân Đức và công nhân tất cả những nước khác ở châu Âu (trừ Thổ-nhĩ-kỳ và Nga) đã làm. Nhưng muốn giành được những quyền lợi đó, thì phải tiến hành *đấu tranh chính trị*. Ở Nga, không những công nhân, mà tất cả các công dân đều không được hưởng những quyền chính trị. Nước Nga là một nước quân chủ chuyên chế, quyền hành vô hạn. Một mình Nga hoàng ban bố luật lệ, bổ dụng và giám sát các quan lại. Do đó, *bề ngoài thì hình như* ở Nga, Nga hoàng và chính phủ Nga hoàng không lệ thuộc vào một giai cấp nào và đều chăm sóc đến mọi người như nhau. Nhưng *thật ra* thì tất cả các quan lại đều tuyển trong giai cấp hữu sản, và đều chịu sự chi phối của bọn tư bản kếch xù là những kẻ tùy ý điều khiển các bộ trưởng và muốn gì được nấy. Giai cấp công nhân Nga chịu hai tròng áp bức: họ bị bọn tư bản và địa chủ cướp bóc, bóc lột, và để cho công nhân không có thể đấu tranh chống lại chúng, bọn cảnh sát trói tay chân, bịt mồm khóa miệng công nhân lại và đàn áp mọi mưu toan bênh vực quyền lợi của nhân dân. Cứ mỗi lần nổ ra cuộc bãi công chống lại một tên tư bản, là người ta cho quân đội và cảnh sát đến đàn áp công nhân. Mỗi cuộc đấu tranh kinh tế tất nhiên đều biến thành đấu tranh chính trị, nên đảng dân chủ - xã hội phải mật thiết gắn liền hai cuộc đấu tranh đó lại thành *cuộc đấu tranh giai cấp thống nhất của giai cấp vô sản*. Mục đích đầu tiên và chủ yếu của cuộc đấu tranh đó phải là giành lấy các quyền chính trị, *giành lấy quyền tự do chính trị*. Nếu riêng công nhân ở Pê-téc-bua, với sự giúp đỡ không lớn lắm của những người xã hội chủ nghĩa, mà cũng đã có thể nhanh chóng bắt chính phủ phải nhượng bộ — ban bố đạo luật giảm bớt giờ trong ngày lao động [60] — thì toàn thể giai cấp công nhân Nga, dưới sự lãnh đạo của riêng một «Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga», nhất định sẽ giành được, bằng một cuộc đấu tranh ngoan cường, những nhượng bộ còn vô cùng quan trọng hơn nữa.

Giai cấp công nhân Nga có thể một mình tiến hành đấu tranh kinh tế và chính trị, ngay cả khi không được một giai cấp nào khác giúp đỡ. Song trong cuộc đấu tranh chính trị, công nhân không đơn độc. Tình trạng nhân dân bị mất tất cả mọi quyền và sự độc đoán dã man của bọn quan lại cường bạo cũng đã gây công phẫn trong tất cả những người có học thức có đôi chút lương tâm, họ không thể nào cam chịu chính sách đàn áp mọi quyền tự do ngôn luận và tự do tư tưởng; tình trạng trên đây đã gây công phẫn trong số những người Ba-lan, Phần-lan, Do-thái và những người thuộc các giáo phái ở Nga đang bị đàn áp; tình trạng đó cũng gây công phẫn trong số những người tiểu thương, kinh doanh nhỏ, tiểu nông, họ bị quan lại và cảnh sát hà hiếp, nhưng không biết trông cậy vào ai để che chở cho mình. Tất cả những tập đoàn nhân dân đó, nếu tách riêng ra, thì không thể tiến hành một cuộc đấu tranh chính trị ngoan cường được, nhưng khi giai cấp công nhân phất cao ngọn cờ đấu tranh đó, thì ở khắp nơi họ sẽ chìa tay ra giúp công nhân. Đảng dân chủ - xã hội Nga sẽ đứng đầu tất cả những người đấu tranh vì quyền lợi của nhân dân, vì dân chủ, và vì thế nên đảng đó sẽ là vô địch!

Đó là những quan điểm cơ bản của chúng ta, và chúng ta sẽ phát triển một cách có hệ thống và toàn diện trong tờ báo của chúng ta. Chúng ta tin rằng làm như vậy, chúng ta sẽ đi theo con đường mà «Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga» đã vạch ra trong bản «Tuyên ngôn» do đảng đã công bố.

Viết vào nửa cuối năm 1899. Toàn tập, t. 4

TRÍCH:

LÀM GÌ?

(Những vấn đề bức thiết trong phong trào của chúng ta)

I

Chủ nghĩa giáo điều và «tự do phê bình»

a) «TỰ DO PHÊ BÌNH» NGHĨA LÀ GÌ?

«Tự do phê bình», không còn nghi ngờ gì nữa, đó là khẩu hiệu thịnh hành nhất hiện nay, luôn luôn được nói đến trong những cuộc tranh luận giữa những người xã hội chủ nghĩa và những người dân chủ ở tất cả các nước. Thoạt tiên, không gì kỳ lạ hơn là thấy một trong hai bên tranh luận lại trịnh trọng viện đến tự do phê bình. Có thể nào trong các đảng viên tiến bộ, lại có những người lên tiếng chống lại các luật hiến pháp, ở phần lớn các nước châu Âu, đang đảm bảo tự do cho khoa học và tự do nghiên cứu khoa học, được chăng? «Ở đây, hẳn có cái gì khác đây!» — bất cứ người nào đứng ngoài cuộc, khi nghe thấy cái khẩu hiệu thịnh hành kia được nhắc đi nhắc lại ở khắp mọi ngả đường, mà chưa nắm được thực chất của sự bất hòa thì tất nhiên cũng đều tự nhủ như thế. «Khẩu hiệu ấy rõ ràng là một trong những từ do thỏa thuận với nhau mà đặt ra, những từ này cũng như những biệt hiệu do quen dùng nên được thừa nhận và trở thành gần như những danh từ chung vậy».

Thật thế, ai nấy đều biết rằng trong phong trào dân chủ - xã hội quốc tế ngày nay *, đã hình thành hai khuynh hướng; giữa hai khuynh

---

* Nhân tiện xin nói qua rằng đây là một hiện tượng gần như có một không hai trong lịch sử của chủ nghĩa xã hội hiện đại, và đặc biệt là một hiện tượng vô cùng an ủi lòng người; lần đầu tiên, sự tranh chấp giữa những khuynh hướng khác nhau trong nội bộ chủ nghĩa xã hội đã vượt ra ngoài khuôn khổ quốc gia, trở thành có tính chất quốc tế. Trước đây, những cuộc tranh luận giữa phái Lát-xan và phái Ai-xơ-nách [91], giữa phái Ghe-đơ và phái khả năng chủ nghĩa [92], giữa phái Pha-biêng và phái dân chủ - xã hội [93], giữa phái Dân ý và phái dân chủ - xã hội [94], vẫn nằm trong phạm vi thuần túy dân tộc, phản ánh những đặc điểm thuần túy dân tộc, và diễn ra có thể nói

hướng ấy, cuộc đấu tranh có lúc bừng lên sáng rực như một ngọn lửa chói lọi, có lúc lại dịu xuống và âm ỉ dưới đống tro tàn của những «nghị quyết ngừng chiến» trang nghiêm. Cái khuynh hướng «mới» nhằm «phê «bình» chủ nghĩa Mác «cũ kỹ, giáo điều», đó là cái gì thì Béc-stanh *đã nói lên* và Min-lơ-răng *đã chỉ ra* một cách khá rõ rồi.

Đảng dân chủ - xã hội phải biến đổi từ một đảng chủ trương cách mạng xã hội thành một đảng dân chủ chủ trương cải cách xã hội. Yêu cầu chính trị này, Béc-stanh đã bênh vực bằng cả một loạt lý lẽ và lý do «mới», khá ăn khớp với nhau. Ông ta phủ nhận khả năng đem lại cho chủ nghĩa xã hội một cơ sở khoa học và khả năng chứng minh, theo quan điểm duy vật lịch sử, rằng chủ nghĩa xã hội là tất yếu, không thể tránh khỏi; ông ta phủ nhận tình trạng bần cùng ngày càng tăng, phủ nhận sự vô sản hóa và tình trạng những mâu thuẫn tư bản chủ nghĩa ngày càng trầm trọng; ông ta tuyên bố rằng ngay cả quan niệm về *«mục đích cuối cùng»*, cũng không vững chắc gì, và kiên quyết bác bỏ tư tưởng chuyên chính vô sản; ông ta phủ nhận sự đối lập về nguyên tắc giữa chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa xã hội; ông ta phủ nhận *lý luận đấu tranh giai cấp*, cho là không thể áp dụng được vào một xã hội thật sự dân chủ, được quản lý theo ý chí của đa số, v. v..

Như vậy là việc đòi hỏi phải có một bước chuyển cương quyết từ phong trào dân chủ - xã hội cách mạng sang phong trào xã hội cải lương tư sản, lại đi đôi với một bước chuyển khác, cũng không kém phần cương quyết, sang phê bình theo quan điểm tư sản tất cả những tư tưởng cơ bản của chủ nghĩa Mác. Và vì từ lâu, việc phê bình chủ nghĩa Mác đã được tiến hành trên các diễn đàn chính trị và trên giảng đường trường đại học, trong rất nhiều sách vở và trong một loạt những trước tác uyên bác, vì từ hàng chục năm nay, nó đã được nhồi nhét một cách có hệ thống vào thế hệ trẻ của các tầng lớp có học, nên không lấy gì làm lạ rằng khuynh hướng «phê bình mới» trong đảng dân chủ - xã hội xuất hiện ra là đã thành hình hẳn hoi ngay, giống như Mi-néc-vơ xuất hiện

---

là trên các mặt rất khác nhau. Giờ đây (điều này hiện nay đã rõ ràng), phái Pha-biêng ở Anh, phái tham gia nội các [95] ở Pháp, phái Béc-stanh [96] ở Đức, phái phê bình ở Nga [97], — tất cả các phái ấy họp thành một gia đình duy nhất, tâng bốc lẫn nhau, học hỏi lẫn nhau và cùng nhau chống chủ nghĩa Mác «giáo điều». Có lẽ trong cuộc tranh luận đầu tiên thật sự có tính chất quốc tế này với chủ nghĩa cơ hội trong phong trào xã hội chủ nghĩa thì phái dân chủ - xã hội cách mạng quốc tế sẽ lớn mạnh lên, đủ sức chấm dứt được sự phản động chính trị hoành hành từ lâu ở châu Âu chăng?

từ đầu Giuy-pi-te[98] vậy. Về mặt nội dung của nó, khuynh hướng này không cần gì phải tự phát triển và hình thành nữa: nó đã được chuyển trực tiếp từ sách báo tư sản vào sách báo xã hội chủ nghĩa rồi.

Ta bàn tiếp. Nếu sự phê bình về mặt lý luận và những tham vọng chính trị của Béc-stanh vẫn còn chưa rõ đối với một số người thì đã có những người Pháp ra sức chứng minh một cách thực tiễn «phương pháp mới». Lần này nữa, nước Pháp đã lại xứng đáng với thanh danh cũ là «nước đã có trong lịch sử của mình, một cuộc đấu tranh giai cấp được tiến hành một cách kiên quyết đến cùng, hơn ở đâu hết» (Ăng-ghen, trích lời nói đầu trong cuốn «Der 18 Brumaire» của Mác)[99]. Những người xã hội chủ nghĩa Pháp đã bắt đầu, không phải bằng lý luận mà bằng hành động; những điều kiện chính trị của nước Pháp tiến triển hơn về mặt dân chủ, đã cho phép họ chuyển được ngay sang «chủ nghĩa Béc-stanh thực tiễn», với tất cả mọi hậu quả của nó. Min-lơ-răng là một ví dụ sáng tỏ về chủ nghĩa Béc-stanh thực tiễn ấy; không phải ngẫu nhiên mà cả Béc-stanh lẫn Phôn-ma đã hăng hái đến như thế trong việc vội vã bênh vực và ngợi khen Min-lơ-răng! Thật vậy, nếu đảng dân chủ - xã hội thực ra chỉ là một đảng cải lương và phải có can đảm công khai nhìn nhận điều ấy thì người xã hội chủ nghĩa không những có quyền tham gia, mà còn phải luôn luôn cố gắng để được tham gia một nội các tư sản. Nếu dân chủ, về thực chất, có nghĩa là thủ tiêu sự thống trị giai cấp thì việc gì mà một bộ trưởng xã hội chủ nghĩa lại không dùng những bài diễn văn về hợp tác giai cấp để làm đẹp lòng thế giới tư sản? Việc gì mà vị bộ trưởng đó lại không giữ chức vụ của mình, ngay cả sau khi những vụ cảnh binh tàn sát công nhân đã vạch rõ hàng trăm, hàng nghìn lần, thực chất của sự cộng tác dân chủ giữa các giai cấp? Việc gì mà vị bộ trưởng đó lại không đích thân tham gia yết kiến Nga hoàng, kẻ mà những người xã hội chủ nghĩa Pháp đã không gọi bằng cái tên nào khác, mà gọi là tên treo cổ người, tên đánh người bằng roi da và tên bắt người đi đày (knouteur, pendeur et déportateur)? Và để đền bù lại cái việc làm cho chủ nghĩa xã hội bị nhục nhã và tự thóa mạ đến cùng cực như thế trước toàn thế giới, để chuộc lại việc làm bại hoại ý thức xã hội chủ nghĩa của quần chúng công nhân, — cơ sở duy nhất có thể đảm bảo thắng lợi cho chúng ta, — người ta đã cung cấp cho chúng ta những *dự án* rất kêu về những cải cách nhỏ nhặt, nhỏ đến nỗi người ta đã từng buộc được những chính phủ tư sản phải làm nhiều hơn thế nữa!

Ai không cố ý nhắm mắt lại thì không thể không thấy rằng khuynh

hướng «phê bình» mới trong chủ nghĩa xã hội, chẳng qua chỉ là một hình loại mới của *chủ nghĩa cơ hội* mà thôi. Và nếu xét người, không căn cứ vào bộ áo hào nhoáng họ tự khoác cho họ hoặc vào cái tên khá kêu họ tự đặt cho họ, mà căn cứ vào cách họ hành động, vào những tư tưởng mà họ thực tế truyền bá thì thấy rõ rằng «tự do phê bình» là tự do của khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa trong đảng dân chủ - xã hội, là tự do biến đảng dân chủ - xã hội thành một đảng dân chủ cải lương, là tự do đưa những tư tưởng tư sản và những thành phần tư sản vào trong chủ nghĩa xã hội.

Tự do là một danh từ lớn, nhưng chính dưới lá cờ tự do công nghiệp mà các cuộc chiến tranh cướp bóc ghê tởm nhất đã được tiến hành; chính dưới lá cờ tự do lao động mà người ta đã cướp bóc những người lao động. Mấy tiếng «tự do phê bình», đúng như người ta đang dùng hiện nay, cũng chứa đựng một sự dối trá như thế. Những người thực sự tự tin là đã đẩy khoa học tiến tới thì không đòi hỏi cho những quan niệm mới được tự do tồn tại bên cạnh những quan niệm cũ mà đòi thay thế những quan niệm cũ bằng những quan niệm mới. Nhưng hiện nay, những tiếng hô «tự do phê bình muôn năm!» làm cho người ta nhớ nhiều đến câu chuyện ngụ ngôn về cái thùng rỗng.

Là một nhóm cố kết, chúng ta nắm chặt tay nhau đi theo một con đường hiểm trở khó khăn. Tứ phía quanh chúng ta đều có kẻ thù, và chúng ta hầu như luôn luôn phải đi dưới làn đạn của chúng. Chúng ta đoàn kết với nhau do một quyết định tự nguyện, chính là để đánh bại kẻ thù và không sa vào vũng lầy bên cạnh, mà những người đang ở trong đó, ngay từ lúc đầu, lại trách chúng ta là đã lập nhóm riêng và ưa thích con đường đấu tranh hơn là con đường hòa giải. Thế mà một số trong chúng ta đã bỗng gào lên: ta hãy vào vũng lầy ấy đi! — rồi khi người ta cố làm cho họ xấu hổ về việc đó thì họ trả lời: các người thật là lạc hậu! các người không cho chúng tôi có quyền tự do mời các người đi vào con đường tốt đẹp hơn, mà lại không biết xấu hổ! — Vâng, thưa các ngài, các ngài có quyền tự do không những mời chúng tôi mà còn có quyền tự do muốn đi đâu thì đi, dẫu là nhảy vào vũng lầy; chúng tôi cũng thấy chính vũng lầy ấy là chỗ ở chính đáng của các ngài, và trong phạm vi khả năng của chúng tôi, chúng tôi sẵn sàng giúp *các ngài* dọn nhà đến ở đấy. Nhưng các ngài hãy buông tay chúng tôi ra, đừng bám lấy chúng tôi và làm nhơ bẩn cái danh từ vĩ đại là tự do, vì chúng tôi cũng thế, chúng tôi có «quyền tự do» muốn đi đâu thì đi, tự do đấu tranh chống vũng lầy cũng như chống những kẻ nhảy vào vũng lầy!

d) ĂNG-GHEN BÀN VỀ Ý NGHĨA CỦA ĐẤU TRANH LÝ LUẬN

«Chủ nghĩa giáo điều, chủ nghĩa không luận», «tình trạng chai sạn của đảng, — hình phạt không thể tránh được của tình trạng đè nén tư tưởng một cách cưỡng bách», — đó là những kẻ thù mà những người bênh vực «tự do phê bình» của tờ «Sự nghiệp công nhân»[100] đang chống lại một cách quá ư hào hùng. — Chúng tôi rất sung sướng thấy vấn đề đó được đặt vào chương trình nghị sự, nhưng chúng tôi đề nghị bổ sung thêm bằng vấn đề khác sau đây:

Nhưng ai là những người xét xử?

Chúng tôi có trước mắt hai tờ bố cáo về xuất bản sách báo. Tờ thứ nhất là: «Cương lĩnh của tờ «Sự nghiệp công nhân», cơ quan định kỳ của Hội liên hiệp những người dân chủ - xã hội Nga»[101] (tờ in riêng trong số 1 tạp chí «Sự nghiệp công nhân»). Tờ thứ hai là: «Thông báo về việc nhóm «Giải phóng lao động» tiếp tục xuất bản sách báo». Hai bản ấy đều đề năm 1899, thời kỳ mà «vấn đề khủng hoảng của chủ nghĩa Mác» đã được đem ra bàn luận từ lâu rồi. Và thế thì như thế nào? Trong tờ bố cáo thứ nhất, người ta tìm mãi mà không thấy đả động gì đến vấn đề đó cả, không thấy trình bày rõ ràng xem cơ quan mới định tỏ thái độ thế nào về vấn đề ấy. Về công tác lý luận và những nhiệm vụ chủ yếu của công tác ấy hiện nay thì cương lĩnh đó cũng như những điểm bổ sung mà Đại hội lần thứ III của «Hội liên hiệp» (năm 1901) đã thông qua, đều tuyệt nhiên không đả động gì đến («Hai đại hội», tr. 15 - 18). Suốt thời gian ấy ban biên tập tờ «Sự nghiệp công nhân» đã gác các vấn đề lý luận lại, mặc dầu những vấn đề ấy đang làm sôi nổi hết thảy những người dân chủ - xã hội toàn thế giới.

Tờ bố cáo thứ hai, trái lại, nêu lên trước hết việc buông lơi sự quan tâm đến vấn đề lý luận trong mấy năm gần đây; tờ bố cáo đó khẩn thiết đòi hỏi «một sự chú ý tích cực đến mặt lý luận của phong trào cách mạng của giai cấp vô sản» và kêu gọi «phê bình không thương tiếc những khuynh hướng Béc-stanh và những khuynh hướng phản cách mạng khác» trong phong trào chúng ta. Những số báo «Bình minh»[102] xuất bản đã cho ta thấy rõ cương lĩnh này đã được thực hiện như thế nào.

Như vậy, chúng ta đều thấy rõ rằng những câu nói rất kêu chống lại hiện tượng chai sạn của tư tưởng, v. v., đã che giấu sự thờ ơ và bất

lực trong việc làm cho tư tưởng lý luận tiến lên. Gương những người dân chủ - xã hội Nga minh họa một cách đặc biệt nổi bật cái hiện tượng chung này của cả châu Âu (mà những người mác-xít Đức cũng đã chỉ ra từ lâu) là cái tự do phê bình nổi tiếng kia không có nghĩa là thay thế lý luận này bằng lý luận khác, mà là tự do vứt bỏ mọi lý luận hoàn chỉnh và chu đáo; nó có nghĩa là chủ nghĩa chiết trung và thái độ vô nguyên tắc. Những ai ít nhiều đã biết tình trạng thực tế của phong trào chúng ta, thì không thể không thấy rằng việc phổ biến rộng rãi chủ nghĩa Mác đã đi đôi với một tình trạng trình độ lý luận bị hạ thấp cũng một mức nào đó. Có nhiều người rất ít hoặc thậm chí chưa hề được học tập lý luận, đã tham gia phong trào, vì phong trào có được ảnh hưởng thực tế và những thắng lợi thực tế. Do đó, có thể thấy tờ «Sự nghiệp công nhân» là không thức thời biết chừng nào, khi tờ ấy đưa ra một cách đắc thắng câu cách ngôn sau đây của Mác: «mỗi bước tiến của phong trào thực tiễn còn quan trọng hơn hàng tá cương lĩnh»[103]. Nhắc lại câu ấy trong thời kỳ lý luận đang còn lung tung này thì có khác nào trông thấy đám ma mà kêu lên: «tôi chúc các người luôn luôn có đám mà đưa!». Vả lại, câu ấy là rút từ một bức thư của Mác về cương lĩnh Gô-ta[104], trong đó Mác *kịch liệt chỉ trích* chủ nghĩa chiết trung trong việc diễn đạt những nguyên tắc. Mác viết cho các lãnh tụ của đảng như thế này: nếu thực sự cần phải liên hợp thì cứ ký kết những điều nhằm đạt những mục tiêu thực tiễn của phong trào, nhưng chớ có buôn bán nguyên tắc, chớ có «nhân nhượng» về lý luận. Tư tưởng của Mác là như thế, thế mà trong chúng ta, còn có những người đã nhân danh Mác mà tìm cách làm giảm ý nghĩa của lý luận!

Không có lý luận cách mạng thì cũng không thể có phong trào cách mạng. Trong lúc mà sự say mê những hình thức nhỏ hẹp nhất của hành động thực tiễn đang đi đôi với việc tuyên truyền đang thịnh hành cho chủ nghĩa cơ hội, thì nhắc đi nhắc lại tư tưởng ấy bao nhiêu cũng không phải là thừa. Riêng đối với đảng dân chủ - xã hội Nga, lý luận có một tầm quan trọng lớn hơn nữa, vì ba lý do thường bị người ta lãng quên, cụ thể là: thứ nhất, đảng ta chỉ mới đang thành hình, đang tạo nên bộ mặt của mình và còn xa mới thanh toán được hết những xu hướng khác của tư tưởng cách mạng, những xu hướng đang có cơ làm cho phong trào đi trệch con đường đúng đắn. Ngược lại, chính trong thời gian vừa qua, chúng ta lại thấy trỗi dậy (đúng như Ác-xen-rốt đã nói trước từ lâu với «phái kinh tế») những khuynh hướng cách mạng không dân chủ - xã hội. Trong những điều kiện như thế, một sai lầm

thoạt trông «không quan trọng» có thể đưa đến những hậu quả tai hại nhất và phải cận thị mới coi những cuộc tranh luận giữa các phe phái và sự phân định ranh giới chặt chẽ giữa các sắc thái khác nhau là không hợp thời hoặc thừa. Việc củng cố «sắc thái» này nọ có thể quyết định tương lai của đảng dân chủ - xã hội Nga trong rất nhiều năm.

Thứ hai, phong trào dân chủ - xã hội, do ngay bản chất của nó, là phong trào quốc tế. Điều đó không những chỉ có nghĩa là chúng ta phải chống chủ nghĩa sô-vanh quốc gia. Điều đó còn có nghĩa là một phong trào bắt đầu ở một nước trẻ tuổi chỉ có thể đạt được kết quả, nếu nó vận dụng được kinh nghiệm của các nước khác. Muốn vận dụng được như vậy thì không thể chỉ cần biết qua kinh nghiệm ấy, hoặc chỉ giản đơn sao chép lại những nghị quyết mới nhất, mà cần phải biết phân tích một cách phê phán kinh nghiệm ấy và tự mình kiểm tra lại nó. Ai đánh giá được phong trào công nhân hiện đại đã phát triển và lan rộng đến mức nào thì sẽ hiểu được việc thực hiện nhiệm vụ ấy đòi hỏi phải có một dự trữ về lực lượng lý luận và kinh nghiệm chính trị (và cách mạng) như thế nào.

Thứ ba, đảng dân chủ - xã hội Nga có những nhiệm vụ dân tộc mà chưa từng một đảng xã hội chủ nghĩa nào trên thế giới đã có. Trong đoạn sau, chúng ta sẽ nói đến những trách nhiệm chính trị và tổ chức mà nhiệm vụ giải phóng toàn thể nhân dân khỏi ách quân chủ chuyên chế đang để ra cho chúng ta. Bây giờ đây, chúng tôi chỉ muốn vạch ra rằng *chỉ đảng nào được một lý luận tiền phong hướng dẫn thì mới có khả năng làm tròn vai trò chiến sĩ tiền phong*. Muốn có một ý niệm cụ thể một chút về ý nghĩa của điều đó, độc giả hãy nhớ lại những vị tiền bối của đảng dân chủ - xã hội Nga như Ghéc-txen, Bê-lin-xki, Tséc-nư-sép-xki và cái nhóm xuất sắc những nhà cách mạng trong những năm 70; độc giả hãy nghĩ đến ý nghĩa toàn thế giới mà hiện nay nền văn học Nga đã đạt được; độc giả hãy... nhưng thôi, thế là đủ!

Ta hãy dẫn chứng những lời nhận xét của Ăng-ghen hồi năm 1874 về ý nghĩa của lý luận trong phong trào dân chủ - xã hội. Ăng-ghen công nhận rằng cuộc đấu tranh vĩ đại của đảng dân chủ - xã hội *không phải chỉ có hai* hình thức (chính trị và kinh tế) — như ở nước ta thường công nhận như thế, — *mà có ba hình thức, và xếp hình thức đấu tranh lý luận ngang với hai hình thức đấu tranh trên*. Lời Ăng-ghen căn dặn phong trào công nhân Đức, một phong trào đã vững mạnh về thực tiễn và về chính trị, là rất bổ ích đối với các vấn đề và các cuộc tranh luận hiện tại, nên chúng tôi hy vọng rằng độc giả sẽ vui lòng cho phép chúng tôi

trích một đoạn dài trong bài tựa cuốn «Der deutsche Bauernkrieg» *, là cuốn từ lâu đã trở thành tài liệu rất hiếm:

«Công nhân Đức có hai ưu thế thực sự hơn công nhân các nước khác ở châu Âu. Ưu thế thứ nhất là họ thuộc một dân tộc có lý luận nhất ở châu Âu, và họ vẫn giữ được cái khiếu lý luận ấy mà các giai cấp gọi là «có học thức» ở nước Đức hầu như đã mất hết. Nếu không có triết học Đức mở đường, đặc biệt là nếu không có triết học Hê-ghen thì chủ nghĩa xã hội khoa học Đức, chủ nghĩa xã hội khoa học duy nhất, chưa hề có từ trước tới nay, sẽ không bao giờ được xây dựng nên. Công nhân mà không có khiếu lý luận thì chủ nghĩa xã hội khoa học đó sẽ không bao giờ thâm nhập sâu được vào họ đến mức như hiện nay chúng ta thấy. Cái ưu thế ấy là cực kỳ quan trọng đến chừng nào, điều đó được chứng minh một mặt bởi sự thờ ơ đối với mọi lý luận, một trong những nguyên nhân chủ yếu khiến phong trào công nhân Anh tiến rất chậm, mặc dầu có sự tổ chức hoàn thiện trong một số ngành nghề — và mặt khác bởi tình trạng rối loạn và dao động do chủ nghĩa Pru-đông, dưới hình thức nguyên thủy của nó, gây ra trong những người Pháp và Bỉ, và do chủ nghĩa Pru-đông dưới hình thức hoạt kê hóa theo kiểu Ba-cu-nin gây ra trong những người Tây-ban-nha và Ý.

Ưu thế thứ hai là do người Đức tham gia phong trào công nhân gần như sau rốt. Cũng giống như chủ nghĩa xã hội lý luận Đức sẽ không bao giờ quên rằng nó đã dựa được vào Xanh-Xi-mông, Phu-ri-ê và Ô-oen là ba nhà tư tưởng, mặc dù học thuyết của ba ông có tính chất ảo tưởng và không tưởng, đã được liệt vào hàng những nhà tư tưởng vĩ đại của tất cả các thời đại, và đã dự kiến một cách tài tình được rất nhiều chân lý và ngày nay chúng ta đem khoa học ra chứng minh đều thấy là đúng, — phong trào thực tiễn của công nhân ở Đức cũng không bao giờ được quên rằng sở dĩ nó phát triển được là nhờ dựa vào phong trào Anh và Pháp, rằng nó đã có thể sử dụng được ngay những kinh nghiệm xương máu của phong trào đó và ngày nay đã có thể tránh được những sai lầm mà lúc trước, trong nhiều trường hợp, không thể nào tránh được. Không có các công hội Anh và cuộc đấu tranh chính trị của công nhân Pháp làm mẫu mực, không có sự kích thích mạnh mẽ, nhất là của Công xã Pa-ri thì hỏi ngày nay chúng ta tiến được đến đâu?

---

* Dritter Abdruck. Leipzig, 1875. Verlag der Genossenschaftsbuchdruckerei («Chiến tranh nông dân ở Đức». Xuất bản lần thứ ba. Lai-pxich, 1875. Nhà xuất bản hợp tác hóa. *BT.*).

Phải thừa nhận ưu điểm sau đây của công nhân Đức: họ đã tận dụng được, với một óc thông minh hiếm có, những thuận lợi của hoàn cảnh họ. Lần đầu tiên, từ khi có phong trào công nhân, cuộc đấu tranh đã được tiến hành một cách có phương pháp theo ba phương diện phối hợp và gắn liền với nhau là: về lý luận, về chính trị và về kinh tế - thực tiễn (phản kháng bọn tư bản). Sức mạnh và sự vô địch của phong trào Đức chính là do cuộc tấn công có thể nói là phối hợp ấy mà có.

Một mặt, do hoàn cảnh thuận lợi ấy, mặt khác, do đặc điểm của phong trào Anh là bị biệt lập trên một hòn đảo, và do phong trào Pháp bị đàn áp, nên công nhân Đức, trong lúc này, đang dẫn đầu cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản. Thời cuộc sẽ cho phép họ giữ địa vị quang vinh ấy trong bao nhiêu lâu, ta không thể nói trước được. Nhưng chừng nào họ còn giữ địa vị quang vinh ấy, thì chúng ta cũng hy vọng rằng họ sẽ làm tròn được một cách xứng đáng những nhiệm vụ mà vị trí ấy đã đề ra cho họ. Muốn thế, họ phải cố gắng gấp bội trong tất cả các lĩnh vực đấu tranh và cổ động. Riêng đối với những người lãnh đạo, nhiệm vụ của họ là phải học tập, ngày càng nhiều hơn, tất cả các vấn đề lý luận; phải tự giải thoát, ngày càng nhiều hơn, khỏi ảnh hưởng của những câu cổ truyền của thế giới quan cũ, và không bao giờ được quên rằng chủ nghĩa xã hội, từ khi đã trở thành một khoa học, đòi phải được coi là một khoa học, nghĩa là phải được nghiên cứu. Cần phải có nhiều nhiệt tình hơn nữa trong việc phổ biến trong quần chúng công nhân cái ý thức ngày càng sáng rõ đã đạt được bằng cách đó và phải củng cố ngày càng mạnh mẽ tổ chức của đảng và tổ chức công đoàn...

...Nếu công nhân Đức tiếp tục tiến bước như vậy, tôi không nói là họ sẽ đi đầu phong trào — lợi ích của phong trào tuyệt nhiên không phải là ở chỗ công nhân một nước duy nhất nào đó phải đi đầu phong trào, — nhưng sẽ giữ một địa vị vẻ vang trên chiến tuyến, và họ sẽ được chuẩn bị đầy đủ, một khi những thử thách gay go không lường trước được hay những biến cố lớn đòi hỏi họ phải dũng cảm, quyết tâm và nỗ lực nhiều hơn nữa»[105].

Những lời nói của Ăng-ghen quả là những lời tiên tri. Vài năm sau, công nhân Đức bất ngờ vấp phải một cuộc thử thách gay go là đạo luật ngoại lệ về những người xã hội chủ nghĩa. Và công nhân Đức quả là đã được chuẩn bị đầy đủ để đương đầu với cuộc thử thách ấy, và đã vượt được cuộc thử thách ấy một cách thắng lợi.

Giai cấp vô sản Nga sẽ gặp những thử thách còn trăm nghìn lần gay go hơn nữa, họ sẽ phải chiến đấu chống một con quái vật khổng lồ mà nếu đem so sánh với nó thì đạo luật ngoại lệ ở một nước có chế độ hiến pháp chỉ là một con chim chích thôi. Ngày nay, lịch sử giao phó cho chúng ta một nhiệm vụ trước mắt, nhiệm vụ *cách mạng nhất* trong tất cả các nhiệm vụ *trước mắt* của giai cấp vô sản ở bất cứ nước nào khác. Việc hoàn thành nhiệm vụ ấy, tiêu diệt thành lũy kiên cố nhất không những của bọn phản động châu Âu, mà (giờ đây ta có thể nói) cả của bọn phản động châu Á nữa, sẽ làm cho giai cấp vô sản Nga thành đội tiên phong của giai cấp vô sản cách mạng quốc tế. Và chúng ta có quyền hy vọng rằng chúng ta sẽ đạt được danh hiệu vẻ vang ấy, — danh hiệu mà các bậc tiền bối của chúng ta, các nhà cách mạng những năm 70, đã tỏ ra xứng đáng, — nếu chúng ta biết làm cho phong trào của chúng ta, đã hàng nghìn lần sâu rộng hơn, cũng có được tinh thần quyết tâm và nỗ lực không bờ bến như thế.

•

a) BƯỚC ĐẦU CỦA CAO TRÀO TỰ PHÁT

Trong chương trên đây, chúng ta đã vạch rõ sự say mê *phổ biến* của thanh niên Nga có học đối với lý luận mác-xít, vào khoảng giữa những năm 90. Chính cũng vào thời kỳ này, nghĩa là sau cuộc chiến tranh công nghiệp nổi tiếng năm 1896[108] ở Pê-téc-bua, các cuộc bãi công của công nhân cũng mang một tính chất phổ biến như thế. Các cuộc bãi công ấy lan rộng khắp nước Nga, chứng tỏ rõ rệt rằng phong trào nhân dân, lúc đó lại dâng lên, là sâu rộng biết chừng nào, và nếu người ta muốn nói đến «yếu tố tự phát», thì nhất định phải thừa nhận trước hết rằng chính phong trào bãi công đó có tính chất tự phát. Nhưng có tính chất tự phát như thế này và tính tự phát như thế khác. Trước kia, ở nước Nga, đã có những cuộc bãi công trong những năm 70 và những năm 60 (và cả trong nửa đầu của thế kỷ XIX nữa), bãi công có kèm theo việc «tự phát» phá hoại máy móc v. v.. So với những cuộc «bạo động» ấy thì các cuộc bãi công trong những năm 90 thậm chí có thể gọi là «tự giác» được, vì trong khoảng thời gian đó, phong trào công nhân đã tiến bộ rất nhiều. Điều đó vạch cho ta thấy rằng «yếu tố tự phát» thực ra chỉ là *hình thái phôi thai* của tính tự giác. Những cuộc bạo động ban đầu đã biểu hiện một sự thức tỉnh nào đó của tính tự giác: công nhân đã mất hết lòng tin tưởng lâu đời vào sự vững chắc không gì lay chuyển nổi của chế độ đang đè nén họ; họ đã bắt đầu... tôi không

nói là hiểu, mà là cảm thấy cần phải có sự đề kháng tập thể, và họ kiên quyết đoạn tuyệt với thái độ phục tùng một cách nô lệ bọn cầm quyền. Tuy nhiên, đó chỉ là biểu hiện của sự thất vọng và báo thù, chứ chưa phải là một cuộc *đấu tranh*. Các cuộc bãi công trong những năm 90 đã cho thấy nhiều tia sáng tự giác hơn: người ta đưa ra những yêu sách chính xác, người ta cố gắng đoán trước thời cơ thuận lợi, người ta thảo luận một số trường hợp và thí dụ tiêu biểu của các địa phương khác v. v.. Nếu những cuộc bạo động chỉ là cuộc nổi dậy của những người bị áp bức thì các cuộc bãi công có hệ thống đã là hình thức phôi thai của cuộc đấu tranh giai cấp — nhưng chỉ là phôi thai thôi. Lấy riêng ra mà xét thì những cuộc bãi công ấy là một cuộc đấu tranh công liên chủ nghĩa, chứ chưa phải là cuộc đấu tranh dân chủ - xã hội; những cuộc đấu tranh đó chứng tỏ rằng công nhân đã cảm thấy sự đối kháng giữa công nhân và chủ; nhưng công nhân chưa có và cũng chưa thể có ý thức về sự đối lập không gì điều hòa được giữa quyền lợi của họ với toàn bộ chế độ chính trị và xã hội hiện có, tức là ý thức dân chủ - xã hội. Theo ý nghĩa ấy, các cuộc bãi công trong những năm 90, tuy đã là một sự tiến bộ vượt bậc so với những cuộc «bạo động», nhưng vẫn còn là một phong trào thuần túy tự phát.

Như chúng tôi đã nói, công nhân trước đây *không thể có* ý thức dân chủ - xã hội được. Ý thức này chỉ có thể là từ bên ngoài đưa vào. Lịch sử tất cả các nước chứng thực rằng chỉ do lực lượng của độc bản thân mình thôi thì giai cấp công nhân chỉ có thể đi đến ý thức công liên chủ nghĩa, tức là đi đến chỗ tin rằng phải đoàn kết lại thành hội liên hiệp, phải đấu tranh chống bọn chủ, phải đòi hỏi chính phủ ban hành những luật này hay luật khác cần thiết cho công nhân v. v..* Còn học thuyết xã hội chủ nghĩa thì nó phát sinh ra từ các lý luận triết học, lịch sử, kinh tế, do những người có học thức trong các giai cấp hữu sản, những trí thức, xây dựng nên. Mác và Ăng-ghen, những người sáng lập ra chủ nghĩa xã hội khoa học hiện đại, do địa vị xã hội của các ông, nên chính bản thân các ông cũng thuộc lớp trí thức tư sản. Ở nước Nga cũng thế, học thuyết lý luận của đảng dân chủ - xã hội xuất hiện một cách hoàn toàn độc lập đối với sự phát triển tự phát của phong trào

* Chủ nghĩa công liên không hề bỏ qua «chính trị», như đôi khi người ta lầm tưởng. Các hội công liên luôn luôn tiến hành một sự cổ động và đấu tranh chính trị nhất định nào đó (nhưng không có tính chất dân chủ - xã hội). Trong chương tới, chúng tôi sẽ trình bày sự khác nhau giữa chính trị công liên chủ nghĩa và chính trị dân chủ - xã hội.

công nhân; nó là kết quả tự nhiên, không tránh được, của sự phát triển tư tưởng trong số những nhà trí thức cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong thời kỳ chúng ta đang nói đây, giữa những năm 90, học thuyết ấy chẳng những đã là cương lĩnh đã xác định hoàn toàn của nhóm «Giải phóng lao động», mà còn thu hút được đa số thanh niên cách mạng ở Nga nữa.

Như vậy là đồng thời vừa có sự thức tỉnh tự phát của quần chúng công nhân, thức tỉnh về sinh hoạt tự giác và về đấu tranh tự giác, lại vừa có một lớp thanh niên cách mạng được vũ trang bằng lý luận dân chủ - xã hội nóng lòng gần gũi công nhân. Về vấn đề này, cần đặc biệt nêu rõ cái sự kiện thường bị lãng quên (và tương đối ít được biết đến) này là những người dân chủ - xã hội *đầu tiên* trong thời kỳ ấy đã *hăng hái tiến hành công tác cổ động kinh tế* (về mặt này, họ đã triệt để theo đúng những lời chỉ dẫn thật sự bổ ích trong cuốn «Bàn về cổ động», lúc đó còn là bản viết tay), họ không những không coi hoạt động đó là nhiệm vụ duy nhất của mình mà trái lại, *ngay từ đầu* họ còn đề ra những nhiệm vụ lịch sử rộng tối đa của đảng dân chủ - xã hội Nga, nói chung, lẫn nhiệm vụ đánh đổ chế độ quân chủ chuyên chế, nói riêng. Ví dụ như tiểu tổ dân chủ - xã hội ở Pê-téc-bua đã lập ra «Hội liên hiệp đấu tranh để giải phóng giai cấp công nhân»[107] đã viết, ngay từ cuối năm 1895, số đầu tiên của tờ báo lấy tên là «Sự nghiệp công nhân». Khi đã sửa soạn xong để đưa đi in, số báo ấy bị cảnh binh tịch thu trong lúc bọn chúng đến khám nhà một người trong tổ tên là A-na-tô-li A-lếch-xê-ê-vích Va-nê-ép*, đêm mồng 8 rạng ngày 9 tháng Chạp năm 1895, thành ra báo «Sự nghiệp công nhân» lần thành lập đầu tiên không ra đời được. Bài xã luận số báo ấy (mà có lẽ ba chục năm nữa, một tờ tạp chí như tờ «Nước Nga cổ» sẽ lục ra được trong đống hồ sơ lưu trữ của sở cảnh sát) đã nêu lên những nhiệm vụ lịch sử của giai cấp công nhân ở Nga và trong số những nhiệm vụ lịch sử ấy thì việc giành tự do chính trị đã được tạp chí ấy đặt lên hàng đầu. Tiếp theo đó là bài «Các bộ trưởng nhà ta nghĩ gì?» nói về việc cảnh sát phá phách các Ban bình dân học vụ, cùng với một số tin không những ở Pê-téc-bua mà cả ở các địa phương khác nữa trong nước Nga (chẳng hạn về một vụ thảm

---

* A. A. Va-nê-ép mất năm 1899 ở miền Đông Xi-bi-ri, do mắc phải bệnh lao phổi trong lúc bị giam cầm một mình ở nhà tù. Vì vậy chúng tôi cho là có thể công bố được những tài liệu dẫn chứng ở trên; chúng tôi cam đoan những tài liệu ấy là đúng, vì những tài liệu ấy do những người quen riêng và thân với A. A. Va-nê-ép gửi đến.

sát công nhân ở tỉnh I-a-rô-xláp [108]). Như vậy, việc này nếu chúng ta không lầm, «việc thử làm lần đầu tiên» của những người dân chủ - xã hội Nga, trong những năm 90, không phải là một tờ báo địa phương nhỏ hẹp, lại càng không phải là một tờ báo có tính chất «kinh tế»; nó đã ra sức kết hợp cuộc đấu tranh bãi công với phong trào cách mạng chống chế độ quân chủ chuyên chế, và đưa tất cả những người bị áp bức, nạn nhân của chính sách ngu dân phản động, đi vào con đường ủng hộ đảng dân chủ - xã hội. Và đối với những người nào đã biết ít nhiều về tình trạng của phong trào trong thời kỳ đó thì không một ai lại nghi ngờ được rằng một tờ báo như thế lại sẽ không thu được tất cả thiện cảm của công nhân thủ đô và của những người trí thức cách mạng và sẽ không được phổ biến hết sức rộng rãi. Công cuộc thử làm ấy không thành công chỉ chứng tỏ rằng những người dân chủ - xã hội lúc đó không có đủ khả năng đáp ứng yêu cầu cấp bách của tình thế, vì thiếu kinh nghiệm cách mạng và thiếu rèn luyện thực tiễn. Đối với tờ «Báo công nhân Xanh Pê-téc-bua khổ nhỏ», và nhất là đối với tờ «Báo công nhân» và bản «Tuyên ngôn» [109] của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga thành lập mùa xuân năm 1898, thì cũng phải nói như thế. Đương nhiên là chúng ta không hề có ý trách các chiến sĩ lúc đó là thiếu rèn luyện. Nhưng để lợi dụng được kinh nghiệm của phong trào và rút ra được những bài học thực tiễn thì cần phải biết đến nơi đến chốn những nguyên nhân và tầm nghiêm trọng của khuyết điểm này hay khuyết điểm nọ. Vì vậy, điều hết sức quan trọng là phải xác định rằng một bộ phận (có thể là đa số cũng nên) những chiến sĩ dân chủ - xã hội hồi 1895 - 1898, đã hoàn toàn đúng khi cho rằng trong thời kỳ đó, ngay trong bước đầu của phong trào «tự phát», đã có thể đề ra một cương lĩnh rộng rãi và một sách lược chiến đấu nhất *. Mà tình

---

* «Phê bình hoạt động của những người dân chủ - xã hội những năm cuối thế kỷ XIX, báo «Tia lửa» [110] không chú ý đến tình trạng lúc đó là thiếu điều kiện để làm những việc khác ngoài việc đấu tranh đòi thực hiện những yêu sách nhỏ», — «những người kinh tế chủ nghĩa» tuyên bố như thế trong «Thư gửi các cơ quan dân chủ - xã hội Nga» («Tia lửa», số 12). Những sự việc dẫn chứng trong thư chứng tỏ rằng nếu khẳng định là «thiếu điều kiện» thì *hoàn toàn trái với thực tế*. Không những cuối mà ngay trong giữa những năm 90, đã *có đủ mọi điều kiện để có thể làm những việc khác*, ngoài việc đấu tranh đòi thực hiện những yêu sách nhỏ, — có đủ mọi điều kiện, trừ điều kiện sự rèn luyện đầy đủ của những người lãnh đạo. Và đáng lẽ nên thẳng thắn nhìn nhận sự thiếu rèn luyện ấy của chúng ta, những nhà tư tưởng, những người lãnh đạo thì «những người kinh tế chủ nghĩa» lại muốn đổ tại tình trạng «thiếu

trạng thiếu rèn luyện của phần lớn những người cách mạng lúc đó là một hiện tượng hoàn toàn tự nhiên, không có gì đáng phải đặc biệt lo ngại cả. Khi nhiệm vụ đã được đề ra đúng đắn, khi người ta đã có đủ nghị lực làm đi làm lại để hoàn thành những nhiệm vụ ấy thì những thất bại tạm thời chỉ tác hại có một nửa thôi. Kinh nghiệm cách mạng và tài khéo léo về tổ chức là những điều có thể học tập được. Chỉ cần người ta có ý muốn trau dồi cho mình những đức tính tốt cần thiết! Chỉ cần người ta có ý thức về những khuyết điểm của mình; như thế, về phương diện cách mạng, là đã sửa chữa được quá nửa rồi!

Nhưng cái tai hại có một nửa ấy đã trở thành tai hại thực sự khi mà ý thức nói trên đã bắt đầu mờ đi (mà hồi trước, ý thức ấy lại rất mạnh trong các chiến sĩ của những nhóm nói trên), khi mà xuất hiện những người — và cả những cơ quan dân chủ - xã hội — sẵn sàng nêu khuyết điểm thành ưu điểm, và thậm chí lại còn toan dùng *lý luận* để biện hộ cho việc họ *làm nô lệ cho tính tự phát và sùng bái tính tự phát*. Đã đến lúc phải thanh toán cả khuynh hướng ấy, khuynh hướng được gọi một cách rất không đúng bằng danh từ «chủ nghĩa kinh tế», danh từ quá nhỏ hẹp, không thể nói lên được nội dung của khuynh hướng ấy.

b) SỰ SÙNG BÁI TÍNH TỰ PHÁT. BÁO «TƯ TƯỞNG CÔNG NHÂN»

Trước khi nói sang những biểu hiện của sự sùng bái này trên sách báo, chúng ta cần chú ý đến sự việc đặc biệt sau đây (mà chúng tôi được biết do nguồn tin đã nói ở trên), nó sẽ soi sáng được phần nào hoàn cảnh phát sinh và phát triển, trong những đồng chí hoạt động ở Pê-téc-bua, của mối bất hòa giữa hai khuynh hướng sau này của đảng dân chủ - xã hội Nga. Đầu năm 1897, A. A. Va-nê-ép và một vài đồng chí, trước khi bị đi đày, đã có dịp tham gia một cuộc họp riêng[111], trong đó những hội viên «già» và hội viên «trẻ» của «Hội liên hiệp đấu tranh để giải phóng giai cấp công nhân» gặp gỡ nhau. Câu chuyện chủ yếu bàn về vấn đề tổ chức và đặc biệt về bản «Điều lệ của quỹ công nhân», điều lệ đã được đăng đúng theo văn bản cuối cùng trong tờ ««Người

---

điều kiện», tại ảnh hưởng của hoàn cảnh vật chất đã định ra con đường mà không một nhà tư tưởng nào có thể kéo phong trào ra khỏi đó được. Thế nghĩa là gì, nếu không phải là phục tùng một cách nô lệ yếu tố tự phát, là những «nhà tư tưởng» đã tự mình chiêm ngưỡng những khuyết điểm của chính bản thân mình đó sao?

lao động» khổ nhỏ»[112], số 9 - 10 (tr. 46). Giữa những hội viên «già» (mà những người dân chủ - xã hội Pê-téc-bua gọi đùa là «những người tháng Chạp»), và một số hội viên «trẻ» (sau này hợp tác tích cực với báo «Tư tưởng công nhân»), đã tức khắc nảy ra một sự bất đồng ý kiến rất rõ rệt và nổ ra một cuộc tranh luận kịch liệt. Những hội viên «trẻ» bênh vực những nguyên tắc chủ yếu trong điều lệ, đúng như đã công bố. Những hội viên «già» thì nói đó không phải là điều cần làm trước hết, mà trước hết cần củng cố «Hội liên hiệp đấu tranh» thành một tổ chức của những người cách mạng, tổ chức này sẽ bắt các quỹ công nhân, các nhóm tuyên truyền trong giới thanh niên học sinh, v. v. phải phụ thuộc vào mình. Tất nhiên là hai bên không hề thấy được mầm mống của sự bất hòa trong sự bất đồng ý kiến ấy; trái lại, họ lại coi sự bất đồng ý kiến đó là một việc riêng biệt và tình cờ. Nhưng sự việc ấy chứng tỏ rằng sự phát sinh và bành trướng của «chủ nghĩa kinh tế», cả ở Nga nữa, cũng diễn ra không phải là không trải qua một cuộc đấu tranh chống những người dân chủ - xã hội «già» (đó là điều mà «những người kinh tế chủ nghĩa» hiện nay thường hay quên). Và nếu cuộc đấu tranh ấy không để lại được trong nhiều trường hợp, vết tích «về mặt tài liệu» thì đó *chỉ là* vì thành phần các tiểu tổ hoạt động lúc bấy giờ thay đổi hết sức nhanh chóng, không một tính kế tục nào được xác lập cả và do đó, những sự bất đồng ý kiến không được ghi lại trong một tài liệu nào cả.

Sự ra đời của báo «Tư tưởng công nhân» đã đưa «chủ nghĩa kinh tế» ra ánh sáng, nhưng cũng không phải là ngay lập tức. Phải hình dung cụ thể điều kiện công tác và sự tồn tại ngắn ngủi của nhiều tiểu tổ ở Nga (nhưng chỉ người nào đã trải qua đó mới có thể hình dung cụ thể được), mới hiểu được tất cả những nguyên nhân ngẫu nhiên trong sự thành công hoặc thất bại của cái khuynh hướng mới ở các thành thị khác nhau, mới hiểu được là những người tán thành cũng như những người phản đối khuynh hướng «mới» ấy trong bao nhiêu lâu đã không có thể, đã hoàn toàn không có thể xác định xem khuynh hướng ấy là một khuynh hướng riêng biệt hay chỉ là biểu hiện của sự thiếu rèn luyện của một số người. Chẳng hạn như những số đầu tiên, in thạch, của báo «Tư tưởng công nhân» vẫn hoàn toàn không được đại đa số những người dân chủ - xã hội biết đến và nếu ngày nay chúng ta có thể dẫn chứng bài xã luận trong số đầu tiên của báo ấy, chính chỉ vì bài xã luận đó đã được ghi lại trong bài của V. I-n («"Người lao động» khổ nhỏ», số 9 - 10, tr. 47 và các trang sau), là người đã không quên nhiệt liệt tán

dương — nhiệt liệt quá mức — tờ báo mới ấy, cái tờ báo khác hẳn những tờ báo đã xuất bản và dự định xuất bản đã nói ở trên *. Bài xã luận ấy đáng được chú ý, vì nó đã diễn tả được nổi bật *tất cả tinh thần* của báo «Tư tưởng công nhân» và của «chủ nghĩa kinh tế» nói chung.

Sau khi chỉ rõ rằng cánh tay của bọn áo xanh [113] quyết không thể ngăn cản được sự phát triển của phong trào công nhân, bài xã luận ấy viết tiếp: «...Phong trào công nhân có sức sống như thế là do người công nhân chung quy đã tự mình quyết định lấy vận mệnh của mình, vận mệnh mà họ đã giành được trong tay những người lãnh đạo họ». Luận điểm cơ bản ấy sau đó được phát triển chi tiết. Thực ra thì những người lãnh đạo (tức là những người dân chủ - xã hội, những người tổ chức ra «Hội liên hiệp đấu tranh»), có thể nói là đã bị cảnh sát giằng ra khỏi tay công nhân **, thế mà người ta lại muốn làm cho mọi người tưởng lầm rằng dường như công nhân đấu tranh chống lại những người lãnh đạo và đã tự giải phóng khỏi ách của những người ấy! Đáng lẽ kêu gọi tiến lên, củng cố tổ chức cách mạng và mở rộng hoạt động chính trị thì người ta lại kêu gọi *lùi lại*, chỉ đấu tranh theo lối công liên chủ nghĩa mà thôi. Người ta tuyên bố rằng «cơ sở kinh tế của phong trào đã bị cái khuynh hướng chủ trương không bao giờ được quên lý tưởng chính trị, làm cho lu mờ đi», rằng châm ngôn của phong trào công nhân là «đấu tranh cho hoàn cảnh kinh tế» (!), hoặc hơn nữa, «công nhân vì công nhân»; người ta tuyên bố rằng những quỹ bãi công «có giá trị đối với phong trào hơn là hàng trăm tổ chức khác» (xin hãy đem so sánh lời khẳng định ấy, có từ hồi tháng Mười 1897, với cuộc tranh luận giữa «những người tháng Chạp» và phái «trẻ» hồi đầu năm 1897), v. v.. Những công thức như: phải đặt lên hàng đầu không phải là «lớp tinh hoa» trong công nhân, mà là người công nhân «lớp giữa»,

---

* Nhân đây xin nói là lời tán dương như vậy báo «Tư tưởng công nhân» hồi tháng Mười một 1898, lúc «chủ nghĩa kinh tế», nhất là ở nước ngoài, đã hoàn toàn hình thành, cũng là do V. I-n viết ra. Ông này ít lâu sau đó đã trở thành một trong những biên tập viên của tờ «Sự nghiệp công nhân». Và tờ «Sự nghiệp công nhân» lúc đó còn phủ nhận — cũng như hiện vẫn còn phủ nhận — sự tồn tại của hai khuynh hướng trong đảng dân chủ - xã hội Nga!

** Sự việc đặc biệt sau đây chứng tỏ sự so sánh ấy là đúng. Sau khi «những người tháng Chạp» bị bắt, có tin truyền đi trong số các công nhân đại lộ Slít-xen-bua rằng tên khiêu khích N. N. Mi-khai-lốp (bác sĩ chữa răng), liên lạc với một nhóm có quan hệ chặt chẽ với «những người tháng Chạp», cũng dính dáng vào việc tố cáo họ; công nhân nổi giận đã quyết định giết Mi-khai-lốp.

người công nhân thường, hoặc như: «chính trị bao giờ cũng ngoan ngoãn theo sau kinh tế» * v. v. và v. v., đều thịnh hành và có một ảnh hưởng mạnh đối với quần chúng thanh niên được lôi cuốn vào phong trào và phần lớn chỉ được biết chủ nghĩa Mác qua từng mẩu vụn vặt trình bày trong các sách báo hợp pháp.

Đó là tính tự giác bị tính tự phát đánh bại hoàn toàn — tính tự phát của những người «dân chủ - xã hội» đang lặp lại những «tư tưởng» của ngài V. V., tính tự phát của những công nhân bị cám dỗ bởi cái lý lẽ cho rằng tăng thêm được, dù là mỗi rúp một cô-pếch cũng còn quý hơn bất cứ chủ nghĩa xã hội và chính trị nào và cho rằng phải «đấu tranh vì họ hiểu rằng làm như thế không phải là cho những thế hệ tương lai nào đó mà là cho bản thân họ và con cái họ» (xã luận báo «Tư tưởng công nhân», số 1). Những câu nói thuộc loại ấy vẫn là món vũ khí ưa thích của bọn tư sản Tây Âu, bản thân bọn này căm ghét chủ nghĩa xã hội, đã ra sức (như Hiếc-sơ, một người Đức thuộc «phái chính trị - xã hội») đem nhập chủ nghĩa công liên Anh vào nước chúng và nói với công nhân rằng cuộc đấu tranh thuần túy công đoàn ** chính là cuộc đấu tranh cho bản thân họ và con cái họ, chứ không phải cho những thế hệ tương lai mơ hồ với một chủ nghĩa xã hội tương lai mơ hồ. Và bây giờ đây những «V. V. của đảng dân chủ - xã hội Nga» đang bắt đầu lặp lại những lời lẽ tư sản ấy. Ở đây, cần chú trọng ba điểm rất có ích cho ta sau này trong việc phân tích những chỗ bất đồng ý kiến *hiện đại****.

Một là, việc tính tự phát đánh bại tính tự giác nói trên đây, cũng

---

* Cũng rút trong bài xã luận ấy của báo «Tư tưởng công nhân», số 1. Do đó, người ta có thể đánh giá được trình độ rèn luyện về lý luận của những «V. V.[114] trong đảng dân chủ - xã hội Nga» đó, họ đã lặp lại việc tầm thường hóa «chủ nghĩa duy vật kinh tế» một cách thô kệch như thế, trong khi đó thì trong các trước tác của mình, những người mác-xít đang chiến đấu với một ngài V. V. thật sự, kẻ mà từ lâu được mệnh danh là «phản động bực thầy», cũng vì lối hiểu những quan hệ giữa chính trị và kinh tế *như thế đấy!*

** Chính người Đức cũng có một thuật ngữ riêng: «Nur-Gewerkschaftler», để chỉ những người tán thành cuộc đấu tranh «thuần túy công đoàn».

*** Chúng tôi nhấn mạnh chữ *hiện đại* là để cho những nhà đạo đức giả chú ý, họ sẽ nhún vai và nói rằng: bây giờ thì dễ chê bai báo «Tư tưởng công nhân», nhưng những việc đó đã thuộc về dĩ vãng xa xôi rồi! Mutato nomine de te fabula narratur (tên gọi tuy có khác, nhưng chuyện ngụ ngôn ấy vẫn là để ám chỉ anh. *BT.*), chúng tôi sẽ trả lời như thế cho những nhà đạo đức giả hiện đại ấy, mà sự nô lệ hoàn toàn của họ đối với những tư tưởng của báo «Tư tưởng công nhân» sẽ được *chứng minh* ở dưới đây.

diễn ra *một cách tự phát*. Nói thế có vẻ như là chơi chữ, nhưng — than ôi! — đó lại là một sự thật cay đắng. Sở dĩ có việc đánh bại ấy, không phải là do cuộc đấu tranh công khai giữa hai quan điểm hoàn toàn đối lập nhau, trong đó quan điểm này thắng quan điểm kia, mà chính là do những người cách mạng «già» bị cảnh binh «giảng đi» ngày càng nhiều, và do những «V. V. «trẻ» trong đảng dân chủ - xã hội Nga» bước lên vũ đài ngày càng đông. Tất cả những ai, tôi không nói là những ai đã tham gia phong trào Nga *hiện đại*, mà dù mới được thở không khí của phong trào ấy thôi, đều biết rất rõ rằng sự thật quả là như thế. Tuy nhiên, nếu chúng tôi đặc biệt nhấn mạnh để độc giả nhận rõ sự việc mà mọi người đều biết cả ấy, nếu để được minh bạch hơn chẳng hạn, chúng tôi kể lại một vài sự thật về tờ «Sự nghiệp công nhân» lần thành lập đầu tiên và về cuộc tranh luận giữa phái «già» và phái «trẻ» hồi đầu năm 1897, đó chỉ vì những người khoe khoang là có «tinh thần dân chủ» đều đang lợi dụng tình trạng quảng đại quần chúng (hoặc lớp thanh niên trẻ nhất) đều không biết việc ấy. Sau này, chúng tôi sẽ có dịp trở lại vấn đề này.

Hai là, ngay từ khi «chủ nghĩa kinh tế» xuất hiện lần đầu tiên trên sách báo, chúng ta đã có thể thấy một hiện tượng vô cùng độc đáo và hết sức tiêu biểu khiến chúng ta hiểu được tất cả những sự bất đồng ý kiến giữa những người dân chủ - xã hội hiện nay: những người tán thành «phong trào thuần túy công nhân», những người theo chủ trương cho rằng phải liên hệ một cách chặt chẽ và «hữu cơ» nhất (như lời của tờ «Sự nghiệp công nhân») với cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản và những người thù địch với tất cả những nhà trí thức không phải công nhân (dù họ là những người trí thức xã hội chủ nghĩa chăng nữa) đều bắt buộc phải dùng đến lý lẽ của những người «thuần túy công liên chủ nghĩa» *tư sản* để bênh vực lập trường của mình. Điều đó cho ta thấy rằng, ngay từ đầu, báo «Tư tưởng công nhân» đã ra sức thực hiện — bản thân nó lại không biết là nó thực hiện — cương lĩnh «Credo». Điều đó (điều mà tờ «Sự nghiệp công nhân» không thể nào hiểu được) chứng tỏ rằng *mọi* sự sùng bái tính tự phát của phong trào công nhân, mọi việc coi nhẹ vai trò của «yếu tố tự giác», coi nhẹ vai trò của đảng dân chủ - xã hội, thì *đều có nghĩa — dù người ta muốn hay không muốn — là tăng cường ảnh hưởng của hệ tư tưởng tư sản đối với công nhân*. Tất cả những người nói đến «việc đánh giá quá cao hệ tư tưởng» * và

---

* Thư của «những người kinh tế chủ nghĩa» trong báo «Tia lửa», số 12.

đánh giá quá đáng vai trò của yếu tố tự giác *, v. v., đều tưởng tượng rằng phong trào thuần túy công nhân, tự nó, cũng có khả năng tạo ra và sẽ tạo ra cho nó một hệ tư tưởng độc lập, chỉ cần là công nhân «giành được vận mệnh của mình trong tay những người lãnh đạo». Nhưng đó là một sai lầm nghiêm trọng. Để bổ sung điều chúng tôi đã nói ở trên, chúng tôi nhắc lại những lời lẽ rất đúng và có ý nghĩa của C. Cau-xky về dự án cương lĩnh mới của Đảng dân chủ - xã hội Áo **:

«Nhiều người trong số những nhà phê bình thuộc phái xét lại của chúng ta gán cho Mác lời khẳng định rằng sự phát triển kinh tế và cuộc đấu tranh giai cấp không những tạo ra những điều kiện cho nền sản xuất xã hội chủ nghĩa, mà còn trực tiếp đẻ ra *ý thức* (do C. Cau-xky viết ngả) về sự tất yếu của nền sản xuất ấy. Và thế là các nhà phê bình ấy cãi lại rằng nước Anh, một nước phát triển tiên tiến nhất theo lối tư bản chủ nghĩa, lại là nước không biết gì đến ý thức ấy nhất. Dự án cương lĩnh làm cho người ta tưởng rằng tiểu ban khởi thảo ra cương lĩnh đảng Áo cũng tán thành cái quan điểm hình như là mác-xít chính thống ấy, cái quan điểm đã bị cách cãi lại trên đây bác bỏ. Dự án nói: «Số lượng giai cấp vô sản càng tăng theo với sự phát triển tư bản chủ nghĩa thì nó càng bắt buộc phải đấu tranh và càng có khả năng đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản. Giai cấp vô sản đi tới chỗ có ý thức» về tính khả năng và tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội. Do đó, ý thức xã hội chủ nghĩa sẽ là kết quả tất yếu, trực tiếp của cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản. Nhưng điều đó là hoàn toàn sai. Là một học thuyết, chủ nghĩa xã hội cố nhiên có gốc rễ của nó trong những quan hệ kinh tế hiện tại, cũng ngang như cuộc đấu tranh giai cấp vô sản; và cũng như cuộc đấu tranh giai cấp ấy, chủ nghĩa xã hội bắt nguồn từ cuộc đấu tranh chống sự nghèo khổ và lầm than của quần chúng do chủ nghĩa tư bản gây ra. Nhưng chủ nghĩa xã hội và cuộc đấu tranh giai cấp xuất hiện song song với nhau, và cái nọ không sinh ra cái kia được; cả hai đều xuất hiện từ những tiền đề khác nhau. Ý thức xã hội chủ nghĩa ngày nay chỉ có thể nảy sinh được trên cơ sở một sự hiểu biết khoa học sâu sắc. Thực vậy, khoa học kinh tế hiện đại là một điều kiện của sản xuất xã hội chủ nghĩa, cũng y như kỹ thuật hiện đại, chẳng hạn; còn giai cấp vô sản, dù muốn đến đâu chăng nữa, cũng không thể tạo ra khoa học kinh tế và kỹ thuật hiện đại được; cả hai cái đó đều xuất hiện từ quá trình xã hội hiện đại. Vậy mà người nắm được khoa học lại không phải là giai cấp vô sản, mà là *những người trí thức tư sản* (do C. Cau-xky viết ngả): chính chủ nghĩa xã hội hiện đại đã sinh ra trong đầu óc của một vài người thuộc tầng lớp đó, và chính nhờ họ mà chủ nghĩa xã hội đã truyền đến những người vô sản tiên tiến nhất về mặt trí thức, những người vô sản này sau đó đem chủ nghĩa xã hội đưa

* «Sự nghiệp công nhân», số 10.

** «Neue Zeit», 1901 - 1902, XX, I, số 3, tr. 79. Dự án của tiểu ban mà C. Cau-xky nói tới đó, đã được đại hội Viên chấp nhận (hồi cuối năm ngoái) dưới một hình thức có sửa đổi đôi chút[115].

vào cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản, ở những nơi nào mà điều kiện cho phép. Như vậy, ý thức xã hội chủ nghĩa là một yếu tố từ bên ngoài đưa vào (von außen Hineingetragenes) cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản, chứ không phải là một cái gì xuất hiện một cách tự phát (urwüchsig) từ cuộc đấu tranh đó. Cho nên cương lĩnh Hen-phen cũ nói rất đúng rằng nhiệm vụ của đảng dân chủ - xã hội là đưa vào giai cấp vô sản (theo nghĩa từng chữ là: đổ đầy vào giai cấp vô sản) cái *ý thức* về hoàn cảnh của họ và ý thức về sứ mạng của họ. Không cần gì phải làm việc đó nữa, nếu quả ý thức ấy nảy sinh một cách tự nhiên từ cuộc đấu tranh giai cấp. Dự án mới đã mượn luận điểm ấy trong cương lĩnh cũ và đã gắn nó vào luận điểm nói trên. Nhưng điều đó đã làm cho mạch tư tưởng hoàn toàn đứt đoạn...»

Đã không thể có một hệ tư tưởng độc lập, do chính ngay quần chúng công nhân xây dựng nên trong quá trình phong trào của họ* thì vấn đề đặt ra *chỉ là như thế này*: hệ tư tưởng tư sản hoặc hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Không có hệ trung gian (vì nhân loại không có tạo ra một hệ tư tưởng «thứ ba» nào cả; vả chăng, trong một xã hội bị những sự đối kháng giai cấp chia xẻ thì không bao giờ có được hệ tư tưởng ở ngoài hoặc trên các giai cấp). Vì vậy, *mọi* sự coi nhẹ hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa, *mọi sự xa rời* hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa đều có nghĩa là tăng cường hệ tư tưởng tư sản. Người ta nói nhiều đến tính tự phát. Nhưng sự phát triển *tự phát* của phong trào công nhân lại dẫn phong trào ấy đến chính cái chỗ lệ thuộc vào hệ tư tưởng tư sản, đến *chính cái chỗ đi theo đúng cương lĩnh* «Credo», vì phong trào công nhân tự phát là chủ nghĩa công liên, là Nur-Gewerkschaftlerei; và chủ nghĩa công liên lại chính là việc giai cấp tư sản nô dịch công nhân về mặt tư tưởng. Cho nên nhiệm vụ của chúng ta, nhiệm vụ của

* Tất nhiên, không phải như thế nghĩa là công nhân không tham gia việc xây dựng đó. Nhưng họ không tham gia với tư cách là công nhân, mà tham gia với tư cách là những nhà lý luận về chủ nghĩa xã hội, như những Pru-đông, Vai-tlinh; nói một cách khác, họ chỉ tham gia trong chừng mực họ đã nắm vững được những tri thức ít nhiều đầy đủ về thời đại của họ, và họ đã đẩy được những tri thức đó tiến lên. Nhưng muốn cho công nhân *thường xuyên đạt được điều đó hơn nữa* thì phải hết sức chăm lo đến việc nâng cao trình độ giác ngộ của công nhân, nói chung, thì họ không được tự hạn chế trong khuôn khổ thu hẹp một cách giả tạo của *«loại sách cho công nhân»*, mà phải học nhận thức ngày càng sâu sắc hơn, trong *loại sách chung cho tất cả mọi người*. Có lẽ nói là không nên hạn chế họ thì đúng hơn nói là họ «tự hạn chế», vì chính công nhân, họ cũng đọc và muốn đọc tất cả những cái gì người ta viết cho cả trí thức nữa, và chỉ một vài nhà trí thức (tồi) mới nghĩ rằng chỉ cần kể «cho công nhân» nghe về các trật tự ở nhà máy và chỉ cần nhai đi nhai lại những điều mà công nhân đã thừa biết từ lâu, là đủ rồi.

đảng dân chủ - xã hội là phải *đấu tranh chống tính tự phát*; là phải *kéo* phong trào công nhân *ra khỏi* cái khuynh hướng tự phát ấy của chủ nghĩa công liên, cái khuynh hướng đến nấp dưới bóng của giai cấp tư sản; và phải đưa phong trào công nhân về với đảng dân chủ- xã hội cách mạng. Vì thế, câu nói của các tác giả bức thư «kinh tế» trong báo «Tia lửa», số 12, quả quyết rằng không một cố gắng nào của các nhà tư tưởng hăng hái nhất, có thể kéo phong trào công nhân ra khỏi con đường do sự tác động lẫn nhau của các yếu tố vật chất và của hoàn cảnh vật chất vạch ra, câu nói ấy *hoàn toàn có nghĩa là rời bỏ chủ nghĩa xã hội*, và nếu các tác giả ấy có khả năng suy nghĩ đến nơi đến chốn về những điều họ nói, suy nghĩ một cách triệt để và không sợ sệt gì cả, như bất cứ người nào đã bước vào lĩnh vực hoạt động viết sách báo và hoạt động xã hội thì họ chỉ còn có việc là «khoanh những cánh tay vô dụng trên cái ngực trống rỗng của họ» và... và để cho các ngài Xtơ-ru-vê và Prô-cô-pô-vích tự do lôi kéo phong trào công nhân «vào con đường ít tốn công sức nhất», tức là vào hướng chủ nghĩa công liên tư sản, hoặc để cho các ngài Du-ba-tốp tự do lôi kéo phong trào công nhân vào con đường của «hệ tư tưởng» thầy tu - cảnh sát.

Các bạn hãy nhớ lại ví dụ nước Đức. Công lao lịch sử của Lát-xan đối với phong trào công nhân Đức là gì? Là đã *kéo* phong trào ấy *ra khỏi* con đường của chủ nghĩa công liên thuộc phái tiến bộ và của chủ nghĩa hợp tác xã, mà phong trào ấy đã tiến vào một cách tự phát (*với sự giúp đỡ hào hiệp của Sun-txê - Đê-li-txơ và đồng bọn*). Để làm tròn nhiệm vụ ấy, cần phải có cái gì hoàn toàn khác những câu nói suông về sự đánh giá quá thấp yếu tố tự phát, về sách lược - quá trình, về sự tác động lẫn nhau của các yếu tố và của hoàn cảnh, v. v.. Cần phải có một cuộc *đấu tranh quyết liệt chống tính tự phát*, và chỉ sau nhiều, rất nhiều năm đấu tranh như thế thì mới đi đến chỗ, chẳng hạn, làm cho quần chúng công nhân thành phố Béc-lanh, từ chỗ trước đây là thành lũy của đảng tiến bộ, nay trở thành một trong những thành trì tốt đẹp nhất của đảng dân chủ - xã hội. Và cuộc đấu tranh đó hiện nay vẫn chưa chấm dứt (không phải như những người học lịch sử của phong trào Đức theo sách của Prô-cô-pô-vích, và học triết học của phong trào ấy theo những bài của Xtơ-ru-vê [116], có thể tưởng). Bây giờ đây, giai cấp công nhân Đức vẫn còn bị phân chia, nếu ta có thể nói như thế, theo nhiều hệ tư tưởng: một bộ phận công nhân được tổ chức vào các công đoàn công nhân Thiên chúa giáo và quân chủ; một bộ phận khác được tổ chức vào các công đoàn Hiếc-sơ - Đun-cơ [117],

do những nhà tư sản ngưỡng mộ chủ nghĩa công liên Anh vạch ra; một bộ phận thứ ba lại được tổ chức vào các công đoàn dân chủ - xã hội. Bộ phận cuối cùng này đông hơn các bộ phận kia rất nhiều, nhưng hệ tư tưởng dân chủ - xã hội chỉ có thể đạt được và giữ được ưu thế đó bằng một cuộc đấu tranh triệt để để chống tất cả các hệ tư tưởng khác.

Nhưng độc giả sẽ hỏi: tại sao phong trào tự phát tức là phong trào theo đường hướng ít tốn công sức nhất, lại đưa đúng đến chỗ bị hệ tư tưởng tư sản chi phối? Vì lý do giản đơn là tính về thời gian thì hệ tư tưởng tư sản đã có lâu hơn hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa rất nhiều, nó được xây dựng toàn diện hơn và có những phương tiện phổ biến *vô cùng* nhiều hơn *. Trong một nước mà phong trào xã hội chủ nghĩa càng non thì càng phải kiên quyết chống mọi âm mưu củng cố hệ tư tưởng phi xã hội chủ nghĩa, thì càng phải quyết tâm nâng cao cảnh giác của công nhân đối với những cố vấn xấu đang la ó về việc «đánh giá quá cao yếu tố tự giác», v. v.. Cùng một điệu với tờ «Sự nghiệp công nhân», các tác giả bức thư «kinh tế» hò hét chống tính không khoan dung, đặc tính của thời ấu trĩ của phong trào. Chúng ta sẽ trả lời rằng phải, đúng thế, phong trào của chúng ta còn đang ở trong thời kỳ ấu trĩ thật, nhưng để trưởng thành mau chóng, nó phải tự vũ trang bằng tính không khoan dung đối với những kẻ vì sùng bái tính tự phát mà kìm hãm bước phát triển của nó. Không có gì lố bịch và tai hại hơn là vỗ ngực tự xưng là chiến sĩ lão thành đã từng trải qua từ lâu tất cả các giai đoạn quyết định của cuộc đấu tranh!

Ba là, qua số đầu của báo «Tư tưởng công nhân», ta thấy rằng cái tên «chủ nghĩa kinh tế» (tất nhiên chúng tôi không có ý bỏ cái tên gọi này, vì dù sao nó cũng đã được dùng quen rồi) không diễn tả được đúng lắm nội dung của khuynh hướng mới. Báo «Tư tưởng công nhân»

---

* Người ta thường nói: giai cấp công nhân đi tới chủ nghĩa xã hội *một cách tự phát*. Điều đó hoàn toàn đúng ở chỗ lý luận xã hội chủ nghĩa xác định nguyên nhân những nỗi khổ của giai cấp công nhân một cách sâu sắc và đúng đắn hơn tất cả các lý luận khác; bởi vậy, công nhân tiếp thu lý luận xã hội chủ nghĩa rất dễ dàng, *miễn là* lý luận ấy tự nó không đầu hàng trước tính tự phát, *miễn là* nó khuất phục được tính tự phát. Điều đó thường được người ta hiểu ngầm như thế, nhưng tờ «*Sự nghiệp công nhân*» lại quên mất và xuyên tạc điều hiểu ngầm đó. Giai cấp công nhân đi tới chủ nghĩa xã hội một cách tự phát, nhưng hệ tư tưởng tư sản phổ biến nhất (và luôn luôn sống lại dưới những hình thức rất khác nhau) vẫn là cái hệ tư tưởng chi phối công nhân một cách tự phát nhất.

không hoàn toàn phủ nhận đấu tranh chính trị: bản điều lệ về quỹ đăng trên số 1, báo «Tư tưởng công nhân», có nói đến đấu tranh chống chính phủ. Nhưng báo «Tư tưởng công nhân» lại cho rằng «chính trị bao giờ cũng ngoan ngoãn theo sau kinh tế» (còn báo «Sự nghiệp công nhân» dùng một lối nói khác để trình bày luận điểm ấy, khẳng định trong cương lĩnh của mình rằng «ở nước Nga, hơn là ở bất cứ nước nào khác, cuộc đấu tranh kinh tế *không thể nào tách rời* khỏi cuộc đấu tranh chính trị được»). Những luận điểm ấy của báo «Tư tưởng công nhân» và của báo «Sự nghiệp công nhân» là hoàn toàn sai, *nếu người ta hiểu chính trị đây là chính trị dân chủ - xã hội*. Như ta đã thấy thì thường thường là đấu tranh kinh tế của công nhân gắn liền (tuy không phải là không thể nào tách rời được) với chính trị tư sản, chính trị thầy tu hay chính trị khác. Những luận điểm của tờ «Sự nghiệp công nhân» là đúng, nếu ta hiểu chính trị đây là chính trị công liên chủ nghĩa, tức là nguyện vọng chung của tất cả công nhân đòi nhà nước phải thi hành những biện pháp này hoặc những biện pháp khác có thể xóa bỏ được những nỗi khổ gắn liền với hoàn cảnh của họ, nhưng không thủ tiêu hoàn cảnh ấy, nghĩa là không thủ tiêu tình trạng lao động lệ thuộc vào tư bản. Thật vậy, nguyện vọng ấy là nguyện vọng chung của cả phái công liên chủ nghĩa Anh cừu địch với chủ nghĩa xã hội, của cả những công nhân Thiên chúa giáo, lẫn những công nhân thuộc phái «Du-ba-tốp», v. v.. Có chính trị thế này và chính trị thế khác. Như vậy, chúng ta thấy rằng báo «Tư tưởng công nhân» phủ nhận chính cuộc đấu tranh chính trị thì ít, mà sùng bái *tính tự phát*, sùng bái tính không tự giác của cuộc đấu tranh chính trị thì nhiều. Hoàn toàn công nhận cuộc đấu tranh chính trị là cuộc đấu tranh nảy sinh một cách tự phát từ bản thân phong trào công nhân (hay nói cho đúng hơn: công nhận những nguyện vọng và yêu sách chính trị của công nhân), báo ấy tuyệt đối không chịu *tự mình thảo ra một chính sách dân chủ - xã hội* riêng biệt, có thể đáp ứng được những nhiệm vụ chung của chủ nghĩa xã hội và những điều kiện hiện tại ở Nga. Sau đây, chúng ta sẽ chỉ rõ rằng đó cũng là một sai lầm mà tờ «Sự nghiệp công nhân» đã phạm phải.

Viết xong vào mùa thu 1901 — tháng Hai 1902

Toàn tập, t. 6

TRÍCH:

MỘT BƯỚC TIẾN, HAI BƯỚC LÙI[118]

(Cuộc khủng hoảng trong đảng ta)

c) Vài lời về phép biện chứng. Hai cuộc biến cách

Nếu chúng ta nhìn qua một cách tổng quát sự phát triển của cuộc khủng hoảng trong đảng ta[119] thì chúng ta sẽ dễ dàng thấy rằng trừ một số rất ít những ngoại lệ ra, còn thì thành phần cơ bản của hai phe đối lập cũng vẫn luôn luôn như cũ. Đó là một cuộc đấu tranh giữa cánh cách mạng và cánh cơ hội chủ nghĩa trong đảng ta. Song cuộc đấu tranh đó đã trải qua những giai đoạn hết sức khác nhau, và ai muốn hiểu được những sách báo dồi dào đã được chất đống lại, muốn hiểu được vô số những lời chỉ dẫn rời rạc, những lời trích dẫn tách rời văn bản, những lời buộc tội riêng lẻ, v. v. và v. v. thì phải nghiên cứu chính xác những đặc điểm của từng giai đoạn ấy.

Chúng ta hãy kể ra những giai đoạn chủ yếu, khác nhau một cách rõ rệt: 1) Tranh luận về § 1 trong điều lệ. Đây là cuộc đấu tranh thuần túy về mặt tư tưởng chung quanh những nguyên tắc cơ bản về tổ chức. Plê-kha-nốp và tôi ở địa vị thiểu số. Mác-tốp và Ác-xen-rốt đưa ra một công thức cơ hội chủ nghĩa và được những phần tử cơ hội chủ nghĩa hoan nghênh. 2) Sự chia rẽ trong tổ chức «Tia lửa» về vấn đề danh sách ứng cử viên vào Ban chấp hành trung ương: Phô-min hay Va-xi-li-ép trong nhóm năm người, Tơ-rốt-xki hay Tơ-ra-vin-xki trong nhóm ba người. Plê-kha-nốp và tôi giành được đa số (chín phiếu thuận, bảy phiếu chống), một phần chính là nhờ ở chỗ trước kia chúng tôi đã bị thiểu số về § 1. Sự liên minh của Mác-tốp với những phần tử cơ hội chủ nghĩa đã thực tế chứng thực tất cả những mối lo ngại của tôi nhân vụ xảy ra với Ban tổ chức[120]. 3) Tiếp tục những cuộc tranh luận về những chi tiết của điều lệ. Một lần nữa, Mác-tốp lại được những phần tử cơ hội chủ nghĩa cứu thoát. Chúng tôi lại bị thiểu số một lần nữa và chúng tôi bảo vệ những quyền lợi của phái thiểu số trong các cơ quan trung ương. 4) Bảy phần tử cơ hội chủ nghĩa cực đoan rời khỏi đại hội. Chúng tôi được đa số và đã thắng khối liên minh (gồm nhóm

thiểu số thuộc báo «Tia lửa», «phái vũng lầy» và những phần tử chống phái «Tia lửa») trong các cuộc bầu cử. Mác-tốp và Pô-pốp từ chối không nhận các chức vụ trong những nhóm ba người của chúng tôi. 5) Những cuộc cãi vã sau đại hội chung quanh vấn đề bổ tuyển. Sự hoành hành của hành vi vô chính phủ và của những luận điệu vô chính phủ. Những phần tử kém kiên định nhất và kém vững vàng nhất trong «phái thiểu số» thắng thế. 6) Để tránh sự chia rẽ, Plê-kha-nốp chuyển qua chính sách «Kill with kindness»[121]. «Phái thiểu số» chiếm ban biên tập Cơ quan trung ương và Hội đồng[122], và ra sức công kích Ban chấp hành trung ương. Không khí cãi vã tiếp tục tràn ngập tất cả. 7) Cuộc tấn công đầu tiên vào Ban chấp hành trung ương đã bị đánh lui. Không khí cãi vã hình như bắt đầu dịu bớt một chút. Có khả năng thảo luận, trong một bầu không khí tương đối bình tĩnh, hai vấn đề thuần túy tư tưởng mà đảng rất chú ý: a) ý nghĩa chính trị và nguyên nhân của sự phân chia đảng ta thành «phái đa số» và «phái thiểu số» đã xảy ra tại Đại hội II và đã thay thế cho tất cả những sự phân chia trước kia là như thế nào? b) ý nghĩa nguyên tắc của lập trường mới của báo «Tia lửa» mới trong vấn đề tổ chức là như thế nào?

Trong mỗi một giai đoạn như thế thì những hoàn cảnh đấu tranh và mục tiêu trước mắt của cuộc tấn công đều căn bản khác nhau; có thể nói rằng mỗi một giai đoạn là một trận đánh riêng biệt trong một chiến dịch chung. Không thể hiểu gì hết về cuộc đấu tranh của chúng ta, nếu chưa nghiên cứu những hoàn cảnh cụ thể của mỗi một trận đánh. Nghiên cứu xong, chúng ta sẽ thấy rất rõ rằng trên thực tế sự phát triển đi theo con đường biện chứng, con đường của những mâu thuẫn: thiểu số trở thành đa số và đa số trở thành thiểu số; mỗi bên đều chuyển từ tấn công sang phòng thủ và từ phòng thủ sang tấn công; điểm xuất phát của đấu tranh tư tưởng (§ 1) bị «phủ định» và thay thế bằng những cuộc cãi lộn tràn ngập tất cả *. Nhưng tiếp đó «sự phủ định của phủ định» bắt đầu và sau khi đã «hòa thuận với nhau» cho qua chuyện trong các cơ quan trung ương khác nhau, chúng ta lại quay về điểm xuất phát của cuộc đấu tranh thuần túy tư tưởng; nhưng cái «chính

---

* Vấn đề khó khăn về sự phân chia ranh giới giữa những sự cãi lộn và những sự bất đồng về nguyên tắc thì hiện nay tự nó đã được giải quyết rồi: tất cả những cái gì có liên quan đến vấn đề bổ tuyển đều là cãi lộn; tất cả những cái gì có liên quan đến sự phân tích cuộc đấu tranh tại đại hội, đến sự tranh luận về § 1 và về bước chuyển theo chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa vô chính phủ, đều là bất đồng về nguyên tắc.

đề» ấy được phong phú thêm bởi tất cả những kết quả của «phản đề» và trở thành cái hợp đề cao nhất, khi mà một sai lầm riêng lẻ, ngẫu nhiên về § 1, đã phát triển thành một quasi - hệ thống những quan điểm cơ hội chủ nghĩa về vấn đề tổ chức, và khi mà mối liên hệ giữa hiện tượng trên đây và sự phân chia cơ bản trong đảng ta thành cánh cách mạng và cánh cơ hội chủ nghĩa, ngày càng biểu hiện một cách sáng tỏ hơn đối với mỗi người. Tóm lại, không phải chỉ có cây lúa mạch là mọc theo Hê-ghen, mà ngay cả những người dân chủ - xã hội Nga đấu tranh với nhau cũng theo Hê-ghen.

Song không bao giờ được lẫn lộn phép biện chứng vĩ đại của Hê-ghen — mà chủ nghĩa Mác đã tiếp thu sau khi đã đặt nó đứng trở lại đằng chân — với cái thủ đoạn tầm thường là biện hộ cho những sự quanh co của các chính khách trong đảng đang bước từ cánh cách mạng sang cánh cơ hội chủ nghĩa, với cái thói tầm thường là bỏ chung vào một bị những lời tuyên bố khác nhau, những thời kỳ phát triển khác nhau trong các giai đoạn khác nhau của cùng một quá trình. Phép biện chứng chân chính không biện hộ cho những sai lầm của cá nhân, nhưng nó nghiên cứu những sự chuyển biến tất nhiên, bằng cách chứng minh tính tất nhiên của những sự chuyển biến ấy trên cơ sở nghiên cứu hết sức tỉ mỉ sự phát triển với toàn bộ tình hình cụ thể của nó. Nguyên lý cơ bản của phép biện chứng là: không có chân lý trừu tượng, chân lý bao giờ cũng cụ thể... Và cũng không nên lẫn lộn phép biện chứng vĩ đại ấy của Hê-ghen với cái lối xử thế khôn ngoan tầm thường biểu hiện trong câu ngạn ngữ Ý: mettere la coda dove non va il capo (chỗ nào đầu không lọt thì cho đuôi vào).

Kết quả của quá trình phát triển biện chứng của cuộc đấu tranh trong đảng ta là hai cuộc biến cách. Đại hội đảng là một cuộc biến cách thực sự, như đồng chí Mác-tốp đã nêu lên rất đúng trong tác phẩm của mình «Lại một lần nữa bị thiểu số». Những người hay nói những lời văn hoa trong phái thiểu số cũng có lý khi họ nói: thế giới vận động là nhờ các cuộc cách mạng, bởi vậy chúng ta đã làm một cuộc cách mạng! Đúng là họ đã làm một cuộc cách mạng sau đại hội, và nói chung, cũng đúng là thế giới vận động là nhờ các cuộc cách mạng. Song chưa thể dùng câu châm ngôn chung đó mà xác định ý nghĩa cụ thể của mỗi cuộc cách mạng cụ thể: có những cuộc cách mạng giống như là phản động, — đó là nói phỏng theo câu nói bất hủ của đồng chí Ma-khốp bất hủ. Cần phải biết lực lượng thực tế đã làm cuộc biến cách đó là cánh cách mạng hay là cánh cơ hội chủ nghĩa trong đảng, cần phải biết

những nguyên tắc đã cổ vũ các chiến sĩ là những nguyên tắc cách mạng hay là những nguyên tắc cơ hội chủ nghĩa, để có thể xác định xem cuộc cách mạng cụ thể này hay cuộc cách mạng cụ thể kia đã đẩy «thế giới» (đảng ta) tiến tới hay thụt lùi.

Đại hội của đảng ta là một hiện tượng có một không hai, chưa từng có trong toàn bộ lịch sử của phong trào cách mạng Nga. Lần đầu tiên, một đảng cách mạng bí mật đã ra khỏi vòng tối tăm của tình trạng bất hợp pháp để xuất hiện giữa ban ngày, và đã chỉ cho tất cả và cho mỗi người thấy toàn bộ tiến trình và kết cục của cuộc đấu tranh trong nội bộ đảng ta, thấy tất cả bộ mặt của đảng ta và của từng bộ phận ít nhiều có tiếng tăm của đảng trong các vấn đề về cương lĩnh, về sách lược và về tổ chức. Lần đầu tiên, chúng ta đã thoát khỏi những truyền thống như tình trạng phóng túng của tiểu tổ và thói phi-li-xtanh cách mạng, chúng ta đã tập hợp được hàng chục nhóm hết sức khác nhau, thường rất đối địch với nhau, chỉ gắn bó với nhau bằng một sức mạnh của một tư tưởng và sẵn sàng (sẵn sàng về nguyên tắc) hy sinh mọi tính biệt lập và tính độc lập của nhóm mình cho lợi ích của một toàn thể vĩ đại, tức là *đảng* mà thực sự chúng ta đang thành lập lần đầu tiên. Nhưng trong chính trị, những sự hy sinh không phải tự nhiên mà có, mà phải đấu tranh mới có được. Cuộc đấu tranh nhằm thủ tiêu các tổ chức tất nhiên là một cuộc đấu tranh vô cùng quyết liệt. Ngọn gió mát mẻ của cuộc đấu tranh công khai và tự do đã trở thành một cơn gió lốc. Cơn gió lốc này đã quét — và quét như vậy là rất đúng! — hết thảy những gì còn sót lại của mọi thứ quyền lợi, tình cảm và truyền thống tiểu tổ, và lần đầu tiên, cơn gió lốc ấy đã lập ra những ban thật sự có thẩm quyền của đảng.

Nhưng tên gọi là một chuyện, còn sự thật lại là chuyện khác. Hy sinh, về nguyên tắc, đầu óc tiểu tổ vì lợi ích của đảng, là một việc, nhưng rời bỏ tiểu tổ của mình lại là một việc khác. Ngọn gió mát quả là còn quá mát đối với những người đã quen sống trong bầu không khí chật chội hôi hám của đầu óc phi-li-xtanh. «Đảng đã không chịu nổi cuộc thử thách của đại hội lần thứ nhất của nó», như đồng chí Mác-tốp đã nói rất đúng (do tình cờ mà nói rất đúng) trong cuốn «Lại một lần nữa bị thiểu số» của mình. Lòng tức giận, do sự thủ tiêu các tổ chức gây ra, thật là quá mạnh. Cơn gió lốc dữ dội đã khuấy cái đám bùn đang nằm yên tận đáy lòng sông của đảng ta lên, và đám bùn ấy đã trả thù. Đầu óc tiểu tổ cũ kỹ ngoan cố đã thắng tính đảng đang còn non. Bị thua liểng xiểng, cánh cơ hội chủ nghĩa trong đảng, được tăng cường nhờ

có món chiến lợi phẩm ngẫu nhiên của nó là A-ki-mốp, nên đã thắng — dĩ nhiên là tạm thời — cánh cách mạng.

Kết quả là tờ «Tia lửa» mới đã không thể không làm cho sai lầm của những biên tập viên của nó tại đại hội đảng phát triển và nghiêm trọng thêm. Báo «Tia lửa» cũ đã dạy những chân lý của cuộc đấu tranh cách mạng. Báo «Tia lửa» mới đang dạy cái lối xử thế khôn ngoan tầm thường là: nhân nhượng và sống hòa thuận với nhau. Báo «Tia lửa» cũ đã là cơ quan của phái chính thống có tính chiến đấu. Báo «Tia lửa» mới đang đưa lại cho chúng ta những sự tái phạm của chủ nghĩa cơ hội, chủ yếu trong những vấn đề tổ chức. Báo «Tia lửa» cũ đã xứng đáng có cái vinh dự được những phần tử cơ hội chủ nghĩa cả ở Nga lẫn ở Tây Âu đều thù ghét. Báo «Tia lửa» mới «đã trở thành khôn ngoan hơn» và chẳng bao lâu sẽ thôi không còn hổ thẹn về những lời mà những phần tử cơ hội chủ nghĩa cực đoan đang tuôn ra khen ngợi nó. Báo «Tia lửa» cũ đã đi thẳng tới mục đích và những hành động của nó đã đi đôi với những lời nói của nó. Cái giả dối bên trong của lập trường của báo «Tia lửa» mới tất nhiên đẻ ra tính giả dối về chính trị, bất chấp ngay cả đến ý chí và ý thức của bất cứ người nào. Báo «Tia lửa» mới lên tiếng phản đối đầu óc tiểu tổ chính là để che giấu sự thắng thế của đầu óc tiểu tổ đối với tính đảng. Nó lên án một cách giả dối sự chia rẽ làm như là người ta có thể tưởng tượng ra một lối nào khác, ngoài cái nguyên tắc thiểu số phục tùng đa số, để đề phòng sự chia rẽ trong một đảng ít nhiều có tổ chức. Nó tuyên bố là cần tính đến dư luận cách mạng, nhưng che giấu những lời ca ngợi của những A-ki-mốp, nó chuyên đi nói xấu một cách nhỏ mọn các ủy ban thuộc cánh cách mạng trong đảng*. Thật là xấu hổ biết bao! Họ đã làm mất danh dự báo «Tia lửa» cũ của chúng ta biết bao!

Một bước tiến, hai bước lùi... Đó là điều thường thấy cả trong đời sống của những cá nhân, cả trong lịch sử các dân tộc, cả trong quá trình phát triển của các đảng. Thật là một sự hèn nhát tội lỗi nếu trong một phút nào đó, tỏ ra hoài nghi thắng lợi tất nhiên và hoàn toàn của những nguyên tắc của đảng dân chủ - xã hội cách mạng, của tổ chức vô sản và của kỷ luật đảng. Chúng ta đã giành được rất nhiều thành tựu: chúng ta phải tiếp tục đấu tranh mà không nên để cho những thất bại làm nản

---

* Để làm cái việc thích thú này, người ta đã tạo ra một hình thức định sẵn: một thông tín viên X của riêng chúng ta báo tin về ủy ban Y của phái đa số, đã nói rằng ủy ban đó ngược đãi một đồng chí Z trong phái thiểu số.

lòng, chúng ta phải đấu tranh kiên cường và phải khinh những thủ đoạn kiểu phi-li-xtanh, tức là những cuộc tranh cãi tiểu tổ, chúng ta phải hết sức giữ gìn mối liên hệ thống nhất tất cả những người dân chủ - xã hội Nga ở trong đảng, mối liên hệ đã được thiết lập sau bao nhiêu cố gắng. Bằng một công tác ngoan cường và có hệ thống, chúng ta phải làm cho toàn thể đảng viên, và nhất là công nhân, hiểu được đầy đủ, một cách tự giác những nhiệm vụ của người đảng viên, hiểu được cuộc đấu tranh tại đại hội II của đảng, hiểu được tất cả những nguyên nhân và những tình tiết của những sự bất đồng ý kiến của chúng ta, hiểu được tất cả sự tác hại của chủ nghĩa cơ hội, là thứ chủ nghĩa, trong lĩnh vực tổ chức cũng như trong vấn đề cương lĩnh và sách lược của chúng ta, đã khuất phục và tỏ ra bất lực trước tâm lý tư sản, đã tiếp thu một cách không phê phán quan điểm của phái dân chủ tư sản và làm nhụt vũ khí đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản.

Trong cuộc đấu tranh để giành chính quyền, giai cấp vô sản không có vũ khí nào khác hơn là tổ chức. Bị phân chia bởi sự cạnh tranh vô chính phủ đang chi phối trong thế giới tư sản, bị đè nặng dưới ách lao động nô lệ cho tư bản, luôn luôn bị ném xuống «tận đáy» của cảnh khổ cực, của sự cùng quẫn và của sự thoái hóa, nhưng giai cấp vô sản vẫn có thể trở thành — và tất nhiên sẽ trở thành — một lực lượng vô địch, chỉ là vì một lý do này: sự thống nhất tư tưởng của giai cấp vô sản dựa trên cơ sở những nguyên lý chủ nghĩa Mác thì được củng cố bằng sự thống nhất vật chất của tổ chức tập hợp hàng triệu người lao động thành một đạo quân của giai cấp công nhân. Đứng trước đạo quân ấy, thì cả cái chính quyền đã già cỗi của chế độ chuyên chế Nga hoàng lẫn cái chính quyền đang già cỗi của tư bản quốc tế đều không thể nào chống lại nổi. Bất chấp tất cả những bước quanh co và những bước giật lùi, bất chấp những luận điệu cơ hội chủ nghĩa của những phần tử Gi-rông-đanh trong đảng dân chủ - xã hội hiện nay[123], bất chấp những lời đầy tự mãn, khen ngợi đầu óc tiểu tổ lạc hậu, bất chấp sự hào nhoáng bề ngoài và sự ồn ào của chủ nghĩa vô chính phủ kiểu *người trí thức*, đạo quân ấy vẫn cứ ngày càng thắt chặt hàng ngũ của mình lại.

Viết vào tháng Hai - tháng Năm 1904 — Toàn tập, t. 8

MÁC NÓI VỀ PHONG TRÀO «CHIA ĐỀU RUỘNG ĐẤT» Ở MỸ

Trong báo «Tiến lên» *[124], số 12, có nói đến một bài của Mác phản đối Cri-ghê về vấn đề ruộng đất. Bài đó không phải là viết vào năm 1848, như bài báo của đồng chí — ъ** đã nói nhầm, mà là viết vào năm 1846. Héc-man Cri-ghê, người cộng tác với Mác, hồi đó còn rất trẻ, đã di cư sang Mỹ năm 1845 và sáng lập ở đó tạp chí «Volks - Tribun» («Diễn đàn nhân dân») để tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản. Nhưng sự tuyên truyền đó đã khiến cho Mác thấy bắt buộc phải, nhân danh những người cộng sản Đức, kiên quyết phản đối Héc-man Cri-ghê đã làm tổn hại đến thanh danh của đảng cộng sản. Bài phê bình đường lối của Cri-ghê, — đăng năm 1846 trong «Westfälische Dampfboot»[125] và in lại trong «Toàn tập» của Mác, tập II, Nhà xuất bản Mê-rinh, — đã được những người dân chủ - xã hội Nga hiện nay hết sức chú ý.

Sự thật thì lúc đó, tiến trình của phong trào xã hội ở Mỹ đã đặt vấn đề ruộng đất lên hàng đầu cũng như ở Nga ngày nay, tuy rằng lúc đó, vấn đề được nêu lên không phải là về một xã hội tư bản chủ nghĩa đã phát triển, mà chính là về việc tạo ra những điều kiện sơ thiểu, cơ bản cho một sự phát triển thật sự của chủ nghĩa tư bản. Điều thứ hai này là đặc biệt quan trọng để so sánh giữa thái độ của Mác đối với những tư tưởng «chia đều ruộng đất» ở Mỹ, và thái độ của những người dân chủ - xã hội Nga đối với phong trào nông dân hiện nay.

Trong tạp chí của mình, Cri-ghê không đưa ra một tài liệu nào có thể dùng để nghiên cứu những đặc điểm xã hội cụ thể của chế độ Mỹ, để làm sáng tỏ tính chất thật sự của phong trào lúc ấy của những

---

* V. I. Lê-nin. «Về cương lĩnh ruộng đất của chúng ta» (Toàn tập, bản tiếng Nga, lần xuất bản thứ 5, t. 9) *BT*.

** — ъ — vần chữ cái của tiếng Nga. Một trong những hiệu danh của V. I. Lê-nin. *BT*.

người chủ trương cải cách ruộng đất và mong muốn xóa bỏ địa tô. Ngược lại (cũng giống hệt như những người «xã hội chủ nghĩa - cách mạng» ở nước ta), Cri-ghê đã dùng những câu nói hoa mỹ và rất kêu để trùm lên vấn đề cách mạng ruộng đất. «Mọi người nghèo khổ — Cri-ghê viết — đều lập tức trở nên một thành viên hữu ích của xã hội loài người, khi người ta bảo đảm cho họ khả năng lao động sản xuất. Chỉ khi nào xã hội cấp cho họ một miếng đất mà trên đó họ có thể nuôi sống bản thân họ và gia đình họ thì chừng ấy khả năng đó mới được bảo đảm vĩnh viễn. Nếu cái diện tích ruộng đất khổng lồ kia (1 400 triệu a-crơ * ruộng đất công của Bắc Mỹ) được thoát khỏi lưu thông hàng hóa đem chia thành từng lô nhất định để cấp cho lao động ** thì sẽ chấm dứt ngay lập tức tình trạng bần cùng ở Mỹ»...

Mác đã bác bỏ ý kiến đó: «Đáng lẽ nên hiểu rằng các nhà lập pháp không thể dùng pháp lệnh mà chặn được sự phát triển của chế độ gia trưởng, chế độ mà Cri-ghê mong muốn, thành chế độ công nghiệp, hoặc đẩy được những bang công thương nghiệp ở ven bờ biển phía Đông trở về trạng thái dã man gia trưởng».

Như vậy, chúng ta đứng trước một kế hoạch thực sự chia lại ruộng đất của người Mỹ: rút một số rất lớn ruộng đất ra khỏi lưu thông hàng hóa, có quyền có ruộng đất, quy định giới hạn chiếm hữu hoặc sử dụng ruộng đất. Và thoạt đầu Mác bình tĩnh phê phán chủ nghĩa không tưởng, chỉ rõ sự chuyển biến không thể tránh được từ chế độ gia trưởng lên chế độ công nghiệp, tức là tính tất yếu của sự phát triển tư bản chủ nghĩa nếu nói theo ngôn ngữ ngày nay. Nhưng sẽ là một sai lầm lớn nếu tưởng rằng những mơ mộng không tưởng của những người tham gia phong trào làm cho Mác có một thái độ phủ định bản thân phong trào nói chung. Không phải thế. Ngay từ khi bắt đầu vào nghề viết văn, Mác đã biết tách nội dung thực tế và tiến bộ của phong trào ra khỏi sự hào nhoáng của bộ áo tư tưởng của nó. Trong phần thứ hai bài phê bình của mình, đầu đề là: «Kinh tế học (tức chính trị kinh tế học) của tạp chí «Diễn đàn nhân dân» và thái độ của tạp chí ấy đối với nước Mỹ trẻ tuổi», Mác đã viết:

---

* — đơn vị diện tích ở Anh, 1 a-crơ = 0,405 ha. *BT.*

** Hãy nhớ lại những lời của báo «Nước Nga cách mạng», từ số 8 trở đi, nói về việc chuyển ruộng đất từ tư bản cho lao động, về tầm quan trọng của những ruộng đất công ở Nga, về quyền sử dụng bình quân ruộng đất, về cái tư tưởng tư sản đưa ruộng đất vào lưu thông hàng hóa, v. v.. Hoàn toàn giống như Cri-ghê!

«Chúng ta hoàn toàn thừa nhận tính chính đáng lịch sử của phong trào những người dân tộc - cải lương ở Mỹ. Chúng ta biết rằng phong trào đó nhằm một kết quả tuy thật ra lúc này là đẩy mạnh sự phát triển chế độ công nghiệp của xã hội tư sản hiện đại, nhưng kết quả đó, với tính cách là kết quả của một phong trào vô sản, là một sự tấn công vào sở hữu ruộng đất nói chung, và đặc biệt trong những điều kiện hiện có ở nước Mỹ, thì do chính ngay những hậu quả của nó, mà tất nhiên là phải hướng tới chủ nghĩa cộng sản. Cri-ghê, đã cùng với những người cộng sản Đức ở Niu-oóc tham gia phong trào chống địa tô (Anti-Rent-Bewegung), lại che đậy sự thật giản đơn ấy bằng những câu nói hoa mỹ rỗng tuếch mà không chịu đi sâu vào nội dung của phong trào. Như thế chứng tỏ rằng Cri-ghê hoàn toàn không nhìn thấy những quan hệ giữa nước Mỹ trẻ tuổi và những điều kiện xã hội của nước Mỹ. Chúng ta hãy dẫn thêm một thí dụ nữa về những lời hoa mỹ rỗng tuếch của ông về kế hoạch của phái ruộng đất về chia ruộng đất trong toàn nước Mỹ.

Trong tạp chí «Diễn đàn nhân dân», số 10, bài «Điều mà chúng ta muốn» có nói: «Phái dân tộc - cải lương Mỹ gọi ruộng đất là tài sản chung của tất cả mọi người... và yêu cầu cơ quan lập pháp nhân dân dùng biện pháp để giữ 1 400 triệu a-cơ ruộng đất chưa bị rơi vào tay bọn đầu cơ cướp bóc, làm tài sản chung không thể đem nhượng đi được của toàn thể nhân loại». Muốn giữ cho toàn thể nhân loại cái «tài sản chung, không thể nhượng đi được» đó, ông ta tán thành kế hoạch của phái dân tộc - cải lương là: «cho mỗi người nông dân, dù họ vốn là người nước nào chăng nữa, được sử dụng 160 a-cơ ruộng đất ở Mỹ để đảm bảo sinh hoạt của họ». Trong số 14, bài «Trả lời ông Côn-dơ» (Konze), ông ta trình bày kế hoạch đó như sau: «Về cái số tài sản của nhân dân chưa ai đụng tới đó, không một người nào được lấy quá 160 a-cơ, hơn nữa lĩnh số đó với điều kiện là phải tự mình cày cấy lấy». Như thế là, muốn giữ cho ruộng đất mãi mãi vẫn là «tài sản chung không thể nhượng đi được», và lại là của «toàn thể nhân loại», thì phải ngay lập tức bắt đầu chia ruộng đất đó. Cri-ghê tưởng tượng rằng ông ta có thể dùng luật pháp nào đó mà ngăn cản được những hậu quả tất nhiên của việc phân chia đó tức là sự tập trung, tiến bộ công nghiệp, v. v.. Đối với ông ta, 160 a-cơ là một con số lúc nào cũng y nguyên, như thế là giá trị của một diện tích như thế không hề thay đổi theo chất lượng. «Nông dân» sẽ trao đổi với nhau và với những người khác, nếu không phải là ruộng đất của họ thì ít ra cũng là những sản phẩm của

ruộng đất đó. Mà như thế thì chẳng bao lâu người ta sẽ thấy rằng một «người nông dân», dù không có tư bản chăng nữa, nhưng nhờ lao động của mình và nhờ độ màu mỡ tự nhiên cao của 160 a-crơ của mình, sẽ biến một nông dân khác thành cố nông của mình. Vả chăng, dù là «ruộng đất» hay sản phẩm của ruộng đất «rơi vào tay bọn đầu cơ cướp bóc» thì chẳng phải là cũng như nhau đó sao? Chúng ta hãy xem xét kỹ càng món quà của Cri-ghê tặng cho nhân loại. 1 400 triệu a-crơ ruộng đất phải giữ lại «làm tài sản chung không thể nhượng đi được của toàn thể nhân loại». Nghĩa là mỗi người nông dân được 160 a-crơ. Như vậy là chúng ta có thể tính được cái mà ông Cri-ghê gọi là «toàn thể nhân loại» to lớn bao nhiêu — vừa đúng $8^3/_4$ triệu «nông dân»; cứ mỗi gia đình 5 nhân khẩu, thì tổng số là $43^3/_4$ triệu người. Theo cách ấy, chúng ta cũng có thể tính được xem «thời kỳ vĩnh viễn» ấy — thời kỳ mà «giai cấp vô sản, với tư cách là đại diện của nhân loại» sẽ có thể chiếm lại «toàn bộ ruộng đất», ít ra là ở nước Mỹ, — sẽ lâu chừng nào. Nếu dân cư nước Mỹ cứ tiếp tục tăng lên theo mức độ như từ trước tới nay, nghĩa là cứ 25 năm là tăng gấp đôi, thì «thời kỳ vĩnh viễn» đó sẽ không kéo dài quá 40 năm chẵn. Trong thời gian ấy, 1 400 triệu a-crơ ruộng đất đó sẽ bị chiếm hết, và những thế hệ sau không còn gì mà «chiếm». Nhưng vì việc cấp không ruộng đất ấy nhất định sẽ làm tăng thêm số người di cư sang nhiều, nên cái mà ông Cri-ghê gọi là «thời kỳ vĩnh viễn» sẽ có thể kết thúc sớm hơn, nhất là nếu người ta chú ý rằng một số lượng ruộng đất dành cho 44 triệu người tuyệt nhiên cũng sẽ không đủ để là một lối thoát cho tình trạng bần cùng hóa ở châu Âu hiện nay. Ở châu Âu, cứ 10 người dân thì có một người bần cùng, và chỉ riêng nước Anh cũng đã có 7 triệu rồi. Trong số 13, chúng ta cũng thấy sự ngây thơ ấy về mặt chính trị kinh tế học trong bài nhan đề là «Gửi phụ nữ»; trong đó, Cri-ghê nói rằng nếu thành phố Niu-oóc cho 52 000 a-crơ ruộng đất của mình ở Lông - Ai-len thì sẽ đủ để vĩnh viễn giải thoát Niu-oóc «ngay» khỏi mọi tình trạng bần cùng hóa, đói khổ và tội lỗi.

Nếu Cri-ghê đã quan niệm phong trào giải phóng ruộng đất là một hình thức sơ thiểu cần thiết trong những điều kiện nào đó của phong trào vô sản, nếu ông ta đã nhận định rằng phong trào ấy, do những điều kiện sinh hoạt của giai cấp đã sinh ra nó, tất nhiên phải phát triển thành một phong trào cộng sản chủ nghĩa, nếu ông ta đã vạch rõ tại sao những xu hướng cộng sản chủ nghĩa lúc đầu phải biểu hiện ra, ở Mỹ, dưới hình thức chia ruộng đất đó, hình thức mà bề ngoài có vẻ

mâu thuẫn với mọi thứ chủ nghĩa cộng sản, — thì người ta đã chẳng có gì để phản đối ý kiến ấy cả. Nhưng Cri-ghê lại tuyên bố hình thức phong trào đó — hơn nữa chỉ có ý nghĩa thứ yếu, — gồm một số người có thực nào đó, là sự nghiệp của nhân loại nói chung. Cri-ghê nêu sự nghiệp đó lên thành mục đích cuối cùng và tối cao của mọi phong trào nói chung; như vậy là làm cho những mục đích nhất định của phong trào trở thành một điều hoàn toàn vô nghĩa. Song cũng trong bài báo đăng trên số 10 đó, ông ta vẫn rất thản nhiên tiếp tục hát bài ca đắc thắng như sau: «Như vậy là những ước mơ xưa kia của người châu Âu rốt cục sẽ được thực hiện; một mảnh đất sẽ được chuẩn bị cho họ ở bờ bên này của Đại-tây-dương, họ sẽ chỉ có việc lĩnh lấy và làm cho sinh sôi nảy nở bằng lao động của bàn tay mình, để có thể ném vào mặt tất cả bọn bạo chúa trên thế giới lời tuyên bố tự hào này: đây là ngôi nhà tranh *của tôi,* mà các anh đã không hề dựng lên, đây là bếp lửa *của tôi,* nó khiến các anh phải thèm muốn».

Đáng lẽ ông ta có thể nói thêm: đây là đống phân *của tôi,* do tôi, vợ tôi và các con tôi, người cố nông của tôi và gia súc của tôi đã tạo ra. Nhưng «ước mơ» của những người châu Âu nào thì sẽ được thực hiện ở đó? Dứt khoát không phải là những công nhân cộng sản! Có lẽ nào những chủ hiệu buôn phá sản và người thủ công phá sản, hoặc những nông dân sa sút đều mơ tưởng đến cái hạnh phúc được trở lại thành những người tiểu tư sản và nông dân ở Mỹ! Nhưng 1 400 triệu a-cơ ruộng đất đó sẽ cho phép họ thực hiện loại «ước mơ» gì? Không phải ước mơ nào khác hơn là muốn làm cho tất cả mọi người biến thành những người tư hữu. Ước mơ như thế cũng không thể nào thực hiện được và cũng phi cộng sản chủ nghĩa như ước mơ muốn làm cho tất cả mọi người biến thành những hoàng đế, vua chúa và giáo hoàng».

Lời phê bình của Mác thật là sâu cay và chua chát. Người đã đập mạnh Cri-ghê chính về những quan điểm mà hiện nay chúng ta nhận thấy những người «xã hội chủ nghĩa - cách mạng» ở nước ta cũng có: chuyên nói suông, đem những không tưởng tiểu tư sản làm thành chủ nghĩa không tưởng cách mạng tối cao, không hiểu những cơ sở thực tế của chế độ kinh tế hiện đại và sự phát triển của chế độ đó. Mác, khi đó chỉ là một nhà kinh tế học *tương lai,* nhưng với một bộ óc sáng suốt phi thường, đã vạch rõ tác dụng của sự trao đổi và của nền kinh tế hàng hóa. Mác nói rằng những cái mà nông dân sẽ đem trao đổi nếu không phải là ruộng đất, thì cũng là những sản phẩm của ruộng đất,

và như thế là đã nói rõ tất cả rồi! Về rất nhiều phương diện, tất cả cách đặt vấn đề như thế đều có thể hoàn toàn đem dùng cho phong trào nông dân Nga và những nhà tư tưởng «xã hội chủ nghĩa» tiểu tư sản của phong trào đó.

Nhưng đồng thời Mác không hề đơn thuần «phủ định» phong trào tiểu tư sản đó, không hề có thái độ của một người giáo điều là coi thường phong trào đó, của một người kinh viện chủ nghĩa là sợ bẩn tay khi đụng đến phái dân chủ cách mạng tiểu tư sản. Chế giễu không thương xót tính chất vô lý của bộ áo tư tưởng của phong trào, Mác đứng trên quan điểm duy vật chủ nghĩa mà cố gắng xác định một cách tỉnh táo nội dung lịch sử *thực tế* của phong trào và những hậu quả tất nhiên phải xảy ra do những điều kiện khách quan, một cách độc lập với ý chí và ý thức, với những ước mơ và những lý luận của người này hay người khác. Cho nên Mác, không những đã không chê trách mà còn hoàn toàn tán thành những người cộng sản ủng hộ phong trào đó. Đứng trên quan điểm biện chứng, nghĩa là nhận xét phong trào về mọi mặt, tính cả đến quá khứ lẫn tương lai, Mác phân biệt mặt cách mạng của việc công kích chế độ tư hữu ruộng đất, và thừa nhận rằng phong trào tiểu tư sản là một hình thức sơ bộ và đặc biệt của phong trào vô sản cộng sản chủ nghĩa. Mác nói cho Cri-ghê rằng điều mà anh mơ tưởng đạt được bằng cái phong trào đó, anh sẽ không đạt được — kết quả sẽ không phải là lòng bác ái, mà là sự biệt lập tiểu tư sản; không phải là chế độ không được nhượng những phần ruộng được chia cho nông dân, mà là tình trạng ruộng đất bị đưa vào lưu thông hàng hóa; không phải là đánh vào bọn đầu cơ cướp bóc, mà là mở rộng cơ sở cho sự phát triển tư bản chủ nghĩa. Nhưng cái tai hại tư bản chủ nghĩa mà anh mất công mơ tưởng tránh được thì về mặt lịch sử, lại là một điều hay vì nó sẽ đẩy cực kỳ mau chóng sự phát triển xã hội và sẽ làm cho những hình thức mới và cao hơn của phong trào cộng sản chủ nghĩa càng đến gần thêm rất nhiều. Cái đòn đánh vào chế độ tư hữu ruộng đất sẽ tạo những điều kiện thuận lợi cho những cuộc tấn công tất nhiên sau này vào chế độ tư hữu nói chung; hành động cách mạng của một giai cấp bên dưới để thực hiện một cuộc cải cách chỉ tạm thời đem lại một hạnh phúc hạn chế — không phải là cho tất cả mọi người đâu — sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho một hành động cách mạng sau này tất cũng sẽ nổ ra của một giai cấp bị áp chế nhất để thực hiện một cuộc cải cách, cái cuộc cải cách, lần này, sẽ thực sự đảm bảo cho tất cả mọi người lao động một hạnh phúc đầy đủ của con người.

Đối với chúng ta, những người dân chủ - xã hội Nga, thì cách đặt vấn đề của Mác đối với Cri-ghê phải là một tấm gương. Tính chất thật sự tiểu tư sản của phong trào nông dân hiện nay ở Nga là không còn nghi ngờ gì nữa; chúng ta cần dốc sức giải thích điểm đó, phải đấu tranh quyết liệt, không khoan nhượng, chống tất cả mọi ảo tưởng của mọi người «xã hội chủ nghĩa - cách mạng» hoặc người xã hội chủ nghĩa nguyên thủy, về vấn đề này. Tổ chức riêng một đảng độc lập của giai cấp vô sản, nhằm kinh qua tất cả những cuộc biến cách dân chủ mà tiến tới một cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa hoàn toàn, đó phải là một mục đích mà chúng ta phải thường xuyên chú ý, không một phút nào được lãng quên. Nhưng nếu vì lẽ đó mà ngoảnh mặt làm lơ, không chú ý đến phong trào nông dân, thì lại là một thái độ phi-li-xtanh và thông thái rởm không sửa chữa được. Không, tính chất dân chủ cách mạng của phong trào đó là không còn nghi ngờ gì nữa, và chúng ta phải hết sức ủng hộ phong trào đó, phát triển nó, làm cho nó trở thành một phong trào chính trị tự giác có tính chất giai cấp xác định, đẩy nó tiến lên, tay nắm tay cùng với phong trào đó đi tới cùng, vì chúng ta đi xa hơn điểm kết thúc của bất cứ một phong trào nông dân nào rất nhiều, chúng ta đi đến chỗ hoàn toàn chấm dứt bản thân sự phân chia xã hội thành các giai cấp. Chắc chắn trên thế giới không có một nước nào mà ở đó nông dân lại bị khốn khổ, bị áp bức và bị lăng nhục bằng ở nước Nga. Sự áp bức đó trước kia càng đen tối thì sự thức tỉnh của nông dân ngày nay sẽ càng mạnh mẽ và sức tấn công cách mạng của họ sẽ càng không gì ngăn cản nổi. Sự nghiệp của giai cấp vô sản cách mạng giác ngộ là hết sức ủng hộ cuộc tấn công đó, để cho nó đạp đổ hết cái nước Nga cũ đáng ghét, nước Nga của chế độ nô lệ chuyên chế nông nô, tạo ra một thế hệ mới những người tự do và anh dũng, để cho nó tạo ra một nước mới, cộng hòa, trong đó, cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản nhằm thực hiện chủ nghĩa xã hội, sẽ phát triển một cách hoàn toàn tự do.

«Tiến lên», số 15,
ngày 20 (7) tháng Tư 1905 — Toàn tập, t. 10

TRÍCH:
HAI SÁCH LƯỢC CỦA ĐẢNG DÂN CHỦ - XÃ HỘI TRONG CÁCH MẠNG DÂN CHỦ [126]

Quan niệm tư sản - tầm thường về chuyên chính và quan niệm của Mác về chuyên chính

Mê-rinh, trong những lời phụ chú sau cuốn sách do ông xuất bản, in những bài báo của Mác đăng năm 1848 trong «Báo Rê-na-ni mới» [127], có kể lại rằng các sách báo xuất bản của tư sản đã trách cứ báo ấy chẳng hạn như sau: «Báo Rê-na-ni mới» hình như đã đòi hỏi «thực hành ngay chuyên chính, coi đó là thủ đoạn độc nhất để thực hiện dân chủ» (Marx' Nachlass, tập III, tr. 53). Theo quan điểm tư sản - tầm thường, thì những khái niệm chuyên chính và dân chủ loại trừ lẫn nhau. Không hiểu lý luận đấu tranh giai cấp, quen nhìn trên sân khấu chính trị những cuộc tranh cãi nhỏ nhen giữa những nhóm và những bè cánh khác nhau của giai cấp tư sản, người tư sản hiểu chuyên chính có nghĩa là hủy bỏ tất cả mọi quyền tự do và tất cả những bảo đảm về quyền dân chủ, là mọi sự độc đoán, mọi sự lạm dụng quyền hành cho lợi ích cá nhân kẻ độc tài. Thật ra, đồng chí Mác-tư-nốp của chúng ta cũng để lộ chính cái quan điểm tư sản - tầm thường đó khi mà, để kết thúc «chiến dịch mới» của đồng chí ấy trong báo «Tia lửa» mới, đồng chí ấy giải thích rằng sở dĩ báo «Tiến lên» và báo «Người vô sản» [128] say sưa với khẩu hiệu chuyên chính là vì Lê-nin «tha thiết muốn cầu may» (báo «Tia lửa», số 103, tr. 3, cột 2). Lời giải thích tuyệt diệu đó thật rất đáng đứng ngang hàng với những lời mà giai cấp tư sản buộc «Báo Rê-na-ni mới» có tội tuyên truyền chuyên chính. Như vậy là Mác cũng đã bị vạch trần — chỉ có điều là không phải do «những người dân chủ - xã hội», mà do những người tự do chủ nghĩa tư sản! — là đã «đánh tráo» khái niệm cách mạng và khái niệm chuyên chính. Để giải thích cho Mác-tư-nốp rõ sự khác nhau giữa chuyên chính của một giai cấp với chuyên chính của một cá nhân, giữa nhiệm vụ của chuyên chính dân chủ với nhiệm vụ của chuyên chính xã hội chủ nghĩa, thì cũng phải nói đến những quan điểm của «Báo Rê-na-ni mới».

«Báo Rê-na-ni mới» viết ngày 14 tháng Chín 1848: «Sau cách mạng, mọi tổ chức lâm thời của nhà nước đều đòi hỏi phải chuyên chính, vả lại chuyên chính kiên quyết. Ngay từ đầu, chúng ta đã trách cứ Cam-phau-den (thủ tướng nội các sau ngày 18 tháng Ba 1848) là đã không hành động một cách chuyên chính, không phá tan và thủ tiêu ngay những vết tích của chế độ cũ. Và chính vì vậy mà, trong lúc ông Cam-phau-den đang say sưa với những ảo tưởng lập hiến thì đảng chiến bại (nghĩa là đảng của phe phản động) tăng cường vị trí của mình trong bộ máy quan liêu và trong quân đội, thậm chí ở nơi này nơi nọ còn cả gan trở lại công khai đấu tranh nữa» [129].

Mê-rinh nói đúng: những lời nói ấy đã tóm tắt trong mấy nguyên lý những điều mà «Báo Rê-na-ni mới» phát triển tỉ mỉ trong những bài báo dài nói về nội các Cam-phau-den. Vậy những lời ấy của Mác nói với chúng ta những gì? Những lời ấy của Mác nói với chúng ta rằng chính phủ cách mạng lâm thời *phải* hành động một cách chuyên chính (nguyên lý ấy, báo «Tia lửa» vốn rất sợ khẩu hiệu: chuyên chính, không tài nào hiểu nổi); rằng nhiệm vụ của nền chuyên chính ấy là tiêu diệt những vết tích của chế độ cũ (đó chính là điều đã được chỉ ra rất rõ trong nghị quyết Đại hội III của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga nói về đấu tranh chống thế lực phản cách mạng, và như chúng tôi đã vạch ra trên kia, đó cũng là điều mà nghị quyết của hội nghị đã bỏ qua). Sau cùng, thứ ba là, do những lời ấy mà chúng ta thấy rằng Mác đã đả kích bọn dân chủ tư sản về «những ảo tưởng lập hiến» của họ trong thời kỳ cách mạng và nội chiến nổ ra công khai. Trong bài báo đăng ngày 6 tháng Sáu 1848 trong «Báo Rê-na-ni mới», ta đã thấy nổi lên đặc biệt rõ ràng ý nghĩa của những lời ấy. Mác viết: «Quốc hội lập hiến trước hết phải là một quốc hội tích cực, tích cực cách mạng. Thế mà quốc hội Phran-pho thì lại làm bài thực tập về chủ nghĩa đại nghị, theo lối làm bài ở nhà trường và phó mặc cho chính phủ hành động. Cứ cho rằng cái quốc hội học giả ấy, sau khi nghiên cứu chín chắn, đã định ra được một chương trình nghị sự tốt nhất và một hiến pháp hay nhất. Chương trình nghị sự tốt nhất và hiến pháp hay nhất đó còn có ý nghĩa gì nếu trong lúc ấy các chính phủ ở Đức đã đưa lưỡi lê vào chương trình nghị sự rồi!» [130].

Đó là ý nghĩa của khẩu hiệu: chuyên chính. Do đó mà người ta có thể thấy rõ Mác sẽ có thái độ như thế nào đối với những nghị quyết gọi «việc quyết định tổ chức ra Quốc hội lập hiến» là một thắng lợi quyết

định hoặc kêu gọi «nên thủy chung giữ địa vị một chính đảng thuộc phái cách mạng đối lập cực đoan»!

Những vấn đề to lớn trong đời sống của các dân tộc chỉ giải quyết bằng sức mạnh. Chính các giai cấp phản động thường là những kẻ đầu tiên hay dùng đến bạo lực, nội chiến, hay «đưa lưỡi lê vào chương trình nghị sự», như chế độ chuyên chế Nga đã từng làm như thế, và đang tiếp tục làm như thế một cách thường xuyên, triệt để, luôn luôn và khắp mọi nơi, từ ngày 9 tháng Giêng[131] đến nay. Và một khi đã có tình hình như thế, một khi lưỡi lê đang thực sự được đưa lên hàng đầu trong chương trình nghị sự chính trị, một khi khởi nghĩa đã rõ ràng là tất yếu và bức thiết, thì những ảo tưởng lập hiến và những bài thực tập về chủ nghĩa đại nghị theo lối nhà trường chỉ còn dùng để che đậy sự phản bội của giai cấp tư sản đối với cách mạng, che đậy cái cách thức mà giai cấp tư sản «rời bỏ» cách mạng mà thôi. Lúc đó giai cấp chân chính cách mạng phải đề ra chính là khẩu hiệu chuyên chính.

Về vấn đề nhiệm vụ của nền chuyên chính đó, Mác còn viết trong «Báo Rê-na-ni mới»: «Quốc hội đó đáng lẽ phải hành động một cách chuyên chính để chống lại những mưu đồ phản động của các chính phủ đã lỗi thời, và như thế nó sẽ có được trong dư luận nhân dân một sức mạnh mà hễ va vào là tất cả những lưỡi lê đều gãy tan... Thế mà quốc hội đó lại làm mệt mỏi nhân dân Đức bằng những bài diễn văn chán ngắt, chứ không lôi kéo nhân dân đi theo mình hoặc để cho nhân dân Đức lôi kéo mình đi theo họ»[132]. Theo ý kiến của Mác thì quốc hội đó lẽ ra phải «tẩy trừ khỏi chế độ thực tế đang tồn tại ở Đức, tất cả những cái gì trái với nguyên tắc chuyên chế của nhân dân», rồi «củng cố cơ sở cách mạng mà nó đang đứng trên đó và bảo đảm chuyên chế của nhân dân do cách mạng đã giành được chống lại mọi sự tấn công»[133].

Do đó, những nhiệm vụ mà Mác đã đề ra năm 1848 cho chính phủ cách mạng hay cho chuyên chính, căn cứ theo nội dung mà nói, trước tiên là thực hành cách mạng *dân chủ*: phòng ngự chống thế lực phản cách mạng và thực sự thủ tiêu tất cả mọi cái gì trái với nguyên tắc chuyên chế của nhân dân. Đó chính là chuyên chính dân chủ cách mạng chứ không phải là cái gì khác cả.

Chúng ta hãy nói tiếp: theo ý kiến của Mác thì những giai cấp nào có thể và phải làm tròn được nhiệm vụ ấy (thực sự thực hiện tới cùng nguyên tắc chuyên chế của nhân dân và đánh lui tất cả những cuộc tấn công của thế lực phản cách mạng)? Mác nói về «nhân dân». Nhưng

chúng ta biết rằng Mác đã luôn luôn đấu tranh không khoan nhượng chống lại những ảo tưởng tiểu tư sản cho rằng «nhân dân» là thống nhất và không có đấu tranh giai cấp trong nội bộ nhân dân. Khi dùng danh từ «nhân dân», Mác không thông qua danh từ ấy xóa mờ mất sự khác biệt về giai cấp; Mác đã gộp vào danh từ ấy những thành phần nhất định, có khả năng làm cách mạng đến cùng.

«Báo Rê-na-ni mới» đã từng viết rằng, sau khi giai cấp vô sản Béc-lanh thắng lợi ngày 18 tháng Ba, thì cách mạng đi đến hai loại kết quả: «Một mặt là nhân dân được vũ trang, được tự do lập hội, trên thực tế đã giành được chuyên chế của nhân dân; mặt khác là chế độ quân chủ được duy trì và thành lập nội các Cam-phau-den — Han-xơ-man, nghĩa là một chính phủ của những đại biểu của giai cấp đại tư sản. Như vậy, cách mạng đã có được hai loại kết quả nhất định sẽ phải dẫn đến một sự đoạn tuyệt. Nhân dân đã chiến thắng, nhân dân đã giành được những quyền tự do có tính chất thật là dân chủ; nhưng nhân dân lại không nắm được quyền thống trị trực tiếp, quyền đó đã qua tay giai cấp đại tư sản. Nói tóm lại, cách mạng đã không được tiến hành đến cùng. Nhân dân đã phó cho đại biểu của giai cấp đại tư sản việc lập nội các, và các đại biểu đó của giai cấp đại tư sản liền đề lộ ngay ý đồ của họ mà đề nghị liên minh với giai cấp quý tộc Phổ cũ và với bọn quan lại. Ác-nim, Ca-ni-txơ và Svê-rin đã tham gia nội các.

Vì sợ nhân dân, nghĩa là công nhân và giai cấp tư sản dân chủ, nên giai cấp đại tư sản, vốn có tính chất phản cách mạng ngay từ đầu, đã cùng với thế lực phản động thành lập một liên minh có tính chất phòng ngự và tấn công» (do chúng tôi viết ngả)[134].

Như vậy, không những «việc quyết định tổ chức ra Quốc hội lập hiến», mà ngay cả việc thực sự triệu tập được quốc hội ấy cũng vẫn chưa đủ để làm cho cách mạng đạt được thắng lợi quyết định! Ngay cả sau một thắng lợi bộ phận trong cuộc đấu tranh vũ trang (thắng lợi của công nhân Béc-lanh đối với quân đội ngày 18 tháng Ba 1848), thì vẫn có thể có một cuộc cách mạng «dở dang», một cuộc cách mạng «không được tiến hành đến cùng». Vậy cách mạng được tiến hành đến cùng là do ở cái gì? Là do ở điểm này: quyền thống trị trực tiếp sẽ chuyển qua những tay nào, qua tay bọn Pê-tơ-run-kê-vích và Rô-đi-tsép, nghĩa là bọn Cam-phau-den và Han-xơ-man, hay là qua tay *nhân dân*, nghĩa là công nhân và giai cấp tư sản dân chủ. Trong trường hợp thứ nhất, giai cấp tư sản sẽ nắm chính quyền, còn giai cấp vô sản thì được quyền «tự do phê bình», được tự do «giữ địa vị một chính đảng thuộc phái

cách mạng đối lập cực đoan». Ngay sau khi thắng lợi, giai cấp tư sản sẽ liên minh với phe phản động (điều này cũng nhất định sẽ xảy ra ở Nga nếu như công nhân thành Pê-téc-bua chỉ giành được thắng lợi bộ phận trong trận chiến đấu ngoài đường phố chống quân đội, và phó mặc công việc lập chính phủ cho các ngài Pê-tơ-run-kê-vích và đồng bọn). Trong trường hợp thứ hai, chuyên chính dân chủ cách mạng, nghĩa là thắng lợi hoàn toàn của cách mạng, sẽ có thể thực hiện được.

Bây giờ phải xét một cách chính xác hơn xem đúng ra Mác quan niệm «giai cấp tư sản dân chủ» (demokratische Bürgerschaft) mà Người gọi gộp với công nhân là nhân dân, đối lập với giai cấp đại tư sản, là thế nào.

Đoạn văn sau đây trong một bài đăng trong «Báo Rê-na-ni mới» ngày 29 tháng Bảy 1848, đã giải đáp rõ ràng vấn đề ấy: «... Cách mạng Đức năm 1848 chẳng qua chỉ là một lối bắt chước lố bịch cách mạng Pháp 1789, mà thôi.

Ngày 4 tháng Tám 1789, ba tuần lễ sau khi chiếm được Ngục Ba-xti, nhân dân Pháp chỉ trong một ngày đã thắng tất cả những đảm phụ phong kiến.

Ngày 11 tháng Bảy 1848, bốn tháng sau những cuộc chiến đấu bằng chiến lũy trên các đường phố hồi tháng Ba, thì những đảm phụ phong kiến đã thắng nhân dân Đức. Teste Gierke cum Hansemanno*.

Giai cấp tư sản Pháp năm 1789 không một lúc nào bỏ bạn đồng minh của mình là nông dân. Họ biết rằng quyền thống trị của họ là dựa trên sự hủy bỏ chế độ phong kiến ở nông thôn và tạo ra một giai cấp nông dân tự do có sở hữu ruộng đất (grundbesitzenden).

Giai cấp tư sản Đức năm 1848 phản bội một cách vô liêm sỉ nông dân là bạn đồng minh tự nhiên nhất của họ, là thịt của thịt họ, và nếu không có nông dân thì họ sẽ trở thành bất lực trước giai cấp quý tộc.

---

* «Có các ông Hiếc-kê và Han-xơ-man làm chứng». Han-xơ-man đại diện cho đảng của giai cấp đại tư sản trong nội các (ở Nga: Tơ-ru-bê-txơ-côi hoặc Rô-đi-tsép, v. v.). Hiếc-kê, bộ trưởng Bộ nông nghiệp trong nội các Han-xơ-man, đã đề ra dự án «táo bạo» định «hủy bỏ những đảm phụ phong kiến» mà dường như «không cần phải chuộc», nhưng thực ra thì dự án đó chỉ dự định hủy bỏ những thứ đảm phụ nhỏ nhặt, ít quan trọng mà duy trì hoặc bắt chuộc những thứ đảm phụ lớn. Ông Hiếc-kê là một cái gì như loại những ngài Ca-blu-cốp, Ma-nu-i-lốp, Ghéc-txen-stanh và những người bạn tự do chủ nghĩa tư sản khác như thế của người nông dân Nga, là bọn muốn «mở rộng quyền sở hữu ruộng đất của nông dân» mà lại không muốn làm thiệt hại đến bọn địa chủ.

Duy trì những đặc quyền phong kiến, thừa nhận những đặc quyền ấy dưới chiêu bài chuộc lại (một cách giả tạo), đó là kết quả của cuộc cách mạng Đức năm 1848. Thật là quả núi đẻ ra chuột nhắt»[135].

Đó là một đoạn nghị luận rất bổ ích, đưa đến cho chúng ta bốn nguyên lý quan trọng: 1) Cuộc cách mạng dở dang của nước Đức khác với cuộc cách mạng Pháp đã được hoàn thành, ở chỗ là giai cấp tư sản không những đã phản bội chủ nghĩa dân chủ nói chung, mà còn phản bội nông dân nói riêng nữa. 2) Cơ sở để thực hiện đầy đủ một cuộc cách mạng dân chủ là phải tạo ra một giai cấp nông dân tự do. 3) Tạo ra một giai cấp như vậy tức là hủy bỏ những đảm phụ phong kiến, tiêu diệt chế độ phong kiến, đó tuyệt nhiên chưa phải là cách mạng xã hội chủ nghĩa. 4) Nông dân là những bạn đồng minh «tự nhiên nhất» của giai cấp tư sản, tức là của giai cấp tư sản dân chủ, nếu không có họ thì giai cấp tư sản đó sẽ «bất lực» trước thế lực phản động.

Nếu thay đổi một cách tương ứng những đặc điểm dân tộc cụ thể và đem chế độ nông nô thay thế cho chế độ phong kiến, thì tất cả những nguyên lý đó hoàn toàn có thể ứng dụng vào nước Nga 1905. Chắc chắn rằng những bài học rút ra trong kinh nghiệm Đức, do Mác đã làm sáng tỏ, không thể dẫn chúng ta đến một khẩu hiệu nào khác để làm cho cách mạng đạt tới thắng lợi quyết định, ngoài khẩu hiệu: chuyên chính dân chủ cách mạng của giai cấp vô sản và nông dân. Chắc chắn rằng những thành phần chủ yếu của «nhân dân» mà năm 1848 Mác đem đối lập với thế lực phản động chống đối và với giai cấp tư sản phản trắc, là giai cấp vô sản và nông dân. Chắc chắn rằng ở nước Nga chúng ta cũng vậy, phái tư sản tự do và các ngài thuộc nhóm «Giải phóng»[136] đang phản bội và sẽ phản bội nông dân, nghĩa là chúng sẽ đưa ra một cuộc cải cách giả mạo cho xong chuyện, chúng sẽ đứng về phía bọn địa chủ trong cuộc đấu tranh quyết liệt giữa bọn này với nông dân. Chỉ có giai cấp vô sản mới có thể triệt để ủng hộ nông dân trong cuộc đấu tranh này. Cuối cùng, chắc chắn rằng ở nước Nga chúng ta cũng vậy, thành công của cuộc đấu tranh của nông dân, tức là việc chuyển toàn bộ ruộng đất về tay nông dân, sẽ có nghĩa là một cuộc cách mạng dân chủ hoàn toàn, vì đó là hậu thuẫn xã hội của cuộc cách mạng được tiến hành đến cùng, nhưng tuyệt nhiên đó chưa phải là cách mạng xã hội chủ nghĩa, cũng không phải là «sự xã hội hóa» mà các nhà tư tưởng của giai cấp tiểu tư sản, những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng[137] hằng nói đến. Cuộc khởi nghĩa của nông dân thành công, cuộc cách mạng dân chủ thắng lợi chỉ có dọn đường cho một cuộc đấu tranh thật sự

và kiên quyết cho chủ nghĩa xã hội, trên cơ sở chế độ cộng hòa dân chủ. Nông dân, với tư cách là giai cấp những người sở hữu ruộng đất, sẽ giữ trong cuộc đấu tranh này cũng một vai trò phản bội và do dự như giai cấp tư sản hiện nay trong cuộc đấu tranh cho chế độ dân chủ. Quên điều đó, tức là quên chủ nghĩa xã hội, tự lừa dối mình và lừa dối những kẻ khác trên vấn đề lợi ích và nhiệm vụ chân chính của giai cấp vô sản.

Muốn không thiếu sót trong khi trình bày những quan điểm của Mác năm 1848, thì cần phải nêu lên một nét khác nhau căn bản giữa Đảng dân chủ - xã hội Đức hồi bấy giờ (hay đảng cộng sản của giai cấp vô sản, nếu muốn nói theo danh từ thời ấy) với Đảng dân chủ - xã hội Nga ngày nay. Chúng ta hãy nhường lời cho Mê-rinh nói:

««Báo Rê-na-ni mới» bước lên vũ đài chính trị với tư cách là một «cơ quan ngôn luận của phái dân chủ». Không thể không nhìn thấy cái tư tưởng đang quán triệt trong tất cả các bài của nó. Nhưng, về mặt trực tiếp thì nó lại bảo vệ lợi ích của cách mạng tư sản chống chế độ chuyên chế và chế độ phong kiến nhiều hơn là bảo vệ lợi ích của giai cấp vô sản chống lợi ích của giai cấp tư sản. Trong các cột báo của nó, người ta thấy nói rất ít tới phong trào công nhân riêng biệt trong thời kỳ cách mạng, mặc dầu không nên quên rằng bên cạnh nó có cơ quan ngôn luận đặc biệt của Hội liên hiệp công nhân Cô-lô-nhơ [138] xuất bản một tuần hai lần, và do Mô-lơ và Sáp-pơ biên tập. Dù sao chăng nữa, thì cái việc đập ngay vào mắt độc giả ngày nay cũng vẫn là: «Báo Rê-na-ni mới» ít quan tâm đến phong trào công nhân Đức trong thời kỳ đó, mặc dầu nhà hoạt động có khả năng nhất của phong trào ấy, Xtê-phan Boóc-nơ, vốn là học trò của Mác và Ăng-ghen ở Pa-ri và Bruy-xen và năm 1848 cũng đã từng làm phóng viên cho tờ báo của hai ông ở Béc-lanh. Boóc-nơ kể lại trong cuốn «Hồi ký» rằng Mác và Ăng-ghen chưa bao giờ đưa ra một lời nào tỏ ý không tán thành công tác cổ động trong công nhân của mình. Nhưng những lời tuyên bố về sau của Ăng-ghen làm cho người ta có thể đoán rằng ít ra thì Mác và Ăng-ghen cũng đã không được hài lòng về những phương pháp cổ động đó. Sự không hài lòng của Mác và Ăng-ghen là có căn cứ, chừng nào mà Boóc-nơ buộc phải nhượng bộ nhiều đối với ý thức giai cấp hãy còn hoàn toàn chưa phát triển của giai cấp vô sản trong đại bộ phận nước Đức, và những nhượng bộ này đều không đứng vững nổi trước sự phê phán theo quan điểm «Tuyên ngôn của Đảng cộng sản». Sự không hài lòng của Mác và Ăng-ghen là không có căn cứ, chừng nào mà Boóc-nơ vẫn có thể duy trì được ở một trình độ tương đối cao công tác cổ động do ông điều khiển...

Chắc chắn rằng về phương diện lịch sử và chính trị, Mác và Ăng-ghen đã có lý khi hai ông cho rằng lợi ích quan trọng nhất của giai cấp công nhân, trước tiên, là ở chỗ hết sức thúc đẩy cách mạng tư sản... Tuy nhiên, tháng Tư 1849, Mác và Ăng-ghen đã tán thành lập một tổ chức riêng của công nhân và quyết định tham gia đại hội công nhân, chủ yếu do vô sản miền Đông sông En-bơ (xứ Đông Phổ) triệu tập, — sự thật ấy là một bằng chứng đặc sắc tỏ ra rằng bản năng sơ thiểu của phong trào công nhân cũng đã có khả năng uốn nắn những quan niệm của các nhà tư tưởng vĩ đại nhất như thế nào».

Như vậy, chỉ đến tháng Tư 1849, sau khi xuất bản khoảng một năm một tờ báo cách mạng («Báo Rê-na-ni mới» bắt đầu ra ngày 1 tháng Sáu 1848) thì Mác và Ăng-ghen mới tán thành một tổ chức công nhân riêng! Cho đến lúc đó, hai ông chỉ điều khiển một «cơ quan ngôn luận của phái dân chủ» không có liên hệ nào về tổ chức với một đảng công nhân độc lập! Sự việc đó — một sự việc quái gở và không thể tưởng tượng được đó theo quan điểm của chúng ta ngày nay — đã chỉ cho chúng ta thấy rõ rằng giữa Đảng công nhân dân chủ - xã hội Đức hồi bấy giờ với Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga ngày nay có sự khác nhau to lớn như thế nào. Sự việc đó chỉ cho chúng ta thấy những đặc điểm vô sản của phong trào, tức là trào lưu vô sản, ít được biểu hiện biết bao trong cách mạng dân chủ Đức (vì năm 1848 Đức còn lạc hậu cả về mặt kinh tế lẫn về mặt chính trị — do quốc gia bị phân tán tản mạn). Không nên quên điểm đó (như Plê-kha-nốp chẳng hạn đã quên điều này) khi đánh giá lời Mác đã tuyên bố nhiều lần, trong thời kỳ đó và ít lâu sau, về sự cần thiết phải tổ chức một đảng độc lập của giai cấp vô sản. Phải đợi gần một năm sau khi rút được kinh nghiệm của cuộc cách mạng dân chủ, Mác mới có thể đi đến kết luận thực tiễn đó vì toàn bộ không khí ở Đức thời ấy đầy dẫy tính chất tiểu thị dân và tiểu tư sản biết chừng nào. Đối với chúng ta, kết luận ấy là thành quả vững chắc đã đạt được từ lâu rồi của một nửa thế kỷ kinh nghiệm của phong trào dân chủ - xã hội quốc tế, thành quả mà chúng ta đã căn cứ vào để *bắt đầu* tổ chức ra Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Ở ta, không thể, chẳng hạn, nói tới việc báo chí cách mạng của giai cấp vô sản có thể đứng ngoại lề đảng dân chủ - xã hội của giai cấp vô sản được, không thể nói tới việc những báo chí đó có thể, dù trong một phút, chỉ hoạt động với tư cách là «cơ quan ngôn luận của phái dân chủ».

Nhưng sự đối lập trước kia chỉ mới bắt đầu lộ ra giữa Mác và Xtê-phan Boóc-nơ thôi, thì ngày nay lại đang tồn tại trong chúng ta dưới

một hình thức càng phát triển hơn, nhất là khi trào lưu vô sản càng tỏ ra mạnh hơn trong làn sóng dân chủ của cuộc cách mạng của chúng ta. Khi nói đến việc Mác và Ăng-ghen có thể không được hài lòng về công tác cổ động của Xtê-phan Boóc-nơ, Mê-rinh đã nói những lời quá nhẹ nhàng và quanh co. Hãy xem một đoạn văn mà Ăng-ghen viết về Boóc-nơ năm 1885 (trong lời tựa cuốn «Enthüllungen über den Kommunistenprozeß zu Köln». Zürich. 1885 *).

Những hội viên của Đồng minh những người cộng sản chỗ nào cũng đứng đầu phong trào cực kỳ dân chủ, như vậy chứng tỏ rằng Đồng minh là một trường hoạt động cách mạng rất tốt. «Người thợ sắp chữ Xtê-phan Boóc-nơ, một đoàn viên tích cực của Đồng minh ở Bruy-xen và ở Pa-ri đã lập ra ở Béc-lanh một «hội ái hữu công nhân» («Arbeiterverbrüderung»), hội này phát triển khá rộng và tồn tại cho đến năm 1850. Nhưng Boóc-nơ, người thanh niên có tài đó, đã quá vội xuất hiện với tư cách là nhà hoạt động chính trị. Anh ta đã «làm thân» với một mớ các phần tử hỗn tạp (Kreti und Plethi) với mục đích duy nhất là tập hợp một đám người xung quanh mình. Anh tuyệt nhiên không phải thuộc hạng người biết thống nhất những xu hướng đối lập và soi sáng chỗ hỗn độn. Bởi vậy trong những sách báo chính thức của hội ái hữu của anh, người ta thường xuyên thấy một sự hỗn độn, trộn lẫn những quan điểm bản «Tuyên ngôn của Đảng cộng sản» với những hồi ức và thỉnh cầu theo lối phường hội, với những mẩu quan điểm mượn của Lu-i Blăng và của Pru-đông, với lập trường bảo vệ chính sách bảo hộ thuế quan, v. v., tóm lại, họ muốn làm vừa lòng mọi người (Allen alles sein). *Họ đặc biệt chú trọng tổ chức các cuộc bãi công, các công đoàn, các hợp tác xã sản xuất, quên mất rằng nhiệm vụ trước hết là phải thông qua thắng lợi về chính trị để trước nhất giành lấy trường hoạt động* mà chỉ trên đó thì những điều đó mới có thể thực hiện được một cách vững vàng và chắc chắn (do chúng tôi viết ngả). Và khi những thắng lợi của thế lực phản động làm cho các thủ lĩnh của hội ái hữu đó cảm thấy là cần phải trực tiếp tham gia đấu tranh cách mạng, thì lẽ tự nhiên, đám quần chúng kém giác ngộ, tập hợp chung quanh họ, liền rời bỏ họ. Boóc-nơ tham gia cuộc khởi nghĩa ở Đrét-đen, tháng Năm 1849, và chỉ may mắn mới thoát chết. Còn hội ái hữu công nhân thì vẫn tồn tại tách khỏi phong trào chính trị to lớn của giai cấp vô sản, thành một

---

* «Sự thật về vụ án những người cộng sản ở Cô-lô-nhơ». Duy-rích, 1885. *BT.*

đoàn thể riêng biệt, tồn tại phần lớn là trên giấy tờ và đóng một vai trò quá ư thứ yếu đến nỗi phe phản động mãi đến năm 1850 mới xét thấy cần phải đóng cửa nó, và mãi nhiều năm sau mới đóng cửa các chi nhánh của nó. Boóc-nơ (mà họ thật của Boóc-nơ là Buttermilch)* đã không trở thành một nhà hoạt động chính trị, anh ta trở thành một nhà giáo nhỏ ở Thụy-sĩ hiện nay không phiên dịch Mác ra thứ tiếng phường hội nữa, mà là phiên dịch nhà văn Rơ-năng ôn hòa ra một thứ tiếng Đức ngọt xớt»[140].

Đấy, Ăng-ghen đã đánh giá hai sách lược của đảng dân chủ - xã hội trong cách mạng dân chủ như thế đấy!

Phái «Tia lửa» mới của chúng ta cũng vậy, họ đang nghiêng về «chủ nghĩa kinh tế» một cách quá nhiệt tâm và ít có lý trí cho nên họ được phái tư sản quân chủ ngợi khen về «sự tỉnh ngộ» của họ. Họ cũng tập hợp được chung quanh họ đám công chúng hỗn tạp, bằng cách tâng bốc «phái kinh tế», dùng những khẩu hiệu «tính tự động», «chủ nghĩa dân chủ», «tự trị», v. v., v. v., để mị dân lôi kéo quần chúng lạc hậu. Các nghiệp đoàn công nhân của họ thường thường cũng chỉ tồn tại trên những trang báo của tờ «Tia lửa» mới theo kiểu Khle-xta-cốp[141] mà thôi. Các khẩu hiệu và nghị quyết của họ đều chứng tỏ rằng họ cũng không hiểu gì về nhiệm vụ của «cuộc vận động chính trị to lớn của giai cấp vô sản».

Viết xong vào tháng Sáu - tháng Bảy 1905 — Toàn tập, t. 11

---

* Khi dịch Ăng-ghen, tôi có phạm về điểm này một sai lầm trong lần xuất bản thứ nhất, vì đã cho tiếng Buttermilch (sữa chua. *BT.*) là một danh từ chung, chứ không phải là danh từ riêng. Lầm lẫn ấy dĩ nhiên đã làm cho phái men-sê-vích rất khoái trí. Côn-txốp viết rằng tôi «đã làm sâu sắc thêm Ăng-ghen» (in lại trong tập «Trong hai năm»); ngày nay, Plê-kha-nốp còn nhắc lại sai lầm ấy trong báo «Đồng chí»[139]. Tóm lại, người ta đã tìm thấy *một cớ rất tốt lẩn tránh vấn đề hai xu hướng trong phong trào công nhân* năm 1848 ở Đức; xu hướng Boóc-nơ (cũng bà con thân thuộc với «phái kinh tế» của chúng ta) và xu hướng mác-xít. Lẽ tự nhiên là người ta lợi dụng sai lầm của đối phương dầu cho vấn đề chỉ là cái tên của Boóc-nơ. Nhưng mượn cớ sửa lại sai lầm trong bản dịch để lẩn tránh thực chất của vấn đề hai sách lược, như thế thực ra là bỏ cuộc vậy. (Chú thích của tác giả cho lần xuất bản năm 1907. *BT.*)

CHIẾN TRANH DU KÍCH

Đảng ta và quần chúng công nhân rất chú ý đến vấn đề hoạt động du kích. Chúng tôi đã nhiều lần nói lướt qua vấn đề này, và bây giờ chúng tôi có ý định, như đã hứa trước, trình bày quan điểm của chúng tôi một cách hoàn chỉnh hơn *.

I

Xin khởi sự từ đầu. Khi xét vấn đề hình thức đấu tranh, thì mọi người mác-xít đều phải đề ra những yêu cầu cơ bản gì? Thứ nhất, chủ nghĩa Mác khác với tất cả những hình thức nguyên thủy của chủ nghĩa xã hội ở chỗ là nó không gắn chặt phong trào vào một hình thức đấu tranh duy nhất nhất định nào cả. Nó thừa nhận những hình thức đấu tranh khác nhau nhất và không «bịa đặt» ra những hình thức đó, mà nó chỉ khái quát, tổ chức, làm cho trở thành tự giác những hình thức đấu tranh của các giai cấp cách mạng đang xuất hiện một cách tự phát trong tiến trình của phong trào. Hoàn toàn thù địch với mọi công thức trừu tượng, mọi lời chỉ dẫn giáo điều, chủ nghĩa Mác đòi hỏi phải chú ý đến cuộc đấu tranh *quần chúng* đang diễn ra, tức là cuộc đấu tranh càng luôn luôn đề ra nhiều phương pháp mới và hết sức khác nhau về phòng ngự và tấn công, khi mà phong trào càng phát triển, trình độ giác ngộ của quần chúng càng tăng và những cuộc khủng hoảng về kinh tế và chính trị càng gay gắt. Vì vậy, chủ nghĩa Mác tuyệt đối không từ chối bất cứ một hình thức đấu tranh nào. Không bao giờ nó lại tự hạn chế ở những hình thức đấu tranh có thể có và đang tồn tại chỉ trong một lúc nào đó; nó thừa nhận rằng, khi tình hình xã

---

* Xem V. I. Lê-nin. «Những sự kiện hiện nay» (Toàn tập, t. 13). *BT*.

hội thay đổi thì ***tất nhiên*** sẽ xuất hiện những hình thức đấu tranh mới mà những người hoạt động trong thời kỳ đó chưa hề biết đến. Về phương diện đó, chủ nghĩa Mác đã *học tập*, có thể nói là ở thực tiễn của quần chúng; nó không hề có tham vọng *dạy* quần chúng những hình thức đấu tranh mà «các chuyên gia thích hệ thống» ngồi trong phòng giấy nặn ra. Chẳng hạn Cau-xky, khi xem xét những hình thức của cách mạng xã hội, đã nói là chúng ta biết rằng cuộc khủng hoảng sắp tới sẽ đem lại cho ta những hình thức đấu tranh mới mà hiện nay chúng ta không thể lường trước được.

Thứ hai, chủ nghĩa Mác đòi hỏi nhất định phải có quan điểm *lịch sử* khi xét vấn đề hình thức đấu tranh. Đặt vấn đề đó ra mà không xét đến hoàn cảnh lịch sử cụ thể, tức là không hiểu những điều sơ đẳng về chủ nghĩa duy vật biện chứng. Trong những thời kỳ khác nhau của sự tiến triển kinh tế, tùy những điều kiện khác nhau về chính trị, văn hóa dân tộc, sinh hoạt v. v., mà những hình thức đấu tranh này khác nổi lên hàng đầu, trở thành những hình thức đấu tranh chủ yếu; do đó, đến lượt mình, những hình thức đấu tranh thứ yếu, phụ cũng biến đổi theo. Không xem xét tỉ mỉ hoàn cảnh cụ thể của một phong trào nhất định, trong giai đoạn phát triển nhất định của nó, mà cứ muốn thừa nhận hoặc phủ nhận một phương thức đấu tranh nhất định, như vậy là hoàn toàn rời bỏ lập trường mác-xít.

Đó là hai nguyên tắc lý luận cơ bản mà chúng ta phải tuân theo. Lịch sử chủ nghĩa Mác ở Tây Âu đã cho chúng ta vô số thí dụ chứng minh những điều đã nói trên. Hiện nay phái dân chủ - xã hội châu Âu đều coi chế độ đại nghị và phong trào công đoàn là những hình thức đấu tranh chủ yếu; trước kia, phái đó đã thừa nhận hình thức khởi nghĩa và lại hoàn toàn sẵn sàng thừa nhận hình thức đó sau này khi tình hình thay đổi, — trái với ý kiến của phái tư sản tự do, thuộc loại như bọn dân chủ - lập hiến[142] Nga và phái «Vô đề»[143]. Trong thời kỳ 1870 - 1880, phái dân chủ - xã hội không thừa nhận hình thức tổng bãi công là một linh đan đối với xã hội, là một phương pháp lật đổ ngay tức khắc giai cấp tư sản bằng một con đường phi chính trị, nhưng phái dân chủ - xã hội hoàn toàn thừa nhận hình thức bãi công chính trị của quần chúng (nhất là sau khi đã có kinh nghiệm ở Nga hồi 1905) là *một* trong những phương thức đấu tranh cần thiết trong những điều kiện ***nhất định***. Phái dân chủ - xã hội thừa nhận những hình thức chiến đấu bằng chướng ngại vật ở đường phố hồi 1840 - 1850; đến cuối thế kỷ thứ XIX, vì những hoàn cảnh nhất định, nên họ đã phủ nhận hình

thức đấu tranh đó; và sau khi đã có kinh nghiệm Mát-xcơ-va rồi, kinh nghiệm mà theo lời Cau-xky nói, đã tạo ra một chiến thuật mới là chiến đấu bằng chướng ngại vật, thì phái dân chủ - xã hội lại tỏ ra hoàn toàn sẵn sàng xét lại quan điểm nói trên và lại sẵn sàng thừa nhận hình thức chiến đấu bằng chướng ngại vật là thích đáng.

II

Chúng ta đã xác định những nguyên lý chung của chủ nghĩa Mác, bây giờ chúng ta nói đến cách mạng Nga. Chúng ta hãy nhớ lại tiến trình lịch sử của những hình thức đấu tranh mà cuộc cách mạng ấy đã sản sinh ra. Thoạt đầu là những cuộc bãi công kinh tế của công nhân (1896 - 1900), rồi đến những cuộc biểu tình chính trị của công nhân và sinh viên (1901 - 1902), những cuộc nổi dậy của nông dân (1902), những cuộc bãi công chính trị đầu tiên của quần chúng phối hợp dưới nhiều hình thức với các cuộc biểu tình (như ở Rô-xtốp năm 1902, những cuộc bãi công mùa hè 1903, ngày 9 tháng Giêng 1905), cuộc tổng bãi công chính trị quy mô toàn quốc với những hình thức chiến đấu bằng chướng ngại vật ở một số nơi (tháng Mười 1905), hình thức chiến đấu bằng chướng ngại vật được áp dụng phổ biến cùng với hình thức khởi nghĩa vũ trang (tháng Chạp 1905), đấu tranh hòa bình ở nghị viện (tháng Tư - tháng Sáu 1906), những cuộc khởi nghĩa cục bộ trong quân đội (tháng Sáu 1905 - tháng Bảy 1906), những cuộc khởi nghĩa cục bộ của nông dân (mùa thu 1905 - mùa thu 1906).

Đứng về phương diện hình thức đấu tranh nói chung mà xét thì tình hình đến mùa thu 1906 là như vậy. Hình thức đấu tranh «trả miếng» của chế độ chuyên chế là những cuộc tàn sát do bọn Trăm đen tổ chức, từ vụ Ki-si-nép hồi mùa xuân 1903 cho đến vụ Xết-lê-txơ hồi mùa thu 1906[144]. Trong suốt cả thời kỳ đó, việc bọn Trăm đen tổ chức những cuộc tàn sát và đánh đập những người Do-thái, sinh viên, những người làm cách mạng và công nhân giác ngộ, đã phát triển không ngừng, ngày càng tinh xảo hơn, kết hợp những hành động bạo ngược của bọn bị mua chuộc với những hành động bạo ngược của quân đội Trăm đen, thậm chí dùng cả đến pháo binh trong các làng mạc và thành thị phối hợp với sự điều động những đội quân đàn áp và các đoàn xe lửa đàn áp, v. v..

Bối cảnh chính của tình hình là như vậy. Trên bối cảnh đó, nổi lên rõ cái hiện tượng mà bài này nghiên cứu và nhận xét, — hiện tượng đó

đương nhiên chỉ là một cái gì cục bộ, thứ yếu và phụ. Hiện tượng đó là gì? hình thức của hiện tượng đó là gì? nguyên nhân phát sinh ra hiện tượng đó là gì? nó đã xuất hiện lúc nào và đã lan rộng đến mức độ nào? ý nghĩa của nó trong tiến trình chung của cách mạng như thế nào? nó có những quan hệ gì với cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân do đảng dân chủ - xã hội tổ chức và lãnh đạo? Đó là những vấn đề mà hiện nay chúng ta phải đề cập đến sau khi đã mô tả bối cảnh chung của tình hình.

Hiện tượng mà chúng ta đang quan tâm là cuộc đấu tranh *vũ trang*. Cuộc đấu tranh đó là do những cá nhân và những nhóm nhỏ tiến hành. Trong số những cá nhân và những nhóm đó, có bộ phận thì thuộc những tổ chức cách mạng, có bộ phận (và phần *lớn* trong một số địa phương của nước Nga) thì lại không thuộc một tổ chức cách mạng nào cả. Cuộc đấu tranh vũ trang nhằm hai mục đích *khác nhau*, mà chúng ta cần phải phân biệt *thật rõ ràng*: thứ nhất, cuộc đấu tranh đó nhằm mục đích thủ tiêu những cá nhân riêng lẻ như những tên chỉ huy và nhân viên trong cảnh sát và quân đội; thứ hai, nhằm tịch thu tiền bạc của chính phủ lẫn của tư nhân. Những số tiền đã tịch thu được, một phần dùng vào những nhu cầu của đảng, một phần dùng đặc biệt để mua vũ khí và chuẩn bị khởi nghĩa, còn một phần dùng nuôi các chiến sĩ đang tiến hành cuộc đấu tranh đó. Những khoản tước đoạt lớn (như khoản tước đoạt ở Cáp-ca-dơ được hơn 200 000 rúp, ở Mát-xcơ-va được 875 000 rúp), trước hết chính là đã dùng vào những nhu cầu của các đảng cách mạng; còn những món tước đoạt nhỏ thì trước hết và đôi khi chỉ toàn dùng để nuôi sống «những người đi tước đoạt». Có một sự thật là hình thức đấu tranh này chỉ phát triển và phổ biến rộng rãi vào năm 1906, nghĩa là sau cuộc khởi nghĩa tháng Chạp. Cuộc khủng hoảng chính trị trầm trọng đến chỗ biến thành cuộc đấu tranh vũ trang, và nhất là cảnh nghèo khổ, đói rét và thất nghiệp trong nông thôn và thành thị càng trầm trọng thêm, đó là những nguyên nhân quan trọng trong số những nguyên nhân đã gây ra cuộc đấu tranh đó. Hình thức đấu tranh xã hội đó là hình thức mà những phần tử lang thang không nghề nghiệp, những phần tử lưu manh và những nhóm vô chính phủ chủ nghĩa thường thích dùng và thậm chí *chuyên* dùng. Về các hình thức đấu tranh «trả miếng» của chế độ chuyên chế, ta có thể kể: thiết quân luật, động viên tân binh, những vụ tàn sát của bọn Trăm đen (Xết-lê-txơ) và những tòa án quân sự.

III

Thường thường thì người ta nhận định cuộc đấu tranh đó như sau: đó là chủ nghĩa vô chính phủ, chủ nghĩa Blăng-ki [145], đó là dùng trở lại thủ đoạn khủng bố; đó là những hành động của những cá nhân thoát ly quần chúng, làm bại hoại tinh thần của công nhân, làm cho các tầng lớp rộng rãi trong nhân dân mất cảm tình với công nhân, làm tan rã phong trào và làm tổn hại đến cách mạng. Qua các sự biến thuật lại trên báo chí hàng ngày, chúng ta rất dễ tìm thấy những thí dụ xác nhận sự nhận định đó.

Nhưng những thí dụ đó có tin được không? Để kiểm tra điều đó, chúng ta hãy xét một vùng mà hình thức đấu tranh nói trên phát triển *cao nhất*: xứ Lát-vi-a. Đây là những lời mà tờ «Thời mới» [146] (ngày 9 và 12 tháng Chín) đã phàn nàn về hoạt động của đảng dân chủ - xã hội Lát-vi-a. Đảng công nhân dân chủ - xã hội Lát-vi-a (một bộ phận của đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga) phát hành tờ báo của mình [147] thường xuyên mỗi kỳ 30 000 số. Trong mục thông báo, tờ báo đó đưa ra những danh sách bọn gián điệp mà bất cứ một người lương thiện nào cũng đều có nghĩa vụ phải tiêu diệt. Những kẻ hợp tác với cảnh sát đều bị tuyên bố là «kẻ thù của cách mạng» và đáng phải xử tử, ngoài ra toàn bộ tài sản của chúng còn bị tịch thu nữa. Người ta yêu cầu nhân dân chỉ nộp tiền cho đảng dân chủ - xã hội khi nào có biên lai đóng dấu của tổ chức. Trong bản báo cáo vừa qua của đảng, trong số 48 000 rúp thu nhập trong năm thì có 5 600 rúp của chi bộ Li-ba-va nộp để mua vũ khí, số tiền đó là tiền đã tước đoạt được. — Đương nhiên là tờ «Thời mới» đã gào thét chống lại «pháp chế cách mạng» đó, chống lại «chính phủ đáng sợ» đó.

Không ai dám gọi hoạt động đó của những người dân chủ - xã hội Lát-vi-a là chủ nghĩa vô chính phủ, là chủ nghĩa Blăng-ki, là chủ trương khủng bố cả. Vì sao vậy? Vì rằng ở đây, người ta thấy *rõ* mối liên hệ giữa hình thức đấu tranh mới với cuộc khởi nghĩa đã nổ ra hồi tháng Chạp, cũng như với cuộc khởi nghĩa sắp nổ ra. Đối với toàn thể nước Nga, mối liên hệ đó chưa được rõ ràng như thế, nhưng nó vẫn tồn tại. Không thể nghi ngờ gì nữa, cuộc đấu tranh «du kích» đã được mở rộng chính là từ tháng Chạp, và có liên quan với tình trạng ngày càng trầm trọng của cuộc khủng hoảng không những về kinh tế mà cả về chính trị nữa. Chủ trương khủng bố trước kia ở Nga là do những người trí thức âm mưu tiến hành; hiện nay, cuộc đấu tranh du kích

thường thường là do những chiến sĩ công nhân hay là do những công nhân thất nghiệp tiến hành. Những kẻ sính dùng những lời sáo rỗng thì nghĩ ngay đến chủ nghĩa Blăng-ki và chủ nghĩa vô chính phủ, nhưng trong một tình hình khởi nghĩa biểu hiện rõ ràng như vậy ở Lát-vi-a thì những danh từ được học thuộc lòng đó hiển nhiên là không thích hợp.

Căn cứ vào những thí dụ đó ở Lát-vi-a thì thấy rõ là việc chúng ta rất thường quen phân tích chiến tranh du kích mà lại tách rời khỏi tình hình khởi nghĩa, như vậy thì thật là hoàn toàn sai lầm, không khoa học và không có quan điểm lịch sử. Cần phải chú ý đến tình hình đó, phải nghĩ đến những đặc điểm của một thời kỳ ở giữa những cuộc tấn công lớn của khởi nghĩa, phải hiểu rằng trong tình hình như thế thì nhất định sẽ sinh ra những hình thức đấu tranh nào, và không nên chỉ nói cho xong chuyện bằng những danh từ thuộc lòng được chọn sẵn, mà bọn dân chủ - lập hiến cũng như nhóm «Thời mới» vẫn thường dùng như: chủ nghĩa vô chính phủ, hành động cướp bóc, hành động lưu manh!

Người ta bảo rằng những hoạt động du kích phá hoại công tác của chúng ta. Chúng ta hãy áp dụng lập luận đó vào tình hình đã diễn ra sau tháng Chạp 1905, vào thời kỳ những cuộc tàn sát của bọn Trăm đen và lệnh thiết quân luật. Trong thời kỳ *như thế* cái gì đã phá hoại phong trào nhiều hơn: ngồi im không kháng cự hay đấu tranh du kích có tổ chức? Các đồng chí hãy so sánh miền trung nước Nga với các vùng biên khu ở phía Tây, như Ba-lan và Lát-vi-a, mà xem. Rõ ràng là ở các vùng biên khu phía Tây thì cuộc chiến tranh du kích được mở rộng hơn và phát triển hơn. Và cũng rõ ràng là phong trào cách mạng nói chung và phong trào dân chủ - xã hội nói riêng đã *bị phá hoại* ở miền trung nước Nga *nhiều hơn* là trong các vùng biên khu phía Tây nước Nga. Tất nhiên không phải vì thế mà chúng ta lại có ý kết luận rằng *nhờ có* chiến tranh du kích mà phong trào dân chủ - xã hội ở Ba-lan và ở Lát-vi-a ít bị phá hoại hơn. Không phải thế. Chúng ta chỉ nên kết luận rằng chiến tranh du kích không có tội gì về việc phong trào công nhân dân chủ - xã hội ở Nga bị phá hoại hồi 1906.

Người ta thường hay viện cớ tính đặc thù của những điều kiện dân tộc. Nhưng viện cớ như thế chỉ làm cho chỗ yếu của cái lý lẽ đang thịnh hành lộ ra đặc biệt rõ ràng mà thôi. Nếu quả vấn đề là ở những điều kiện dân tộc, thì tức là vấn đề không phải ở chủ nghĩa vô chính phủ, chủ nghĩa Blăng-ki, chủ nghĩa khủng bố — tức là những tật xấu

của toàn bộ đế quốc Nga và thậm chí chỉ riêng của nước Nga thôi — mà ở chỗ khác. Thưa các ngài, các ngài hãy xem xét chỗ khác đó *một cách cụ thể*! Khi đó, các ngài sẽ thấy rằng ách áp bức dân tộc hoặc những đối kháng dân tộc không giải thích được gì hết, vì những cái đó vẫn luôn luôn tồn tại trong các vùng biên khu phía Tây, còn đấu tranh du kích thì chỉ mới xuất hiện trong thời kỳ lịch sử hiện nay mà thôi. Có nhiều vùng, trong đó vẫn còn áp bức và đối kháng dân tộc, nhưng không hề thấy có đấu tranh du kích và đôi khi đấu tranh du kích lại phát triển ở ngay những vùng không có áp bức dân tộc. Phân tích cụ thể vấn đề đó thì sẽ thấy rằng vấn đề ở đây không phải là áp bức dân tộc, mà lại là những điều kiện để khởi nghĩa. Đấu tranh du kích là một hình thức tất nhiên không thể tránh khỏi trong thời kỳ mà phong trào quần chúng đã thực sự đi tới bước khởi nghĩa, mà có những khoảng thời gian cách nhau tương đối dài giữa những «trận đánh lớn» của cuộc nội chiến.

Phong trào bị phá hoại thì không phải là do hoạt động du kích, mà là do đảng còn non yếu không có khả năng *nắm lấy* những hoạt động đó. Cho nên những lời nguyền rủa mà ở nước ta người Nga chúng ta thường hay đổ lên đầu hoạt động du kích, thì xảy ra song song với những hoạt động du kích bí mật, ngẫu nhiên, vô tổ chức đã thực sự phá hoại đảng. Nếu không hiểu nổi những hoàn cảnh lịch sử đã làm nảy sinh ra cuộc đấu tranh đó, thì chúng ta cũng không thể trừ bỏ được những mặt xấu của nó. Nhưng dù sao thì cuộc đấu tranh vẫn cứ diễn ra. Cuộc đấu tranh đó là do những nguyên nhân kinh tế và chính trị mạnh mẽ gây nên. Chúng ta không có khả năng thủ tiêu được những nguyên nhân đó và thủ tiêu được cuộc đấu tranh đó. Khi chúng ta than phiền về cuộc chiến tranh du kích thì tức là chúng ta than phiền về sự non yếu của đảng ta trong công cuộc khởi nghĩa.

Điều mà chúng tôi nói về sự phá hoại tổ chức thì cũng có thể dùng để nói về việc làm bại hoại tinh thần. Tinh thần bị bại hoại không phải do chiến tranh du kích, mà là do *tình trạng không có tổ chức*, tính chất vô trật tự, tính chất không đảng của các hoạt động du kích. Cứ oán trách và nguyền rủa hoạt động du kích, thì chúng ta không thể nào thoát khỏi tình trạng bại hoại tinh thần *hoàn toàn hiển nhiên* đó, vì những lời oán trách và nguyền rủa đó hoàn toàn không thể ngăn chặn được một hiện tượng do những nguyên nhân sâu xa về kinh tế và chính trị gây ra. Có người sẽ cãi lại rằng: nếu như chúng ta không có khả năng ngăn chặn được một hiện tượng không bình thường và làm bại hoại tinh thần thì đó cũng không phải là một lý do để cho *đảng* chuyển sang

dùng những phương pháp đấu tranh không bình thường và làm bại hoại tinh thần. Nhưng lời phản đối đó là của một anh tư sản tự do chủ nghĩa thuần túy chứ không phải là của một người mác-xít, vì một người mác-xít không thể coi, *một cách chung chung*, cuộc nội chiến hoặc chiến tranh du kích, tức là một trong những hình thức của nội chiến, là một hiện tượng không bình thường và làm bại hoại tinh thần được. Người mác-xít đứng trên lập trường đấu tranh giai cấp, chứ không phải đứng trên lập trường hòa bình xã hội. Trong những thời kỳ nhất định của những cuộc khủng hoảng kinh tế và chính trị gay gắt, cuộc đấu tranh giai cấp sẽ phát triển thành một cuộc nội chiến thật sự, nghĩa là thành một cuộc đấu tranh vũ trang giữa hai bộ phận trong nhân dân. Trong những thời kỳ như thế thì người mác-xít *có trách nhiệm* đứng về quan điểm nội chiến. Chủ nghĩa Mác hoàn toàn không thừa nhận bất cứ sự buộc tội nào về mặt đạo lý đối với cuộc nội chiến đó.

Trong thời kỳ nội chiến, đảng lý tưởng của giai cấp vô sản là một *đảng tham chiến*. Điều đó tuyệt nhiên không thể chối cãi được. Chúng ta hoàn toàn thừa nhận rằng đứng về quan điểm nội chiến mà xét thì người ta có thể chứng minh và sẽ chứng minh được rằng một hình thức nội chiến nào đó, trong một lúc nào đó, *là không thích hợp*. Chúng ta hoàn toàn thừa nhận sự phê bình các loại hình thức nội chiến, xem những hình thức ấy có *thích hợp về mặt quân sự* hay không, và chúng ta hoàn toàn đồng ý rằng trong vấn đề *đó* thì tiếng nói quyết định phải là tiếng nói của những người công tác thực tiễn của đảng dân chủ - xã hội trong từng địa phương khác nhau. Nhưng căn cứ vào nguyên tắc của chủ nghĩa Mác, chúng ta tuyệt đối yêu cầu đừng có dùng những lời nói khuôn sáo và nhàm tai về chủ nghĩa vô chính phủ, chủ nghĩa Blăng-ki và chủ trương khủng bố để trốn tránh không phân tích những điều kiện của nội chiến, và yêu cầu đừng có đem những biện pháp vô lý, mà một tổ chức nào đó của Đảng xã hội Ba-lan[148] đã áp dụng trong một lúc nào đó trong việc hoạt động du kích, để dọa chúng ta khi phải quyết định xem nói chung, những người dân chủ - xã hội có nên trực tiếp tham gia cuộc chiến tranh du kích đó hay không.

Đối với những lời viện cớ cho rằng chiến tranh du kích phá hoại phong trào thì chúng ta phải nhận xét với một tinh thần phê phán. *Bất cứ* một hình thức đấu tranh mới *nào* mà bao hàm những nguy cơ mới và những sự hy sinh mới, thì đều nhất định sẽ «phá hoại» những tổ chức chưa được chuẩn bị để tiến hành hình thức đấu tranh mới đó. Những tiểu tổ tuyên truyền cũ của chúng ta đã bị phá hoại khi

chuyển sang công tác cổ động. Sau đó những ủy ban của chúng ta cũng đã bị phá hoại, khi phải chuyển sang tiến hành những cuộc biểu tình. Bất cứ một hoạt động quân sự nào trong bất cứ một cuộc chiến tranh nào cũng đều gây nên một sự phá hoại nhất định trong hàng ngũ những người chiến đấu. Nhưng quyết không thể vì thế mà kết luận rằng không nên chiến đấu. Chỉ nên kết luận rằng phải *học tập* chiến đấu. Chỉ có thế thôi.

Khi tôi thấy những người dân chủ - xã hội tự kiêu tự mãn nói rằng: chúng ta không phải là bọn vô chính phủ, không phải là bọn ăn cắp, cũng không phải là quân cướp bóc, chúng ta cao hơn tất cả bọn đó kia, chúng ta bác bỏ chiến tranh du kích, thì tôi tự hỏi: chẳng biết những người đó có hiểu họ đã nói gì không? Trong toàn quốc đang diễn ra những cuộc xung đột vũ trang và những cuộc chiến đấu giữa chính phủ của bọn Trăm đen với quần chúng. Đó là hiện tượng tuyệt đối không thể tránh được trên bước phát triển hiện nay của cách mạng. Nhân dân đã phản ứng lại hiện tượng đó một cách tự phát và không có tổ chức, — và chính vì thế mà rất thường phản ứng dưới những hình thức vụng về và *không tốt,* — cũng bằng những cuộc xung đột vũ trang và những trận tấn công có vũ trang. Tôi hiểu rằng vì tổ chức của chúng ta non yếu và thiếu chuẩn bị, nên tại một địa phương nào đó, trong một lúc nào đó, đảng chúng ta có thể không lãnh đạo cuộc đấu tranh tự phát *đó*. Tôi hiểu rằng vấn đề đó phải do những cán bộ công tác thực tiễn ở địa phương giải quyết, rằng cải tạo những tổ chức non yếu và chưa được chuẩn bị cũng không phải là một việc dễ dàng. Nhưng khi tôi nghe thấy một nhà lý luận hay một nhà chính luận của Đảng dân chủ - xã hội, đáng lẽ phải lấy làm buồn bực khi thấy tình trạng thiếu chuẩn bị đó thì lại lắp lại một cách tự cao tự mãn và dương dương tự đắc như anh chàng Nác-txít [149] những câu học thuộc lòng trong thời niên thiếu của họ về chủ nghĩa vô chính phủ, chủ nghĩa Blăng-ki, chủ trương khủng bố, thì tôi thật đau lòng thấy học thuyết cách mạng nhất trên thế giới đã bị làm nhục đến như thế.

Người ta nói: chiến tranh du kích làm cho giai cấp vô sản giác ngộ gần với những kẻ vô lại, những kẻ nghiện ngập bị sa đọa. Đúng thế. Nhưng từ đó chỉ có thể kết luận rằng đảng của giai cấp vô sản không bao giờ được coi chiến tranh du kích là một phương thức đấu tranh duy nhất hay thậm chí là phương thức đấu tranh chủ yếu; rằng phương thức đấu tranh đó phải phục tùng những phương thức đấu tranh khác; rằng nó phải thích ứng với những phương thức đấu tranh chủ yếu,

và nó phải được ảnh hưởng giáo dục và tổ chức của chủ nghĩa xã hội nâng lên thành một phương thức cao thượng. Nếu không có điều kiện *cuối cùng* đó thì trong xã hội tư sản *tất cả* những phương thức đấu tranh, không trừ một phương thức nào, đều làm cho giai cấp vô sản gần với đủ mọi tầng lớp phi vô sản, ở bên trên hoặc ở bên dưới giai cấp vô sản, và nếu bỏ mặc cho phát triển tự phát thì tất cả những phương thức đấu tranh đó đều mòn mỏi, bị biến chất và thoái hóa đi. Những cuộc bãi công, mà bị bỏ mặc cho phát triển tự phát, thì sẽ thoái hóa thành những «Alliances» — những thỏa hiệp giữa công nhân với chủ xưởng *chống lại* những người tiêu dùng. Nghị viện trở thành một nhà thổ, trong đó một bầy chính khách tư sản đem bán buôn và bán lẻ những «tự do của nhân dân», «chủ nghĩa tự do», «dân chủ», chủ nghĩa cộng hòa, chủ nghĩa chống giáo quyền, chủ nghĩa xã hội và những hàng thường dùng khác nữa. Báo chí thì thoái hóa thành mụ trùm nhà thổ có thể tiếp đón ai cũng được, thành một công cụ làm đồi bại quần chúng, nó phỉnh hót một cách bỉ ổi những bản năng thấp hèn của quần chúng, v. v. và v. v.. Đảng dân chủ - xã hội không có phương thức đấu tranh vạn năng nào khả dĩ dùng một bức vạn lý trường thành mà ngăn cách được giai cấp vô sản với các tầng lớp ở trên hay ở dưới nó một chút. Đảng dân chủ - xã hội, tùy từng thời kỳ mà dùng những phương thức đấu tranh khác nhau, bằng cách *luôn luôn* áp dụng những phương thức đấu tranh đó theo đúng những tư tưởng và phương pháp tổ chức đã được xác định *một cách chặt chẽ.**

---

* Người dân chủ - xã hội thường trách những người bôn-sê-vích là có thái độ nhẹ dạ và thiên vị đối với hoạt động du kích. Cho nên không phải là vô ích nếu nhắc lại rằng trong bản dự án nghị quyết về hoạt động du kích (trên tờ «Tin tức của Đảng», số 2 và bản báo cáo của Lê-nin về đại hội[150]) một *bộ phận* những người bôn-sê-vích ủng hộ hoạt động du kích đã thừa nhận hoạt động đó với những điều kiện sau đây: tuyệt đối cấm không được «tước đoạt» tài sản tư nhân và cũng không khuyến khích «tước đoạt» tài sản nhà nước mà chỉ *được làm như vậy* trong trường hợp có sự kiểm soát của đảng và đem tài sản đó dùng *vào các nhu cầu của khởi nghĩa.* Những hoạt động du kích dưới hình thức khủng bố được *khuyến khích* để chống lại những tên ác ôn của chính quyền và chống lại những phần tử *tích cực* trong bọn Trăm đen, nhưng với điều kiện là: 1) phải chú ý đến tâm trạng của quảng đại quần chúng; 2) phải chú ý đến những điều kiện của phong trào công nhân ở một địa phương nhất định; 3) phải chăm lo sao cho đừng hao phí lực lượng của giai cấp vô sản một cách vô ích. Giữa nghị quyết đã được Đại hội thống nhất thông qua với bản dự án nghị quyết này, cũng *chỉ có một điều*

IV

Những hình thức đấu tranh trong cuộc cách mạng Nga so với những cuộc cách mạng tư sản ở châu Âu thật là hết sức muôn màu muôn vẻ. Năm 1902, Cau-xky phần nào đã dự đoán được điều đó, khi ông ta quả quyết rằng cuộc cách mạng sắp tới (ông ta nói thêm: *có lẽ* trừ nước Nga ra) sẽ là một cuộc đấu tranh giữa hai bộ phận của nhân dân hơn là một cuộc đấu tranh giữa nhân dân với chính phủ. Ở Nga, chúng ta thấy rằng hình thức đấu tranh *thứ nhất* đó chắc chắn còn rộng hơn là ở trong các cuộc cách mạng tư sản Tây Âu. Bọn thù địch cách mạng của chúng ta không đông lắm trong nhân dân, nhưng khi cuộc đấu tranh càng gay go thì chúng càng có tổ chức, và được các tầng lớp phản động trong giai cấp tư sản giúp đỡ. Vì vậy, trong một thời đại *như thế,* trong thời đại nổ ra những cuộc tổng bãi công chính trị toàn dân thì hoàn toàn tự nhiên và nhất định là *khởi nghĩa* không thể mang trở lại hình thức những hành động riêng lẽ như cũ, những hành động hạn chế trong một khoảng thời gian rất ngắn và trong một địa phương rất nhỏ hẹp. Hoàn toàn tự nhiên và nhất định là khởi nghĩa sẽ mang những hình thức cao hơn và phức tạp hơn của một cuộc nội chiến kéo dài, bao trùm cả nước, nghĩa là của một cuộc đấu tranh vũ trang giữa hai bộ phận trong nhân dân. Người ta không thể tưởng tượng được một cuộc chiến tranh thuộc loại đó mà lại không phải là một loại những trận chiến đấu lớn, không nhiều lắm, cách nhau từng khoảng thời gian tương đối dài, và trong những khoảng thời gian đó thì thường có vô số cuộc xung đột vũ trang nhỏ. Nếu vậy — chắc chắn là như thế — thì Đảng dân chủ - xã hội nhất thiết phải đề ra cho mình nhiệm vụ lập ra những tổ chức có khả năng cao nhất về mặt lãnh đạo quần chúng trong những trận chiến đấu lớn ấy và trên một mức độ nào đó, trong các cuộc xung đột vũ trang nhỏ. Trong thời đại mà cuộc đấu tranh giai cấp trở nên trầm trọng đến mức biến thành một cuộc nội chiến, thì Đảng dân chủ - xã hội phải tự đề ra cho mình nhiệm vụ là không những chỉ tham gia mà còn phải giữ vai trò lãnh đạo trong cuộc *nội chiến đó* nữa. Đảng dân chủ - xã hội phải giáo dục và chuẩn bị những tổ chức của mình để các tổ chức đó thực sự tỏ ra là một *bên tham chiến,* không hề bỏ lỡ bất cứ một cơ hội nào để gây tổn thất cho kẻ thù.

---

khác nhau về mặt thực tiễn là nghị quyết đó không thừa nhận thủ đoạn «tước đoạt» tài sản nhà nước.

Dĩ nhiên, đó là một nhiệm vụ khó khăn. Không thể hoàn thành nó trong chốc lát được. Nếu trong quá trình nội chiến toàn thể nhân dân được giáo dục lại và học hỏi trong đấu tranh, thì các tổ chức của chúng ta cũng phải được giáo dục, phải cải tổ lại theo đúng kinh nghiệm để có đủ khả năng làm tròn nhiệm vụ đó.

Chúng ta không hề mảy may có tham vọng ép các cán bộ thực tiễn phải tuân theo một hình thức đấu tranh nào đó được đặt ra, và thậm chí không có tham vọng ngồi trong phòng giấy mà giải quyết vấn đề tác dụng của hình thức này hay hình thức kia của cuộc chiến tranh du kích trong tiến trình chung của cuộc nội chiến ở Nga. Chúng ta không hề coi việc đánh giá cụ thể những hoạt động du kích nào đó là một vấn đề *xu hướng* của đảng dân chủ - xã hội. Nhưng theo chúng tôi thì nhiệm vụ của chúng ta là phải ra công góp phần vào việc đánh giá cho đúng, *về mặt lý luận,* những hình thức đấu tranh mới do cuộc sống đề ra, cũng như phải thẳng tay đả phá những công thức sẵn có và những thiên kiến cản trở không cho những công nhân giác ngộ đề ra một cách đúng đắn vấn đề mới mẻ và khó khăn, và tìm ra những biện pháp đúng đắn để giải quyết nó.

Báo «Người vô sản», số 5
ngày 30 tháng Chín 1906

Toàn tập, t. 14

LỜI TỰA VIẾT CHO BẢN DỊCH RA TIẾNG NGA NHỮNG BỨC THƯ CỦA C. MÁC GỬI L. CU-GHEN-MAN

Đem xuất bản thành sách lẻ toàn tập thư của C. Mác gửi Cu-ghen-man, đăng trên tờ tuần báo dân chủ - xã hội Đức «Neue Zeit» *, chúng tôi nhằm mục đích cho công chúng nước Nga hiểu Mác và chủ nghĩa Mác rõ hơn nữa. Quả nhiên như người ta đã có thể dự đoán trước, những bức thư của Mác có nói rất nhiều đến những việc thuộc đời tư của Người. Đối với một nhà viết tiểu sử thì đó là một tài liệu hết sức quý giá. Nhưng đối với công chúng đông đảo nói chung và đối với giai cấp công nhân Nga nói riêng thì trong các thư ấy, những đoạn cung cấp tài liệu lý luận và chính trị lại còn vô cùng quan trọng hơn nữa. Chính là ở nước ta, ở vào thời đại cách mạng chúng ta đang trải qua, mà đi sâu nghiên cứu kỹ tài liệu đó, tài liệu chứng tỏ Mác đã trực tiếp giải đáp tất cả những vấn đề của phong trào công nhân và của chính trị trên thế giới, thì thật là đặc biệt bổ ích. Ban biên tập báo «Neue Zeit» nói hoàn toàn đúng rằng «việc hiểu biết những nhân vật mà tư tưởng và ý chí đã được hình thành trong điều kiện những biến cách lớn lao có thể nâng cao chúng ta lên». Đối với một người xã hội chủ nghĩa Nga năm 1907 hiểu biết được như vậy là điều cần thiết gấp bội, vì sự hiểu biết đó đem lại rất nhiều điều chỉ giáo hết sức quý báu về những nhiệm vụ trực tiếp của những người xã hội chủ nghĩa trong tất cả mọi cuộc cách mạng mà nước mình đang trải qua. Nước Nga chính hiện đang trải qua một «cuộc biến cách lớn lao». Chính sách của Mác trong những năm 1860 tương đối sóng gió thì trong rất nhiều trường hợp, phải được thường dùng làm kiểu mẫu trực tiếp cho chính sách của người dân chủ - xã hội trong cuộc cách mạng Nga hiện nay.

---

* «Thời mới». *BT.*

Vì vậy chúng tôi xin phép chỉ nêu một cách vắn tắt những đoạn đặc biệt quan trọng về mặt lý luận trong thư từ của Mác, và chúng tôi xin nói kỹ hơn về chính sách cách mạng của Mác, với tư cách là đại biểu của giai cấp vô sản.

Bức thư ngày 11 tháng Bảy 1868 (trang 42 và những trang sau) là đặc biệt đáng chú ý xét về mặt làm sáng rõ chủ nghĩa Mác một cách đầy đủ hơn và sâu sắc hơn. Ở đây, Mác đã trình bày, dưới hình thức những nhận xét luận chiến chống những nhà kinh tế tầm thường, hết sức rõ ràng quan điểm *của mình* về cái gọi là lý luận về giá trị của «lao động». Chính những ý kiến phản đối học thuyết giá trị của Mác vẫn thường nảy ra một cách hết sức tự nhiên trong óc những người đọc ít am hiểu nhất về bộ «Tư bản», và vì thế vẫn được những đại biểu tầm thường của «khoa học» tư sản «lối giáo sư» lặp lại một cách nhiệt tâm nhất, — chính những ý kiến phản đối đó đã được Mác phân tích vắn tắt, đơn giản và đặc biệt sáng tỏ trong bức thư này. Ở đây, Mác chỉ rõ rằng Người đã đi con đường nào, và cần phải đi con đường nào để giải thích quy luật gía trị. Mác đã lấy những ý kiến phản đối thông thường nhất làm ví dụ để dạy chúng ta *phương pháp* của Người. Mác giải thích mối liên hệ giữa một vấn đề (dường như là) thuần túy lý luận và trừu tượng như học thuyết giá trị, với những «lợi ích của giai cấp thống trị» là những lợi ích đòi hỏi phải *«giữ mãi quan niệm mơ hồ»*. Chúng tôi chỉ mong rằng tất cả những ai đang bắt đầu nghiên cứu Mác và bắt đầu đọc bộ «Tư bản» hãy đọc đi đọc lại bức thư mà chúng tôi đã nói đến ở trên trong khi nghiên cứu những chương đầu và khó nhất của bộ «Tư bản».

Những đoạn khác đặc biệt có ý nghĩa về mặt lý luận trong tập thư là những đoạn Mác đánh giá các tác giả khác nhau. Khi đọc những nhận định đó của Mác, viết một cách sinh động, đầy nhiệt tình, tỏ rõ sự quan tâm nồng nhiệt của Mác đối với tất cả những tư trào lớn và đối với sự phân tích những tư trào đó, người ta tưởng như đang nghe thấy chính tiếng nói của nhà tư tưởng thiên tài. Ngoài một số nhận định mà nhân tiện Mác đã viết để đánh giá Đít-xơ-ghen thì những nhận định của Người về phái Pru-đông[151] (tr. 17) đáng được bạn đọc đặc biệt lưu tâm đến. Lớp thanh niên trí thức tư sản «xuất sắc», lao mình «vào giai cấp vô sản» trong những thời kỳ cao trào của phong trào xã hội, nhưng lại không thể lĩnh hội được quan điểm của giai cấp công nhân và không thể thật sự công tác một cách kiên nhẫn «trong hàng ngũ» của các tổ chức vô sản, được miêu tả bằng một vài nét cực kỳ nổi bật[152].

Ở đây, có nhận định về Đuy-rinh (tr. 35)[153], nhận định này dường như báo trước nội dung của quyển sách nổi tiếng mà Ăng-ghen (cộng tác với Mác) sẽ viết ra chín năm sau: «Anti-Dühring» *. Có một bản dịch quyển sách này do Txê-đéc-bau-mơ dịch ra tiếng Nga, nhưng tiếc thay bản dịch đó không những có những chỗ bớt mất mà còn là một bản dịch thật là dở, có những chỗ sai. Ở đây, cũng có một nhận định về Tuy-nên, trong đó cũng đề cập cả đến thuyết địa tô của Ri-các-đô[154]. Ngay hồi đó, năm 1868, Mác cũng đã kiên quyết bác bỏ những «sai lầm của Ri-các-đô», những sai lầm mà Mác đã hoàn toàn bác bỏ trong quyển III bộ «Tư bản», xuất bản năm 1894, những sai lầm mà cho đến ngày nay, bọn xét lại, — kể từ ngài Bun-ga-cốp cực kỳ tư sản và thậm chí «thuộc phái Trăm đen» ở nước ta, cho đến Ma-xlốp, con người «gần như thuộc phái chính thống», — vẫn đều tái phạm.

Cũng đáng chú ý là nhận định về Buy-khơ-nơ, với sự đánh giá về chủ nghĩa duy vật tầm thường và về những lời «ba hoa nông cạn» sao chép lại của Lan-ghê (nguồn dẫn chứng thông thường của triết học tư sản «dạy ở trường đại học»!) (tr. 48)[155].

Chúng ta hãy nói sang chính sách cách mạng của Mác. Ở nước Nga chúng ta, có một thứ quan điểm tiểu tư sản về chủ nghĩa Mác, hết sức thịnh hành trong những người dân chủ - xã hội, cho rằng thời kỳ cách mạng, với những hình thức đấu tranh đặc thù của nó và với những nhiệm vụ đặc biệt của giai cấp vô sản, là một hiện tượng hầu như bất bình thường, còn «chế độ lập hiến» và «phái đối lập cực đoan» thì lại là hiện tượng bình thường. Hiện nay, trong bất cứ một nước nào trên thế giới, cũng đều không có một cuộc khủng hoảng cách mạng sâu sắc như ở nước Nga, và trong bất cứ một nước nào cũng không có những người «mác-xít» (hạ thấp và tầm thường hóa chủ nghĩa Mác) có thái độ hoài nghi, phi-li-xtanh đối với cách mạng như ở Nga. Từ cái sự thật là nội dung của cuộc cách mạng có tính chất tư sản, thì ở nước ta, họ đã đi đến kết luận nông cạn rằng giai cấp tư sản là *động lực* của cách mạng, rằng giai cấp vô sản chỉ làm những nhiệm vụ thứ yếu, phụ thuộc trong cuộc cách mạng ấy, chứ không thể lãnh đạo cuộc cách mạng ấy được!

Trong những bức thư gửi Cu-ghen-man, Mác đã vạch trần như thế nào cái quan niệm nông cạn ấy về chủ nghĩa Mác rồi! Đây là bức thư đề ngày 6 tháng Tư 1866. Thời kỳ này, Mác đã hoàn thành tác

---

* «Chống Đuy-rinh». *BT.*

phẩm chính của Người. Mười bốn năm trước khi có bức thư này[156], Mác đã có một sự đánh giá dứt khoát về cuộc cách mạng Đức 1848. Năm 1850, chính Mác đã bác bỏ những ảo tưởng xã hội chủ nghĩa của mình hồi năm 1848 về một cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa sắp xảy ra. Và năm 1866, khi chỉ mới bắt đầu thấy những cuộc khủng hoảng chính trị mới đang lớn lên, Người đã viết:

«Bọn phi-li-xtanh ở nước ta (đây là nói bọn tư sản tự do chủ nghĩa ở Đức) cuối cùng, không biết có hiểu được rằng nếu không xảy ra một cuộc cách mạng xóa bỏ triều đại Háp-xbuốc[157], và triều đại Hô-hen-txô-léc[158], thì rút cục sẽ lại đi đến một cuộc chiến tranh Ba mươi năm...» (tr. 13 - 14)[159].

Ở đây, tuyệt nhiên không mảy may có ảo tưởng rằng cuộc cách mạng sắp tới (cuộc cách mạng này phát sinh từ trên xuống chứ không phải từ dưới lên như Mác hằng mong đợi) sẽ xóa bỏ được giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản. Mác nhận định một cách hết sức sáng suốt và rõ rệt rằng cuộc cách mạng ấy sẽ chỉ tiêu diệt được chế độ quân chủ ở Phổ và ở Áo mà thôi. Thế mà Mác đã tin tưởng vào cuộc cách mạng tư sản ấy biết chừng nào! Người chiến sĩ vô sản đó hiểu được tác dụng lớn lao của cách mạng tư sản đối với sự tiến triển của chủ nghĩa xã hội, đã tỏ ra có một nhiệt tình cách mạng biết là chừng nào!

Ba năm sau, khi nhận thấy ngay trước ngày đế chế của Na-pô-lê-ông ở Pháp[160] sụp đổ, có một phong trào xã hội «rất đáng chú ý», Mác nói *một cách quả là hào hứng* rằng «những người Pa-ri đang thật sự bắt đầu nghiên cứu lại quá khứ cách mạng mới đây của họ để chuẩn bị cho một cuộc đấu tranh cách mạng mới đang tới gần». Và sau khi mô tả cuộc đấu tranh giai cấp được vạch rõ ra trong sự đánh giá ấy về quá khứ, Mác kết luận (tr. 56): «Toàn bộ lò lửa thần của lịch sử thần tiên sôi lên như vậy đó! Sẽ có ngày *ở nước ta* (Đức) cũng được như vậy!»[161].

Đó chính là điều mà những người trí thức mác-xít Nga cần phải học tập Mác, vì họ đã bị chủ nghĩa hoài nghi làm cho suy nhược, đã bị thói thông thái rởm làm cho khờ dại, đã ưa nói những lời sám hối, chóng mệt mỏi vì cách mạng, mơ tưởng việc mai táng cách mạng như mơ tưởng một ngày hội, và mong thay thế cách mạng bằng thứ văn lập hiến. Họ cần phải học tập ở nhà lý luận và ở lãnh tụ của những người vô sản, lòng tin tưởng vào cách mạng, cái bản lĩnh biết kêu gọi giai cấp công nhân bảo vệ đến cùng những nhiệm vụ cách mạng trực

tiếp của mình, tinh thần kiên quyết không dung những lời than vãn ủy mị khi cách mạng tạm thời thất bại.

Bọn thông thái rởm trong phong trào mác-xít tưởng rằng tất cả những cái ấy chỉ toàn là ba hoa về luân lý, là chủ nghĩa lãng mạn, là thiếu tinh thần hiện thực chủ nghĩa! Không, các ngài ạ, đó là sự kết hợp lý luận cách mạng với chính sách cách mạng mà không có sự kết hợp đó thì chủ nghĩa Mác sẽ biến thành chủ nghĩa Bren-ta-nô, chủ nghĩa Xtơ-ru-vê, chủ nghĩa Dôm-bác-tơ[162]. Học thuyết của Mác đã kết hợp lý luận và thực tiễn của cuộc đấu tranh giai cấp thành một chỉnh thể không thể tách rời nhau. Kẻ nào đem bóp méo cái lý luận nhận định tình hình khách quan một cách tỉnh táo thành sự biện hộ cho cái hiện có, thậm chí đi đến chỗ muốn hết sức mau chóng thích ứng với từng lúc thoái trào tạm thời của cách mạng, muốn hết sức mau chóng vứt bỏ những «ảo tưởng cách mạng» và bắt tay làm những việc nhỏ nhặt «hiện thực», thì kẻ ấy không phải là người mác-xít.

Trong những thời kỳ tựa hồ như thanh bình nhất, hay như Mác nói, những thời kỳ có nhiều «phong vị điền viên», — trong những thời kỳ «trầm trệ u ám» (như lời ban biên tập báo «Neue Zeit» đã nói), Mác cũng đã biết cảm thấy trước là cách mạng đang tới gần, đã biết *nâng cao* giai cấp vô sản lên đến trình độ giác ngộ về nhiệm vụ tiên phong, cách mạng của mình. Những phần tử trí thức ở nước Nga chúng ta, đang tìm cách đơn giản hóa chủ nghĩa Mác theo lối phi-li-xtanh, thì lại dạy cho giai cấp vô sản, trong những thời kỳ cách mạng nhất, phải thực hiện chính sách tiêu cực, phải ngoan ngoãn để mình trôi «theo trào lưu», phải âm thầm ủng hộ những phần tử không vững vàng nhất trong đảng tự do đúng mốt!

Đoạn đánh giá của Mác về Công xã Pa-ri là đỉnh cao nhất trong những bức thư gửi Cu-ghen-man. Và đoạn đánh giá ấy còn đặc biệt quý báu khi đem nó đối chiếu với những thủ đoạn của cánh hữu trong đảng dân chủ - xã hội Nga. Plê-kha-nốp, sau tháng Chạp 1905, đã kêu lên một cách khiếp nhược là: «Đáng lẽ không nên cầm vũ khí», thì nay lại khiêm tốn tự đem mình so sánh với Mác. Theo ông ta thì Mác cũng đã kìm cuộc cách mạng 1870 lại.

Đúng, Mác *cũng* đã kìm cuộc cách mạng đó lại. Nhưng các bạn hãy xem sự so sánh ấy do chính bản thân Plê-kha-nốp đưa ra, đã cho ta thấy sự khác nhau một trời một vực như thế nào giữa Plê-kha-nốp với Mác.

Tháng Mười một 1905, tức là một tháng trước khi đợt sóng đầu của cách mạng Nga dâng lên đến tột độ, Plê-kha-nốp không những đã không kiên quyết ngăn ngừa giai cấp vô sản, mà trái lại, còn nói thẳng ra là cần phải *học tập nắm lấy vũ khí và tự vũ trang.* Nhưng một tháng sau, đến khi cuộc đấu tranh đã nổ ra rồi thì Plê-kha-nốp đã không mảy may phân tích ý nghĩa của cuộc đấu tranh ấy, tác dụng của nó trong tiến trình chung của sự biến, mối liên hệ của nó với các hình thức đấu tranh trước kia, mà lại vội đóng cái vai anh trí thức hối lỗi nói rằng: «Đáng lẽ không nên cầm vũ khí».

Tháng Chín 1870, tức là sáu tháng trước Công xã Pa-ri, Mác đã trực tiếp ngăn ngừa công nhân Pháp: khởi nghĩa sẽ là *một hành động điên rồ,* Người đã nói như vậy trong lời kêu gọi nổi tiếng của Quốc tế[163]. Người đã vạch *trước* cho thấy những ảo tưởng dân tộc chủ nghĩa cho rằng có thể có một phong trào đại loại như hồi 1792. Không phải là *sau khi xảy ra sự việc* mà chính là trước đó nhiều tháng, Người đã nói: «Không nên dùng vũ khí».

Và khi sự việc *tuyệt vô hy vọng ấy,* — trong lời tuyên bố hồi tháng Chín, Mác đã nói sự việc đó là tuyệt vô hy vọng, — bắt đầu được thực hiện vào tháng Ba 1871, thì thái độ của Mác thế nào? Phải chăng Mác đã lợi dụng cơ hội đó (như Plê-kha-nốp đã lợi dụng những sự biến hồi tháng Chạp) chỉ cốt để «làm nhục» những địch thủ của Người, tức phái Pru-đông và phái Blăng-ki đã lãnh đạo Công xã, chăng? Phải chăng Mác đã làm như một mụ giám thị ký túc xá càu nhàu mà nói rằng: tôi đã bảo mà, tôi đã nói trước cho các anh biết rồi, bây giờ các anh đã thấy cái thói lãng mạn của các anh, những mơ ước điên cuồng về cách mạng của các anh đã đưa đến đâu chưa? Phải chăng sau đó, Mác đã khuyên răn những chiến sĩ công xã, giống như Plê-kha-nốp đã khuyên răn những chiến sĩ hồi tháng Chạp, bằng ngay cái lời của kẻ phi-li-xtanh tự mãn tự túc này là: «Đáng lẽ không nên cầm vũ khí?»

Không. Ngày 12 tháng Tư 1871, Mác viết cho Cu-ghen-man một lá thư *đầy phấn khởi,* một lá thư, mà chúng ta sẵn lòng treo trên tường nhà của mỗi một người dân chủ - xã hội Nga, mỗi một người công nhân Nga biết đọc.

Mác đã nói hồi tháng Chín 1870 rằng cuộc bạo động đó sẽ chỉ là một hành động điên rồ, nhưng đến tháng Tư 1871, khi thấy đây là một phong trào nhân dân có tính chất quần chúng, thì Mác lại theo dõi phong trào đó với thái độ hết sức chú ý của một người đang tham

gia vào những sự biến vĩ đại đánh dấu một bước tiến trong phong trào cách mạng có ý nghĩa lịch sử toàn thế giới.

Người nói đó là *mưu toan* phá hủy bộ máy quan liêu - quân sự, chứ không phải chỉ đơn thuần là chuyển bộ máy đó qua tay những người khác. Và Mác hết sức ca ngợi những công nhân Pa-ri *«anh hùng»* do phái Pru-đông và phái Blăng-ki lãnh đạo. Người viết: «Những người dân Pa-ri ấy linh hoạt biết bao, có nhiều tài chủ động sáng tạo lịch sử biết bao, giàu lòng hy sinh biết bao!» (tr. 88)... «Lịch sử chưa từng thấy một tấm gương nào về chủ nghĩa anh hùng như thế».

Cái mà Mác coi trọng hơn cả, đó là *tính chủ động sáng tạo lịch sử* của quần chúng. Chà! giá mà những người dân chủ - xã hội Nga của chúng ta cũng đã học được Mác việc biết đánh giá *tính chủ động sáng tạo lịch sử* của công nhân và nông dân Nga hồi tháng Mười và tháng Chạp 1905 thì hay biết mấy!

Một đằng thì nhà tư tưởng thâm thúy nhất đã tiên đoán được thất bại từ sáu tháng trước, mà vẫn thán phục *tính chủ động sáng tạo lịch sử* của quần chúng; một đằng thì lại thốt ra những lời không có sinh khí, không có linh hồn, kiểu thông thái rởm: «Đáng lẽ không nên cầm vũ khí»! Há chẳng phải là khác nhau một trời một vực đó sao?

Trong khi phải sống lưu vong ở Luân-đôn, Mác đã lấy tư cách là *người tham gia* vào cuộc đấu tranh của quần chúng mà Người đã lao mình vào với tất cả tấm lòng nhiệt thành và say sưa vốn có của mình, để phê phán những *hành động trực tiếp* của những người dân Pa-ri «táo bạo đến điên cuồng» *«sẵn sàng xông lên chọc trời»*.

Ồ! các vị hiền minh «hiện thực» hiện nay của chúng ta trong số những người mác-xít, tức những vị đã chê trách cái thói lãng mạn cách mạng ở Nga hồi 1906 - 1907, nếu ở vào thời bấy giờ thì họ sẽ chế giễu Mác đến thế nào rồi! Đối với những *nhà duy vật, nhà kinh tế học,* người thù địch với những không tưởng, người đã thán phục trước những «mưu toan» xông lên chọc *trời* thì họ sẽ chế giễu đến thế nào rồi! Những con người sống trong lồng kính [164] đủ loại ấy, có lẽ đã tuôn ra biết bao những giọt nước mắt, những tiếng cười khoan thứ hoặc những lời thương cảm trước khuynh hướng bạo động ấy, trước chủ trương không tưởng ấy v. v. và v. v., trước việc đánh giá như vậy một phong trào xông lên chọc trời!

Nhưng Mác không có cái lối khôn ranh của những chàng cá mương [165], là những kẻ sợ thảo luận vấn đề *kỹ thuật* của những hình thức cao nhất của cuộc đấu tranh cách mạng. Mác thảo luận chính là những vấn đề

kỹ thuật của cuộc khởi nghĩa. Phòng ngự hay tấn công? — Người nói như vậy, dường như những hoạt động quân sự đang diễn ra ở ngay xung quanh Luân-đôn vậy. Và Người giải đáp: nhất định là phải tấn công, *«đáng lẽ phải lập tức tiến vào Véc-xây...»*.

Đó là điều mà Mác đã viết hồi tháng Tư 1871, tức là một vài tuần trước những ngày tháng Năm đẫm máu và vĩ đại...

«Đáng lẽ phải lập tức tiến vào Véc-xây», đó là điều mà những người khởi nghĩa đã bắt đầu cái sự nghiệp «điên rồ» (tháng Chín 1870) xông lên chọc trời, cần phải làm.

«Đáng lẽ không nên cầm vũ khí» hồi tháng Chạp 1905, để chống lại, bằng vũ lực, những ý định đầu tiên hòng tước lại những quyền tự do đã giành được...

Phải, Plê-kha-nốp không phải không có lý do để so sánh mình với Mác!

«Sai lầm thứ hai», — Mác nói tiếp trong khi phê bình về *mặt kỹ thuật*, — «là Ban chấp hành trung ương» (nghĩa là *Bộ chỉ huy quân sự* — xin chú ý điều đó — đây là nói Ban chấp hành trung ương của đội vệ quốc quân) «đã từ bỏ *quá sớm* quyền hành của mình...».

Mác đã biết cảnh cáo *những người lãnh đạo* không được tiến hành một cuộc khởi nghĩa non. Nhưng đối với *giai cấp vô sản*, là người đã xông lên chọc trời, thì Mác đã xử sự với tư cách một người cố vấn thực tiễn, với tư cách là một người tham gia vào *cuộc đấu tranh* của quần chúng, tức những người đã nâng *toàn bộ* phong trào lên *một trình độ cao hơn*, bất chấp những lý luận sai lầm và những khuyết điểm của Blăng-ki và Pru-đông.

Mác viết: «Dẫu thế nào đi nữa, cuộc khởi nghĩa Pa-ri hiện nay, có bị bọn lang sói, bọn bỉ ổi, bọn chó má đê tiện của xã hội cũ trấn áp đi nữa, thì nó vẫn cứ là chiến công vẻ vang nhất của đảng ta kể từ cuộc khởi nghĩa hồi tháng Sáu đến nay».

Và Mác, không giấu giai cấp vô sản, *một* sai lầm *nào* của Công xã cả, đã viết cả một tác phẩm nói về *chiến công* ấy, một tác phẩm mà *cho đến ngày nay*, vẫn là kim chỉ nam tốt nhất trong cuộc đấu tranh để giành lấy «trời» và vẫn là cái đáng sợ nhất cho bọn «bỉ ổi» [166] thuộc phái tự do và phái cấp tiến.

Plê-kha-nốp đã viết cả một «tác phẩm» về sự biến hồi tháng Chạp, một tác phẩm hầu như đã trở thành một cuốn kinh thánh cho bọn dân chủ - lập hiến.

Phải, Plê-kha-nốp không phải là không có lý do để so sánh mình với Mác.

Cu-ghen-man đã trả lời Mác, có lẽ là với những lời lẽ tỏ ra hoài nghi, nói rằng công cuộc là tuyệt vô hy vọng, nói về chủ nghĩa hiện thực, đối lập với thái độ lãng mạn chủ nghĩa, — hoặc ít ra, Cu-ghen-man cũng đã đem so sánh Công xã, là một *cuộc khởi nghĩa,* với cuộc biểu tình hòa bình ngày 13 tháng Sáu 1849 ở Pa-ri.

Lập tức (ngày 17 tháng Tư 1871), Mác trách cứ nghiêm khắc Cu-ghen-man rằng:

«Nếu cuộc đấu tranh được tiến hành chỉ trong điều kiện có cơ thành công cực kỳ thuận lợi thì việc sáng tạo ra lịch sử thế giới dĩ nhiên sẽ là quá dễ dàng».

Hồi tháng chín 1870, Mác đã nói khởi nghĩa sẽ là một hành động điên rồ. Nhưng một khi *quần chúng* đã nổi dậy khởi nghĩa thì Mác nguyện cùng đi với họ, cùng với họ học tập trong quá trình đấu tranh chứ không phải là ban ra những bài học theo lối quan liêu chủ nghĩa. Mác hiểu rằng ý định muốn tính trước được một cách *hoàn toàn chính xác* những cơ hội thắng lợi, sẽ chỉ là một sự lừa bịp hoặc một sự gàn dở không thể cứu chữa được. Điều Người coi trọng *hơn hết cả* là việc giai cấp công nhân *sáng tạo ra* lịch sử thế giới một cách anh dũng, quên mình và chủ động. Mác xem xét lịch sử đó theo quan điểm của những người *sáng tạo ra* nó mà không có khả năng tính trước được một cách *thật chính xác* những cơ hội thắng lợi, chứ không phải theo quan điểm của một người trí thức tầm thường, hắn thuyết đạo đức: «Nhìn thấy trước thì dễ... bắt tay vào thì không nên...».

Mác lại cũng biết nhận thấy rằng trong lịch sử, thường có những lúc mà một cuộc đấu tranh quyết liệt của *quần chúng,* thậm chí cho một sự nghiệp tuyệt vô hy vọng đi nữa, cũng vẫn là *cần thiết* để giáo dục thêm nữa cho bản thân họ, để chuẩn bị cho họ tiến hành cuộc đấu tranh *sau này.*

Đối với những người giả danh mác-xít hiện nay của chúng ta, những người thích trích dẫn lời Mác một cách vô bổ, chỉ cốt lấy những lời của Mác đánh giá quá khứ chứ không lấy việc Mác biết sáng tạo tương lai thì *cách đặt* vấn đề như vậy là hoàn toàn không thể hiểu được, thậm chí còn là xa lạ về nguyên tắc. Plê-kha-nốp thậm chí cũng không nghĩ đến cách đặt vấn đề như thế, khi, sau sự biến hồi tháng Chạp 1905, ông ta bắt đầu thực hiện cái nhiệm vụ *«kìm hãm...»*.

Nhưng Mác chính là đã đặt ra vấn đề đó, mà không mảy may quên rằng hồi tháng Chín 1870, chính mình đã thừa nhận rằng khởi nghĩa sẽ là hành động điên rồ.

Mác viết: «Bọn súc sinh tư bản ở Véc-xây đặt những người dân Pa-ri trước hai con đường, hoặc là nghinh chiến, hoặc là đầu hàng, không chiến đấu. *Sự mất tinh thần của giai cấp công nhân* trong trường hợp thứ hai sẽ là điều không may *còn lớn hơn nhiều*, so với việc mất mát một số lãnh tụ nào đó».

Đến đây, chúng tôi xin kết thúc những dòng khái quát vắn tắt những bài học về một chính sách xứng đáng với giai cấp vô sản, mà Mác đã dạy cho chúng ta trong những thư từ của Người gửi cho Cu-ghen-man.

Giai cấp công nhân Nga đã từng chứng minh và sẽ còn chứng minh nhiều lần rằng họ có khả năng «xông lên chọc trời».

Ngày 5 tháng Hai 1907

Toàn tập, t. 14

LỜI TỰA VIẾT CHO BẢN DỊCH RA TIẾNG NGA QUYỂN: «NHỮNG BỨC THƯ CỦA G. PH. BẾC-CƠ, I. ĐÍT-XƠ-GHEN, PH. ĂNG-GHEN, C. MÁC, V. V. GỬI CHO PH. A. DOÓC-GHÊ VÀ CHO NHỮNG NGƯỜI KHÁC...»

Tập thư của Mác, Ăng-ghen, Đít-xơ-ghen, Bếc-cơ và của những lãnh tụ khác trong phong trào công nhân quốc tế trong thế kỷ vừa qua, mà chúng tôi giới thiệu với công chúng nước Nga, là phần bổ sung cần thiết cho những sách báo mác-xít tiên tiến của nước ta.

Ở đây, chúng tôi sẽ không nói tỉ mỉ về ý nghĩa quan trọng của những bức thư đó đối với lịch sử của chủ nghĩa xã hội và đối với việc làm sáng tỏ một cách toàn diện hoạt động của Mác và Ăng-ghen. Mặt đó của vấn đề không cần phải giải thích thêm nữa. Chúng tôi chỉ muốn nêu lên rằng để hiểu được những bức thư mà chúng tôi cho xuất bản thì cần phải đọc những tác phẩm cơ bản viết về lịch sử của Quốc tế (xem Jekk: «Quốc tế». Bản dịch ra tiếng Nga của nhà xuất bản «Tri thức») và của phong trào công nhân Đức và Mỹ (xem Ph. Mê-rinh: «Lịch sử Đảng dân chủ - xã hội Đức» và Mô-ri-xơ Hin-quýt: «Lịch sử chủ nghĩa xã hội ở Mỹ»), v. v..

Ở đây chúng tôi cũng không có ý định thử trình bày khái quát nội dung của những bức thư ấy và nhận định các thời kỳ lịch sử có liên quan tới những bức thư đó. Mê-rinh đã hoàn thành xuất sắc việc đó trong bài báo của ông: «Der Sorgesche Briefwechsel» («Neue Zeit», 25. Jahrg., Nr. 1 und 2)* mà có lẽ nhà xuất bản sẽ in vào phần phụ lục của bản dịch này hoặc sẽ xuất bản thành tập riêng bằng tiếng Nga.

Điều cần đặc biệt chú ý đối với những người xã hội chủ nghĩa Nga trong thời đại cách mạng hiện nay, là những bài học mà giai cấp vô sản đang đấu tranh cần phải rút ra sau khi hiểu biết được những mặt giao thiệp mật thiết trong hoạt động của Mác và Ăng-ghen suốt gần ba mươi năm (1867 - 1895). Cho nên không có gì là lạ, nếu trong sách báo dân chủ - xã hội nước ta, những ý định đầu tiên nhằm giới thiệu với độc

* «Tập thư gửi cho Doóc-ghê» («Thời mới», năm thứ 25, số 1 và 2); *BT*.

giả những bức thư của Mác và Ăng-ghen gửi cho Dóoc-ghê đã được thực hiện vào lúc nảy ra những vấn đề «cấp thiết» của sách lược dân chủ - xã hội trong cuộc cách mạng Nga (tờ «Đời sống hiện nay»[167] của Plê-kha-nốp, tờ «Tiếng vang»[168] của bọn men-sê-vích). Chúng tôi chính là muốn lưu ý độc giả đến sự phân tích những đoạn nào trong tập thư đó mà đặc biệt quan trọng về mặt những nhiệm vụ hiện nay của đảng công nhân ở Nga.

Trong những bức thư của mình, Mác và Ăng-ghen thường rất hay nói đến những vấn đề bức thiết của phong trào công nhân Anh - Mỹ và Đức. Điều đó cũng dễ hiểu, vì hai ông đều là những người Đức, lúc ấy, đang sống ở Anh và đã trao đổi thư từ với một đồng chí của mình là người Mỹ. Còn về phong trào công nhân Pháp và đặc biệt là về Công xã Pa-ri thì Mác thường nói tới nhiều hơn và chi tiết hơn trong những bức thư viết cho Cu-ghen-man, một người dân chủ - xã hội Đức*.

Đem so sánh những điều mà Mác và Ăng-ghen đã nói về các vấn đề của phong trào công nhân Anh - Mỹ với những điều mà hai ông đã nói về những vấn đề của phong trào công nhân Đức, là hết sức bổ ích. Nếu như người ta lưu ý rằng một mặt, nước Đức, và mặt khác, nước Anh và nước Mỹ, đều tiêu biểu cho những giai đoạn khác nhau của sự phát triển tư bản chủ nghĩa, cho những hình thức thống trị khác nhau của giai cấp tư sản với tư cách là một giai cấp, trong toàn bộ đời sống chính trị của những nước ấy — thì việc so sánh nói trên hẳn có một ý nghĩa đặc biệt trọng đại. Đứng về quan điểm khoa học mà nói, chúng ta thấy đây là mẫu mực của phép biện chứng duy vật, bản lĩnh biết đề lên hàng đầu và làm nổi bật những điểm khác nhau, những mặt khác nhau của vấn đề, bằng cách vận dụng những điểm, những mặt ấy vào những đặc điểm cụ thể của những điều kiện chính trị và kinh tế nào đó. Đứng về quan điểm chính trị thực tiễn và sách lược của đảng công nhân mà nói thì chúng ta thấy đây là mẫu mực về cách thức mà những nhà sáng tạo ra «Tuyên ngôn của Đảng cộng sản» xác định những nhiệm vụ của giai cấp vô sản đang đấu tranh, tùy theo những giai đoạn khác nhau của phong trào công nhân dân tộc ở các nước khác nhau.

Điều mà Mác và Ăng-ghen phê bình một cách nghiêm khắc nhất phong trào chủ nghĩa xã hội Anh - Mỹ, là việc nó tách rời phong trào

---

* Xem «Những bức thư của C. Mác gửi tiến sĩ Cu-ghen-man». Bản dịch do N. Lê-nin chủ biên và đề tựa. Xanh Pê-téc-bua. 1907 (xem tập này, tr. 156 - 165. *BT.*).

công nhân. Như một sợi chỉ đỏ xuyên qua tất cả những nhận định của Mác và Ăng-ghen về «Liên minh dân chủ - xã hội»[169] (Social - Democratic Federation) ở Anh và về những người xã hội chủ nghĩa ở Mỹ, người ta thấy nổi bật lên việc lên án họ đã biến chủ nghĩa Mác thành giáo điều, thành «tư tưởng chính thống cứng nhắc» (starre), đã xem chủ nghĩa Mác như một «tín điều, chứ không phải là một kim chỉ nam cho hành động»[170], đã không biết thích ứng với phong trào công nhân kém cỏi về mặt lý luận, nhưng sinh động, có tính chất quần chúng, mạnh mẽ, đang diễn ra xung quanh họ. «Nếu như từ năm 1864 đến năm 1873, chúng ta chỉ luôn luôn muốn sát cánh hành động với những ai đã công khai tán thành cương lĩnh của chúng ta thôi thì thử hỏi ngày nay, chúng ta sẽ ra thế nào?» — Ăng-ghen đã kêu lên như vậy trong thư đề ngày 27 tháng Giêng 1887. Và trong một bức thư trước đó (ngày 28 tháng Chạp 1886), khi nói đến vấn đề ảnh hưởng của những tư tưởng của Hen-ri Gioóc-giơ đối với giai cấp công nhân ở Mỹ, Ăng-ghen viết:

«Trong lúc này, một hoặc hai triệu công nhân bỏ phiếu vào tháng Mười một cho đảng công nhân chân chính («bona fide») có một ý nghĩa vô cùng quan trọng hơn là một chục vạn người bỏ phiếu tán thành một cương lĩnh hoàn thiện về mặt lý luận».

Đó là những đoạn rất đáng chú ý. Ở nước ta, có những người dân chủ - xã hội vội vã lợi dụng những đoạn ấy để bênh vực cái ý kiến về «đại hội công nhân» hoặc về một cái gì đại loại như cái «đảng công nhân rộng rãi»[171] do La-rin đề xướng ra. Chúng ta sẽ hỏi tất cả những người hấp tấp «lợi dụng» Ăng-ghen: nhưng tại sao lại không phải là để bênh vực «liên minh phái tả»? Những bức thư mà chúng tôi trích dẫn ra đây, là viết vào thời kỳ mà công nhân Mỹ bỏ phiếu bầu Hen-ri Gioóc-giơ. Bà Vi-snê-vết-xcai-a, một người Mỹ, lấy chồng người Nga và đã từng dịch những tác phẩm của Ăng-ghen đã yêu cầu Ăng-ghen, — như thư của Ăng-ghen trả lời bà đã cho biết, — phê bình đến nơi đến chốn Hen-ri Gioóc-giơ. Ăng-ghen viết (ngày 28 tháng Chạp 1886) rằng, *bây giờ chưa đến lúc làm việc đó*, vì tốt hơn hết là cứ để cho một đảng công nhân bắt đầu thành hình, dù là trên một cương lĩnh chưa phải hoàn toàn thuần túy. Rồi sau công nhân tự mình sẽ hiểu được vấn đề là ở chỗ nào, «sẽ học tập được qua những sai lầm của mình»; còn ngăn cản «củng cố đảng công nhân trong phạm vi toàn quốc — không kể là trên cơ sở của cương lĩnh nào — thì tôi coi là một sai lầm lớn».

Cố nhiên là Ăng-ghen hoàn toàn biết và đã nhiều lần vạch rõ tất cả sự phi lý và *tính chất phản động* của những tư tưởng của H. Gioóc-giơ, xét theo quan điểm *xã hội chủ nghĩa*. Trong những thư gửi cho Doóc-ghê, có một bức thư thú vị của Mác, đề ngày 20 tháng Sáu 1881, trong đó Mác đã nhận định H. Gioóc-giơ là một nhà tư tưởng của *phái tư sản cấp tiến*. Mác viết: «Về mặt lý luận, H. Gioóc-giơ là kẻ hoàn toàn lạc hậu» (total arrière). Và Ăng-ghen đã không sợ đi bầu cử cùng với *con người xã hội chủ nghĩa phản động* thực sự ấy, miễn là có được những người biết nói trước cho quần chúng biết «những hậu quả của những sai lầm của chính họ» (Ăng-ghen, thư đề ngày 29 tháng Mười một 1886).

Còn về những «hiệp sĩ của lao động» (Knights of Labor), một tổ chức của công nhân Mỹ thời bấy giờ, thì cũng trong bức thư nói trên, Ăng-ghen đã viết: «chỗ yếu nhất của họ (nguyên văn: chỗ thối nát, faulste) là *thái độ trung lập về chính trị*...». «Một trong những bước đầu tiên quan trọng nhất của bất cứ một nước nào mới bước vào phong trào, phải là việc tổ chức ra đảng độc lập của công nhân, bất kể bằng con đường nào, miễn đó là một đảng công nhân thực sự»[172].

Hiển nhiên là từ đó, không thể rút ra được một cái gì biện hộ cho việc nhảy *từ* đảng dân chủ - xã hội đến đại hội công nhân không đảng, v. v.. Trái lại, bất cứ người nào không muốn bị Ăng-ghen khiển trách là hạ thấp chủ nghĩa Mác xuống thành một «giáo điều», một «tư tưởng chính thống», một «chủ nghĩa bè phái», v. v. thì phải từ đó, rút ra kết luận là đôi khi cần phải tiến hành một cuộc vận động tuyển cử chung với những phần tử «xã hội - phản động» cấp tiến.

Nhưng điều bổ ích, đương nhiên, là nói đến việc so sánh như vậy tình hình Mỹ - Nga (chúng tôi phải nói qua đến sự so sánh đó là để trả lời cho những kẻ thù của chúng ta), ít hơn là nói đến những đặc điểm *căn bản* của phong trào công nhân Anh - Mỹ. Những đặc điểm ấy là: trước mắt giai cấp vô sản không có những nhiệm vụ *dân chủ* ít nhiều quan trọng, trong phạm vi toàn quốc; giai cấp vô sản hoàn toàn bị phụ thuộc vào chính sách của giai cấp tư sản; những nhóm nhỏ, những nhúm người xã hội chủ nghĩa vì theo chủ nghĩa bè phái mà tách rời giai cấp vô sản; trong các cuộc tuyển cử, những người xã hội chủ nghĩa không được quần chúng công nhân tán thành một chút nào, v. v.. Kẻ nào quên mất những điều kiện cơ bản đó và cố rút ra những kết luận rộng rãi từ những «sự so sánh tình hình Mỹ và Nga» thì người đó tỏ ra là cực kỳ nông cạn.

Ăng-ghen sở dĩ muốn nhấn mạnh như thế vào những tổ chức kinh tế của công nhân trong điều kiện như vậy, chính là vì vấn đề ở đây là nói đến những chế độ dân chủ hết sức vững chắc, đang đề ra cho giai cấp vô sản những nhiệm vụ thuần túy xã hội chủ nghĩa.

Ăng-ghen sở dĩ nhấn mạnh vào tầm quan trọng của một đảng công nhân độc lập, dầu với một cương lĩnh tồi, chính là vì vấn đề ở đây là nói đến những nước, mà tại đó mãi cho đến lúc bấy giờ, công nhân vẫn tuyệt nhiên không hề có một chút độc lập chính trị nào cả, — tại đó, về mặt chính trị công nhân đã và đang tiếp tục theo đuôi chủ yếu là giai cấp tư sản.

Định đem những kết luận rút ra từ những nghị luận như vậy ứng dụng chung cho các nước, hoặc cho các thời kỳ lịch sử trong đó giai cấp vô sản đã thành lập được đảng của mình sớm hơn phái tư sản tự do, trong đó giai cấp vô sản tuyệt nhiên không hề có những truyền thống bầu cử cho bọn chính khách tư sản, trong đó những nhiệm vụ dân chủ tư sản, chứ không phải những nhiệm vụ xã hội chủ nghĩa, được trực tiếp đặt thành những nhiệm vụ trước mắt, — muốn làm như thế, là chế giễu phương pháp lịch sử của Mác.

Độc giả sẽ hiểu rõ ý kiến của chúng tôi hơn nữa, nếu chúng tôi đem so sánh nhận định của Ăng-ghen về phong trào Anh - Mỹ với nhận định của ông về phong trào Đức.

Trong tập thư mà chúng tôi cho xuất bản này, những nhận định ấy cũng có rất nhiều và rất đáng chú ý. Và như một sợi chỉ đỏ xuyên qua tất cả những nhận định ấy, người ta thấy nổi bật lên một cái gì khác hẳn: việc đề phòng «cánh hữu» trong đảng công nhân, cuộc chiến đấu kịch liệt (đôi khi *dữ dội*, như Mác hồi 1877 - 1879 đã làm) chống *chủ nghĩa cơ hội* trong nội bộ đảng dân chủ - xã hội.

Trước hết, chúng tôi xin dẫn ra những đoạn trích trong các bức thư để chứng thực điều nói trên; sau đó, chúng tôi sẽ đánh giá hiện tượng đó.

Trước hết, cần phải nêu ra đây nhận định của Các Mác về Huê-khbéc và đồng bọn. Trong bài «Der Sorgesche Briefwechsel», Phr. Mê-rinh cố tìm cách làm dịu bớt những lời công kích của Mác, và cả những lời sau đó của Ăng-ghen công kích bọn cơ hội chủ nghĩa nữa — và theo chúng tôi thì Mê-rinh cố làm việc đó có phần quá đáng. Đặc biệt, khi nói tới Huê-khbéc và đồng bọn, Mê-rinh vẫn cố bám lấy ý kiến của mình cho rằng nhận định của Mác về Lát-xan và phái Lát-xan là không đúng. Nhưng ở đây điều đáng chú ý đối với chúng ta, — chúng tôi

xin nhắc lại, — không phải là việc đánh giá, về mặt lịch sử, xem những lời Mác công kích chính những người xã hội chủ nghĩa cụ thể nào đó, là chính xác hay quá đáng, mà là sự nhận định *có tính nguyên tắc* của Mác về những *trào lưu* đã được xác định trong chủ nghĩa xã hội nói chung.

Chỉ trích những sự thỏa hiệp của những người dân chủ - xã hội Đức với phái Lát-xan và với Đuy-rinh (thư ngày 19 tháng Mười 1877), Mác cũng đã lên án cả sự thỏa hiệp «với tất cả cái đám sinh viên chưa khôn lớn và đám tiến sĩ cực kỳ thông minh» («tiến sĩ», trong tiếng Đức là một học vị tương đương với «phó tiến sĩ» ở nước ta, hoặc «sinh viên đã tốt nghiệp đại học thuộc hạng ưu»), «là bọn tự đề ra nhiệm vụ làm cho chủ nghĩa xã hội có một xu hướng «lý tưởng cao hơn», nghĩa là thay thế cơ sở duy vật của chủ nghĩa xã hội (cơ sở đòi hỏi phải có một sự nghiên cứu khách quan mới có thể vận dụng nó được) bằng một thần thoại mới, với tất cả những nữ thần của nó là công lý, tự do, bình đẳng và fraternité (bác ái). Một trong những đại biểu của khuynh hướng ấy là tiến sĩ Huê-khbéc, người xuất bản tạp chí «Zukunft»[173], một người đã «luồn lọt» vào đảng, cứ cho là với những dụng ý «cao quý nhất», nhưng tôi phỉ nhổ bất cứ «dụng ý» nào. Trên đời này thật khó mà thấy có một cái gì thảm hại hơn, với những «tham vọng nhỏ nhen» hơn là cái cương lĩnh của tạp chí «Zukunft» của ông ta» (thư số 70)[174].

Trong một bức thư khác viết vào khoảng hai năm sau (ngày 19 tháng Chín 1879), Mác bác bỏ những lời đồn nhảm rằng tuồng như là Ăng-ghen và Mác đã ủng hộ G. Mô-xtơ, và Mác trình bày chi tiết cho Doóc-ghê biết về thái độ của mình đối với bọn cơ hội chủ nghĩa trong đảng dân chủ - xã hội Đức. Tạp chí «Zukunft» là do Huê-khbéc, Sram và E. Béc-stanh chủ trì. Mác và Ăng-ghen đã *cự tuyệt* không cộng tác với một tờ báo như vậy, và khi nói tới vấn đề lập một tờ báo mới của đảng, có sự tham gia và giúp đỡ về tiền bạc cũng của chính cái ông Huê-khbéc ấy thì Mác và Ăng-ghen yêu cầu trước hết là phải tiếp nhận Hiếc-sơ, một biên tập viên có trách nhiệm do hai ông chỉ định, để giám sát cái «đám hỗn hợp gồm những tiến sĩ, những sinh viên và những người xã hội chủ nghĩa giảng đường» ấy; rồi sau đó, hai ông gửi một thông tri trực tiếp cho Bê-ben, Liếp-nếch và các lãnh tụ khác của đảng dân chủ - xã hội, báo cho họ biết trước rằng hai ông sẽ công khai đấu tranh chống lại một «việc bôi nhọ như vậy (Verluderung trong tiếng

Đức là một từ *còn có nghĩa mạnh hơn* thế nữa) lý luận và đảng», nếu khuynh hướng của Huê -khbéc, Sram, Béc-stanh không thay đổi.

Đó là lúc Đảng dân chủ - xã hội Đức đang ở vào thời kỳ mà Mê-rinh, trong quyển «Lịch sử» của ông ta, đã gọi là «Một năm hỗn loạn» («Ein Jahr der Verwirrung»). Sau khi «đạo luật ngoại lệ»[175] được ban hành, đảng đã không tìm ngay ra được con đường đúng đắn, mà ngay từ đầu đã say mê chủ nghĩa vô chính phủ của Mô-stơ và chủ nghĩa cơ hội của Huê-khbéc và đồng bọn. Về Huê-khbéc, Mác viết: «Những con người đó, về mặt lý luận, đều là những con số không; về mặt thực tiễn thì họ là những kẻ vô dụng, họ muốn làm cho chủ nghĩa xã hội (mà họ hiểu theo những công thức giảng ở trường đại học) và chủ yếu là làm cho đảng dân chủ - xã hội thành ra ôn hòa hơn, họ muốn giáo dục công nhân, hoặc như lời họ nói, muốn tiêm cho công nhân những «nhân tố học vấn», nhưng bản thân họ thì lại chỉ lờ mờ dở biết dở không, và ngoài ra trước hết họ đặt cho mình nhiệm vụ đề cao uy tín của đảng trước con mắt giai cấp tiểu tư sản. Nhưng rốt cục họ chỉ là những cái máy nói phản cách mạng thảm hại»[176].

Sự công kích «dữ dội» của Mác đã đi đến chỗ làm cho bọn cơ hội chủ nghĩa phải lùi bước và... bị lu mờ đi. Trong bức thư đề ngày 19 tháng Mười một 1879, Mác cho biết rằng người ta đã gạt Huê-khbéc ra khỏi ban biên tập, và tất cả những lãnh tụ trọng yếu của đảng — Bê-ben, Liếp-nếch, Brắc-kê, v. v. đều từ bỏ những tư tưởng của Huê-khbéc. Tờ «Người dân chủ - xã hội»[177], cơ quan của đảng dân chủ - xã hội, bắt đầu xuất bản do Phôn-ma phụ trách biên tập. Phôn-ma lúc bấy giờ thuộc cánh cách mạng trong đảng. Một năm sau (ngày 5 tháng Mười một 1880), Mác kể lại rằng Ăng-ghen và Mác đã thường xuyên công kích cách làm báo «thảm hại» (miserabel) «Người dân chủ - xã hội» ấy và hai ông thường công kích nó kịch liệt («wobei's oft scharf hergeht»). Liếp-nếch đã tìm đến Mác hồi 1880 và hứa với Mác là sẽ có «sự cải thiện» *về mọi mặt*.

Hòa bình được lập lại và chiến tranh không biểu lộ ra ngoài nữa. Huê-khbéc rút lui, còn Béc-stanh trở thành một người dân chủ - xã hội cách mạng... ít ra là cho mãi đến khi Ăng-ghen mất, năm 1895.

Trong thư viết cho Doóc-ghê ngày 20 tháng Sáu 1882, Ăng-ghen kể lại cho Doóc-ghê nghe cuộc đấu tranh ấy tựa như một việc đã qua rồi: «Nói chung, ở Đức tình hình rất tốt. Quả là các ngài viết báo của đảng đã toan tiến hành một bước ngoặt phản động trong đảng, nhưng

họ đã thất bại một cách thảm hại. Những mối nhục mà những công nhân dân chủ - xã hội phải chịu ở khắp mọi nơi, đã khiến họ trở nên cách mạng hơn là hồi ba năm về trước rất nhiều... Những ngài đó (những nhà viết báo của đảng) bằng bất cứ giá nào muốn dùng những biện pháp mềm mỏng, quy lụy và nịnh nọt đặng cầu khẩn xóa bỏ đạo luật chống những người xã hội chủ nghĩa, là đạo luật đã thẳng tay tước mất cái nghề viết báo kiếm cơm của họ. Khi đạo luật đó đã bị xóa bỏ thì không còn nghi ngờ gì cả, sự phân liệt sẽ bộc lộ, các ngài Phi-réc và Huê-khbéc và v. v., lập thành một cánh hữu và sẽ tách ra; bấy giờ, người ta sẽ có thể thỉnh thoảng điều đình với họ, cho đến lúc bọn họ cuối cùng hoàn toàn bị lu mờ hẳn đi. Chúng tôi đã nêu ra ý kiến ấy ngay sau khi ban hành đạo luật chống những người xã hội chủ nghĩa, khi mà Huê-khbéc và Sram đăng trên tờ «Niên giám» một bài nhận định một cách cực kỳ khả ố, về sự hoạt động của đảng và đòi đảng phải có một thái độ nhã nhặn (nguyên văn là «jebildetes» chứ không phải gebildetes. Ăng-ghen nhại lại giọng Béc-lanh của nhà văn Đức), lễ độ, lịch sự».

Lời tiên đoán về phái Béc-stanh đưa ra năm 1882, đã được chứng thực một cách rõ rệt năm 1898 và trong những năm sau.

Và từ đó, đặc biệt là sau khi Mác qua đời, người ta có thể nói không quá đáng rằng, Ăng-ghen đã luôn luôn «uốn nắn lại đường lối» đã bị bọn cơ hội chủ nghĩa Đức làm cho lệch lạc đi.

Cuối năm 1884. Lên án những «thiên kiến tiểu tư sản» của các nghị sĩ dân chủ - xã hội Đức trong Quốc hội đã bỏ phiếu tán thành việc trợ cấp cho Công ty hàng hải («Dampfersubvention», xem «Lịch sử» của Mê-rinh), Ăng-ghen báo tin cho Doóc-ghê biết là ông buộc phải trao đổi thư từ nhiều về việc ấy (thư ngày 31 tháng Chạp 1884)[178].

Năm 1885. Trong khi nhận định về chuyện «Dampfersubvention», Ăng-ghen viết (ngày 3 tháng Sáu) rằng «sự thể đi đến chỗ gần như phân liệt» rồi. «Thói phi-li-xtanh» của những nghị sĩ dân chủ - xã hội đã «*lớn quá lắm*» rồi. Ăng-ghen nói: «Trong một nước như nước Đức thì không tránh khỏi có một phái xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản».

Năm 1887. Ăng-ghen trả lời cho Doóc-ghê, khi Doóc-ghê viết thư cho Ăng-ghen nói rằng đảng rất lấy làm nhục nhã vì đã bầu những người như Phi-réc (là một người dân chủ - xã hội kiểu Huê-khbéc) làm nghị sĩ. Ăng-ghen đã biện giải rằng, không có cách nào khác cả, đảng công nhân biết tìm đâu ra những nghị sĩ tốt để bầu vào Quốc hội được. «Các ngài thuộc cánh hữu biết rõ ràng sở dĩ hiện nay họ còn được dung thứ

chỉ là vì có đạo luật chống những người xã hội chủ nghĩa, và một khi đảng lại được tự do hoạt động thì lập tức họ sẽ bị đuổi ra khỏi đảng». Vả lại, nói chung thì tốt hơn là «đảng hãy đứng ở trên những anh hùng nghị trường của mình, chứ không phải ngược lại» (ngày 3 tháng Ba 1887). Liếp-nếch là một người thỏa hiệp — Ăng-ghen phàn nàn như vậy — tất cả những sự bất đồng ý kiến, Liếp-nếch đều dùng những lời trống rỗng để che lấp đi. Nhưng khi sự thể đi đến phân liệt thì ông ta sẽ đứng về phía chúng ta trong giờ phút quyết định.

Năm 1889. Hai cuộc đại hội quốc tế của những người dân chủ - xã hội họp ở Pa-ri[179]. Bọn cơ hội chủ nghĩa (do phái khả năng Pháp cầm đầu) đã tách khỏi những người dân chủ - xã hội cách mạng. Ăng-ghen (lúc bấy giờ đã 68 tuổi) lao mình vào cuộc chiến đấu như một người còn trai trẻ. Một loạt thư (từ ngày 12 tháng Giêng đến ngày 20 tháng Bảy 1889) chuyên đề đấu tranh chống bọn cơ hội chủ nghĩa. Ăng-ghen không những chỉ chỉ trích riêng bọn cơ hội chủ nghĩa, mà còn chỉ trích cả những người Đức — Liếp-nếch, Bê-ben và những người khác nữa — vì họ đã có đầu óc thỏa hiệp.

Ngày 12 tháng Giêng 1889, Ăng-ghen viết rằng phái khả năng đã bán mình cho chính phủ. Còn về những đảng viên trong «Liên minh dân chủ - xã hội» Anh (S. D. F.) thì Ăng-ghen vạch tội họ là thông đồng với phái khả năng. «Phải viết rất nhiều thư từ và chạy ngược chạy xuôi về cái đại hội đáng nguyền rủa ấy, thành thử tôi chẳng còn làm được việc gì khác nữa» (thư ngày 11 tháng Năm 1889). Phái khả năng làm rối rít lên, còn bọn người chúng ta thì chỉ nằm im thin thít, — Ăng-ghen bực lên mà nói như vậy. Bây giờ, ngay cả Au-ơ và Síp-pen cũng yêu cầu chúng tôi đến dự đại hội của phái khả năng. Nhưng tình hình đó «cuối cùng» đã mở mắt cho Liếp-nếch. Ăng-ghen đã cùng với Béc-stanh viết những bài châm biếm (ký tên Béc-stanh, — Ăng-ghen gọi đó là: «những bài châm biếm của chúng tôi») đả kích bọn cơ hội chủ nghĩa.

«Trừ Liên minh dân chủ - xã hội ra thì phái khả năng không được một tổ chức xã hội chủ nghĩa nào ở toàn châu Âu ủng hộ cả (thư ngày 8 tháng Sáu 1889). Do đó, chúng chỉ còn có việc là quay về với những hội công liên phi xã hội chủ nghĩa» (xin những người ở nước ta thích sùng bái một đảng công nhân rộng rãi, một đại hội công nhân, v. v., hãy lưu ý!). «Từ nước Mỹ, sẽ chỉ có một đại biểu của *những hiệp sĩ của lao động*[180] đến với chúng mà thôi». Kẻ thù ở đây cũng là kẻ thù đã từng gặp phải trong cuộc đấu tranh chống phái Ba-cu-nin: «chỉ có

khác một điều là lá cờ của bọn vô chính phủ đã được thay bằng lá cờ của phái khả năng; ở đây, người ta cũng đem bán những nguyên tắc của mình cho giai cấp tư sản để đổi lấy những sự nhượng bộ lặt vặt, và nhất là để đổi lấy những chức vị béo bở cho các lãnh tụ (như làm ở Hội đồng thị xã, Sở giới thiệu lao động, v. v..)». Brút-xơ (thủ lĩnh phái khả năng) và Hen-đman (thủ lĩnh Liên minh dân chủ - xã hội là phái đã hợp nhất với phái khả năng) đều công kích «chủ nghĩa Mác cường quyền» và muốn hợp thành «hạt nhân của một Quốc tế mới».

«Anh thật không thể tưởng tượng được là người Đức ngây thơ đến mức nào! Tôi đã phải nhọc công vô cùng để làm cho ngay cả Bê-ben hiểu được sự tình chính ra là như thế nào» (thư ngày 8 tháng Sáu 1889). Và khi mà hai cuộc đại hội đã họp, khi mà những người dân chủ - xã hội cách mạng vượt phái khả năng về số lượng (bọn này *hợp nhất với phái công liên*, với Liên minh dân chủ - xã hội và với một bộ phận những người Áo, v. v.) thì Ăng-ghen lấy làm sung sướng (thư ngày 17 tháng Bảy 1889). Người vui mừng vì những kế hoạch và đề nghị thỏa hiệp của Liếp-nếch và của những người khác nữa đã bị thất bại (thư ngày 20 tháng Bảy 1889). «Nhưng cái nhóm người điều hòa đa cảm của chúng ta đã nhận được một cách đích đáng cái đá đít thật mạnh đáp lại tất cả tấm lòng hữu ái của họ». «Có lẽ điều đó sẽ sửa chữa cho họ được ít lâu chăng».

... Mê-rinh đã có lý («Der Sorgesche Briefwechsel») khi nói rằng Mác và Ăng-ghen không ưa gì cái lối nói «khách khí»: «mỗi khi đánh một đòn, hai ông không có cân nhắc lâu la gì, nhưng mỗi khi bị đánh một đòn, hai ông cũng chẳng có kêu than gì». Đã có lần Ăng-ghen viết: «Nếu các ông tưởng là những mũi kim của các ông có thể chọc thủng được lớp da già vừa dày vừa rắn của tôi thì các ông lầm rồi»[181]. Và cái tính chất cứng rắn mà hai ông có được đó, — Mê-rinh viết về Mác và Ăng-ghen, — hai ông cho rằng những người khác cũng đều có được.

Năm 1893. Trị «phái Pha-biêng», đó là việc tự nó buộc phải làm... để nhận xét phái Béc-stanh (không phải vô cớ mà Béc-stanh đã «rèn luyện» chủ nghĩa cơ hội của hắn ở Anh bằng cách phỏng theo «phái Pha-biêng»). «Phái Pha-biêng ở đây, ở Luân-đôn, là một lũ cầu cạnh địa vị, vậy mà chúng đủ sáng suốt để hiểu rằng biến cách xã hội là không thể tránh khỏi; nhưng chúng lại không chịu giao công cuộc to tát ấy cho một mình giai cấp vô sản thô lỗ, cho nên chúng hạ cố đứng ra lãnh đạo giai cấp ấy. Sợ cách mạng, đó là nguyên tắc cơ bản của chúng.

Chúng, par excellence *, là «những người trí thức». Chủ nghĩa xã hội của chúng là chủ nghĩa xã hội thị chính: ít ra cũng là lúc đầu thì công xã, chứ không phải quốc gia, phải trở thành người sở hữu những tư liệu sản xuất. Phái Pha-biêng trình bày cái chủ nghĩa xã hội của họ là một kết quả cực đoan, nhưng không thể tránh khỏi, của chủ nghĩa tự do tư sản. Do đó sách lược của họ là: không kiên quyết đấu tranh chống phái tự do như chống những kẻ thù, mà lại thúc phái đó phải rút ra những kết luận xã hội chủ nghĩa, tức là đánh lừa phái đó, «làm cho chủ nghĩa tự do đượm màu chủ nghĩa xã hội», không đưa những người xã hội chủ nghĩa ra ứng cử đối lập với phái tự do, mà luồn họ vào với phái tự do, nghĩa là dùng thủ đoạn lừa bịp làm cho họ đắc cử... Nhưng làm như thế thì hoặc chính họ sẽ bị lừa dối, hoặc họ sẽ lừa dối chủ nghĩa xã hội, — điều đó đương nhiên họ không hiểu.

Ngoài những tác phẩm tồi đủ mọi loại ra, phái Pha-biêng cũng đã xuất bản được một vài tài liệu tuyên truyền tốt, và đó là cái tốt nhất trong tất cả những cái mà người Anh đã làm được trong lĩnh vực này. Nhưng ngay khi họ quay lại sách lược đặc biệt của họ: xóa mờ cuộc đấu tranh giai cấp thì tình hình lại xấu tệ. Vì đấu tranh giai cấp, họ căm thù Mác và tất cả chúng ta một cách mù quáng.

Đương nhiên phái Pha-biêng có nhiều đồng đội tư sản và do đó, có «lắm tiền bạc»...[182]

Sự đánh giá kinh điển về chủ nghĩa cơ hội trí thức trong đảng dân chủ - xã hội

Năm 1894. Vấn đề nông dân. Ăng-ghen viết ngày 10 tháng Mười một 1894: «Trên lục địa, phong trào càng phát triển lên thì ý muốn đạt được những thành tựu to lớn hơn nữa càng tăng, và cuộc săn đuổi nông dân, nói theo nghĩa đen của danh từ ấy, cũng trở thành một cái mốt. Đầu tiên, người Pháp, qua lời nói của La-phác-gơ, đã tuyên bố ở Năng-tơ rằng không những công việc của chúng ta không phải là đẩy người tiểu nông đi đến chỗ mau phá sản — việc ấy chủ nghĩa tư bản sẽ lo cho chúng ta — mà chúng ta còn phải trực tiếp bảo vệ người

* — chủ yếu. *BT*.

nông dân chống lại chế độ thuế khóa, bọn cho vay nặng lãi và bọn đại địa chủ. Nhưng chúng ta tuyệt nhiên không thể đồng ý với chủ trương đó được, trước hết vì như thế là ngu xuẩn, và hai là không thể làm như thế được. Thế rồi Phôn-ma phát biểu tại Phran-pho và định mua chuộc *nông dân nói chung*; những người nông dân ở vùng thượng Ba-vi-e mà ông ta muốn mua chuộc thì lại không phải là người tiểu nông ở lưu vực sông Rê-na-ni bị mắc nợ lút đầu lút cổ, mà là trung nông và phú nông độc lập đang bóc lột nam nữ cố nông và bán gia súc cùng ngũ cốc. Và ý định đó không thể tán thành được nếu không từ bỏ tất cả mọi nguyên tắc».

Năm 1894, ngày 4 tháng Chạp: «...Những người Ba-vi-e là những người đã trở nên rất, rất cơ hội chủ nghĩa và gần như đã biến thành một đảng nhân dân thông thường (tôi nói đến phần lớn các lãnh tụ và nhiều người mới gia nhập đảng); trong nghị viện Ba-vi-e, họ đã bỏ phiếu tán thành toàn bộ ngân sách, đặc biệt là Phôn-ma đã tổ chức việc cổ động trong nông dân nhằm lôi kéo những phú nông ở vùng thượng Ba-vi-e — là những người có từ 25 đến 80 a-cơ ruộng đất (từ 10 đến 30 héc-ta), nghĩa là những người tuyệt đối không thể không thuê mướn nhân công — chứ không phải là lôi kéo những người cố nông về phía mình...».

Như vậy chúng ta thấy rằng, trong hơn mười năm, Mác và Ăng-ghen đã không ngừng đấu tranh một cách có hệ thống chống lại chủ nghĩa cơ hội trong Đảng dân chủ - xã hội Đức và đã truy kích thói phi-li-xtanh của trí thức và tư tưởng tiểu tư sản trong chủ nghĩa xã hội. Đó là một sự việc hết sức quan trọng. Công chúng rộng rãi đều biết rằng Đảng dân chủ - xã hội Đức được coi là kiểu mẫu về chính sách và sách lược mác-xít của giai cấp vô sản; nhưng họ không biết những nhà sáng lập ra chủ nghĩa Mác đã phải tiến hành một cuộc đấu tranh không ngừng như thế nào chống «cánh hữu» (danh từ của Ăng-ghen dùng) trong đảng ấy. Sau khi Ăng-ghen mất ít lâu, cuộc đấu tranh ấy, trước kia là bí mật, nay đã trở thành công khai, — đó không phải là một việc ngẫu nhiên. Đó là kết quả không tránh khỏi của hàng chục năm phát triển lịch sử của Đảng dân chủ - xã hội Đức.

Và bây giờ chúng ta thấy nổi bật lên hai lối mà Ăng-ghen (và Mác) khuyên bảo, chỉ giáo, uốn nắn, khuyên răn và dặn dò. Hai ông đã hết sức ráo riết kêu gọi những người xã hội chủ nghĩa Anh - Mỹ phải hòa mình với phong trào công nhân, phải trừ bỏ óc bè phái, hẹp hòi và ngoan cố trong các tổ chức của họ. Đối với những người dân chủ -

xã hội Đức thì hai ông đã hết sức kiên quyết dạy bảo họ đừng có sa vào chủ nghĩa phi-li-xtanh, vào «cái thói ngu ngốc say mê đấu tranh nghị trường» (danh từ Mác dùng trong bức thư ngày 19 tháng Chín 1879), vào chủ nghĩa cơ hội của trí thức tiểu tư sản.

Những con mụ lắm mồm trong đảng dân chủ - xã hội của chúng ta đã không ngớt mồm nói về những lời khuyên răn thuộc loại thứ nhất, và đã ngậm miệng không nói đến những lời khuyên răn thuộc loại thứ hai, như vậy há không phải là điều đáng chú ý sao? Tính phiến diện *đó* trong việc đánh giá những bức thư của Mác và Ăng-ghen há không phải là một dấu hiệu rõ rệt nhất của một... «tính phiến diện» nào đó của những người dân chủ - xã hội Nga của chúng ta hay sao?

Ngày nay, lúc mà phong trào công nhân quốc tế đang biểu lộ những triệu chứng của một tình trạng sôi sục sâu sắc và dao động, lúc mà những sự cực đoan của chủ nghĩa cơ hội, của «thói ngu ngốc say mê đấu tranh nghị trường» và của chủ nghĩa cải lương phi-li-xtanh đã gây nên những sự cực đoan ngược lại, những sự cực đoan của chủ nghĩa công đoàn cách mạng — thì ngày nay đường lối chung của những sự «sửa chữa» của Mác và Ăng-ghen đối với chủ nghĩa xã hội Anh - Mỹ và Đức có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Trong những nước *không* có đảng công nhân dân chủ - xã hội, *không* có những nghị sĩ dân chủ - xã hội trong các nghị viện, *không* có một chính sách dân chủ - xã hội nhất quán, kiên định nào trong các cuộc tuyển cử cũng như trên báo chí v. v., — trong những nước đó, Mác và Ăng-ghen đều dạy những người xã hội chủ nghĩa là *vô luận thế nào,* cũng phải đập tan chủ nghĩa bè phái hẹp hòi, và phải *tham gia* phong trào công nhân để *thức tỉnh* giai cấp vô sản *về mặt chính trị*. Bởi vì, trong khoảng ba bốn chục năm cuối thế kỷ XIX, ở Anh cũng như ở Mỹ, giai cấp vô sản *hầu như* đã *không* biểu lộ được một tính chất độc lập chính trị *nào cả*. Vũ đài chính trị trong những nước đó, — trong điều kiện hầu như tuyệt đối không có những nhiệm vụ lịch sử dân chủ - tư sản — đã *hoàn toàn* do giai cấp tư sản đắc thắng và tự mãn chiếm cứ rồi, bọn này, kể về tài nghệ lừa bịp, làm hư hỏng và mua chuộc công nhân thì trên thế giới không có giai cấp tư sản nào sánh kịp.

Tưởng rằng những lời khuyên răn đó của Mác và Ăng-ghen đối với phong trào công nhân Anh - Mỹ có thể đơn giản và trực tiếp ứng dụng vào những điều kiện của nước Nga, tức là vận dụng chủ nghĩa Mác không phải để hiểu rõ *phương pháp* của chủ nghĩa Mác, cũng không phải để *nghiên cứu* những đặc điểm lịch sử cụ thể của phong trào công

nhân trong những nước nhất định, mà là để phục vụ những tính toán bè phái nhỏ nhen, trí thức.

Trái lại, trong một nước mà ở đó cuộc cách mạng dân chủ - tư sản vẫn chưa hoàn thành, ở đó «chế độ chuyên chế quân sự mang những hình thức nghị viện» (lời của Mác trong quyển «Phê phán cương lĩnh Gô-ta»[183] của Người) đã và đang thống trị, ở đó giai cấp vô sản từ lâu đã được lôi cuốn vào hoạt động chính trị và đang thực hiện chính sách dân chủ - xã hội, — trong một nước như thế Mác và Ăng-ghen sợ hơn cả việc tầm thường hóa theo quan điểm nghị viện và đem hạ thấp theo quan điểm phi-li-xtanh những nhiệm vụ và quy mô của phong trào công nhân.

Trong thời đại cách mạng dân chủ - tư sản ở nước Nga, vì ở nước ta báo chí tư sản tự do, to lớn, «xuất sắc» và giàu có, đang ra sức quảng cáo ầm ĩ trong giai cấp vô sản về lòng trung thành «gương mẫu», tính hợp pháp nghị trường, tính khiêm tốn và ôn hòa của phong trào công nhân ở nước Đức láng giềng, nên chúng ta càng có nghĩa vụ phải nhấn mạnh khía cạnh *ấy* của chủ nghĩa Mác và đặt nó lên hàng đầu.

Sự dối trá vụ lợi đó của bọn tư sản phản bội cách mạng Nga không phải ngẫu nhiên mà có, cũng không phải do phẩm chất cá nhân đồi bại của những bộ trưởng trước đây hay sau này nào đó thuộc phe dân chủ - lập hiến, mà có. Sự dối trá đó là do những lợi ích kinh tế sâu xa của bọn địa chủ tự do và tư sản tự do ở Nga sinh ra. Và trong cuộc đấu tranh chống sự dối trá đó, chống «chính sách ngu dân» đó («Massen-verdummung» — danh từ của Ăng-ghen dùng trong bức thư ngày 29 tháng Mười một 1886) thì những bức thư của Mác và Ăng-ghen phải là một thứ vũ khí tốt nhất cho tất cả những người xã hội chủ nghĩa ở Nga.

Sự dối trá vụ lợi của phái tư sản tự do chỉ cho nhân dân thấy «tính khiêm tốn» gương mẫu của những người dân chủ - xã hội Đức. Các lãnh tụ của những người dân chủ - xã hội đó, tức là những người sáng lập ra lý luận chủ nghĩa Mác, nói với chúng ta rằng:

«Hành động cách mạng của những người Pháp đã làm cho bộ mặt giả dối của Phi-réc và đồng bọn (những người dân chủ - xã hội cơ hội chủ nghĩa trong nhóm dân chủ - xã hội ở nghị viện Đức) lộ ra một cách càng thảm hại hơn» (đây là nói về việc thành lập một đảng công nhân trong Hạ nghị viện Pháp và về cuộc bãi công ở Đê-ca-dơ-vi-lơ[184] đã làm cho phái cấp tiến Pháp tách ra khỏi giai cấp vô sản Pháp). «Trong những cuộc tranh luận gần đây của những người xã hội chủ nghĩa chỉ

có Liep-nếch và Bê-ben đứng ra phát biểu ý kiến, và cả hai đều phát biểu rất tốt. Với những cuộc tranh luận như thế chúng ta lại có thể xuất đầu lộ diện trong giới những người đứng đắn, đó là điều mà, tiếc thay, trước kia không phải bao giờ cũng có được. Nói chung, một điều tốt là người ta đang tranh với người Đức quyền lãnh đạo phong trào xã hội quốc tế, nhất là sau khi họ đã đưa vào nghị viện một số rất nhiều phần tử phi-li-xtanh như thế (nhưng đó là điều không thể tránh khỏi). *Ở Đức, trong thời kỳ yên tĩnh, tất cả mọi cái đều trở thành phi-li-xtanh cả,* và trong những lúc như thế, sự kích thích của sự cạnh tranh của người Pháp là *tuyệt đối cần thiết...*» (thư ngày 29 tháng Tư 1886).

Đó là những bài học mà Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, đảng chịu ảnh hưởng tư tưởng chủ yếu của Đảng dân chủ - xã hội Đức, phải đặc biệt nắm cho thật chắc.

Dạy cho chúng ta những bài học ấy, không phải là một đoạn riêng biệt nào đó trong tập thư của những vĩ nhân bậc nhất của thế kỷ XIX, mà là toàn bộ tinh thần và toàn bộ nội dung của ý kiến của hai ông phê phán kinh nghiệm quốc tế của giai cấp vô sản một cách thân ái, thẳng thắn, không chút khách sáo ngoại giao, không chút suy tính nhỏ nhen.

Tất cả những thư từ của Mác và Ăng-ghen đều thực sự thấm nhuần tinh thần đó đến mức nào thì những đoạn sau đây, tuy tương đối có tính chất riêng biệt nhưng hết sức đặc sắc, có thể chứng minh rõ.

Năm 1889, ở Anh bắt đầu có một phong trào non trẻ, tươi tắn, đầy tinh thần cách mạng mới, trong những người thợ thông thường, chưa được huấn luyện, chưa thành thạo (thợ hơi đèn, công nhân khuân vác, v. v.). Ăng-ghen rất phấn khởi về phong trào đó. Ăng-ghen hết sức khen ngợi vai trò của «Tát-xi» (Tussy), con gái Mác, đã cổ động trong đám công nhân ấy. Ngày 7 tháng Chạp 1889, Ăng-ghen viết từ Luân-đôn: «Điều đáng ghét nhất ở đây, là cái «thể diện» kiểu tư sản đã ăn sâu vào tận xương tủy của công nhân. Sự phân chia xã hội thành vô số những tầng lớp xã hội mà tất cả mọi người thừa nhận một cách không chối cãi được, trong đó mỗi tầng lớp đều có «thể diện» của mình và đều thấm đầy lòng tôn kính bẩm sinh đối với những lớp người «khá hơn», «cao hơn», — sự phân chia đó đã có khá lâu và đã khá ăn sâu bám chắc đến nỗi giai cấp tư sản không thấy khó khăn gì lắm trong việc lừa bịp quần chúng. Chẳng hạn, tôi không mảy may tin rằng Giôn Bớc-xơ (Burns), trong thâm tâm ông ta, lại lấy làm tự hào về sự tín nhiệm của ông trong giai cấp của ông hơn là về sự tín nhiệm của giáo chủ Man-ninh, của viên thị trưởng và nói chung là của giai cấp tư sản

đối với ông. Và Săm-pi-ông (Champion) một trung úy giải ngũ — đã câu kết cách đây rất lâu với bọn tư sản và nhất là với những phần tử bảo thủ, còn trong đại hội mục sư của giáo hội Anh thì y đã tuyên truyền chủ nghĩa xã hội v. v.. Và ngay cả Tôm Man (Mann), một người mà tôi coi là tốt nhất trong bọn họ, cũng thích nói ra rằng ông ta sẽ đi ăn cơm sáng với viên thị trưởng. Chỉ cần so sánh những người đó với những người Pháp, người ta sẽ thấy là về mặt này, cách mạng có tác dụng tốt đến mức nào».

Đoạn này không cần phải giải thích gì nữa.

Ví dụ khác. Năm 1891, có nguy cơ chiến tranh ở châu Âu. Ăng-ghen có trao đổi thư từ với Bê-ben về vấn đề ấy; cả hai người đều đồng ý rằng nếu Nga tấn công Đức thì những người xã hội chủ nghĩa Đức cần phải chiến đấu quyết liệt chống người Nga và chống bất cứ kẻ đồng minh nào của người Nga. «Nếu nước Đức bị bóp chết, chúng ta sẽ cùng chết với nước Đức. Nhưng trong trường hợp thuận lợi, cuộc đấu tranh sẽ trở thành kịch liệt đến nỗi nước Đức chỉ có dùng những biện pháp cách mạng thì mới có thể đứng vững được, và do đó, rất có thể là chúng ta sẽ bắt buộc phải nắm lấy chính quyền và diễn lại năm 1793» (thư ngày 24 tháng Mười 1891).

Xin những kẻ cơ hội chủ nghĩa đã từng hò hét khắp nơi về cái tính chất không dân chủ - xã hội của những triển vọng «gia-cô-banh» đối với Đảng công nhân Nga hồi 1905, hãy chú ý điều đó! Ăng-ghen đã chỉ thẳng cho Bê-ben thấy rằng những người dân chủ - xã hội có thể phải tham gia chính phủ lâm thời.

Hoàn toàn tự nhiên là khi bày tỏ quan điểm như vậy về những nhiệm vụ của các đảng công nhân dân chủ - xã hội, Mác và Ăng-ghen đã đầy lòng tin tưởng lạc quan vào cuộc cách mạng Nga và vào cái ý nghĩa thế giới to lớn của cuộc cách mạng đó. Chúng ta thấy biểu hiện ra trong tập thư ấy, suốt hai mươi năm, sự mong đợi say sưa đó về cuộc cách mạng ở Nga.

Đây là bức thư của Mác đề ngày 27 tháng Chín 1877. Cuộc khủng hoảng ở phương Đông [185] làm cho Mác phấn khởi. «Nước Nga từ lâu đã đứng trước ngưỡng cửa của những cuộc biến cách lớn lao, và tất cả mọi yếu tố cần thiết đều đã sẵn sàng cho việc đó. Nhờ những đòn tấn công của những tay hảo hán Thổ-nhĩ-kỳ, sự bùng nổ được đẩy nhanh trước nhiều năm... Cuộc biến cách sẽ bắt đầu secundum artem («theo tất cả mọi quy tắc của nghệ thuật») bằng những *trò lập hiến*, và sẽ có một sự huyên náo (il y aura un beau tapage). Nếu trời còn để

sống, chúng tôi sẽ được trông thấy thắng lợi ấy». (Bấy giờ Mác 59 tuổi.)

Nhưng trời không để — vả lại cũng không thể để — cho Mác sống đến tận ngày «thắng lợi ấy». Còn về những «trò lập hiến» thì Mác đã *nhìn thấy trước* rồi, và những lời của Người thì tựa hồ như mới nói ra hôm qua đây về Đu-ma[186] thứ nhất và thứ hai của nước Nga. Mà lời khuyên răn nhân dân phải đề phòng những «trò lập hiến» thì chính là «linh hồn sống» của cái sách lược tẩy chay mà phái tự do và bọn cơ hội chủ nghĩa rất là căm ghét...

Đây là bức thư của Mác đề ngày 5 tháng Mười một 1880. Mác phấn khởi khi thấy bộ «Tư bản» được hoan nghênh ở Nga và Người đứng về phía những người «Dân ý» chống lại nhóm những người theo phái «Chia đều ruộng đất»[187] lúc đó vừa mới thành lập. Mác đã nhìn thấy một cách chính xác những yếu tố vô chính phủ trong những quan điểm của phái «Chia đều ruộng đất», và vì hồi bấy giờ Mác không biết, và cũng không thể nào biết được rằng sau này những người dân túy thuộc phái «Chia đều ruộng đất» sẽ biến thành những người dân chủ - xã hội, nên Mác công kích những người theo phái «Chia đều ruộng đất» bằng tất cả những lời lẽ châm biếm rất mực chua cay của Người:

«Các ngài ấy phản đối bất cứ một hành động chính trị cách mạng nào. Nước Nga theo ý kiến của họ, ắt phải nhảy một cái vào thế giới vô chính phủ - cộng sản chủ nghĩa - vô thần. Trong khi đó thì họ chuẩn bị bước nhảy ấy bằng một thứ giáo điều chán ngắt. Những cái gọi là nguyên tắc trong học thuyết của họ đều lấy của Ba-cu-nin đã chết nghẻm đi rồi».

Do đó người ta có thể thấy rằng, Mác sẽ nhận định như thế nào về tầm quan trọng của «hoạt động cách mạng chính trị» của *đảng dân chủ xã hội* * đối với nước Nga hồi 1905 và những năm sau đó.

Đây là một bức thư của Ăng-ghen đề ngày 6 tháng Tư 1887: «Thế nhưng, cuộc khủng hoảng hình như sắp xảy ra ở Nga. Những vụ mưu sát gần đây đã đẩy tới tình trạng rất hỗn loạn...» Bức thư ngày 9 tháng

---

* Tiện đây cũng nói thêm rằng nếu tôi nhớ không lầm thì hồi 1900 - 1903, Plê-kha-nốp hay V. I. Da-xu-lích có cho tôi hay rằng Ăng-ghen có viết một bức thư cho Plê-kha-nốp nói về «Những ý kiến bất đồng của chúng ta» và về tính chất của cuộc cách mạng sắp nổ ra ở Nga. Chúng tôi rất muốn biết đích xác là bức thư ấy có thật có không, có còn giữ được không và có phải đã đến lúc đem công bố được chưa[188].

Tư 1887 cũng nói như vậy... «Quân đội thì đầy rẫy những võ quan bất mãn đang hoạt động một cuộc âm mưu» (bấy giờ cuộc đấu tranh cách mạng của những người «Dân ý» đã gây ấn tượng đến Ăng-ghen, nên ông đã đặt hy vọng vào các võ quan mà vẫn chưa thấy được tinh thần cách mạng mà mười tám năm sau, binh lính và thủy quân sẽ biểu lộ ra một cách sáng chói...). «...Tôi không tin rằng tình thế hiện nay lại có thể duy trì được một năm nữa. Và khi cách mạng nổ ra ở Nga («losgeht») thì lúc đó, hoan hô!»

Thư ngày 23 tháng Tư 1887: «Những hành động truy nã (những người xã hội chủ nghĩa) vẫn tiếp diễn ở Đức. Hình như là Bi-xmác muốn chuẩn bị sẵn sàng tất cả để khi ở Nga cách mạng nổ ra, — đó chỉ là vấn đề một vài tháng mà thôi, — thì nước Đức sẽ có thể lập tức theo gương nước Nga» («losgeschlagen werden»).

Mấy tháng đó hóa ra lại thực là quá dài. Không nghi ngờ gì cả là sẽ có những kẻ phi-li-xtanh nhăn mặt cau mày lên án nghiêm khắc «chủ nghĩa cách mạng» của Ăng-ghen, hoặc sẽ tỏ ra vẻ độ lượng mà chê cười những cái không tưởng cũ kỹ của nhà cách mạng lưu vong lão thành.

Đúng, Mác và Ăng-ghen đã lầm nhiều và thường lầm trong khi phán đoán cách mạng sắp nổ ra, trong khi hai ông hy vọng cách mạng sẽ thắng lợi (chẳng hạn, cách mạng năm 1848 ở Đức), trong khi tin tưởng vào việc sắp sửa thành lập được nền «Cộng hòa» Đức «chết cho nền cộng hòa», Ăng-ghen đã viết về thời kỳ đó như vậy, khi nhớ lại tâm trạng của mình lúc tham gia chiến dịch quân sự để giành Hiến pháp để chế hồi 1848 - 1849 [189]). Hai ông đã lầm, năm 1871, khi hai ông chuyên tâm «phát động miền Nam nước Pháp nổi dậy, điều mà vì nó, hai ông (Bếc-cơ viết là: «chúng tôi», khi nói về bản thân mình và những người bạn thân của mình: thư số 14 ngày 21 tháng Bảy 1871) đã hy sinh, đã liều bỏ tất cả những gì mà con người có thể hy sinh, có thể liều bỏ được...». Cũng trong thư ấy: «Nếu hồi tháng Ba và tháng Tư mà chúng tôi có nhiều tiền hơn một chút thì có lẽ chúng tôi đã phát động được toàn bộ miền Nam nước Pháp nổi dậy, và đã cứu vãn được Công xã Pa-ri rồi» (tr. 29). Nhưng những lầm lẫn *như vậy* của hai nhà tư tưởng cách mạng vĩ đại đã nâng và đã nâng được giai cấp vô sản toàn thế giới vượt lên trên trình độ của những nhiệm vụ nhỏ nhặt, tủn mủn, hàng ngày, — những lầm lẫn ấy còn ngàn lần cao thượng hơn, vĩ đại hơn, và *về mặt lịch sử, thì quý báu hơn, gần sự thật hơn* là cái trí khôn ngoan tầm thường của phái tự do quan trường là bọn đang ca tụng,

hò hét, kêu cầu và rêu rao rằng những sự huênh hoang cách mạng đều là huênh hoang, đấu tranh cách mạng là vô bổ, ảo mộng «lập hiến» phản cách mạng là đẹp tuyệt trần...

Bằng những hành động cách mạng đầy rẫy sai lầm, giai cấp công nhân Nga sẽ giành được tự do và sẽ thúc đẩy được châu Âu tiến lên — để mặc cho những con người tầm thường cứ khoe khoang mình không hề phạm sai lầm, vì không hoạt động cách mạng.

N. Lê-nin

6 tháng Tư 1907

Toàn tập, t. 15

TRÍCH:
SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN Ở NGA

(Quá trình hình thành thị trường trong nước cho đại công nghiệp)

Lời tựa cho bản in lần thứ hai

Quyển sách này viết vào đêm trước của cách mạng Nga, trong thời kỳ tạm yên sau khi nổ ra những cuộc bãi công lớn năm 1895 - 1896. Phong trào công nhân lúc đó dường như lắng xuống, nhưng thực tế thì phát triển sâu rộng và chuẩn bị cho bước đầu của làn sóng biểu tình năm 1901.

Sự phân tích chế độ kinh tế và xã hội, do đó, sự phân tích cơ cấu giai cấp ở Nga, mà chúng tôi trình bày trong quyển sách này căn cứ vào những sự nghiên cứu kinh tế và vào việc phân tích có phê phán các tài liệu thống kê, thì hiện nay đã được hoạt động chính trị công khai của tất cả các giai cấp trong tiến trình cách mạng xác nhận là đúng. Vai trò lãnh đạo của giai cấp vô sản đã biểu lộ ra đầy đủ. Ta cũng thấy biểu lộ ra rằng lực lượng của giai cấp vô sản trong phong trào lịch sử thì vô cùng lớn hơn số lượng của giai cấp ấy trong toàn bộ dân cư. Cơ sở kinh tế của cả hai hiện tượng đó đã được chứng minh trong cuốn sách này.

Sau nữa, hiện nay, cuộc cách mạng đang làm nổi bật ngày càng rõ rệt hơn địa vị hai mặt và vai trò hai mặt của nông dân. Một mặt, rất nhiều tàn dư của một nền kinh tế dựa trên diêu dịch và vô số tàn tích của chế độ nông nô, cùng với tình trạng bần cùng và phá sản chưa từng thấy của nông dân nghèo, làm cho ta thấy rất rõ những nguồn gốc sâu xa của phong trào cách mạng nông dân và những cỗi rễ sâu xa của tính chất cách mạng của nông dân với tư cách là quần chúng. Mặt khác, cả trong tiến trình của cách mạng, cả trong tính chất của các chính đảng khác nhau và cả trong nhiều trào lưu chính trị - tư tưởng, đều đã lộ rõ cái cơ cấu giai cấp có mâu thuẫn nội tại của quần chúng đó, tính chất tiểu tư sản của quần chúng đó và tính chất đối kháng giữa những xu hướng nghiệp chủ và xu hướng vô sản trong nội bộ của quần

chúng đó. Sự dao động của người kinh doanh nhỏ bị phá sản không biết ngả theo giai cấp tư sản phản cách mạng hay giai cấp vô sản cách mạng, cũng là một điều không thể tránh được như cái hiện tượng là trong mọi xã hội tư bản chủ nghĩa, đều có một số rất ít người sản xuất nhỏ trở nên giàu có, «hơn người», biến thành tư sản, trong khi đó tuyệt đại đa số người sản xuất nhỏ hoặc bị phá sản hoàn toàn và trở thành công nhân làm thuê hay những người bần cùng, hoặc sống vĩnh viễn trong tình trạng gần giống những người vô sản. Cơ sở kinh tế của hai trào lưu đó trong nông dân đã được chứng minh trong sách này.

Trên cơ sở kinh tế ấy thì dĩ nhiên cách mạng Nga nhất thiết phải là một cuộc cách mạng tư sản. Nguyên lý đó của chủ nghĩa Mác là tuyệt đối không thể bác bỏ được. Không bao giờ được quên nguyên lý đó. Cần luôn luôn vận dụng nguyên lý đó vào tất cả các vấn đề kinh tế và chính trị của cách mạng Nga.

Nhưng cần phải biết cách vận dụng nguyên lý đó. Việc phân tích cụ thể địa vị và lợi ích của các giai cấp khác nhau phải nhằm vào việc xác định ý nghĩa chính xác của chân lý ấy khi nó được vận dụng vào một vấn đề nào đó. Cách lập luận ngược lại mà ta thường gặp của cánh hữu trong đảng dân chủ - xã hội, đứng đầu là Plê-kha-nốp, — nghĩa là xu hướng muốn giải đáp những vấn đề cụ thể bằng cách phát triển một cách đơn thuần lô-gích một chân lý chung về tính chất cơ bản của cách mạng ở nước ta, — là một cách lập luận tầm thường hóa chủ nghĩa Mác và chỉ chế giễu chủ nghĩa duy vật biện chứng. Để nói về những kẻ căn cứ vào cái chân lý chung về tính chất của cuộc cách mạng đó mà rút ra chẳng hạn cái kết luận là vai trò lãnh đạo trong cuộc cách mạng phải thuộc về «giai cấp tư sản», hoặc kết luận là những người xã hội chủ nghĩa phải ủng hộ phái tự do, — thì chắc hẳn Mác sẽ dùng lại những lời sau đây của Hai-nơ mà Mác đã có lần dẫn ra: «Tôi đã cho ấp trứng rồng, nhưng lại nở ra toàn loài bọ mạt».

Trên cơ sở kinh tế đó của cách mạng Nga thì về mặt khách quan, có thể có hai đường lối cơ bản để phát triển và kết thúc cách mạng:

Hoặc là nền kinh tế địa chủ cũ, gắn liền với chế độ nông nô bằng muôn nghìn mối liên hệ, vẫn tồn tại và chuyển biến chậm chạp thành kinh tế thuần túy tư bản chủ nghĩa, thành kinh tế của «gioong-ke» *. Cơ sở của bước quá độ cuối cùng từ chế độ lao dịch sang chủ nghĩa tư bản là cải cách nội bộ của nền kinh tế địa chủ thời nông nô. Toàn bộ

* — «gioong-ke» — bọn địa chủ quý phái Phổ. *BT*.

chế độ ruộng đất của nhà nước trở thành có tính chất tư bản chủ nghĩa, đồng thời vẫn giữ lại trong một thời gian dài những đặc điểm của chế độ nông nô. Hoặc là cách mạng đập tan nền kinh tế địa chủ cũ bằng cách tiêu diệt tất cả mọi tàn tích của chế độ nông nô, và trước hết là chế độ chiếm hữu ruộng đất lớn. Cơ sở của bước quá độ cuối cùng từ chế độ lao dịch sang chủ nghĩa tư bản là sự phát triển tự do của nền kinh tế tiểu nông đã được đẩy mạnh bởi việc tước đoạt ruộng đất của địa chủ để giao cho nông dân. Toàn bộ chế độ ruộng đất trở thành có tính chất tư bản chủ nghĩa, vì những tàn tích của chế độ nông nô càng bị tiêu diệt triệt để bao nhiêu thì nông dân lại càng phân hóa mau chóng bấy nhiêu. Nói một cách khác: hoặc là duy trì bộ phận chủ yếu của chế độ sở hữu ruộng đất của địa chủ và những nền tảng chủ yếu của «kiến trúc thượng tầng» cũ; do đó, bọn tư sản bảo hoàng - tự do chủ nghĩa và bọn địa chủ sẽ nắm vai trò chủ yếu, nông dân khá giả sẽ mau chóng ngả theo chúng, còn quần chúng nông dân thì ngày càng sa sút, không những vì bị tước đoạt trên một quy mô lớn, mà còn vì bị nô dịch bằng nhiều cách thức chuộc lại do bọn dân chủ - lập hiến để ra, và vì bị sự thống trị của bọn phản động làm cho đần độn và ngu muội; những kẻ thực hành một cuộc cách mạng tư sản kiểu đó sẽ là những nh à chính trị loại bà con gần của những người thuộc phái tháng Mười[190]. Hoặc là tiêu diệt chế độ sở hữu ruộng đất của địa chủ và tất cả những nền tảng chủ yếu của «kiến trúc thượng tầng» cũ phù hợp với chế độ đó; giai cấp vô sản và quần chúng nông dân nắm được vai trò chủ yếu, trong khi trung lập được giai cấp tư sản bấp bênh hoặc phản cách mạng; lực lượng sản xuất sẽ phát triển nhanh chóng nhất và tự do nhất trên cơ sở chủ nghĩa tư bản, với những điều kiện tốt nhất nói chung có thể có cho quần chúng công nông dưới chế độ sản xuất hàng hóa; — do đó mà tạo ra những điều kiện thuận lợi nhất cho giai cấp công nhân hoàn thành nhiệm vụ chân chính và cơ bản của họ là thực hiện sự cải tạo xã hội chủ nghĩa. Đương nhiên là có thể có không biết bao nhiêu là sự kết hợp giữa những yếu tố của sự phát triển tư bản chủ nghĩa theo kiểu này hay kiểu khác; và chỉ bọn thông thái rởm mới đi giải quyết những vấn đề đặc biệt và phức tạp phát sinh trong lĩnh vực ấy bằng những câu nho nhỏ trích từ một nhận định nào đó của Mác về một thời đại lịch sử khác.

Cuốn sách mà chúng tôi cho ra mắt độc giả là dành để phân tích nền kinh tế của Nga trước cách mạng. Trong thời đại cách mạng, sinh hoạt của nước nhà phát triển nhanh chóng và dồn dập, thành thử giữa

lúc cuộc đấu tranh chính trị đương quyết liệt, không thể nào xác định được những kết quả quan trọng của sự phát triển kinh tế. Một bên là bọn Xtô-lư-pin, một bên là phái tự do (và không phải chỉ có bọn dân chủ - lập hiến à la * Xtơ-ru-vê, mà là tất cả bọn dân chủ - lập hiến nói chung) đương hoạt động một cách có hệ thống, kiên trì và triệt để để hoàn thành cách mạng theo kiểu thứ nhất. Cuộc chính biến ngày 3 tháng Sáu 1907 [191], mà chúng ta vừa chứng kiến, là bước thắng lợi của thế lực phản cách mạng đang ra sức đảm bảo cho bọn địa chủ chiếm ưu thế tuyệt đối trong cái mà người ta gọi là cơ quan đại biểu nhân dân Nga. Nhưng «thắng lợi» đó lâu bền được đến mức nào, đấy lại là một vấn đề khác, và cuộc đấu tranh cho cái kết cục thứ hai của cách mạng vẫn còn tiếp diễn. Không những giai cấp vô sản, mà cả quảng đại quần chúng nông dân, đều đang cố gắng đạt tới kết cục đó với tinh thần ít nhiều kiên quyết, ít nhiều triệt để, ít nhiều tự giác. Dù cho thế lực phản cách mạng có ra sức đến đâu chăng nữa hòng bóp nghẹt cuộc đấu tranh của quần chúng bằng bạo lực trực tiếp, và dù cho bọn dân chủ - lập hiến có ra sức đến đâu chăng nữa hòng bóp nghẹt cuộc đấu tranh đó bằng những tư tưởng phản cách mạng ti tiện và giả nhân giả nghĩa của chúng thì cuộc đấu tranh đó cũng vẫn cứ xuất hiện, bất chấp tất cả, ở nơi này nơi khác, và nó đã in dấu vết của nó trên chính sách của các đảng «lao động», dân túy, mặc dầu tầng lớp bên trên của những nhà chính trị tiểu tư sản (nhất là bọn «xã hội chủ nghĩa nhân dân» và phái lao động), không còn nghi ngờ gì nữa, đã nhiễm phải cái tinh thần phản bội, xu nịnh hèn hạ theo kiểu Môn-tsa-lin [192] và tự túc tự mãn của bọn dân chủ - lập hiến, thật xứng đáng với bọn tiểu thị dân hoặc công chức ôn hòa và mực thước.

Cuộc đấu tranh đó sẽ kết thúc thế nào, kết quả cuối cùng của cuộc tấn công đầu tiên của cách mạng Nga sẽ ra sao, — bây giờ ta chưa thể nói được. Vì vậy, chưa đến lúc soạn lại toàn bộ sách này ** (vả lại, những nhiệm vụ trực tiếp của đảng không cho phép tôi, một người đang tham gia phong trào công nhân, có thì giờ rảnh để làm việc đó). Lần xuất bản thứ hai này không thể vượt ra ngoài khuôn khổ việc nhận định nền

---

* — theo kiểu. *BT.*

** Có thể là muốn soạn lại như vậy thì phải viết tiếp vào quyển sách này: như thế thì tập thứ nhất sẽ phải giới hạn trong việc phân tích kinh tế nước Nga trước cách mạng, và dành một tập thứ hai để nghiên cứu những tổng kết và kết quả của cách mạng.

kinh tế nước Nga *trước* cách mạng. Cho nên tác giả chỉ xem lại và sửa lại nguyên bản, và thêm vào đó những điểm bổ sung *cần thiết nhất* do tài liệu thống kê mới nhất cung cấp. Chẳng hạn như kết quả của các cuộc điều tra vừa đây về số ngựa, thống kê mùa màng, con số điều tra nhân khẩu trong toàn nước Nga năm 1897, *những số liệu mới* của thống kê các công xưởng và nhà máy v. v..

Tác giả

Tháng Bảy 1907

Toàn tập, t. 3

TRÍCH BÀI BÁO: PHẢN ĐỐI VIỆC TẨY CHAY

(Rút trong bài bình luận của một nhà chính luận dân chủ-xã hội)

V

Tẩy chay là một trong những truyền thống cách mạng tốt đẹp nhất của thời kỳ có nhiều sự biến nhất, anh dũng nhất của cách mạng Nga. Chúng tôi đã nói ở trên kia rằng một trong những nhiệm vụ của chúng ta là gìn giữ cẩn thận những truyền thống đó nói chung, bồi dưỡng những truyền thống đó, và gạt những ký sinh tự do chủ nghĩa (và cơ hội chủ nghĩa) ra khỏi những truyền thống đó. Chúng ta cần phải phân tích sơ qua nhiệm vụ đó, để xác định được một cách chính xác nội dung của nhiệm vụ đó và tránh những sự hiểu lầm và những sự giải thích sai rất có thể xảy ra.

Chủ nghĩa Mác khác tất cả các lý luận xã hội chủ nghĩa khác, ở chỗ nó kết hợp một cách tài tình tính hoàn toàn sáng suốt khoa học trong việc phân tích tình hình khách quan và tiến trình khách quan, với việc thừa nhận một cách hết sức dứt khoát tác dụng của nghị lực cách mạng, tính sáng tạo cách mạng và tính chủ động cách mạng của quần chúng, và dĩ nhiên là cả của những cá nhân, những tập đoàn, những tổ chức và những chính đảng biết phát hiện ra và thực hiện được mối liên hệ với những giai cấp này hoặc giai cấp khác. Ý kiến đánh giá cao những thời kỳ cách mạng trong sự phát triển của nhân loại là phát sinh từ toàn bộ những quan điểm lịch sử của Mác: chính là trong những thời kỳ đó mà rất nhiều những mâu thuẫn được tích lũy dần dần trong những thời kỳ gọi là tiến triển hòa bình, đã được giải quyết. Chính trong những thời kỳ đó, vai trò trực tiếp của các giai cấp trong việc quyết định những hình thái của đời sống xã hội được biểu hiện ra mạnh mẽ nhất; những nền tảng của «kiến trúc thượng tầng» chính trị hình thành; kiến trúc thượng tầng ấy sẽ đứng vững trong một thời gian dài sau đó, trên cơ sở những quan hệ sản xuất đã đổi mới. Khác hẳn các nhà lý luận của giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa, Mác đã coi những thời kỳ đó tuyệt nhiên không phải là đi chệch ra ngoài con

đường «bình thường», không phải là triệu chứng của «bệnh tật xã hội», không phải là kết quả tai hại của các hành động thái quá và sai lầm, mà là những giờ phút sinh tử nhất, trọng yếu nhất, chủ yếu và có ý nghĩa quyết định trong lịch sử của các xã hội loài người. Trong đời hoạt động của bản thân Mác và Ăng-ghen, thời kỳ hai ông tham gia cuộc đấu tranh cách mạng của quần chúng năm 1848 - 1849, đã nổi rõ lên như một điểm trung tâm. Hai ông đều xuất phát từ điểm đó để nhận định vận mệnh của phong trào công nhân và phong trào dân chủ trong các nước. Hai ông đều luôn luôn trở lại điểm đó, mỗi khi muốn xác định một cách rõ ràng nhất và sáng suốt nhất bản chất bên trong của các giai cấp và những khuynh hướng của họ. Hai ông luôn luôn xuất phát từ quan điểm của thời đại đó, tức thời đại cách mạng, để đánh giá những hình thái chính trị hình thành sau đó, những hình thái nhỏ bé hơn, để đánh giá các tổ chức, các nhiệm vụ chính trị và các cuộc xung đột chính trị. Không phải không có lý do gì mà những lãnh tụ tư tưởng của phái tự do, như Dôm-bác-tơ, ghét cay ghét đắng đặc điểm đó trong đời hoạt động và trong các tác phẩm của Mác, cho rằng đó là do «tính cáu kỉnh của con người lưu vong» mà ra. Thật đúng là một tiểu tốt trong giới khoa học đại học tư sản và cảnh sát thì mới đem cái bộ phận cấu thành tuyệt đối không thể tách rời được của toàn bộ thế giới quan cách mạng của Mác và Ăng-ghen mà quy kết rằng đó là do tính cáu kỉnh cá nhân, là do những phiền muộn cá nhân trong hoàn cảnh lưu vong ở nước ngoài của hai ông mà ra!

Ở một trong những bức thư của Mác, hình như là gửi cho Cu-ghen-man thì phải, Mác đã nhân tiện đưa ra một nhận xét hết sức đặc sắc và đặc biệt đáng chú ý về vấn đề chúng ta đang bàn. Mác nhận xét rằng thế lực phản động ở Đức đã hầu như loại ra, khỏi ý thức của nhân dân các kỷ niệm về thời kỳ cách mạng 1848 và những truyền thống của thời kỳ ấy[193]. Ông nêu bật những mục đích đối lập hẳn nhau của thế lực phản động và của đảng của giai cấp vô sản đối với những truyền thống cách mạng của nước đó. Mục đích của thế lực phản động là từ bỏ những truyền thống ấy và làm cho người ta hình dung cuộc cách mạng như «một trận cuồng phong», từ ngữ mà Xtơ-ru-vê dùng để dịch từ ngữ Đức «das tolle Jahr» («một năm điên cuồng», một từ ngữ đã được các nhà sử học Đức có đầu óc tư sản và cảnh sát dùng, và thậm chí còn được các nhà sử học đại học Đức sử dụng để nói về năm 1848). Mục đích của thế lực phản động là làm cho dân chúng quên những hình thức đấu tranh, những hình thức tổ chức, những tư tưởng, những

khẩu hiệu mà thời đại cách mạng đã sản sinh ra rất nhiều và đủ loại. Cũng như hai vợ chồng Ve-bơ, tức là những người tán dương ngu xuẩn tầng lớp tiểu thị dân Anh, cố sức làm cho người ta hình dung phong trào hiến chương, một thời kỳ cách mạng của phong trào công nhân Anh, chỉ là một trò trẻ con, một «lỗi lầm của tuổi trẻ», một sự ngây thơ không đáng quan tâm nhiều, một sự lệch lạc bất thường và ngẫu nhiên, những nhà sử học tư sản Đức cũng coi nhẹ năm 1848 ở Đức như thế. Thế lực phản động cũng có một thái độ như thế đối với cuộc đại cách mạng Pháp là cuộc cách mạng cho đến nay cũng vẫn tỏ rõ sức sống của nó và ảnh hưởng mạnh mẽ của nó đối với nhân loại, vì mãi cho đến nay nó cũng vẫn còn khích động lòng căm thù sôi sục nhất. Cũng theo cách đó, những tay anh hùng trong phái phản cách mạng ở nước ta, đặc biệt là những «người dân chủ» trước đây, như loại Xtơ-ru-vê, Mi-li-u-cốp, Ki-dê-vét-te và tutti quanti* đều đang đua nhau nhạo báng một cách hèn nhát những truyền thống cách mạng của cách mạng Nga. Kể từ khi cuộc đấu tranh trực tiếp của quần chúng vô sản giành được mảnh tự do đã khiến cho những tên đầy tớ của chế độ cũ, thuộc phái tự do, phải cảm phục, cho đến nay chưa đầy hai năm mà trong sách báo chính luận ở nước ta, đã phát sinh ra một tư trào lớn lấy tên là *chủ nghĩa tự do* (!!) được báo chí dân chủ - lập hiến nuôi dưỡng, và chỉ chuyên nhằm một mục đích này là: trình bày cách mạng của chúng ta, những phương pháp đấu tranh cách mạng, những khẩu hiệu cách mạng, những truyền thống cách mạng là thấp hèn, cổ sơ, ngây thơ, tự phát, ngu ngốc, v. v., và thậm chí là tội ác nữa... từ Mi-li-u-cốp đến Ca-mư-san-xki, il n'ya qu'un pas**! Ngược lại, những thắng lợi của thế lực phản động — những kẻ lúc đầu đã xua nhân dân ra khỏi các Xô-viết đại biểu công nhân và nông dân để rồi đẩy họ vào các Đu-ma của Đu-ba-xốp và Xtô-lư-pin, và giờ đây lại đẩy họ vào Đu-ma của Đảng tháng Mười, — lại được những tay anh hùng của phái tự do Nga coi như là một «quá trình trưởng thành của ý thức *lập hiến* ở Nga».

Đảng dân chủ - xã hội Nga hiển nhiên có nghĩa vụ phải nghiên cứu cách mạng của ta một cách hết sức chu đáo và toàn diện, phải làm cho quần chúng hiểu được các hình thức đấu tranh, các hình thức tổ chức của cách mạng đó, v. v., phải củng cố những truyền thống cách

* — tất cả không trừ ai. *BT*.
** — chỉ có một bước. *BT*.

mạng trong nhân dân, phải làm cho quần chúng thấy thật rõ ràng chỉ có đấu tranh cách mạng mới có thể có được những sự cải thiện đôi chút quan trọng và bền vững, phải kiên quyết vạch trần tất cả sự thấp hèn của những tên tự mãn thuộc phái tự do ấy, chúng đang đầu độc bầu không khí xã hội bằng sự thối tha của tính nô lệ «lập hiến», của sự phản bội và của sự hèn nhát kiểu Môn-tsa-lin. Trong lịch sử đấu tranh cho tự do, chỉ một ngày bãi công tháng Mười hay khởi nghĩa tháng Chạp[194] cũng đã và đang trăm lần hơn những tháng đầy những bài diễn văn nô lệ của bọn dân chủ - lập hiến ở Đu-ma về tên quân chủ vô trách nhiệm và chế độ quân chủ lập hiến. Chúng ta cần phải chăm lo mà ngoài chúng ta ra, sẽ không còn ai chăm lo làm cho nhân dân hiểu rõ những ngày đầy nhựa sống ấy, phong phú về nội dung và vĩ đại về ý nghĩa và hậu quả, hiểu một cách rất tường tận, chi tiết hơn và sâu sắc hơn những tháng «lập hiến» ngột ngạt và thành công lớn theo kiểu Ba-la-lai-kin - Môn-tsa-lin[195], tức là những tháng mà, với sự đồng tình tốt bụng của Xtô-lư-pin và tay chân của hắn, bọn hiến binh và bọn kiểm duyệt, các cơ quan báo chí đảng của phái tự do và các cơ quan báo chí «dân chủ» không đảng (chà! chà!) ở nước ta đang ra sức tán dương.

Không nghi ngờ gì rằng sở dĩ nhiều người đồng tình với sự tẩy chay, chính là vì cái nguyện vọng rất đáng kính phục của những người cách mạng muốn duy trì truyền thống của thời kỳ cách mạng hết sức tốt đẹp trước đây, muốn dùng ngọn lửa đấu tranh dũng cảm, công khai và quyết liệt, để đem lại linh hồn sống cho cái vũng lầy những sầu thảm hàng ngày chán ngắt hiện nay. Nhưng chính vì tha thiết với những truyền thống cách mạng đáng quý của chúng ta, chúng ta cần phải cương quyết phản đối quan điểm cho rằng cứ áp dụng một khẩu hiệu của một thời đại lịch sử cá biệt nào đó, là có thể làm cho những điều kiện căn bản của thời đại đó lại xuất hiện. Giữ gìn những truyền thống cách mạng, biết dùng những truyền thống đó vào việc tuyên truyền và cổ động không ngừng, để làm cho quần chúng hiểu được những điều kiện đấu tranh trực tiếp tấn công xã hội cũ, đó là một việc, nhưng lặp lại một khẩu hiệu đã bị tách ra khỏi toàn bộ những điều kiện đã phát sinh ra khẩu hiệu đó và đã đảm bảo cho nó thắng lợi, để đem áp dụng vào những điều kiện khác hẳn về căn bản, đó lại là một việc khác.

Mác rất coi trọng những truyền thống cách mạng và đã kịch liệt chỉ trích những kẻ có thái độ phản bội hoặc phi-li-xtanh đối với những truyền thống cách mạng ấy, đồng thời ông lại đòi hỏi những người

cách mạng phải biết *suy nghĩ*, phải biết *phân tích* các điều kiện áp dụng những phương pháp đấu tranh cũ, chứ không phải chỉ lặp lại một cách giản đơn những khẩu hiệu quen thuộc. Những truyền thống «dân tộc» của năm 1792 ở Pháp có thể vĩnh viễn là *mẫu mực* của một số phương pháp đấu tranh cách mạng, nhưng không phải vì thế mà năm 1870, trong «Lời kêu gọi» nổi tiếng của Quốc tế, Mác đã không nhắc nhở giai cấp vô sản Pháp đề phòng mắc sai lầm là bê những truyền thống đó vào những điều kiện của một thời đại khác hẳn[196].

Ở nước ta, cũng thế. Chúng ta cần phải nghiên cứu những điều kiện áp dụng việc tẩy chay, phải làm cho quần chúng thấm nhuần cái tư tưởng là trong những thời kỳ cao trào cách mạng, thì tẩy chay là một biện pháp hoàn toàn hợp lý, đôi khi còn cần thiết nữa (mặc dầu bọn thông thái rởm, lạm dụng Mác, có nói thế nào chăng nữa). Nhưng phải chăng chúng ta đang đứng trước cao trào đó, tức là điều kiện chủ yếu để tuyên bố tẩy chay, — đây là một vấn đề cần phải biết đặt ra một cách độc lập và giải quyết trên cơ sở phân tích đúng đắn các sự kiện. Bổn phận của chúng ta là phải hết sức chuẩn bị cho cao trào đó ra đời chừng nào việc này trong tay của chúng ta, không được chưa chi đã từ chối không tiến hành tẩy chay đúng lúc, nhưng coi khẩu hiệu tẩy chay là có thể áp dụng nói chung đối với bất cứ một cơ quan đại nghị tệ hại hoặc rất tệ hại nào cũng được thì sẽ là tuyệt đối sai lầm.

Hãy nhớ lại những lý do mà người ta đã viện ra để bênh vực và chứng minh việc tẩy chay trong «những ngày tự do», là các bạn sẽ thấy ngay rằng không thể nào cứ giản đơn bê những lý do đó mà áp dụng cho tình hình hiện nay được.

Tham gia các cuộc bầu cử là làm giảm sút tinh thần, là nộp một trận địa cho kẻ thù, là đánh lạc hướng nhân dân cách mạng, là tạo điều kiện thuận lợi cho sự thỏa hiệp giữa chính phủ Nga hoàng và giai cấp tư sản phản cách mạng, v. v., — trước kia, chúng ta đã nói như vậy, khi bênh vực cuộc tẩy chay năm 1905 và đầu năm 1906. Tiền đề chủ yếu của những lý lẽ đó (tiền đề này không phải là lúc nào cũng được nói ra, nhưng bao giờ cũng được hiểu ngầm như một điều đương nhiên *trong lúc đó*) là gì? Tiền đề đó chính là nghị lực cách mạng dồi dào của quần chúng, nó tự tìm lấy và tìm thấy cho mình con đường thoát *trực tiếp*, không phải là những con đường «lập hiến». Tiền đề đó, chính là *sự tấn công* không ngừng của cách mạng chống thế lực phản động, sự tấn công mà lúc đó nếu làm yếu đi bằng cách chiếm và giữ một vị trí do kẻ thù cố ý bỏ cho chúng ta nhằm làm yếu cuộc tổng công kích,

thì chúng ta đã mắc một trọng tội. Hãy thử lặp lại những lý lẽ này *tách ra khỏi* những điều kiện của tiền đề chủ yếu đó, là các bạn sẽ cảm thấy ngay cái sai của toàn bộ «khúc nhạc» của mình, cái sai của âm điệu căn bản.

Muốn đem chỗ khác nhau giữa Đu-ma II và Đu-ma III để biện hộ cho việc tẩy chay thì cũng vô ích như vậy thôi. Nhận định rằng giữa bọn dân chủ - lập hiến (ở Đu-ma II, bọn này đã đem nhân dân nộp cho bọn Trăm đen) và Đảng tháng Mười có một sự khác nhau thật sự và căn bản, cho rằng cái «hiến pháp» lừng danh mà cuộc chính biến ngày 3 tháng Sáu đã xé đi, là có một ý nghĩa ít nhiều thực tế, thì đó nói chung, thích hợp hơn cả với quan điểm của một chủ nghĩa dân chủ tầm thường chứ không phải của một đảng dân chủ - xã hội cách mạng. Chúng ta đã luôn luôn nói, khẳng định, nhắc đi nhắc lại rằng «hiến pháp» của Đu-ma I và II chỉ là một ảo ảnh, rằng những câu nói ba hoa của bọn dân chủ - lập hiến chỉ là dùng để che đậy cái bản chất Đảng tháng Mười của chúng, rằng Đu-ma hoàn toàn không có khả năng thỏa mãn được những yêu sách của giai cấp vô sản và nông dân. Đối với chúng ta thì cuộc chính biến ngày 3 tháng Sáu 1907 là kết quả dĩ nhiên và tất nhiên của sự thất bại hồi tháng Chạp 1905. Chúng ta không bao giờ bị cái vẻ mỹ miều của bản hiến pháp của «Đu-ma» «làm cho say mê», cho nên cũng không thể quá thất vọng về những bước chuyển từ một tình trạng phản động được tô điểm bằng những lời nói trống rỗng của bọn Rô-đi-tsép sang một tình trạng phản động công khai, trắng trợn và thô bạo. Có lẽ chính tình trạng phản động nói sau đó lại là một biện pháp rất có hiệu nghiệm để thức tỉnh tất cả những kẻ ngu ngốc vô lương thuộc phái tự do đó, hoặc những nhóm dân cư đã bị bọn đó đánh lạc hướng...

Hãy so sánh nghị quyết men-sê-vích ở Xtốc-khôn và nghị quyết bôn-sê-vích ở Luân-đôn về Đu-ma nhà nước. Các bạn sẽ thấy rằng nghị quyết thứ nhất thì hoa mỹ, đầy rẫy những câu nói và những danh từ kêu rỗng về vai trò của Đu-ma, đầy một ý thức cho rằng công tác của Đu-ma là rất quan trọng. Nghị quyết thứ hai thì giản dị, mộc mạc, sáng sủa và khiêm tốn. Nghị quyết thứ nhất đầy một tinh thần ca ngợi kiểu tiểu thị dân việc kết hợp phong trào dân chủ - xã hội với chủ nghĩa lập hiến («một chính quyền mới đã sinh ra từ trong lòng của dân tộc», v. v. và v. v., luôn luôn là nói theo cái lối lừa dối của bọn cầm quyền). Nghị quyết thứ hai có thể trình bày như sau: vì thế lực phản cách mạng đáng ghét đã dồn chúng ta vào trong cái chuồng lợn đáng nguyền rủa

này thì chúng ta sẽ làm việc ở đó vì lợi ích của cách mạng, không khóc lóc mà cũng không huênh hoang.

Bênh vực Đu-ma chống lại việc tẩy chay ngay trong thời kỳ đấu tranh cách mạng trực tiếp, những người men-sê-vích đã, có thể nói là, cam đoan trước nhân dân là Đu-ma phải trở thành như một công cụ nào đó của cách mạng. Và lời cam đoan đó của họ đã hoàn toàn phá sản. Còn chúng ta, những người bôn-sê-vích, nếu chúng ta có cam đoan thì chỉ cam đoan là sẽ chứng minh rằng Đu-ma là một sản vật của phản cách mạng, và không thể trông mong được ở nó một cái gì là tốt cả. Cho đến nay, những sự biến đã hoàn toàn xác nhận quan điểm của chúng ta, và người ta có thể chắc chắn rằng những sự biến về sau vẫn sẽ xác nhận như vậy. Không «sửa lại», không đổi mới chiến lược tháng Mười - tháng Chạp, căn cứ vào những sự việc mới thì không thể nói đến tự do ở nước Nga được.

Bởi thế khi người ta bảo tôi rằng: không thể lợi dụng Đu-ma III như Đu-ma II được, không thể giải thích được cho quần chúng hiểu sự cần thiết phải tham gia Đu-ma đó, thì tôi muốn trả lời lại rằng nếu hiểu từ «lợi dụng» theo một cách kêu rỗng của những người men-sê-vích, nghĩa là nếu coi Đu-ma là công cụ của cách mạng, v. v., thì dĩ nhiên là không thể được. Nhưng hai Đu-ma đầu tiên thật ra chỉ là những bậc thang dẫn đến Đu-ma của Đảng tháng Mười, thế mà chúng ta cũng đã lợi dụng những Đu-ma đó nhằm mục đích giản dị và vừa phải* (tuyên truyền và cổ động, phê bình và giải thích tình hình cho quần chúng), nhằm mục đích ấy thì chúng ta luôn luôn có thể lợi dụng được ngay cả những cơ quan đại nghị tồi tệ nhất. Một bài diễn văn trong Đu-ma sẽ không gây ra một cuộc «cách mạng» nào, và công tác tuyên truyền *nhân vấn đề Đu-ma* sẽ không có một tính chất đặc biệt nào khác cả, nhưng đảng dân chủ - xã hội cũng sẽ rút ra ở hai việc đó được nhiều lợi ích bằng, đôi khi thậm chí còn hơn một bài diễn văn được in ra hoặc được đọc trong một hội nghị khác.

Chúng ta cũng chỉ cần giải thích cho quần chúng hiểu rõ tại sao

---

* Xem trong báo «Người vô sản» (ở Giơ-ne-vơ), năm 1905, một bài về cuộc tẩy chay Đu-ma Bu-lư-ghin[197] trong đó nói rằng chúng ta không tự buộc mình phải từ bỏ việc lợi dụng Đu-ma nói chung, nhưng *lúc này*, chúng ta có một nhiệm vụ khác: nhiệm vụ đấu tranh cho con đường cách mạng trực tiếp. Cũng xem báo «Người vô sản» (ở Nga)[198], số I năm 1906, bài «Về sự tẩy chay», trong đó nhấn mạnh rằng hoạt động trong nội bộ Đu-ma chỉ đem lại những lợi ích rất *ít ỏi*.

chúng ta lại tham gia Đu-ma của Đảng tháng Mười. Vì cuộc khởi nghĩa tháng Chạp 1905 thất bại và những mưu toan tiến hành năm 1906 - 1907 để «sửa lại» cuộc thất bại đó, đã không thành công, nên tất nhiên là thế lực phản động đã dồn và luôn luôn *sẽ còn tiếp tục dồn chúng ta* vào những cơ quan lập hiến giả hiệu ngày càng tồi tệ hơn. Bất cứ lúc nào và bất cứ ở đâu, chúng ta cũng sẽ bảo vệ niềm tin của chúng ta và cũng sẽ quán triệt quan điểm của chúng ta bằng cách nhắc đi nhắc lại rằng: chừng nào mà chính quyền cũ còn tồn tại, chừng nào nó chưa căn bản bị tiêu diệt thì không thể trông mong nó làm được một điều gì tốt cả. Chúng ta sẽ chuẩn bị những điều kiện cho một cao trào mới, và cho đến ngày cao trào đó ra đời và để cho cao trào đó ra đời thì cần phải làm việc một cách ngoan cường hơn nữa, mà không đưa ra những khẩu hiệu chỉ có ý nghĩa trong những điều kiện đã có cao trào.

Coi tẩy chay là một *đường lối sách lược* đối lập giai cấp vô sản và một bộ phận của phái dân chủ tư sản cách mạng với phái tự do và thế lực phản động thì cũng sẽ là sai. Tẩy chay không phải là một đường lối sách lược, mà là một phương thức đấu tranh đặc biệt, có thể áp dụng được trong những điều kiện đặc biệt. Lẫn lộn chủ nghĩa bôn-sê-vích với «chủ nghĩa tẩy chay» thì cũng sai như lẫn lộn chủ nghĩa bôn-sê-vích với «chủ nghĩa xung kích». Sự khác nhau về *đường lối sách lược* của phái men-sê-vích và phái bôn-sê-vích đã hoàn toàn biểu hiện ra và kết tinh lại trong những nghị quyết khác nhau về những vấn đề nguyên tắc, những nghị quyết của Đại hội bôn-sê-vích lần thứ III ở Luân-đôn và của hội nghị men-sê-vích ở Giơ-ne-vơ mùa xuân 1905. Lúc đó người ta đã không nói đến và không thể nói đến cả chủ nghĩa tẩy chay lẫn «chủ nghĩa xung kích». Ai cũng biết rằng trong cuộc bầu cử Đu-ma II, — lúc đó chúng ta không chủ trương tẩy chay, — và ngay cả trong Đu-ma ấy, *đường lối sách lược* của chúng ta cũng khác một cách căn bản với đường lối men-sê-vích. Hai *đường lối sách lược* là khác nhau về tất cả các phương thức và phương pháp đấu tranh, về tất cả các trường hợp đấu tranh, nhưng tuyệt nhiên không phải vì thế mà có những phương pháp đấu tranh đặc biệt riêng của đường lối này hay đường lối khác. Và nếu viện lý do rằng những hy vọng *cách mạng* mà trước kia người ta đã đặt vào *Đu-ma I hay Đu-ma II*, thì nay đã sụp đổ rồi, rằng một hiến pháp «hợp pháp», «mạnh mẽ», «vững chắc» và «chân chính» đã sụp đổ rồi, để biện hộ hoặc quyết định việc tẩy chay Đu-ma III thì đó sẽ là một thứ chủ nghĩa men-sê-vích đồi bại nhất.

VII

Chúng ta hãy tóm tắt lại. Khẩu hiệu tẩy chay là do một thời kỳ lịch sử đặc biệt sản sinh ra. Năm 1905 và đầu năm 1906, tình hình khách quan đề ra cho các lực lượng xã hội đang đấu tranh phải giải quyết vấn đề lựa chọn con đường trước mắt: con đường cách mạng trực tiếp hay con đường quanh co là chế độ quân chủ lập hiến. Lúc đó công tác cổ động cho tẩy chay chủ yếu là nhằm mục đích đấu tranh chống những ảo tưởng lập hiến. Lúc đó, điều kiện thắng lợi của sự tẩy chay là một cao trào cách mạng rộng rãi, phổ biến, nhanh chóng và mạnh mẽ.

Về tất cả các mặt đó thì mùa thu 1907, tình hình tuyệt nhiên không đề ra sự cần thiết phải nêu một khẩu hiệu như thế và tuyệt nhiên không chứng minh rằng khẩu hiệu đó là đúng.

Trong khi tiến hành công tác hàng ngày của chúng ta nhằm chuẩn bị các cuộc bầu cử và đồng thời không nên chưa chi đã từ chối trước là sẽ không tham gia các cơ quan đại biểu phản động nhất, chúng ta phải dành hoàn toàn công tác tuyên truyền và cổ động của chúng ta vào việc giải thích cho nhân dân hiểu rõ mối liên hệ giữa cuộc thất bại tháng Chạp và tình trạng tiếp sau đó là mất dần các quyền tự do cũng như tình trạng hiến pháp bị chà đạp. Chúng ta cần phải làm cho quần chúng thấy thật rõ ràng nếu không có một cuộc đấu tranh trực tiếp và có tính chất quần chúng thì tình trạng chà đạp đó tất nhiên sẽ tiếp diễn và sẽ mạnh hơn.

Chúng ta không tự buộc chúng ta là không được vận dụng khẩu hiệu tẩy chay vào những thời kỳ cao trào, lúc mà khẩu hiệu này có thể là rất bức thiết, nhưng hiện giờ, chúng ta cần phải đem hết sức mình ra để — bằng cách tác động trực tiếp và ngay lập tức — chuyển một cao trào nào đó của phong trào công nhân thành một phong trào quy mô lớn, rộng rãi và cách mạng, tấn công vào toàn bộ thế lực phản động và vào các nền tảng của nó.

Ngày 26 tháng Sáu 1907 Toàn tập, t. 16

CHỦ NGHĨA MÁC VÀ CHỦ NGHĨA XÉT LẠI[199]

Một câu cách ngôn nổi tiếng nói nếu những công lý hình học mà phạm tới lợi ích của người ta thì nhất định người ta cũng sẽ tìm cách bác bỏ đi. Những lý luận về lịch sử tự nhiên xúc phạm tới thành kiến cũ của thần học, đã gây ra và cho đến nay vẫn gây ra một cuộc đấu tranh hết sức kịch liệt. Không có gì là lạ rằng học thuyết của Mác, một học thuyết trực tiếp dùng để giáo dục và tổ chức giai cấp tiên tiến của xã hội hiện đại, đã vạch ra nhiệm vụ của giai cấp ấy và chứng minh rằng, do kinh tế phát triển, một trật tự xã hội mới nhất định sẽ thay thế chế độ hiện tại, — không có gì là lạ rằng học thuyết ấy phải chiến đấu để giành lấy mỗi bước tiến trên con đường của nó.

Không cần gì phải nói đến khoa học tư sản và triết học tư sản là những thứ được bọn giáo sư nhà nước đem ra dạy theo sự quy định của nhà nước, để nhồi sọ thế hệ thanh niên xuất thân từ các giai cấp hữu sản và để «tập luyện» cho họ chống lại kẻ thù trong và ngoài. Khoa học ấy không muốn nghe nói đến chủ nghĩa Mác, tuyên bố rằng chủ nghĩa Mác đã bị bác bỏ và thủ tiêu rồi. Cả bọn học giả trẻ tuổi chuyên kiếm chác danh lợi qua việc bài bác chủ nghĩa xã hội, lẫn bọn già nua suy yếu ôm giữ lấy di huấn của đủ mọi loại «hệ thống» cũ nát đều công kích Mác hăng như nhau. Chủ nghĩa Mác phát triển, tư tưởng của chủ nghĩa Mác lan rộng và được củng cố trong giai cấp công nhân, điều đó tất nhiên làm cho những cuộc công kích ấy của giai cấp tư sản chống chủ nghĩa Mác càng thường xuyên và gay gắt, nhưng chủ nghĩa Mác, cứ sau mỗi lần bị khoa học quan phương «thủ tiêu» thì lại càng vững mạnh, càng được tôi luyện và sinh động hơn.

Nhưng, ngay trong số những học thuyết có liên hệ với cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và được phổ biến chủ yếu trong giai cấp vô sản thì chủ nghĩa Mác cũng không phải hoàn toàn ngay một lúc mà đã củng cố được địa vị của mình. Trong 50 năm đầu kể từ khi mới phát sinh (từ những năm 40 thế kỷ XIX), chủ nghĩa Mác đã chiến đấu

lầm là dùng chiêu bài phê bình chủ nghĩa cơ hội của Plê-kha-nốp* trong vấn đề sách lược, để đưa ra cho trót lọt một mớ triết học phản động cũ rích.

Nói sang chính trị kinh tế học thì trước hết, chúng ta nên nhớ rằng về mặt này những điểm «sửa đổi» của bọn xét lại còn nhiều mặt và chi tiết hơn nhiều; người ta cố sức tác động vào công chúng bằng những «số liệu mới về sự phát triển kinh tế». Người ta cho rằng trong nông nghiệp, không mảy may thấy có hiện tượng tập trung và hiện tượng đại sản xuất loại trừ tiểu sản xuất, còn trong thương nghiệp và công nghiệp, những hiện tượng đó cũng chỉ diễn ra một cách hết sức chậm chạp. Người ta cho rằng ngày nay, những cuộc khủng hoảng ít xảy ra và ít gay gắt hơn trước, rằng hình như những các-ten và tơ-rớt có thể giúp cho tư bản thủ tiêu hoàn toàn những cuộc khủng hoảng. Người ta cho rằng «lý luận về sự phá sản» — sự phá sản mà chủ nghĩa tư bản đang đi tới, — là vô căn cứ, vì những mâu thuẫn giai cấp có xu hướng nhụt đi và dịu xuống. Cuối cùng, người ta cho rằng cả đến lý luận của Mác về giá trị cũng nên sửa chữa theo quan điểm của Bêm - Ba-véc.

Cuộc đấu tranh chống phái xét lại trong những vấn đề đó cũng làm tươi tỉnh tư tưởng lý luận của chủ nghĩa xã hội quốc tế một cách có hiệu quả ngang với cuộc bút chiến của Ăng-ghen chống Đuy-rinh hồi hai mươi năm về trước. Những lý lẽ của bọn xét lại được đưa ra xét, căn cứ vào những sự việc và con số đã nắm chắc. Người ta chứng minh rằng bọn xét lại tô hồng một cách có hệ thống cho nền tiểu sản xuất hiện đại. Những tài liệu không thể chối cãi được đều xác nhận rằng không những trong công nghiệp mà lại trong nông nghiệp *đại sản xuất* hơn hẳn tiểu sản xuất về mặt kỹ thuật cũng như về mặt thương nghiệp. Nhưng trong nông nghiệp, sản xuất hàng hóa kém phát triển hơn nhiều, và các nhà thống kê và kinh tế học hiện nay thường thường ít biết nêu bật lên những ngành đặc biệt (đôi khi cả những khâu) của nông nghiệp

---

* Xem cuốn sách «Khái luận về triết học chủ nghĩa Mác» của Bô-gđa-nốp, Ba-da-rốp và những người khác. Ở đây, không phải là chỗ phân tích tác phẩm này. Giờ đây, tôi chỉ nói rằng trong một ngày gần đây, tôi sẽ trình bày trong một loạt bài báo hay trong một tập sách riêng rằng *tất cả* những điều nói trong bài này về bọn xét lại thuộc phái Can-tơ mới, thật ra là nhằm nói ngay cả về bọn xét lại «mới» này thuộc phái Hi-um mới và Béc-cli mới [202]. (Xem V. I. Lê-nin, «Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán». *BT*.)

đang biểu hiện tình trạng nông nghiệp dần dần bị hút vào quá trình *trao đổi* của nền kinh tế thế giới. Trên những tàn tích của nền kinh tế tự nhiên, nền tiểu sản xuất sở dĩ duy trì được là nhờ đã chịu ăn uống ngày càng thiếu thốn, chịu đói thường xuyên, chịu kéo dài ngày lao động, chịu tình trạng chất lượng và việc chăn nuôi gia súc sút kém, tóm lại, là nhờ những phương pháp giống như những phương pháp mà sản xuất thủ công đã dùng để đương đầu với công trường thủ công tư bản chủ nghĩa. Mỗi bước tiến của khoa học và kỹ thuật nhất định phải đạp đổ một cách tàn nhẫn cơ sở của tiểu sản xuất trong xã hội tư bản chủ nghĩa. Vậy thì kinh tế học xã hội chủ nghĩa có nhiệm vụ phân tích quá trình ấy trong tất cả các hình thức của nó, những hình thức thường là phức tạp và rắc rối; có nhiệm vụ vạch cho người tiểu sản xuất thấy rằng họ không thể đứng vững được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, rằng dưới chế độ tư bản chủ nghĩa kinh tế nông dân ở trong tình trạng bế tắc, rằng nông dân tất phải đi theo quan điểm của người vô sản. Trong vấn đề này, bọn xét lại đã sai lầm về phương diện khoa học ở chỗ chúng đã khái quát một cách hời hợt những sự kiện lượm lặt một cách phiến diện, không gắn liền những sự kiện ấy với toàn bộ chế độ tư bản chủ nghĩa, còn về phương diện chính trị, chúng sai lầm ở chỗ đáng lẽ làm cho nông dân theo quan điểm của giai cấp vô sản cách mạng, thì chúng đã không tránh khỏi, dù là vô tình hay hữu ý, kêu gọi và thúc đẩy nông dân đi theo quan điểm của người chủ (nghĩa là quan điểm của giai cấp tư sản).

Trong vấn đề lý luận về khủng hoảng và về sự phá sản, bọn xét lại lại càng sai lầm hơn nữa. Chỉ trong một thời gian hết sức ngắn, và chỉ có những kẻ kém sáng suốt nhất, chịu ảnh hưởng của một vài năm công nghiệp phát đạt và thịnh vượng, mới có thể nghĩ đến việc đảo lộn những cơ sở của học thuyết Mác. Không bao lâu sau đó, thực tế đã vạch cho bọn xét lại thấy rằng thời đại các cuộc khủng hoảng chưa hết: khủng hoảng đã kế tiếp sự phồn vinh. Hình thức, sự kế tục, bộ mặt của một số cuộc khủng hoảng đã thay đổi, nhưng khủng hoảng vẫn là bộ phận cấu thành không thể tránh khỏi được của chế độ tư bản chủ nghĩa. Trong khi thống nhất sự sản xuất thì các-ten và tơ-rớt cũng đồng thời làm tăng thêm một cách hiển nhiên tính chất vô chính phủ trong sản xuất, làm trầm trọng thêm đời sống không đảm bảo của giai cấp vô sản và tăng thêm ách áp bức của tư bản, do đó, làm cho những mâu thuẫn giai cấp gay gắt đến một mức độ chưa từng thấy. Chính những tơ-rớt khổng lồ mới nhất đã chứng minh một cách đặc biệt

rõ rệt và trên những quy mô đặc biệt rộng lớn rằng chủ nghĩa tư bản đang đi đến phá sản, xét theo quan điểm về những cuộc khủng hoảng kinh tế và chính trị cũng như xét theo quan điểm về sự sụp đổ hoàn toàn của toàn bộ chế độ tư bản chủ nghĩa. Cuộc khủng hoảng tài chính mới đây ở Mỹ, nạn thất nghiệp trầm trọng thêm một cách khủng khiếp ở khắp châu Âu, đấy là chưa nói đến cuộc khủng hoảng công nghiệp mà nhiều triệu chứng đang báo hiệu là sắp nổ ra — tất cả điều đó đã dẫn đến chỗ làm cho mọi người, và hình như ngay cả nhiều người trong bọn xét lại, cũng quên mất những «lý luận» mới đây của bọn xét lại. Nhưng không nên quên những bài học mà giai cấp công nhân đã rút được từ tính không kiên định kiểu trí thức ấy.

Còn về học thuyết giá trị thì cần phải nói rằng ngoài những lời than vãn và những câu nói bóng rất lờ mờ theo kiểu của Bêm - Ba-véc, bọn xét lại hoàn toàn không đóng góp được tí gì và do đó, không để lại được dấu vết nào trong sự phát triển của tư tưởng khoa học.

Về phương diện chính trị, chủ nghĩa xét lại mưu toan thực sự xét lại cơ sở của chủ nghĩa Mác, tức là: học thuyết về đấu tranh giai cấp. Họ nói với chúng ta rằng tự do chính trị, chế độ dân chủ, quyền đầu phiếu phổ thông sẽ làm cho đấu tranh giai cấp không còn có chỗ đứng nữa, và làm cho nguyên lý cũ trong bản «Tuyên ngôn của Đảng cộng sản»: «công nhân không có tổ quốc» không còn đúng nữa. Người ta nói rằng trong chế độ dân chủ, một khi «ý chí của đa số» đã chiếm ưu thế thì không thể coi nhà nước là một cơ quan thống trị giai cấp cũng như không thể từ chối việc liên minh với phái tư sản tiến bộ, xã hội - cải lương, chống lại bọn phản động.

Không thể chối cãi được rằng những ý kiến chống lại ấy của bọn xét lại chung quy là một hệ thống quan điểm khá chặt chẽ, đó chính là những quan điểm tư sản tự do chủ nghĩa mà mọi người đều biết từ lâu. Phái tự do luôn luôn cho rằng chế độ đại nghị tư sản thủ tiêu được các giai cấp và sự phân chia giai cấp, vì bất cứ người công dân nào cũng đều được quyền bầu cử, quyền tham gia công việc nhà nước như nhau. Toàn bộ lịch sử châu Âu trong khoảng nửa cuối thế kỷ XIX, toàn bộ lịch sử cách mạng Nga hồi đầu thế kỷ XX đều vạch rõ những quan điểm ấy là vô lý biết chừng nào. Với thứ tự do của chủ nghĩa tư bản «dân chủ», thì những cách biệt về kinh tế không những không giảm bớt mà còn tăng thêm và gay gắt thêm. Chế độ đại nghị không những không làm mất, mà còn bóc trần thực chất của những chế độ cộng hòa tư sản dân chủ nhất, là những cơ quan áp bức giai cấp. Trong khi góp phần

giáo dục và tổ chức quần chúng nhân dân vô cùng đông đảo hơn số quần chúng nhân dân trước kia đã từng tích cực tham gia những biến cố chính trị, chế độ đại nghị, thông qua việc đó, dọn đường cho cuộc nội chiến trở nên hết sức gay gắt trong thời gian diễn ra các cuộc cách mạng chính trị, chứ không phải dọn đường cho việc thủ tiêu các cuộc khủng hoảng và các cuộc cách mạng chính trị. Những biến cố ở Pa-ri hồi mùa xuân 1871 và những biến cố ở Nga hồi mùa đông 1905 chứng minh hết sức rõ ràng rằng tình trạng gay gắt ấy nhất định phải xảy ra. Để đè bẹp phong trào vô sản, giai cấp tư sản Pháp không hề ngần ngại một tí nào mà không bắt tay với kẻ thù của toàn dân tộc, với quân đội ngoại quốc vừa mới phá hoại tổ quốc của mình. Kẻ nào không hiểu biện chứng nội tại tất nhiên của chế độ đại nghị và của chế độ dân chủ tư sản — biện chứng đưa đến giải pháp dùng bạo lực đối với quần chúng một cách mạnh mẽ hơn trước kia để giải quyết cuộc tranh chấp, — thì không bao giờ biết tiến hành, trên địa hạt chế độ đại nghị ấy, một cuộc tuyên truyền và cổ động kiên định về nguyên tắc, một cuộc tuyên truyền và cổ động thực sự sửa soạn cho quần chúng công nhân tham gia những «cuộc tranh chấp» ấy một cách thắng lợi. Kinh nghiệm về việc liên minh, thỏa hiệp và lập khối với phái tự do xã hội - cải lương ở phương Tây, với phái cải lương tự do (bọn dân chủ - lập hiến) trong cách mạng Nga, đã chứng minh một cách chắc chắn rằng những thỏa hiệp ấy chỉ làm nhụt ý thức của quần chúng, rằng những thỏa hiệp ấy chỉ làm giảm ý nghĩa thực sự của cuộc đấu tranh của quần chúng, chứ không làm tăng ý nghĩa ấy lên, vì nó ràng buộc các chiến sĩ với những phần tử kém khả năng chiến đấu nhất, với những phần tử ngả nghiêng và phản bội nhất. Chủ nghĩa Min-lơ-răng[203] ở Pháp — kinh nghiệm lớn lao nhất về mặt áp dụng trong một phạm vi rộng lớn, phạm vi thật sự toàn quốc, sách lược chính trị của phái xét lại — đã đánh giá một cách thực tiễn chủ nghĩa xét lại, một sự đánh giá mà giai cấp vô sản toàn thế giới sẽ không bao giờ quên được.

Đi kèm theo xu hướng kinh tế và chính trị của phái xét lại thì dĩ nhiên là thái độ của phái ấy đối với mục đích cuối cùng của phong trào xã hội chủ nghĩa. Lời nói được lưu hành một thời của Béc-stanh: «Phong trào là tất cả, mục đích cuối cùng chẳng phải là cái gì cả» — biểu lộ thực chất của chủ nghĩa xét lại một cách rõ rệt hơn hàng tập những bình luận dài dòng. Tùy thời mà quyết định thái độ; thích ứng với những sự biến trước mắt, với những biến đổi của những sự kiện chính trị nhỏ nhặt; quên mất lợi ích sống còn của giai cấp vô sản và những

nét căn bản của toàn bộ chế độ tư bản chủ nghĩa, của toàn bộ sự tiến triển tư bản chủ nghĩa; hy sinh quyền lợi sống còn ấy vì những lợi ích thực tế hay những lợi ích tưởng tượng có tính chất tạm thời — đó là chính sách của phái xét lại. Và từ chính thực chất của chính sách ấy, nảy sinh ra cái điều hiển nhiên này là chính sách ấy có thể thay đổi hình thức một cách vô tận, và mỗi vấn đề hơi «mới» một chút, mỗi sự thay đổi hơi bất ngờ hay đột ngột một chút của những sự biến — dù sự thay đổi ấy có thay đổi đường lối căn bản của sự phát triển chỉ trong một mức độ rất nhỏ và trong một thời gian ngắn nhất chăng nữa — đều nhất định và luôn luôn sẽ đẻ ra những loại chủ nghĩa xét lại này hay những loại chủ nghĩa xét lại khác.

Cái làm cho chủ nghĩa xét lại thành không thể tránh được, là gốc rễ giai cấp của nó ở trong xã hội hiện đại. Chủ nghĩa xét lại là một hiện tượng quốc tế. Bất cứ người xã hội chủ nghĩa nào có kiến thức một chút và có suy nghĩ một chút cũng không thể mảy may nghi ngờ rằng những mối tương quan giữa phái chính thống và phái Béc-stanh[204] ở Đức, giữa phái Ghe-đơ và phái Giô-re-xơ[205] (hiện nay thì nhất là phái Brút-xơ[206]) ở Pháp, giữa Liên minh dân chủ - xã hội và Đảng công nhân độc lập ở Anh[207], giữa Bru-ke và Van-đéc-van-đơ ở Bỉ, giữa phái toàn bộ[208] và phái cải cách ở Ý, giữa phái bôn-sê-vích và phái men-sê-vích ở Nga thì bất cứ ở đâu cũng đều giống nhau về thực chất, mặc dầu trong tình trạng hiện nay, các nước ấy có những điều kiện dân tộc và những yếu tố lịch sử hết sức khác nhau. Ở các nước trên thế giới, hiện nay sự «chia rẽ» trong nội bộ chủ nghĩa xã hội quốc tế đang diễn ra, về thực chất, theo *cùng* một đường lối, như vậy, nó chứng tỏ một bước tiến lớn so với những việc đã xảy ra cách đây 30 hay 40 năm về trước, lúc mà ở các nước, những xu hướng khác nhau đấu tranh với nhau trong nội bộ chủ nghĩa xã hội quốc tế thống nhất. Ngay cả «chủ nghĩa xét lại cánh tả» ngày nay ở các nước la-tinh, biểu hiện thành một thứ «chủ nghĩa công đoàn cách mạng»[209], cũng dựa theo chủ nghĩa Mác mà «sửa chữa» chủ nghĩa đó: La-bri-ô-la ở Ý, La-gác-đen-lơ ở Pháp hễ mở miệng là viện đến Mác, nói rằng trước kia Mác bị hiểu sai, bây giờ mới được hiểu đúng.

Ở đây, chúng ta không thể phân tích nhiều về nội dung tư tưởng của thứ chủ nghĩa xét lại *ấy*, nó còn xa mới phát triển được như chủ nghĩa xét lại cơ hội chủ nghĩa, nó chưa được quốc tế hóa, chưa tiến hành một cuộc đấu tranh thực tiễn quan trọng nào với đảng xã hội chủ nghĩa ở một nước nào cả. Vậy chúng ta chỉ bàn về «chủ nghĩa xét lại cánh

hữu» đã nói qua ở trên mà thôi.

Cái gì đã làm cho chủ nghĩa xét lại thành ra không thể tránh được trong xã hội tư bản chủ nghĩa? Vì sao nó lại sâu sắc hơn những sự khác nhau giữa những đặc thù dân tộc và giữa những trình độ phát triển của chủ nghĩa tư bản? Vì trong mỗi nước tư bản chủ nghĩa, bên cạnh giai cấp vô sản, bao giờ cũng còn có những tầng lớp rộng rãi những người tiểu tư sản, những tầng lớp tiểu chủ. Nền tiểu sản xuất đẻ ra và đang tiếp tục không ngừng đẻ ra chủ nghĩa tư bản. Chủ nghĩa tư bản tất nhiên sẽ lại tạo ra hàng loạt «tầng lớp trung gian» mới (bộ phận phụ của công xưởng, chế độ nhận việc về nhà làm, xưởng máy nhỏ rải rác trong toàn quốc do nhu yếu của đại công nghiệp mà có, chẳng hạn như công nghiệp xe đạp và ô-tô, v. v.). Chính những người tiểu sản xuất mới này cũng lại không tránh khỏi bị quẳng vào hàng ngũ giai cấp vô sản. Hoàn toàn tự nhiên là thế giới quan tiểu tư sản lại cứ thâm nhập mãi vào hàng ngũ các đảng công nhân lớn. Hoàn toàn tự nhiên là tình hình ấy phải như thế và sẽ còn mãi mãi phải như thế cho đến tận thời kỳ nổ ra cách mạng vô sản, vì thật là một sai lầm nghiêm trọng nếu tưởng rằng muốn hoàn thành cách mạng ấy thì đại đa số nhân dân cần phải vô sản hóa «hoàn toàn». Cái mà hiện nay chúng ta đang trải qua, thường thường chỉ trên phương diện tư tưởng như: tranh luận trên những điểm sửa đổi chủ nghĩa Mác về mặt lý luận; cái mà hiện nay chỉ biểu hiện trong thực tiễn đối với một số vấn đề đặc biệt của phong trào công nhân — như những sự bất đồng về sách lược với bọn xét lại và những sự chia rẽ xảy ra trên địa hạt đó, — những cái đó, sau này giai cấp công nhân nhất định sẽ phải trải qua trên những quy mô vô cùng rộng lớn hơn, khi mà cách mạng vô sản đã làm cho tất cả mọi vấn đề tranh chấp trở nên gay gắt, đã tập trung tất cả mọi sự bất đồng vào những điểm có một ý nghĩa trực tiếp nhất cho việc quyết định hành động của quần chúng, khi mà cách mạng vô sản, trong cuộc đấu tranh quyết liệt, đã buộc phải tách kẻ thù ra khỏi bạn đồng minh, gạt bỏ những bạn đồng minh không tốt để giáng cho kẻ thù những đòn quyết định.

Cuộc đấu tranh tư tưởng của chủ nghĩa Mác cách mạng chống chủ nghĩa xét lại hồi cuối thế kỷ XIX chỉ là mào đầu của những cuộc chiến đấu cách mạng lớn lao của giai cấp vô sản đang tiến tới chỗ làm cho sự nghiệp của mình thắng lợi hoàn toàn, bất chấp tất cả những thái độ do dự và ươn hèn của những phần tử tiểu tư sản.

Viết trước ngày 3 (16) tháng Tư 1908 Toàn tập, t. 17

TRÍCH:
CHỦ NGHĨA DUY VẬT VÀ CHỦ NGHĨA KINH NGHIỆM PHÊ PHÁN
Bút ký phê phán một triết học phản động

4. CÁC ĐẢNG PHÁI TRONG TRIẾT HỌC VÀ CÁC NHÀ TRIẾT HỌC KHÔNG ĐẦU NÃO

Bây giờ chúng ta còn phải xét đến thái độ của chủ nghĩa Ma-khơ đối với tôn giáo. Nhưng vấn đề đó lại mở rộng đến vấn đề là trong triết học, nói chung, có các đảng phái không và thái độ không đảng phái trong triết học có ý nghĩa gì.

Ở phần trên, trong tất cả mọi vấn đề nhận thức luận mà chúng tôi đã nói tới, cũng như trong tất cả mọi vấn đề triết học mà khoa vật lý mới đã đề ra, chúng tôi đã xem xét cuộc đấu tranh giữa *chủ nghĩa duy vật* và *chủ nghĩa duy tâm*. Sau một đống thuật ngữ tinh vi mới, sau cái mớ rác rưởi những nghị luận uyên thâm kinh viện, thì không trừ một chỗ nào, chúng tôi thấy có *hai* đường lối cơ bản, hai khuynh hướng chính trong cách giải quyết các vấn đề triết học. Có coi tự nhiên, vật chất, cái vật lý, thế giới bên ngoài là tính thứ nhất và coi ý thức, tinh thần, cảm giác (theo thuật ngữ *phổ biến* hiện nay là: kinh nghiệm), cái tâm lý v. v. là tính thứ hai không, đó là vấn đề căn bản, một vấn đề *trên thực tế*, vẫn tiếp tục chia các nhà triết học *thành hai phe lớn*. Nguồn gốc của hàng nghìn, hàng vạn sai lầm và quan niệm mơ hồ trong lĩnh vực đó, chính là ở chỗ dưới hình vẻ bề ngoài của những danh từ, những định nghĩa, những thuật quanh co kinh viện, những lời bịp bợm, người ta *không nhìn thấy được* hai khuynh hướng cơ bản đó (chẳng hạn như Bô-gđa-nốp không muốn thừa nhận chủ nghĩa duy tâm của mình bởi vì như các bạn thấy đấy, ông ta đã đem những khái niệm «kinh nghiệm»: cái vật lý và cái tâm lý thay thế cho những khái niệm «siêu hình»: «tự nhiên» và «tinh thần». Những danh từ nhỏ đó đã thay đổi rồi đấy!)

Thiên tài của Mác và Ăng-ghen chính là ở chỗ, trong một thời kỳ rất dài — *gần một nửa thế kỷ* — hai ông phát triển chủ nghĩa duy vật, đã đẩy một khuynh hướng cơ bản của triết học lên phía trước; đã không quanh quẩn ở chỗ chỉ lặp lại những vấn đề nhận thức luận đã được

giải quyết rồi, mà đã triệt để áp dụng và chỉ vẽ *cách* áp dụng cũng một chủ nghĩa duy vật *đó* vào lĩnh vực khoa học xã hội *như thế nào*, đã thẳng tay quét sạch — như quét rác – những lời bậy bạ, rắc rối huênh hoang và kiêu căng, vô số những mưu toan muốn «phát hiện ra» một đường lối «mới» trong triết học và phát minh ra một hướng «mới», v. v.. Tính chất sáo mép của những mưu toan thuộc loại đó, cái trò kinh viện bịa ra những thứ «chủ nghĩa» triết học mới, cái lối dùng những lời xảo trá cầu kỳ rắc rối để xóa mờ thực chất của vấn đề, cái việc không thể hiểu được và không thể hình dung rõ ràng cuộc đấu tranh giữa hai khuynh hướng nhận thức luận căn bản — tất cả những cái đó Mác và Ăng-ghen đã hết sức công kích và truy kích trong suốt đời hoạt động của mình.

Chúng tôi đã nói là: trong gần nửa thế kỷ. Quả thật, ngay từ 1843, lúc mà Mác chỉ mới đang trở thành Mác, nghĩa là trở thành người sáng lập ra chủ nghĩa xã hội như là một môn khoa học, người sáng lập ra *chủ nghĩa duy vật hiện đại*, có nội dung vô cùng phong phú hơn và có tính chất triệt để hơn tất cả mọi hình thái trước kia của chủ nghĩa duy vật thì Mác đã vạch ra một cách rõ ràng những đường lối căn bản trong triết học. C. Gruyn có dẫn ra một bức thư của Mác gửi cho Phơ-bách ngày 20 tháng Mười 1843, trong đó Mác mời Phơ-bách viết cho báo «Deutsch-Französische Jahrbücher» một bài chống lại Sen-linh. Mác viết, chàng Sen-linh này chỉ là một gã huênh hoang rỗng tuếch, có tham vọng bao quát và vượt qua tất cả mọi khuynh hướng triết học trước kia. «Với phái lãng mạn và phái thần bí Pháp, Sen-linh nói: tôi là sự kết hợp triết học với thần học; với phái duy vật Pháp, thì lại nói: tôi là sự kết hợp xương thịt với ý niệm; với phái hoài nghi Pháp thì lại nói: tôi là người tiêu diệt chủ nghĩa giáo điều» *. «Phái hoài nghi» đó — dù họ có tự xưng là đồ đệ của Hi-um hay của Can-tơ (hay của Ma-khơ hồi thế kỷ XX) thì cũng thế, kêu là chống lại «thuyết giáo điều» của cả chủ nghĩa duy vật lẫn chủ nghĩa duy tâm, thì Mác đã thấy điều ấy ngay từ hồi đó, và Mác thông qua Phơ-bách mà đã có thể trực tiếp tiến theo con đường chủ nghĩa duy vật chống lại chủ nghĩa duy tâm, chứ không để cho một trong hàng nghìn hệ thống triết học bần tiện làm cho mình bị mê hoặc. Ba mươi năm sau, trong lời bạt viết cho kỳ

---

* Karl Grün. «Ludwig Feuerbach in seinem Briefwechsel und Nachlaß, sowie in seiner philosophischen Charakterentwicklung», I, Bd., Lpz., 1874, S. 361 (*C. Gruyn*. «Lút-vích Phơ-bách, các thư từ, di sản văn học và sự phân tích sự phát triển triết học của ông», t. I, Lai-pxích, 1874, tr. 361, *BT*.)

tái bản quyển I bộ «Tư bản», Mác đã đem đối lập *chủ nghĩa duy vật của mình với chủ nghĩa duy tâm* của Hê-ghen, nghĩa là với chủ nghĩa duy tâm phát triển nhất và triệt để nhất, cũng một cách rõ rệt và minh bạch như thế; với thái độ khinh miệt, ông đã gạt bỏ «thuyết thực chứng» của Công-tơ và đã gọi những nhà triết học đương thời là những kẻ hậu sinh đáng thương hại, những kẻ tưởng đã thủ tiêu được Hê-ghen, nhưng kỳ thực đã phạm trở lại những sai lầm của thời kỳ trước Hê-ghen mà Can-tơ và Hi-um đã mắc phải. Trong bức thư gửi Cu-ghen-man ngày 27 tháng Sáu 1870, Mác cũng đã coi khinh «Buy-khơ-nơ, Lan-ghê, Đuy-rinh, Phê-khnơ và những người khác nữa» vì họ đã miệt thị Hê-ghen và đã không thể hiểu được phép biện chứng của Hê-ghen *. Sau cùng, các bạn hãy lấy những ý kiến riêng lẻ về triết học của Mác trong bộ «Tư bản» và trong các tác phẩm khác của ông, các bạn sẽ thấy một luận điểm cơ bản *trước sau không thay đổi* là: kiên trì *chủ nghĩa duy vật* và chế nhạo một cách đầy khinh bỉ bất cứ một hành vi nào muốn xóa mờ vấn đề, bất cứ sự mơ hồ nào, bất cứ sự lùi bước nào muốn trở lại *chủ nghĩa duy tâm*. *Toàn bộ* những ý kiến về triết học của Mác đều xoay quanh việc nói rõ hai mặt đối lập căn bản ấy, và xét theo quan điểm triết học nhà trường, thì khuyết điểm của những ý kiến ấy chính là ở «tính hẹp hòi» đó và «tính phiến diện» đó. Thật ra thì sự từ chối không chịu công nhận những mưu tính lai căng muốn điều hòa chủ nghĩa duy vật với chủ nghĩa duy tâm, như thế là công lao vĩ đại nhất của Mác, người lúc đó *đang tiến lên* theo một con đường triết học đã được xác định rõ rệt.

Hoàn toàn theo tinh thần Mác và cộng tác mật thiết với Mác, chính Ăng-ghen, trong hết thảy mọi tác phẩm triết học của ông, cũng đã đem đối lập một cách rõ ràng và đơn giản đường lối duy vật với đường lối duy tâm trên *tất cả mọi* vấn đề; hồi 1878 cũng như hồi 1888 và 1892 [211], ông đều coi khinh vô số những mưu toan muốn «vượt» qua «tính phiến diện» của chủ nghĩa duy vật và của chủ nghĩa duy tâm, muốn sáng lập ra một đường lối *mới*, như «thuyết thực chứng», «thuyết thực tại» gì đó hay bất cứ một luận điệu lừa gạt nào khác dạy ở các trường

---

* Trong một bức thư đề ngày 13 tháng Chạp 1870, Mác đã nói về Bi-dơ-li (Beesley), một nhà thực chứng luận như sau: Bi-dơ-li là «một tín đồ của Công-tơ, và như thế thì đương nhiên là ông ta không thể không đưa ra đủ mọi ngón quanh co» (crotchets). Xin đối chiếu những dòng này với những lời mà hồi 1892 Ăng-ghen đã đánh giá bọn thực chứng luận à la (— theo kiểu. *BT*.) Hơ-xli [210].

đại học. Toàn bộ cuộc đấu tranh của mình chống Đuy-rinh, Ăng-ghen đã tiến hành *hoàn toàn* theo khẩu hiệu triệt để áp dụng chủ nghĩa duy vật, đồng thời kết tội nhà duy vật Đuy-rinh là đã làm lu mờ bản chất vấn đề bằng những danh từ rỗng tuếch, đã gọt giũa câu nói cho kêu, đã dùng những phương pháp nghị luận có ý nghĩa nhượng bộ chủ nghĩa duy tâm, chuyển sang lập trường chủ nghĩa duy tâm. Hoặc là theo chủ nghĩa duy vật triệt để từ đầu đến cuối, hoặc là nói những điều dối trá và lộn xộn theo chủ nghĩa duy tâm triết học, đó là cách đặt vấn đề quán triệt trong *mỗi tiết mục* của cuốn «Chống Đuy-rinh» và chỉ có những kẻ nào đầu óc đã bị triết học phản động nhà trường làm cho mụ mẫm đi, mới có thể không thấy được cách đặt vấn đề như vậy thôi. Cả cho đến năm 1894, lúc mà Ăng-ghen viết bài tựa cuối cùng cho cuốn «Chống Đuy-rinh» mà ông đã xem lại và bổ sung thêm lần chót, thì Ăng-ghen vẫn tiếp tục theo dõi triết học mới và những tiến bộ mới của khoa học tự nhiên, vẫn không ngừng giữ vững, một cách cũng kiên quyết như trước, lập trường rõ rệt và kiên định của mình, đồng thời quét sạch các hệ thống mới, cả lớn lẫn nhỏ.

Muốn biết Ăng-ghen đã chú ý theo dõi triết học mới như thế nào cứ xem quyển «Lút-vích Phơ-bách» thì sẽ rõ. Trong bài tựa năm 1888, ông đã nói cả đến hiện tượng là, ở Anh và Xcan-đi-na-vơ, triết học cổ điển Đức đã được tái sinh, còn đối với chủ nghĩa Can-tơ mới đang thống trị lúc đó và đối với học thuyết Hi-um, thì (trong bài tựa cũng như trong chính nội dung sách) Ăng-ghen không viết gì khác hơn ngoài những lời khinh bỉ sâu sắc nhất. Hoàn toàn hiển nhiên là, lúc đó, Ăng-ghen đã nhìn thấy rõ nền triết học *đang thịnh hành* ở Đức và Anh lại phạm trở lại những sai lầm cũ, trước thời Hê-ghen, của học thuyết Can-tơ và học thuyết Hi-um, nhưng ông vẫn có ý mong rằng, dù cho *người ta có quay lại Hê-ghen* chăng nữa (như ở Anh và Xcan-đi-na-vơ), thì cũng sẽ có ích, vì ông hy vọng rằng nhà duy tâm và biện chứng vĩ đại đó sẽ giúp cho người ta nhìn thấy rõ được những sai lầm duy tâm và siêu hình nhỏ nhất.

Tuy không khảo sát kỹ rất nhiều dòng phái của chủ nghĩa Can-tơ mới ở Đức và của học thuyết Hi-um ở Anh, Ăng-ghen vẫn phủ định *ngay từ đầu* sự thoát ly căn bản của những học thuyết đó đối với chủ nghĩa duy vật. Ông cho rằng *toàn bộ khuynh hướng* của cả trường phái này lẫn trường phái kia đều là *«bước thụt lùi về mặt khoa học»*. Và Ăng-ghen đã đánh giá như thế nào các khuynh hướng, mà xét về mặt thuật ngữ thường dùng thì hiển nhiên là «thực chứng luận», hiển nhiên

là «thực tại luận», của phái Can-tơ mới và của phái Hi-um, mà trong đó, Ăng-ghen không thể không biết Hơ-xli, chẳng hạn? Đối với «thuyết thực chứng» và «thuyết thực tại», — những thuyết đã từng cám dỗ và đang còn cám dỗ được nhiều kẻ đầu óc hồ đồ, — Ăng-ghen tuyên bố rằng: *có giỏi lắm thì các thuyết đó cũng chỉ là một thủ đoạn phi-li-xtanh nhằm bí mật du nhập chủ nghĩa duy vật,* đồng thời lại công khai thóa mạ nó và từ bỏ nó! [212] Chỉ cần suy nghĩ một chút về việc đánh giá *như vậy* Hơ-xli, nhà khoa học tự nhiên lớn nhất (so với Ma-khơ, A-vê-na-ri-út và đồng bọn, thì nhà thực tại luận và thực chứng luận này còn có tính cách thực tại luận và thực chứng luận hơn nhiều) — cũng đủ hiểu Ăng-ghen sẽ có thái độ khinh bỉ như thế nào đối với cái dúm người mác-xít hiện đang say mê «thuyết thực chứng mới nhất» hay «thuyết thực tại mới nhất» v. v..

Về mặt triết học, Mác và Ăng-ghen, thủy chung bao giờ cũng là những người có tính đảng; hai ông đã biết phát hiện ra những thiên hướng xa rời chủ nghĩa duy vật và những sự dung túng cho chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa tín ngưỡng trong tất cả mọi khuynh hướng «mới nhất», bất kỳ là khuynh hướng mới nào. Cho nên hai ông *hoàn toàn chỉ* căn cứ trên quan điểm trung thành với chủ nghĩa duy vật để đánh giá Hơ-xli. Cho nên hai ông đã trách cứ Phơ-bách là đã không triệt để áp dụng chủ nghĩa duy vật, đã vì những sai lầm của một số nhà duy vật riêng biệt mà từ bỏ chủ nghĩa duy vật, đã đấu tranh với tôn giáo nhằm đổi mới tôn giáo hay tạo ra một thứ tôn giáo mới và, về mặt xã hội học, đã không thoát khỏi những lời lẽ duy tâm và đã không thể trở thành một nhà duy vật.

I-ô-xíp Đít-xơ-ghen đã đánh giá đầy đủ truyền thống rất vĩ đại và quí báu nhất đó của các bậc thầy của mình và đã kế tục truyền thống ấy, mặc dù ông còn mắc những sai lầm cục bộ trong lúc trình bày chủ nghĩa duy vật biện chứng. I. Đít-xơ-ghen đã phạm lỗi nhiều, khi đã vụng về đi trệch con đường chủ nghĩa duy vật, nhưng ông chưa bao giờ tìm cách thoát ly về nguyên tắc khỏi chủ nghĩa duy vật, phất lên ngọn cờ «mới», trong những lúc quyết định ông luôn luôn tuyên bố kiên quyết và dứt khoát rằng: tôi là người duy vật, triết học của chúng tôi là triết học duy vật. I-ô-xíp Đít-xơ-ghen của chúng ta đã nói rất có lý rằng: «Trong tất cả mọi đảng phái, phái trung gian là phái đáng khinh ghét nhất... Hệt như về mặt chính trị, các đảng phái ngày càng tập hợp thành hai phe,... khoa học cũng chia thành hai tập đoàn cơ bản (Generalklassen): một bên là những người siêu hình và một bên

là những nhà vật lý học hay những người duy vật*. Những phần tử trung gian và những kẻ bịp bợm điều hòa, dù nấp dưới đủ thứ chiêu bài như thuyết duy linh, thuyết cảm giác, thuyết thực tại và gì gì chăng nữa, chúng cũng đều rơi vào khi thì tư trào này, khi thì tư trào khác, trên con đường đi của họ. Chúng ta đòi hỏi sự kiên quyết, chúng ta muốn có sự rõ ràng minh bạch. Phái ngu dân phản động (Retraitebläser) tự cho mình là những người duy tâm**, còn tất cả những ai muốn giải phóng đầu óc con người khỏi cái mớ tư tưởng rắc rối siêu hình, đều phải tự xưng là người duy vật... Nếu chúng ta đem ví hai đảng phái đó với chất đặc và chất lỏng, thì những kẻ đứng trung gian là một cái gì đó thuộc loại chất sền sệt»***.

Sự thật là như thế đấy! Bọn «thực tại luận» và các bọn khác nữa, kể cả bọn «thực chứng luận», bọn đồ đệ Ma-khơ, v. v. tất cả đều là chất sền sệt thảm hại; là *đảng phái trung gian* đáng khinh bỉ trong triết học, trên mỗi vấn đề riêng biệt nó đều lẫn lộn khuynh hướng duy vật và khuynh hướng duy tâm. Những mưu toan hòng thoát ra khỏi hai khuynh hướng cơ bản đó trong triết học, đều chỉ là «những mánh khóe bịp bợm điều hòa» mà thôi.

«Chủ nghĩa thầy tu khoa học» trong triết học duy tâm chỉ là cái mào đầu cho chủ nghĩa thầy tu thực sự mà thôi, điều này, I. Đít-xơ-ghen không còn chút nghi ngờ gì cả. «Chủ nghĩa thầy tu khoa học — Đít-xơ-ghen viết — đã cố gắng hết sức để giúp cho chủ nghĩa thầy tu tôn giáo» (l. c.****, tr. 51). «Đặc biệt nhất là lĩnh vực nhận thức luận, tình trạng không hiểu biết tinh thần con người, là cái tổ chấy» (Lausgrube) để cho hai loại chủ nghĩa thầy tu kia «đẻ trứng» vào. Các giáo sư triết học, dưới con mắt của I. Đít-xơ-ghen, «đều là những kẻ tôi tớ có bằng cấp, với những lời huênh hoang về «phúc lợi lý tưởng» làm ngu đần

---

* Cách nói này vẫn chưa được thỏa đáng và chưa được chính xác: phải nói là «người duy tâm» chứ không nên gọi là «người siêu hình». Chính bản thân I. Đít-xơ-ghen, ở những chỗ khác, lại đem đối lập phái siêu hình với phái biện chứng.

** Xin chú ý rằng I. Đít-xơ-ghen tự mình đã sửa và giải thích bằng những lời lẽ *chính xác hơn*, thế nào là phái thù địch của chủ nghĩa duy vật.

*** Xem bài: «Triết học dân chủ - xã hội», viết năm 1876. «Kleinere philosophische Schriften», 1903, S. 135 («Tập luận văn ngắn về triết học», 1903, tr. 135. *BT*.)

**** — sách đã dẫn. *BT*.

nhân dân bằng một thứ chủ nghĩa duy tâm đầy giả dối (geschraubter)» (53). «Nếu ma quỷ và thần thánh là hai thái cực trái nghịch nhau, thì nhà duy vật và giáo sư thầy tu (Kathederpfaffen) đối với nhau cũng thế». Lý luận về nhận thức của chủ nghĩa duy vật là một «vũ khí vạn năng chống lại tín ngưỡng tôn giáo» (55), không những chỉ chống «tôn giáo phổ biến, thật sự, thông thường của bọn thầy tu, mà cũng chống cả tôn giáo nhà trường, thanh khiết, cao thượng của bọn duy tâm say sưa (benebelter)» (58).

Đít-xơ-ghen cho rằng «tính thành thực tôn giáo» (60) vẫn hơn «tính mập mờ» của các giáo sư tự do tư tưởng — ở đây «có một hệ thống», có những con người hoàn thiện, không tách rời lý luận với thực tiễn. Còn đối với các ngài giáo sư, thì «triết học không phải là một khoa học, mà chỉ là một thủ đoạn để tự vệ chống lại phái dân chủ - xã hội» (107). «Các giáo sư và phụ giáo, tức là tất cả những ai tự xưng là triết gia, tuy chủ trương tự do tư tưởng, nhưng ít nhiều đều sa vào những thiên kiến, sa vào thuyết thần bí... tất cả bọn họ đối với phái dân chủ - xã hội... đều hợp thành một đám người phản động» (108). «Muốn đi theo con đường đúng mà không để cho những điều phi lý (Welsch) về tôn giáo và về triết học mê hoặc mình, thì phải nghiên cứu con đường sai trong các con đường sai (der Holzweg der Holzwege), tức là phải nghiên cứu triết học» (103).

Bây giờ các bạn hãy đứng về quan điểm đảng phái trong triết học mà xét Ma-khơ, A-vê-na-ri-út cùng môn phái của họ. Ôi chà, các ngài ấy *cứ tự hào về tính không đảng phái* của mình, và nếu họ có một kẻ đối địch thì chỉ có một và *chỉ* là... *nhà duy vật* mà thôi. Qua *tất cả* những trước tác của *hết thảy mọi* đồ đệ Ma-khơ, người ta thấy luôn luôn lộ rõ cái kỳ vọng ngu dại muốn «vượt lên trên» chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm, muốn khắc phục sự đối lập «cũ rích» ấy, nhưng *kỳ thật*, thì tất cả bọn người đó *cứ mỗi lúc một* sa vào chủ nghĩa duy tâm và kiên quyết tiến hành không ngừng cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa duy vật. Những luận điệu tinh vi về nhận thức luận của một anh chàng A-vê-na-ri-út nào đó, vẫn là những điều bịa đặt theo kiểu giáo sư, vẫn là một mưu toan muốn sáng lập ra một tông phái triết học nhỏ bé «của mình», nhưng *kỳ thật*, trong những điều kiện chung của cuộc đấu tranh giữa các tư tưởng và các khuynh hướng trong xã hội đương thời, tác dụng *khách quan* của những luận điệu tinh vi về nhận thức luận ấy chỉ là một, tức là vạch đường mở lối cho chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa tín ngưỡng, phục vụ trung thành những chủ nghĩa đó mà thôi.

Quả thực, không phải ngẫu nhiên mà cả những người duy linh Anh thuộc loại Oác-đơ, cả phái phê phán mới ở Pháp đang ca tụng Ma-khơ vì đã đấu tranh chống chủ nghĩa duy vật, và cả phái nội tại [213] ở Đức, đều bám lấy cái trường phái nhỏ bé của những nhà kinh nghiệm phê phán! Những tiếng «kẻ tôi tớ có bằng cấp của chủ nghĩa tín ngưỡng» của I. Đít-xơ-ghen đã đập trúng vào mặt bọn Ma-khơ, A-vê-na-ri-út và toàn thể môn phái của họ*.

Điều bất hạnh cho những đồ đệ Ma-khơ ở Nga muốn «điều hòa» học thuyết Ma-khơ với chủ nghĩa Mác là ở chỗ họ đã tin vào bọn giáo sư triết học phản động, và vì thế họ đã trượt xuống dốc. Các thứ mưu toan của họ để phát triển và bổ sung chủ nghĩa Mác, đều dựa trên những phương pháp cực kỳ giản đơn. Người ta đọc Ô-xtơ-van-đơ, người ta tin tưởng Ô-xtơ-van-đơ, người ta trình bày Ô-xtơ-van-đơ, gọi đó là: chủ nghĩa Mác. Người ta đọc Ma-khơ, người ta tin tưởng Ma-khơ, người ta trình bày Ma-khơ, gọi đó là: chủ nghĩa Mác. Người ta đọc Poanh-ca-rê,

---

* Và đây là một ví dụ nữa về cái cách mà các phái triết học tư sản phản động hiện đang hết sức thịnh hành, đã thực tế lợi dụng học thuyết Ma-khơ. «Thuyết thực dụng» (nguyên là do tiếng Hy-lạp pragma, nghĩa là hành vi, hành động mà ra; triết học của hành động) có thể nói là «cái mốt mới nhất» của triết học Mỹ gần đây nhất. Có lẽ chính là cái thuyết thực dụng này đã được các tạp chí triết học dành nhiều trang nhất để nói đến. Thuyết thực dụng đã chế nhạo quan điểm siêu hình của cả chủ nghĩa duy vật lẫn chủ nghĩa duy tâm, đã tán dương kinh nghiệm và chỉ tán dương kinh nghiệm không thôi, đã coi thực tiễn là tiêu chuẩn duy nhất, đã viện ra trào thực chứng luận nói chung, *đặc biệt là dựa vào Ô-xtơ-van-đơ, Ma-khơ, Piếc-xơn, Poanh-ca-rê, Đuy-hem* mà cho rằng khoa học không phải là một thứ «sao chép thực tại một cách tuyệt đối», và... do tất cả những điều nói đó mà suy diễn ra một cách hết sức bình tĩnh rằng Thượng đế là có thực, vì những mục đích thực tiễn và chỉ thuần vì mục đích thực tiễn thôi, chứ không có chút gì là siêu hình cả, không hề vượt khỏi giới hạn của kinh nghiệm nào cả (xem *William James*. «Pragmatism. A new name for some old ways of thinking», N. Y. and L., 1907, p. 57 và đặc biệt 106 (xem Uy-li-am Giêm-xơ. «Chủ nghĩa thực dụng. Một cái từ mới để gọi những lối tư tưởng cũ», Niu-oóc và Luân-đôn, 1907, tr. 57 và đặc biệt 106. *BT*.). Đứng trên quan điểm duy vật mà xét, thì sự khác nhau giữa chủ nghĩa Ma-khơ và chủ nghĩa thực dụng cũng như giữa chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán và thuyết kinh nghiệm nhất nguyên là vô cùng nhỏ nhặt, không đáng kể. Để thấy rõ điều đó, xin so sánh cái định nghĩa về chân lý của Bô-gđa-nốp với định nghĩa của phái thực dụng: «người thực dụng nhận rằng chân lý là một quan niệm chủng loại dùng để chỉ, trong kinh nghiệm, bất cứ loại giá trị nhất định nào về công tác (working-values)» (như trên, tr. 68).

người ta tin tưởng Poanh-ca-rê, người ta trình bày Poanh-ca-rê, gọi đó là: chủ nghĩa Mác! Bọn giáo sư đó đều có khả năng viết được những tác phẩm hết sức có giá trị trong các lĩnh vực chuyên môn như hóa học, sử học và vật lý học, nhưng khi nói đến vấn đề triết học, thì *không có lấy một lời nào của bất cứ một người nào* trong bọn họ *là có thể tin được cả*. Vì sao? Vì cũng cái nguyên nhân khiến người ta không thể tin *một lời nào ở một* vị giáo sư chính trị kinh tế học *nào*, một khi nói đến vấn đề lý luận chung về kinh tế chính trị học, mặc dù họ có khả năng viết được những tác phẩm hết sức có giá trị trong lĩnh vực nghiên cứu chuyên môn về các tài liệu thực tế. Vì trong xã hội đương thời, lý luận chung về chính trị kinh tế học cũng là một khoa học *có tính đảng*, giống như *nhận thức luận* vậy. Nói chung, các giáo sư môn kinh tế đều chỉ là những học giả tay sai của giai cấp tư bản, các giáo sư triết học đều chỉ là bọn học giả tay sai của phái thần học.

Trên cả hai mặt triết học và chính trị kinh tế học, nhiệm vụ của người mác-xít là phải biết nắm lấy và cải tạo những thành tựu của «những bọn tay sai» đó (chẳng hạn, trong lĩnh vực nghiên cứu những hiện tượng mới về kinh tế, không dùng đến những tác phẩm của bọn tay sai đó, thì sẽ không tiến lên được một bước), và phải *biết* loại bỏ khuynh hướng phản động của họ, phải biết vận dụng đường lối *của chính mình* và phải đấu tranh chống *toàn bộ đường lối* của các thế lực và các giai cấp đối địch với chúng ta. Chính điều đó những đồ đệ Ma-khơ ở nước ta cứ *nhắm mắt* đi theo cái triết học phản động nhà trường, thì không thể nào làm được. Thay mặt các tác giả tập «Khái luận», Lu-na-tsác-xki đã viết: «Có lẽ chúng tôi đi lạc đường, nhưng chúng tôi đang tìm tòi». — Không phải *các anh* đang tìm tòi đâu, mà *người ta đang tìm tòi các anh đấy*, điều bất hạnh chính là ở đấy! Không phải là các anh tìm đến, căn cứ theo quan điểm của các anh, tức là quan điểm mác-xít (vì các anh muốn là người mác-xít), với mỗi sự thay đổi mốt trong triết học tư sản, mà chính cái mốt đó đang tìm đến với các anh, gán cho các anh những món giả tạo mới của nó theo khẩu vị của chủ nghĩa duy tâm, hôm nay à la* Ô-xtơ-van-đơ, ngày mai à la Ma-khơ, ngày kia à la Poanh-ca-rê. Những thuật quanh co về «lý luận» khá ngu xuẩn (như «duy năng luận», «nguyên tố», «khảm nhập», v. v.) mà các anh tin tưởng một cách ngây thơ đó, vẫn nằm trong phạm vi của một môn phái chật hẹp, nhỏ bé, còn *khuynh hướng về mặt*

---

* — theo kiểu. *BT*.

xã hội và tư tưởng của những thuật quanh co đó thì biến ngay thành công cụ của phái Oác-đơ, phái phê phán mới, phái nội tại, phái Lô-pa-tin, phái thực dụng và *phục vụ* cho các phái ấy. Sự say mê đối với chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán và chủ nghĩa duy tâm «vật lý học» cũng trôi qua nhanh chóng như sự say mê đối với chủ nghĩa Can-tơ mới và chủ nghĩa duy tâm «sinh lý học»; nhưng chủ nghĩa tín ngưỡng thì lại thu được lợi cho nó từ mỗi sự say mê đó, và dùng trăm phương nghìn kế để thay đổi những ngón lừa bịp tinh vi của mình làm lợi cho chủ nghĩa duy tâm triết học.

Thái độ đối với tôn giáo và đối với khoa học tự nhiên đã chứng minh một cách tuyệt diệu việc bọn phản động tư sản đã *thực sự* lợi dụng với ý thức giai cấp, chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán.

Hãy xem xét vấn đề thứ nhất. Các bạn có tin rằng, do ngẫu nhiên mà trong một tác phẩm viết tập thể *chống lại* triết học của chủ nghĩa Mác, Lu-na-tsác-xki đã nói đến việc «thần thánh hóa những tiềm năng tối cao của loài người», đến «chủ nghĩa vô thần tôn giáo»*, v. v. được không? Nếu các bạn cho là như thế, thì chỉ vì bọn đồ đệ Ma-khơ ở Nga đã làm cho công chúng nhận định sai về *toàn bộ* tư trào Ma-khơ ở châu Âu và về thái độ của tư trào này đối với tôn giáo. Không những thái độ đó không có một chút gì giống với thái độ của Mác, của Ăng-ghen, của Đít-xơ-ghen và ngay cả của Phơ-bách nữa, mà *ngược hẳn lại*, kể từ lời tuyên bố của Pết-txôn-tơ: chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán «không trái ngược với chủ nghĩa hữu thần, cũng không trái ngược với chủ nghĩa vô thần» («Einführung in die Philisophie der reinen Erfahrung» **, I, 351), hay từ lời tuyên bố của Ma-khơ: «những quan niệm tôn giáo là chuyện riêng» (bản dịch bằng tiếng Pháp, p. 434), cho đến *chủ nghĩa tín ngưỡng ra mặt, chủ nghĩa cực kỳ phản động* ra mặt của Coóc-nê-li-út, — người ca tụng Ma-khơ và được Ma-khơ ca tụng, — của Ca-ru-xơ và của tất cả những người nội tại luận. Sự trung lập của *nhà triết học* trong vấn đề đó *cũng đã là* sự nô lệ đối với chủ nghĩa tín ngưỡng rồi, thế mà Ma-khơ và A-vê-na-ri-út do những điểm xuất phát của nhận thức luận của mình, đã không vượt khỏi và không thể nào vượt khỏi sự trung lập được.

---

* «Khái luận», tr. 157, 159. Trên tờ «Báo hải ngoại», tác giả đó cũng bàn về «chủ nghĩa xã hội khoa học và về giá trị tôn giáo của chủ nghĩa đó» (số 3, tr. 5); trên tạp chí «Giáo dục»[214], 1908, số 1, tr. 164, tác giả đó đã viết rõ ràng là: «Một tôn giáo mới đã chín muồi trong tâm não tôi từ lâu rồi...».

** — «Giới thiệu triết học về kinh nghiệm thuần túy». *BT.*

Khi các bạn phủ nhận thực tại khách quan được đem lại cho chúng ta trong cảm giác, thì các bạn đã mất hết mọi vũ khí chống lại chủ nghĩa tín ngưỡng, bởi vì như thế là các bạn đã sa vào thuyết bất khả tri hay chủ nghĩa chủ quan, mà chủ nghĩa tín ngưỡng thì lại không đòi hỏi các bạn gì nhiều hơn thế nữa. Nếu thế giới cảm tính là thực tại khách quan, thì cửa đã đóng sập lại đối với bất kỳ «thực tại» hay giả danh thực tại nào khác (nên nhớ rằng Ba-da-rốp đã tin tưởng vào «thuyết thực tại» của những người nội tại luận, tức là những người đã tuyên bố Thượng đế là «khái niệm thực tại»). Nếu thế giới là vật chất đang vận động, thì người ta có thể và phải nghiên cứu vật chất đó một cách vô cùng tận, trong những biểu hiện và những chi nhánh vô cùng phức tạp và chi tiết của sự vận động *ấy*, của sự vận động của vật chất *ấy*; nhưng ở ngoài vật chất ấy, ở ngoài cái thế giới «vật lý» bên ngoài, mà tất cả và mỗi người đều quen thuộc, thì không thể có một cái gì cả. Căm thù chủ nghĩa duy vật và vu cáo chồng chất lên những người duy vật, tất cả những điều đó là chuyện cơm bữa ở châu Âu văn minh và dân chủ. Tất cả những điều đó, cho đến nay vẫn còn tiếp diễn. Bọn đồ đệ Ma-khơ ở Nga đã *che giấu* không cho công chúng biết rõ tất cả những chuyện đó, họ không hề *có lấy một lần nào* thử đối chiếu một cách thành thực những điều mà Ma-khơ, A-vê-na-ri-út, Pết-txôn-tơ và đồng bọn đã thóa mạ chủ nghĩa duy vật, với những lời tuyên bố của Phơ-bách, Mác, Ăng-ghen, I. Đít-xơ-ghen *bảo vệ* chủ nghĩa duy vật.

Nhưng «che giấu» thái độ của Ma-khơ và A-vê-na-ri-út đối với chủ nghĩa tín ngưỡng, cũng chẳng ích gì. Sự thật tự nó cũng đã nói lên rồi. Không một nỗ lực nào trên thế giới có thể cứu vớt được các giáo sư phản động đó ra khỏi vũng bùn nhục nhã mà những cái vuốt ve thân mật của Oác-đơ, của phái phê phán mới, Súp-pê, Su-béc - Dôn-đơn, Lơ-cle, phái thực dụng, v. v. đã nhận chìm họ xuống đấy. Ảnh hưởng của những nhân vật, với tư cách là những nhà triết học và giáo sư, vừa được kể ra đó, việc truyền bá tư tưởng của họ trong công chúng «có học thức», tức là công chúng tư sản, những sách báo chuyên môn mà họ đã sáng lập ra, đều phong phú và rộng rãi gấp mười lần trường phái chuyên môn nhỏ nhặt của Ma-khơ và A-vê-na-ri-út. Trường phái nhỏ nhặt này phục vụ những người mà nó phải phục vụ. Người ta đang lợi dụng trường phái nhỏ nhặt đó như người ta phải lợi dụng.

Những điều nhục nhã mà Lu-na-tsác-xki đã nói ra, không phải là một ngoại lệ, đó là sản vật của chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán, cả

Nga lẫn Đức. Người ta không thể bênh vực những điều đó bằng «những ý định tốt» của tác giả, bằng «những ý nghĩa riêng» trong lời nói của tác giả: nếu đó là ý nghĩa ngay thẳng và quen dùng, tức là thuần túy có tính chất chủ nghĩa tín ngưỡng, thì chúng tôi sẽ chẳng tội gì đi tranh cãi với tác giả đó, bởi vì chắc chắn là không một người mác-xít nào, khi đã biết những lời nói đó lại *không dứt khoát* đặt A-na-tô-li Lu-na-tsác-xki ngang hàng với Pi-ốt Xtơ-ru-vê. Nếu không phải là như thế (mà cũng *chưa* phải là như thế), thì đó chính là vì chúng ta thấy một ý nghĩa «riêng», và *chúng ta đấu tranh, chừng nào còn có khả năng* đấu tranh theo lối đồng chí với nhau. Điều nhục nhã trong những lời tuyên bố của Lu-na-tsác-xki, chính là ở chỗ ông ta *đã có thể* đem gắn những lời đó với những ý định «tốt» của ông ta. Điều hại trong «lý luận» của ông ta chính là ở chỗ lý luận đó thừa nhận những thủ đoạn *như thế* hay những kết luận *như thế* để thực hiện những ý định tốt. Điều bất hạnh chính là ở chỗ những ý định «tốt» *nhiều lắm cũng chỉ* là việc chủ quan của anh A, anh B hay anh C mà thôi, còn *ý nghĩa xã hội* của những lời tuyên bố như vậy lại là xác thực và không thể chối cãi được, và bất cứ một lời bổ khuyết và giải thích nào cũng không thể làm giảm bớt ý nghĩa đó được.

Chỉ có những kẻ đui mù mới không nhìn thấy mối quan hệ thân thuộc về tư tưởng giữa cái mà Lu-na-tsác-xki gọi là sự «thần thánh hóa những tiềm năng tối cao của loài người» với cái mà Bô-gđa-nốp gọi là «sự thay thế một cách phổ biến» toàn bộ giới tự nhiên vật lý bằng cái tâm lý. Đó cũng vẫn là một tư tưởng thôi, nhưng ở trường hợp này, được thể hiện chủ yếu theo quan điểm mỹ học, còn ở trường hợp kia được thể hiện chủ yếu theo quan điểm nhận thức luận. «Thuyết thay thế» đề cập vấn đề một cách mặc nhiên và, mặt khác, *đã thần thánh hóa* «những tiềm năng tối cao của loài người» bằng cách đem tách «cái tâm lý» ra khỏi con người và đem «cái tâm lý nói chung» đã được mở rộng ra vô hạn, có tính chất trừu tượng, thần hóa và chết cứng thay thế cho *toàn bộ giới tự nhiên vật lý*. Còn cái «Lô-gô-xo» của I-u-skê-vích được đem bỏ vào «cái dòng phi lý của kinh nghiệm» thì thế nào?

Móng chim đã mắc phải dò thì chim khôn đường thoát. Thế mà bọn đồ đệ Ma-khơ ở ta, tất cả đều đã mắc phải bẫy của chủ nghĩa duy tâm, nghĩa là mắc phải bẫy của chủ nghĩa tín ngưỡng đã được đem pha loãng và gọt giũa, họ đã mắc bẫy từ khi họ coi «cảm giác» là một «nguyên tố» đặc biệt, chứ không phải là một hình ảnh của thế giới bên ngoài.

Hễ không thừa nhận lý luận duy vật coi ý thức con người là *phản ánh* của thế giới thực tại khách quan bên ngoài, thì nhất định sẽ rơi vào chỗ cho rằng cảm giác và tâm lý không là của ai cả, ý chí và tinh thần không là của ai cả.

Viết xong hồi tháng Hai - tháng Mười 1908

Toàn tập, t. 18

NHỮNG Ý KIẾN BẤT ĐỒNG TRONG PHONG TRÀO CÔNG NHÂN CHÂU ÂU[215]

I

Những ý kiến bất đồng chủ yếu về sách lược trong phong trào công nhân hiện nay ở châu Âu và châu Mỹ, quy lại là cuộc đấu tranh chống hai khuynh hướng lớn thoát ly chủ nghĩa Mác là chủ nghĩa trên thực tế đã trở thành lý luận chi phối phong trào đó. Hai khuynh hướng ấy là chủ nghĩa xét lại (chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa cải lương) và chủ nghĩa vô chính phủ (chủ nghĩa công đoàn vô chính phủ, chủ nghĩa xã hội vô chính phủ). Hai khuynh hướng thoát ly lý luận mác-xít và sách lược mác-xít đang chiếm địa vị thống trị trong phong trào công nhân đó, biểu hiện ra dưới những hình thức khác nhau, với những sắc thái khác nhau, ở tất cả các nước văn minh, trong suốt một thời kỳ dài hơn nửa thế kỷ của lịch sử phong trào công nhân có tính chất quần chúng.

Chỉ qua một sự kiện đó cũng thấy rõ rằng, không thể giải thích những khuynh hướng thoát ly ấy bằng những sự ngẫu nhiên, cũng không phải bằng những sai lầm của những cá nhân hay những nhóm cá biệt, thậm chí cũng không phải bằng ảnh hưởng của những đặc điểm hay những truyền thống dân tộc, v. v.. Phải có những nguyên nhân căn bản nằm trong chế độ kinh tế và trong tính chất phát triển của tất cả các nước tư bản chủ nghĩa, những nguyên nhân luôn luôn đẻ ra các khuynh hướng nói trên. Tập sách nhỏ xuất bản năm ngoái của nhà mác-xít Hà-lan An-tôn Pan-nê-cúc nhan đề là: «Những ý kiến bất đồng về sách lược trong phong trào công nhân» (Anton Pannekoek. «Die taktischen Differenzen in der Arbeiterbewegung». Hamburg, Erdmann Dubber, 1909) là một mưu đồ đáng chú ý nhằm nghiên cứu một cách khoa học những nguyên nhân ấy. Trong bản trình bày dưới đây, chúng tôi xin giới thiệu với độc giả những kết luận của Pan-nê-cúc, mà người ta không thể không thừa nhận là hoàn toàn đúng đắn.

Một trong những nguyên nhân sâu xa nhất, từng thời kỳ một lại đẻ ra những ý kiến bất đồng về sách lược, là bản thân sự lớn mạnh của phong trào công nhân. Nếu đừng đem cái lý tưởng ngông cuồng nào đó làm tiêu chuẩn để đo phong trào ấy, mà cứ coi phong trào đó như một phong trào thực tiễn của những con người thông thường, thì sẽ thấy rõ ràng việc thu hút những «tân binh», việc lôi cuốn những tầng lớp mới trong quần chúng lao động, nhất định phải đi kèm với những sự dao động trong lĩnh vực lý luận và sách lược, với tình trạng tái phạm những sai lầm cũ, với tình trạng nhất thời quay về những quan niệm đã lỗi thời và những phương pháp đã lỗi thời, v. v.. Từng thời kỳ một, phong trào công nhân trong mỗi nước phải bỏ ra ít hay nhiều dự trữ về tinh lực, tâm trí và thời gian để «huấn luyện» tân binh.

Sau nữa, chủ nghĩa tư bản phát triển với một tốc độ không giống nhau trong các nước khác nhau và trong các ngành khác nhau của nền kinh tế quốc dân. Chủ nghĩa Mác được giai cấp công nhân và những nhà tư tưởng của giai cấp đó lĩnh hội một cách dễ dàng nhất, nhanh chóng nhất, đầy đủ nhất và chắc chắn nhất trong điều kiện nền đại công nghiệp được phát triển cao nhất. Những mối quan hệ kinh tế lạc hậu hoặc chậm phát triển thường xuyên dẫn tới chỗ là, trong phong trào công nhân, xuất hiện những phần tử chỉ lĩnh hội được những khía cạnh nào đó của chủ nghĩa Mác, những bộ phận nào đó của thế giới quan mới, hoặc một số khẩu hiệu và yêu sách nào đó, mà không thể đoạn tuyệt dứt khoát với tất cả những truyền thống của thế giới quan tư sản nói chung và của thế giới quan dân chủ tư sản nói riêng.

Hơn nữa, một nguồn gốc luôn luôn gây ra những ý kiến bất đồng là tính chất biện chứng của sự tiến hóa xã hội, diễn ra trong những mâu thuẫn và thông qua các mâu thuẫn. Chủ nghĩa tư bản là tiến bộ, vì nó xóa bỏ những phương thức sản xuất cũ và làm cho lực lượng sản xuất phát triển; nhưng đồng thời đến một trình độ phát triển nhất định thì nó lại kìm hãm sự phát triển của các lực lượng sản xuất. Chủ nghĩa tư bản làm cho công nhân phát triển, làm cho họ có tổ chức, đưa họ vào kỷ luật, — nhưng nó đè nén, áp bức công nhân, dẫn họ tới chỗ thoái hóa, cùng khổ, v. v.. Chủ nghĩa tư bản tự nó tạo ra người đào huyệt chôn nó, tự nó tạo ra những nhân tố của một chế độ mới, và đồng thời, nếu không có một «bước nhảy vọt», thì những nhân tố riêng lẻ đó không làm thay đổi được một tí gì trong tình hình chung của sự vật, không đụng chạm đến nền thống trị của tư bản. Chủ nghĩa Mác, với tư cách là lý luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, đã nắm được những mâu

thuẫn đó trong cuộc sống sinh động, trong lịch sử sinh động của chủ nghĩa tư bản và của phong trào công nhân. Nhưng lẽ dĩ nhiên là quần chúng học tập trong đời sống chứ không phải trong sách vở, và vì vậy, có những cá nhân hay những nhóm người luôn luôn phóng đại, luôn luôn nêu khi thì đặc điểm này, khi thì đặc điểm nọ của sự phát triển tư bản chủ nghĩa, khi thì «bài học» này, khi thì «bài học» nọ của sự phát triển ấy, thành một lý thuyết phiến diện, thành một hệ thống sách lược phiến diện.

Các nhà tư tưởng tư sản, những người thuộc phái tự do và phái dân chủ không hiểu được chủ nghĩa Mác, không hiểu được phong trào công nhân hiện nay, nên luôn luôn nhảy từ một cực đoan bất lực này sang một cực đoan bất lực khác. Khi thì họ giải thích rằng mọi việc đều do những kẻ có ác ý «xúc xiểm» giai cấp này chống giai cấp kia, khi thì họ tự an ủi bằng cách nói rằng đảng công nhân là một «đảng cải lương có tính chất hòa bình». Cả chủ nghĩa công đoàn vô chính phủ lẫn chủ nghĩa cải lương cũng cần phải được coi là một sản phẩm trực tiếp của thế giới quan tư sản ấy và của ảnh hưởng của nó, những chủ nghĩa này chỉ bám vào *một* mặt của phong trào công nhân, nâng tính chất phiến diện ấy lên thành một thứ lý luận, tuyên bố rằng những khuynh hướng hoặc những nét đặc trưng của phong trào ấy, vốn là đặc điểm của một thời kỳ nào đó hay của những điều kiện hoạt động nào đó của giai cấp công nhân, là bài trừ lẫn nhau. Nhưng đời sống thực tế, lịch sử thực tế thì lại *bao hàm* cả những khuynh hướng khác nhau đó, cũng như đời sống và sự phát triển trong tự nhiên vẫn bao hàm cả sự tiến hóa chậm chạp lẫn những bước nhảy vọt nhanh chóng, những sự gián đoạn của quá trình tiệm tiến.

Bọn xét lại cho rằng tất cả những lập luận về những «bước nhảy vọt» và về sự đối lập có tính chất nguyên tắc giữa phong trào công nhân và toàn bộ xã hội cũ, đều là những câu nói rỗng tuếch cả. Bọn ấy coi những cuộc cải lương là việc thực hiện từng phần chủ nghĩa xã hội. Bọn công đoàn vô chính phủ từ chối «công tác vụn vặt», đặc biệt là phản đối việc lợi dụng diễn đàn nghị viện. Thật ra thì sách lược này quy lại là ngồi chờ những «ngày vĩ đại» mà không biết tập hợp các lực lượng đang tạo ra những sự biến lớn lao. Cả hai bọn nói trên đều kìm hãm cái công việc quan trọng nhất, cấp thiết nhất là: tập hợp công nhân lại thành những tổ chức rộng lớn, mạnh mẽ, hoạt động tốt và biết hoạt động tốt trong *tất cả mọi* hoàn cảnh, tức là những tổ chức đầy tinh thần đấu tranh giai cấp, có một nhận thức rõ ràng về mục đích

của mình và được giáo dục theo tinh thần của thế giới quan thật sự mác-xít.

Chỗ này, chúng tôi xin phép nói thêm ra ngoài đề một tí, và để tránh những sự hiểu lầm có thể xảy đến, chúng tôi xin thanh minh rằng Pan-nê-cúc, trong khi minh họa cho sự phân tích của mình thì *chỉ* dùng *toàn* những ví dụ mượn trong lịch sử Tây Âu, đặc biệt là mượn ở lịch sử của nước Đức và nước Pháp, chứ *tuyệt nhiên không* có ý nói đến nước Nga. Nếu đôi khi hình như ông ta có ám chỉ đến nước Nga thì đó chỉ là vì những xu hướng chủ yếu đã gây ra những sự xa rời nào đó đối với sách lược mác-xít, cũng thể hiện ra cả ở nước ta, mặc dầu có sự khác nhau rất xa giữa nước Nga với phương Tây về mặt văn hóa, phong tục tập quán và kinh tế - lịch sử.

Cuối cùng, một nguyên nhân hết sức trọng yếu đã gây ra những ý kiến bất đồng giữa những người tham gia phong trào công nhân là những sự thay đổi trong sách lược của các giai cấp thống trị nói chung và của giai cấp tư sản nói riêng. Nếu sách lược của giai cấp tư sản trước sau vẫn không thay đổi hay ít ra cũng cùng một loại, thì có lẽ giai cấp công nhân đã sớm học được cách đáp lại sách lược đó bằng một sách lược trước sau cũng nhất trí hay cùng một loại như thế. Sự thật, giai cấp tư sản trong tất cả các nước tất nhiên phải vạch ra hai hệ thống cai quản, hai phương pháp đấu tranh cho lợi ích của nó, để bảo vệ sự thống trị của nó, — hơn nữa, hai phương pháp đó khi thì thay thế cho nhau, khi thì kết hợp với nhau dưới nhiều hình thức. Phương pháp thứ nhất là phương pháp bạo lực, phương pháp từ chối mọi việc nhượng bộ phong trào công nhân, phương pháp ủng hộ tất cả những thể chế cũ và lỗi thời, phương pháp triệt để phủ nhận mọi cuộc cải cách. Đó là thực chất của cái chính sách bảo thủ, chính sách này ở Tây Âu ngày càng không còn là của giai cấp địa chủ nữa, mà ngày càng trở thành một trong những loại hình của chính sách tư sản nói chung. Phương pháp thứ hai là phương pháp của «phái tự do», tức là dùng những biện pháp theo hướng mở rộng các quyền chính trị, theo hướng thi hành những cuộc cải cách, những nhượng bộ, v. v..

Giai cấp tư sản chuyển từ phương pháp này sang phương pháp khác, không phải là do ác ý của một số cá nhân nào đó, và cũng không phải do ngẫu nhiên, mà là do mâu thuẫn căn bản trong địa vị của giai cấp đó. Một xã hội tư bản chủ nghĩa bình thường không thể phát triển được một cách thắng lợi nếu không có một chế độ đại nghị được củng cố, nếu không để cho dân chúng hưởng một số quyền chính trị

nào đó, vì về mặt «văn hóa», dân chúng không thể không có một đòi hỏi tương đối khá cao. Việc đòi hỏi một trình độ văn hóa tối thiểu nhất định là do những điều kiện của chính ngay phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa với nền kỹ thuật cao, với tính chất phức tạp, mềm dẻo, năng động của phương thức sản xuất đó, với sự phát triển nhanh chóng của sự cạnh tranh trên toàn thế giới, v. v. đẻ ra. Do đó, những sự dao động trong sách lược của giai cấp tư sản, việc chuyển từ chế độ bạo lực sang chế độ gọi là nhượng bộ, là những nét cố hữu trong lịch sử tất cả các nước châu Âu suốt trong nửa cuối thế kỷ vừa qua, hơn nữa, các nước khác nhau lại ưu tiên áp dụng phương pháp này hay phương pháp kia trong những thời kỳ nhất định. Chẳng hạn, nước Anh trong những năm 60 và 70 của thế kỷ XIX là nước cổ điển của chính sách «tự do» tư sản, còn nước Đức trong những năm 70 và 80 thì lại bám giữ phương pháp bạo lực, v. v..

Khi phương pháp này đang thịnh hành ở Đức, thì sự phản ứng phiến diện đối với một trong những chế độ quản lý tư sản ấy là sự phát triển của chủ nghĩa công đoàn vô chính phủ, hay như cách nói lúc bấy giờ, là chủ nghĩa vô chính phủ trong phong trào công nhân (phái «trẻ»[216] hồi đầu những năm 90; Giô-han Mô-xtơ, hồi đầu những năm 80). Năm 1890, khi có sự chuyển sang chính sách «nhượng bộ», thì sự chuyển biến đó, bao giờ cũng vậy, lại còn nguy hiểm cho phong trào công nhân hơn, vì nó gây ra một sự phản ứng cũng phiến diện như thế của «chính sách cải lương» tư sản: chủ nghĩa cơ hội trong phong trào công nhân. Pan-nê-cúc viết: «Mục đích thực chứng, hiện thực của chính sách tự do của giai cấp tư sản, là làm cho công nhân lạc hướng, gây chia rẽ trong hàng ngũ của họ, biến chính sách của công nhân thành một vật phụ thuộc bất lực của cái gọi là chính sách cải lương, một chính sách bao giờ cũng bất lực và ngắn ngủi».

Thường thường, trong một thời gian nào đó, nhờ có chính sách «tự do» mà giai cấp tư sản đạt được mục đích của nó, chính sách ấy, như Pan-nê-cúc đã nhận xét rất đúng, là một thứ chính sách «xảo quyệt hơn». Một bộ phận công nhân, một bộ phận những người đại biểu của họ đôi khi mắc lừa vì những nhượng bộ bề ngoài. Bọn theo chủ nghĩa xét lại tuyên bố rằng học thuyết đấu tranh giai cấp đã «lỗi thời» rồi, hoặc chung bắt đầu áp dụng một chính sách trên thực tế là từ bỏ lý luận đó. Những sự quanh co của sách lược tư sản làm tăng thêm chủ nghĩa xét lại trong phong trào công nhân và lắm lúc đưa những ý kiến bất đồng trong nội bộ phong trào đó đến chỗ phân liệt trực tiếp.

Tất cả những nguyên nhân theo loại nói trên đều gây ra những ý kiến bất đồng về sách lược bên trong phong trào công nhân, bên trong hàng ngũ giai cấp vô sản. Nhưng giữa giai cấp vô sản và các tầng lớp tiểu tư sản tiếp giáp với nó, kể cả nông dân, thì không có và không thể có một bức vạn lý trường thành nào cả. Dĩ nhiên, những bước chuyển của một số người, của một số nhóm và một số tầng lớp từ giai cấp tiểu tư sản sang giai cấp vô sản, không thể không gây ra những sự ngả nghiêng trong sách lược của giai cấp này.

Kinh nghiệm của phong trào công nhân trong các nước, trên những vấn đề cụ thể của thực tiễn, đang giúp ta thấy rõ được thực chất của sách lược mác-xít, giúp những nước còn non trẻ hơn phân biệt được rõ ràng hơn cái ý nghĩa giai cấp thật sự của những khuynh hướng xa rời chủ nghĩa Mác, và giúp cho đấu tranh có kết quả hơn chống lại những khuynh hướng ấy.

Báo «Ngôi sao», số 1,
16 tháng Chạp 1910

Toàn tập, t. 20

VỀ MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM TRONG SỰ PHÁT TRIỂN LỊCH SỬ CỦA CHỦ NGHĨA MÁC

Học thuyết của chúng tôi — Ăng-ghen nói về mình và về người bạn nổi tiếng của mình — không phải là giáo điều mà là kim chỉ nam cho hành động. Luận điểm kinh điển ấy nhấn mạnh một cách đặc biệt rõ rệt và nổi bật một phương diện của chủ nghĩa Mác mà người ta rất thường hay quên không nhìn tới. Mà quên không nhìn tới phương diện ấy thì chúng ta sẽ làm cho chủ nghĩa Mác trở thành phiến diện, méo mó, cứng đờ; chúng ta sẽ trút bỏ mất phần tinh túy của nó, chúng ta sẽ phá hủy những cơ sở lý luận cơ bản của nó, — tức là phép biện chứng, học thuyết về sự phát triển lịch sử, một sự phát triển toàn diện và chứa đầy mâu thuẫn; chúng ta sẽ phá hủy sự liên hệ giữa chủ nghĩa Mác với những nhiệm vụ thực tiễn nhất định của thời đại, những nhiệm vụ có thể biến đổi ở mỗi bước ngoặt mới của lịch sử.

Nhưng chính hiện nay, trong số những người quan tâm đến vận mệnh của chủ nghĩa Mác ở Nga, chúng ta rất hay gặp những người quên không nhìn tới chính cái phương diện đó của chủ nghĩa Mác. Tuy nhiên, ai cũng nhận thấy rõ rằng những năm gần đây, nước Nga đã trải qua những bước ngoặt đột ngột làm thay đổi tình hình — tình hình xã hội và chính trị này quyết định trực tiếp và tức khắc những điều kiện hành động và do đó cả những nhiệm vụ của hành động ấy — một cách nhanh chóng lạ thường và mạnh mẽ lạ thường. Cố nhiên, tôi không nói đến những nhiệm vụ chung và căn bản không thay đổi ở những bước ngoặt của lịch sử, khi mà tương quan cơ bản giữa các giai cấp vẫn chưa thay đổi. Điều hết sức hiển nhiên là chiều hướng chung đó của sự tiến triển kinh tế (và không những của kinh tế) ở nước Nga, cũng như tương quan cơ bản giữa các giai cấp trong xã hội Nga, vẫn không thay đổi, chẳng hạn, trong sáu năm gần đây.

Nhưng trong thời kỳ ấy, những nhiệm vụ của hành động trước mắt và trực tiếp đã thay đổi rất rõ rệt tùy theo những biến chuyển của tình

hình xã hội và chính trị cụ thể, và *do đó* những phương diện *khác nhau* của chủ nghĩa Mác, tức là của một học thuyết sinh động, cũng *không thể không* nổi bật lên hàng đầu.

Để giải thích rõ thêm ý kiến đó, chúng ta hãy xét xem những biến đổi trong tình hình xã hội và chính trị cụ thể đã xảy ra như thế nào trong sáu năm vừa qua. Chúng ta thấy ngay rằng thời đại ấy chia ra làm hai thời kỳ, mỗi thời kỳ ba năm: thời kỳ đầu kết thúc vào khoảng mùa hạ 1907; thời kỳ sau vào mùa hạ 1910. Xét về quan điểm thuần tuy lý luận thì thời kỳ ba năm đầu có đặc điểm là những nét căn bản của chế độ nhà nước ở Nga biến đổi nhanh chóng, nhưng biến đổi theo một nhịp đi rất không đều và dao động rất mạnh về cả hai chiều. Cơ sở xã hội và kinh tế của những biến đổi đó của «thượng tầng kiến trúc» là hành động hết sức công khai, mạnh mẽ và có tính chất quần chúng của *tất cả* các giai cấp trong xã hội Nga trong nhiều lĩnh vực *hết sức khác nhau* (trong Đu-ma, ngoài Đu-ma, trong báo chí, trong các hội, trong các cuộc họp, v. v.), một hành động hiếm có trong lịch sử.

Trái lại, thời kỳ ba năm thứ hai có đặc điểm — ở đây, chúng tôi xin nhắc lại rằng lần này chúng tôi cũng chỉ nói trên quan điểm «xã hội học» thuần túy lý luận — là tiến triển chậm chạp đến nỗi hầu như là ngừng trệ. Trong chế độ nhà nước thì không có một sự thay đổi rõ rệt chút ít nào hết. Trên phần nhiều «những vũ đài» mà *các giai cấp* vẫn hành động trong thời kỳ trước thì nay không có hoặc hầu như không có những hành động công khai và bao gồm nhiều mặt.

Chỗ giống nhau của hai thời kỳ ấy là sự tiến triển của nước Nga trong thời kỳ đầu cũng như trong thời kỳ cuối vẫn là sự tiến triển tư bản chủ nghĩa cũ. Mâu thuẫn giữa sự tiến triển kinh tế ấy với sự tồn tại của cả một loại thiết chế phong kiến, có tính chất trung cổ, chưa bị thủ tiêu; mâu thuẫn ấy vẫn y nguyên như cũ và chẳng những không dịu đi mà ngày càng gay gắt thêm vì có sự thâm nhập của những yếu tố nào đó có ít nhiều tính chất tư sản vào trong các thiết chế này hay các thiết chế khác.

Chỗ khác nhau giữa hai thời kỳ ấy là: trong thời kỳ đầu, trên phía trước vũ đài của hành động lịch sử nảy ra vấn đề tìm xem những biến đổi nhanh chóng và không đều đặn nói trên sẽ đi tới kết quả gì. Vì sự tiến triển của nước Nga có tính chất tư bản chủ nghĩa, nên nội dung những biến đổi ấy không thể không có tính chất tư sản được. Nhưng giai cấp tư sản thì cũng có nhiều hạng. Hạng trung và đại tư sản, đứng trên lập trường của chủ nghĩa tự do ít nhiều ôn hòa, do địa vị giai cấp

của chính bản thân họ, nên họ sợ những biến đổi nhanh chóng và cố tìm cách bảo tồn nhiều tàn tích của các thiết chế cũ cả trong chế độ ruộng đất cũng như trong «thượng tầng kiến trúc» chính trị. Tiểu tư sản nông thôn ở lẫn lộn với giai cấp nông dân sống bằng «bàn tay lao động của mình», nên không thể không mong muốn những cải cách tư sản thuộc *loại khác*, những cải cách này để lại rất ít chỗ cho mọi loại tàn tích của thời trung cổ. Công nhân làm thuê, vì đã có ý thức về những việc xảy ra xung quanh họ thì không thể không xác định một thái độ thật rõ rệt đối với sự xung đột ấy giữa hai xu hướng nói trên, là những xu hướng mà cả hai, tuy vẫn nằm trong khuôn khổ chế độ tư sản nhưng đều quy định cho chế độ ấy những hình thức hoàn toàn khác nhau, một tốc độ phát triển hoàn toàn khác nhau, một phạm vi ảnh hưởng tiến bộ khác nhau.

Do đó, vì tất yếu chứ không phải vì ngẫu nhiên mà thời kỳ ba năm vừa qua đã đặt những vấn đề mà người ta quen gọi là vấn đề sách lược, lên hàng đầu trong chủ nghĩa Mác. Không gì sai lầm bằng ý kiến cho rằng những cuộc tranh luận và những ý kiến bất đồng về những vấn đề ấy là những cuộc tranh luận của «trí thức», là một «cuộc đấu tranh để giành ảnh hưởng đối với giai cấp vô sản còn non nớt», là biểu hiện «sự thích ứng của trí thức đối với giai cấp vô sản», như những người thuộc phái Vê-khi[217] đủ mọi loại vẫn tưởng. Trái lại, chính vì giai cấp vô sản đã trưởng thành nên không thể thờ ơ trước sự xung đột giữa hai xu hướng khác nhau của toàn bộ sự phát triển tư sản ở Nga, và những nhà tư tưởng của giai cấp vô sản không thể không đưa ra những công thức lý luận phù hợp (một cách trực tiếp hay gián tiếp, bằng sự phản ánh trực tiếp hay gián tiếp) với những xu hướng khác nhau đó.

Suốt trong thời kỳ ba năm thứ hai, cuộc xung đột giữa những xu hướng khác nhau trong sự phát triển tư sản ở Nga *không* nổi lên hàng đầu nữa, vì cả *hai* xu hướng nói trên đều đã bị bọn «phản động» đè bẹp, đẩy lùi, dồn ép và bóp nghẹt một thời gian. Bọn phản động trung cổ[218] không những chỉ dội đầy phía trước của vũ đài mà còn dội đầy lòng các tầng lớp rộng lớn nhất của xã hội tư sản một tâm lý chán nản và bỏ cuộc, tâm lý của bọn Vê-khi. Lúc bấy giờ, không phải là sự xung đột giữa hai phương pháp cải cách cái cũ, mà là sự mất tin tưởng đối với bất cứ một cuộc cải cách nào, đầu óc «phục tùng» và «sám hối», sự say sưa nghiền ngẫm những học thuyết phản xã hội, sự thịnh hành của chủ nghĩa thần bí v. v., — đó là những cái nổi lên trên bề mặt.

Và sự biến đổi nhanh chóng lạ thường ấy không phải là một việc ngẫu nhiên, cũng không phải chỉ là kết quả của một áp lực «bên ngoài». Thời kỳ trước đã lay chuyển một cách thật sâu xa những tầng lớp nhân dân mà trước kia, trong bao thế hệ, trong bao thế kỷ, vẫn đứng ngoài những vấn đề chính trị, vẫn xa lạ với những vấn đề ấy, — cho nên việc «đánh giá lại tất cả những giá trị», việc xem xét lại những vấn đề cơ bản, sự chú ý mới đến lý luận, đến lý luận vỡ lòng, đến việc nghiên cứu những vấn đề thường thức, đã nảy sinh ra một cách tự nhiên và không tránh được. Hàng triệu người bừng tỉnh đột ngột sau một giấc ngủ dài và đứng ngay trước những vấn đề quan trọng nhất, thì không thể đứng lâu ở trên đỉnh cao ấy mãi, họ không thể không nghỉ ngơi một tí, không quay lại những vấn đề cơ bản, và không trải qua một cuộc chuẩn bị mới nó khiến cho họ «thấm nhuần» được những bài học phong phú về nội dung một cách chưa từng thấy và khiến giúp cho quần chúng, vô cùng lớn mạnh hơn, lần này lại có thể tiến lên vững chắc hơn nhiều, tự giác hơn nhiều, tự tin hơn nhiều và kiên định hơn nhiều.

Biện chứng của sự phát triển lịch sử là ở chỗ: trong thời kỳ đầu, vấn đề trước mắt là phải thực hiện những cải cách trực tiếp trong mọi địa hạt của đời sống trong nước; còn trong thời kỳ thứ hai, vấn đề trước mắt là phải đúc kết kinh nghiệm đã thu được, làm cho những tầng lớp rộng lớn hơn thấm nhuần được kinh nghiệm ấy và làm cho kinh nghiệm ấy ăn sâu, có thể nói là xuống tầng sâu nhất dưới cùng, xuống những hàng ngũ lạc hậu của các giai cấp khác nhau.

Chính vì chủ nghĩa Mác không phải là một giáo điều chết, một học thuyết đã hoàn thành hẳn, có sẵn đâu vào đấy, bất di bất dịch nào đó, mà là một kim chỉ nam sống cho hành động, chính vì thế nên nó không thể không phản ánh sự biến đổi đặc biệt nhanh chóng của điều kiện sinh hoạt xã hội. Phản ánh của sự biến đổi ấy là sự tan rã sâu sắc, sự hoang mang, những dao động đủ các loại, tóm lại là: một cuộc khủng hoảng vô cùng trầm trọng *bên trong* của chủ nghĩa Mác. Một hành động quyết liệt chống lại sự tan rã ấy, một cuộc đấu tranh kiên quyết, ngoan cường để bảo vệ *những cơ sở* của chủ nghĩa Mác lại được đề ra trước mắt lần này nữa. Thời kỳ trước, những tầng lớp hết sức rộng rãi thuộc những giai cấp không thể không dựa vào chủ nghĩa Mác để đề ra nhiệm vụ của mình, đã hiểu chủ nghĩa Mác một cách hết sức phiến diện, hết sức méo mó; họ đã nhớ thuộc lòng «khẩu hiệu» này hay «khẩu hiệu» khác, câu trả lời này hay câu trả lời kia cho các vấn đề sách lược, nhưng họ *không hiểu* tiêu chuẩn mác-xít của những câu trả lời ấy là gì. Việc

«đánh giá lại tất cả những giá trị» trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội dẫn tới chỗ «xét lại» những cơ sở triết học trừu tượng nhất và tổng quát nhất của chủ nghĩa Mác. Ảnh hưởng của triết học tư sản với những màu sắc duy tâm muôn vẻ của nó đã bộc lộ ra trong bệnh dịch chủ nghĩa Ma-khơ lan tràn trong những người mác-xít. Việc lắp lại «những khẩu hiệu» học thuộc lòng mà không hiểu, không suy nghĩ, dẫn tới chỗ phổ biến rộng rãi những lời ba hoa rỗng tuếch; trong thực tiễn những lời ba hoa này đi tới những xu hướng hoàn toàn phi mác-xít và có tính chất tiểu tư sản như «chủ nghĩa triệu hồi»[219] công khai hay che giấu, hoặc như quan điểm thừa nhận chủ nghĩa triệu hồi là một «màu sắc hợp pháp» của chủ nghĩa Mác.

Mặt khác, tinh thần của phái Vê-khi, tinh thần bỏ cuộc, đang lan tràn trong những tầng lớp tư sản rộng rãi nhất, cũng thấm vào trong xu hướng muốn đưa lý luận và thực tiễn mác-xít vào con đường «của sự ôn hòa và của trật tự». Nếu còn lại cái gì là mác-xít thì chỉ là những lời ba hoa trùm ngoài những luận điệu đầy tinh thần tự do chủ nghĩa về «cấp bậc», về «quyền lãnh đạo» v. v..

Tất nhiên trong khuôn khổ bài này, không thể xem xét những luận điệu ấy được. Chỉ cần nêu lên những luận điệu đó để làm sáng tỏ những điều nói trên về tính chất sâu sắc của cuộc khủng hoảng mà chủ nghĩa Mác đang trải qua, về mối liên hệ giữa cuộc khủng hoảng ấy với toàn bộ tình hình xã hội và kinh tế của thời đại hiện nay. Không thể thờ ơ với những vấn đề do cuộc khủng hoảng ấy đẻ ra. Không có gì tai hại và vô nguyên tắc bằng việc định dùng lời nói trống rỗng để lẩn tránh những vấn đề ấy. Không có gì quan trọng bằng việc đoàn kết *tất cả* những người mác-xít đã hiểu rõ tính chất sâu sắc của cuộc khủng hoảng và đã hiểu rõ sự tất yếu phải khắc phục cuộc khủng hoảng ấy để bảo vệ cơ sở lý luận và nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác đang bị những phe đối lập nhất xuyên tạc bằng cách gieo rắc ảnh hưởng tư sản vào những «bạn đường» khác nhau của chủ nghĩa Mác.

Thời kỳ ba năm trước đã đưa những tầng lớp rộng rãi tham gia sinh hoạt xã hội một cách có ý thức, ngày nay những tầng lớp ấy thường thường là lần đầu tiên bắt đầu thật sự nhận thức được chủ nghĩa Mác. Đối với vấn đề này, báo chí tư sản gây ra nhiều điều sai lầm hơn trước và phổ biến những điều sai lầm ấy ra rộng hơn. Sự tan rã trong nội bộ chủ nghĩa Mác đang trở nên đặc biệt nguy hiểm trong những điều kiện như thế. Cho nên hiểu rõ được nguyên nhân làm cho sự tan rã

ấy không thể tránh được trong lúc này và đoàn kết nhau lại để đấu tranh triệt để chống sự tan rã ấy là nhiệm vụ thời đại của những người mác-xít, nhiệm vụ hiểu theo ý nghĩa rất mực chính xác của chữ đó.

«Ngôi sao», số 2,
ngày 23 tháng Chạp 1910

Toàn tập, t. 20

CHỦ NGHĨA CẢI LƯƠNG TRONG ĐẢNG DÂN CHỦ - XÃ HỘI NGA

Bước tiến bộ to lớn của chủ nghĩa tư bản trong mấy chục năm gần đây và sự lớn mạnh mau chóng của phong trào công nhân trong tất cả các nước văn minh, đã gây ra một sự chuyển biến lớn trong thái độ của giai cấp tư sản đối với giai cấp vô sản. Đáng lẽ phải vì tính tuyệt đối bất khả xâm phạm của tư hữu và tự do cạnh tranh mà tiến hành một cuộc đấu tranh công khai, trên nguyên tắc, trực tiếp chống tất cả những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa xã hội, thì giai cấp tư sản châu Âu và châu Mỹ, thông qua những đại biểu tư tưởng và đại biểu chính trị của nó, lại ngày càng bênh vực những cái gọi là cải cách xã hội để chống lại tư tưởng cách mạng xã hội. Không phải là chủ nghĩa tự do chống chủ nghĩa xã hội, mà là chủ nghĩa cải lương chống cách mạng xã hội chủ nghĩa, — đó là cái công thức của giai cấp tư sản «tiên tiến» hiện đại, có học thức. Chủ nghĩa tư bản của một nước nào đó càng phát triển, sự thống trị của giai cấp tư sản càng thuần túy, tự do chính trị càng rộng thì phạm vi áp dụng khẩu hiệu tư sản «mới nhất» sau đây càng rộng: những cải lương *chống lại* cách mạng, sự chắp vá cục bộ cái chế độ đang suy vong để chia rẽ và làm yếu giai cấp công nhân, để duy trì chính quyền của giai cấp tư sản *chống lại* việc lật đổ chính quyền đó bằng cách mạng.

Đứng về mặt phát triển của chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, ta không thể không coi sự chuyển biến thái độ ấy là một bước tiến lớn được. Lúc đầu, chủ nghĩa xã hội đã đấu tranh để tồn tại và đối lập chủ nghĩa ấy thì có giai cấp tư sản lúc đó đang tin tưởng vào lực lượng của nó, đang dũng cảm và kiên quyết bảo vệ chủ nghĩa tự do, coi đó là một hệ thống hoàn chỉnh những quan điểm kinh tế và chính trị. Chủ nghĩa xã hội đã trưởng thành; nó cũng đã giành được quyền tồn tại của nó trên toàn thế giới văn minh; hiện nay, nó đang

đấu tranh *để giành chính quyền*, còn giai cấp tư sản đang tan rã, thấy chắc chắn sẽ diệt vong, nên ra sức trì hoãn sự diệt vong ấy bằng những nhượng bộ nửa chừng và giả dối, để ngay cả trong những điều kiện mới cũng giữ được chính quyền.

Cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa cải lương và phái dân chủ - xã hội cách mạng trở nên gay gắt *trong nội bộ* phong trào công nhân, là kết quả hoàn toàn không thể tránh khỏi của những sự biến đổi nói trên, những sự biến đổi đã xảy ra trong toàn bộ tình hình kinh tế và chính trị của hết thảy các nước văn minh trên thế giới. Sự lớn mạnh của phong trào công nhân tất nhiên lôi cuốn được vào hàng ngũ mình, một số phần tử tiểu tư sản nào đó đã bị hệ tư tưởng tư sản chi phối, đang trầy trật thoát khỏi hệ tư tưởng đó, để rồi lại luôn luôn sa vào đó. Cuộc cách mạng xã hội của giai cấp vô sản không thể có được, ngay cả trong sự tưởng tượng, nếu không có cuộc đấu tranh đó, nếu *trước* khi nổ ra cuộc cách mạng đó, không có một sự phân định rành mạch về nguyên tắc, giữa phái «Núi» xã hội chủ nghĩa và phái «Gi-rông-đanh» xã hội chủ nghĩa [220], nếu *trong thời kỳ* cuộc cách mạng ấy, không có một sự đoạn tuyệt hoàn toàn giữa những phần tử cơ hội chủ nghĩa, tiểu tư sản với những phần tử vô sản, cách mạng của lực lượng lịch sử mới.

Ở nước Nga, trên thực tế, tình hình không có gì thay đổi, nhưng vì chúng ta chậm tiến hơn châu Âu (và còn chậm tiến hơn ngay cả bộ phận tiên tiến ở châu Á nữa), và còn đang trải qua thời kỳ những cuộc cách mạng tư sản nên tình hình trở nên phức tạp, mơ hồ và khác đi. Do đó mà chủ nghĩa cải lương ở Nga có một tính chất đặc biệt ngoan cố; có thể nói nó là một chứng bệnh ác tính hơn và có hại nhiều hơn cho sự nghiệp của giai cấp vô sản và của cách mạng. Chủ nghĩa cải lương ở nước ta cùng một lúc có hai nguồn gốc. Thứ nhất là do nước Nga có tính chất tiểu tư sản hơn những nước ở Tây Âu nhiều. Cho nên, ở nước ta đặc biệt hay xuất hiện những nhân vật, những tập đoàn, những phái, rõ ràng có một thái độ mâu thuẫn, do dự và dao động đối với chủ nghĩa xã hội (khi thì có «cảm tình nồng nhiệt», khi thì phản bội hèn nhát), cái thái độ vốn có của mọi tầng lớp tiểu tư sản. Thứ hai là do quần chúng tiểu tư sản ở nước ta mất tinh thần và thay lòng đổi dạ dễ dàng hơn cả và mau chóng hơn cả, mỗi khi mà *một* trong những giai đoạn của cách mạng tư sản nước ta gặp thất bại; họ từ bỏ, một cách nhanh chóng hơn cả, nhiệm vụ của cuộc cách mạng dân chủ triệt để nhằm quét sạch tất cả mọi tàn dư của thời trung cổ và của chế độ nông nô khỏi nước Nga.

Chúng ta sẽ không nói tỉ mỉ về nguồn gốc thứ nhất. Chúng ta chỉ nhắc lại rằng, chắc là không có một nước nào trên thế giới mà ở đó người ta lại «xoay» từ chỗ có cảm tình với chủ nghĩa xã hội sang chỗ có cảm tình với chủ nghĩa tự do phản cách mạng một cách mau chóng bằng các ông Xtơ-ru-vê, I-dơ-gô-ép, Ca-ra-u-lốp, v. v., v. v.. Mà các ông này lại không phải là những ngoại lệ, không phải là những trường hợp cá biệt, mà lại là những đại biểu của những xu hướng rộng lớn! Những con người tốt bụng, một số đông đứng ngoài Đảng dân chủ - xã hội nhưng cũng có khá nhiều ở trong Đảng dân chủ - xã hội, họ thích tuyên truyền chống lại những luận chiến «quá đáng», chống lại cái «nhiệt tình thích phân định ranh giới», v. v., chứng tỏ rằng họ hoàn toàn không hiểu những điều kiện lịch sử đã làm nảy sinh ra, ở Nga, cái «nhiệt tình» «quá đáng» muốn nhảy từ chủ nghĩa xã hội sang chủ nghĩa tự do như vậy.

Bây giờ chúng ta nói đến nguồn gốc thứ hai của chủ nghĩa cải lương ở Nga.

Cách mạng tư sản ở nước ta chưa chấm dứt. Chế độ chuyên chế *toan* dùng một giải pháp mới cho những nhiệm vụ mà cuộc cách mạng tư sản đã để lại, và do toàn bộ quá trình khách quan của sự phát triển kinh tế đang bức thiết đòi hỏi nó phải giải quyết; *nhưng nó lại không có khả năng giải quyết được những nhiệm vụ ấy.* Cả cái bước mới trên con đường biến chế độ Nga hoàng cũ thành một nền quân chủ tư sản được đắp vá lại, cả cái tổ chức trên phạm vi toàn quốc của bọn quý tộc và những tầng lớp trên của giai cấp tư sản (Đu-ma III), lẫn cái chính sách ruộng đất có tính chất tư sản do bọn quan lại địa phương [21] tiến hành, — tất cả những biện pháp «cực đoan» ấy, tất cả những cố gắng «cuối cùng» ấy của chế độ Nga hoàng trong lĩnh vực hoạt động *cuối cùng* còn lại của nó, lĩnh vực thích ứng với sự phát triển tư sản, đều là không đủ. Làm như thế chẳng đi đến kết quả gì! Nước Nga mà «đắp vá lại» *như thế* thì không những không thể đuổi kịp được người Nhật, thậm chí còn có thể bắt đầu lạc hậu hơn cả Trung-quốc nữa. Những nhiệm vụ dân chủ tư sản chưa giải quyết được, nên nguy cơ cách mạng vẫn không thể tránh khỏi. Nguy cơ đó lại chín muồi, chúng ta lại đi đón nó, đi theo một cách mới, *không như* cũ, không theo cùng một nhịp như trước, cũng không chỉ dưới những hình thức cũ, — nhưng mà chúng ta đang đi, không còn nghi ngờ gì nữa.

Những nhiệm vụ của giai cấp vô sản do tình hình đó đề ra một cách hoàn toàn và dứt khoát chính xác. Là giai cấp cách mạng duy nhất triệt

để trong xã hội hiện đại, giai cấp vô sản phải lãnh đạo, nắm bá quyền lãnh đạo trong cuộc đấu tranh của toàn thể nhân dân để tiến hành một cuộc cách mạng dân chủ triệt để, trong cuộc đấu tranh của *tất cả* những người lao động và bị bóc lột chống những kẻ áp bức và bóc lột. Giai cấp vô sản chỉ cách mạng, khi nào nó có ý thức về tư tưởng bá quyền lãnh đạo của mình và thực hiện tư tưởng đó trong hành động. Người vô sản đã có ý thức về nhiệm vụ ấy, là một người nô lệ trỗi dậy chống chế độ nô lệ. Người vô sản nào chưa có ý thức về tư tưởng bá quyền của giai cấp mình, hay từ bỏ tư tưởng ấy, là một người nô lệ chưa hiểu được địa vị nô lệ của mình; cùng lắm thì cũng chỉ là một người nô lệ đấu tranh để cải thiện địa vị nô lệ của mình, *chứ không phải* để đánh đổ chế độ nô lệ.

Do đó, ta hiểu ngay được rằng cái công thức trứ danh của ông Lê-vi-txơ-ki, trong nhóm «Bình minh của chúng ta»[222], một trong những thủ lĩnh trẻ tuổi của chủ nghĩa cải lương ở nước ta, cho rằng Đảng dân chủ - xã hội Nga cần «*không phải là* một bá quyền lãnh đạo *mà là* một đảng giai cấp», là một công thức của chủ nghĩa cải lương triệt để nhất. Hơn thế nữa. Đó là một công thức phản bội hoàn toàn. Nói: «*không phải là* một bá quyền lãnh đạo *mà là* một đảng giai cấp», như vậy là đứng vào hàng ngũ tư sản, hàng ngũ kẻ tự do chủ nghĩa, là kẻ nói với người nô lệ trong thời đại chúng ta, tức là công nhân làm thuê, rằng: đấu tranh để cải thiện địa vị nô lệ của anh nhưng phải coi tư tưởng lật đổ chế độ nô lệ là một không tưởng có hại! Hãy so sánh công thức nổi tiếng của Béc-stanh: «phong trào là tất cả, mục đích cuối cùng chẳng là cái gì cả» với công thức của Lê-vi-txơ-ki, thì sẽ thấy rằng đây là hai cách diễn đạt cùng một tư tưởng thôi. Cả hai trường hợp đó đều *chỉ* thừa nhận những cuộc cải lương và phủ nhận cách mạng. Công thức của Béc-stanh thì rộng hơn, vì nó nhằm cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa (= mục đích cuối cùng của đảng dân chủ - xã hội với tư cách là một đảng trong xã hội tư sản). Công thức của Lê-vi-txơ-ki thì hẹp hơn, vì từ bỏ cách mạng nói chung, công thức đó đồng thời đặc biệt nhằm từ bỏ điều mà phái tự do căm ghét nhất trong những năm 1905 - 1907, tức là việc giai cấp vô sản *đã giành được* của phái tự do, quyền lãnh đạo quần chúng nhân dân (và nhất là nông dân) trong cuộc đấu tranh cho biến cách dân chủ triệt để.

Tuyên truyền với công nhân rằng họ cần «*không phải là* bá quyền lãnh đạo *mà là* một đảng giai cấp» như thế là đem bán sự nghiệp của giai cấp vô sản cho phái tự do, là tuyên truyền việc đem chính sách

công nhân của *phái tự do* thay thế cho chính sách công nhân của *đảng dân chủ - xã hội.*

Nhưng việc vứt bỏ tư tưởng bá quyền lãnh đạo là một biểu hiện thô sơ nhất của chủ nghĩa cải lương trong Đảng dân chủ - xã hội Nga, và vì thế không phải là tất cả những người trong phái thủ tiêu[223] đều dám công khai phát biểu ý kiến của họ dưới một hình thức rõ ràng như thế. Một số người trong phái ấy (như ông Mác-tốp), không thèm đếm xỉa đến chân lý, thậm chí còn cố sức phủ nhận mối liên hệ giữa việc vứt bỏ bá quyền lãnh đạo và chủ nghĩa thủ tiêu.

Một trong những mưu toan «tinh vi» hơn để «đặt cơ sở» cho những quan điểm cải lương chủ nghĩa là lý lẽ sau đây: cuộc cách mạng tư sản ở Nga đã kết thúc; sau 1905, không thể có cuộc cách mạng tư sản thứ hai, không thể có cuộc đấu tranh thứ hai trong toàn quốc cho một cuộc biến cách dân chủ nữa; vì vậy nước Nga rồi đây sẽ trải qua một cuộc khủng hoảng *không phải* là khủng hoảng cách mạng, mà là khủng hoảng «lập hiến»; và giai cấp công nhân chỉ còn phải lo bênh vực những quyền lợi và những lợi ích của mình trên cơ sở cuộc «khủng hoảng lập hiến» ấy thôi. Đó là lập luận của I-u. La-rin, một người thuộc phái thủ tiêu viết trong «Sự nghiệp cuộc sống» (và trước đây trong «Phục hưng»[224]).

«Tháng Mười 1905 sẽ không nổ ra trở lại nữa, — ông La-rin viết. — Thủ tiêu Đu-ma rồi, thì sẽ lại phải khôi phục nó mau chóng hơn cả ở nước Áo hồi sau cuộc cách mạng, là nước đã thủ tiêu hiến pháp vào năm 1851, để rồi lại khôi phục hiến pháp vào năm 1860, tức là 9 năm sau, mà không cần một cuộc cách mạng nào cả» (hãy chú ý điểm này!) «chỉ đơn giản vì lợi ích của bộ phận có thế lực nhất trong những giai cấp thống trị, cái bộ phận đã cải tổ nền kinh tế của mình theo phương thức tư bản chủ nghĩa».«Trong giai đoạn mà chúng ta hiện đang trải qua, một phong trào cách mạng toàn quốc như phong trào đã nổ ra hồi 1905, là không thể có được».

Tất cả những lập luận đó của ông La-rin không phải cái gì khác hơn là sự lặp lại nhạt nhẽo lời lẽ của ông Đan trong hội nghị hồi tháng Chạp 1908 của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Chống lại nghị quyết cho rằng «những nhân tố *căn bản* của đời sống kinh tế và chính trị đã gây ra cuộc cách mạng 1905, *vẫn tiếp tục phát sinh tác dụng*», rằng hiện nay một cuộc khủng hoảng đích thực là *cách mạng*, chứ không phải là «lập hiến», lại đang chín muồi, — chống lại nghị quyết ấy, nhà biên tập của báo «Tiếng nói»[225] của phái thủ tiêu đã kêu lên rằng: «họ» (tức là Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga) «muốn lặn vào nơi mà họ đã từng thất bại một lần rồi».

Lại «lăn» vào cách mạng, vẫn hoạt động không biết mỏi, ngay cả trong một hoàn cảnh đã biến đổi vẫn tuyên truyền cho cách mạng, để chuẩn bị lực lượng cho giai cấp công nhân làm cách mạng, thì xét theo quan điểm của những người cải lương chủ nghĩa, đó là tội lỗi chủ yếu của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, đó là *sai lầm* của giai cấp vô sản cách mạng. Tội gì mà lại «lăn vào nơi mà ta đã từng thất bại một lần rồi», — đó là cái khôn ngoan của bọn phản bội và của những kẻ ngã lòng mỗi khi gặp thất bại.

Nhưng giai cấp vô sản cách mạng trong những nước già hơn và có kinh nghiệm hơn nước Nga, đã biết hai lần, ba lần và bốn lần «lăn vào nơi mà họ đã từng thất bại một lần rồi», họ đã biết (như ở Pháp) tiến hành cách mạng *bốn lần*, từ năm 1789 đến năm 1871, đã biết luôn luôn vùng lên đấu tranh, sau bao phen thất bại nặng nề nhất, và giành được nền cộng hòa trong đó họ đang đương đầu với kẻ thù *cuối cùng* của họ là giai cấp tư sản tiên tiến, cái nền cộng hòa mà chỉ có nó mới có thể là một hình thức nhà nước thích hợp với những điều kiện của một cuộc đấu tranh cuối cùng cho thắng lợi của chủ nghĩa xã hội.

Đó là chỗ khác nhau giữa những người xã hội chủ nghĩa với những người tự do chủ nghĩa, tức là những kẻ ủng hộ giai cấp tư sản. Những người xã hội chủ nghĩa nói rằng cách mạng là không thể tránh khỏi, rằng giai cấp vô sản phải lợi dụng *tất cả mọi* mâu thuẫn trong đời sống xã hội, mọi chỗ yếu của những kẻ thù của mình hay của những tầng lớp trung gian để chuẩn bị một cuộc đấu tranh cách mạng mới, để làm lại một cuộc cách mạng trên một phạm vi rộng hơn, trong những điều kiện mà dân chúng có một trình độ phát triển hơn. Giai cấp tư sản và phái tự do nói rằng các cuộc cách mạng đều là không cần thiết và có hại cho công nhân, và công nhân không nên «lăn» vào cách mạng mà phải như những đứa trẻ ngoan ngoãn, cố khiêm tốn thực hiện những cải lương.

Vì thế bọn cải lương chủ nghĩa — bị những tư tưởng tư sản chi phối — muốn làm cho công nhân Nga *xa rời* chủ nghĩa xã hội, đã *luôn luôn* nêu *chính ngay* nước Áo (và nước Phổ nữa) những năm 60 ra làm thí dụ. Tại sao họ thích những thí dụ ấy? I-u. La-rin đã để lộ bí mật: vì trong những nước ấy, sau khi cách mạng năm 1848 «không thành công», cuộc cải cách tư sản ở trong nước đã hoàn thành *«không cần một cuộc cách mạng nào cả»*.

Then chốt của vấn đề là ở đó! Đó là điều làm người ta vui lòng hả dạ. Vậy là có thể có cuộc cải cách tư sản *không cần* cách mạng!! và

nếu thế, thì tội gì người Nga chúng ta lại phải khổ tâm khổ não nghĩ đến cách mạng? tại sao chúng ta lại không để cho bọn địa chủ và bọn chủ xưởng tiến hành cuộc cải cách tư sản ở nước Nga «không cần một cuộc cách mạng nào cả»!?

Sự non yếu của giai cấp vô sản ở Phổ và Áo là nguyên nhân đã làm cho nó không thể ngăn cản nổi bọn địa chủ và giai cấp tư sản thực hiện cuộc cải cách, *bất chấp* lợi ích của công nhân, dưới hình thức *bất lợi nhất* cho công nhân, với việc duy trì cả chế độ quân chủ, cả những đặc quyền của giai cấp quý tộc, cả tình trạng không có quyền ở nông thôn, lẫn vô vàn những tàn tích khác của thời trung cổ.

Sau khi giai cấp vô sản ở nước ta, hồi 1905, đã tỏ ra là một lực lượng chưa từng thấy trong bất cứ một cuộc cách mạng tư sản nào ở phương Tây, bọn cải lương chủ nghĩa ở Nga liền viện ra những ví dụ cách đây từ 40 hay 50 năm về sự non yếu của giai cấp công nhân ở các nước khác để biện hộ cho sự phản bội *của họ*, để «đặt cơ sở» cho việc tuyên truyền phản bội *của họ*!

Việc viện dẫn Áo và Phổ những năm 60, việc mà bọn cải lương chủ nghĩa ở nước ta rất thích thú, chứng tỏ hết sức rõ rằng về mặt lý luận thì những lập luận của họ đều không có căn cứ, và về mặt chính trị thực tiễn thì họ đã nhảy sang phía giai cấp tư sản.

Thật vậy, nếu sau khi cách mạng 1848 thất bại, nước Áo đã khôi phục lại hiến pháp đã bị xóa bỏ, nếu trong những năm 60 một «thời đại khủng hoảng» đã bắt đầu ở nước Phổ thì điều đó chứng tỏ gì? Trước hết chứng tỏ rằng cuộc cải tạo tư sản những nước ấy chưa hoàn thành. Nói rằng chính quyền ở Nga *đã* biến thành chính quyền tư sản *rồi* (như La-rin nói); rằng bây giờ nước ta không phải là lúc nói đến tính chất phong kiến của chính quyền nữa (vẫn là lời của La-rin), — và đồng thời lại viện dẫn nước Áo và nước Phổ thì như vậy là tự mình bác bỏ mình! Nói chung nếu phủ nhận rằng cuộc cải cách tư sản của nước Nga là chưa hoàn thành thì thật là lố bịch: ngay đến chính sách của đảng tư sản như Đảng dân chủ - lập hiến và Đảng tháng Mười cũng chứng minh điều đó rõ hơn ban ngày rồi, và chính bản thân La-rin (sau đây ta sẽ thấy rõ) cũng tự mình rời bỏ lập trường của mình. Không nghi ngờ gì nữa rằng chế độ quân chủ vẫn đang tiến thêm một bước nữa trên con đường thích ứng với sự phát triển tư sản, như chúng tôi đã nói và như nghị quyết của Đảng (hồi tháng Chạp 1908) đã thừa nhận, — nhưng điều còn chắc chắn hơn nữa là *chính ngay* sự thích ứng ấy, *chính ngay* sự phản động của giai cấp tư sản, cả Đu-ma III

lần đạo luật ruộng đất ngày 9. XI. 1906 (14. VI. 1910)[226], *cũng đều không* giải quyết nhiệm vụ cải cách tư sản ở nước Nga.

Xin bàn tiếp. Tại sao «những cuộc khủng hoảng» ở Áo và Phổ trong những năm 60 lại *tỏ ra* là những cuộc khủng hoảng «lập hiến», chứ không phải là những cuộc khủng hoảng cách mạng? Vì một loạt trường hợp đặc biệt đã giảm bớt tình hình khó khăn của chế độ quân chủ («cách mạng thực hiện từ trên xuống» ở Đức, việc thực hiện thống nhất nước Đức «bằng sắt và máu»[227]), vì giai cấp vô sản ở hai nước đó hãy còn cực kỳ non yếu và chưa phát triển, và giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa thì cũng hèn nhát và phản bội như bọn dân chủ - lập hiến ở Nga vậy.

Để minh họa sự đánh giá tình hình đó bằng những lời của chính những người dân chủ - xã hội Đức, trong số những người đã trải qua thời đại ấy, chúng ta hãy dẫn ra mấy lời của Bê-ben trong phần thứ nhất tập «Hồi ký» của ông xuất bản năm ngoái. Như sau này người ta được biết, thì khi nói về năm 1862, năm có cuộc khủng hoảng «lập hiến» ở Phổ, Bi-xmác đã kể lại rằng hồi đó nhà vua đã mất tinh thần đến cực độ, đã phàn nàn với hắn, tức là Bi-xmác, là cả hai đều có cái nguy sẽ bị lên đoạn đầu đài. Bi-xmác đã làm cho tên nhát gan này phải xấu hổ, và thuyết phục y đừng sợ đấu tranh.

Về điểm này Bê-ben nói: «Những sự biến ấy chứng tỏ rằng phái tự do có lẽ đã có thể đạt được kết quả như thế nào rồi, nếu họ biết lợi dụng tình thế. Nhưng họ đã sợ những công nhân đang ở sau lưng họ. Câu nói của Bi-xmác: «nếu người ta đẩy tôi đến bước đường cùng, thì tôi sẽ làm cho sông A-khê-rông nổi sóng» (nghĩa là: tôi sẽ làm cho những tầng lớp dưới, cho quần chúng bùng nổ một phong trào nhân dân), «đã làm cho phái tự do vô cùng hoảng sợ».

Nửa thế kỷ sau cuộc khủng hoảng «lập hiến», cuộc khủng hoảng đã hoàn thành việc cải biến nước Đức thành một nước quân chủ gioong-ke - tư sản mà «không cần một cuộc cách mạng nào cả», — lãnh tụ của những người dân chủ - xã hội Đức đã chỉ rõ *tính chất cách mạng* của tình thế lúc đó, tình thế mà phái tự do đã không lợi dụng vì sợ công nhân. Những lãnh tụ của phái cải lương ở Nga bảo công nhân Nga rằng: nếu giai cấp tư sản Đức đã hèn nhát đến nỗi sợ tên vua đang sợ run bắn lên thì tại sao bản thân chúng ta *lại* không thử dùng lại cái sách lược tốt đẹp đó của giai cấp tư sản Đức? Bê-ben đã chỉ trích giai cấp tư sản, chỉ trích sự sợ hãi của kẻ bóc lột trước phong trào nhân dân là đã không «lợi dụng» cuộc khủng hoảng «lập hiến» để thực hiện cách mạng. La-rin và đồng bọn đã chỉ trích công nhân Nga là đã ra

sức giành lấy bá quyền lãnh đạo (nghĩa là lôi cuốn quần chúng tham gia cách mạng, bất chấp phái tự do), và khuyên công nhân hãy tổ chức nhau lại, «*không phải* để làm cách mạng», *mà* «để bảo vệ những lợi ích của mình trong điều kiện một cuộc đời mới lập hiến sắp tới ở Nga». Những quan điểm thối nát của chủ nghĩa tự do thối nát ở Đức, đã được phái thủ tiêu giới thiệu với công nhân Nga dưới hình thức những quan điểm «dân chủ - xã hội»! Thế thì làm thế nào mà lại không gọi những người dân chủ - xã hội như thế là những người dân chủ - xã hội kiểu Xtô-lư-pin được?

Khi nhận định cuộc khủng hoảng «lập hiến» trong những năm 60 ở Phổ, Bê-ben không những chỉ vạch ra rằng giai cấp tư sản sợ đấu tranh chống chế độ quân chủ, vì sợ công nhân. Ông cũng chỉ rõ luôn cả tình hình lúc ấy ở trong các giới công nhân. Ông nói: «Công nhân ngày càng thấy rõ là tình thế chính trị là không thể chịu đựng nổi, điều đó tất nhiên đã ảnh hưởng đến tâm trạng họ. Mọi người đều đòi hỏi phải có sự thay đổi. Nhưng vì thiếu những phần tử lãnh đạo hoàn toàn giác ngộ, nhận thức sáng suốt về mục đích phải đạt tới, và được tín nhiệm, vì thiếu một tổ chức vững chắc, có khả năng đoàn kết các lực lượng lại, nên tâm trạng đó tiêu tan đi (verpuffte). Chưa từng có một phong trào nào có thực chất đặc sắc như vậy (in Kern vortreffliche) mà lại kết thúc không có kết quả đến như thế. Mọi hội nghị đều có đông đảo người dự và ai phát biểu kịch liệt nhất sẽ là anh hùng lúc bấy giờ. Tâm trạng ấy đã được đặc biệt thịnh hành trong Hội tự học của công nhân ở Lai-pxích». Trong một cuộc họp có 5 000 người, ngày 8 tháng Năm 1866, ở Lai-pxích, người ta đã nhất trí tán thành nghị quyết của Liếp-nếch và Bê-ben đòi triệu tập trên cơ sở đầu phiếu phổ thông, trực tiếp, bình đẳng và bỏ phiếu kín, một quốc hội được toàn dân vũ trang ủng hộ; và bày tỏ «lòng hy vọng rằng nhân dân Đức sẽ chỉ bầu cử làm đại biểu những người nào phản đối mọi chính quyền trung ương thể tập». Vậy nghị quyết của Liếp-nếch và Bê-ben là có tính chất cộng hòa và cách mạng rõ ràng.

Thế là *nhà lãnh tụ của những người dân chủ - xã hội Đức,* trong thời kỳ khủng hoảng «lập hiến» đã đưa ra cho hội nghị quần chúng thông qua những nghị quyết có tính chất cộng hòa và cách mạng. Nửa thế kỷ sau, hồi tưởng lại thời trẻ, ông kể lại cho thế hệ mới những sự việc đã qua từ lâu, ông đã đặc biệt nhấn mạnh điều đáng tiếc rằng thuở ấy đã không có những phần tử lãnh đạo có trình độ giác ngộ cao và hiểu biết đầy đủ những nhiệm vụ cách mạng *(nghĩa là chưa có một*

Đảng dân chủ - xã hội cách mạng hiểu được những nhiệm vụ phải nắm bá quyền lãnh đạo); rằng đã không có tổ chức mạnh mẽ và tâm trạng cách mạng đã «tiêu tan đi». Thế mà những lãnh tụ của phái cải lương Nga, với những tư tưởng sâu sắc của chàng I-va-nu-sca *, đã viện đến gương nước Áo và nước Phổ những năm 60, để chứng minh rằng người ta có thể «không cần một cuộc cách mạng nào cả»! Và những tên phi-li-xtanh nhỏ bé ấy, đã ngả theo cơn say sưa phản cách mạng, đã bị chủ nghĩa tự do chi phối về mặt tư tưởng, lại còn dám làm ô danh Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga!

Dĩ nhiên, trong số những người cải lương chủ nghĩa đoạn tuyệt với chủ nghĩa xã hội, có những người đã thay thế chủ nghĩa cơ hội công khai của La-rin bằng mánh khóe ngoại giao lảng tránh những vấn đề nguyên tắc quan trọng nhất của phong trào công nhân. Những người đó làm mơ hồ thực chất của vấn đề, làm rối những cuộc tranh luận về tư tưởng, làm dơ bẩn những cuộc tranh luận ấy, chẳng hạn như Mác-tốp là người đã mưu toan khẳng định trong báo chí hợp pháp (nghĩa là ông ta được Xtô-lư-pin bảo vệ chống lại những lời trực tiếp phát biểu ý kiến của những đảng viên Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga) rằng La-rin và «những người bôn-sê-vích chính thống trong những nghị quyết năm 1908» đều đưa ra một «công thức» *giống hệt nhau*. Đó chỉ đơn thuần là việc xuyên tạc sự thật, rất xứng đáng với một tác giả của những tác phẩm tồi. Cũng ông Mác-tốp này, trong một cuộc gọi là bút chiến với La-rin, đã tuyên bố trong báo chí rằng «dĩ nhiên ông không nghi ngờ rằng La-rin có những khuynh hướng cải lương chủ nghĩa». La-rin là người trình bày những quan điểm *thuần túy* cải lương chủ nghĩa, thế mà Mác-tốp *lại không nghi ngờ gì* ông ta là cải lương chủ nghĩa cả!! — đúng là một thủ đoạn xảo trá điển hình của những nhà ngoại giao theo chủ nghĩa cải lương **. Cũng vẫn ông Mác-tốp này, mà một vài người khờ khạo cho là một nhà cách mạng «tả» hơn, đáng tin hơn La-rin, đã tóm tắt những «quan điểm khác nhau» giữa mình với La-rin như sau:

«Tôi xin tóm tắt. Để luận chứng về mặt lý luận và biện giải về mặt chính trị cho hành vi của những người men-sê-vích vẫn trung thành với chủ nghĩa

* Anh ngốc trong chuyện cổ tích Nga. *BT*.

** Xem những điều nhận xét chính xác của Đnép-ni-txơ-ki, một người men-sê-vích ủng hộ đảng[24], về chủ nghĩa cải lương của La-rin và những thuật xảo trá của Mác-tốp, trong số 3 tờ «Chuyên san tranh luận» (phụ san của cơ quan ngôn luận trung ương của đảng ta).

Mác thì chỉ cần chỉ ra một sự kiện này cũng hoàn toàn đủ: chế độ hiện nay là một sự hỗn hợp mâu thuẫn nội tại của chế độ chuyên chế và chế độ lập hiến, và giai cấp công nhân Nga đã thành thục để có thể nắm lấy chế độ ấy — cũng như công nhân các nước tiên tiến phương Tây, — bằng cách nắm cái gót chân A-si-lơ của những mâu thuẫn này».

Mác-tốp đã hoài công nói quanh co, nhưng ngay lần đầu ông ta toan tóm tắt thì tất cả mọi thủ đoạn quanh co của ông ta đều sụp đổ. Những lời chúng ta vừa trích dẫn ở trên chỉ là hoàn toàn vứt bỏ chủ nghĩa xã hội và thay chủ nghĩa xã hội bằng chủ nghĩa tự do. Cái mà Mác-tốp tuyên bố là «hoàn toàn đủ» thì *chỉ* đủ đối với phái tự do, *chỉ* đủ đối với giai cấp tư sản thôi. Người vô sản nào mà cho rằng thừa nhận tính chất mâu thuẫn của sự kết hợp chế độ chuyên chế với chế độ lập hiến, là «hoàn toàn đủ» rồi, thì người đó đã đứng trên quan điểm chính sách *công nhân tự do chủ nghĩa*. Người đó *không phải* là một người xã hội chủ nghĩa; người đó *đã không* hiểu những nhiệm vụ của *giai cấp* mình, nhiệm vụ phát động quần chúng nhân dân, quần chúng lao động và bị bóc lột chống lại chế độ chuyên chế dưới tất cả mọi hình thức của nó, để quần chúng *tự mình* tham dự *độc lập* vào vận mệnh lịch sử của đất nước, bất chấp những sự dao động hoặc sự phản kháng của giai cấp tư sản. Mà hành động lịch sử độc lập của quần chúng đang thoát khỏi bá quyền lãnh đạo của giai cấp tư sản thì biến cuộc khủng hoảng «lập hiến» thành *cách mạng*. Giai cấp tư sản (nhất là sau 1905) sợ hãi và căm thù cách mạng, giai cấp vô sản giáo dục quần chúng nhân dân tinh thần trung thành với tư tưởng làm cách mạng, họ giải thích những nhiệm vụ cách mạng, chuẩn bị cho quần chúng tiến hành những cuộc chiến đấu cách mạng luôn luôn mới. Cách mạng xảy ra khi nào và trong những điều kiện nào? — điều đó không phải tùy ở ý chí của một giai cấp này hay giai cấp khác; nhưng công tác cách mạng trong quần chúng thì chẳng khi nào lại vô ích cả. Chỉ có công tác ấy mới là hoạt động chuẩn bị cho quần chúng tiến tới thắng lợi của chủ nghĩa xã hội. Những chân lý sơ bộ thường thức ấy của chủ nghĩa xã hội, các ông La-rin, Mác-tốp và đồng bọn đã quên mất.

La-rin, — phát biểu những quan điểm của nhóm thủ tiêu ở Nga, nhóm đã hoàn toàn đoạn tuyệt với Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, — đã không ngượng ngùng nói ra hết cả chủ nghĩa cải lương của mình. Dưới đây là lời ông ta nói trong tờ «Sự nghiệp cuộc sống» (1911, số 2), đáng để cho tất cả những ai thiết tha với những nguyên tắc của Đảng dân chủ - xã hội, đều nên nhớ lấy:

«Tình trạng bối rối và do dự xảy ra khi người ta không biết mai đây điều gì sẽ xảy đến, không biết phải tự đặt cho mình những nhiệm vụ gì, — đó chính là cái tâm trạng trông đợi lờ mờ, cái hy vọng mơ hồ hoặc là về việc cách mạng sẽ tái diễn, hoặc là «rồi sau sẽ biết». Nhiệm vụ trước mắt tuyệt nhiên không phải là cứ ngồi lỳ ở cảng để rình ngọn gió thuận lợi, mà phải làm cho các giới rộng rãi lĩnh hội được cái tư tưởng chủ đạo cho rằng trong thời kỳ lịch sử mới đã bắt đầu trong đời sống ở nước Nga, giai cấp công nhân cần tổ chức nhau lại, không phải là «để làm cách mạng», không phải là «để chờ đón cuộc cách mạng» mà đơn thuần chỉ là...» (xin chú ý những chữ: *đơn thuần chỉ là*...) «để bảo vệ một cách kiên quyết và có kế hoạch những lợi ích đặc thù của mình trong tất cả mọi lĩnh vực của cuộc sống, để tập hợp và rèn luyện những lực lượng của mình bằng sự hoạt động nhiều mặt và phức tạp ấy; để nói chung là bồi dưỡng và tích lũy bằng cách đó ý thức xã hội chủ nghĩa và để nói riêng là biết nhận rõ phương hướng (nhìn được sáng suốt) — và biết bảo vệ được mình! — trong những mối quan hệ phức tạp giữa các giai cấp xã hội của nước Nga vào lúc có một cuộc đổi mới có tính chất lập hiến mai đây, sau khi thế lực phản động phong kiến tự nó không thể tránh khỏi bị kiệt quệ về mặt kinh tế».

Đó thật là một người cải lương chủ nghĩa hoàn bị, lộ liễu, tự mãn, với tất cả bộ mặt thật của nó. Tuyên chiến với tư tưởng về cuộc cách mạng, với cái «hy vọng» có một cuộc cách mạng (cái «hy vọng» hình như *mơ hồ* đối với người cải lương chủ nghĩa, vì hắn không hiểu được sự sâu sắc của những mâu thuẫn kinh tế và chính trị hiện nay); tuyên chiến với mọi hoạt động nhằm tổ chức các lực lượng chuẩn bị tư tưởng để làm cách mạng; tuyên chiến trong báo chí hợp pháp được Xtô-lư-pin ủng hộ chống lại những lời phát biểu trực tiếp ý kiến của những người dân chủ - xã hội cách mạng, tuyên chiến nhân danh phái hợp pháp đã đoạn tuyệt với Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, — đó là cương lĩnh và sách lược của đảng công nhân kiểu Xtô-lư-pin, cái đảng mà các ông Pô-tơ-rê-xốp, Lê-vi-txơ-ki, La-rin và đồng bọn đang xây dựng. Đoạn trích dẫn trên đây đã phản ánh chính xác cái cương lĩnh thật sự, cái sách lược thật sự của những người ấy, — ngược lại với những lời thanh minh giả dối và quan phương của họ nói rằng họ «*cũng* là những người dân chủ - xã hội»; họ «cũng» thuộc «Quốc tế không khoan nhượng». Những câu thanh minh ấy chỉ là những lời trống rỗng để trang trí mà thôi. Cương lĩnh ấy — cương lĩnh đã đem một chính sách công nhân tự do chủ nghĩa hoàn toàn thay thế cho chủ nghĩa xã hội, — là hành động của họ, là bản chất xã hội của họ.

Hãy xem những mâu thuẫn nực cười trong đó bọn cải lương chủ nghĩa đang lúng túng. Nếu cuộc cách mạng tư sản ở Nga đã hoàn thành (như La-rin đã nói), thì như vậy là đã đến lúc phải làm ngay cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đó là điều tất nhiên, là điều rõ ràng đối với bất cứ ai đã tự xếp mình là người xã hội chủ nghĩa không phải để lừa gạt công nhân bằng một cái danh hiệu phổ biến. *Như thế thì chính là* «để làm cách mạng» (xã hội chủ nghĩa), mà chúng ta phải tổ chức nhau lại, chính là «để chờ đón» cuộc cách mạng ấy, chính là với «hy vọng» (không phải là hy vọng mơ hồ, mà là căn cứ vào những tài liệu chính xác và ngày càng nhiều của khoa học, là «niềm hy vọng» — *tin chắc*) sẽ nổ ra một cuộc cách mạng *xã hội chủ nghĩa*.

Nhưng điểm chủ yếu của vấn đề là người cải lương chủ nghĩa mà nói ba hoa rằng cuộc cách mạng tư sản đã hoàn thành (giống như cái lời ba hoa của Mác-tốp nói về cái gót chân A-si-lơ, v. v.) thì chỉ là để che đậy *việc từ bỏ mọi cuộc cách mạng* bằng những câu nói rỗng tuếch. Hắn từ bỏ cách mạng dân chủ tư sản lấy cớ rằng cuộc cách mạng đó đã kết thúc, hoặc lấy cớ rằng thừa nhận mâu thuẫn giữa chế độ chuyên chế và chế độ lập hiến là «hoàn toàn đủ rồi»; và về cách mạng xã hội chủ nghĩa thì hắn cũng từ bỏ, lấy cớ rằng «lúc này» chúng ta «đơn thuần chỉ» tổ chức nhau lại để tham gia «cuộc đổi mới có tính chất lập hiến mai đây ở nước Nga» thôi!

Nhưng thưa ngài dân chủ - lập hiến đáng kính khoác cái áo xã hội chủ nghĩa, nếu ngài thừa nhận rằng «cuộc đổi mới có tính chất lập hiến mai đây» ở nước Nga là không thể tránh khỏi, thì ngài đã tự bác bỏ lại mình, chính như thế là ngài đã thừa nhận rằng cuộc cách mạng dân chủ tư sản ở nước ta *vẫn chưa kết thúc*. Ngài còn và vẫn còn bộc lộ cái bản chất tư sản của ngài ra khi nói đến «*sự kiệt quệ* của thế lực phản động phong kiến» là điều không thể tránh khỏi, và khi thóa mạ cái tư tưởng vô sản dùng phong trào cách mạng *nhân dân* để không những *tiêu diệt* chỉ có *thế lực phản động* phong kiến, mà *tất cả mọi* tàn tích của chế độ phong kiến.

Bất chấp sự tuyên truyền tự do chủ nghĩa của bọn anh hùng của chúng ta trong đảng công nhân kiểu Xtô-lư-pin, giai cấp vô sản Nga vẫn thủy chung đem tinh thần trung thành với cuộc cách mạng dân chủ và cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa mà quán triệt trong *toàn bộ* công tác gay go, khó khăn, hàng ngày, nhỏ nhặt và không thấy rõ được của mình, công tác mà thời đại phản cách mạng đã buộc họ phải tiến hành; giai cấp vô sản sẽ tổ chức nhau lại và tập hợp các lực lượng của

mình lại để làm cách mạng, họ sẽ thẳng tay đập lại bọn phản nghịch và phản bội; họ dựa không phải vào một «hy vọng mơ hồ», mà vào một niềm tin có căn cứ khoa học rằng cuộc cách mạng tất sẽ lại bùng nổ.

«Người dân chủ - xã hội», số 23, ngày 14 (1) tháng Chín 1911

Toàn tập, t. 20

TRÍCH: VỀ QUYỀN DÂN TỘC TỰ QUYẾT

Nhà không tưởng Các Mác và nhà thực tiễn Rô-da Lúc-xăm-bua

Trong khi khẳng định rằng nền độc lập của Ba-lan là «không tưởng» và nhắc đi nhắc lại điều đó đến chán tai, Rô-da Lúc-xăm-bua kêu lên một cách mỉa mai rằng: tại sao lại không đòi cho Ai-rơ-len được độc lập?

Nhà «thực tiễn» Rô-da Lúc-xăm-bua chắc là không biết thái độ của C. Mác như thế nào đối với nền độc lập của Ai-rơ-len. Cũng đáng bàn đến cái thí dụ đó để chỉ ra sự phân tích một cách thật mác-xít, chứ không phải cơ hội chủ nghĩa, một yêu sách *cụ thể* về độc lập dân tộc.

Mác có cái thói quen «thử sức», như ông từng nói, những người xã hội chủ nghĩa mà ông biết, để biết rõ trình độ giác ngộ của họ và sức tin tưởng của họ[229]. Sau khi quen Lô-pa-tin, Mác viết cho Ăng-ghen, ngày 5 tháng Bảy 1870, một bức thư hết sức khen ngợi người xã hội chủ nghĩa Nga trẻ tuổi ấy, nhưng ông lại nói thêm:

«...Một nhược điểm là: *Ba-lan*. Về điểm này, Lô-pa-tin đã lập luận hoàn toàn như một người Anh — nói đúng ra, như một người Anh thuộc phái hiến chương[230] trường phái cũ — khi người đó nói đến Ai-rơ-len».

Mác hỏi một người xã hội chủ nghĩa thuộc một dân tộc đi áp bức các dân tộc khác, về thái độ của người này đối với một dân tộc bị áp bức; và ông đã phát hiện ngay được khuyết điểm *chung* của những người xã hội chủ nghĩa thuộc các dân tộc thống trị (Anh và Nga) là: không hiểu rõ nhiệm vụ của mình là người xã hội chủ nghĩa đối với các dân tộc bị nô dịch, nhai đi nhai lại những thiên kiến lấy của giai cấp tư sản thuộc «dân tộc lớn thống trị».

Trước khi nói đến những lời tuyên bố tích cực của Mác về vấn đề Ai-rơ-len, cần phải nói rõ thêm rằng Mác và Ăng-ghen đã xét vấn đề dân tộc nói chung, với một tinh thần phê phán nghiêm khắc, phân tích ý nghĩa của vấn đề theo những điều kiện lịch sử. Chính vì thế mà

ngày 23 tháng Năm 1851, Ăng-ghen đã viết cho Mác, rằng việc nghiên cứu lịch sử đã đưa mình đến những kết luận bi quan về Ba-lan; rằng nước Ba-lan chỉ có tầm quan trọng tạm thời, tức là chỉ có tầm quan trọng đến ngày cách mạng ruộng đất ở Nga được thực hiện. Vai trò của người Ba-lan trong lịch sử là ở chỗ phạm «những điều dại dột táo bạo». «Không bao giờ người ta có thể giả sử rằng, ngay như chỉ so với nước Nga thôi, nước Ba-lan lại có thể đại diện cho sự tiến bộ hay có một tầm quan trọng lịch sử nào được». Ở Nga có nhiều yếu tố văn hóa, giáo dục, công nghiệp, tư sản hơn là ở «nước Ba-lan quý tộc và mê muội». «So với Pê-téc-bua, Mát-xcơ-va, Ô-đét-xa, thì Vác-sa-va và Cra-cốp nào có ăn thua gì!». Ăng-ghen không tin là những người quý tộc Ba-lan khởi nghĩa thành công.

Nhưng tất cả những tư tưởng chứa đựng biết bao nhiêu sự sáng suốt thiên tài ấy, tuyệt nhiên không cản trở Ăng-ghen và Mác, mười hai năm sau đó, lại đồng tình nhiệt liệt với phong trào Ba-lan, khi nước Nga đang còn ngủ say và nước Ba-lan thì đang sôi sục.

Năm 1864, lúc Mác viết bản Tuyên ngôn của Quốc tế, ông viết cho Ăng-ghen (ngày 4 tháng Mười một 1864) rằng cần phải đấu tranh chống chủ nghĩa dân tộc của Mát-di-ni. Mác viết: «Trong bản Tuyên ngôn, khi nói đến vấn đề chính sách quốc tế, tôi nói đến những nước mà không nói đến những dân tộc đang hình thành và tôi tố cáo nước Nga chứ không tố cáo các quốc gia kém quan trọng». Đối với ông, thật không còn nghi ngờ gì cả là so với «vấn đề công nhân», thì vấn đề dân tộc chỉ có một ý nghĩa thứ yếu thôi. Nhưng lý luận của Mác thì xa việc coi thường các phong trào dân tộc, như trời xa đất vậy.

Đến năm 1866, Mác viết cho Ăng-ghen về vấn đề «bè đảng Pru-đông» ở Pa-ri là bè đảng «tuyên bố rằng dân tộc là vô nghĩa và công kích Bi-xmác và Ga-ri-ban-đi. Về mặt là lý lẽ để luận chiến chống chủ nghĩa sô-vanh, thì sách lược ấy có ích và có thể hiểu được. Nhưng khi những môn đồ của Pru-đông (trong đó có cả những người bạn tốt của tôi ở đây như La-phác-gơ và Lông-ghê) nghĩ rằng toàn bộ châu Âu có thể và phải an phận và ngồi yên chờ các ngài ấy ở Pháp xóa bỏ tình trạng ngu muội và bần cùng.., thì họ là những người lố bịch» (thư ngày 7 tháng Sáu 1866).

Mác viết ngày 20 tháng Sáu 1866: «Hôm qua, có những cuộc thảo luận ở Tổng hội Quốc tế về cuộc chiến tranh đang diễn ra... Quả nhiên như người ta đã có thể dự đoán trước, những cuộc thảo luận đó đã tập trung vào vấn đề «dân tộc» và thái độ của chúng ta đối với vấn đề

ấy... Những đại biểu (họ *không phải là công nhân*) của «nước Pháp trẻ» bảo vệ quan điểm cho rằng bất cứ dân tộc đang hình thành nào và ngay cả dân tộc nữa cũng đều là những định kiến đã lỗi thời rồi. Đó là chủ nghĩa Stiếc-nơ theo lối Pru-đông... Toàn thế giới phải đợi người Pháp trưởng thành đã rồi mới hoàn thành được cuộc cách mạng xã hội... Người Anh đã cười nhiều, khi tôi bắt đầu bài diễn văn của tôi mà nói rằng ông bạn La-phác-gơ của chúng ta và những người thủ tiêu những dân tộc đang hình thành nói với chúng ta bằng tiếng Pháp, nghĩa là bằng một thứ tiếng mà chín phần mười hội nghị không hiểu được. Sau đó, tôi có nói ám chỉ rằng La-phác-gơ, mặc dầu tự mình không nhận thấy, nhưng hình như vẫn hiểu rằng phủ nhận những dân tộc đang hình thành có nghĩa là thừa nhận việc dân tộc Pháp, coi như một dân tộc kiểu mẫu, đồng hóa họ».

Tất cả những ý kiến phê bình đó của Mác đi tới một kết luận rất rõ ràng là: giai cấp công nhân ít có thể coi vấn đề dân tộc là một bái vật được, vì sự phát triển của chủ nghĩa tư bản không nhất thiết sẽ thức tỉnh *tất cả* các dân tộc giành lấy một đời sống độc lập. Nhưng một khi những phong trào dân tộc có tính chất quần chúng đã xuất hiện rồi, mà cứ bài xích các phong trào đó, cứ từ chối không ủng hộ mặt tiến bộ của những phong trào đó, thì như vậy thực tế là rơi vào những thiên kiến *dân tộc chủ nghĩa*, là thừa nhận dân tộc «của mình» là «dân tộc kiểu mẫu» (hay, chúng ta bổ sung thêm, là dân tộc được hưởng đặc quyền độc nhất là kiến lập một quốc gia) *.

Nhưng chúng ta hãy trở lại vấn đề Ai-rơ-len.

Lập trường của Mác trong vấn đề ấy được diễn đạt một cách rõ ràng nhất ở những đoạn sau đây trích trong những bức thư của ông:

«Tôi phải cố gắng dùng đủ mọi cách để gây lên một cuộc biểu tình của công nhân Anh ủng hộ phong trào Phê-ni-ăng[231]... Trước kia, tôi coi việc Ai-rơ-len tách ra khỏi nước Anh là không thể có được. Ngày nay thì tôi lại coi đó là một việc không thể tránh khỏi, dẫu cho sau khi phân lập lại đi đến kết thành liên bang». Trong một bức thư đề ngày 2 tháng Mười một 1867, Mác đã viết như thế cho Ăng-ghen.

---

* Hãy so sánh thêm với bức thư của Mác gửi Ăng-ghen, ngày 3 tháng Sáu 1867. «...Tôi thật lấy làm thỏa mãn khi, qua những tin tức Pa-ri của tờ «The Times» mà biết rằng dân Pa-ri ủng hộ Ba-lan chống lại nước Nga... Ô. Pru-đông và cái bè lũ bé nhỏ những nhà không luận của ông vẫn chưa phải là nhân dân Pháp».

Trong một bức thư ngày 30 tháng Mười một cũng năm ấy, Mác nói thêm:

«Chúng ta phải khuyên công nhân *Anh* điều gì? Theo ý tôi thì công nhân Anh phải ghi vào cương lĩnh của họ Repeal (sự đoạn tuyệt) với liên hiệp» (của Ai-rơ-len với nước Anh, nghĩa là việc Ai-rơ-len tách khỏi nước Anh) — «tóm lại là họ phải trở lại yêu sách năm 1783, nhưng phải dân chủ hóa yêu sách đó đi và làm cho nó thích ứng với những điều kiện hiện nay. Đó là hình thức duy nhất hợp pháp của công cuộc giải phóng Ai-rơ-len và, vì lẽ đó, là hình thức duy nhất mà cương lĩnh một đảng *Anh* có thể chấp nhận được. Sau này kinh nghiệm sẽ chứng minh cho ta thấy một sự liên hiệp riêng giữa hai nước liệu có thể lâu bền được không...

...Những điều cần cho người Ai-rơ-len là:

1. Quyền tự trị và độc lập đối với nước Anh.

2. Cách mạng ruộng đất...»

Coi vấn đề Ai-rơ-len là có một tầm quan trọng to lớn, Mác đã báo cáo trước Liên minh công nhân Đức trong một giờ rưỡi về vấn đề ấy (thư ngày 17 tháng Chạp 1867).

Trong một bức thư ngày 20 tháng Mười một 1868, Ăng-ghen có nói đến «sự căm thù của công nhân Anh đối với người Ai-rơ-len»; và gần một năm sau (ngày 24 tháng Mười 1869), khi nói trở lại về vấn đề ấy, ông viết:

«Từ Ai-rơ-len đến Nga, il n'y a qu'un pas (chỉ có một bước thôi)... Lịch sử Ai-rơ-len đã chứng minh rằng một dân tộc đi nô dịch một dân tộc khác, thì thật là tai họa biết chừng nào cho dân tộc đi nô dịch đó. Tất cả những sự ti tiện của nước Anh đều phát sinh từ trong vấn đề Ai-rơ-len. Tôi còn phải nghiên cứu thời kỳ Crôm-oen, nhưng dù sao, thì đối với tôi, một điều hiển nhiên là ngay cả nước Anh nữa, nếu không có sự tất yếu phải dùng quân sự để khuất phục Ai-rơ-len và thành lập một tầng lớp quý tộc mới, thì tình hình có lẽ đã đổi khác đi rồi».

Nhân tiện chúng ta cũng đưa ra bức thư của Mác gửi Ăng-ghen, đề ngày 18 tháng Tám 1869:

«Ở Pô-dơ-nan, nhờ sự giúp đỡ của các đồng chí của họ ở Béc-lanh, công nhân Ba-lan đã bãi công thắng lợi. Cuộc đấu tranh ấy chống «Đức ông Tư bản» — dầu là dưới hình thức thấp, hình thức một cuộc bãi công đi nữa — sẽ chấm dứt được những thiên kiến dân tộc một cách

có hiệu quả hơn nhiều so với những lời hô hào về hòa bình thốt ra từ cửa miệng các ngài tư sản».

Chính sách của Mác đối với vấn đề Ai-rơ-len trong nội bộ Quốc tế, có thể do sự việc sau đây mà thấy được:

Ngày 18 tháng Mười một năm 1869, Mác viết cho Ăng-ghen rằng ông đã đọc một bài diễn văn trong một giờ mười lăm phút ở Tổng hội Quốc tế, bàn về thái độ của nội các Anh trong vấn đề ân xá cho người Ai-rơ-len, và ông đã đề nghị một nghị quyết như sau:

«Quyết nghị

rằng trong khi trả lời những yêu sách của Ai-rơ-len đòi trả tự do cho những nhà ái quốc Ai-rơ-len, ông Glát-xtôn đã cố ý nhục mạ dân tộc Ai-rơ-len;

rằng những điều kiện mà ông ta đề ra để ân xá chính trị thì đối với những nạn nhân của một chính phủ tồi tệ, cũng như đối với dân tộc mà những người ấy là đại biểu, cũng đều là những điều kiện nhục nhã cả;

rằng Glát-xtôn mặc dầu bị ràng buộc bởi địa vị chính thức của mình, đã công khai và trịnh trọng hoan nghênh cuộc bạo động của bọn chủ nô ở nước Mỹ, và hiện nay lại bắt đầu tuyên truyền cho dân tộc Ai-rơ-len học thuyết phục tùng một cách thụ động;

rằng toàn bộ chính sách của ông ta đối với vấn đề ân xá người Ai-rơ-len là một biểu hiện xác thực của cái *«chính sách xâm lược»*, cái chính sách mà việc vạch trần nó ra khiến cho ông Glát-xtôn đã đánh đổ được nội các của những địch thủ của ông là đảng bảo thủ;

rằng Hội đồng trung ương Hội liên hiệp công nhân quốc tế tỏ lòng khâm phục tinh thần dũng cảm, kiên quyết và cao thượng của dân tộc Ai-rơ-len trong cuộc vận động ân xá;

rằng bản nghị quyết này phải được thông tin cho tất cả các đoàn thể thuộc Hội liên hiệp công nhân quốc tế và cho tất cả các tổ chức công nhân ở châu Âu và châu Mỹ có liên hệ với Hội liên hiệp».

Ngày 10 tháng Chạp 1869, Mác viết rằng bản báo cáo của ông về vấn đề Ai-rơ-len đọc ở Tổng hội Quốc tế, sẽ như sau:

«... Hoàn toàn không lệ thuộc vào mọi luận điệu «quốc tế chủ nghĩa» và «nhân đạo chủ nghĩa» về «công lý đối với Ai-rơ-len», — vì đó là điều dĩ nhiên trong Tổng hội Quốc tế — *những quyền lợi trực tiếp, tuyệt đối, của giai cấp công nhân Anh đòi hỏi phải cắt dứt những mối liên hệ hiện tại của mình với Ai-rơ-len*. Đó là niềm tin sâu xa nhất của tôi, dựa trên những lý do mà tôi không thể nêu rõ một phần cho chính

những công nhân Anh. Đã từ lâu, tôi nghĩ rằng nhờ có những cao trào của giai cấp công nhân Anh mà có thể đánh đổ được chế độ thống trị Ai-rơ-len. Tôi đã luôn luôn bảo vệ quan điểm ấy trên tờ «Diễn đàn Niu-oóc» (tờ báo Mỹ mà Mác đã cộng tác lâu năm). Nghiên cứu vấn đề sâu xa hơn, tôi lại tin ngược lại. Giai cấp công nhân Anh *sẽ không thể làm gì được,* chừng nào nó chưa dứt bỏ được Ai-rơ-len... Thế lực phản động Anh trong nước Anh bắt nguồn trong sự nô dịch Ai-rơ-len» (chữ viết ngả là của Mác).

Bây giờ, chính sách của Mác trong vấn đề Ai-rơ-len hẳn là đã hoàn toàn rõ ràng đối với độc giả.

«Nhà không tưởng» Mác «ít thực tế» quá đến nỗi đã tán thành sự phân lập của Ai-rơ-len, mà thậm chí sau nửa thế kỷ, sự phân lập đó cũng vẫn chưa thực hiện được.

Vậy chính sách ấy của Mác do đâu mà ra, và nó có sai không?

Lúc đầu, Mác đã nghĩ rằng không phải phong trào dân tộc của dân tộc bị áp bức, mà là phong trào công nhân trong lòng dân tộc đi áp bức, mới giải phóng được Ai-rơ-len. Mác không cho các phong trào dân tộc là một cái gì tuyệt đối, vì biết rằng chỉ có thắng lợi của giai cấp công nhân mới có thể hoàn toàn giải phóng được tất cả các dân tộc. Tính trước được tất cả những mối quan hệ lẫn nhau có thể có giữa các phong trào giải phóng của giai cấp tư sản trong các dân tộc bị áp bức với phong trào giải phóng của giai cấp vô sản trong dân tộc đi áp bức (đây chính là vấn đề đang làm cho việc giải quyết vấn đề dân tộc trong nước Nga hiện đại trở nên rất khó khăn) là một việc không thể làm được.

Nhưng tình hình đã làm cho giai cấp vô sản Anh, trong một thời gian khá lâu, rơi vào ảnh hưởng của phái tự do, chạy theo đuôi bọn này, và bị mất sự lãnh đạo vì cái chính sách công nhân tự do chủ nghĩa. Phong trào giải phóng của giai cấp tư sản ở Ai-rơ-len đã được củng cố và mang những hình thức cách mạng. Mác đã xét và uốn nắn lại quan điểm của mình. «Một dân tộc đi nô dịch một dân tộc khác, thì thật là tai họa biết chừng nào cho dân tộc đi nô dịch đó». Chừng nào Ai-rơ-len chưa được giải phóng khỏi ách thống trị của Anh thì chừng đó giai cấp công nhân Anh vẫn chưa được giải phóng. Việc nô dịch Ai-rơ-len củng cố và nuôi dưỡng thế lực phản động ở Anh (cũng như việc nô dịch nhiều dân tộc đang nuôi dưỡng thế lực phản động ở Nga!).

Rồi Mác, khi đưa ra Quốc tế bỏ phiếu tán thành một nghị quyết tỏ sự đồng tình với «dân tộc Ai-rơ-len», với «nhân dân Ai-rơ-len» (nhà thông minh L. Vl. chắc đã chửi rủa thậm tệ Mác, cái con người đáng

thương ấy, là đã quên mất đấu tranh giai cấp!), khuyên khích Ai-rơ-len nên *tách ra* khỏi nước Anh «dẫu cho sau khi phân lập lại đi đến kết thành liên bang».

Những tiền đề lý luận của kết luận ấy của Mác là những gì? Nói chung, cuộc cách mạng tư sản ở Anh đã kết thúc từ lâu rồi. Nhưng ở Ai-rơ-len, nó chưa hoàn thành; chỉ đến ngày nay, sau một nửa thế kỷ, những cải cách của phái tự do Anh mới hoàn thành cuộc cách mạng ấy. Nếu chủ nghĩa tư bản đã bị đánh đổ ở Anh được mau chóng như lúc đầu Mác từng hy vọng, thì có lẽ ở Ai-rơ-len đã không xảy ra một phong trào dân chủ - tư sản có tính chất toàn dân. Nhưng vì phong trào đó đã xuất hiện, nên Mác khuyên công nhân Anh hãy ủng hộ nó, hãy làm cho nó có một đà cách mạng, hãy tiến hành nó đến cùng vì lợi ích tự do *của bản thân họ*.

Những liên hệ kinh tế của Ai-rơ-len và Anh, vào những năm 60 của thế kỷ XIX, chắc chắn là chặt chẽ hơn những liên hệ kinh tế của Nga với Ba-lan, với U-cra-i-na, v. v.. Tính chất «ít thực tế» và «không thể thực hiện được» của sự phân lập của Ai-rơ-len (dầu chỉ kể đến những điều kiện địa lý và cả đến thế lực thuộc địa to lớn của Anh nữa) là rõ trông thấy. Trên nguyên tắc, Mác là người phản đối chủ nghĩa liên bang, nhưng trong trường hợp này, ông lại thừa nhận liên bang* *với điều kiện* là sự giải phóng Ai-rơ-len phải được thực hiện bằng con đường cách mạng chứ không phải bằng con đường cải lương, bằng một phong trào của quần chúng nhân dân Ai-rơ-len mà giai cấp công nhân Anh sẽ ủng hộ. Chắc chắn là chỉ có giải quyết vấn đề lịch sử theo cách đó, mới thực tế có lợi cho lợi ích của giai cấp vô sản và đẩy mạnh được sự phát triển xã hội.

---

* Rất dễ thấy là tại sao đứng về quan điểm dân chủ - xã hội, quyền dân tộc «tự quyết» lại *không* có thể có nghĩa là liên bang, *hoặc là* tự trị (mặc dù đứng về phương diện trừu tượng mà nói, liên bang và tự trị đều nằm trong khái niệm «tự quyết»). Nói chung, quyền được vào liên bang là vô nghĩa, vì liên bang là một giao kèo giữa đôi bên. Những người mác-xít tuyệt đối không thể ghi vào cương lĩnh của mình việc bênh vực chủ nghĩa liên bang nói chung được; không thể có vấn đề đó được. Còn về tự trị, thì những người mác-xít không bênh vực «quyền được» tự trị mà bênh vực *chính ngay* sự tự trị về mặt là nguyên tắc chung, phổ biến, của một quốc gia dân chủ có thành phần dân tộc phức tạp, và có những điều kiện địa lý và những điều kiện khác có thể là rõ ràng khác nhau. Bởi vậy, thừa nhận «quyền dân tộc được tự trị» cũng vô nghĩa y như thừa nhận «quyền dân tộc được vào liên bang».

Tình hình lại đã đổi khác. Rõ ràng cả nhân dân Ai-rơ-len lẫn giai cấp vô sản Anh đều té ra là non yếu quá. Chỉ có ngày nay, sau những thỏa hiệp thảm hại giữa phái tự do Anh và giai cấp tư sản Ai-rơ-len, vấn đề Ai-rơ-len mới được *giải quyết* (một cách khó khăn biết bao, như ví dụ của Ôn-xtơ chứng minh) bằng một cuộc cải cách ruộng đất (có bồi thường) và bằng một chế độ tự trị (hiện giờ vẫn chưa được thực hiện). Thế nghĩa là thế nào? Có phải do đó mà kết luận rằng Mác và Ăng-ghen đều là «những người không tưởng», rằng hai ông đều nêu lên những yêu sách dân tộc «không thể thực hiện được», rằng hai ông chịu ảnh hưởng của những người dân tộc chủ nghĩa tiểu tư sản Ai-rơ-len (tính chất tiểu tư sản của phong trào Phê-ni-ăng là điều không thể nghi ngờ gì nữa), v. v., không?

Không. Ngay trong vấn đề Ai-rơ-len, Mác và Ăng-ghen cũng vận dụng một chính sách vô sản triệt để, nhằm giáo dục thật sự quần chúng theo tinh thần chủ nghĩa dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Chỉ có chính sách đó mới có khả năng tránh cho cả Ai-rơ-len lẫn nước Anh, khỏi phải lạc hậu đến nửa thế kỷ trong việc thực hiện những cải cách cần thiết, và tránh được việc phải tự do cắt xén những cải cách ấy để làm vừa lòng bọn phản động.

Chính sách của Mác và Ăng-ghen trong vấn đề Ai-rơ-len đã nêu một mẫu mực lớn nhất, cho đến nay vẫn còn giữ được ý nghĩa *thực tiễn* to lớn, về cách thức mà giai cấp vô sản thuộc các dân tộc đi áp bức phải xử sự đối với các phong trào dân tộc như thế nào; chính sách đó là để ngăn ngừa «thái độ sốt sắng một cách nô lệ» của bọn tiểu thị dân ở tất cả các nước thuộc tất cả màu da và tất cả các tiếng nói, tức là cái bọn vội vã gọi việc thay đổi biên giới các quốc gia, — biên giới mà bọn địa chủ và giai cấp tư sản của một dân tộc nào đó đã dùng bạo lực và đặc quyền để tạo ra, — là «không tưởng».

Nếu giai cấp vô sản Ai-rơ-len và giai cấp vô sản Anh đã không chấp nhận chính sách của Mác và không lấy sự phân lập của Ai-rơ-len làm khẩu hiệu của mình, thì như vậy là họ mắc phải chủ nghĩa cơ hội tệ hại nhất, quên mất những nhiệm vụ của người dân chủ và của người xã hội chủ nghĩa, nhượng bộ thế lực phản động và giai cấp tư sản *Anh*.

Viết xong hồi tháng Hai - tháng
Năm 1914

Toàn tập, t. 25

BÀN VỀ KHẨU HIỆU LIÊN BANG CHÂU ÂU

Trong báo «Người dân chủ - xã hội»[232] số 40, chúng tôi đã báo tin rằng Hội nghị đại biểu các chi bộ ở nước ngoài của đảng ta, đã quyết định hoãn vấn đề khẩu hiệu «Liên bang châu Âu» cho đến khi mặt *kinh tế* của vấn đề đó sẽ được thảo luận trên bao chí.

Cuộc tranh luận về vấn đề ấy trong hội nghị của chúng ta đã có một tính chất thuần túy chính trị. Điều đó có lẽ một phần là do bản tuyên ngôn của Ban chấp hành trung ương đã trực tiếp đề khẩu hiệu đó thành một khẩu hiệu chính trị (tuyên ngôn có viết: «khẩu hiệu *chính trị* trước mắt...»); bản tuyên ngôn đó không những đã đề xuất ra Liên bang cộng hòa châu Âu, mà còn đặc biệt nhấn mạnh rằng «nếu không dùng cách mạng để lật đổ chế độ quân chủ ở Đức, ở Áo và ở Nga» thì khẩu hiệu đó là vô nghĩa và giả dối.

Trong phạm vi đánh giá khẩu hiệu đó về mặt chính trị, mà phản đối cách đặt vấn đề như vậy,— chẳng hạn, nói rằng khẩu hiệu ấy che lấp hoặc làm yếu, v. v. khẩu hiệu cách mạng xã hội chủ nghĩa — thì sẽ hoàn toàn không đúng. Trong bất cứ trường hợp nào, dù là trong những điều kiện như thế nào chăng nữa, thì những sự cải biến chính trị theo hướng dân chủ thật sự, và nhất là những cuộc cách mạng chính trị, cũng không bao giờ có thể che lấp hoặc làm yếu khẩu hiệu cách mạng xã hội chủ nghĩa được. Trái lại, những cải biến đó bao giờ cũng xúc tiến cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, mở rộng cơ sở cho cuộc cách mạng đó, lôi cuốn những tầng lớp mới của giai cấp tiểu tư sản và của quần chúng nửa vô sản vào cuộc đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội. Mặt khác những cuộc cách mạng chính trị là không thể tránh khỏi trong quá trình của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, cuộc cách mạng mà người ta không được coi là một công cuộc làm một lần là xong, nhưng phải coi là một thời kỳ rung chuyển vũ bão về chính trị và kinh tế, thời kỳ

đấu tranh giai cấp gay gắt nhất, thời kỳ nội chiến, thời kỳ cách mạng và phản cách mạng.

Nhưng nếu khẩu hiệu Liên bang cộng hòa châu Âu, được đặt ra gắn liền với việc dùng cách mạng để lật đổ ba nền quân chủ tồi phản động ở châu Âu, do nền quân chủ Nga đứng đầu, là một khẩu hiệu chính trị hoàn toàn không thể đánh đổ được, thì ta lại gặp một vấn đề hết sức quan trọng nữa, vấn đề nội dung kinh tế và ý nghĩa kinh tế của khẩu hiệu đó. Xét về mặt điều kiện kinh tế của chủ nghĩa đế quốc, tức là xét về mặt xuất khẩu tư bản và phân chia thế giới giữa những cường quốc thực dân «tiên tiến» và «văn minh», thì trong chế độ tư bản chủ nghĩa, Liên bang châu Âu hoặc là không thể thực hiện được, hoặc là phản động.

Tư bản đã trở nên có tính chất quốc tế và có tính chất lũng đoạn. Thế giới đã bị phân chia giữa một nhúm cường quốc lớn, tức là giữa mấy cường quốc đang làm giàu trong việc cướp bóc đại quy mô và áp bức các dân tộc khác. Bốn cường quốc lớn ở châu Âu: Anh, Pháp, Nga và Đức, với dân số là từ 250 đến 300 triệu người và diện tích gần 7 triệu ki-lô-mét vuông, mà có những thuộc địa với dân số *gần nửa tỷ* người (494,5 triệu) và diện tích rộng 64,6 triệu ki-lô-mét vuông, tức là gần nửa trái đất (133 triệu ki-lô-mét vuông không tính Nam và Bắc cực). Cộng thêm vào đó ba nước ở châu Á: Trung-quốc, Thổ-nhĩ-kỳ, Ba-tư, hiện đang bị chia năm xẻ bảy bởi bọn ăn cướp đang tiến hành chiến tranh «giải phóng», tức là: Nhật, Nga, Anh và Pháp. Ba nước châu Á đó — mà người ta có thể gọi là những nước nửa thuộc địa (thực ra thì nhưng nước đó hiện nay là những nước thuộc địa đến chín phần mười) — có tới 360 triệu người, và diện tích rộng tới 14,5 triệu ki-lô-mét vuông (nghĩa là lớn gần gấp rưỡi diện tích toàn châu Âu).

Sau nữa, Anh, Pháp và Đức đã đầu tư vào nước ngoài ít nhất là 70 tỷ rúp. Để thu một món lợi nhuận nhỏ «chính đáng» do số tiền tròn trịa đó mang lại — lợi nhuận hàng năm trên 3 tỷ rúp, — thì có các ủy ban toàn quốc gồm những tên triệu phú, gọi là chính phủ, chúng có quân đội và hạm đội, và «bố trí» cho con em của các «ngài tỷ phú» lên làm phó vương, lãnh sự, đại sứ, quan lại đủ mọi thứ, thầy tu và những bọn hút máu khác, ở các thuộc địa và nửa thuộc địa.

Trong thời kỳ phát triển tột cùng của chủ nghĩa tư bản, việc một nhúm cường quốc lớn cướp bóc gần một tỷ người trên quả đất đã được tổ chức như thế đó. Nhưng dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, thì

không thể có cách tổ chức nào khác thế được. Bỏ thuộc địa, bỏ «các vùng thuộc phạm vi thế lực», không xuất khẩu tư bản nữa ư? Nghĩ như vậy là tự hạ mình xuống ngang trình độ anh thầy tu nhỏ, chủ nhật nào cũng giảng cho bọn nhà giàu về sự cao cả của đạo thiên chúa và khuyên họ bố thí cho người nghèo... nếu không được vài tỷ rúp thì ít nhất cũng được vài trăm rúp hàng năm.

Trong chế độ tư bản chủ nghĩa, Liên bang châu Âu sẽ chẳng khác nào một hiệp định phân chia thuộc địa. Mà trong chế độ tư bản chủ nghĩa thì ngoài sức mạnh ra, việc phân chia không thể có một cơ sở nào khác, một nguyên tắc nào khác được. Một tên tỷ phú không thể phân chia «khoản thu nhập quốc dân» của một nước tư bản chủ nghĩa với bất cứ ai, theo nguyên tắc nào khác ngoài nguyên tắc chia «theo tỷ lệ tư bản» (hơn nữa, còn thêm một điều là số tư bản to nhất sẽ được hưởng nhiều hơn số nó đáng được hưởng). Chủ nghĩa tư bản là chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và tình trạng vô chính phủ trong sản xuất. Hô hào phân chia «công bằng» tiền thu nhập trên cơ sở ấy, đó là chủ nghĩa Pru-đông, là đầu óc ngu độn tiểu thị dân và phi-li-xtanh. Không thể chia theo cách nào khác, ngoài cách chia «theo thực lực». Mà thực lực thì lại thay đổi tùy theo quá trình phát triển kinh tế. Sau 1871, Đức mạnh lên nhanh hơn Anh và Pháp gấp ba hay bốn lần; Nhật mạnh lên nhanh hơn Nga gấp mười lần. Muốn thử thách thực lực của nhà nước tư bản chủ nghĩa, thì không có và không thể có cách nào khác ngoài chiến tranh. Chiến tranh không mâu thuẫn với những cơ sở của chế độ tư hữu, mà nó là sự phát triển trực tiếp và tất nhiên của những cơ sở đó. Trong chế độ tư bản chủ nghĩa, không thể có sự phát triển đồng đều giữa các đơn vị kinh tế và các nước. Trong chế độ tư bản chủ nghĩa, ngoài những cuộc khủng hoảng trong công nghiệp và những cuộc chiến tranh trong chính trị ra thì không thể có biện pháp nào khác để thỉnh thoảng khôi phục lại thế thăng bằng bị phá hoại.

Tất nhiên, có thể có những sự thỏa hiệp *tạm thời* giữa bọn tư bản và giữa các cường quốc. Đứng về ý nghĩa đó mà nói thì Liên bang châu Âu cũng có thể có được, với tư cách là một sự thỏa hiệp giữa bọn tư bản *châu Âu*.., nhưng nhằm mục đích gì? Nhằm mục đích duy nhất là cùng nhau bóp chết chủ nghĩa xã hội ở châu Âu, cùng nhau bảo vệ những thuộc địa mà chúng đã cướp được, *chống lại* Nhật và Mỹ là những nước hết sức cay cú trong việc phân chia thuộc địa hiện nay, và trong năm chục năm vừa qua, đã mạnh lên vô cùng nhanh chóng hơn cả châu Âu quân chủ lạc hậu, châu Âu đã bắt đầu thối nát vì già

cồi. So với Hợp chủng quốc Mỹ, thì toàn bộ châu Âu có nghĩa là sự đình đốn về kinh tế. Trên cơ sở kinh tế hiện nay, tức là trong chế độ tư bản chủ nghĩa, Liên bang châu Âu sẽ có nghĩa là một tổ chức của thế lực phản động nhằm kìm hãm sự phát triển nhanh chóng hơn của Mỹ. Thời kỳ mà sự nghiệp của phong trào dân chủ và sự nghiệp của chủ nghĩa xã hội chỉ gắn liền với châu Âu, đã qua hẳn rồi.

Liên bang thế giới (chứ không phải Liên bang châu Âu) là một hình thức nhà nước của sự liên hiệp và tự do giữa các dân tộc mà chúng ta gắn liền với chủ nghĩa xã hội — trong khi chờ đợi thắng lợi hoàn toàn của chủ nghĩa cộng sản dẫn tới chỗ hủy bỏ hẳn mọi nhà nước, kể cả nhà nước dân chủ. Song là một khẩu hiệu độc lập, thì khẩu hiệu Liên bang thế giới chưa chắc đã đúng, thứ nhất là khẩu hiệu đó sẽ lẫn lộn với chủ nghĩa xã hội; thứ hai là khẩu hiệu đó có thể đẻ ra một lối giải thích không đúng cho rằng chủ nghĩa xã hội không thể thắng lợi trong một nước duy nhất được và giải thích không đúng về quan hệ giữa nước đó với các nước khác.

Sự phát triển không đồng đều về kinh tế và chính trị là quy luật tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản. Do đó mà có thể kết luận rằng trước hết, chủ nghĩa xã hội có thể thắng trong một số ít nước tư bản chủ nghĩa hoặc ngay cả trong độc một nước tư bản chủ nghĩa riêng lẻ. Giai cấp vô sản chiến thắng của nước đó, sau khi đã tước đoạt bọn tư bản và đã tổ chức nền sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nước mình, sẽ đứng lên *chống lại* cái phần còn lại của thế giới tư bản chủ nghĩa, bằng cách lôi cuốn những giai cấp bị áp bức ở các nước khác, bằng cách thúc đẩy họ nổi dậy chống lại bọn tư bản, bằng cách sử dụng, khi cần, ngay cả lực lượng quân sự để chống lại các giai cấp bóc lột và nhà nước của chúng. Hình thức chính trị của xã hội, trong đó giai cấp vô sản chiến thắng bằng cách lật đổ giai cấp tư sản, sẽ là một nước cộng hòa dân chủ, nó ngày càng tập trung lực lượng của giai cấp vô sản của một dân tộc nhất định hay của nhiều dân tộc nhất định trong cuộc đấu tranh chống lại những nhà nước chưa chuyển lên chủ nghĩa xã hội. Không có chuyên chính của giai cấp bị áp bức, tức là của giai cấp vô sản thì không thể xóa bỏ được các giai cấp. Các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa không đấu tranh bền bỉ, ít nhiều lâu dài, chống các nhà nước lạc hậu, thì không thể thực hiện được sự liên hiệp tự do giữa các dân tộc, dưới chủ nghĩa xã hội.

Chính vì những lý do đó và do kết quả của nhiều cuộc thảo luận về vấn đề đó, trong và sau Hội nghị đại biểu các chi bộ ở nước ngoài của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga mà ban biên tập của cơ quan trung ương đã đi đến kết luận coi khẩu hiệu Liên bang châu Âu là không đúng.

Báo «Người dân chủ - xã hội», số 44, ngày 23 tháng Tám 1915

Toàn tập, t. 26

TRÍCH ĐỀ CƯƠNG: CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ QUYỀN DÂN TỘC TỰ QUYẾT

Chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa Pru-đông trong vấn đề dân tộc

Trái với những người dân chủ tiểu tư sản, Mác đã coi tất cả những yêu sách dân chủ, không trừ một yêu sách nào, không phải là một cái gì tuyệt đối, mà là biểu hiện lịch sử của cuộc đấu tranh của quần chúng nhân dân, do giai cấp tư sản lãnh đạo, chống lại chế độ phong kiến. Trong các yêu sách đó, không có một yêu sách nào, trong những hoàn cảnh nhất định, lại không thể và đã không được dùng cho giai cấp tư sản lừa bịp công nhân. Về mặt này, mà đem nêu bật lên một trong những yêu sách về dân chủ chính trị, tức quyền dân tộc tự quyết, và đem đối lập yêu sách đó với tất cả các yêu sách khác thì thật hoàn toàn sai về mặt lý luận. Trên thực tế, giai cấp vô sản chỉ có thể giữ vững được tính độc lập của mình, khi nó làm cho cuộc đấu tranh của nó để giành tất cả những yêu sách dân chủ, kể cả yêu sách đòi thành lập nước cộng hòa, phục tùng cuộc đấu tranh cách mạng của nó nhằm đánh đổ giai cấp tư sản.

Mặt khác, trái với những kẻ theo chủ nghĩa Pru-đông là những kẻ đã «vì cách mạng xã hội» mà «phủ nhận» vấn đề dân tộc, Mác đã đặt cái nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa quốc tế và chủ nghĩa xã hội: một dân tộc mà áp bức các dân tộc khác thì không thể có tự do được[233], lên hàng đầu, trong đó Người chú ý trước hết đến những lợi ích cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản trong các nước tiên tiến. Chính xuất phát từ những lợi ích của phong trào cách mạng của công nhân Đức mà năm 1848, Mác đã yêu cầu phải dân chủ thắng lợi ở Đức phải tuyên bố và bảo đảm quyền tự do cho các dân tộc bị người Đức áp bức[234]. Chính xuất phát từ quan điểm đấu tranh cách mạng của công nhân Anh, mà năm 1869, Mác đã yêu cầu để Ai-rơ-len được tách ra khỏi nước Anh. Và Mác lại nói thêm: «dẫu cho sau khi phân lập lại đi đến kết thành liên bang»[235]. Chỉ có nêu lên yêu sách đó, Mác mới thật sự giáo dục công nhân Anh theo tinh thần quốc tế chủ nghĩa.

Chỉ có làm như thế, Mác mới có thể đem một giải pháp cách mạng của vấn đề lịch sử đó mà chống lại bọn cơ hội chủ nghĩa và phái cải lương tư sản, là phái, cho đến nay, sau nửa thế kỷ rồi, vẫn chưa bao giờ thực hiện việc «cải cách» Ai-rơ-len. Chỉ có làm như vậy, thì Mác, — trái hẳn với những kẻ biện hộ cho tư bản, là những kẻ đã kêu gào rằng quyền tự do phân lập của những dân tộc nhỏ là không tưởng, là không thể thực hiện được, nhưng lại tuyên bố rằng sự tập trung không những về kinh tế mà cả về chính trị, là có tính chất tiến bộ, — mới có thể bênh vực được tính chất tiến bộ của sự tập trung đó tiến hành *không phải* theo lối đế quốc chủ nghĩa, và bênh vực được sự gần gũi giữa các dân tộc với nhau, không phải dựa vào bạo lực, mà là dựa vào sự liên hợp tự do của những người vô sản tất cả các nước. Chỉ có làm như vậy, Mác mới có thể đem hành động cách mạng của quần chúng, *cả* về phương diện giải quyết các vấn đề dân tộc, mà đối lập với việc thừa nhận trên đầu lưỡi và thường là giả dối, quyền bình đẳng của các dân tộc và quyền dân tộc tự quyết. Cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa 1914 - 1916 và chuồng ngựa Áp-ghi[236] những sự đạo đức giả của bọn cơ hội chủ nghĩa và phái Cau-xky mà cuộc chiến tranh đó đã làm lộ rõ, đều đã xác nhận một cách rõ ràng sự chính xác của chính sách đó của Mác, chính sách cần được dùng làm mẫu mực cho tất cả các nước tiên tiến, vì hiện nay mỗi một nước tiên tiến đó đang áp bức các dân tộc khác*.

Viết vào tháng Giêng - tháng Hai 1916 Toàn tập, t. 27

---

* Người ta thường hay nói — chẳng hạn, trong thời gian gần đây, Lên-sơ, một tên sô-vanh Đức, đã nói trong báo «Die Glocke» («Cái chuông». — *BT.*)[237] số 8 và số 9 — rằng đứng trên quan điểm mác-xít thì thái độ phủ định của Mác đối với phong trào dân tộc của một số dân tộc, ví dụ người Tiệp hồi 1848, đã bác bỏ sự cần thiết phải thừa nhận quyền dân tộc tự quyết. Nhưng như thế là sai, vì năm 1848, đã có những lý do lịch sử và chính trị để phân biệt các dân tộc «phản động» với các dân tộc dân chủ cách mạng. Mác đã có lý, khi lên án các dân tộc «phản động» và bênh vực các dân tộc dân chủ cách mạng[238]. Quyền tự quyết là một trong những yêu sách của phái dân chủ, yêu sách này dĩ nhiên phải phục tùng những lợi ích chung của phái dân chủ. Năm 1848 và trong những năm sau, những lợi ích chung đó, trước tiên là ở chỗ đấu tranh chống chế độ Nga hoàng.

BÀN VỀ VẤN ĐỀ PHÉP BIỆN CHỨNG[239]

Phân đôi một cái thống nhất và nhận thức những bộ phận mâu thuẫn của nó [xem trong quyển «Hê-ra-clít» của Lát-xan, lời Phi-lông trích dẫn Hê-ra-clít ở đầu phần thứ III, («Về nhận thức»)], đó là *thực chất* (một trong những «bản chất», một trong những đặc điểm hay đặc trưng chủ yếu, nếu không phải là đặc điểm hay đặc trưng chủ yếu nhất) của phép biện chứng. Hê-ghen (A-ri-xtốt, trong quyển «Siêu hình học» của ông, luôn luôn *xoay* quanh vấn đề đó và *chống lại* Hê-ra-clít, respective* những tư tưởng của Hê-ra-clít) đến lượt mình cũng đặt vấn đề chính như vậy.

Tính chính xác của nội dung phương diện này của phép biện chứng cần được lịch sử các khoa học kiểm nghiệm. Thông thường (như Plê-kha-nốp, chẳng hạn) người ta không chú ý đầy đủ đến phương diện sau đây của phép biện chứng: sự đồng nhất của các mặt đối lập được coi là một tổng số *những thí dụ* [«thí dụ, hạt lúa»; «thí dụ, chủ nghĩa cộng sản nguyên thủy». Ăng-ghen cũng đã làm như vậy. Nhưng chính là «nhằm mục đích phổ thông hóa»...] chứ không phải là một *quy luật của nhận thức* (*và* một quy luật của thế giới khách quan).

Trong số học:	+ và —. Vi phân và tích phân.
« lực học:	tác dụng và phản tác dụng.
« vật lý học:	điện dương và điện âm.
« hóa học:	sự hóa hợp và sự ly giải của các nguyên tử.
« khoa học xã hội:	đấu tranh giai cấp.

---

* — chính là. *BT.*

Sự đồng nhất của các mặt đối lập («sự thống nhất» của chúng, có lẽ đúng hơn chăng? mặc dầu ở đây, phân biệt từ đồng nhất với từ thống nhất cũng không quan trọng lắm. Hiểu theo một nghĩa nào đó, cả hai từ ấy đều đúng) là sự thừa nhận (sự phát hiện ra) những xu hướng mâu thuẫn nhau, *loại trừ lẫn nhau,* đối lập nhau trong *tất cả* các hiện tượng và quá trình của tự nhiên (cả của tinh thần lẫn của xã hội *trong số đó*). Muốn nhận thức được tất cả các quá trình của thế giới trong *«sự tự thân vận động»* của chúng, trong sự phát triển nội bộ của chúng, trong đời sống sinh động của chúng, thì phải nhận thức chúng là sự thống nhất các mặt đối lập. Phát triển là «đấu tranh» giữa các mặt đối lập. Hai quan điểm cơ bản (hay hai quan điểm có thể có được? hay hai quan điểm thường thấy trong lịch sử?) về sự phát triển (sự tiến hóa) là: sự phát triển là sự tăng thêm và sự giảm đi, là sự lặp đi lặp lại, *và* sự phát triển là sự thống nhất các mặt đối lập (chia một cái thống nhất thành hai mặt đối lập loại trừ lẫn nhau, và quan hệ giữa những mặt ấy).

Với quan điểm thứ nhất về vận động, thì không thể thấy rõ được sự *tự thân* vận động, *động* lực của nó, căn nguyên của nó, động cơ của nó (hoặc người ta chuyển cái căn nguyên ấy *ra bên ngoài* — thượng đế, một chủ thể etc.*). Với quan điểm thứ hai, thì sự chú ý chủ yếu chính là nhằm nhận thức *căn nguyên* của *«tự thân»* vận động.

Quan điểm thứ nhất thì cứng đờ, vô hiệu lực, cằn cỗi. Quan điểm thứ hai thì sinh động. *Chỉ có* quan điểm thứ hai mới cho ta cái chìa khóa để hiểu «tự thân vận động» của mọi cái đang tồn tại; chỉ có nó mới cho ta cái chìa khóa để hiểu các «sự nhảy vọt», «sự gián đoạn của quá trình tiệm tiến», «sự chuyển hóa thành mặt đối lập», sự tiêu diệt của cái cũ và sự nảy sinh của cái mới.

Sự thống nhất (sự nhất trí, sự đồng nhất, sự tương đẳng) của các mặt đối lập là có điều kiện, là có thời gian tính, là tạm thời, là tương đối. Sự đấu tranh giữa các mặt đối lập loại trừ lẫn nhau thì cũng giống như sự tiến hóa, sự vận động, đều là tuyệt đối cả.

NB: ngoài những điều khác ra, chủ nghĩa chủ quan (hoài nghi luận và ngụy biện luận etc.) khác với phép biện chứng ở chỗ là trong phép biện chứng (khách quan) thì sự khác nhau giữa cái tương đối và

* — vân vân. *BT.*

cái tuyệt đối cũng là tương đối mà thôi. Đối với phép biện chứng khách quan thì *trong* cái tương đối *có* cái tuyệt đối. Đối với chủ nghĩa chủ quan và ngụy biện luận thì cái tương đối chỉ là tương đối, và loại bỏ cái tuyệt đối.

Trong bộ «Tư bản», trước hết Mác đã phân tích những *quan hệ* đơn giản nhất, thông thường nhất, cơ bản nhất, phổ biến nhất, bình thường nhất, thường gặp đến hàng nghìn triệu lần trong xã hội tư sản (xã hội hàng hóa): sự trao đổi hàng hóa. Sự phân tích ấy đã vạch rõ, trong hiện tượng hết sức đơn giản đó (trong cái «tế bào» đó của xã hội tư sản), *tất cả* mọi mâu thuẫn (respective những mầm của *tất cả* mọi mâu thuẫn) của xã hội hiện đại. Sự trình bày tiếp theo đó cho chúng ta thấy sự phát triển (*cả* sự lớn lên *lẫn* sự vận động) của những mâu thuẫn ấy và của xã hội ấy, trong $\sum$* của những bộ phận của nó, từ đầu cho đến cuối của nó.

Cách trình bày (respective nghiên cứu) phép biện chứng nói chung (vì phép biện chứng của xã hội tư sản, đối với Mác, chỉ là một trường hợp riêng biệt của phép biện chứng mà thôi) cũng phải như thế. Dù người ta bắt đầu bằng **bất kỳ** *mệnh đề* **nào** đơn giản nhất, thông thường nhất, thường gặp nhất, v. v., như: lá của một cái cây thì xanh; I-van là một người; Du-tsơ-ca là một con chó, v. v.. Ngay ở đó (như Hê-ghen đã nhận xét một cách tài tình) cũng có *phép biện chứng* rồi: cái **cá biệt** là ***chung*** (xem Aristoteles, Metaphysik, bản dịch của Svếch-lơ. Bd. II, S. 40, 3. Buch, 4. Kapitel, 8 - 9: «denn natürlich kann man nicht der Meinung sein, daß es ein Haus — một cái nhà nói chung — gebe außer den sichtbaren Häusern», „οὐ γὰρ ἂν θείημεν εἶναί τινα οἰκίαν παρὰ τὰς τινὰς οἰκίας“**). Như vậy, những mặt đối lập (cái cá biệt thì đối lập với cái chung) đều đồng nhất: cái cá biệt chỉ tồn tại trong mối liên hệ dẫn đến cái chung. Cái chung chỉ tồn tại trong cái cá biệt, qua cái cá biệt. Bất cứ cái cá biệt nào cũng đều là (bằng cách này hay cách khác) cái chung. Bất cứ cái chung nào cũng đều là (một bộ phận hay một mặt hay bản chất) của cái cá biệt. Bất cứ cái chung

---

* — tổng số. *BT.*

** — *A-ri-xtốt,* Siêu hình học, bản dịch của Svếch-lơ. Tập II, tr. 40, quyển 3, chương 4, 8 - 9: «vì tuyệt đối không thể nghĩ được rằng một cái nhà (nói chung) lại có thể tồn tại ngoài những cái nhà cụ thể».

nào cũng chỉ bao gồm được gần hết những sự vật cá biệt mà thôi. Bất cứ cái cá biệt nào cũng không hoàn toàn gia nhập cái chung, v. v., v. v.. Bất cứ cái cá biệt nào cũng đều kinh qua hàng nghìn sự chuyển hóa mà liên hệ với những cái cá biệt thuộc loại khác (sự vật, hiện tượng, quá trình), v. v.. *Ngay ở đó,* cũng đã có những nguyên tố, những mầm mống của khái niệm về *tính tất yếu,* về sự liên hệ khách quan của tự nhiên etc. rồi. Ngẫu nhiên và tất yếu, hiện tượng và bản chất đã có sẵn trong đó rồi, vì khi nói: I-van là một người, Du-tsơ-ca là một con chó, *cái này* là một lá cây, v. v., thì ta đã *vứt bỏ* một loạt những đặc trưng, coi là *những cái ngẫu nhiên,* chúng ta đã tách bản chất khỏi hiện tượng và chúng ta đối lập hai cái ấy với nhau.

Như vậy, trong *bất cứ* mệnh đề *nào,* người ta cũng có thể (và phải) phân biệt được, như phân biệt trong một «lỗ tổ ong» («tế bào»), những mầm mống của *tất cả* những yếu tố của phép biện chứng, để chứng minh rằng nói chung thì phép biện chứng vốn sẵn có trong mọi nhận thức của con người. Mà tự nhiên học chỉ cho chúng ta thấy (và lần này nữa, cần phải chứng minh điều đó bằng *bất cứ* thí dụ rất đơn giản *nào*) tự nhiên khách quan cũng dưới những tính chất của nó như thế, thấy sự chuyển biến của cái cá biệt thành cái chung, sự chuyển biến của cái ngẫu nhiên thành cái tất yếu, thấy những sự chuyển hóa, sự chuyển hóa, sự liên hệ lẫn nhau giữa các mặt đối lập. Phép biện chứng *thì đúng là* lý luận về nhận thức (của Hê-ghen và) của chủ nghĩa Mác: cái «mặt» ấy của sự vật (không phải là một «mặt» của sự vật mà là *bản chất* của sự vật) không được Plê-kha-nốp chú ý đến, chứ chưa nói đến các nhà mác-xít khác nữa.

* * *

Cả Hê-ghen (xem Lô-gích học) lẫn Paul Volkmann, «nhà nhận thức luận» hiện đại về tự nhiên học, người chiết trung chủ nghĩa, địch thủ của học thuyết Hê-ghen (mà ông ta đã không hiểu được!) (xem «Erkenntnistheoretische Grundzüge», S.* của ông) đều coi nhận thức là một chuỗi vòng tròn.

---

* — «Nguyên lý nhận thức luận». *BT.*

«Những vòng tròn» trong triết học: [niên biểu ***những nhân vật*** có thật cần thiết không? Không!]
Cổ đại: từ Đê-mô-crít đến Pla-tôn và đến phép biện chứng của Hê-ra-clít.
Thời kỳ phục hưng: Đê-các-tơ versus * Gassendi (Spinoza?).
Cận đại: Hôn-bách - Hê-ghen (qua Béc-cli, Hi-um, Can-tơ).
Hê-ghen - Phơ-bách - Marx.

Phép biện chứng coi là nhận thức *sinh động*, nhiều mặt (các mặt tăng lên mãi mãi), với vô vàn sắc thái, nhằm quan sát hiện thực, tiến sát hiện thực (với một hệ thống triết học xuất hiện từ mỗi sắc thái để cấu thành một chỉnh thể), — đó là một nội dung vô cùng phong phú so với chủ nghĩa duy vật «siêu hình», là cái chủ nghĩa mà *nhược điểm* lớn nhất của nó là không có khả năng áp dụng phép biện chứng vào Bildertheorie **, vào quá trình và sự phát triển của nhận thức.

Theo quan điểm của một chủ nghĩa duy vật thô sơ, giản đơn, siêu hình thì chủ nghĩa duy tâm triết học *chỉ là* vô nghĩa mà thôi. Trái lại, theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật *biện chứng* thì chủ nghĩa duy tâm triết học là một sự phát triển (sự phóng đại, sự cường điệu) *phiến diện*, thái quá, überschwengliches (Dietzgen) một trong những đặc trưng nhỏ, trong những mặt, trong những bộ phận của nhận thức, thành một cái tuyệt đối *tách khỏi* vật chất, khỏi tự nhiên, cái tuyệt đối được thần bí hóa. Chủ nghĩa duy tâm chính là chủ nghĩa ngu dân của bọn thầy tu. Điều đó là đúng. Nhưng chủ nghĩa duy tâm triết học (*«nói cho đúng là» và «còn là»*) *con đường* dẫn tới chủ nghĩa ngu dân của bọn thầy tu, *kinh qua* một trong những sắc thái của *nhận thức* (biện chứng) vô cùng phức tạp của con người.

NB câu định luận này

Nhận thức của con người không phải là (respective không đi theo) một đường thẳng, mà một đường cong gần giống như một chuỗi vòng tròn, như một đường xoáy trôn ốc. Mỗi một đoạn, mỗi một khúc, mỗi một bộ phận của đường cong ấy có thể biến (biến một cách phiến diện) thành đường thẳng, độc lập, toàn vẹn, đường thẳng này (nếu chỉ thấy

* — chống. *BT*.
** — lý luận về sự phản ánh. *BT*.

cây mà không thấy rừng), lúc bấy giờ, sẽ dẫn vào vũng lầy, vào chủ nghĩa ngu dân của bọn thầy tu (nơi mà lợi ích giai cấp của các giai cấp thống trị đã *định* cho con đường đó). Tính trực tuyến và phiến diện, tính cứng đờ và tính chai sạn, chủ nghĩa chủ quan và bệnh mù quáng chủ quan, voilà * những nguồn gốc nhận thức luận của chủ nghĩa duy tâm. Và chủ nghĩa ngu dân của bọn thầy tu (= chủ nghĩa duy tâm triết học) tất nhiên cũng có những gốc rễ *nhận thức luận*; nó có địa bàn, nó là một *bông hoa không sinh quả*, không nghi ngờ gì nữa, nhưng lại mọc trên cái cây sống là nhận thức chân chính của con người, nhận thức đầy sinh lực, có hiệu quả, chân thực, mạnh mẽ, vạn năng, khách quan, tuyệt đối.

Viết vào năm 1915 Toàn tập, t. 29

---

* — đó là. *BT*.

TRÍCH:
TỔNG KẾT MỘT CUỘC TRANH LUẬN VỀ QUYỀN DÂN TỘC TỰ QUYẾT

Chủ nghĩa Mác hay chủ nghĩa Pru-đông?

Đối với việc chúng ta viện dẫn thái độ của Mác đối với sự phân lập của Ai-rơ-len thì đây là ngoại lệ, các đồng chí Ba-lan đã trả lời trực tiếp chứ không phải gián tiếp. Các đồng chí đó phản đối như thế nào? Họ cho rằng những lời viện dẫn thái độ của Mác hồi năm 1848 - 1871 là không có «một chút giá trị nào cả». Lời tuyên bố cực kỳ khe khắt và quả quyết đó là do chỗ họ cho rằng Mác đã «cùng một lúc» tỏ thái độ phản đối những xu hướng đòi độc lập «của người Tiệp, người Xla-vơ phương Nam, v. v.»[240].

Lý do của họ thì đặc biệt khe khắt, chính là vì nó cũng đặc biệt không vững chắc. Theo những người mác-xít Ba-lan thì Mác chỉ là một người rối trí vì «cùng một lúc» mà đã nói những điều trái ngược nhau! Điều đó hoàn toàn không đúng và hoàn toàn không phải là mác-xít. Sự phân tích «cụ thể» mà các đồng chí Ba-lan của chúng ta đòi hỏi *nhưng lại không chịu áp dụng*, đã buộc chúng ta phải nghiên cứu xem các thái độ khác nhau của Mác đối với các phong trào «dân tộc» cụ thể có phải đã xuất phát *từ cùng một* quan niệm xã hội chủ nghĩa *duy nhất* hay không.

Như mọi người đều biết, khi ủng hộ nền độc lập của Ba-lan, Mác đã đứng trên quan điểm lợi ích của phong trào dân chủ *châu Âu* trong cuộc đấu tranh của phong trào đó chống quyền lực và ảnh hưởng — có thể nói là chống quyền lực vạn năng và ảnh hưởng phản động đang thống trị — của chế độ Nga hoàng. Sự đúng đắn của quan điểm đó đã được xác nhận một cách rực rỡ nhất và cụ thể nhất vào năm 1849, khi quân đội nông nô Nga đè bẹp cuộc khởi nghĩa dân chủ cách mạng để giải phóng dân tộc của Hung-ga-ri. Và từ đấy cho đến khi Mác qua đời, và ngay cả về sau nữa, cho đến năm 1890, khi một cuộc chiến tranh phản động của chế độ Nga hoàng, liên minh với nước Pháp, có nguy cơ nổ ra chống nước Đức, là nước lúc đó *không phải nước đế*

quốc chủ nghĩa, mà là nước độc lập dân tộc, thì Ăng-ghen trước hết và trên hết đã ủng hộ cuộc đấu tranh chống chế độ Nga hoàng. Chính vì thế và chỉ vì thế mà Mác và Ăng-ghen đã phản đối phong trào dân tộc của những người Tiệp và Xla-vơ phương Nam. Những ai chú ý đến chủ nghĩa Mác không phải là để bác bỏ chủ nghĩa Mác, thì chỉ cần tham khảo các điều mà Mác và Ăng-ghen viết năm 1848 - 1849, cũng đủ tin rằng vào thời kỳ đó, Mác và Ăng-ghen đã đem «toàn bộ những dân tộc phản động» vẫn làm «tiền đồn cho nước Nga» ở châu Âu mà *đối lập* một cách trực tiếp và dứt khoát với các dân tộc «cách mạng»: Đức, Ba-lan, Hung-ga-ri. Đó là một sự thật. Và sự thật đó, *lúc ấy* đã được vạch ra một cách *không thể chối cãi được*: năm 1848, các dân tộc cách mạng đấu tranh cho tự do mà kẻ thù chủ yếu là chế độ Nga hoàng, thì người Tiệp, v. v. lúc đó quả thật là những dân tộc phản động, là những tiền đồn của chế độ Nga hoàng.

Thế thì, cái ví dụ cụ thể đó, cái ví dụ cần phải đem ra phân tích *một cách cụ thể* ấy, nếu người ta muốn tỏ ra trung thành với chủ nghĩa Mác, đã chứng minh cho chúng ta thấy những gì? Nó chỉ chứng minh rằng: 1) lợi ích của sự nghiệp giải phóng của một số dân tộc lớn và rất lớn ở châu Âu là cao hơn lợi ích của phong trào giải phóng của các dân tộc nhỏ; 2) yêu sách về dân chủ phải được xét trong phạm vi toàn châu Âu, — ngày nay thì phải nói: trong phạm vi toàn thế giới, — chứ không thể xét một cách cô lập được.

Chỉ có thế thôi. Điều đó tuyệt nhiên không bác bỏ cái nguyên lý xã hội chủ nghĩa sơ đẳng mà người Ba-lan đã quên mất, còn Mác thì *bao giờ* cũng vẫn trung thành với nó, tức là một dân tộc mà đi áp bức các dân tộc khác thì không thể có tự do được [241]. Nếu tình hình cụ thể — mà trước kia Mác đã gặp ở thời chế độ Nga hoàng đương có ảnh hưởng chi phối đối với chính sách quốc tế — lại xảy ra nữa, chẳng hạn, theo cái hướng là nhiều dân tộc sẽ đi vào con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa (như năm 1848, ở châu Âu, họ đã đi vào con đường cách mạng dân chủ - tư sản), và nếu nhiều dân tộc *khác* lại sẽ là những trụ cột chính của thế lực phản động tư sản, thì chúng ta cũng sẽ phải ủng hộ một cuộc chiến tranh cách mạng chống lại các dân tộc nói sau để «đè bẹp» họ, để phá hủy tất cả các tiền đồn của họ, dù cho phong trào ở các dân tộc nhỏ nói đó là như thế nào chăng nữa. Do đó chúng ta quyết không gạt bỏ những ví dụ về việc vận dụng sách lược của Mác — gạt bỏ như thế là ngoài miệng thì tuyên truyền chủ nghĩa Mác mà thực tế thì lại đoạn tuyệt với chủ nghĩa đó — mà chúng ta còn phải căn

cứ vào sự phân tích cụ thể các ví dụ đó để rút ra những bài học vô cùng quý báu cho tương lai. Các yêu sách riêng biệt của phong trào dân chủ, kể cả quyền dân tộc tự quyết, không phải là một cái gì tuyệt đối, mà là một *bộ phận* của toàn bộ phong trào dân chủ (ngày nay là toàn bộ phong trào xã hội chủ nghĩa) *thế giới*. Trong một số trường hợp cụ thể nào đó, có thể là bộ phận mâu thuẫn với toàn bộ, lúc đó thì cần phải vứt bỏ bộ phận đi. Có thể là phong trào cộng hòa của một nước chỉ là một công cụ của các âm mưu của giáo hội, của bọn tài chính hay của bọn quân chủ các nước khác; trong trường hợp đó, chúng ta có bổn phận *không* ủng hộ phong trào cụ thể đó, nhưng vì lý do đó mà muốn gạt bỏ khẩu hiệu thành lập nước cộng hòa trong cương lĩnh của phong trào dân chủ - xã hội quốc tế thì thật là lố bịch.

Tình hình cụ thể từ thời kỳ 1848 - 1871 đến thời kỳ 1898 - 1916 (tôi lấy các mốc chủ yếu của chủ nghĩa đế quốc, tức là thời kỳ từ cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa giữa Tây-ban-nha và Mỹ đến cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa châu Âu) đúng ra đã thay đổi như thế nào? Điều chắc chắn và không thể chối cãi được là chế độ Nga hoàng không còn là thành trì chủ yếu của phe phản động nữa, một là, vì bây giờ nó do tư bản tài chính quốc tế nâng đỡ, nhất là tư bản tài chính nước Pháp; hai là, vì năm 1905. Lúc đó, hệ thống các quốc gia dân tộc lớn — các nước dân chủ châu Âu — bất chấp chế độ Nga hoàng, đã đem lại chế độ dân chủ và chủ nghĩa xã hội cho thế giới *. Mác và Ăng-ghen không sống đến thời kỳ đế quốc chủ nghĩa. Ngày nay, đã hình thành một hệ thống gồm một nhúm (từ 5 đến 6) các cường quốc «lớn» đế quốc chủ nghĩa, trong đó cường quốc nào cũng đi áp bức những dân tộc khác, và sự áp bức đó là một trong những nhân tố đã kìm hãm sự sụp đổ của chủ nghĩa tư bản một cách nhân tạo, đã

---

* Trong các tập «Lưu trữ về lịch sử của chủ nghĩa xã hội» (1916, tập I) của Gruyn-béc, Ri-a-da-nốp có đăng một bài rất có giá trị của Ăng-ghen viết từ năm 1866 về vấn đề Ba-lan. Trong bài đó, Ăng-ghen nhấn mạnh rằng giai cấp vô sản cần phải thừa nhận nền độc lập chính trị của các dân tộc lớn mạnh ở châu Âu và «quyền tự quyết của các dân tộc đó» (right to dispose of itself); đồng thời ông làm nổi bật tính chất vô lý của «nguyên tắc dân tộc» (nhất là hiểu theo lối Bô-na-pác-tơ) là nguyên tắc coi bất cứ một dân tộc nhỏ nào cũng đều bình đẳng với các dân tộc lớn. Ăng-ghen nói: «Nước Nga nắm một số lớn của cải đã cướp được» (nghĩa là các dân tộc bị áp bức), «mà một ngày kia đến lúc phải thanh toán, nó sẽ buộc phải hoàn lại». Chế độ Bô-na-pác-tơ, cũng như chế độ Nga hoàng, đều *lợi dụng* phong trào các dân tộc nhỏ, để mưu lợi ích *riêng cho mình, chống lại* nền dân chủ châu Âu.

duy trì một cách nhân tạo chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa xã hội - sô-vanh ở các nước đế quốc chủ nghĩa đang thống trị thế giới. Lúc đó, phong trào dân chủ Tây Âu đang giải phóng các dân tộc lớn nhất, thì đã chống lại chế độ Nga hoàng là chế độ đang lợi dụng một số phong trào ở các dân tộc nhỏ nhằm thực hiện các mục đích của thế lực phản động. Hiện nay, *khối liên minh* của chủ nghĩa đế quốc Nga hoàng với chủ nghĩa đế quốc tư bản chủ nghĩa tiên tiến ở châu Âu, dựa trên sự áp bức toàn diện của hai chủ nghĩa đế quốc đó đối với một loạt dân tộc, khối liên minh này hiện đang đương đầu với giai cấp vô sản xã hội chủ nghĩa đã chia thành một cánh vô sản sô-vanh, «xã hội - đế quốc chủ nghĩa», và một cánh vô sản cách mạng.

Đó là sự thay đổi cụ thể của tình hình, sự thay đổi mà những người dân chủ - xã hội Ba-lan không hề đếm xỉa đến, mặc dù họ đã hứa là sẽ cụ thể! Do đó mà có sự thay đổi cụ thể về việc *áp dụng* cùng các nguyên tắc xã hội chủ nghĩa ấy: *lúc đó,* trước hết người ta «chống chế độ Nga hoàng» (và chống một số phong trào ở các dân tộc nhỏ mà *chế độ Nga hoàng* lợi dụng theo hướng phản dân chủ) và ủng hộ các dân tộc lớn cách mạng ở phương Tây. *Ngày nay,* người ta chống mặt trận đã thống nhất của các cường quốc đế quốc chủ nghĩa, của giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa, của những người xã hội - đế quốc chủ nghĩa, và *ủng hộ* việc lợi dụng *tất cả* các phong trào dân tộc chống chủ nghĩa đế quốc, nhằm làm lợi cho cách mạng xã hội chủ nghĩa. Ngày nay, cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống mặt trận chung của chủ nghĩa đế quốc càng trở thành *thuần túy* thì dĩ nhiên là nguyên tắc quốc tế chủ nghĩa: «một dân tộc mà đi áp bức các dân tộc khác thì không thể có tự do được», lại càng quan trọng thêm.

Phái Pru-đông, *vin vào* cuộc cách mạng xã hội mà họ hiểu một cách giáo điều, nên khinh thường vai trò quốc tế của Ba-lan và không đếm xỉa đến các phong trào dân tộc. Những người dân chủ - xã hội Ba-lan cũng xử sự một cách hoàn toàn giáo điều như vậy, họ *phá vỡ* mặt trận đấu tranh quốc tế chống bọn xã hội - đế quốc chủ nghĩa, và do họ do dự trong vấn đề các cuộc thôn tính, nên đã (khách quan) giúp đỡ bọn này. Vì chính mặt trận quốc tế của cuộc đấu tranh vô sản đã thay đổi theo tình hình cụ thể của các dân tộc nhỏ: trước kia (1848 - 1871), các dân tộc nhỏ có một tác dụng nào đó với tư cách là một đồng minh có thể được, hoặc của «phong trào dân chủ phương Tây» và các dân tộc cách mạng, hoặc là của chế độ Nga hoàng; ngày nay (1898 - 1914), các dân tộc nhỏ không còn có tác dụng đó nữa; từ nay, các dân tộc đó là

một trong những nguồn nuôi dưỡng chủ nghĩa ăn bám và do đó nuôi dưỡng chủ nghĩa xã hội - đế quốc của những «dân tộc lớn thống trị». Điều quan trọng không phải là xem có phải là 1/50 hay 1/100 các dân tộc nhỏ sẽ được giải phóng trước khi có cách mạng xã hội chủ nghĩa hay không; điều quan trọng là trong thời kỳ đế quốc chủ nghĩa, do nhiều nguyên nhân khách quan, giai cấp vô sản đã phân chia thành hai phe quốc tế, một phe thì bị mua chuộc bằng những mẩu thừa rơi từ bàn ăn của giai cấp tư sản của các cường quốc lớn — tựu trung lại là do sự bóc lột gấp đôi, gấp ba các dân tộc nhỏ — còn phe kia thì không thể tự giải phóng được nếu không giải phóng các dân tộc nhỏ, không giáo dục quần chúng theo tinh thần chống chủ nghĩa sô-vanh, nghĩa là chống thôn tính, nghĩa là theo tinh thần ủng hộ «quyền tự quyết».

Các đồng chí Ba-lan coi thường phương diện chủ yếu đó của vấn đề, họ *không* xét tình hình theo cái quan điểm đã trở thành chủ yếu trong thời kỳ đế quốc chủ nghĩa, nghĩa là họ không xuất phát từ sự tồn tại của hai phe trong nội bộ giai cấp vô sản quốc tế.

Đây là những ví dụ nổi bật nữa về chủ nghĩa Pru-đông của họ: 1) thái độ của họ đối với cuộc khởi nghĩa Ai-rơ-len năm 1916, mà chúng tôi sẽ nói đến sau; 2) lời tuyên bố trong các đề cương của họ (II,3, cuối §3) cho rằng khẩu hiệu cách mạng xã hội chủ nghĩa «không được để bất cứ một cái gì che lấp đi». Ý kiến cho rằng người ta có thể «che lấp» khẩu hiệu cách mạng xã hội chủ nghĩa, bằng cách *gắn liền* khẩu hiệu đó với lập trường cách mạng triệt để trong bất cứ vấn đề nào, cả trong vấn đề dân tộc nữa, là một ý kiến rất phản mác-xít.

Những người dân chủ - xã hội Ba-lan cho rằng cương lĩnh của chúng ta là cương lĩnh «dân tộc - cải lương chủ nghĩa». Xin hãy so sánh hai đề nghị thực tế sau đây: 1) ủng hộ tự trị (các đề cương của Ba-lan, III, 4) và 2) ủng hộ tự do phân lập. Những cương lĩnh của chúng ta thì khác chính là ở chỗ đó, và chỉ ở chỗ đó thôi! Há chẳng phải rõ ràng rằng cương lĩnh thứ nhất là cải lương chủ nghĩa, và khác với cương lĩnh thứ hai chính là ở chỗ đó sao? Một sự thay đổi cải lương chủ nghĩa là một sự thay đổi không phá hủy các cơ sở chính quyền của giai cấp thống trị, là sự nhượng bộ của giai cấp đó trong khi giai cấp đó vẫn duy trì sự thống trị của nó. Còn sự thay đổi có tính chất cách mạng thì phá hủy chính quyền tận cơ sở. Trong cương lĩnh dân tộc, sự thay đổi có tính chất cải lương *không* xóa bỏ *tất cả* các đặc quyền của dân tộc thống trị, *không* xác lập quyền bình đẳng hoàn toàn, *không* thủ tiêu *tất cả*

các hình thức áp bức dân tộc. Một dân tộc «tự trị» không được bình đẳng về quyền lợi với một dân tộc «có chủ quyền»; các đồng chí Ba-lan có lẽ sẽ nhận ra điều đó nếu họ không khăng khăng (như những nhà «kinh tế chủ nghĩa»[242] trước kia của chúng ta) coi thường sự phân tích các khái niệm và các phạm trù *chính trị*. Na-uy tự trị, với tư cách là một bộ phận của Thụy-điển, đã được hưởng quyền tự trị rất rộng rãi cho đến năm 1905, nhưng vẫn không bình đẳng về quyền lợi với Thụy-điển. Chỉ khi nó tự do tách ra khỏi Thụy-điển thì nó mới *thực tế* tỏ rõ và mới chứng minh là nó được bình đẳng về quyền lợi (nhân tiện nói thêm rằng chính sự tự do phân lập đó đã tạo ra một cơ sở cho sự gần gũi chặt chẽ hơn và dân chủ hơn, dựa trên sự bình đẳng về quyền lợi). Chừng nào mà Na-uy chỉ là một nước tự trị thì giai cấp quý tộc Thụy-điển còn có thêm *một* đặc quyền nữa, và đặc quyền đó không phải là được làm «giảm nhẹ đi» (thực chất của chủ nghĩa cải lương là làm *giảm nhẹ* chứ không tiêu diệt cái hại), mà đã bị *hoàn toàn xóa bỏ* bởi sự phân lập (dấu hiệu chủ yếu của tinh thần cách mạng của một cương lĩnh).

Nhân tiện nói thêm rằng có một sự khác nhau về nguyên tắc giữa quyền tự trị, với tư cách là một biện pháp cải lương, với quyền tự do phân lập, với tư cách là một biện pháp cách mạng. Điều đó là không chối cãi được. Nhưng, như mọi người đều biết, trong thực tiễn, cải lương thường chỉ là một bước để tiến tới cách mạng. Chính quyền tự trị đã giúp cho một dân tộc bị bạo lực duy trì trong biên giới một quốc gia nhất định, được tự xác lập hoàn toàn thành một dân tộc, tập hợp được, hiểu được, và tổ chức được các lực lượng của mình, chọn được thời cơ tốt nhất để *tuyên bố*... theo lối «Na-uy»: chúng tôi, quốc hội tự trị của một dân tộc hay địa phương nào đó, tuyên bố rằng hoàng đế của toàn nước Nga, không còn là vua nước Ba-lan nữa, v. v.. Đối với điều đó, người ta thường hay «cãi lại» rằng những vấn đề đó thường được giải quyết bằng các cuộc chiến tranh, chứ không phải bằng những lời tuyên bố. Đúng: trong tuyệt đại đa số trường hợp thì bằng các cuộc chiến tranh (cũng như, trong tuyệt đại đa số trường hợp, vấn đề hình thức chính phủ của các nước lớn chỉ có thể giải quyết bằng các cuộc chiến tranh và các cuộc cách mạng). Song người ta phải tự hỏi rằng «phản đối» *như vậy* một cương lĩnh chính trị của một đảng cách mạng, thì có lô-gích không? Chúng ta có phản đối các cuộc chiến tranh và các cuộc cách mạng tiến hành *vì* chính nghĩa và *vì* lợi ích của giai cấp vô sản, *vì* dân chủ và chủ nghĩa xã hội đâu?

«Nhưng dù sao, chúng ta cũng quyết không thể ủng hộ một cuộc chiến tranh giữa các dân tộc lớn, ủng hộ việc tàn sát 20 triệu người, để không chắc có giải phóng được một dân tộc nhỏ, có lẽ chỉ có từ 10 đến 20 triệu dân thôi»! Dĩ nhiên là không. Nhưng như thế tuyệt không phải vì chúng ta gạt ra khỏi cương lĩnh của chúng ta quyền bình đẳng hoàn toàn giữa các dân tộc, mà là vì lợi ích của phong trào dân chủ của *một* nước duy nhất cần phải phục tùng lợi ích của phong trào dân chủ của *nhiều* nước *và* của *tất cả* các nước. Giả sử rằng giữa hai nước quân chủ lớn, có một nước quân chủ nhỏ, mà ông vua nhỏ nước này lại có «quan hệ» họ hàng hay quan hệ khác với các ông vua ở hai nước láng giềng kia. Lại giả sử rằng trên thực tế, việc tuyên bố nền cộng hòa trong nước nhỏ đó, việc trục xuất ông vua của *nước đó,* có thể gây ra một cuộc chiến tranh giữa hai nước láng giềng lớn là những nước đều muốn bắt buộc nước nhỏ kia phải nhận một ông vua nào đó. Trong trường hợp này, thì chắc chắn là toàn thể phong trào dân chủ - xã hội quốc tế, cũng như bộ phận thật sự quốc tế chủ nghĩa trong đảng dân chủ - xã hội của nước nhỏ này *đều sẽ phản đối việc đem chế độ cộng hòa mà thay cho chế độ quân chủ.* Việc đem chế độ cộng hòa thay cho chế độ quân chủ không phải là một việc tuyệt đối, mà là một trong những yêu sách dân chủ phụ thuộc vào lợi ích của toàn bộ phong trào dân chủ (và dĩ nhiên, lại càng phụ thuộc hơn nữa vào lợi ích của giai cấp vô sản xã hội chủ nghĩa). Chắc chắn là nếu có trường hợp như thế thì trường hợp đó cũng không thể gây ra một chút bất đồng ý kiến nào trong những người dân chủ - xã hội của bất cứ nước nào. Nhưng nếu có một người dân chủ - xã hội nào căn cứ vào thí dụ *đó* mà đề nghị là nói chung phải gạt khẩu hiệu cộng hòa ra khỏi cương lĩnh của phong trào dân chủ - xã hội quốc tế, thì chắc chắn là người ta sẽ coi kẻ đó là một người điên. Người ta sẽ nói với kẻ đó: dù sao cũng không nên quên sự khác nhau cơ bản về mặt lô-gích giữa *cái riêng* với *cái chung.*

Ví dụ đó, bằng một con đường hơi quanh co một chút, dẫn chúng ta đến vấn đề giáo dục *chủ nghĩa quốc tế* cho giai cấp công nhân. Sự giáo dục đó, — mà sự cần thiết và ý nghĩa hàng đầu của nó đều không thể gây ra một ý kiến bất đồng nào trong phái tả Xim-méc-van[213], — liệu có thể *giống nhau một cách cụ thể* đối với các dân tộc lớn đi áp bức và đối với các dân tộc nhỏ bị áp bức không? đối với các dân tộc đi thôn tính và đối với các dân tộc bị thôn tính không?

Dĩ nhiên là không. Việc tiến tới một mục đích duy nhất, — bình đẳng hoàn toàn về quyền lợi, sự gần gũi chặt chẽ nhất và *sự hợp nhất*

sau này của *tất cả* các dân tộc, — dĩ nhiên là ở đây phải đi theo những con đường cụ thể khác nhau; cũng như chẳng hạn con đường dẫn đến điểm trung tâm của một trang giấy có thể ở bên lề này đi về phía trái, còn ở bên lề đối diện thì lại đi về phía phải. Nếu khi tuyên truyền sự hợp nhất các dân tộc nói chung, một người dân chủ - xã hội nào thuộc một dân tộc lớn vẫn thường đi thôn tính và áp bức, mà quên, dù chỉ là trong chốc lát, rằng cả Ni-cô-lai II «của nước mình», Vin-hem «của nước mình», Goóc-giơ «của nước mình», Poanh-ca-rê «của nước mình», v. v., *cũng đều tán thành hợp nhất* với các dân tộc nhỏ (bằng thủ đoạn thôn tính) — Ni-cô-lai II tán thành «hợp nhất» với Ga-li-xi-a, Vin-hem II tán thành «hợp nhất» với nước Bỉ, v. v., — thì về mặt lý luận, một người dân chủ - xã hội như thế sẽ chỉ là một người giáo điều lố bịch và trong thực tiễn, chỉ là tay sai cho chủ nghĩa đế quốc mà thôi.

Trọng tâm của sự giáo dục chủ nghĩa quốc tế cho công nhân trong các nước đi áp bức, tất nhiên phải là ở chỗ trước hết tuyên truyền và bênh vực quyền tự do phân lập của nước bị áp bức. Nếu không thì *không có* chủ nghĩa quốc tế. Đối với bất cứ người dân chủ - xã hội nào thuộc dân tộc đi áp bức, mà *không* tiến hành việc tuyên truyền đó, thì chúng ta có quyền và có bổn phận phải coi là một tên đế quốc chủ nghĩa, là một tên đểu giả. Yêu cầu đó phải được đặt ra một cách tuyệt đối, không có điều kiện, dù trong một nghìn trường hợp, chỉ có một trường hợp là có thể có và có thể «thực hiện» được *cơ hội* phân lập, trước khi chủ nghĩa xã hội xuất hiện.

Chúng ta có bổn phận phát triển trong công nhân, tinh thần «thờ ơ» đối với những sự phân biệt dân tộc. Đó là điều không thể chối cãi được. Nhưng tuyệt nhiên không phải tinh thần thờ ơ mà *bọn chủ trương thôn tính* vẫn tuyên truyền. Một người thuộc một dân tộc đi áp bức phải «thờ ơ» đối với vấn đề xem có phải các dân tộc nhỏ là thuộc nước *mình hay* thuộc một nước *láng giềng,* hay là những dân tộc độc lập theo sở thích của các dân tộc ấy: nếu người đó không «thờ ơ» đối với vấn đề ấy thì anh ta *không phải* là người dân chủ - xã hội. Muốn là người dân chủ - xã hội quốc tế chủ nghĩa thì *không* nên chỉ nghĩ đến dân tộc của chính mình; mà cần phải đặt lợi ích của tất cả các dân tộc, quyền tự do và sự bình đẳng về quyền lợi của tất cả các dân tộc *lên trên dân tộc mình.* Về mặt «lý luận», mọi người đều đồng ý điểm đó, nhưng trong thực tiễn, người ta lại biểu lộ chính cái thái độ thờ ơ của bọn chủ trương thôn tính. Đó là nguyên nhân của tai hại.

Trái lại, người dân chủ - xã hội thuộc một dân tộc nhỏ phải có bổn phận chuyển trọng tâm công tác tuyên truyền của mình vào chữ *thứ nhất* của công thức chung của chúng ta là: «*liên hợp* tự nguyện» giữa các dân tộc. Người dân chủ - xã hội có thể *vừa* tán thành nền độc lập chính trị của dân tộc mình, *vừa* tán thành việc sáp nhập dân tộc mình vào một quốc gia lân cận X, Y, Z, v. v., mà không trái với nghĩa vụ quốc tế chủ nghĩa của mình. Nhưng dù sao đi nữa, người đó cũng phải đấu tranh *chống* quan điểm hẹp hòi của dân tộc nhỏ, chống xu hướng tự cô lập và biệt lập để xét chỉnh thể và tổng thể, để đặt lợi ích chung lên trên lợi ích riêng.

Những kẻ không nghiên cứu sâu vấn đề đó đều cho rằng những người dân chủ - xã hội ở các dân tộc đi áp bức khăng khăng đòi «tự do *phân lập*», còn những người dân chủ - xã hội ở các dân tộc bị áp bức một mực yêu cầu «tự do *liên hợp*» thì là «mâu thuẫn». Nhưng chỉ cần suy nghĩ một chút cũng thấy rằng *xuất phát từ* tình hình *hiện nay* mà muốn tiến tới chủ nghĩa quốc tế và sự hợp nhất các dân tộc, thì ngoài con đường đó ra, không có và không thể có con đường nào *khác*.

Và điều đó dẫn chúng ta đến tình hình *riêng biệt* của phái dân chủ - xã hội Hà-lan và Ba-lan.

Bức thư của Ăng-ghen gửi Cau-xky

Trong cuốn sách nhỏ «Chủ nghĩa xã hội và chính sách thuộc địa» của mình (Béc-lanh, 1907), Cau-xky, lúc này còn là người mác-xít, đã công bố một bức thư của Ăng-ghen gửi cho hắn ngày 12 tháng Chín 1882, bức thư đó rất bổ ích đối với vấn đề mà chúng ta đang quan tâm; sau đây là đoạn chính của bức thư:

«...Theo ý tôi, những thuộc địa chính cống, nghĩa là những đất đai bị dân cư châu Âu chiếm cứ, như Ca-na-đa, Cáp, Úc, sẽ độc lập tất cả; trái lại, đối với những nước chỉ bị nô dịch và có người bản xứ ở, như Ấn-độ, An-giê-ri và các thuộc địa của Hà-lan, Bồ-đào-nha, Tây-ban-nha thì giai cấp vô sản phải tạm thời chịu trách nhiệm và đưa các nước đó đến độc lập càng chóng càng hay. Khó mà nói được quá trình đó sẽ diễn ra như thế nào. Ấn-độ có thể sẽ và thậm chí chắc hẳn sẽ làm một cuộc cách mạng, và vì giai cấp vô sản đang trên con đường tự giải phóng không thể tiến hành chiến tranh thuộc địa được, cho nên đành phải chịu như vậy, và tất nhiên điều đó không thể xảy

ra mà lại không có những sự tàn phá đủ mọi loại. Nhưng những sự tàn phá đó đều gắn liền với mọi cuộc cách mạng. Ở các nơi khác, chẳng hạn như ở An-giê-ri và ở Ai-cập thì cũng có thể như thế, và *đối với chúng ta,* chắc chắn là điều đó tốt hơn hết. Chúng ta sẽ có chán việc phải làm ở nước chúng ta. Một khi mà châu Âu và miền Bắc châu Mỹ được tổ chức lại rồi thì điều đó sẽ tạo nên một sức mạnh khổng lồ và sẽ nêu lên một tấm gương khiến cho các nước nửa văn minh tự họ phải theo chúng ta; những nhu cầu kinh tế cũng đủ để thúc đẩy họ theo chúng ta. Còn về các giai đoạn xã hội và chính trị mà lúc ấy các nước đó sẽ phải trải qua trước khi đạt đến một tổ chức xã hội chủ nghĩa thì về mặt đó, tôi thiết tưởng rằng chúng ta chỉ có thể đề ra những giả thuyết khá viển vông mà thôi. Chỉ có một điều không nghi ngờ nữa là: *giai cấp vô sản thắng lợi không thể bắt buộc bất cứ một dân tộc ngoại quốc nào phải hưởng một hạnh phúc nào mà lại không làm tổn thương đến thắng lợi của chính mình.* Đương nhiên, điều đó tuyệt nhiên không loại trừ những cuộc chiến tranh tự vệ có nhiều tính chất khác nhau...»

Ăng-ghen tuyệt nhiên không hề cho rằng «kinh tế» có thể tự nó trực tiếp khắc phục được mọi khó khăn. Cách mạng kinh tế sẽ kích thích *tất cả* các dân tộc *hướng về* chủ nghĩa xã hội, nhưng đồng thời những cuộc cách mạng — chống lại nhà nước xã hội chủ nghĩa — cũng như các cuộc chiến tranh vẫn có thể xảy ra. Nhất định là chính trị sẽ thích ứng với kinh tế, nhưng không phải ngay một lần mà xong và không phải không vấp váp, không phải giản đơn mà cũng không trực tiếp. Đối với Ăng-ghen, «điều không nghi ngờ nữa» là nguyên tắc duy nhất, có tính chất quốc tế chủ nghĩa tuyệt đối mà ông áp dụng cho *tất cả* «các dân tộc ngoại quốc», tức là không chỉ áp dụng cho dân tộc thuộc địa, đó là nguyên tắc: bắt buộc họ phải hưởng hạnh phúc là làm tổn thương đến thắng lợi của giai cấp vô sản.

Giai cấp vô sản sẽ hoàn thành cách mạng xã hội, điều đó chưa đủ làm cho họ biến thành một ông thánh và tránh khỏi được những sai lầm và nhược điểm. Nhưng những sai lầm có thể xảy ra (và những quyền lợi ích kỷ — âm mưu ngồi lên lưng những kẻ khác) nhất định sẽ đưa họ đến chỗ nhận thức được chân lý đó.

Chúng ta, những người Xim-méc-van phái tả, chúng ta đều tin rằng — trước khi Cau-xky trở mặt hồi 1914 để xa rời chủ nghĩa Mác mà bênh vực chủ nghĩa sô-vanh thì hắn cũng đã tin như chúng ta — cách mạng xã hội chủ nghĩa rất có thể xảy ra trong tương lai *gần nhất,*

xảy ra «ngày một ngày hai», như có lần cũng cái ông Cau-xky ấy đã phát biểu. Những mối ác cảm dân tộc sẽ không biến đi ngay; sự căm thù — và lại căm thù là hoàn toàn đúng — của dân tộc bị áp bức đối với dân tộc áp bức họ *sẽ tồn tại* một thời gian; nó chỉ tiêu tan *sau khi* chủ nghĩa xã hội thắng lợi và *sau khi* những quan hệ thực sự dân chủ giữa các dân tộc được kiến lập dứt khoát. Nếu chúng ta muốn trung thành với chủ nghĩa xã hội thì ngay từ bây giờ, chúng ta phải tiến hành việc giáo dục chủ nghĩa quốc tế cho quần chúng, là việc không thể làm được trong những nước đi áp bức nếu không nhấn mạnh quyền tự do phân lập của các dân tộc bị áp bức.

Viết vào tháng Bảy 1916 Toàn tập, t. 30

TRÍCH:
CƯƠNG LĨNH QUÂN SỰ CỦA CÁCH MẠNG VÔ SẢN

Ở Hà-lan, ở Xcan-đi-na-vơ, ở Thụy-sĩ, trong số những người dân chủ - xã hội cách mạng đấu tranh chống luận điệu dối trá «bảo vệ tổ quốc» của bọn xã hội - sô-vanh trong cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa hiện thời, có những người lên tiếng đề nghị thay thế điều khoản cũ trong cương lĩnh tối thiểu của Đảng dân chủ - xã hội: «đội dân cảnh» hay «vũ trang nhân dân» bằng một điều khoản mới: «giải trừ quân bị». Tạp chí «Jugend-Internationale»*[244] đã mở cuộc tranh luận về vấn đề đó và đã đăng trong số 3 một bài xã luận ủng hộ việc giải trừ quân bị. Trong những đề cương mới đây của R. Grim, đáng tiếc là chúng ta cũng thấy có sự nhượng bộ đối với tư tưởng «giải trừ quân bị». Các tạp chí «Neues Leben» và «Vorbote»**[245] cũng đã mở cuộc tranh luận.

Chúng ta hãy xét kỹ lập trường của những kẻ chủ trương giải trừ quân bị.

I

Lý lẽ chủ yếu chung quy lại là: yêu sách giải trừ quân bị là biểu hiện rõ ràng nhất, kiên quyết nhất, triệt để nhất của cuộc đấu tranh chống mọi chủ nghĩa quân phiệt và mọi thứ chiến tranh.

Nhưng chính trong lý lẽ chủ yếu đó lại cũng chứa đựng sai lầm chủ yếu của những kẻ chủ trương giải trừ quân bị. Những người xã hội chủ nghĩa, nếu vẫn muốn còn là người xã hội chủ nghĩa, thì không thể chống bất cứ thứ chiến tranh nào.

Thứ nhất, những người xã hội chủ nghĩa không hề bao giờ và sẽ không bao giờ có thể chống các cuộc chiến tranh cách mạng. Giai cấp tư sản các cường quốc đế quốc «lớn» đã trở thành tối phản động, và cuộc chiến tranh mà ngày nay giai cấp tư sản *ấy* đang tiến hành, chúng

---

* — «Thanh niên quốc tế». *BT.*

** — «Đời sống mới» và «Người tiên khu». *BT.*

ta coi đó là một thứ chiến tranh phản động, có tính chất nô dịch và đầy tội ác. Nhưng nếu là một cuộc chiến tranh *chống* giai cấp tư sản ấy thì sao? Chẳng hạn như một cuộc chiến tranh của các dân tộc bị giai cấp tư sản ấy áp bức và chi phối, hay một cuộc chiến tranh của các dân tộc thuộc địa để tự giải phóng thì sao? Trong đề cương của nhóm «Quốc tế»[246], điều 5, có viết: «Trong thời đại chủ nghĩa đế quốc hoành hành này thì không thể có một cuộc chiến tranh dân tộc nào cả» — điều đó rõ ràng là sai.

Lịch sử của thế kỷ XX, của cái thế kỷ «chủ nghĩa đế quốc hoành hành này» đầy dẫy những cuộc chiến tranh thuộc địa. Nhưng cái mà chúng ta, những người châu Âu, những người đế quốc chủ nghĩa đi áp bức phần lớn các dân tộc trên thế giới, chúng ta gọi — với tinh thần chủ nghĩa sô-vanh bỉ ổi vốn có của người châu Âu chúng ta — là «chiến tranh thuộc địa», thì lại thường là những cuộc chiến tranh dân tộc hay khởi nghĩa dân tộc của các dân tộc bị áp bức đó. Một trong những thuộc tính chủ yếu của chủ nghĩa đế quốc chính là ở chỗ nó đẩy nhanh sự phát triển của chủ nghĩa tư bản trong các nước lạc hậu nhất, do đó, mở rộng và tăng cường cuộc đấu tranh chống áp bức dân tộc. Đây là một sự thật. Và do đó, tất nhiên là chủ nghĩa đế quốc, trong nhiều trường hợp, phải đẻ ra những cuộc chiến tranh dân tộc. *Giu-ni-út*, khi bênh vực các «đề cương» nói trên trong tác phẩm của mình, có nói rằng trong thời đại đế quốc chủ nghĩa mọi chiến tranh dân tộc chống một trong những cường quốc đế quốc lớn đều gây ra sự can thiệp của một cường quốc lớn khác, cũng là cường quốc đế quốc, đối địch với cường quốc đó; rằng do đó, mọi chiến tranh dân tộc đều biến thành chiến tranh đế quốc chủ nghĩa. Nhưng ngay cả lý lẽ này cũng sai. *Có thể* là như thế, nhưng không phải bao giờ cũng như thế cả. Trong những năm 1900 - 1914, có nhiều cuộc chiến tranh thuộc địa đã đi theo một con đường khác. Cho nên, thật chỉ là lố bịch nếu chúng ta khẳng định rằng sau cuộc chiến tranh hiện tại, chẳng hạn, nếu nó dẫn tới chỗ làm cho các nước giao chiến hết sức kiệt quệ, thì sẽ «không thể» có «một» cuộc chiến tranh dân tộc tiến bộ, cách mạng «nào», chẳng hạn như do Trung-quốc đồng minh với Ấn-độ, Ba-tư, Xiêm, v. v., tiến hành chống các cường quốc lớn.

Phủ nhận mọi khả năng xảy ra chiến tranh dân tộc dưới thời chủ nghĩa đế quốc là không đúng đắn về mặt lý luận, là sai lầm hiển nhiên về mặt lịch sử, còn về mặt thực tiễn, đó là chủ nghĩa sô-vanh của người châu Âu: chúng ta thuộc các dân tộc đi áp bức hàng trăm triệu người

ở châu Âu, châu Phi, châu Á, v. v., mà chúng ta phải tuyên bố với các dân tộc bị áp bức rằng họ «không thể» tiến hành chiến tranh chống các dân tộc «chúng ta» được ư!

Thứ hai. Nội chiến cũng là chiến tranh. Người nào thừa nhận đấu tranh giai cấp thì không thể không thừa nhận nội chiến, vì trong mọi xã hội chia thành giai cấp, nội chiến là cuộc đấu tranh giai cấp được tiếp tục mở rộng và gay gắt thêm một cách tự nhiên và trong những điều kiện nhất định nào đó, là không thể nào tránh khỏi được. Tất thảy các cuộc cách mạng lớn đã chứng minh điểm đó. Phủ nhận nội chiến hoặc quên mất nội chiến tức là sa vào một thứ chủ nghĩa cơ hội cực đoan và từ bỏ cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Thứ ba, thắng lợi của chủ nghĩa xã hội trong chỉ riêng một nước quyết không thể trong chốc lát trừ tiệt ngay được tất thảy mọi cuộc chiến tranh nói chung. Trái lại, thắng lợi của chủ nghĩa xã hội giả định là có thể xảy ra chiến tranh. Chủ nghĩa tư bản phát triển cực kỳ không đều nhau trong các nước. Vả chăng, dưới chế độ sản xuất hàng hóa, thì không thể nào khác thế được. Do đó, phải đi đến kết luận tất yếu này: chủ nghĩa xã hội không thể đồng thời thắng lợi *trong tất cả* các nước. Trước hết, nó sẽ thắng trong một nước độc nhất, hoặc trong một số nước, trong khi các nước khác, trong một thời gian nào đó, vẫn còn là những nước tư sản hay tiền tư sản. Tình trạng đó không những phải gây ra những va chạm, mà còn trực tiếp thúc đẩy giai cấp tư sản các nước khác tìm cách tiêu diệt giai cấp vô sản chiến thắng của nước xã hội chủ nghĩa. Trong trường hợp đó, chiến tranh về phía chúng ta là chính đáng và chính nghĩa. Đó sẽ là một cuộc chiến tranh vì chủ nghĩa xã hội, vì sự nghiệp giải phóng các dân tộc khác khỏi ách giai cấp tư sản. Ăng-ghen, trong thư viết cho Cau-xky ngày 12 tháng Chín 1882, đã hoàn toàn có lý khi ông thừa nhận rõ ràng rằng có thể có những «cuộc chiến tranh tự vệ» của chủ nghĩa xã hội *đã thắng lợi*. Chính Ăng-ghen muốn nói đến sự tự vệ của giai cấp vô sản đã chiến thắng chống giai cấp tư sản các nước khác.

Chỉ có sau khi chúng ta đã lật đổ, đã hoàn toàn đánh bại và tước đoạt giai cấp tư sản trên toàn thế giới — chứ không phải chỉ trong một nước độc nhất — thì chiến tranh mới không thể xảy ra nữa. Và nếu chúng ta tránh không nói đến hoặc làm lu mờ chính cái vấn đề quan trọng nhất, — vấn đề trấn áp sự phản kháng của giai cấp tư sản, — vấn đề khó khăn nhất và nó đòi hỏi phải đấu tranh quyết liệt nhất khi *chuyển sang* chủ nghĩa xã hội, thì như vậy đứng về quan điểm khoa

học là hoàn toàn sai và hoàn toàn không cách mạng. Bọn thầy tu «xã hội» và bọn cơ hội chủ nghĩa luôn luôn sẵn sàng mơ ước chủ nghĩa xã hội hòa bình trong tương lai; nhưng bọn này khác với những người dân chủ - xã hội cách mạng chính là ở chỗ họ không muốn nghĩ đến và suy nghĩ về cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt và *những cuộc chiến tranh* giai cấp để thực hiện tương lai tốt đẹp đó.

Chúng ta không nên để cho những danh từ đánh lừa chúng ta. Chẳng hạn như khái niệm «bảo vệ tổ quốc» là đáng thù ghét đối với nhiều người, bởi vì bọn cơ hội chủ nghĩa ra mặt và phái Cau-xky đã dùng khái niệm đó để che đậy và làm lu mờ luận điệu gian dối của giai cấp tư sản trong cuộc chiến tranh cướp bóc *hiện tại*. Đó là sự thật. Nhưng không phải vì thế mà chúng ta nên bỏ không suy nghĩ về ý nghĩa của các khẩu hiệu chính trị. Thừa nhận việc «bảo vệ tổ quốc» trong cuộc chiến tranh hiện tại, tức là coi chiến tranh đó như một cuộc chiến tranh «chính nghĩa», phù hợp với lợi ích của giai cấp vô sản — chứ không có gì khác, hoàn toàn không có gì khác cả, vì không có một cuộc chiến tranh nào lại không xâm phạm đến đất đai nước khác. Nếu phủ nhận quyền «bảo vệ tổ quốc» *về phía* các dân tộc bị áp bức, trong cuộc chiến tranh của họ *chống* các cường quốc đế quốc chủ nghĩa lớn, hoặc về phía giai cấp vô sản chiến thắng trong cuộc chiến tranh *của giai cấp đó* chống một tên Ga-líp-phê nào đó của một nước tư sản, thì như thế thật là vô lý.

Về mặt lý luận, sẽ là một sai lầm nghiêm trọng, nếu ta quên rằng bất cứ cuộc chiến tranh nào cũng chỉ là sự tiếp tục của chính trị bằng những thủ đoạn khác mà thôi; cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa hiện tại là sự tiếp tục của cái chính trị đế quốc chủ nghĩa của hai tập đoàn cường quốc lớn; và chính trị ấy là do toàn bộ những quan hệ hiện có trong thời kỳ chủ nghĩa đế quốc sinh ra và nuôi dưỡng. Nhưng chính thời kỳ ấy tất nhiên cũng lại phải sản sinh ra và nuôi dưỡng cái chính trị đấu tranh chống áp bức dân tộc và cái chính trị đấu tranh của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản; bởi vậy, nó ắt phải làm cho, một là, những cuộc khởi nghĩa và những cuộc chiến tranh dân tộc cách mạng; hai là, những cuộc chiến tranh và những cuộc nổi dậy của giai cấp vô sản *chống* giai cấp tư sản; ba là, một sự kết hợp giữa hai hình thức chiến tranh cách mạng đó, v. v. trở nên có khả năng và không tránh khỏi.

Viết vào tháng Chín 1916 — Toàn tập, t. 30

CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC VÀ SỰ PHÂN LIỆT CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Giữa chủ nghĩa đế quốc và thắng lợi nhục nhã, ghê tởm mà chủ nghĩa cơ hội (dưới hình thức chủ nghĩa xã hội - sô-vanh) đã đạt được đối với phong trào công nhân châu Âu có mối liên hệ nào không?

Đây là vấn đề cơ bản của chủ nghĩa xã hội hiện đại. Và hiện nay, vì trên các sách báo của đảng ta, chúng ta đã hoàn toàn xác định: thứ nhất, tính chất đế quốc chủ nghĩa của thời đại chúng ta và của cuộc chiến tranh hiện tại; thứ hai, mối liên hệ lịch sử chặt chẽ giữa chủ nghĩa xã hội - sô-vanh với chủ nghĩa cơ hội, và sự nhất trí của chúng về nội dung chính trị và tư tưởng, nên chúng ta có thể và cần phải chuyển sang phân tích vấn đề cơ bản đó.

Chúng ta cần phải bắt đầu bằng việc định nghĩa chủ nghĩa đế quốc một cách chính xác và đầy đủ nhất. Chủ nghĩa đế quốc là một giai đoạn lịch sử đặc thù của chủ nghĩa tư bản. Tính đặc thù đó là về ba mặt: chủ nghĩa đế quốc là (1) — chủ nghĩa tư bản độc quyền; (2) — chủ nghĩa tư bản ăn bám hay đang thối nát; (3) — chủ nghĩa tư bản đang hấp hối. Độc quyền thay thế cạnh tranh tự do, đó là đặc trưng kinh tế chủ yếu, là *thực chất* của chủ nghĩa đế quốc. Chế độ độc quyền biểu hiện dưới 5 hình thức chủ yếu: 1) các-ten, xanh-đi-ca và tơ-rớt; sản xuất đã tích tụ đến một trình độ đẻ ra những tập đoàn độc quyền này của bọn tư bản; 2) địa vị độc quyền của các ngân hàng lớn: 3 - 5 ngân hàng rất lớn chi phối toàn bộ sinh hoạt kinh tế của các nước Mỹ, Pháp, Đức; 3) các nguồn *nguyên liệu* đều bị các tơ-rớt và bọn đầu sỏ tài chính độc chiếm (tư bản tài chính là tư bản công nghiệp độc quyền đã nhập làm một với tư bản ngân hàng); 4) các-ten quốc tế đã *bắt đầu* phân chia thế giới (phân chia về mặt kinh tế). Những các-ten quốc tế ấy nắm *toàn bộ* thị trường thế giới mà chúng phân chia «ổn thỏa» với nhau, — chừng nào mà chiến tranh chưa phân chia *lại* thị trường đó, — các các-ten đó tính ra đã có hơn *một trăm*! Xuất khẩu tư bản, — một hiện

tượng hết sức đặc biệt, khác với việc xuất khẩu hàng hóa dưới chế độ tư bản chủ nghĩa chưa độc quyền, — có liên hệ chặt chẽ với việc phân chia thế giới về mặt kinh tế và chính trị - lãnh thổ. 5) Việc phân chia đất đai thế giới (thuộc địa) *đã hoàn thành.*

Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản ở châu Mỹ và ở châu Âu, và sau đó ở châu Á, đã hình thành hẳn hoi vào khoảng 1898 - 1914. Những cuộc chiến tranh Tây-ban-nha - Mỹ (1898), Anh - Bô-e (1899 - 1902), Nga - Nhật (1904 - 1905) và cuộc khủng hoảng kinh tế năm 1900 ở châu Âu, — đó là những cái mốc lịch sử chủ yếu của thời đại mới trong lịch sử thế giới.

Chủ nghĩa đế quốc là một thứ chủ nghĩa tư bản ăn bám hoặc đang thối nát, điều đó biểu hiện trước tiên ở xu hướng đi đến thối nát, xu hướng này là đặc trưng của *mọi* thứ độc quyền dưới chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất. Sự khác nhau giữa giai cấp tư sản đế quốc dân chủ cộng hòa với giai cấp tư sản đế quốc quân chủ phản động không còn nữa, chính là vì cả hai tuy sống mà đã thối nát (điều đó không hề có nghĩa là trong các ngành công nghiệp nào đó, trong những nước nào đó, trong những thời kỳ nào đó, thì không thể có sự phát triển nhanh chóng lạ thường của chủ nghĩa tư bản). Hai là, sự thối nát của chủ nghĩa tư bản còn biểu hiện trong sự hình thành của một tầng lớp đông đảo những *kẻ thực lợi* là những tên tư bản chuyên sống bằng nghề «cắt phiếu». Trong bốn nước đế quốc chủ nghĩa tiên tiến: Anh, Mỹ, Pháp và Đức, số tư bản chứng khoán là từ 100 đến 150 *tỷ* phơ-răng trong mỗi một nước, như vậy là mỗi nước hàng năm thu nhập ít nhất từ 5 đến 8 tỷ. Ba là, xuất khẩu tư bản có nghĩa là tính chất ăn bám bình phương. Bốn là, «tư bản tài chính là nhằm đi tới thống trị chứ không đi đến tự do». Phản động *toàn diện* về chính trị, đó là đặc tính của chủ nghĩa đế quốc. Ăn hối lộ, mua chuộc trên quy mô lớn, Pa-na-ma đủ mọi loại [247]. Năm là, việc bóc lột các dân tộc bị trị, — sự bóc lột đó mật thiết gắn liền với những cuộc thôn tính, — nhất là việc một nhúm cường quốc «lớn» bóc lột các thuộc địa, ngày càng biến thế giới «văn minh» thành một ký sinh trùng sống bám vào các dân tộc không văn minh, đông hàng trăm triệu người. Trước kia, người vô sản La-mã sống bám vào xã hội. Xã hội ngày nay lại sống bám vào người vô sản hiện đại. Mác đã đặc biệt nhấn mạnh lời nhận xét sâu sắc đó của Xi-xmôn-đi [248] Chủ nghĩa đế quốc đã làm biến đổi tình hình đó đi đôi chút. Tầng lớp vô sản có đặc quyền ở các cường quốc đế quốc chủ

nghĩa đã phần nào sống bám vào hàng trăm triệu người thuộc các dân tộc không văn minh.

Bây giờ, chúng ta hiểu được vì sao chủ nghĩa đế quốc lại là một thứ chủ nghĩa tư bản *đang hấp hối, đang quá độ* lên chủ nghĩa xã hội: sự độc quyền sinh ra *từ* chủ nghĩa tư bản, *đã* là sự hấp hối của chủ nghĩa tư bản, là bước đầu nó quá độ lên chủ nghĩa xã hội. *Việc xã hội hóa* lao động một cách rộng lớn phi thường, do chủ nghĩa đế quốc tạo nên (điều mà các nhà biện hộ, tức là các nhà kinh tế học tư sản, gọi là «sự thâm nhập lẫn nhau»), cũng có nghĩa như vậy.

Định nghĩa chủ nghĩa đế quốc như vậy, chúng ta hoàn toàn đối lập với C. Cau-xky, kẻ từ chối không coi chủ nghĩa đế quốc là một «giai đoạn của chủ nghĩa tư bản» và định nghĩa chủ nghĩa đế quốc là một *chính sách* «ưa thích» của tư bản tài chính, một xu hướng của các nước «công nghiệp» nhằm thôn tính các nước «nông nghiệp»*. Định nghĩa đó của Cau-xky là hoàn toàn gian dối về mặt lý luận. Tính đặc thù của chủ nghĩa đế quốc, chính là sự thống trị của tư bản tài chính *chứ không phải* của tư bản công nghiệp, là xu hướng nhằm thôn tính *tất cả mọi* nước *chứ không phải* chỉ riêng các nước nông nghiệp. Cau-xky *tách rời* chính trị của chủ nghĩa đế quốc với kinh tế của nó, ông ta tách rời chế độ độc quyền chính trị với chế độ độc quyền kinh tế, cốt để mở đường cho chủ nghĩa cải lương tư sản tầm thường của ông ta, như: «giải trừ quân bị», «chủ nghĩa siêu đế quốc» và những thuyết ngu xuẩn khác cùng loại. Dụng ý và mục đích của cái lý luận gian dối đó chỉ là để che lấp những mâu thuẫn *sâu sắc nhất* của chủ nghĩa đế quốc và để do đó bào chữa cho cái lý luận về «sự thống nhất» với bọn biện hộ cho chủ nghĩa đế quốc, tức bọn xã hội - sô-vanh và cơ hội chủ nghĩa lộ liễu.

Về việc Cau-xky đoạn tuyệt với chủ nghĩa Mác như thế, chúng ta đã nói đến nhiều ở cả trên tạp chí «Người dân chủ - xã hội», lẫn trên tạp chí «Người cộng sản»[249]. Bọn Cau-xky ở Nga, bọn thuộc khối Ban tổ chức[250] đứng đầu là Ác-xen-rốt và Spếch-ta-to, kể cả Mác-tốp và cả Tơ-rốt-xki nữa, đều thấy tốt hơn hết là lờ đi không nói đến chủ nghĩa Cau-xky, với tư cách là một trào lưu. Không dám bênh vực

---

* «Chủ nghĩa đế quốc là một sản phẩm của chủ nghĩa tư bản công nghiệp phát triển cao độ. Nó là xu hướng của hết thảy mọi nước tư bản công nghiệp muốn chinh phục và sáp nhập ngày càng nhiều miền *nông nghiệp*, bất chấp các dân tộc sống ở những miền đó» (Cau-xky trong «Neue Zeit» («Thời mới». *BT.*), 11/IX. 1914).

những điều mà Cau-xky đã viết trong thời chiến, bọn họ đành chỉ đơn thuần tán dương Cau-xky (như Ác-xen-rốt trong cuốn sách viết bằng tiếng Đức mà Ban tổ chức *đã hứa* sẽ xuất bản bằng tiếng Nga), hoặc viện ra những bức thư riêng của Cau-xky (như Spếch-ta-to), trong đó Cau-xky quả quyết là hắn đứng trong phái đối lập và quỷ quyệt tìm cách làm cho người ta coi những lời nói sô-vanh của mình là hoàn toàn không có.

Chúng ta cần vạch ra rằng trong cái «quan niệm» của mình về chủ nghĩa đế quốc, — quan niệm này thật ra là sự tô son điểm phấn cho chủ nghĩa đế quốc, — Cau-xky không những chỉ thụt lùi một bước so với quyển «Tư bản tài chính» của Hin-phéc-đinh (dù rằng ngày nay, bản thân Hin-phéc-đinh có nhiệt liệt ủng hộ Cau-xky và ủng hộ «sự thống nhất» với bọn xã hội - sô-vanh như thế nào chăng nữa thì cũng vậy!) mà còn thụt lùi so với cả *nhà xã hội - tự do chủ nghĩa* G. A. Hốp-xơn nữa. Nhà kinh tế học Anh này, không mảy may có tham vọng làm một nhà mác-xít, đã định nghĩa chủ nghĩa đế quốc sâu sắc hơn nhiều và trong tác phẩm của mình viết hồi 1902 * đã vạch trần những mâu thuẫn của nó. Dưới đây là những điều mà tác giả đó đã nói (ta cũng có thể thấy rằng ông này cũng có gần hết tất cả những điều tầm thường có tính chất hòa bình chủ nghĩa và «điều hòa chủ nghĩa» của Cau-xky) đến vấn đề đặc biệt quan trọng về tính chất ăn bám của chủ nghĩa đế quốc:

Thế lực của những đế quốc cũ bị yếu đi, theo Hốp-xơn, do hai loại tình hình này: 1) «tính chất ăn bám về mặt kinh tế» và 2) việc tuyển mộ quân đội trong các dân tộc bị lệ thuộc. «Tình hình thứ nhất là cái thói quen về tính chất ăn bám về mặt kinh tế, do thói quen đó, nhà nước thống trị lợi dụng các địa phương, các thuộc địa và những nước bị lệ thuộc của mình đặng làm giàu cho giai cấp đang cầm quyền và mua chuộc các giai cấp bên dưới trong nước mình, để làm cho các giai cấp này yên phận thủ thường». Còn về tình hình thứ hai, Hốp-xơn viết:

«Một trong những triệu chứng kỳ lạ nhất của bệnh mù quáng của chủ nghĩa đế quốc» (cái điệp khúc về «bệnh mù quáng» đó của bọn đế quốc, thốt ra từ cửa miệng của nhà xã hội - tự do chủ nghĩa Hốp-xơn còn đúng chỗ hơn là từ cửa miệng «nhà mác-xít» Cau-xky), «là thái độ của Anh, Pháp và

---

* J. A. Hobson. «Imperialism», London, 1902 (G. A. Hốp-xơn. «Chủ nghĩa đế quốc», Luân-đôn, 1902. *BT*.).

các nước đế quốc chủ nghĩa khác cứ thản nhiên đi theo con đường đó. Nước Anh lại đi xa hơn tất cả các đế quốc khác. Phần lớn những trận đánh nhờ đó chúng ta chiếm được đế quốc Ấn-độ của chúng ta đều do những đội quân của chúng ta gồm người bản xứ tiến hành; ở Ấn-độ, cũng như mới đây cả ở Ai-cập nữa, những binh đoàn thường trực lớn đều đặt dưới quyền chỉ huy của người Anh; hầu hết các cuộc chiến tranh của chúng ta để chinh phục châu Phi, trừ Nam Phi, đều là do những người bản xứ tiến hành cả».

Triển vọng trong việc phân chia Trung-quốc đã khiến cho Hốp-xơn có sự nhận xét về mặt kinh tế như sau: «Một phần lớn Tây Âu có lẽ lúc đó sẽ có bộ mặt và tính chất giống như bộ mặt và tính chất hiện nay của một vài bộ phận của các nước này: miền Nam nước Anh, Ri-vi-e-ra, những miền thuộc Ý và Thụy-sĩ mà các nhà du lịch hay lui tới nhất và có nhiều người giàu ở, tức là những nhúm nhỏ các nhà quý tộc giàu có nhận được từ phương Đông xa xôi gửi về những món lãi chia cổ phần và những trợ cấp, với một nhóm viên chức chuyên nghiệp và nhà buôn đông hơn một chút, và một số đông hơn nữa gồm những gia nhân và những công nhân làm trong ngành vận tải và trong công nghiệp hoàn thành những sản phẩm sơ chế. Còn các ngành công nghiệp chủ yếu thì sẽ biến mất, và một số lớn thực phẩm và bán thành phẩm, từ châu Á, châu Phi sẽ tuôn về với tính cách là một cống vật». «Đây là những khả năng mà một liên minh rộng rãi hơn giữa các nước phương Tây, một liên bang châu Âu của các cường quốc lớn, đang đem lại cho chúng ta: liên bang này chẳng những không hề thúc đẩy văn minh thế giới tiến lên mà có lẽ sẽ đem lại một nguy cơ rất lớn là tính ăn bám của phương Tây, khiến cho một nhóm nước công nghiệp tiên tiến tách riêng ra, và trong các nước đó các giai cấp bên trên thu được một món cống vật kếch sù của châu Á và châu Phi, và nhờ có cống vật đó, nuôi sống được những đám rất đông nhân viên và gia nhân, không phải để sản xuất thật nhiều nông sản và sản phẩm công nghiệp mà chỉ để phục dịch cho cá nhân người chủ, hoặc làm những công việc công nghiệp thứ yếu, dưới sự kiểm soát của bọn quý tộc tài chính mới. Những ai sẵn sàng không nhìn nhận lý luận ấy» (có lẽ phải nói là triển vọng ấy thì đúng hơn), «coi lý luận đó là không đáng được xem xét đến, thì hãy cứ ngẫm nghĩ về những điều kiện kinh tế và xã hội của các khu vực ở miền Nam nước Anh hiện nay, là những khu vực đã sa vào tình trạng đó rồi. Họ hãy cứ nghĩ xem, nếu Trung-quốc chịu sự kiểm soát kinh tế của những nhóm tài chính như thế, của những «kẻ đầu tư» (bọn thực lợi), của các viên chức chính trị và nhân viên ngành công thương nghiệp của chúng là những kẻ thu hút lợi nhuận của cái kho tiềm tàng lớn nhất, chưa từng thấy trên thế giới để đem tiêu dùng ở châu Âu, thì cái chế độ đó có thể bành trướng đến mức độ rộng lớn như thế nào rồi. Quả thật tình hình quá ư phức tạp, sự biến hóa của các thế lực trên thế giới khó mà lường trước được để có được một dự kiến — dự kiến này hay mọi dự kiến khác — về tương lai theo một chiều hướng duy nhất có thể coi là dự kiến chắc chắn nhất. Song những ảnh hưởng hiện đang chi phối chủ nghĩa đế quốc ở Tây Âu lại đi theo chiều hướng đó, và nếu không gặp sự phản kháng, không bị lái đi một phía khác thì những ảnh hưởng đó sẽ lái quá trình ấy hoàn thành theo chiều hướng đó».

Nhà xã hội - tự do chủ nghĩa Hốp-xơn không thấy rằng «sự phản kháng» đó *chỉ* có thể do giai cấp vô sản cách mạng tiến hành và tiến hành *chỉ* dưới hình thức một cuộc cách mạng xã hội thôi. Chính vì thế mà ông ta là nhà xã hội - tự do chủ nghĩa! Nhưng ngay từ 1902, ông ta đã bàn rất xuất sắc đến vấn đề cả về ý nghĩa của «Liên bang châu Âu» (xin báo cho Tơ-rốt-xki, người theo phái Cau-xky, biết!), cũng như về tất cả những điều mà *bọn Cau-xky đạo đức giả* ở các nước đang che lấp đi, tức là việc *bọn cơ hội chủ nghĩa* (bọn xã hội - sô-vanh) cùng chung một mục đích với giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa *chính là* nhằm tạo ra một châu Âu đế quốc chủ nghĩa sống trên lưng châu Á và châu Phi; tức là việc *bọn cơ hội chủ nghĩa*, đứng về mặt khách quan, là một bộ phận của giai cấp tiểu tư sản và của một vài tầng lớp thuộc giai cấp công nhân, bị *mua chuộc* bằng món siêu lợi nhuận đế quốc chủ nghĩa, và bị biến thành những *con chó giữ nhà* cho chủ nghĩa tư bản, biến thành những *kẻ làm hư hỏng* phong trào công nhân.

Không những trên các bài báo, mà cả trong những nghị quyết của đảng ta nữa, chúng ta cũng đã nhiều lần vạch ra mối liên hệ kinh tế sâu sắc nhất ấy giữa giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa với chủ nghĩa cơ hội ngày nay đã chiến thắng (có lâu dài chăng?) phong trào công nhân. Từ đó, chúng ta rút ra kết luận rằng sự phân liệt với chủ nghĩa xã hội - sô-vanh là không thể tránh khỏi. Bọn Cau-xky ở nước ta muốn lẩn tránh vấn đề đó! Chẳng hạn Mác-tốp, trong những bài thuyết trình của hắn, đã từng đưa ra một thứ ngụy biện mà hắn đã phát biểu trên tờ «Tin tức của Ban bí thư ở nước ngoài thuộc Ban tổ chức» (số 4, ngày 10 tháng Tư 1916) bằng những lời như sau:

— — «...Sự nghiệp của đảng dân chủ - xã hội cách mạng sẽ rất xấu, thậm chí tuyệt vọng nữa, nếu các nhóm công nhân thành thạo hơn cả, và, do sự phát triển trí tuệ của họ, mà trở nên gần gũi «giới trí thức» hơn cả, lại lìa bỏ một cách không thể tránh được đảng dân chủ - xã hội cách mạng để chạy theo chủ nghĩa cơ hội...»

Bằng cái từ vô lý «một cách không thể tránh được» và bằng cái «ngón lộn sòng» nào đó, người ta *lẩn tránh cái sự thật* là *một số* công nhân *đã chạy theo* chủ nghĩa cơ hội và giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa! Mà *lẩn tránh* sự thật ấy, đó chính là điều mà bọn ngụy biện của Ban tổ chức mong muốn! Bọn này đã núp sau cái «chủ nghĩa lạc quan quan phương» mà hiện nay, Hin-phéc-đinh, người thuộc phái Cau-xky, và nhiều kẻ khác nữa vẫn khoe khoang: chúng cho rằng những điều

kiện khách quan đều bảo đảm sự thống nhất của giai cấp vô sản và thắng lợi của phái cách mạng! cho rằng chúng là những «người lạc quan» về giai cấp vô sản!

Nhưng, kỳ thật bọn họ, — tất cả những kẻ theo phái Cau-xky đó, như Hin-phéc-đinh, các phần tử thuộc khối Ban tổ chức, như Mác-tốp và bè lũ, — đều là những *kẻ lạc quan...* về *chủ nghĩa cơ hội*. Thực chất là ở đó!

Giai cấp vô sản là một sản phẩm của chủ nghĩa tư bản, của chủ nghĩa tư bản thế giới, chứ không chỉ của chủ nghĩa tư bản châu Âu và cũng không chỉ của chủ nghĩa tư bản đế quốc chủ nghĩa. Trên phạm vi thế giới, sớm lên 50 năm hay muộn đi 50 năm — đứng về mặt phạm vi *đó*, thì đây là một vấn đề chi tiết — hiển nhiên là «giai cấp vô sản» «sẽ» thống nhất, và phái dân chủ - xã hội cách mạng «tất nhiên» sẽ thu được thắng lợi trong giai cấp đó. Thưa các ngài trong phái Cau-xky, vấn đề đâu phải ở chỗ đó, hiện nay vấn đề là trong các nước đế quốc chủ nghĩa ở châu Âu, *các ngài* đang *bò rạp* trước mặt bọn cơ hội chủ nghĩa, là những kẻ *xa lạ* với giai cấp vô sản, là những kẻ tôi tớ, tay sai, kẻ truyền ảnh hưởng của giai cấp tư sản, là những kẻ mà nếu *không thoát khỏi* bọn chúng thì phong trào công nhân sẽ vẫn là một *phong trào công nhân có tính chất tư sản*. Khách quan mà nói, thì việc các ngài tuyên truyền cho «sự thống nhất» với bọn cơ hội chủ nghĩa, với bọn Lê-ghin và bọn Đa-vít, bọn Plê-kha-nốp hoặc bọn Tsơ-khên-kê-li và bọn Pô-tơ-rê-xốp, v. v., có nghĩa là giúp cho việc giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa dùng bọn tay sai giỏi nhất của nó trong nội bộ phong trào công nhân để *nô dịch* công nhân. Thắng lợi của phái dân chủ - xã hội cách mạng trên phạm vi thế giới là hoàn toàn không thể tránh được, nhưng nó đang tiếp tục và sẽ tiếp tục, nó đang được thực hiện và sẽ được thực hiện chỉ *chống lại* các ngài thôi, thắng lợi đó sẽ là một thắng lợi *đối với* các ngài.

Hai xu hướng, thậm chí là *hai* đảng trong phong trào công nhân hiện đại, — hai xu hướng này đã phân liệt nhau rõ rệt trên toàn thế giới trong các năm 1914 - 1916, — *đã được Ăng-ghen và Mác khảo sát ở Anh*, trong hàng mấy *chục năm*, vào khoảng từ 1858 đến 1892.

Cả Mác lẫn Ăng-ghen đều không sống đến thời đại đế quốc chủ nghĩa của chủ nghĩa tư bản thế giới, là thời đại chỉ bắt đầu vào khoảng 1898 - 1900. Nhưng từ giữa thế kỷ XIX, nước Anh đã có điểm đặc biệt là ít ra nó có *hai* đặc trưng cơ bản rõ rệt của chủ nghĩa đế quốc: (1) những thuộc địa rộng lớn và (2) những lợi nhuận độc quyền (do

địa vị độc quyền của nó trên thị trường thế giới). Về hai mặt đó, nước Anh lúc này là một ngoại lệ trong các nước tư bản chủ nghĩa. Cả Ăng-ghen lẫn Mác, phân tích ngoại lệ ấy, đều vạch ra một cách hoàn toàn rõ ràng và chính xác *mối liên quan* của ngoại lệ đó với thắng lợi (tạm thời) của chủ nghĩa cơ hội trong phong trào công nhân Anh.

Trong bức thư gửi Mác ngày 7 tháng Mười 1858, Ăng-ghen viết: «Kỳ thật, giai cấp vô sản Anh ngày càng tư sản hóa và trong số tất cả các dân tộc thì cái dân tộc tư sản nhất đó hình như muốn rốt cục đi đến chỗ có một tầng lớp quý tộc tư sản hóa và một giai cấp vô sản tư sản hóa *bên cạnh* giai cấp tư sản. Đứng về phía một dân tộc đi bóc lột toàn thế giới, thì hiển nhiên như vậy là lô-gích trên một mức độ nào đó». Trong bức thư gửi Doóc-ghê ngày 21 tháng Chín 1872, Ăng-ghen cho biết rằng Hen-dơ (Hales) đã gây chuyện hết sức rắc rối trong Hội đồng của Hội liên hiệp Quốc tế và đã đưa thông qua quyết nghị khiển trách Mác vì đã nói là «các thủ lĩnh công nhân Anh đã bán mình». Ngày 4 tháng Tám 1874, Mác viết cho Doóc-ghê rằng: «Đối với công nhân các thành phố ở đây (ở nước Anh) thì điều đáng tiếc là cả cái bè lũ thủ lĩnh đó lại không tham gia quốc hội. Đó có lẽ là biện pháp chắc chắn nhất để thoát khỏi cái bẩy chó má đó». Trong bức thư gửi Mác ngày 11 tháng Tám 1881, Ăng-ghen có nói đến những «hội công liên bỉ ổi ở Anh, những hội đã cam chịu sự lãnh đạo của những con người mà giai cấp tư sản đã mua được hay ít nhất là đã cho tiền». Trong bức thư gửi Cau-xky, ngày 12 tháng Chín 1882, Ăng-ghen đã viết: «Anh có hỏi tôi rằng công nhân Anh đang nghĩ gì về chính sách thuộc địa? Họ nghĩ đúng như điều họ đã nghĩ về chính sách nói chung. Ở đây, không có chính đảng công nhân nào cả, chỉ có bọn cấp tiến thuộc phái bảo thủ và thuộc phái tự do mà thôi, còn công nhân thì họ cứ nghiễm nhiên cùng với chúng mà hưởng độc quyền thuộc địa của nước Anh và độc quyền của nước Anh trên thị trường thế giới».

Ngày 7 tháng Chạp 1889, Ăng-ghen viết cho Doóc-ghê: «...Cái đáng ghê tởm nhất ở đây (ở nước Anh), chính là cái «lối sĩ diện» (respectability) tư sản đã thấm sâu vào tận xương tủy công nhân... thậm chí Tôm Man, người mà tôi coi là công nhân khá nhất, cũng rất sẵn sàng nói lộ ra rằng mình sẽ đi ăn sáng với ông thị trưởng. Khi so sánh với người Pháp, ta sẽ hiểu thế nào là cách mạng». Trong bức thư ngày 19 tháng Tư 1890: «phong trào (của giai cấp công nhân Anh) đang đà phát triển *ở bên dưới*, nó thu hút được những tầng lớp ngày càng

rộng rãi, và nhất là trong quần chúng *lớp dưới* (do Ăng-ghen viết ngả), cho đến nay vẫn nằm im. Chẳng bao lâu nữa sẽ đến cái ngày mà quần chúng đó *sẽ tự thấy rõ được bản thân mình,* mà họ sẽ hiểu rõ được rằng họ chính là lực lượng vĩ đại đang chuyển động». Ngày 4 tháng Ba 1891, Ăng-ghen lại viết: «sự thất bại của cái hội liên hiệp công nhân khuân vác đã tan rã; trên chiến trường, chỉ còn lại độc có những hội công liên «cũ» bảo thủ, *giàu có* và chính do đó mà nhút nhát...» Ngày 14 tháng Chín 1891, Ăng-ghen viết: trong đại hội các hội công liên ở Niu-ca-xơn, các phần tử công liên cũ, những kẻ phản đối ngày làm 8 giờ, đã bị đánh bại, «và các báo chí tư sản đều thú nhận sự thất bại của *đảng công nhân tư sản*» (tất cả những chỗ viết ngả là của Ăng-ghen)...

Những tư tưởng đó của Ăng-ghen, nhắc đi nhắc lại trong hàng chục năm, cũng đã được Ăng-ghen phát biểu công khai trên báo chí, điều này có thể thấy được trong bài tựa lần xuất bản thứ hai năm 1892 của quyển «Tình cảnh giai cấp công nhân ở Anh». Trong bài tựa đó, ông bàn đến «tầng lớp quý tộc trong giai cấp công nhân», đến «thiểu số công nhân có đặc quyền» đối lập với «quảng đại quần chúng công nhân». Chỉ riêng có «thiểu số có đặc quyền và được che chở» trong giai cấp công nhân là được hưởng «lợi lâu dài» về địa vị đặc quyền của nước Anh trong những năm 1848 - 1868; còn «quảng đại quần chúng thì nhiều lắm cũng chỉ được hưởng những sự cải thiện trong một thời gian ngắn mà thôi»... «Độc quyền công nghiệp của nước Anh mà sụp đổ thì giai cấp công nhân Anh sẽ mất địa vị đặc quyền của mình»... Các hội viên của những hội công liên «mới», tức là các nghiệp đoàn công nhân không chuyên môn «có một ưu thế không gì sánh kịp: tâm lý của họ đang còn là một miếng đất chưa trồng trọt, hoàn toàn chưa nhiễm phải những thiên kiến «sĩ diện» tư sản, những thiên kiến làm lạc hướng đầu óc những «phần tử công liên già» có địa vị khá hơn»... «Những kẻ gọi là đại biểu công nhân» ở Anh là những kẻ «được châm chước thành phần xuất thân của họ từ trong giai cấp công nhân, vì bản thân họ sẵn sàng dìm cái phẩm chất công nhân đó trong cái biển cả chủ nghĩa tự do của họ...»

Chúng tôi có dụng ý nhắc lại những đoạn trích dẫn khá tỉ mỉ về những lời tuyên bố công khai của Mác và Ăng-ghen, cốt để cho bạn đọc có thể nghiên cứu được *toàn bộ* những lời đó. Những lời đó cần được nghiên cứu và nên suy nghĩ kỹ càng. Vì đây là *mấu chốt* trong sách lược mà điều kiện khách quan của thời đại đế quốc chủ nghĩa buộc phong trào công nhân phải có.

Ở đây nữa, Cau-xky cũng tìm cách «khuấy đục nước lên» và đem cái chủ trương điều hòa đường mật với bọn cơ hội chủ nghĩa thay thế chủ nghĩa Mác. Trong một cuộc luận chiến với bọn xã hội - đế quốc chủ nghĩa công khai và ngây thơ (như hạng Lên-sơ), là bọn biện hộ cho cuộc chiến tranh do Đức tiến hành là sự tiêu diệt độc quyền của nước Anh, Cau-xky *«sửa chữa»* điều giả dối hiển nhiên ấy bằng một điều giả dối khác cũng không kém hiển nhiên như thế. Cau-xky đem cái giả dối đường mật thay cho cái giả dối vô liêm sỉ! Ông ta nói, độc quyền *công nghiệp* của nước Anh đã bị đập tan từ lâu rồi, đã bị tiêu diệt từ lâu rồi nên không cần và cũng không thể tiêu diệt nó được.

Lý lẽ đó giả dối ở chỗ nào?

Một là ở chỗ nó không nói đến việc nước Anh có độc quyền *thuộc địa*. Nhưng như chúng ta đã thấy, Ăng-ghen đã vạch ra điều đó một cách hoàn toàn rõ rệt ngay từ 1882, nghĩa là trước đây 34 năm! Tuy độc quyền của nước Anh về mặt công nghiệp đã bị thủ tiêu, nhưng độc quyền thuộc địa thì chẳng những vẫn tồn tại, mà lại còn trở nên hết sức phức tạp, vì toàn thế giới đã được chia xong rồi! Thông qua cái luận điệu dối trá đường mật của mình, Cau-xky đã lén lút đưa ra cái tư tưởng tư sản hòa bình chủ nghĩa và tiểu tư sản cơ hội chủ nghĩa cho rằng tựa như «không có lý do gì để tiến hành chiến tranh cả». Trái lại, hiện nay *bọn tư bản* không những có lý do để tiến hành chiến tranh, mà chúng *không thể không* tiến hành chiến tranh, nếu chúng muốn bảo vệ chủ nghĩa tư bản; vì nếu không dùng bạo lực để chia lại thuộc địa thì các nước đế quốc *mới* không thể có được những đặc quyền mà các cường quốc đế quốc già hơn *(và yếu hơn)* đang hưởng.

Thứ hai, vì sao độc quyền của nước Anh đã tạo thành thắng lợi (tạm thời) của chủ nghĩa cơ hội ở nước đó? Vì độc quyền đem lại *siêu lợi nhuận*, nghĩa là một lợi nhuận thặng dư so với lợi nhuận tư bản chủ nghĩa bình thường và thông thường trên toàn thế giới. Trong số siêu lợi nhuận đó, bọn tư bản *có thể* vứt đi một phần nhỏ (và thậm chí một phần khá lớn nữa!) để mua chuộc công nhân *của chúng*, để tạo ra một thứ liên minh (các bạn hãy nhớ đến những «liên minh» nổi tiếng của các hội công liên Anh với bọn chủ của họ, mà ông bà Ve-bơ đã mô tả), một thứ liên minh của công nhân ở một nước nhất định với bọn tư bản nước họ *chống lại* các nước khác. Độc quyền của nước Anh về mặt công nghiệp đã bị thủ tiêu từ cuối thế kỷ XIX. Điều đó không thể chối cãi được. Nhưng bị thủ tiêu *như thế nào*? Có phải là thủ tiêu để không còn *bất cứ* độc quyền *nào* chăng?

Nếu quả như thế, thì «lý luận» về sự điều hòa (với chủ nghĩa cơ hội) của Cau-xky có lẽ là có căn cứ. Nhưng chính ra thì *không phải* như vậy. Chủ nghĩa đế quốc *là* chủ nghĩa tư bản độc quyền. Mỗi các-ten, tơ-rớt, xanh-đi-ca, mỗi ngân hàng khổng lồ *đều là* một tổ chức độc quyền. Siêu lợi nhuận không biến đi mà vẫn tồn tại. Tình trạng độc một nước có đặc quyền, giàu tiền, đi bóc lột *tất cả* các nước khác, — tình trạng đó vẫn còn và đang được tăng cường. Một nhúm nước giàu có, — nếu muốn nói đến sự giàu có «hiện đại», độc lập và thật sự khổng lồ, thì cả thảy chỉ có bốn nước: Anh, Pháp, Mỹ và Đức, — đã phát triển các tổ chức độc quyền trên những quy mô rộng lớn, đang thu được một món *siêu* lợi nhuận hàng trăm triệu nếu không phải là hàng tỷ, «đang cưỡi trên lưng» hàng trăm và hàng trăm triệu dân cư các nước khác, đang đấu tranh với nhau để phân chia của ăn cướp đặc biệt dồi dào, đặc biệt béo bở, đặc biệt ổn định.

Đây chính là thực chất kinh tế và chính trị của chủ nghĩa đế quốc mà Cau-xky làm lu mờ những mâu thuẫn rất sâu sắc, chứ không bóc trần nó ra.

Giai cấp tư sản của một cường quốc đế quốc «lớn», *về mặt kinh tế, có thể* mua chuộc được những tầng lớp trên của công nhân «của mình», bằng cách hàng năm nhằm mục đích đó mà ném ra một vài trăm triệu phơ-răng, vì số *siêu* lợi nhuận của nó có thể lên tới gần một tỷ. Còn vấn đề xem món tiền bố thí cỏn con đó đem phân chia như thế nào cho bọn công nhân - bộ trưởng, «công nhân - nghị sĩ» (các bạn hãy nhớ lại sự phân tích tuyệt diệu của Ăng-ghen về khái niệm đó), công nhân làm ủy viên các ban công nghiệp chiến tranh [251], công nhân làm viên chức, công nhân được tổ chức một cách chặt chẽ vào các hội có tính chất hết sức phường hội, nhân viên, v. v., v. v., thì đó là vấn đề thứ yếu.

Trong khoảng 1848 - 1868 và sau đó có thời gian nước Anh là nước duy nhất có địa vị độc quyền; *vì thế cho nên* ở đó chủ nghĩa cơ hội có thể thắng lợi trong hàng chục năm liền; *lúc đó không hề có* một nước nào khác lại có những thuộc địa giàu có hay có được độc quyền công nghiệp cả.

Ba mươi năm cuối thế kỷ XIX đã đánh dấu bước chuyển sang một thời đại mới, thời đại đế quốc chủ nghĩa. Tư bản tài chính chiếm địa vị độc quyền *không phải* chỉ trong một cường quốc lớn, mà trong một số cường quốc lớn, không nhiều lắm. (Ở Nhật và ở Nga, độc quyền về lực lượng quân sự, về sự rộng lớn của lãnh thổ hay về sự thuận lợi

đặc biệt trong việc cướp bóc những dân tộc khác, như cướp bóc Trung-quốc, v. v., đều bổ sung từng phần và thay thế từng phần cho độc quyền của tư bản tài chính hiện đại, tối tân). Do tình trạng không đồng đều đó, nên độc quyền của nước Anh *đã có thể* tồn tại *không ai tranh giành được* suốt trong hàng chục năm. Độc quyền của tư bản tài chính hiện đại đang bị tranh giành kịch liệt; thời đại chiến tranh đế quốc chủ nghĩa đã bắt đầu. Trước kia, người ta có thể mua chuộc, làm hủ bại trong hàng chục năm, giai cấp công nhân *của cả* một nước. Ngày nay, điều đó khó mà tin được, thậm chí không thể làm được; nhưng *mỗi* cường quốc đế quốc «lớn» đều có thể mua chuộc và đang mua chuộc những tầng lớp *ít hơn* (so với nước Anh trong những năm từ 1848 đến 1868) gồm những «công nhân quý tộc». Trước kia, *«đảng công nhân tư sản»* — nói theo danh từ đặc biệt sâu sắc của Ăng-ghen — chỉ có thể hình thành trong độc một nước thôi, vì lúc đó chỉ có một mình nước đó là nắm được độc quyền, nhưng lại giữ được lâu dài. Ngày nay thì *«đảng công nhân tư sản»* lại là hiện tượng *không thể tránh khỏi* và là hiện tượng điển hình đối với *hết thảy* các nước đế quốc chủ nghĩa, nhưng vì các nước đó đang đấu tranh khốc liệt để phân chia của ăn cướp, nên không chắc chắn rằng một đảng như vậy có thể thắng lợi lâu dài trong nhiều nước được. Vì các tơ-rớt, bọn đầu sỏ tài chính, đời sống đắt đỏ, v. v., *tuy có thể* mua chuộc được những nhóm nhỏ gồm công nhân quý tộc, nhưng mỗi ngày lại càng chà đạp, áp bức, bóp nghẹt và hành hạ *quần chúng* giai cấp vô sản và nửa vô sản.

Một mặt là xu hướng của giai cấp tư sản và của bọn cơ hội chủ nghĩa muốn biến một số ít dân tộc rất giàu, có đặc quyền, thành những ký sinh trùng sống «vĩnh viễn» trên lưng phần còn lại của loài người, muốn «tọa hưởng» việc bóc lột người da đen, người Ấn, v. v., bằng cách dùng chế độ quân phiệt hiện đại được trang bị những phương tiện giết người rất lợi hại để giữ họ ở tình trạng quy phục. Mặt khác là xu hướng của *quần chúng* bị áp bức hơn trước kia, chịu đủ mọi sự khủng khiếp của những cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, muốn rũ bỏ cái ách đó, muốn lật đổ giai cấp tư sản. Từ nay lịch sử của phong trào công nhân tất nhiên sẽ diễn ra trong cuộc đấu tranh giữa hai xu hướng đó. Vì xu hướng thứ nhất không phải là ngẫu nhiên: nó «có cơ sở» về mặt kinh tế. Giai cấp tư sản đã đẻ ra, nuôi dưỡng và huấn luyện để phục vụ cho mình, trên *tất cả* các nước, những «đảng công nhân tư sản» của những phần tử xã hội - sô-vanh. Giữa một đảng đã hình thành hẳn rồi, chẳng hạn như đảng của Bít-xô-la-ti ở Ý, một đảng

hoàn toàn xã hội - đế quốc chủ nghĩa, với chẳng hạn cái gọi là đảng mới thành hình có một nửa của Pô-tơ-rê-xốp, Gvô-dơ-đép, Bun-kin, Tsơ-khê-ít-dê, Scô-bê-lép và bè lũ, thì không có sự khác nhau căn bản nào cả. Điểm quan trọng là, về mặt kinh tế, sự gắn liền của lớp công nhân quý tộc với giai cấp tư sản đã đến độ chín muồi và đã hoàn thành; còn về mặt chính trị thì sự kiện kinh tế ấy, sự thay đổi ấy trong mối quan hệ giữa các giai cấp, cũng sẽ tìm thấy một hình thức nào đó cho mình mà không «khó khăn» gì lắm.

Trên cơ sở kinh tế như vậy, các cơ quan chính trị của chủ nghĩa tư bản hiện đại — báo chí, nghị viện, nghiệp đoàn, đại hội, v. v. — đã tạo ra cho những công nhân viên chức cải lương chủ nghĩa và ái quốc chủ nghĩa, cung kính và khôn ngoan những đặc quyền và món bố thí *về mặt chính trị* phù hợp với những đặc quyền và món bố thí về mặt kinh tế. Những chức vị béo bở và yên ổn trong nội các hoặc trong ủy ban công nghiệp chiến tranh, trong nghị viện và trong các tiểu ban, trong các tòa soạn của những tờ báo hợp pháp «có thế lực» hoặc trong các cơ quan lãnh đạo của các nghiệp đoàn công nhân cũng không kém có thế lực và «vâng theo giai cấp tư sản», — đó là những thứ mà giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa dùng để lôi kéo và khen thưởng những đại biểu của các «đảng công nhân tư sản», và những người ủng hộ các đảng ấy.

Bộ máy của chế độ dân chủ chính trị cũng tác động theo cùng một hướng đó. Trong thời đại hiện nay, không thể không cần đến bầu cử; không thể không cần đến quần chúng, và trong thời đại của nghề ấn loát và chế độ đại nghị thì *không thể* lôi kéo được quần chúng đi theo mình, nếu không có một hệ thống có nhiều chân rết và được tổ chức một cách có phương pháp, được trang bị vững chắc bằng những thủ đoạn nịnh hót, dối trá, lường gạt, lừa đảo với những danh từ thông dụng hợp thời, nếu không hứa hẹn lung tung đủ mọi thứ cải cách và đủ mọi thứ ân huệ cho công nhân, — miễn là họ từ bỏ cuộc đấu tranh cách mạng nhằm đánh đổ giai cấp tư sản. Tôi muốn gọi cái hệ thống đó là chủ nghĩa Lô-ít Gioóc-giơ, lấy tên một bộ trưởng Anh, Lô-ít Gioóc-giơ, một trong những đại biểu xuất sắc nhất và khôn khéo nhất của cái hệ thống đó trong cái nước điển hình của «đảng công nhân tư sản». Là một kẻ kinh doanh tư sản giỏi vào bậc nhất và là một chính khách xảo quyệt, một nhà diễn thuyết nổi tiếng, có tài đọc bất cứ một bài diễn văn nào, ngay cả diễn văn rất ư là cách mạng nữa, trước thính giả công nhân, và có thể kiếm cho các công nhân biết vâng lời những món

bò thí kha khá dưới hình thức những cải cách xã hội (bảo hiểm, v. v.), Lô-ít Gioóc-giơ phục vụ một cách tuyệt diệu cho giai cấp tư sản*; và hắn phục vụ giai cấp tư sản ở chính ngay *trong* công nhân, hắn truyền ảnh hưởng của giai cấp tư sản vào *chính* trong nội bộ giai cấp vô sản, là nơi mà việc chinh phục quần chúng về mặt tinh thần là cần thiết nhất và khó khăn nhất.

Giữa Lô-ít Gioóc-giơ và bọn Sai-đê-man, bọn Lê-ghin, bọn Hen-đéc-xơn cùng bọn Hen-đman, bọn Plê-kha-nốp, bọn Rơ-nô-đen cùng đồng loại, có gì khác nhau lớn không? Người ta sẽ cãi lại chúng ta rằng trong những bọn nói sau đó, sẽ có những kẻ quay lại với chủ nghĩa xã hội cách mạng của Mác. Có thể như vậy, nhưng đây là một sự khác nhau không đáng kể, nếu người ta đứng trên phương diện chính trị, tức là đứng trên phạm vi rộng mà xét vấn đề. Vài nhân vật nào đó trong số những thủ lĩnh xã hội - sô-vanh hiện nay có thể trở lại với giai cấp vô sản. Nhưng *phái* xã hội - sô-vanh hoặc cơ hội chủ nghĩa (thì cũng thế) không thể đi được và cũng không thể «trở lại» với giai cấp vô sản cách mạng được. Ở đâu mà chủ nghĩa Mác được công nhân hoan nghênh thì phái chính trị đó, «đảng công nhân tư sản» đó sẽ rất hăng hái viện đến tên của Mác. Không thể cấm được bọn chúng làm như thế, cũng như không thể cấm được một tiệm buôn sử dụng bất cứ một nhãn hiệu nào đó, bất cứ một chiêu bài hay quảng cáo nào đó. Trong lịch sử người ta luôn luôn thấy rằng sau khi những lãnh tụ cách mạng có uy tín trong những giai cấp bị áp bức mất đi thì những kẻ thù của họ đều mưu lợi dụng tên tuổi họ để lừa bịp các giai cấp bị áp bức.

Sự thật là các «đảng công nhân tư sản», với tính cách là một hiện tượng chính trị, đều đã hình thành trong *hết thảy* các nước tư bản tiên tiến; nếu không có cuộc đấu tranh quyết định và thẳng tay về mọi mặt để chống lại các đảng ấy — hoặc chống các nhóm ấy, các phái ấy, v. v., thì cũng thế — thì không thể nói đến đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, đến chủ nghĩa Mác, đến phong trào công nhân xã hội chủ nghĩa. Đảng đoàn Tsơ-khê-ít-dê[252], phái «Sự nghiệp của chúng ta», phái «Tiếng nói lao động»[253] ở nước Nga, và những phần tử thuộc

---

* Mới đây, trong một tạp chí Anh, tôi có đọc một bài của một đảng viên Đảng bảo thủ, kẻ đối địch về chính trị của Lô-ít Gioóc-giơ, nhan đề là: «Lô-ít Gioóc-giơ dưới con mắt của một đảng viên Đảng bảo thủ». Chiến tranh đã mở mắt cho người đối địch ấy và đã vạch cho anh ta thấy Lô-ít Gioóc-giơ là một kẻ tay sai cừ khôi như thế nào của giai cấp tư sản! Bọn bảo thủ đã hòa giải với hắn ta!

khỏi Ban tổ chức ở nước ngoài, chẳng qua chỉ là một loại biến tướng của một trong các đảng *như thế* mà thôi. Chúng ta không có một chút lý do nào để tin rằng những đảng ấy lại có thể biến đi *trước khi* nổ ra cuộc cách mạng xã hội. Trái lại, cuộc cách mạng đó càng tới gần bao nhiêu, càng bùng cháy mạnh bao nhiêu, những bước ngoặt và những bước nhảy trong quá trình của nó càng đột ngột và mạnh mẽ bao nhiêu, thì trong phong trào công nhân, sức đẩy của làn sóng cách mạng quần chúng chống lại làn sóng cơ hội chủ nghĩa tiểu tư sản sẽ càng có tác dụng mạnh bấy nhiêu. Chủ nghĩa Cau-xky không tiêu biểu cho một phái độc lập nào cả, nó không bắt nguồn từ trong quần chúng, cũng không bắt nguồn từ trong tầng lớp có đặc quyền đã chạy theo giai cấp tư sản. Nhưng chủ nghĩa Cau-xky nguy hiểm ở chỗ lợi dụng hệ tư tưởng của thời xưa, nó ra công điều hòa giai cấp vô sản với «đảng công nhân tư sản», bảo vệ sự thống nhất giữa giai cấp vô sản và đảng đó và do đó, nâng cao uy tín của đảng ấy. Quần chúng không theo bọn xã hội - sô-vanh công khai nữa: trong các cuộc hội họp của công nhân ở Anh, Lô-ít Gioóc-giơ đã bị người ta huýt sáo phản đối; Hen-đman đã bỏ đảng; bọn Rơ-nô-đen và bọn Sai-đê-man, bọn Pô-tơ-rê-xốp và bọn Gvô-dơ-đép đều được cảnh sát bảo vệ. Thật không có gì nguy hiểm bằng việc bọn Cau-xky kín đáo bảo vệ bọn xã hội - sô-vanh.

Một trong những lối ngụy biện phổ biến nhất của phái Cau-xky là viện đến «quần chúng». Họ nói: chúng tôi thật không muốn thoát ly quần chúng và các tổ chức quần chúng! Nhưng hãy suy nghĩ về cách đặt vấn đề của Ăng-ghen. Các «tổ chức quần chúng» của các hội công liên Anh hồi thế kỷ XIX đều đứng về phía đảng công nhân tư sản. Mác và Ăng-ghen đã không vì thế mà điều hòa với đảng đó, mà hai ông lại vạch mặt đảng đó. Hai ông không hề quên (1) rằng các tổ chức của các hội công liên đều trực tiếp bao gồm một *thiểu số của giai cấp vô sản*. Ở Anh lúc đó, cũng như ở Đức hiện giờ, đều không có quá 1/5 giai cấp vô sản tham gia các tổ chức. Người ta không thể thật sự nghĩ rằng trong chế độ tư bản chủ nghĩa, lại có thể đưa đa số người vô sản vào các tổ chức được. Hai là, và đây là điều chủ yếu, vấn đề không phải là ở số lượng người tham gia tổ chức, mà là ở ý nghĩa thật sự, khách quan của chính sách của tổ chức; chính sách đó có đại biểu cho quyền lợi của quần chúng không, có phục vụ quần chúng không, nghĩa là có nhằm giải phóng quần chúng khỏi chủ nghĩa tư bản không hay lại tiêu biểu cho lợi ích của thiểu số, tiêu biểu cho sự điều hòa của thiểu số ấy với chủ nghĩa tư bản? Chính kết luận cuối cùng này là kết luận đúng

cho nước Anh hồi thế kỷ XIX, và hiện nay thì đúng với nước Đức, v. v..

Ăng-ghen phân biệt «đảng công nhân tư sản» của những hội công liên *cũ*, tức là một thiểu số có đặc quyền, với «quần chúng *bên dưới*», tức là đa số thật sự; ông kêu gọi đa số đó, tức là cái đa số *không* nhiễm phải «lối sĩ diện tư sản». Thực chất của sách lược mác-xít là ở đó.

Chúng ta không thể — mà bất cứ ai cũng đều không thể — dự đoán được đúng bộ phận nào trong giai cấp vô sản hiện đang đi theo và sẽ đi theo bọn xã hội - sô-vanh và bọn cơ hội chủ nghĩa. Chỉ có đấu tranh mới chứng minh cho thấy điều đó, chỉ có cách mạng xã hội chủ nghĩa mới quyết định hẳn được điều đó. Nhưng cái mà chúng ta biết xác thực là bọn «bảo vệ tổ quốc» trong cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa chỉ *tiêu biểu cho* một thiểu số mà thôi. Và do đó, nghĩa vụ của chúng ta, nếu chúng ta còn muốn là những người xã hội chủ nghĩa, là phải *đi sâu đi sát hơn* vào quần chúng thật sự: đấy là tất cả ý nghĩa của cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội và toàn bộ nội dung cuộc đấu tranh đó. Vạch rõ bọn cơ hội chủ nghĩa và bọn xã hội - sô-vanh là những kẻ đã thực tế phản bội và buôn bán lợi ích của quần chúng, đã bênh vực những đặc quyền tạm thời của thiểu số công nhân, đã truyền bá những tư tưởng và ảnh hưởng tư sản và thực tế đều là đồng minh và tay sai của giai cấp tư sản, — như thế là chúng ta dạy cho quần chúng biết phân biệt những lợi ích chính trị chân chính của họ, biết đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội và cho cách mạng, kinh qua tất cả những giai đoạn lâu dài và thống khổ của các cuộc chiến tranh và đình chiến đế quốc chủ nghĩa.

Giải thích cho quần chúng thấy rằng sự phân liệt với chủ nghĩa cơ hội là không tránh được và tất yếu; lấy đấu tranh quyết liệt chống chủ nghĩa cơ hội mà giáo dục họ làm cách mạng; lợi dụng kinh nghiệm về chiến tranh mà vạch trần hết thảy những cái bỉ ổi của chính sách công nhân dân tộc của phái tự do, chứ không được che lấp những cái đó — đấy là đường lối mác-xít duy nhất trong phong trào công nhân thế giới.

Trong bài báo sau, chúng tôi sẽ thử quy kết những đặc trưng chủ yếu của đường lối đó, bằng cách đem đường lối đó đối lập với chủ nghĩa Cau-xky.

Viết vào tháng Mười 1916 — Toàn tập, t. 30

TRÍCH:
NHIỆM VỤ CỦA GIAI CẤP VÔ SẢN TRONG CUỘC CÁCH MẠNG CỦA CHÚNG TA

(Dự thảo cương lĩnh hành động của đảng của giai cấp vô sản)

TÊN ĐẢNG CỦA CHÚNG TA PHẢI NHƯ THẾ NÀO ĐỂ ĐƯỢC KHOA HỌC - CHÍNH XÁC VÀ ĐỂ GÓP PHẦN SOI SÁNG Ý THỨC CHÍNH TRỊ CỦA GIAI CẤP VÔ SẢN?

19. Tôi nói đến vấn đề cuối cùng, vấn đề tên đảng của chúng ta. Chúng ta phải lấy tên là *Đảng cộng sản,* như Mác và Ăng-ghen đã gọi.

Chúng ta phải tuyên bố một lần nữa rằng chúng ta là những người mác-xít và chúng ta lấy bản «Tuyên ngôn của Đảng cộng sản» làm cơ sở, bản Tuyên ngôn mà đảng dân chủ - xã hội đã xuyên tạc và phản bội trên hai điểm chủ yếu: 1) công nhân không có tổ quốc: «bảo vệ tổ quốc» trong cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa là phản bội chủ nghĩa xã hội; 2) học thuyết Mác về vấn đề nhà nước đã bị Quốc tế II xuyên tạc.

Cái tên «Đảng dân chủ - xã hội» là không đúng *về phương diện khoa học* như Mác đã nhiều lần chỉ ra, nhất là vào năm 1875 trong cuốn «Phê phán cương lĩnh Gô-ta», và như Ăng-ghen đã nhắc lại năm 1894 [254], trong một bản trình bày đại chúng hơn. Từ chủ nghĩa tư bản, loài người chỉ có thể tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, tức là lên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất và chế độ phân phối sản phẩm theo lao động. Đảng chúng ta nhìn xa hơn: chủ nghĩa xã hội nhất định phải dần dần chuyển biến thành chủ nghĩa cộng sản là chủ nghĩa ghi trên lá cờ của mình: «làm hết khả năng, hưởng theo nhu cầu».

Lý lẽ thứ nhất của tôi là như thế.

Đây là lý lẽ thứ hai: nửa thứ nhất của tên đảng của chúng ta (những người *dân chủ* - xã hội), cũng không đúng về phương diện khoa học. Chế độ dân chủ là một trong những hình thức của *nhà nước.* Mà chúng ta, những người mác-xít, chúng ta phản đối *mọi* nhà nước.

Những lãnh tụ Quốc tế II (1899 - 1914) như các ngài Plê-kha-nốp, Cau-xky và đồng bọn, đã tầm thường hóa và xuyên tạc chủ nghĩa Mác.

Chủ nghĩa Mác khác chủ nghĩa vô chính phủ ở chỗ chủ nghĩa Mác thừa nhận là *cần thiết phải có nhà nước* để tiến lên chủ nghĩa xã hội,

nhưng (và đây chính là điều khác với Cau-xky và bè lũ) *tuyệt nhiên không phải là nhà nước* theo kiểu cộng hòa dân chủ tư sản đại nghị thường thấy, mà theo kiểu Công xã Pa-ri năm 1871, hay kiểu Xô-viết các đại biểu công nhân năm 1905 và 1917.

Lý lẽ thứ ba của tôi là: *cuộc sống* đã sáng tạo ra, cách mạng *đã thực tế* sáng tạo ra ở nước ta, chính cái «nhà nước» mới đó, tuy còn ở trạng thái non nớt, phôi thai, nhưng không phải là một nhà nước hiểu theo nghĩa đen của từ đó nữa.

Đó là một vấn đề thực tiễn của quần chúng *rồi*, chứ không phải chỉ là một lý luận của lãnh tụ nữa.

Nhà nước, theo nghĩa đen, là sự chi phối của những đội vũ trang tách khỏi nhân dân đối với quần chúng.

Nhà nước mới, *đang sinh ra*, của chúng ta, cũng là một nhà nước, vì chúng ta cần phải có những đội vũ trang, chúng ta cần có một trật tự *chặt chẽ nhất*, chúng ta phải dùng bạo lực để trấn áp *thẳng tay* tất cả mọi mưu toan phản cách mạng của bọn Nga hoàng cũng như của bọn tư sản Gu-tsơ-cốp.

Nhưng nhà nước mới, *đang sinh ra*, của chúng ta đã *không còn là* một nhà nước theo nghĩa đen của từ đó nữa, vì ở nhiều nơi trong nước Nga, những đội vũ trang đó là *bản thân quần chúng*, là toàn thể nhân dân, chứ không phải là một kẻ nào đứng trên nhân dân, tách khỏi nhân dân, có đặc quyền đặc lợi, và thực tế không thể bãi miễn được.

Không nên ngoái nhìn về đằng sau, mà phải nhìn về phía trước; không nên ngoái nhìn về phía chế độ dân chủ kiểu tư sản thường thấy, tức là chế độ đã củng cố quyền thống trị của giai cấp tư sản bằng bộ máy hành chính *quân chủ* cũ, cảnh sát, quân đội, bộ máy quan lại.

Phải nhìn về phía trước, nhìn về phía chế độ dân chủ mới đang ra đời, và đã không còn là một chế độ dân chủ nữa, vì chế độ dân chủ là sự thống trị của nhân dân mà nhân dân vũ trang thì không thể tự mình lại thống trị mình được.

Từ dân chủ dùng cho đảng cộng sản, thì không phải chỉ là không đúng về phương diện khoa học mà thôi. Ngày nay, sau tháng Ba 1917, từ đó là một *lá chắn* che mắt nhân dân cách mạng *để không cho họ* tự do, mạnh dạn và tự động, xây dựng cái mới: Xô-viết đại biểu công nhân, nông dân và những thành phần khác, với tư cách là *chính quyền duy nhất* trong «nhà nước», là những cơ quan báo hiệu «sự tiêu vong» của *mọi* nhà nước.

Lý lẽ thứ tư của tôi là: phải chú trọng đến tình hình khách quan của chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới.

Tình hình đó hiện nay không giống như hồi năm 1871 - 1914, tức là thời kỳ mà Mác và Ăng-ghen đã phải giữ một cách có ý thức cái từ cơ hội chủ nghĩa và không chính xác: «dân chủ - xã hội». Vì, *trong thời kỳ ấy*, sau sự thất bại của Công xã Pa-ri, lịch sử đã đề ra nhiệm vụ trước mắt là phải tiến hành từ từ công tác tổ chức và giáo dục. Lúc đó không có cách nào khác. Bọn vô chính phủ đã (và hiện vẫn còn) mắc sai lầm căn bản không những về mặt lý luận mà còn về mặt kinh tế và chính trị. Họ đã đánh giá thời cuộc một cách sai lầm, vì không hiểu được tình hình quốc tế lúc đó: công nhân Anh đã bị những lợi nhuận đế quốc chủ nghĩa làm đồi bại, Công xã Pa-ri đã bị đè bẹp, phong trào dân tộc tư sản vừa mới thắng lợi ở nước Đức (1871), nước Nga nửa phong kiến còn đang mê man trong giấc ngủ ngàn xưa của nó.

Mác và Ăng-ghen đã đánh giá đúng thời cuộc lúc đó; hai ông đã hiểu rõ tình hình quốc tế, hiểu rõ nhiệm vụ là phải tiến *từ từ* tới chỗ bắt đầu cuộc cách mạng xã hội.

Còn chúng ta, chúng ta cũng nên tìm hiểu những nhiệm vụ và những đặc điểm của thời đại mới. Không nên bắt chước những người giả danh mác-xít, mà Mác đã nói như sau: «tôi đã cho ấp trứng rồng nhưng lại nở toàn ra loài bọ mạt»[255].

Tính tất yếu khách quan của chủ nghĩa tư bản phát triển thành chủ nghĩa đế quốc, đã sản sinh ra chiến tranh đế quốc chủ nghĩa. Chiến tranh đã đưa toàn thể nhân loại *đến bên bờ vực thẳm*, đến chỗ tàn phá tất cả nền văn minh, đến cảnh dã man và chết chóc của hàng triệu triệu người nữa.

Không có một lối thoát nào, ngoài cuộc cách mạng của giai cấp vô sản ra.

Và trong thời kỳ mà cuộc cách mạng đó mới bắt đầu, mà cuộc cách mạng đó bước những bước đầu tiên rụt rè, không vững, chưa tự giác, và quá tin vào giai cấp tư sản,—trong một thời kỳ như thế, thì đa số (đó là sự thật, đó là một việc có thật) các lãnh tụ «dân chủ - xã hội», các nghị sĩ «dân chủ - xã hội», các tờ báo «dân chủ - xã hội», — vì đó đều là những *công cụ* tác động vào quần chúng, — đã *rời bỏ* chủ nghĩa xã hội, đã *phản bội* chủ nghĩa xã hội, đã nhảy sang hàng ngũ giai cấp tư sản dân tộc «của họ».

Quần chúng bị các lãnh tụ *đó* làm rối trí, làm mất phương hướng, lừa gạt.

Thế mà chúng ta lại khuyến khích sự lừa bịp đó, chúng ta lại tạo điều kiện thuận tiện cho sự lừa bịp đó bằng cách cứ giữ cái tên cũ đã lỗi thời, cũng mục nát như Quốc tế II vậy!

Hãy cho «nhiều» công nhân *hiểu* đảng dân chủ - xã hội một cách đúng đắn thật đấy. Nhưng đã đến lúc cần phải biết phân biệt cái chủ quan với cái khách quan.

Chủ quan mà xét thì những công nhân dân chủ - xã hội ấy là những lãnh tụ trung thành nhất của quần chúng vô sản.

Nhưng tình hình khách quan trên thế giới đang khiến cho cái tên cũ của đảng ta làm cho người ta *dễ* lừa bịp quần chúng, *làm trở ngại* phong trào đang tiến lên. Vì trên mỗi bước đi, trên mỗi tờ báo, trong mỗi đảng đoàn nghị viện, quần chúng đều thấy những *lãnh tụ*, nghĩa là những người mà tiếng nói được lắng nghe hơn, mà hành động được chú ý hơn, và tất cả họ đều «cũng là dân chủ - xã hội», tất cả họ đều «tán thành thống nhất» với bọn xã hội - sô-vanh là những kẻ phản bội chủ nghĩa xã hội, tất cả họ đều đưa những kỳ phiếu mà «đảng dân chủ - xã hội» đã phát hành trước kia, để đòi tiền...

Thế những lý lẽ phản đối là những gì? «...Người ta sẽ lẫn lộn chúng ta với những người cộng sản vô chính phủ chủ nghĩa...»

Tại sao chúng ta lại không sợ bị lẫn lộn với những người xã hội chủ nghĩa dân tộc, với những người xã hội chủ nghĩa tự do chủ nghĩa hay là với những người thuộc đảng xã hội chủ nghĩa cấp tiến tức là đảng tiên tiến và lành nghề hơn tất cả các đảng tư sản của nước Cộng hòa Pháp, trong việc lừa bịp quần chúng bằng thủ đoạn tư sản? «...Quần chúng đã quen, công nhân «đã gắn bó» với đảng dân chủ - xã hội *của họ*...»

Đó là lý lẽ duy nhất, nhưng lý lẽ đó đã hoàn toàn không thừa nhận cả khoa học mác-xít, cả các nhiệm vụ sẽ được đặt ra cho cuộc cách mạng ngày mai, cả tình thế khách quan của chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới, cả sự phá sản nhục nhã của Quốc tế II, lẫn sự phá hoại sự nghiệp thực tiễn, gây ra bởi đám lúc nhúc những kẻ «cũng là dân chủ - xã hội» đang bao quanh những người vô sản.

Đó là lý lẽ của đầu óc thủ cựu, lý lẽ của đầu óc mê muội, lý lẽ của đầu óc trì trệ.

Song chúng ta muốn cải tạo thế giới. Chúng ta muốn chấm dứt cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới đã lôi cuốn hàng trăm triệu người và có dính líu đến lợi ích của những tư bản tính ra có đến hàng trăm và hàng trăm nghìn triệu — một cuộc chiến tranh đã không thể

kết thúc được bằng một nền hòa bình thật sự dân chủ nếu không tiến hành một cuộc cách mạng vô sản vĩ đại nhất chưa từng có trong lịch sử nhân loại.

Thế mà chúng ta lại sợ bản thân chúng ta. Chúng ta cố giữ chiếc áo «quen thuộc», «thân yêu», bẩn của chúng ta...

Đã đến lúc quẳng chiếc áo bẩn đó đi, đã đến lúc mặc áo sạch vào.

Pê-tơ-rô-grát. Ngày 10 tháng Tư 1917 — Toàn tập, t. 31

TRÍCH:
NHỮNG BỨC THƯ VỀ SÁCH LƯỢC

Bức thư 1

Phân tích tình hình hiện nay

Chủ nghĩa Mác bắt buộc chúng ta phải phân tích — phân tích một cách sát nhất và có thể kiểm tra được về mặt khách quan, — mỗi quan hệ giữa các giai cấp và những đặc điểm cụ thể của mỗi thời cơ lịch sử. Chúng ta, những người bôn-sê-vích, chúng ta vẫn luôn luôn cố gắng thực hiện đúng yêu cầu đó, yêu cầu tuyệt đối cần thiết đối với mọi chính sách được xây dựng trên cơ sở khoa học.

«Học thuyết của chúng tôi không phải là một giáo điều, mà là một kim chỉ nam cho hành động» [256], Mác và Ăng-ghen vẫn luôn luôn nói như thế, và chế giễu một cách rất đúng cái lối học thuộc lòng và lắp lại đúng nguyên văn những «công thức» bất quá chỉ có thể vạch ra được những nhiệm vụ *chung*, những nhiệm vụ nhất định phải biến đổi theo tình hình kinh tế và chính trị *cụ thể* của mỗi *giai đoạn* đặc biệt trong quá trình lịch sử.

Vậy thì những *sự thật* khách quan đã được khẳng định một cách chính xác mà ngày nay đảng của giai cấp vô sản cách mạng phải dựa vào để quyết định những nhiệm vụ của mình và những phương thức hành động của mình, là những sự thật nào?

Trong «Thư từ nước ngoài gửi về» của tôi, bức thứ nhất («Giai đoạn thứ nhất của cuộc cách mạng thứ nhất»), đăng trên báo «Sự thật» (số 14 và 15, ngày 21 và 22 tháng Ba 1917), và trong những đề cương của tôi, tôi đã nhận định rằng «đặc điểm của tình hình hiện nay ở nước Nga» là *sự quá độ* từ giai đoạn thứ nhất tới giai đoạn thứ hai của cuộc cách mạng. Cho nên tôi đã cho rằng khẩu hiệu căn bản, «nhiệm vụ trước mắt» lúc *bây giờ* phải được nêu lên như sau: «các bạn công nhân, các bạn đã có được những hành động phi thường về chủ nghĩa anh hùng có tính chất vô sản và nhân dân trong cuộc nội chiến chống chế độ Nga hoàng. Bây giờ các bạn phải có được những hành động phi thường trong công tác tổ chức có tính chất vô sản và toàn dân để chuẩn bị

cuộc chiến thắng của các bạn trong giai đoạn thứ hai của cuộc cách mạng» (Báo «Sự thật», số 15).

Giai đoạn thứ nhất là giai đoạn gì?

Là chuyển chính quyền nhà nước vào tay giai cấp tư sản.

Trước cuộc Cách mạng tháng Hai - tháng Ba 1917, chính quyền nhà nước ở Nga thuộc vào tay một giai cấp già cỗi: giai cấp quý tộc địa chủ phong kiến, đứng đầu là Ni-cô-lai Rô-ma-nốp.

Sau cuộc cách mạng đó, chính quyền thuộc về tay một giai cấp *khác*, một giai cấp mới: *giai cấp tư sản*.

Việc chính quyền chuyển từ tay một *giai cấp* này sang tay một *giai cấp* khác là dấu hiệu đầu tiên, chủ yếu, căn bản của một *cuộc cách mạng*, hiểu theo nghĩa thuần túy khoa học cũng như theo nghĩa chính trị và thực tiễn của khái niệm ấy.

Như thế là cuộc cách mạng tư sản hay dân chủ - tư sản đã *hoàn thành* ở nước Nga rồi.

Trong vấn đề này, chúng ta nghe thấy có những người thích tự xưng là «bôn-sê-vích lão thành» lên tiếng phản đối: chúng tôi đã chẳng luôn luôn nói rằng cuộc cách mạng dân chủ - tư sản chỉ có thể hoàn thành bằng «chuyên chính dân chủ cách mạng của giai cấp vô sản và nông dân» đó sao? Vậy cách mạng ruộng đất, cũng là cách mạng dân chủ - tư sản, thì đã hoàn thành chưa? Trái lại, há chẳng phải sự thật là nó *vẫn chưa* bắt đầu đó sao?

Tôi đáp lại rằng: những khẩu hiệu và những tư tưởng của những người bôn-sê-vích, *về đại thể*, đều đã được lịch sử hoàn toàn xác nhận; nhưng trong *thực tế cụ thể*, sự việc đã diễn ra *một cách khác* mà chúng ta đã không thể (và bất cứ ai cũng không có thể) dự đoán được, diễn ra một cách độc đáo hơn, kỳ lạ hơn, phức tạp hơn.

Không biết hay quên điều đó thì cũng sẽ giống những vị «bôn-sê-vích lão thành» kia, họ đã nhiều lần giữ một vai trò thiểu não trong lịch sử của đảng ta, vì cứ lặp đi lặp lại một cách ngu xuẩn một công thức *đã học thuộc lòng*, chứ không *nghiên cứu* tính chất độc đáo của thực tế mới, sinh động.

«Chuyên chính dân chủ cách mạng của giai cấp vô sản và nông dân» *đã được* thực hiện* trong cuộc cách mạng Nga *rồi*, vì «công thức» đó chỉ dự kiến được một *mối tương quan giữa các giai cấp*, chứ không dự kiến một *cơ cấu chính trị cụ thể thể hiện* mối tương quan

* Dưới một hình thức nào đó và tới một mức độ nào đó.

đó, sự hợp tác đó. «Xô-viết đại biểu công nhân và binh sĩ», — đó là «chuyên chính dân chủ cách mạng của giai cấp vô sản và nông dân» đã được cuộc sống thực hiện.

Công thức đó đã lỗi thời rồi. Cuộc sống đã đưa nó từ lĩnh vực những công thức vào lĩnh vực thực tại, đã làm cho nó có xương có thịt, đã cụ thể hóa nó, và *do chính chỗ đó* mà đã sửa đổi nó.

Một nhiệm vụ khác, một nhiệm vụ mới, từ nay đã được nêu lên thành nhiệm vụ trước mắt: phải tách những phần tử vô sản (là những người chống chủ nghĩa vệ quốc, là những người quốc tế chủ nghĩa, những người «cộng sản chủ nghĩa», và những người tán thành chủ trương quá độ lên công xã) trong *nội bộ* của nền chuyên chính đó, ra khỏi những phần tử *tiểu chủ* hay *tiểu tư sản* (Tsơ-khê-ít-dê, Txê-rê-tê-li, Xtê-clốp, những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng và những người vệ quốc cách mạng khác, tức là những kẻ chống lại việc tiến tới công xã, những kẻ tán thành chủ trương «ủng hộ» giai cấp tư sản và chính phủ tư sản).

Ngày nay người nào chỉ nói đến «chuyên chính dân chủ cách mạng của giai cấp vô sản và nông dân» là người lạc hậu đối với cuộc sống, và do đó, đã thực tế *nhảy sang* hàng ngũ của giai cấp tiểu tư sản chống lại cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản, và đáng được đưa vào viện lưu trữ những kỳ quan «bôn-sê-vích» tiền cách mạng (có thể nói là viện lưu trữ các vị «bôn-sê-vích lão thành»).

Chuyên chính dân chủ cách mạng của giai cấp vô sản và nông dân đã được thực hiện rồi, nhưng thực hiện một cách độc đáo lạ thường, với một số sửa đổi quan trọng bậc nhất. Tôi sẽ nói riêng đến những sửa đổi đó ở một trong những bức thư sau của tôi. Còn bây giờ thì phải thấu triệt cái chân lý không thể chối cãi được là người mác-xít phải chú trọng đến đời sống sinh động, đến những sự kiện *thực tế* chính xác chứ không nên bám chặt lấy cái lý luận ngày hôm qua, nó cũng như mọi lý luận, bất quá chỉ vạch ra được cái căn bản, cái chung, chỉ đi *gần tới* chỗ nắm được tính phức tạp của cuộc sống mà thôi.

«Bạn ơi, lý luận thì xám xịt mà cây đời thì vĩnh viễn xanh tươi» [257].

Đặt vấn đề «hoàn thành» cuộc cách mạng tư sản *theo cách cũ,* tức là hy sinh chủ nghĩa Mác sinh động mà bám lấy giáo điều chết.

Theo cách cũ là: *sau* nền thống trị của giai cấp tư sản thì mới có thể và phải thiết lập nền thống trị của giai cấp vô sản và nông dân, nền chuyên chính của họ.

Nhưng trong đời sống thực tế thì *đã khác hẳn rồi:* một tình trạng hết sức độc đáo, mới lạ, chưa từng thấy, *tình trạng hai nền thống trị xen kẽ nhau.* Chúng ta thấy đứng cạnh nhau, cùng nhau, đồng thời với nhau, *cả* nền thống trị của giai cấp tư sản (chính phủ của Lvốp và Gu-tsơ-cốp) *lẫn* nền chuyên chính dân chủ cách mạng của giai cấp vô sản và nông dân, nền chuyên chính đang *tự nguyện* nhường chính quyền cho giai cấp tư sản và tự nguyện biến thành vật phụ thuộc của giai cấp này.

Vì không nên quên rằng chính quyền thực tế ở Pê-tơ-rô-grát thì thuộc về công nhân và binh sĩ; chính phủ mới *không* cưỡng bức và cũng không thể tiến hành cưỡng bức được họ, vì *không có* cảnh sát, *không có* quân đội tách khỏi nhân dân, *không có* bộ máy quan lại nắm toàn quyền đặt *trên* nhân dân. Đó là một sự thật. Sự thật đó chính là đặc điểm của một nhà nước kiểu Công xã Pa-ri. Sự thật đó không phù hợp với các công thức cũ. Cần phải biết làm cho công thức thích hợp với cuộc sống, chứ không nên lắp lại những lời nói đã mất hết cả ý nghĩa về «chuyên chính của giai cấp vô sản và nông dân» *nói chung.*

Hãy xét mặt khác của vấn đề để cho sáng tỏ hơn.

Một người mác-xít không được rời bỏ lập trường chính xác của mình là phân tích những quan hệ giữa các giai cấp. Giai cấp tư sản đang nắm chính quyền. Nhưng quần chúng nông dân, há chẳng phải *cũng* là giai cấp tư sản thuộc một tầng lớp khác, thuộc một loại khác, có một tính chất khác đó ư? Tại sao tầng lớp *này lại không thể* nắm chính quyền, do đó mà «hoàn thành» cuộc cách mạng dân chủ - tư sản? Tại sao lại không thể như thế được?

Các người bôn-sê-vích lão thành thường lập luận như thế.

Tôi đáp lại rằng hoàn toàn có thể được. Nhưng muốn nhận định về thời cuộc, người mác-xít phải xuất phát từ hiện thực, chứ *không phải* từ khả năng.

Hiện thực lại chỉ cho chúng ta thấy *sự thật* là: những đại biểu nông dân và binh sĩ, được bầu ra một cách tự do, đang tự do hợp thành một chính phủ thứ hai, một chính phủ song song, đang tự do bổ sung, phát triển và cải thiện chính phủ đó. Và họ *nhường* chính quyền cho giai cấp tư sản một cách cũng không kém tự do như thế, — điều đó không làm «tổn hại» chút nào đến lý luận mác-xít, vì chúng ta luôn luôn biết và đã nhiều lần vạch ra rằng sở dĩ giai cấp tư sản đứng vững được *không phải* chỉ nhờ bạo lực, mà còn nhờ tình trạng không giác ngộ, thủ cựu, mê muội, không có tổ chức của quần chúng nữa.

Trước hiện thực đó mà lại không chú ý đến những sự thật, và lại nói đến những «khả năng» thì thật là lố bịch.

Có khả năng là nông dân nắm lấy tất cả ruộng đất và toàn bộ chính quyền. Tôi không quên khả năng ấy và không chỉ nhìn có hiện tại, tôi vạch ra một cách trực tiếp và chính xác một cương lĩnh ruộng đất có tính đến hiện tượng *mới* là: sự chia rẽ sâu sắc hơn giữa những cố nông và bần nông với những nông dân khá giả.

Nhưng còn có một khả năng khác nữa: nông dân có thể nghe theo lời khuyên của đảng tiểu tư sản của những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng, là đảng chịu ảnh hưởng của giai cấp tư sản, là đảng đã nhảy sang hàng ngũ bọn vệ quốc chủ nghĩa và đang khuyên nông dân nên chờ đợi đến lúc Quốc hội lập hiến khai mạc, mặc dầu ngay cả ngày triệu tập quốc hội đó vẫn chưa được ấn định!*

Có khả năng là nông dân cứ *duy trì*, kéo dài sự thỏa hiệp không những về hình thức mà cả trên thực tế, mà họ vừa ký kết với giai cấp tư sản, thông qua các Xô-viết đại biểu công nhân và binh sĩ.

Có rất nhiều khả năng đủ loại. Quên mất phong trào ruộng đất và cương lĩnh ruộng đất là sẽ phạm sai lầm rất lớn. Nhưng cũng sai lầm không kém nếu quên mất *thực tế*, thực tế này chỉ cho chúng ta thấy *sự thật là một thỏa hiệp*, — hay nếu muốn dùng một từ chính xác hơn, không có tính chất pháp luật bằng, mà có tính chất kinh tế - xã hội hơn, — sự thật là *sự hợp tác giai cấp* giữa giai cấp tư sản và giai cấp nông dân.

Khi nào sự thật đó không còn là một sự thật nữa, khi nào nông dân tách khỏi giai cấp tư sản và chống lại giai cấp này mà nắm lấy ruộng đất, chống lại giai cấp này mà nắm lấy chính quyền, thì một giai đoạn mới của cuộc cách mạng dân chủ tư sản sẽ mở đầu, giai đoạn mà sau này phải được bàn riêng.

Hiện nay khi nông dân đang *thỏa hiệp* với giai cấp tư sản, người mác-xít nào để cho giai đoạn tương lai ấy làm cho quên mất nhiệm vụ

---

* Để cho những lời nói của tôi khỏi bị hiểu lầm, tôi xin nói trước ngay rằng tôi hoàn toàn đồng ý rằng các *Xô-viết* cố nông và nông dân phải chiếm *ngay lập tức tất cả* ruộng đất, nhưng đồng thời *chính bản thân họ* phải triệt để tuân theo trật tự và kỷ luật, không dung thứ một hành động phá hoại nhỏ nào về máy móc, nhà cửa, gia súc, trong bất cứ trường hợp nào không làm rối loạn kinh tế và việc sản xuất lúa mì, mà còn phải *phát triển* nền sản xuất đó lên, vì khẩu phần bánh mì của binh sĩ phải được *tăng lên gấp đôi* và không được để dân cư lâm vào nạn đói.

hiện nay của mình, thì sẽ là một người tiểu tư sản. Vì thực ra, như thế là người ấy cổ động cho giai cấp vô sản *tín nhiệm* giai cấp tiểu tư sản («giai cấp tiểu tư sản này, tầng lớp nông dân này, thì ngay cả trong khuôn khổ cuộc cách mạng dân chủ tư sản, cũng phải tách rời khỏi giai cấp tư sản»). Cái «khả năng» về một tương lai thơ mộng và vui tươi ấy, trong đó người nông dân sẽ *không còn* là cái đuôi của giai cấp tư sản *nữa* và trong đó bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng, bọn Tsơ-khê-ít-dê, bọn Txê-rê-tê-li, bọn Xtê-clốp sẽ *không còn* là một vật phụ thuộc của chính phủ tư sản *nữa* — «khả năng» về tương lai tươi đẹp ấy sẽ làm cho người đó quên mất *cái hiện tại buồn thảm*, trong đó nông dân còn là cái đuôi của giai cấp tư sản, trong đó những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng và dân chủ - xã hội vẫn còn là vật phụ thuộc của chính phủ tư sản, là phái đối lập của «nhà vua»[258] Lvốp.

Cái người mà ta giả định như trên sẽ giống một Lu-i Blăng dịu dàng, một môn đồ đường mật của Cau-xky, nhưng không giống chút nào một người mác-xít cách mạng.

Nhưng không khéo thì chúng ta rơi vào chủ nghĩa chủ quan, rơi vào ý muốn «nhảy qua» cách mạng dân chủ - tư sản hãy còn dở dang, — phong trào nông dân chưa đạt được kết quả, — để tiến tới ngay cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa đó ư?

Nếu tôi nói: «không cần Nga hoàng, mà cần chính phủ *công nhân*»[259] thì tôi đã rơi vào nguy cơ đó. Nhưng tôi đã *không* nói như thế, tôi đã nói khác. Tôi đã nói rằng ở Nga *không thể* có chính phủ nào *khác* (không kể chính phủ tư sản) *ngoài* các Xô-viết đại biểu công nhân, cố nông, binh sĩ và nông dân. Tôi đã nói rằng ngày nay, ở Nga, chính quyền *chỉ* có thể chuyển từ Gu-tsơ-cốp và Lvốp vào tay những Xô-viết ấy, trong đó chiếm đa số thì *chính là* nông dân, chiếm đa số là binh sĩ, chiếm đa số là giai cấp tiểu tư sản, nếu dùng một từ khoa học, mác-xít, nếu dùng một định nghĩa có tính giai cấp chứ không dùng cách nói thông tục của các nghề nghiệp.

Trong các đề cương của tôi, tôi đã tuyệt đối đề phòng trước để khỏi rơi vào chỗ muốn nhảy qua phong trào nông dân hay phong trào tiểu tư sản nói chung, là phong trào vẫn còn chưa kết thúc, để khỏi rơi vào chỗ muốn *chơi cái trò* chính phủ công nhân «cướp lấy chính quyền», để khỏi rơi vào bất cứ hành động phiêu lưu kiểu Blăng-ki nào, vì tôi đã trực tiếp nêu ra kinh nghiệm Công xã Pa-ri. Mà như mọi người đều biết và như Mác đã chứng minh một cách tỉ mỉ vào năm

1871 và Ăng-ghen vào năm 1891 [260], thì kinh nghiệm đó đã hoàn toàn bác bỏ chủ nghĩa Blăng-ki, đã hoàn toàn bảo đảm sự thống trị trực tiếp, tức khắc và vô điều kiện của *đa số* và tính tích cực của quần chúng, chỉ trong chừng mực mà bản thân đa số ấy tỏ ra là *tự giác*.

Trong các đề cương của tôi, tôi đã quy một cách hoàn toàn rõ ràng, tất cả vào việc *đấu tranh giành ảnh hưởng trong nội bộ* các Xô-viết đại biểu công nhân, cố nông, nông dân và binh sĩ. Để cho không còn chút nghi ngờ gì về điểm này, tôi đã *hai lần* nhấn mạnh trong các đề cương của tôi là cần thiết phải có một công tác «giải thích» nhẫn nại và kiên trì, «thích hợp với những nhu cầu *thực tiễn của quần chúng*».

Những người ngu dốt hay những người phản bội chủ nghĩa Mác, như ông Plê-kha-nốp và đồng bọn, có thể la lối là chủ nghĩa vô chính phủ, là chủ nghĩa Blăng-ki v. v.. Ai muốn suy nghĩ và học hỏi đều không thể không hiểu rằng chủ nghĩa Blăng-ki là chủ trương thiểu số cướp chính quyền, còn như các Xô-viết đại biểu công nhân v. v., thì *rõ ràng* là tổ chức công khai và trực tiếp của *đa số* trong nhân dân. Hoạt động nhằm đấu tranh giành ảnh hưởng *trong nội bộ* những Xô-viết ấy thì không thể, hoàn toàn *không thể* sa vào vũng lầy của chủ nghĩa Blăng-ki được. Hoạt động đó cũng không thể nào sa vào vũng lầy của chủ nghĩa vô chính phủ được, vì chủ nghĩa vô chính phủ phủ nhận *sự cần thiết phải có nhà nước và chính quyền nhà nước* trong thời kỳ *quá độ* từ sự thống trị của giai cấp tư sản đến sự thống trị của giai cấp vô sản. Trái lại, tôi *bênh vực*, một cách rõ ràng không thể hiểu lầm được, ý kiến cho rằng trong thời kỳ ấy cần phải có nhà nước, nhưng, nhất trí với Mác và với kinh nghiệm Công xã Pa-ri, không phải là một nhà nước đại nghị tư sản thông thường, mà là một nhà nước *không có* quân đội thường trực, *không có* cảnh sát đối lập với nhân dân, *không có* bộ máy quan lại đặt lên trên nhân dân.

Nếu ông Plê-kha-nốp trong báo «Thống nhất» của ông, đang nỗ lực la lối là chủ nghĩa vô chính phủ, thì như thế ông ta chỉ đưa ra một bằng chứng mới về việc ông ta đoạn tuyệt với chủ nghĩa Mác mà thôi. Đối với lời của tôi đăng trên báo «Sự thật» (số 26) thách ông ta nói cho chúng ta rõ lời dạy của Mác và Ăng-ghen trong những năm 1871, 1872, 1875 về vấn đề nhà nước*, thì ông Plê-kha-nốp luôn luôn buộc phải

---

* Xem V. I. Lê-nin. «Về nhiệm vụ của giai cấp vô sản trong cuộc cách mạng hiện thời», Toàn tập, t. 31. — *BT*.

và sẽ luôn luôn buộc phải làm lơ không nói đến nội dung của vấn đề, và la lối lên giống như một tên tư sản phẫn uất.

Nhà nguyên mác-xít Plê-kha-nốp đã *tuyệt đối* chẳng hiểu gì học thuyết mác-xít về nhà nước cả. Nhân tiện nói thêm rằng những mầm mống của sự không hiểu đó cũng biểu lộ rõ trong cuốn sách của ông ta viết bằng tiếng Đức về chủ nghĩa vô chính phủ [261].

Viết vào khoảng ngày 8 - 13
(21 - 26) tháng Tư 1917

Toàn tập, t. 31

TRÍCH:
NHÀ NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG

(Học thuyết của chủ nghĩa Mác về nhà nước và những nhiệm vụ của giai cấp vô sản trong cuộc cách mạng)

NĂM 1852, MÁC ĐÃ ĐẶT VẤN ĐỀ NHƯ THẾ NÀO?

Năm 1907, Mê-rinh đăng trên tạp chí «Neue Zeit»[262] (XXV, 2, 164) những đoạn trích trong một bức thư của Mác gửi cho Vai-đê-mai-ơ đề ngày 5 tháng Ba 1852. Một trong những nhận xét đáng chú ý trong bức thư ấy là:

> «Về phần tôi, tôi không hề có công phát hiện ra các giai cấp trong xã hội hiện đại, cũng không hề có công phát hiện ra cuộc đấu tranh giữa các giai cấp ấy với nhau. Trước tôi từ lâu, các sử gia tư sản đã trình bày sự phát triển lịch sử của cuộc đấu tranh giai cấp và các nhà kinh tế học tư sản đã phân tích cơ cấu kinh tế của các giai cấp. Điều cống hiến mới của tôi là chứng minh rằng: 1) sự tồn tại của các giai cấp chỉ gắn liền với những giai đoạn lịch sử nhất định trong sự phát triển của sản xuất (historische Entwicklungsphasen der Produktion), 2) đấu tranh giai cấp tất nhiên đưa đến chuyên chính vô sản, 3) chuyên chính đó, chính nó cũng chỉ là bước quá độ tiến lên thủ tiêu mọi giai cấp và tiến lên xã hội không có giai cấp...».

Trong đoạn này Mác đã thể hiện được, một cách nổi bật lạ thường, trước hết là chỗ khác nhau chủ yếu và căn bản giữa học thuyết của ông với học thuyết của những nhà tư tưởng tiên tiến và sâu sắc nhất của giai cấp tư sản và sau nữa, ông làm nổi bật bản chất học thuyết của mình về nhà nước.

Cái chủ yếu trong học thuyết của Mác là đấu tranh giai cấp. Người ta vẫn thường hay nói và hay viết như thế. Nhưng điều đó không đúng. Sự không đúng ấy thường đưa đến những sự xuyên tạc chủ nghĩa Mác theo lối cơ hội chủ nghĩa, những sự giả mạo chủ nghĩa Mác, nhằm làm cho chủ nghĩa Mác trở thành điều có thể chấp nhận được đối với giai cấp tư sản. Vì thuyết đấu tranh giai cấp *không phải* do Mác, *mà* do

giai cấp tư sản *trước* Mác sáng tạo ra; và nói chung thì thuyết ấy, giai cấp tư sản *có thể tiếp nhận được*. Kẻ nào *chỉ* thừa nhận có đấu tranh giai cấp không thôi, thì kẻ đó vẫn chưa phải là một người mác-xít, kẻ ấy có thể vẫn chưa thoát khỏi khuôn khổ tư tưởng tư sản và chính trị tư sản. Đóng khung chủ nghĩa Mác trong thuyết đấu tranh giai cấp là cắt xén, xuyên tạc chủ nghĩa Mác, thu nó lại thành cái mà giai cấp tư sản có thể tiếp nhận được. Chỉ người nào *mở rộng* việc thừa nhận đấu tranh giai cấp đến mức thừa nhận *chuyên chính vô sản* thì mới là người mác-xít. Đó là điều khác nhau sâu sắc nhất giữa người mác-xít và người tiểu tư sản (và cả đại tư sản) tầm thường. Chính phải dùng viên đá thử vàng ấy mà thử thách sự hiểu biết *thực sự* và thừa nhận *thực sự* chủ nghĩa Mác. Không đáng lấy làm lạ rằng khi lịch sử châu Âu đã đưa giai cấp công nhân đến chỗ đề cập *một cách thực tiễn* đến vấn đề ấy, thì không những tất cả bọn cơ hội chủ nghĩa và bọn cải lương chủ nghĩa, mà cả tất cả «bọn Cau-xky» nữa (cái bọn do dự giữa chủ nghĩa cải lương và chủ nghĩa Mác) đều lộ ra là một bọn phi-li-xtanh thảm hại, một bọn dân chủ tiểu tư sản *phủ nhận* chuyên chính vô sản. Quyển «Chuyên chính vô sản» của Cau-xky, xuất bản tháng Tám 1918, nghĩa là khá lâu sau khi quyển sách này của tôi xuất bản lần thứ nhất, là một kiểu mẫu về lối xuyên tạc chủ nghĩa Mác theo quan điểm tiểu thị dân, và bỉ ổi cự tuyệt chủ nghĩa Mác *trên thực tế*, nhưng *ngoài miệng* vẫn cứ giả dối thừa nhận nó (xem quyển sách của tôi: «Cách mạng vô sản và tên phản bội Cau-xky», Pê-tơ-rô-grát và Mát-xcơ-va, 1918).

Chủ nghĩa cơ hội hiện đại mà Cau-xky, trước nguyên là người mác-xít, là người đại biểu chính, thì hoàn toàn phù hợp với đặc trưng — như Mác đã nêu ra — của lập trường *tư sản*, vì chủ nghĩa cơ hội này đóng khung việc thừa nhận đấu tranh giai cấp trong phạm vi những quan hệ tư sản. (Mà trong giới hạn này, thì không một người có học thức nào trong phái tự do lại không đồng ý thừa nhận đấu tranh giai cấp «về nguyên tắc»!) Chủ nghĩa cơ hội chính là *không nâng* việc thừa nhận đấu tranh giai cấp lên đến điều chủ yếu nhất, tức là thừa nhận đấu tranh giai cấp trong thời kỳ *quá độ* từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản, thời kỳ *lật đổ* và hoàn toàn *thủ tiêu* giai cấp tư sản. Trên thực tế, thời kỳ ấy tất nhiên là thời kỳ đấu tranh giai cấp ác liệt chưa từng thấy, mang những hình thức hết sức gay gắt. Vì thế mà nhà nước trong thời kỳ đó tất nhiên phải là một nhà nước dân chủ *kiểu mới* (dân chủ đối với những người vô sản và nói chung những người không có của) và chuyên chính *kiểu mới* (chống giai cấp tư sản).

Chúng tôi nói tiếp. Chỉ những người đã hiểu rằng chuyên chính của *một* giai cấp là tất yếu không những cho mọi xã hội có giai cấp nói chung, không những cho *giai cấp vô sản* khi đã lật đổ giai cấp tư sản, mà còn cho suốt cả *thời kỳ lịch sử* từ chế độ tư bản chủ nghĩa đến «xã hội không có giai cấp», sang chế độ cộng sản chủ nghĩa, chỉ những người đó mới thấm nhuần được thực chất của học thuyết Mác về nhà nước. Những hình thức của các nhà nước tư sản thì hết sức khác nhau, nhưng thực chất chỉ là một: chung quy lại thì tất cả những nhà nước ấy, vô luận thế nào, cũng tất nhiên phải là nền *chuyên chính tư sản*. Bước chuyển từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa cộng sản, cố nhiên không thể không đem lại rất nhiều hình thức chính trị khác nhau, nhưng thực chất của những hình thức ấy tất nhiên sẽ chỉ là một, tức là: *chuyên chính vô sản*.

Những cơ sở kinh tế để nhà nước tiêu vong

Mác đã trình bày tường tận nhất về vấn đề này trong bản «Phê phán cương lĩnh Gô-ta» (thư gửi cho Brắc-kê ngày 5 tháng Năm 1875, mãi đến năm 1891 mới in trong «Neue Zeit», IX, 1, và đã có xuất bản riêng bằng tiếng Nga). Phần luận chiến trong tác phẩm tuyệt vời ấy, tức là phần phê phán chủ nghĩa Lát-xan, có thể nói là đã làm mờ phần chính diện của tác phẩm, là: phân tích mối liên hệ giữa sự phát triển của chủ nghĩa cộng sản và sự tiêu vong của nhà nước.

1. CÁCH ĐẶT VẤN ĐỀ CỦA MÁC

Nếu đem so sánh một cách hời hợt bức thư Mác gửi Brắc-kê ngày 5 tháng Năm 1875, với bức thư Ăng-ghen gửi Bê-ben ngày 28 tháng Ba 1875 đã nói trên kia, thì tựa hồ như Mác thiên về «phái nhà nước» hơn Ăng-ghen nhiều và quan điểm về nhà nước của hai tác giả ấy khác nhau rất nhiều.

Ăng-ghen khuyên Bê-ben nên thôi hẳn đừng có ba hoa về nhà nước nữa, nên bỏ hẳn chữ nhà nước trong cương lĩnh và thay bằng chữ «công xã»; Ăng-ghen thậm chí tuyên bố rằng Công xã không còn là một nhà nước theo đúng nghĩa của chữ đó nữa. Song Mác lại nói đến cả «nhà nước tương lai của xã hội cộng sản chủ nghĩa», nghĩa là tựa hồ như Mác nhận rằng ngay cả trong chế độ cộng sản chủ nghĩa vẫn cần phải có nhà nước.

Nhưng quan niệm như vậy là sai lầm về căn bản. Nghiên cứu kỹ hơn thì thấy ý kiến của Mác và Ăng-ghen về nhà nước và về sự tiêu vong của nhà nước là hoàn toàn phù hợp với nhau, và câu nói của Mác trích dẫn ở trên chính là nói về nhà nước đang *tiêu vong*.

Rõ ràng là không thể nào ấn định được lúc nào thì nhà nước *sẽ* «tiêu vong», nhất là sự tiêu vong ấy lại rõ ràng là một quá trình lâu dài. Có sự khác nhau bề ngoài giữa Mác và Ăng-ghen, là vì chủ đề nghiên cứu và nhiệm vụ của hai ông khác nhau. Ăng-ghen nhằm chứng minh một cách sáng rõ, đanh thép và đại cương cho Bê-ben thấy tất cả tính chất vô nghĩa của những thiên kiến thịnh hành (mà Lát-xan cũng tán đồng một phần lớn) về nhà nước. Mác chỉ nói phớt qua vấn đề *n à y*, vì Mác chú ý nói về một chủ đề khác là: *sự phát triển* của xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Tất cả lý luận của Mác là một sự áp dụng học thuyết về sự phát triển — dưới hình thức triệt để nhất, đầy đủ nhất, chín chắn nhất và có nội dung phong phú nhất — vào chủ nghĩa tư bản hiện đại. Cho nên, lẽ tự nhiên là Mác đã đứng trước vấn đề áp dụng lý luận đó vào sự phá sản *tương lai* của chủ nghĩa tư bản, cũng như vào sự phát triển *tương lai* của chủ nghĩa cộng sản *tương lai*.

Xuất phát từ những *căn cứ* nào, mà có thể đặt vấn đề sự phát triển tương lai của chủ nghĩa cộng sản tương lai?

Xuất phát từ chỗ là chủ nghĩa cộng sản *hình thành* từ chủ nghĩa tư bản, phát triển lên, trong quá trình lịch sử, từ chủ nghĩa tư bản, là kết quả của sự tác động của một lực lượng xã hội do chủ nghĩa tư bản *sinh ra*. Trong tài liệu của Mác, người ta không thấy mảy may một ý định nào nhằm bịa ra những ảo tưởng, nhằm đặt ra những dự đoán vu vơ về những điều mà người ta không thể nào biết được. Mác đặt vấn đề chủ nghĩa cộng sản giống như một nhà tự nhiên học đặt, chẳng hạn, vấn đề tiến hóa của một giống sinh vật mới, một khi đã biết nguồn gốc của nó và định được rõ rệt hướng của những biến đổi của nó.

Trước hết, Mác gạt bỏ sự mơ hồ mà cương lĩnh Gô-ta đưa vào vấn đề quan hệ giữa nhà nước và xã hội.

Mác viết:

«...Xã hội hiện nay là xã hội tư bản chủ nghĩa tồn tại trong tất cả những nước văn minh, xã hội đã ít nhiều trừ bỏ được những tạp chất thời trung cổ, đã ít nhiều biến đổi vì sự tiến hóa lịch sử đặc biệt trong từng nước, và đã ít nhiều phát triển. Hơn nữa, «nhà nước hiện nay» thay đổi theo biên giới. Ở đế chế Phổ - Đức thì

khác với ở Thụy-sĩ và ở Anh thì khác với ở Mỹ, «nhà nước hiện nay» là một hư ảo.

Tuy thế, tất cả những nhà nước khác nhau trong những nước văn minh khác nhau, mặc dầu có vô vàn hình thức khác nhau, nhưng đều cùng có một điểm chung là được xây dựng trên miếng đất của xã hội tư sản hiện đại, phát triển ít nhiều về phương diện tư bản chủ nghĩa. Cho nên những nhà nước ấy đều có chung một số đặc tính căn bản. Hiểu theo nghĩa đó, người ta có thể nói đến «nhà nước hiện nay» để đối lập với sau này, khi gốc rễ hiện nay của nó, tức là xã hội tư sản, sẽ không còn nữa.

Như vậy thì vấn đề đặt ra là: trong một xã hội cộng sản chủ nghĩa, nhà nước sẽ biến đổi như thế nào? Nói một cách khác là: lúc bấy giờ sẽ còn giữ lại những chức năng xã hội nào giống như chức năng hiện nay của nhà nước không? Chỉ có thể giải đáp được vấn đề đó một cách có cơ sở khoa học; chứ ghép từ «nhân dân» với danh từ «nhà nước» hàng trăm ngàn lần thì cũng không thể làm cho việc giải quyết vấn đề nhích thêm được một tí nào...»

Sau khi đã chế giễu tất cả những lời ba hoa về «nhà nước nhân dân» như vậy rồi, Mác chỉ rõ phải đặt vấn đề như thế nào, và có thể nói là Mác đã dè trước rằng chỉ có dựa vào những căn cứ khoa học đã được xác định chắc chắn, mới có thể có được một câu trả lời khoa học về vấn đề đó.

Điểm thứ nhất được toàn bộ học thuyết về sự phát triển và được khoa học nói chung xác định rất đúng đắn, — điểm mà trước đây bọn không tưởng đã bỏ quên và hiện nay bọn cơ hội chủ nghĩa sợ cách mạng xã hội chủ nghĩa cũng bỏ quên, — điểm đó là: không nghi ngờ gì nữa, trong quá trình lịch sử, phải có một giai đoạn đặc biệt hay một thời kỳ đặc biệt *quá độ* từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản.

2. BƯỚC QUÁ ĐỘ TỪ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN LÊN CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN

Mác nói tiếp:

«...Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là một thời kỳ chuyển hóa cách mạng từ xã hội nọ thành xã hội kia. Thích ứng với thời kỳ ấy, là một thời kỳ quá độ chính trị, trong đó, nhà nước không thể là cái gì khác hơn là *chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản...*»

Kết luận đó của Mác dựa vào sự phân tích vai trò của giai cấp vô sản trong xã hội tư bản chủ nghĩa hiện nay, vào những căn cứ về sự phát triển của xã hội ấy và vào tính chất không thể điều hòa được giữa những quyền lợi đối lập của giai cấp vô sản và của giai cấp tư sản.

Trước kia, vấn đề đặt ra như thế này: giai cấp vô sản muốn tự giải phóng, phải lật đổ giai cấp tư sản, giành lấy chính quyền, lập nền chuyên chính cách mạng của mình.

Bây giờ, vấn đề đặt ra có hơi khác: một xã hội tư bản chủ nghĩa đang phát triển lên chủ nghĩa cộng sản, không thể nào chuyển lên xã hội cộng sản chủ nghĩa được, nếu không có một «thời kỳ quá độ chính trị»; và trong thời kỳ đó, nhà nước chỉ có thể là chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản.

Vậy những quan hệ của nền chuyên chính ấy với chế độ dân chủ như thế nào?

Chúng ta đã thấy «Tuyên ngôn của Đảng cộng sản» chỉ giản đơn xếp hai khái niệm sau đây bên cạnh nhau: «biến giai cấp vô sản thành giai cấp thống trị» và «giành lấy dân chủ». Do tất cả những điều nói ở trên, có thể xác định đúng đắn hơn về những sự thay đổi của chế độ dân chủ trong bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản.

Xã hội tư bản chủ nghĩa, xét trong những điều kiện phát triển thuận lợi nhất của nó, đem lại cho ta một chế độ dân chủ ít nhiều đầy đủ trong chế độ cộng hòa dân chủ. Nhưng chế độ dân chủ ấy bao giờ cũng bị bó trong khuôn khổ chật hẹp của sự bóc lột tư bản chủ nghĩa, và do đó, thực ra, nó luôn luôn là một chế độ dân chủ đối với một thiểu số, vẫn chỉ là một chế độ dân chủ đối với riêng những giai cấp có của, đối với riêng bọn giàu có mà thôi. Trong xã hội tư bản chủ nghĩa, tự do luôn luôn vẫn gần giống như tự do trong các nước cộng hòa Hy-lạp thời cổ: một thứ tự do cho chủ nô. Những người nô lệ làm thuê ngày nay, do sự bóc lột tư bản chủ nghĩa, nên bị cảnh thiếu thốn đói khổ đè nặng đến nỗi «không thiết gì đến dân chủ», «không thiết gì đến chính trị», và đến nỗi, trong tiến trình bình thường, hòa bình, của các sự biến, đa số nhân dân đều bị gạt ra ngoài sinh hoạt chính trị - xã hội.

Tính chất chính xác của nhận xét đó có lẽ được nước Đức chứng minh rõ rệt hơn cả, vì nước Đức chính là nơi mà pháp chế theo hiến pháp đã được duy trì trong gần nửa thế kỷ (1871 — 1914) một cách kiên cố và lâu dài khác thường, và vì trong thời gian đó, Đảng dân

chủ - xã hội ở nước Đức, hơn ở nước nào hết, đã biết «lợi dụng sự hợp pháp» và tổ chức công nhân thành một chính đảng, với một tỷ trọng cao hơn bất cứ ở nơi nào khác trên thế giới.

Vậy thử hỏi cái tỷ trọng những người nô lệ làm thuê giác ngộ và tích cực về chính trị như thế — cái tỷ trọng cao nhất đã thấy được trong xã hội tư bản chủ nghĩa — là bao nhiêu? Trong số mười lăm triệu công nhân làm thuê có một triệu đảng viên dân chủ - xã hội! Trong số mười lăm triệu công nhân, có ba triệu người ở trong tổ chức công đoàn!

Dân chủ cho một thiểu số rất nhỏ, dân chủ cho người giàu, đó là nền dân chủ trong xã hội tư bản chủ nghĩa. Nếu xét kỹ hơn cái cơ cấu của nền dân chủ tư bản chủ nghĩa, thì chúng ta sẽ thấy khắp nơi, trong những chi tiết «nhỏ nhặt» (gọi là nhỏ nhặt) của luật tuyển cử (điều kiện cư trú, phụ nữ không được tham gia, v. v.), trong hoạt động của các cơ quan đại nghị, trong những trở ngại thực sự cho quyền hội họp (hội trường công cộng không phải để cho «người cùng khổ» dùng!), trong sự tổ chức báo chí hàng ngày thuần túy theo nguyên tắc tư bản chủ nghĩa, v. v., v. v., chúng ta sẽ thấy chế độ dân chủ phải chịu hết hạn chế này đến hạn chế khác. Các sự hạn chế, những điều loại trừ, những ngoại lệ, những trở ngại ấy đối với người nghèo, thì tựa hồ như là nhỏ nhặt, nhất là theo con mắt của những người chưa từng bao giờ tự mình nếm mùi thiếu thốn và chưa bao giờ gần gũi những giai cấp bị áp bức và gần gũi đời sống của số quần chúng thuộc các giai cấp ấy (và đó là trường hợp của chín phần mười, nếu không phải là chín mươi chín phần trăm, những nhà chính luận và những nhà chính trị tư sản), — nhưng tổng cộng lại thì các thứ hạn chế đó sẽ loại bỏ, gạt bỏ người nghèo ra ngoài chính trị, không cho họ tham gia tích cực vào chế độ dân chủ.

Mác đã nắm được rất tài tình *thực chất* ấy của chế độ dân chủ tư bản chủ nghĩa, khi ông nói trong đoạn phân tích kinh nghiệm Công xã rằng người ta cho phép những người bị áp bức, cứ mấy năm một lần, lại được quyết định xem trong số đại biểu của giai cấp áp bức, người nào sẽ thay mặt họ và sẽ chà đạp lên họ ở nghị viện![263]

Nhưng con đường tiến tới, từ chế độ dân chủ tư bản chủ nghĩa ấy, — một thứ dân chủ tất nhiên là bó hẹp, chà đạp lên người nghèo một cách kín đáo, và vì vậy, hoàn toàn giả dối và dối trá, — không dẫn một cách đơn giản, trực tiếp và êm ái «đến một chế độ dân chủ ngày càng hoàn bị hơn», như các giáo sư theo phái tự do và bọn cơ hội tiểu

tư sản vẫn tưởng tượng. Không. Con đường tiến lên, nghĩa là tiến lên chủ nghĩa cộng sản, phải trải qua chuyên chính vô sản chứ không thể đi theo hướng nào khác cả, vì không có giai cấp nào khác, mà cũng không có con đường nào khác, để *đập tan sự phản kháng* của bọn tư bản bóc lột được.

Mà chuyên chính vô sản, nghĩa là việc tổ chức đội tiên phong của những người bị áp bức thành giai cấp thống trị để trấn áp bọn áp bức, thì không thể giản đơn đóng khung trong việc mở rộng chế độ dân chủ được. *Đồng thời* với việc mở rộng rất nhiều chế độ dân chủ — *lần đầu tiên* biến thành chế độ dân chủ cho người nghèo, chế độ dân chủ cho nhân dân chứ không phải cho bọn nhà giàu — chuyên chính vô sản còn thực hành một loạt biện pháp hạn chế quyền tự do đối với bọn áp bức, bọn bóc lột, bọn tư bản. Bọn đó, chúng ta phải trấn áp để giải phóng nhân loại khỏi chế độ nô lệ làm thuê, phải dùng bạo lực để đập tan sự phản kháng của chúng, và chỗ nào có trấn áp, có bạo lực, thì đương nhiên là chỗ đó không có tự do mà cũng không có dân chủ.

Điều đó, Ăng-ghen đã diễn đạt một cách tài tình trong bức thư gửi Bê-ben, như bạn đọc còn nhớ, trong bức thư ấy, ông nói rằng «giai cấp vô sản cần có nhà nước không phải là vì tự do, mà là để trấn áp kẻ địch của mình, và ngày nào có thể nói đến tự do thì nhà nước không còn nữa».

Dân chủ cho tuyệt đại đa số nhân dân và trấn áp bằng vũ lực bọn bóc lột, bọn áp bức nhân dân, nghĩa là tước bỏ dân chủ đối với bọn chúng: đó là sự biến đổi của chế độ dân chủ trong thời kỳ *quá độ* từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản.

Chỉ trong xã hội cộng sản chủ nghĩa, khi sự phản kháng của bọn tư bản đã hoàn toàn bị đập tan, khi bọn tư bản đã tiêu tan đi rồi và không còn có giai cấp nữa (nghĩa là giữa những thành viên trong xã hội không còn có sự phân biệt nào nữa về những quan hệ của họ đối với những tư liệu sản xuất xã hội), *chỉ* lúc đó «nhà nước mới không còn nữa và *mới có thể nói đến tự do*». Chỉ lúc đó, một nền dân chủ thật sự hoàn bị, thật sự không có hạn chế, mới có thể có được và được thực hiện. Chỉ lúc đó, chế độ dân chủ mới bắt đầu *tiêu vong* vì lý do đơn giản là một khi thoát khỏi chế độ nô lệ tư bản chủ nghĩa, thoát khỏi những sự khủng khiếp, những sự dã man, những sự phi lý, những sự bỉ ổi không sao kể xiết của chế độ bóc lột tư bản chủ nghĩa, thì người ta *sẽ* dần dần *quen* với việc tôn trọng những quy tắc sơ thiểu của đời sống chung trong xã hội, — những quy tắc này vẫn có từ bao thế

kỳ, vẫn được nhắc đi nhắc lại suốt bao nghìn năm trong tất cả mọi châm ngôn, — tôn trọng mà không cần có bạo lực, không cần có cưỡng bức, không cần có sự phục tùng, ***không cần cái bộ máy*** cưỡng bức ***đặc biệt***, gọi là nhà nước.

Thành ngữ «nhà nước *tiêu vong*» là một thành ngữ chọn rất đạt, vì nó nói lên được cả tính chất tuần tự, lẫn tính chất tự phát của quá trình. Chỉ có tập quán mới có thể có tác dụng ấy, và chắc chắn sẽ có tác dụng ấy, vì chung quanh chúng ta, chúng ta vẫn thấy hàng ngàn hàng vạn lần rằng, khi nào không có bóc lột, không có gì làm cho người ta phẫn nộ, làm cho người ta phản kháng và nổi loạn, khiến cần phải *trấn áp*, thì người ta dễ quen với việc tôn trọng những quy tắc cần thiết cho đời sống chung trong xã hội.

Vậy là trong xã hội tư bản chủ nghĩa, chúng ta chỉ có một thứ dân chủ cắt xén, khốn khổ, giả dối, một thứ dân chủ chỉ dành riêng cho bọn giàu có, cho số ít. Lần đầu tiên chuyên chính vô sản, tức là thời kỳ quá độ tiến tới chủ nghĩa cộng sản, sẽ đem lại một chế độ dân chủ cho nhân dân, cho số đông, đi đôi với sự trấn áp tất yếu đối với số ít, đối với bọn bóc lột. Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới có thể đưa lại một chế độ dân chủ thật sự hoàn bị, và nó càng hoàn bị bao nhiêu thì lại càng mau trở nên thừa và tự tiêu vong bấy nhiêu.

Nói một cách khác: nhà nước dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, nhà nước theo đúng nghĩa của nó, là một bộ máy trấn áp đặc biệt của giai cấp này đối với một giai cấp khác, hơn nữa lại là của thiểu số đối với đa số. Một thiểu số người bóc lột muốn tiến hành có kết quả việc trấn áp thường xuyên một đa số người bị bóc lột thì đương nhiên phải hung ác, tàn bạo đến cực độ trong sự trấn áp, phải gây ra hàng bể máu mà nhân loại đã từng trải qua dưới chế độ nô lệ, chế độ nông nô và chế độ lao động làm thuê.

Tiếp nữa, trong thời kỳ *quá độ* từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản, sự trấn áp *vẫn còn* tất yếu, nhưng nó đã là sự trấn áp của đa số bị bóc lột đối với thiểu số bóc lột. Cơ quan đặc biệt, bộ máy trấn áp đặc biệt là «nhà nước» *vẫn còn* cần thiết, nhưng nó đã là nhà nước quá độ, mà không còn là nhà nước theo đúng nghĩa của nó nữa, vì việc đa số người *hôm qua* là nô lệ làm thuê trấn áp thiểu số người bóc lột, là việc tương đối dễ dàng, đơn giản, tự nhiên, nên sẽ rất ít tốn máu hơn việc trấn áp những cuộc khởi nghĩa của nô lệ, của nông nô, của công nhân làm thuê, nên, đối với nhân loại, sẽ ít tốn kém hơn nhiều. Sự trấn áp ấy có thể dung hợp với việc mở rộng chế độ dân chủ cho

tuyệt đại đa số nhân dân khiến sự cần thiết phải có một *bộ máy* trấn áp *đặc biệt* cũng bắt đầu mất dần. Bọn bóc lột dĩ nhiên là không trấn áp được nhân dân, nếu không có một bộ máy trấn áp rất phức tạp để làm nhiệm vụ đó, còn *nhân dân* thì dầu chỉ có một «bộ máy» rất giản đơn, hầu như không cần có «bộ máy» nữa, không cần có cơ quan đặc biệt nữa, mà chỉ với *tổ chức quần chúng vũ trang* đơn giản (đại loại như Xô-viết đại biểu công nhân và binh sĩ, — đây là chúng tôi xin nêu trước như vậy), cũng có thể trấn áp được bọn bóc lột.

Sau cùng, chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới làm cho nhà nước trở nên hoàn toàn không cần thiết, vì lúc bấy giờ không còn *ai* để trấn áp, chữ «ai» hiểu theo nghĩa là *giai cấp*, không còn phải đấu tranh có hệ thống chống một bộ phận dân cư nhất định nào đó. Chúng ta không phải là những người không tưởng, và chúng ta nhận rằng những hành vi thái quá của *một số cá nhân* là có thể có và không thể nào tránh được, chúng ta cũng không phủ nhận sự cần thiết phải trấn áp những hành vi thái quá *ấy*. Nhưng, trước hết, tuyệt nhiên không cần phải có một bộ máy đặc biệt, một bộ máy trấn áp đặc biệt để trấn áp; nhân dân vũ trang sẽ tự mình làm việc đó một cách cũng giản đơn, cũng dễ dàng như bất cứ một đám đông những người văn minh, ngay trong xã hội hiện nay, đứng ra can những người đánh nhau hay ngăn không cho ức hiếp phụ nữ. Thứ nữa, chúng ta biết rằng nguyên nhân xã hội sâu xa của những hành vi thái quá vi phạm quy tắc của cuộc sống chung trong xã hội, là sự bóc lột những quần chúng lâm vào cảnh thiếu thốn, cùng khổ. Một khi gạt bỏ được nguyên nhân chủ yếu ấy, thì những hành vi thái quá tất nhiên sẽ bắt đầu *«tiêu vong»*. Mau chóng như thế nào, mức độ như thế nào, thì chúng ta không biết, nhưng chúng ta biết rằng những hành vi thái quá đó thế nào cũng sẽ tiêu vong. Và cùng với sự tiêu vong đó, nhà nước *sẽ tiêu vong* theo.

Đối với tương lai đó, Mác không đi vào không tưởng, mà chỉ xác định chi tiết những điều có thể xác định được *ngay từ bây giờ*, tức là: sự khác nhau giữa giai đoạn (trình độ, thời kỳ) thấp và giai đoạn cao của xã hội cộng sản chủ nghĩa.

3. GIAI ĐOẠN ĐẦU CỦA XÃ HỘI CỘNG SẢN

Trong cuốn «Phê phán cương lĩnh Gô-ta», Mác đã bác một cách tỉ mỉ tư tưởng của Lát-xan cho rằng dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, công nhân sẽ được lĩnh «sản phẩm không bị khấu chiết» hoặc «sản

phẩm toàn vẹn của lao động của họ». Mác vạch ra rằng trong toàn bộ sản phẩm xã hội của toàn thể xã hội, phải để ra: một khoản dự trữ, một khoản để mở rộng sản xuất, một khoản để thay những máy móc «đã mòn», v v.. Rồi, trong số vật phẩm tiêu dùng, còn phải để ra: một khoản để chi về quản lý, về trường học, về bệnh viện, về nhà dưỡng lão, v. v..

Mác vạch ra rất sáng suốt cho ta thấy xã hội xã hội chủ nghĩa sẽ phải quản lý kinh tế như thế nào, chứ không đưa ra một câu mơ hồ, tối nghĩa và chung chung như Lát-xan («cho công nhân được hưởng sản phẩm toàn vẹn của lao động của họ»). Mác phân tích *cụ thể* những điều kiện sinh hoạt trong một xã hội không còn có chủ nghĩa tư bản, và Mác nói như sau:

> «Cái xã hội mà chúng ta nói ở đây» (trong khi phân tích cương lĩnh của đảng công nhân), «là một xã hội cộng sản, nhưng không phải một xã hội cộng sản đã *phát triển* trên những cơ sở riêng của nó, mà trái lại, là một xã hội cộng sản chính vừa đang từ xã hội tư bản *thoát ra*, vì vậy, về mọi mặt kinh tế, đạo đức, trí tuệ, xã hội ấy còn mang những dấu vết của xã hội cũ, xã hội đã đẻ ra nó».

Chính cái xã hội cộng sản ấy, xã hội vừa mới thoát thai từ chủ nghĩa tư bản và, về mọi phương diện, vẫn còn mang dấu vết của xã hội cũ, Mác gọi là giai đoạn «đầu» hay giai đoạn thấp của xã hội cộng sản.

Tư liệu sản xuất không còn là của riêng của cá nhân nữa, mà thuộc về toàn thể xã hội. Mỗi thành viên trong xã hội, khi đã hoàn thành một phần nào đó của lao động xã hội - tất yếu, thì được xã hội cấp cho một giấy chứng nhận số lượng lao động mình đã làm. Với giấy chứng nhận ấy, người đó sẽ được lĩnh trong các kho công cộng chứa vật phẩm tiêu dùng, một số lượng sản phẩm thích ứng. Vì vậy, sau khi đã khấu trừ số lượng lao động góp vào quỹ chung của xã hội, thì mỗi công nhân sẽ lĩnh được của xã hội một phần bằng phần mình đã cống hiến cho xã hội.

Như vậy, tựa hồ như có «bình đẳng» rồi.

Nhưng khi nói đến chế độ xã hội ấy (thường vẫn gọi là chủ nghĩa xã hội, còn Mác thì gọi là giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản), thì Lát-xan lại cho rằng làm như thế là «phân phối công bằng», «mỗi người đều có quyền bình đẳng được hưởng một số sản phẩm ngang với lao động của mình», Lát-xan đã lầm, và Mác đã giải thích rõ lầm ở chỗ nào.

Mác nói: đành rằng ở đây thực ra chúng ta có được «quyền bình đẳng», nhưng *vẫn còn* là «pháp quyền tư sản», quyền này, cũng như mọi quyền khác, vẫn lấy *bất bình đẳng làm tiền đề*. Bất cứ quyền nào cũng đều có nghĩa là áp dụng một tiêu chuẩn *duy nhất* cho những người *khác nhau*, cho những người thật ra thì không giống nhau và cũng không ngang nhau. Cho nên, «quyền bình đẳng», có nghĩa là vi phạm sự bình đẳng, là không công bình. Thực thế, người nào đã hoàn thành một phần lao động xã hội ngang nhau thì sẽ được lĩnh một phần sản phẩm xã hội ngang nhau (sau khi đã khấu trừ những phần đã nói ở trên).

Nhưng, các cá nhân thì lại không ngang nhau: người này khỏe hơn, người kia yếu hơn; người này đã lập gia đình, người kia chưa; người này nhiều con hơn, người kia ít con hơn, v. v..

Mác kết luận:

> «...Tuy làm việc ngang nhau và do đó, cũng dự phần ngang nhau vào quỹ tiêu dùng của xã hội, nhưng thật ra thì người này lĩnh nhiều hơn người kia, người này giàu hơn người kia, v. v.. Muốn tránh tất cả những điều ấy, thì quyền sẽ không thể bình đẳng, mà phải là không bình đẳng...»

Cho nên, giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản chưa thể thực hiện được công bằng và bình đẳng: về mặt của cải, thì vẫn còn chênh lệch, mà những chênh lệch ấy là bất công, nhưng tình trạng người *bóc lột* người thì không thể có nữa, vì không ai có thể chiếm *tư liệu sản xuất*, công xưởng, máy móc, đất đai, v. v. làm của riêng được. Trong khi bác bỏ câu nói mơ hồ và tiểu tư sản của Lát-xan về «bình đẳng» và «công bằng» *nói chung*, Mác vạch ra *tiến trình phát triển* của xã hội cộng sản, xã hội này thoạt đầu *bắt buộc* phải phá hủy *chỉ* riêng cái «điều bất công» này: việc cá nhân chiếm hữu tư liệu sản xuất làm của riêng, nhưng *không đủ sức* phá hủy ngay điều bất công khác nữa, tức là: việc phân phối vật phẩm tiêu dùng «theo lao động» (chứ không theo nhu cầu).

Những nhà kinh tế học tầm thường, trong đó có bọn giáo sư tư sản, kể cả Tu-gan «của chúng ta» nữa, luôn luôn trách những người xã hội chủ nghĩa là quên mất sự bất bình đẳng giữa người ta với nhau, và «mơ ước» xóa bỏ sự bất bình đẳng ấy. Sự trách móc ấy, như chúng ta thấy, chỉ chứng tỏ rằng các ngài tư tưởng gia tư sản hết sức dốt.

Mác tính rất chính xác không những đến sự bất bình đẳng không thể tránh được giữa người ta với nhau, mà còn tính cả đến điều khác nữa là chỉ riêng bản thân việc biến tư liệu sản xuất thành sở hữu chung của toàn thể xã hội («chủ nghĩa xã hội» theo nghĩa thông thường) thì cũng *không xóa bỏ được* những thiếu sót của phân phối và sự bất bình đẳng của «pháp quyền tư sản», pháp quyền này vẫn *tiếp tục thống trị*, vì sản phẩm được phân phối «theo lao động».

Mác nói tiếp:

> «...Nhưng những thiếu sót đó không thể nào tránh khỏi được trong giai đoạn đầu của xã hội cộng sản là xã hội vừa thoát thai từ xã hội tư bản chủ nghĩa, sau một cơn đau đẻ kéo dài và đau đớn. Quyền không bao giờ có thể cao hơn chế độ kinh tế và cao hơn trình độ văn minh của xã hội do chế độ kinh tế ấy quyết định...»

Như thế là trong giai đoạn đầu của xã hội cộng sản (mà người ta vẫn thường gọi là chủ nghĩa xã hội), «pháp quyền tư sản» *chưa* bị xóa bỏ hoàn toàn mà chỉ bị xóa bỏ một phần, chỉ bị xóa bỏ với mức độ phù hợp với cuộc cách mạng kinh tế đã được hoàn thành, nghĩa là chỉ trong phạm vi tư liệu sản xuất thôi. «Pháp quyền tư sản» thừa nhận tư liệu sản xuất là sở hữu riêng của cá nhân. Chủ nghĩa xã hội biến tư liệu sản xuất thành tài sản *chung*. *Trong phạm vi ấy* — và chỉ trong phạm vi ấy — «pháp quyền tư sản» không còn nữa.

Nhưng, trong bộ phận khác của nó, thì pháp quyền ấy vẫn còn tồn tại với tư cách là yếu tố điều tiết (quyết định) việc phân phối sản phẩm và phân phối lao động giữa những thành viên trong xã hội. «Người nào không làm thì không ăn»: nguyên tắc xã hội chủ nghĩa ấy *đã* được thực hiện; «số lượng lao động ngang nhau, thì hưởng số lượng sản phẩm ngang nhau», nguyên tắc xã hội chủ nghĩa này nữa cũng *đã* được thực hiện. Nhưng đó vẫn chưa phải là chủ nghĩa cộng sản, và điều đó vẫn chưa gạt bỏ được «pháp quyền tư sản» là thứ pháp quyền cung cấp một số lượng sản phẩm ngang nhau cho những người không ngang nhau và cho một số lượng lao động không ngang nhau (không ngang nhau trong thực tế).

Mác nói đó là một «thiếu sót», nhưng trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản thì không thể tránh khỏi, vì nếu không rơi vào không tưởng thì không thể nghĩ rằng sau khi lật đổ chủ nghĩa tư bản, người ta sẽ tức khắc có thể làm việc cho xã hội *mà không cần phải có tiêu chuẩn pháp quyền nào cả*, hơn nữa, việc xóa bỏ chủ nghĩa tư bản *không thể*

đem lại ngay được những tiền đề kinh tế cho một sự thay đổi *như vậy*.

Nhưng ngoài những tiêu chuẩn của «pháp quyền tư sản» ra, thì không có tiêu chuẩn nào khác. Do đó, vẫn cần có nhà nước để vừa bảo vệ chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, vừa bảo vệ bình đẳng về lao động và bình đẳng trong việc phân chia các sản phẩm.

Nhà nước sẽ tiêu vong, chừng nào mà không còn có bọn tư bản, không còn có giai cấp và, do đó, không còn có *giai cấp* nào để *trấn áp* nữa.

Nhưng nhà nước vẫn chưa tiêu vong hẳn, vì vẫn còn sự bảo vệ «pháp quyền tư sản», là pháp quyền xác nhận sự bất bình đẳng trong thực tế. Muốn cho nhà nước tiêu vong hẳn đi, thì phải có chủ nghĩa cộng sản hoàn toàn.

4. GIAI ĐOẠN CAO CỦA XÃ HỘI CỘNG SẢN

Mác nói tiếp:

> «...Trong giai đoạn cao của xã hội cộng sản khi mà con người không còn phụ thuộc một cách nô lệ vào sự phân công lao động nữa, và sự đối lập giữa lao động trí óc với lao động chân tay cũng theo đó mà không còn nữa; khi mà lao động sẽ không phải chỉ là một phương tiện để sinh sống nữa, mà tự nó sẽ biến thành một nhu cầu bậc nhất cho đời sống; khi mà lực lượng sản xuất cũng đã tăng lên cùng với sự phát triển toàn diện của các cá nhân và tất cả những nguồn tài phú công cộng đều tuôn ra dồi dào, — thì chỉ khi đó người ta mới có thể hoàn toàn vượt khỏi giới hạn chật hẹp của pháp quyền tư sản và xã hội mới có thể ghi trên lá cờ của mình: «Làm hết năng lực, hưởng theo nhu cầu»».

Chỉ giờ đây, chúng ta mới có thể đánh giá được tất cả sự đúng đắn của lời nhận xét của Ăng-ghen, khi ông thẳng tay chế giễu việc gắn liền một cách vô lý hai danh từ «nhà nước» và «tự do». Chừng nào còn nhà nước, thì chừng đó không có tự do. Đến khi có tự do thì không còn nhà nước nữa.

Cơ sở kinh tế làm cho nhà nước tiêu vong hoàn toàn là chủ nghĩa cộng sản đạt tới một trình độ phát triển cao khiến mọi sự đối lập giữa lao động trí óc và lao động chân tay không còn nữa, và do đó, cũng không còn một trong những nguồn gốc chủ yếu của sự bất bình đẳng *xã hội* hiện nay; cái nguồn gốc này, nếu chỉ xã hội hóa tư liệu sản xuất, chỉ tước đoạt bọn tư bản thì không thể nào làm tiêu tan ngay được.

Việc tước đoạt đó khiến cho lực lượng sản xuất có *khả năng* phát triển phi thường. Nhận thấy chủ nghĩa tư bản ngay cả hiện nay đang hết sức *ngăn trở* sự phát triển ấy và nhận thấy nhờ kỹ thuật hiện đại hiện có người ta có thể thu được biết bao tiến bộ, cho nên chúng ta có quyền khẳng định hoàn toàn chắc chắn rằng việc tước đoạt bọn tư bản tất nhiên sẽ khiến cho lực lượng sản xuất của xã hội loài người phát triển phi thường. Nhưng sự phát triển ấy sẽ mau chóng như thế nào, lúc nào thì nó đi đến chỗ đoạn tuyệt với sự phân công, thủ tiêu được sự đối lập giữa lao động trí óc và lao động chân tay, biến được lao động thành «một nhu cầu bậc nhất cho đời sống», đó là điều hiện nay chúng ta không biết và cũng *không thể* biết được.

Cho nên, chúng ta chỉ có quyền nói rằng nhà nước tất nhiên sẽ tiêu vong, đồng thời nhấn mạnh vào tính chất lâu dài của quá trình ấy, sự phụ thuộc của quá trình ấy vào tốc độ phát triển của *giai đoạn cao* của chủ nghĩa cộng sản, đồng thời gác hẳn lại vấn đề thời hạn và hình thức cụ thể của sự tiêu vong ấy, vì chúng ta *không có* tài liệu để giải quyết những vấn đề như vậy.

Nhà nước có thể tiêu vong hoàn toàn khi xã hội đã thực hiện được nguyên tắc: «làm hết năng lực, hưởng theo nhu cầu», nghĩa là khi người ta đã rất quen tôn trọng những quy tắc cơ bản của đời sống chung trong xã hội, và năng suất lao động của người ta đã lên cao đến mức là người ta sẽ tự nguyện *làm hết năng lực*. «Cái tầm mắt chật hẹp của pháp quyền tư sản» buộc người ta phải tính toán theo lối nhẫn tâm như chàng Sy-lốc[264]: khéo không lại làm nhiều hơn anh bạn bên cạnh ta nửa giờ, khéo không lại sẽ lĩnh lương ít hơn anh ta — cái tầm mắt chật hẹp ấy lúc bấy giờ sẽ được vượt qua. Lúc bấy giờ việc phân phối sản phẩm sẽ không đòi hỏi xã hội phải định khối lượng sản phẩm của từng người nhận được; mọi người sẽ tự do hưởng «theo nhu cầu».

Theo quan điểm tư sản, người ta dễ xem một chế độ xã hội như vậy là «thuần túy ảo tưởng», và dễ chế giễu những người xã hội chủ nghĩa đã hứa cho mỗi công dân được quyền muốn lấy của xã hội bao nhiêu nấm hương, bao nhiêu ô-tô, bao nhiêu dương cầm, v. v., cũng được, mà không cần kiểm tra lao động của họ. Chính phần lớn «các nhà bác học» tư sản, giờ đây, cũng vẫn chỉ biết chế giễu theo kiểu đó để lảng tránh vấn đề, như thế là họ tỏ ra ngu dốt và là người vì vụ lợi mà bênh vực chủ nghĩa tư bản.

Ngu dốt, vì không một người xã hội chủ nghĩa nào lại đi «hứa» rằng giai đoạn cao của chủ nghĩa cộng sản sẽ đến, còn như những nhà xã

hội chủ nghĩa vĩ đại *dự kiến* giai đoạn cao của chủ nghĩa cộng sản sẽ đến, thì việc đó giả định rằng năng suất lao động lúc đó sẽ khác năng suất lao động ngày nay và *sẽ không còn* con người tầm thường *ngày nay* nữa, con người có thể vung phí «vô ích» của cải chung và đòi hỏi những điều không thể thực hiện được, như bọn học sinh trường dòng của nhà văn Pô-mi-a-lốp-xki[265].

Từ nay cho đến khi giai đoạn «cao» của chủ nghĩa cộng sản xuất hiện, những người xã hội chủ nghĩa yêu cầu xã hội *và nhà nước* kiểm soát *thật nghiêm ngặt* mức độ lao động và mức độ tiêu dùng, nhưng việc kiểm soát ấy phải *bắt đầu* bằng việc tước đoạt bọn tư bản, bằng việc công nhân kiểm soát bọn tư bản, và sự kiểm soát này không phải do nhà nước của bọn quan lại thi hành mà do nhà nước của *công nhân vũ trang* thi hành.

Bọn tư tưởng gia tư sản (và đồng bọn của chúng như các ngài Txê-rê-tê-li, Tséc-nốp và bè lũ) vì vụ lợi mà bênh vực chủ nghĩa tư bản, chính là nhằm *tránh* vấn đề chính trị bức thiết *hiện nay*, bằng những cuộc tranh luận và nói suông về một tương lai xa xôi. Vấn đề đó là: tước đoạt bọn tư bản, biến *toàn thể* công dân thành người lao động và nhân viên của *một* «xanh-đi-ca» lớn *duy nhất*, tức là toàn bộ nhà nước, và đặt toàn bộ công tác của toàn thể xanh-đi-ca ấy hoàn toàn phụ thuộc vào một nhà nước thật sự dân chủ, vào *nhà nước của các Xô-viết đại biểu công nhân và binh sĩ.*

Kỳ thật, khi một giáo sư bác học, rồi đến người tầm thường, rồi đến bọn Txê-rê-tê-li và bọn Tséc-nốp, nói đến những điều không tưởng vô nghĩa, những hứa hẹn mị dân của những người bôn-sê-vích, đến việc không thể «thiết lập» chủ nghĩa xã hội, thì họ lại nghĩ đến chính giai đoạn cao ấy hay giai đoạn cộng sản chủ nghĩa mà không có ai hứa hẹn bao giờ và cũng không bao giờ có ý định «thiết lập» cả, vì nói chung thì không thể «thiết lập» được.

Ở đây, chúng ta đề cập đến sự phân biệt một cách khoa học giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, sự phân biệt đã được Ăng-ghen đề cập đến trong đoạn trích dẫn trên kia bàn về tính chất không chính xác của danh từ «dân chủ - xã hội». Về mặt chính trị, thì chắc chắn là sự khác nhau giữa giai đoạn đầu hay giai đoạn thấp và giai đoạn cao của chủ nghĩa cộng sản, sau này sẽ rất lớn, nhưng ngày nay, dưới chế độ tư bản chủ nghĩa mà chú trọng đến vấn đề đó, thì thật là buồn cười, và có lẽ chỉ một vài người vô chính phủ chủ nghĩa mới có thể đưa vấn đề ấy lên hàng đầu (nếu quả trong đám người vô chính phủ chủ

nghĩa còn có người không học được gì hết, sau khi bọn Crô-pốt-kin, bọn Gra-vơ, bọn Coóc-nê-lít-xen và «những ngôi sao» khác của chủ nghĩa vô chính phủ đã biến, theo kiểu Plê-kha-nốp, thành những người xã hội - sô-vanh hay thành những người vô chính phủ chủ nghĩa ở dưới chiến hào, như lời của Ghê, một trong số rất ít những người vô chính phủ còn giữ được danh dự và lương tâm, đã nói).

Nhưng về mặt khoa học, thì sự khác nhau giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản thật là rõ ràng. Cái mà người ta thường gọi là chủ nghĩa xã hội thì Mác gọi là giai đoạn «đầu» hay giai đoạn thấp của xã hội cộng sản chủ nghĩa. Trong chừng mực tư liệu sản xuất đã biến thành sở hữu *chung*, thì danh từ «chủ nghĩa cộng sản» ở đây có thể dùng được, miễn là đừng quên rằng đó *không phải* là chủ nghĩa cộng sản hoàn toàn. Những lời giải thích của Mác sở dĩ có giá trị lớn là ở đây Mác cũng áp dụng một cách triệt để phép biện chứng duy vật, học thuyết về sự phát triển và xem chủ nghĩa cộng sản là một cái gì phát triển *từ* chủ nghĩa tư bản mà ra. Thay vào những định nghĩa «tưởng tượng», có tính chất kinh viện và giả tạo, thay vào những cuộc tranh luận vô ích về danh từ (thế nào là chủ nghĩa xã hội, thế nào là chủ nghĩa cộng sản), Mác phân tích cái mà người ta có thể gọi là những nấc thang trưởng thành về kinh tế của chủ nghĩa cộng sản.

Trong giai đoạn đầu, trong nấc thang thứ nhất, chủ nghĩa cộng sản *chưa* thể hoàn toàn trưởng thành về mặt kinh tế, *chưa* thể hoàn toàn thoát khỏi những tập tục hay những tàn tích của chủ nghĩa tư bản. Do đó, có hiện tượng đáng chú ý là «cái tầm chật hẹp của pháp quyền *tư sản*» vẫn được duy trì dưới chế độ cộng sản, trong giai đoạn đầu của nó. Đương nhiên về mặt phân phối vật phẩm *tiêu dùng* thì pháp quyền tư sản tất nhiên đòi hỏi phải có một *nhà nước kiểu tư sản*, vì nếu không có một bộ máy đủ sức *cưỡng bức* người ta tuân theo những tiêu chuẩn của pháp quyền thì pháp quyền có cũng như không.

Vậy là, trong một thời gian nhất định, dưới chế độ cộng sản, không những vẫn còn pháp quyền tư sản mà vẫn còn cả nhà nước kiểu tư sản nhưng không có giai cấp tư sản!

Như thế thì tựa hồ là một điều ngược đời, hoặc chỉ là một trò biện chứng của trí tuệ, những người chưa bao giờ chịu khó nghiên cứu, dù chỉ rất ít, cái nội dung phi thường sâu sắc của chủ nghĩa Mác, thì vẫn thường trách chủ nghĩa Mác.

Thật ra thì cuộc sống vẫn luôn luôn chỉ cho chúng ta thấy rằng trong tự nhiên và trong xã hội, những tàn tích của quá khứ vẫn còn rơi rớt

lại trong hiện tại. Và tuyệt nhiên không phải Mác đã tùy tiện luồn một mẩu pháp quyền «tư sản» vào chủ nghĩa cộng sản đâu, Mác chỉ nêu lên điều không thể tránh được, về mặt kinh tế và chính trị, ở trong một xã hội thoát thai *từ trong lòng* chủ nghĩa tư bản mà ra.

Chế độ dân chủ có một ý nghĩa lớn lao trong cuộc đấu tranh tự giải phóng của giai cấp công nhân chống bọn tư bản. Nhưng chế độ dân chủ hoàn toàn không phải là một giới hạn không thể vượt được, nó chỉ là một giai đoạn trên con đường từ chế độ phong kiến đến chủ nghĩa tư bản và từ chủ nghĩa tư bản đến chủ nghĩa cộng sản.

Dân chủ nghĩa là bình đẳng. Rõ ràng là cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản để giành quyền bình đẳng và thực hiện khẩu hiệu bình đẳng có một ý nghĩa rất lớn, miễn là phải hiểu bình đẳng cho đúng, hiểu theo nghĩa là xóa bỏ *giai cấp*. Nhưng dân chủ chỉ có nghĩa là bình đẳng *hình thức*. Và một khi thực hiện được quyền bình đẳng của mọi thành viên trong xã hội *đối với* việc chiếm hữu tư liệu sản xuất, nghĩa là lao động ngang nhau, tiền công ngang nhau, thì liền sau đó nhân loại tất nhiên sẽ đứng trước vấn đề phải tiến thêm một bước mới để chuyển từ bình đẳng hình thức sang bình đẳng thực sự, tức là sang thực hiện nguyên tắc: «làm hết năng lực, hưởng theo nhu cầu». Còn như nhân loại sẽ đi qua những giai đoạn nào, sẽ dùng những biện pháp thực tiễn nào để tiến tới mục đích tối cao ấy, thì chúng ta chưa biết và cũng chưa thể biết được. Nhưng điều quan trọng là phải nhìn thấy sự dối trá vô hạn trong cái quan niệm tư sản thông thường cho rằng chủ nghĩa xã hội là một cái gì chết, cứng đờ, vĩnh viễn không thay đổi; thật ra, *chỉ* có ở dưới chủ nghĩa xã hội, thì trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và cá nhân, mới bắt đầu có một sự tiến lên mau chóng, thật sự có tính chất quần chúng, lúc đầu được *đa số* nhân dân tham gia, rồi về sau được toàn thể nhân dân tham gia.

Chế độ dân chủ là một hình thức nhà nước, một trong những hình thái của nhà nước. Cho nên, cũng như mọi nhà nước, chế độ dân chủ là việc thi hành có tổ chức, có hệ thống sự cưỡng bức đối với người ta. Một mặt thì như thế. Nhưng mặt khác chế độ dân chủ có nghĩa là chính thức thừa nhận quyền bình đẳng giữa những công dân, thừa nhận cho mọi người được quyền ngang nhau trong việc xác định cơ cấu nhà nước và quản lý nhà nước. Do đó, đến một trình độ phát triển nào đó, chế độ dân chủ trước hết đoàn kết được giai cấp vô sản, giai cấp cách mạng chống chủ nghĩa tư bản, và khiến cho giai cấp vô sản

có thể phá tan, đập vụn, quét sạch khỏi mặt đất bộ máy nhà nước tư sản, dầu là tư sản cộng hòa cũng thế, tức là quân đội thường trực, cảnh sát, quan lại, và thay những thứ ấy bằng một bộ máy nhà nước dân chủ *hơn*, nhưng vẫn là một bộ máy nhà nước, dưới hình thức quần chúng công nhân vũ trang và dần dần toàn thể nhân dân cùng tham gia vào đội cảnh vệ.

Đến đây, «lượng biến thành chất»: tiến đến trình độ *ấy*, thì chế độ dân chủ vượt khỏi khuôn khổ xã hội tư sản, bắt đầu cải tạo theo chủ nghĩa xã hội. Nếu *hết thảy mọi người* đều thật sự tham gia quản lý nhà nước thì chủ nghĩa tư bản không thể đứng vững được nữa. Và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, đến lượt nó, lại tạo ra *những tiền đề* để thật sự «hết thảy mọi người» đều *có thể* tham gia quản lý nhà nước. Những tiền đề ấy là: toàn dân biết chữ, mà nhiều nước tư bản chủ nghĩa tiên tiến nhất đã thực hiện, rồi đến việc hàng triệu công nhân được «huấn luyện và rèn luyện tập quán tôn trọng kỷ luật» thông qua bộ máy xã hội hóa, to lớn và phức tạp, như bưu chính, đường sắt, nhà máy lớn, xí nghiệp thương nghiệp lớn, ngân hàng, v. v., và v. v..

Với những tiền đề *kinh tế* như thế, thì ngày một ngày hai, sau khi lật đổ bọn tư bản và bọn quan lại, người ta rất có thể lấy công nhân vũ trang, lấy toàn thể nhân dân vũ trang thay ngay cho bọn đó trong việc *kiểm soát* sản xuất và phân phối, trong việc thống kê lao động và sản phẩm. (Chớ lẫn lộn vấn đề kiểm soát và thống kê với vấn đề nhân viên có kiến thức khoa học như kỹ sư, nhà nông học, v. v.: các ngài ấy giờ đây còn làm việc theo mệnh lệnh của bọn tư bản, mai đây sẽ làm việc giỏi hơn nữa theo mệnh lệnh của công nhân vũ trang).

Thống kê và kiểm soát, đó là điều *chủ yếu* cần thiết cho cả việc «tổ chức», lẫn hoạt động đều đặn của xã hội cộng sản, trong *giai đoạn đầu* của nó. Đến đây, *hết thảy* mọi công dân đều biến thành người làm công của nhà nước do công nhân vũ trang cấu thành. *Hết thảy* mọi công dân đều trở thành nhân viên và công nhân của *một* «xanh-đi-ca» nhà nước *duy nhất* của toàn dân. Tất cả vấn đề là làm cho họ cùng có những cống hiến ngang nhau, giữ đúng mức độ lao động và lĩnh tiền ngang nhau. Việc thống kê và kiểm soát trong lĩnh vực ấy đã được chủ nghĩa tư bản làm cho *giản đơn* đến cực độ, chủ nghĩa tư bản đã biến những việc đó thành những việc giám thị và ghi chép giản đơn nhất và thành việc cấp phát biên lai tương ứng, tức là tất cả những

việc mà bất cứ ai biết đọc biết viết và biết bốn phép tính cũng đều làm được *.

Khi *đa số* nhân dân, tự mình và ở khắp mọi nơi, tiến hành thống kê và kiểm soát như thế đối với bọn tư bản (lúc đó đã biến thành nhân viên rồi) và đối với các ngài trí thức còn giữ những thói tục tư bản chủ nghĩa, thì lúc đó sự kiểm soát ấy sẽ thật vạn năng, phổ biến và có tính chất toàn dân, và không một ai có thể trốn thoát sự kiểm soát ấy bằng cách nào được cả, «không còn trốn vào đâu được cả».

Toàn thể xã hội sẽ chỉ còn là một phòng làm việc, một xưởng máy, với chế độ lao động ngang nhau thì lĩnh lương ngang nhau.

Nhưng thứ kỷ luật «xưởng máy» ấy mà giai cấp vô sản, sau khi đã chiến thắng bọn tư bản và lật đổ bọn bóc lột, sẽ đem thi hành cho toàn xã hội, thì tuyệt nhiên không phải là lý tưởng, là mục đích cuối cùng của chúng ta, mà chỉ là một *nấc thang* cần thiết để tẩy trừ tận gốc những điều xấu xa, dơ bẩn của chế độ bóc lột tư bản chủ nghĩa ra khỏi xã hội và đảm bảo sự tiến lên *xa hơn nữa*.

Đến khi tất cả mọi thành viên trong xã hội, hay ít ra là đại đa số những thành viên ấy, đã *tự mình* học được cách quản lý nhà nước, đã nắm lấy việc ấy, đã «tổ chức» việc kiểm soát số rất ít bọn tư bản, số những ngài muốn bảo tồn những thói tục tư bản chủ nghĩa và số công nhân bị chủ nghĩa tư bản hủ hóa quá độ, — khi đó, nói chung bất cứ việc quản lý nào cũng đều bắt đầu trở nên không cần thiết nữa. Chế độ dân chủ càng hoàn bị bao nhiêu thì lúc nó trở thành thừa lại càng đến gần bấy nhiêu. «Nhà nước», do công nhân vũ trang cấu thành và «không còn là nhà nước theo đúng nghĩa của nó nữa», — nhà nước đó mà càng dân chủ bao nhiêu, thì *bất cứ* hình thái nhà nước nào cũng càng mau bắt đầu tự tiêu vong bấy nhiêu.

Vì khi *mọi người* đã học được cách quản lý và thực sự đã tự mình quản lý sản xuất xã hội, khi mọi người đã tự mình bắt tay kiểm kê và kiểm soát bọn ăn bám, bọn con ông cháu cha, bọn ăn cắp cùng tất cả những bọn khác «bảo vệ truyền thống của chủ nghĩa tư bản», — thì khi đó trốn thoát sự kiểm kê ấy và sự kiểm soát ấy của toàn dân nhất định sẽ là một chuyện hết sức khó khăn và một ngoại lệ hết

* Khi nhà nước thu gọn chức năng chủ yếu của nó vào việc thống kê và kiểm soát như thế, do công nhân tự mình làm lấy, thì nhà nước không còn là «nhà nước chính trị» nữa, «các chức năng xã hội sẽ mất hết tính chất chính trị và sẽ biến thành những chức năng quản lý giản đơn» (xem trên kia, chương IV, §2, về sự luận chiến của Ăng-ghen chống bọn vô chính phủ).

sức hiểm, việc trốn tránh ấy chắc chắn sẽ đưa lại một hình phạt rất nhanh chóng và rất nghiêm (công nhân vũ trang có óc thiết thực, họ không phải là những phần tử tiểu trí thức đa cảm và họ sẽ không để cho người ta đùa với họ), cho nên *sự tất yếu* phải tuân theo những quy tắc đơn giản và cơ bản của mọi xã hội loài người sẽ rất mau trở thành một *tập quán*.

Lúc bấy giờ, cửa sẽ mở thật rộng khiến cho có thể bước được từ giai đoạn đầu lên giai đoạn cao của xã hội cộng sản và do đó nhà nước sẽ tiêu vong hẳn.

Viết xong vào tháng Tám - tháng Chín 1917

Toàn tập, t. 33

CHỦ NGHĨA MÁC VÀ KHỞI NGHĨA

THƯ GỬI BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CÔNG NHÂN DÂN CHỦ — XÃ HỘI (B) NGA

Một trong những sự xuyên tạc độc ác nhất mà có lẽ cũng là phổ biến nhất đối với chủ nghĩa Mác, mà các đảng «xã hội chủ nghĩa» đang chiếm địa vị thống trị lúc này, đã tiến hành là sự dối trá cơ hội chủ nghĩa cho rằng dường như việc chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa và, nói chung, thái độ coi vũ trang khởi nghĩa là một nghệ thuật, đều là «chủ nghĩa Blăng-ki».

Béc-stanh, thủ lĩnh phái cơ hội chủ nghĩa, đã nổi tiếng một cách thảm hại vì đã lên án chủ nghĩa Mác là chủ nghĩa Blăng-ki và bọn cơ hội chủ nghĩa hiện đang kêu la về chủ nghĩa Blăng-ki thì thật ra cũng không đổi mới gì và không «làm giàu gì thêm» những «tư tưởng» nghèo nàn của Béc-stanh.

Buộc tội những người mác-xít là theo chủ nghĩa Blăng-ki vì họ coi khởi nghĩa là một nghệ thuật! Còn có thể có một sự xuyên tạc sự thật nào đáng căm phẫn hơn khi mà không có một người mác-xít nào lại phủ nhận rằng chính Mác đã phát biểu về vấn đề đó một cách khẳng định nhất, chính xác nhất và quả quyết nhất, nói rằng khởi nghĩa chính là một *nghệ thuật*, rằng cần phải coi nó là một nghệ thuật, cần phải *giành lấy* những thắng lợi đầu tiên rồi đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, không ngừng *tiến công* địch, lợi dụng sự hoang mang của chúng v. v..

Muốn thắng lợi, khởi nghĩa không được dựa vào một âm mưu, một chính đảng, mà phải dựa vào giai cấp tiên phong. Đó là điểm thứ nhất. Khởi nghĩa phải dựa vào *cao trào cách mạng của nhân dân*. Đó là điểm thứ hai. Khởi nghĩa phải dựa vào một *bước ngoặt* trong lịch sử của cuộc cách mạng đang phát triển, khi mà tính tích cực của những đội ngũ tiên tiến trong nhân dân lên cao hơn hết, khi mà sự dao động trong hàng ngũ địch và *trong hàng ngũ những người bạn mềm yếu, do dự và không kiên quyết của cách mạng* mạnh hơn hết. Đó là điểm thứ ba. *Chủ nghĩa Mác* khác với *chủ nghĩa Blăng-ki* chính là ở ba điều kiện ấy trong cách đặt vấn đề khởi nghĩa.

Nhưng một khi đã có ba điều kiện ấy mà không chịu xem khởi nghĩa là một *nghệ thuật* thì như thế là phản lại chủ nghĩa Mác, là phản bội cách mạng.

Để chứng minh rằng chính lúc chúng ta đang trải qua là lúc mà đảng *nhất thiết* phải thừa nhận là *khởi nghĩa* đã được quá trình những sự biến khách quan đề ra thành vấn đề trước mắt và phải coi khởi nghĩa là một nghệ thuật, thì tốt hơn hết, có lẽ là nên dùng phương pháp so sánh và đối chiếu tình hình giữa những ngày 3 và 4 tháng Bảy với tình hình những ngày tháng Chín.

Ngày 3 và 4 tháng Bảy, người ta có thể đặt vấn đề như sau mà không trái với sự thật: cướp lấy chính quyền thì có lẽ đúng hơn vì nếu không đằng nào kẻ thù của chúng ta cũng sẽ buộc tội chúng ta là phiến loạn và sẽ đàn áp chúng ta như những kẻ phiến loạn. Thế nhưng không thể từ đó mà đi đến kết luận là lúc đó nhất thiết phải cướp chính quyền, vì lúc đó chưa có những điều kiện khách quan cho khởi nghĩa thắng lợi.

1) Lúc bấy giờ giai cấp tiên phong của cách mạng chưa đi với chúng ta.

Chúng ta chưa chiếm được đa số trong công nhân và binh sĩ ở các thủ đô[266]. Ngày nay, chúng ta đã có đa số đó trong cả hai Xô-viết. Đa số ấy *chỉ là* do các sự biến tháng Bảy và tháng Tám, do kinh nghiệm về cuộc «đàn áp» những người bôn-sê-vích, cũng như do kinh nghiệm về cuộc phiến loạn Coóc-ni-lốp[267] mà hình thành.

2) Bấy giờ, chưa có cao trào cách mạng toàn dân. Ngày nay, sau cuộc phiến loạn Coóc-ni-lốp, đã có cao trào ấy rồi: tình hình ở các tỉnh và việc các Xô-viết cướp chính quyền ở nhiều địa phương đã chứng minh điều đó.

3) Bấy giờ, kẻ thù của chúng ta và giai cấp tiểu tư sản lưng chừng còn chưa *dao động* nghiêm trọng, đứng về mặt chính trị chung mà nói. Ngày nay, những sự dao động ấy rất mạnh: kẻ thù chính của chúng ta, chủ nghĩa đế quốc các nước đồng minh và toàn thế giới, — vì bọn «đồng minh» là bọn cầm đầu chủ nghĩa đế quốc toàn thế giới, — đang *do dự* giữa chủ trương tiếp tục chiến tranh cho đến thắng lợi và chủ trương ký hòa ước riêng chống lại nước Nga. Phái dân chủ tiểu tư sản ở nước ta, những kẻ đã rõ ràng mất đa số trong nhân dân, đang dao động ghê gớm; họ đã từ bỏ việc lập khối, nghĩa là từ bỏ việc liên minh với bọn dân chủ - lập hiến.

4) Vì vậy cho nên tiến hành khởi nghĩa, trong những ngày 3 và 4 tháng Bảy sẽ là một sai lầm: vì đứng về mặt thực lực, cũng như đứng về mặt chính trị mà nói, chúng ta đều không thể giữ được chính quyền. Về mặt thực lực, chúng ta không thể giữ được chính quyền, mặc dầu Pê-tơ-rô-grát có những lúc đã lọt vào tay chúng ta; đó là vì chính ngay công nhân và binh sĩ chúng ta lúc bấy giờ sẽ không *chịu đánh* và *chịu chết* để chiếm lấy thành phố: họ còn chưa «hung dữ» đến cao độ như ngày nay: họ chưa sôi sục căm thù như ngày nay *cả đối với* bọn Kê-ren-xki, *cũng như đối với* bọn Txê-rê-tê-li — Tséc-nốp, người của chúng ta vẫn chưa được tôi luyện bằng kinh nghiệm về cuộc đàn áp những người bôn-sê-vích, những cuộc đàn áp mà bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng và bọn men-sê-vích đã tham gia.

Về mặt chính trị, chúng ta đã không thể giữ được chính quyền trong những ngày 3 và 4 tháng Bảy, vì *trước cuộc phiến loạn Coóc-ni-lốp*, quân đội và các tỉnh có thể và nhất định sẽ tiến công Pê-tơ-rô-grát.

Hiện nay tình thế đã đổi khác hẳn rồi.

Chúng ta có được đa số trong *giai cấp* là đội tiên phong của cách mạng, đội tiên phong của nhân dân, đội tiên phong có khả năng lôi cuốn quần chúng đi theo mình.

Chúng ta có được *đa số* trong nhân dân, vì việc Tséc-nốp rút lui tuy hoàn toàn không phải là dấu hiệu duy nhất, nhưng là dấu hiệu rõ ràng nhất, nổi bật nhất, chứng tỏ rằng nông dân *sẽ không nhận được ruộng đất* từ tay khối liên minh của bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng (cũng không phải từ tay chính ngay bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng nữa). Và chính đó là điểm mấu chốt làm cho cuộc cách mạng mang tính chất toàn dân.

Chúng ta có ưu thế là ở vào một hoàn cảnh mà đảng biết chắc được con đường mình phải đi, trong khi đó thì *toàn bộ chủ nghĩa đế quốc*, toàn bộ khối liên minh của bọn men-sê-vích và bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng đang ở vào tình trạng dao động chưa từng thấy.

Chúng ta sẽ *thắng lợi chắc chắn*, vì nhân dân đã hoàn toàn sắp tuyệt vọng và chúng ta đã vạch cho toàn thể nhân dân lối thoát đúng đắn: trong «những ngày cuộc phiến loạn Coóc-ni-lốp», chúng ta đã chỉ cho nhân dân thấy rõ ý nghĩa của sự lãnh đạo của chúng ta; sau đó, chúng ta lại đã *đề nghị* thỏa hiệp với phe liên minh và *đã bị họ khước*

từ không thỏa hiệp với chúng ta trong điều kiện sự dao động của họ tuyệt nhiên không chấm dứt.

Nghĩ rằng đề nghị thỏa hiệp của chúng ta *còn* chưa bị cự tuyệt, rằng Hội nghị dân chủ [268] *còn* có thể tiếp nhận đề nghị đó thì hết sức sai lầm. Sự thỏa hiệp là do *một đảng* đã đề ra *với nhiều đảng*; nếu khác đi thì không thể đề ra thỏa hiệp được. *Các đảng kia* đã cự tuyệt sự thỏa hiệp. Hội nghị dân chủ chỉ là một *hội nghị* thôi, chứ không có gì hơn. Có một điều không nên quên là: *đa số* nhân dân cách mạng, tức là những nông dân nghèo khổ và bất mãn, thì không có đại biểu trong ấy. Đó là một hội nghị của *thiểu số nhân dân*, không được quên sự thật hiển nhiên đó. Coi Hội nghị dân chủ là một nghị viện thì chúng ta sẽ hết sức sai lầm, sẽ rơi vào chỗ say mê ngu ngốc nhất đối với chế độ đại nghị, vì ngay cả *nếu như* nó có tự tuyên bố là nghị viện thường trực và có quyền tối cao của cách mạng đi nữa, nó cũng vẫn *không thể quyết định* được gì hết: quyền quyết định là ở *bên ngoài Hội nghị*, ở các khu công nhân Pê-tơ-rô-grát và Mát-xcơ-va.

Trước mắt chúng ta, đã có tất cả những tiền đề khách quan của một cuộc khởi nghĩa thắng lợi. Trước mắt chúng ta, có những thuận lợi đặc biệt của một tình thế, trong đó *chỉ có* thắng lợi của chúng ta trong khởi nghĩa mới chấm dứt được những dao động đang làm cho nhân dân điêu đứng, chấm dứt cái nỗi khổ nhất thế giới đó, trong đó *chỉ có* thắng lợi của chúng ta trong khởi nghĩa mới cấp ngay ruộng đất cho nông dân, trong đó chỉ có thắng lợi *của chúng ta* trong khởi nghĩa mới *làm cho* cái trò ký kết hòa ước riêng rẽ nhằm chống lại cách mạng *phải thất bại*, làm cho nó thất bại bằng cách công khai đề nghị một hòa ước đầy đủ hơn, công bằng hơn, nhanh chóng hơn, một hòa ước *có lợi* cho cách mạng.

Sau hết, chỉ có đảng ta sau khi đã thắng lợi trong cuộc khởi nghĩa, mới *có thể* cứu được Pê-tơ-rô-grát, vì nếu đề nghị hòa bình của chúng ta bị cự tuyệt và nếu thậm chí chúng ta không đạt được một cuộc đình chiến, thì lúc đó *chúng ta* sẽ trở thành «những người vệ quốc chủ nghĩa», chúng ta sẽ *cầm đầu các đảng chủ chiến*; chúng ta sẽ trở thành đảng *«chủ chiến» quyết liệt nhất*, chúng ta sẽ tiến hành chiến tranh một cách thật sự cách mạng. Chúng ta sẽ tước hết bánh mì và *tất cả* giày ủng của bọn tư bản. Chúng ta sẽ chỉ để lại cho chúng những cùi bánh và sẽ cho chúng đi giầy rơm. Tất cả bánh mì, tất cả giày ủng, chúng ta sẽ gửi ra mặt trận cho bộ đội.

Như thế chúng ta sẽ giữ vững được Pê-tơ-rô-grát.

Nước Nga còn có rất nhiều nguồn lực lượng vật chất và tinh thần để cung ứng cho một cuộc chiến tranh thật sự cách mạng; bởi vậy có đến 99 phần trăm là chắc chắn rằng bọn Đức ít ra cũng sẽ chịu đình chiến với chúng ta. Mà hiện nay đạt được một cuộc đình chiến, tức là đã chiến thắng *toàn thế giới.*

* * *

Khi đã nhận thức rõ rằng tuyệt đối cần phải có một cuộc khởi nghĩa của công nhân Pê-tơ-rô-grát và Mát-xcơ-va để cứu cách mạng và cứu nước Nga khỏi tình trạng bị bọn đế quốc của hai phe đồng minh chia nhau bằng «hòa ước riêng rẽ» thì trước hết, chúng ta phải làm cho sách lược chính trị của chúng ta ở Hội nghị này, thích ứng với điều kiện của cuộc khởi nghĩa đang lên; sau nữa, chúng ta phải chứng minh rằng chúng ta tiếp thu, không phải chỉ trên lời nói, tư tưởng của Mác về sự cần thiết phải coi khởi nghĩa là một nghệ thuật.

Chúng ta phải củng cố ngay lập tức đảng đoàn bôn-sê-vích ở Hội nghị, không chạy theo số lượng, không sợ để mặc bọn do dự cứ ở trong phe những người do dự: để họ *ở đó* thì còn có lợi cho sự nghiệp cách mạng hơn là đưa họ vào trong phe những chiến sĩ kiên quyết và tận tụy.

Chúng ta phải thảo ra một bản tuyên ngôn ngắn của đảng đoàn bôn-sê-vích, nhấn mạnh một cách cương quyết nhất rằng những diễn văn dài dòng và những «diễn văn» nói chung thì đều không hợp thời nữa, rằng cần phải hành động ngay để cứu cách mạng, rằng tuyệt đối cần phải đoạn tuyệt hẳn với giai cấp tư sản, phải hoàn toàn truất bỏ toàn bộ chính phủ hiện thời, phải đoạn tuyệt hẳn với bọn đế quốc Anh - Pháp đang chuẩn bị dùng «hòa ước riêng rẽ» để chia nhau nước Nga, cần phải chuyển ngay toàn bộ chính quyền vào tay *phái dân chủ cách mạng do giai cấp vô sản cách mạng lãnh đạo.*

Bản tuyên ngôn của chúng ta phải nêu lên được một cách hết sức ngắn và hết sức rõ cái kết luận *sau đây* gắn liền với bản dự thảo cương lĩnh của chúng ta: hòa bình cho các dân tộc, ruộng đất cho nông dân, tịch thu những món lời bỉ ổi của bọn tư bản, trấn áp bọn tư bản phá hoại sản xuất một cách vô liêm sỉ.

Bản tuyên ngôn ấy càng ngắn, càng rạch ròi chừng nào càng tốt chừng ấy. Nhưng trong đó còn phải vạch rõ thêm hai điểm hết sức

quan trọng: những sự dao động đã làm cho nhân dân điêu đứng, những sự do dự của bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng và bọn men-sê-vích đã làm cho họ khổ sở lắm rồi, chúng ta cắt đứt hẳn quan hệ với *những đảng* ấy, vì chúng đã phản bội cách mạng.

Điểm nữa là: bằng cách đề nghị ngay một hòa ước không thôn tính, bằng cách đoạn tuyệt ngay với bọn đế quốc đồng minh và tất thảy bọn đế quốc khác, chúng ta hoặc sẽ đạt ngay được một cuộc đình chiến, hoặc sẽ tập hợp được toàn bộ giai cấp vô sản cách mạng vào việc bảo vệ đất nước và dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản cách mạng, phái dân chủ cách mạng sẽ tiến hành một cuộc chiến tranh thật sự chính nghĩa, thật sự cách mạng.

Sau khi đã đọc lên bản tuyên ngôn đó, sau khi đã kêu gọi phải *quyết định* chứ không phải chỉ nói suông, phải *hành động* chứ không phải chỉ thảo nghị quyết, chúng ta phải *tung* tất cả đảng đoàn của chúng ta *vào trong nhà máy và trại lính*; ở đó là địa bàn hoạt động của đảng đoàn, ở đó là đầu não của cuộc sống, ở đó là lực lượng cứu được cách mạng, ở đó là động lực của Hội nghị dân chủ.

Ở đó, trong những lời diễn văn sôi nổi, đầy nhiệt tình, chúng ta phải giải thích cương lĩnh của chúng ta và đặt vấn đề như sau: hoặc là Hội nghị *hoàn toàn* thừa nhận cương lĩnh đó, hoặc là khởi nghĩa. Không thể lưng chừng được. Không thể chờ đợi được. Cách mạng đang lâm nguy.

Một khi đã đặt vấn đề như thế rồi, đã tập trung toàn bộ đảng đoàn của chúng ta vào nhà máy và trại lính rồi, thì *chúng ta sẽ tính được đúng lúc nào nên phát động khởi nghĩa*.

Và muốn đứng trên quan điểm mác-xít để xét khởi nghĩa, nghĩa là muốn coi khởi nghĩa là một nghệ thuật, thì chúng ta phải đồng thời, không để mất một phút, tổ chức ngay một *bộ tham mưu* của các đoàn quân khởi nghĩa; phân phối lực lượng, điều động các đơn vị tin cậy đến những địa điểm quan trọng nhất; bao vây nhà hát A-lếch-xan-đrin-ca; chiếm lĩnh thành Pê-tơ-rô-páp-lốp-ca[269]; bắt giam Bộ tổng tham mưu và chính phủ; phái những đơn vị sẵn sàng hy sinh tính mạng chứ không để cho quân địch thâm nhập các trung tâm của thành phố, đi chặn đánh bọn học sinh sĩ quan[270] và sư đoàn dã man[271]. Chúng ta phải huy động những công nhân có vũ trang, kêu gọi họ tham gia một trận chiến đấu quyết liệt cuối cùng, phải chiếm ngay cơ quan điện tín và điện thoại, đặt Bộ tham mưu khởi nghĩa *của chúng ta* bên cạnh Tổng điện thoại, nối liên lạc bằng điện thoại giữa Bộ tham mưu khởi

nghĩa với tất cả các nhà máy, tất cả các binh đoàn, tất cả các địa điểm đang diễn ra cuộc chiến đấu vũ trang, v. v..

Tất cả những điều đó dĩ nhiên chỉ là nói một cách ước lượng để *chứng minh* rằng trong thời kỳ chúng ta đang sống hiện nay, thì không thể trung thành với chủ nghĩa Mác, trung thành với cách mạng, *nếu không coi khởi nghĩa là một nghệ thuật.*

N. Lê-nin

Viết ngày 13 - 14 (26 - 27) tháng Chín 1917

Toàn tập, t. 34

LỜI KHUYÊN CỦA NGƯỜI VẮNG MẶT

Tôi viết những dòng này vào ngày 8 tháng Mười, không hy vọng gì lắm là ngày 9 đã đến tay các đồng chí ở Pê-tơ-rô-grát được. Có thể là những dòng này sẽ đến quá chậm, vì đại hội các Xô-viết miền Bắc đã định họp vào ngày 10 tháng Mười. Tuy vậy, tôi cũng thử đưa ra «Lời khuyên của người vắng mặt» của tôi, để đáp ứng trường hợp mà công nhân và binh sĩ ở Pê-tơ-rô-grát và toàn «vùng xung quanh» có thể vùng dậy nay mai, nhưng hiện giờ còn chưa vùng dậy.

Tất cả chính quyền phải chuyển sang tay các Xô-viết, đó là điều rõ ràng. Cũng không chối cãi được rằng mọi người bôn-sê-vích đều phải thấy chắc chắn là chính quyền cách mạng vô sản (hay bôn-sê-vích — hiện nay gọi là bôn-sê-vích thì cũng thế) đã được hết thảy những người lao động và bị bóc lột trên toàn thế giới, kể cả trong những nước tham chiến và đặc biệt trong giai cấp nông dân Nga, hết sức đồng tình và tuyệt đối ủng hộ. Những chân lý đó, ai cũng biết cả rồi và được chứng minh từ lâu rồi, nên không cần phải mất công nói đến nữa.

Nhưng phải nói đến một điểm mà chắc nhiều đồng chí còn chưa hoàn toàn hiểu rõ, tức là: việc chuyển chính quyền vào tay các Xô-viết thì hiện nay, trong thực tiễn, có nghĩa là khởi nghĩa vũ trang. Điều đó xem chừng đã rõ ràng, nhưng không phải mọi người đều đã và đang suy nghĩ sâu về điều ấy. Bây giờ mà cự tuyệt khởi nghĩa vũ trang là cự tuyệt khẩu hiệu chủ yếu của chủ nghĩa bôn-sê-vích (tất cả chính quyền về tay các Xô-viết) và là hoàn toàn cự tuyệt chủ nghĩa quốc tế vô sản cách mạng nói chung.

Nhưng khởi nghĩa vũ trang là một hình thức *đặc biệt* của đấu tranh chính trị; nó tuân theo những quy luật đặc biệt, mà ta cần phải chú ý suy nghĩ. Chân lý đó, Các Mác đã diễn đạt một cách hết sức nổi bật, khi Người viết rằng ***«vũ trang khởi nghĩa cũng hệt như chiến tranh, là một nghệ thuật»***.

Mác đã đề ra cho nghệ thuật đó những quy tắc chủ yếu sau đây:

1) Không bao giờ được coi khởi nghĩa là một *trò đùa*, và đã bắt đầu khởi nghĩa thì cần phải nhớ kỹ là phải *tiến hành khởi nghĩa cho đến cùng*.

2) Cần phải tập trung *một ưu thế lớn về lực lượng*, ở một địa điểm quyết định, trong một thời cơ quyết định, nếu không thì địch được chuẩn bị hơn và có tổ chức hơn sẽ tiêu diệt những người khởi nghĩa.

3) Một khi đã bắt đầu khởi nghĩa thì phải hết sức *quyết tâm* hành động và dù sao cũng nhất định phải chuyển sang *tấn công*. «Phòng ngự là con đường chết của khởi nghĩa vũ trang».

4) Phải cố gắng đánh bất thình lình vào địch, đúng lúc mà quân đội địch còn phân tán.

5) *Hàng ngày* phải thu được thắng lợi, dù là thắng lợi nhỏ (nếu là ở một thành phố, thì có thể nói là: hàng giờ), dù thế nào chăng nữa cũng phải giữ cho bằng được *«ưu thế về tinh thần»*.

Mác đã tổng kết những bài học về khởi nghĩa vũ trang trong tất cả các cuộc cách mạng, bằng câu nói của «Đăng-tông, người thày vĩ đại nhất về chiến thuật cách mạng trong lịch sử là: dũng cảm, dũng cảm và luôn luôn dũng cảm» [272].

Áp dụng cho nước Nga và cho tháng Mười 1917 thì như thế có nghĩa là: cùng một lúc tiến công Pê-tơ-rô-grát, càng bất thình lình và càng nhanh càng tốt, nhất thiết cả từ bên ngoài vào lẫn ở bên trong, cả từ những khu công nhân lẫn từ Phần-lan, từ Rê-ven, từ Crôn-xtát, tiến công của *toàn bộ* hạm đội, tập trung lực lượng *vượt thật nhiều* số 15 - 20 nghìn quân (có lẽ là hơn thế nữa) của «đội cảnh vệ tư sản» ở nước ta (bọn học sinh sĩ quan) và của «đội quân Văng-đê» ở nước ta (một bộ phận quân cô-dắc) [273], v. v..

Phối hợp *ba* lực lượng chính của chúng ta là: hạm đội, công nhân và các đơn vị bộ binh nhằm nhất định và *dù hy sinh bao nhiêu đi nữa* phải chiếm lĩnh và giữ *cho bằng được*: a) điện thoại; b) điện tín; c) các nhà ga; d) và trước hết là các cầu.

Chọn những người *kiên quyết nhất* (những «đội quân xung kích» của chúng ta và *thanh niên công nhân* cũng như những thủy quân ưu tú nhất) và tổ chức họ thành những đơn vị nhỏ để đi chiếm đóng tất cả các cứ điểm trọng yếu nhất và *tham gia* tất cả các chiến dịch trọng yếu ở khắp nơi, như:

Bao vây và cô lập Pê-tơ-rô-grát, chiếm lấy Pê-tơ-rô-grát bằng một cuộc tấn công phối hợp của hạm đội, công nhân và lục quân — nhiệm

vụ này đòi hỏi phải có *nghệ thuật và một tinh thần anh dũng gấp ba.*

Tổ chức những đơn vị gồm những công nhân ưu tú nhất vũ trang bằng súng trường và lựu đạn để tiến công và bao vây «những trung tâm» của địch (trường sĩ quan, điện tín, điện thoại, v. v.) với tinh thần của khẩu hiệu: *thà hy sinh đến người cuối cùng, chứ quyết không để cho địch chạy thoát.*

Mong rằng trong trường hợp cuộc khởi nghĩa được quyết định thì những người lãnh đạo sẽ biết vận dụng một cách có hiệu quả những lời vĩ đại của Đăng-tông và của Mác.

Thắng lợi của cách mạng Nga và của cách mạng thế giới là do hai ba ngày chiến đấu quyết định.

Viết xong ngày 8 (21) tháng Mười 1917 — Toàn tập, t. 34

NHỮNG LỜI TIÊN TRI

Ơn trời! Bây giờ người ta không còn tin những chuyện thần kỳ nữa. Những lời tiên tri thần kỳ đều là những chuyện hoang đường. Nhưng những lời tiên tri khoa học thì lại là một sự thực. Và ngày nay, trong khi khắp nơi thường có tình trạng chán nản một cách nhục nhã, hoặc thậm chí có tâm lý tuyệt vọng nữa, mà nhắc lại một lời tiên tri khoa học đã được chứng thực rồi thì cũng là một việc bổ ích.

Năm 1887, Phri-đrích Ăng-ghen đã có dịp viết về cuộc chiến tranh thế giới tương lai, trong lời tựa cuốn sách của Xi-ghi-dơ-mun Boóc-khem: «Để kỷ niệm những nhà ái quốc cực đoan Đức thời kỳ 1806 - 1807» («Zur Erinnerung für die deutschen Mordspatrioten 1806-1807»). (Cuốn sách nhỏ này là tập XXIV trong «Tủ sách dân chủ - xã hội» xuất bản năm 1888 ở Gót-tinh-gơ - Xuy-rích.)

Dưới đây là lời Ăng-ghen nhận xét, cách đây hơn ba mươi năm, về cuộc chiến tranh thế giới tương lai:

«...Đối với Phổ - Đức thì ngày nay không thể còn có một cuộc chiến tranh nào khác, ngoài một cuộc chiến tranh thế giới. Và đó sẽ là một cuộc chiến tranh thế giới với quy mô trước đây chưa từng có và ác liệt trước đây chưa từng thấy. Từ 8 đến 10 triệu lính sẽ tàn sát lẫn nhau, họ sẽ tàn phá sạch sành sanh toàn bộ châu Âu đến mức mà chưa có một đàn châu chấu nào tàn phá được đến như thế. Đó sẽ là một sự tàn phá như cuộc chiến tranh Ba mươi năm, dồn lại trong ba bốn năm và lan rộng khắp lục địa; nạn đói, nạn dịch, tình trạng thoái hóa chung trong quân đội cũng như trong quần chúng nhân dân do đời sống khốn khổ cùng cực gây nên, tình trạng hỗn loạn không phương cứu chữa trong cơ cấu nhân tạo của chúng ta về công thương nghiệp và tín dụng, cuối cùng đi đến tổng phá sản. Các quốc gia cũ và nền quốc sự sáng suốt cổ lỗ của chúng đều phá sản, đến nỗi cả hàng chục chiếc mũ nhà vua sẽ lăn lông lốc trên vỉa hè mà chẳng có ai thèm nhặt; tuyệt đối

không thể nào dự kiến trước được là tất cả tình hình ấy sẽ kết thúc ra sao và sau cuộc chiến đấu đó, ai sẽ là kẻ chiến thắng; chỉ có một kết quả tuyệt đối chắc chắn là: tình trạng kiệt quệ chung và việc tạo ra những điều kiện cần thiết cho thắng lợi cuối cùng của giai cấp công nhân.

Triển vọng là như thế đó, nếu như chế độ chạy đua vũ trang đến cực độ, cuối cùng sẽ đem lại những hậu quả không thể tránh được. Thưa các vị đế vương và các vị chính khách, sự sáng suốt của các vị đã đưa châu Âu cũ đến tình cảnh ấy đây. Và nếu các vị không còn cách nào khác hơn là mở ra một cuộc khiêu vũ quân sự lớn cuối cùng, thì điều đó cũng chẳng làm chúng tôi than khóc đâu (uns kann es recht sein). Mặc dù chiến tranh có thể sẽ tạm thời đẩy chúng tôi lùi lại phía sau, có thể sẽ tước mất của chúng tôi một số trận địa mà chúng tôi đã giành được. Nhưng, nếu các vị thả lỏng cho những lực lượng mà sau đó các vị sẽ không thể kìm chế được thì dù tình hình sau này có xảy ra thế nào đi nữa, khi tấn bi kịch kết thúc, các vị nhất định sẽ sụp đổ và giai cấp vô sản hoặc sẽ thu được thắng lợi, hoặc dẫu thế nào (doch) thắng lợi ấy cũng là điều không sao tránh khỏi.

Luân-đôn. Ngày 15 tháng Chạp 1887. *Phri-đrích Ăng-ghen*».

Thật là một lời tiên tri thiên tài! Trong mỗi câu của lời phân tích khoa học, ngắn gọn, sáng sủa, chính xác, mang tính giai cấp ấy, đều chứa đựng tư tưởng vô cùng phong phú làm sao! Hiện nay, những kẻ đang sa vào trạng thái hoài nghi nhục nhã, chán nản, tuyệt vọng, nếu... nếu những kẻ quen bò rạp trước giai cấp tư sản hoặc đã bị giai cấp tư sản dọa nạt, mà còn biết nghĩ; còn có khả năng suy nghĩ một chút, thì họ sẽ rút ra từ đó được bao nhiêu điều?

So với một vài dự kiến của Ăng-ghen, tình hình về sau có khác: trong ba mươi năm mà chủ nghĩa đế quốc phát triển vô cùng nhanh chóng thì tất nhiên là thế giới và chủ nghĩa tư bản phải có những sự thay đổi. Nhưng điều đáng ngạc nhiên nhất là: nhiều việc Ăng-ghen dự đoán thì đã được thực hiện «y như được sắp đặt từ trước rồi». Vì Ăng-ghen đã đưa ra một sự phân tích có tính giai cấp hoàn toàn chính xác, mà các giai cấp và các quan hệ giai cấp thì vẫn không hề thay đổi.

«...Chiến tranh có thể sẽ tạm thời đẩy chúng tôi lùi lại phía sau...» Tình hình quả đã xảy ra theo chính hướng đó, mà lại còn xa hơn và

xấu hơn thế nữa: một bộ phận bọn xã hội - sô-vanh «bị đẩy lùi lại đằng sau», và một bộ phận «những người nửa đối địch» không có khí tiết của chúng, tức là bọn Cau-xky thì ra sức ca ngợi bước thụt lùi của mình và chúng đã trở thành những tên giáo giở và phản bội chủ nghĩa xã hội ra mặt.

«...Có thể chiến tranh sẽ tước mất của chúng tôi một số trận địa mà chúng tôi đã giành được...» Cả một loạt trận địa «hợp pháp» của giai cấp công nhân đã bị tước mất. Nhưng giai cấp công nhân đã được rèn luyện trong các cuộc thử thách và đã rút được những bài học đau đớn, nhưng bổ ích, về tổ chức bất hợp pháp, về đấu tranh bất hợp pháp, về việc chuẩn bị lực lượng của mình để mở cuộc tấn công cách mạng.

«...Hàng chục chiếc mũ nhà vua sẽ lăn lông lốc...» Một số chiếc đã rơi xuống rồi, trong đó có một chiếc có giá trị bằng một chục chiếc khác: chiếc mũ của tên vua độc tài của toàn nước Nga, tức là Ni-cô-lai Rô-ma-nốp.

«...Tuyệt đối không thể nào dự kiến trước được là tất cả tình hình ấy sẽ kết thúc ra sao...» Sau bốn năm chiến tranh, thì sự tuyệt đối ấy có thể nói là lại càng tuyệt đối hơn nữa.

«...Tình trạng hỗn loạn không phương cứu chữa trong cơ cấu nhân tạo của chúng ta về công thương nghiệp và tín dụng...» Đến cuối năm thứ tư của cuộc chiến tranh, điều đó đã được thể hiện hoàn toàn rõ ở nước Nga, một trong những nước lớn nhất và lạc hậu nhất bị bọn tư bản lôi cuốn vào chiến tranh. Nhưng nạn đói ngày càng tăng lên ở Đức và Áo, quần áo và nguyên liệu thiếu thốn, và sự hao mòn của tư liệu sản xuất há đã chẳng chứng tỏ rằng ngay các nước khác cũng bị đẩy một cách rất nhanh chóng vào một tình trạng tương tự như thế đó sao?

Ăng-ghen nói đến những hậu quả chỉ riêng của cuộc chiến tranh «với nước ngoài»; ông không nói đến cuộc chiến tranh trong nước, tức là nội chiến, một cuộc chiến tranh mà trong lịch sử thì chưa có một cuộc đại cách mạng nào tránh khỏi không có nó, một cuộc chiến tranh mà không có nó thì không một người mác-xít nghiêm túc nào có thể quan niệm được bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Và nếu như cuộc chiến tranh với nước ngoài còn có thể kéo dài ít lâu nữa mà không gây ra một «tình trạng hỗn loạn không phương cứu chữa» trong «cơ cấu nhân tạo» của chủ nghĩa tư bản, thì hiển nhiên là không thể nào hình dung được một cuộc nội chiến mà lại không có những hậu quả như thế.

Những kẻ vẫn tiếp tục tự cho mình là «những người xã hội chủ nghĩa», chẳng hạn như phái «Đời sống mới» ở nước ta, bọn men-sê-vích, bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng phái hữu ở nước ta, v. v., vạch ra một cách hằn học những biểu hiện của «tình trạng hỗn loạn không phương cứu chữa» ấy và quy tất cả trách nhiệm cho giai cấp vô sản cách mạng, cho Chính quyền xô-viết, cho sự quá độ «không tưởng» lên chủ nghĩa xã hội, những kẻ ấy đã tỏ ra ngu xuẩn, nhu nhược biết bao, ấy là không kể đến sự phục vụ một cách vụ lợi cho giai cấp tư sản. Chính chiến tranh đã gây ra «tình trạng hỗn loạn» hay разруха *, nếu nói theo danh từ rất hay của tiếng Nga. Không có cuộc chiến tranh gian khổ nào mà lại không có sự tàn phá. Nội chiến, điều kiện tất yếu và người bạn đường của cách mạng xã hội chủ nghĩa, không thể diễn ra mà không có sự tàn phá. Từ bỏ cách mạng, từ bỏ chủ nghĩa xã hội «vì» sợ sự tàn phá thì chẳng qua chỉ tỏ ra là không có lập trường và trên thực tế là chạy sang phía giai cấp tư sản.

«...Nạn đói, nạn dịch, tình trạng thoái hóa chung trong quân đội cũng như trong quần chúng nhân dân do đời sống khốn khổ cùng cực gây nên...»

Ăng-ghen đã rút ra được một cách giản đơn và sáng sủa biết bao cái câu kết luận không thể tranh cãi được và hiển nhiên đó, hiển nhiên đối với những ai còn đôi chút khả năng suy nghĩ về những hậu quả khách quan của một cuộc chiến tranh lâu dài, gian khổ và đau đớn. Nhưng nhiều «người dân chủ - xã hội» và nhiều «người xã hội chủ nghĩa» hạng tồi không muốn, hoặc không biết nghiền ngẫm cái tư tưởng vô cùng giản đơn ấy, họ đã tỏ ra ngu xuẩn một cách đáng kinh ngạc biết bao!

Có thể nào quan niệm được một cuộc chiến tranh trường kỳ mà quân đội và quần chúng nhân dân lại không lâm vào một *tình trạng thoái hóa* hay không? Cố nhiên là không. Trong nhiều năm, nếu không phải là suốt cả một thế hệ, hậu quả ấy của một cuộc chiến tranh kéo dài là tuyệt đối không thể tránh được. Vậy mà «những con người cuộn mình trong vỏ ốc» ở nước ta, những nhà trí thức tư sản ươn hèn ở nước ta, tự xưng là «những người dân chủ - xã hội» và «những người xã hội chủ nghĩa» nhưng phụ họa với giai cấp tư sản, lại đổ tội cho cách mạng là đã gây ra những biểu hiện của sự thoái hóa, hoặc những phương thức đấu tranh có tính chất khốc liệt không thể tránh

* — tình trạng tàn phá. *BT.*

được chống những trường hợp thoái hóa đặc biệt nổi bật — mặc dù điều rõ như ban ngày là tình trạng thoái hóa ấy là do chiến tranh đế quốc chủ nghĩa gây ra và nếu không đấu tranh lâu dài, nếu không thi hành những biện pháp trấn áp ác liệt thì không một cuộc cách mạng nào lại có thể thoát khỏi những hậu quả *ấy* của chiến tranh được.

Những nhà văn ủy mị ở nước ta trong báo «Đời sống mới», trong tạp chí «Tiến lên» hoặc trong tạp chí «Sự nghiệp nhân dân»[274], sẵn sàng chấp nhận, «trên lý luận», cuộc cách mạng của giai cấp vô sản và của các giai cấp bị áp bức khác, miễn là đấy phải là một cuộc cách mạng từ trên trời rơi xuống chứ không phải là nảy sinh và lớn lên trên trái đất — ngập trong máu của cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa giữa các dân tộc đã kéo dài từ bốn năm nay, — trong hàng triệu và hàng triệu người đã bị cuộc chém giết ấy làm cho hết cả sức, kiệt cả lực, lâm vào tình trạng thoái hóa.

Họ đã nghe nói và trên «lý luận» đã thừa nhận là nên so sánh cách mạng với sự sinh đẻ, nhưng khi bắt tay vào việc, thì họ lại tỏ ra hèn nhát một cách nhục nhã, thốt ra những lời oán thán hèn hạ phụ họa theo những lời công kích hằn học của giai cấp tư sản chống lại cuộc khởi nghĩa của giai cấp vô sản. Hãy đọc trong các tác phẩm văn học những đoạn văn miêu tả sự sinh đẻ, những đoạn văn của các tác giả có ý muốn tả một cách chân thực tất cả nỗi thống khổ, tất cả nỗi đau đớn, tất cả sự khủng khiếp trong sự sinh đẻ, như trong tác phẩm «La joie de vivre» («Niềm vui của cuộc sống») của Ê-mi-lơ Dô-li-a và trong «Bút ký của một bác sĩ» của Vê-rê-xa-ép. Việc một con người sinh ra là một điều làm cho người đàn bà trở thành một khối thịt đau đớn, bị dày vò, vấy máu, đau đến phát điên lên được, gần như chết. Nhưng nếu một «cá nhân» nào mà *chỉ* thấy có điều ấy trong tình yêu, trong kết quả của tình yêu, trong việc người đàn bà trở thành người mẹ thì liệu có ai đồng ý gọi cá nhân đó là người hay không? Thử hỏi, có ai, vì lý do *ấy*, mà lại cự tuyệt tình yêu và sự sinh con đẻ cái hay không?

Sinh đẻ có thể dễ và có thể khó. Mác và Ăng-ghen, những nhà sáng lập ra chủ nghĩa xã hội khoa học, thường hay nói đến *những cơn đau đẻ kéo dài*, gắn liền một cách tất yếu với bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Và Ăng-ghen, khi phân tích những hậu quả của một cuộc chiến tranh thế giới, đã mô tả bằng những lời lẽ giản đơn và sáng sủa cái sự thật hiển nhiên và không thể chối cãi được rằng cuộc cách mạng tiếp theo sau một cuộc chiến tranh, gắn liền với một cuộc chiến tranh (và hơn nữa — chúng tôi nói thêm là — đã nổ ra

trong một cuộc chiến tranh, đã buộc phải lớn lên và đứng vững trong vòng vây của chiến tranh thế giới), rằng một cuộc cách mạng như thế là một trường hợp sinh đẻ *đặc biệt khó khăn*..

Hiểu rõ sự thật ấy, Ăng-ghen nói một cách đặc biệt thận trọng đến vấn đề chủ nghĩa xã hội sinh ra từ cái xã hội tư bản chủ nghĩa đang tiêu vong trong chiến tranh thế giới. Ông nói: «Chỉ có một kết quả (của chiến tranh thế giới) tuyệt đối chắc chắn là: tình trạng kiệt quệ chung và việc *tạo ra* những điều kiện cần thiết cho thắng lợi cuối cùng của giai cấp công nhân».

Tư tưởng ấy còn được biểu thị rõ ràng hơn nữa ở những dòng cuối cùng trong lời tựa mà chúng ta đang phân tích:

«...Khi tấn bi kịch kết thúc, các vị (các nhà tư bản và địa chủ, các vị đế vương và các vị chính khách của giai cấp tư sản) nhất định sẽ sụp đổ và giai cấp vô sản hoặc sẽ thu được thắng lợi, hoặc dẫu thế nào thắng lợi ấy cũng là điều không sao tránh khỏi».

Những trường hợp đẻ khó đều làm tăng lên rất nhiều cái nguy cơ mắc bệnh chết người hoặc gặp một kết cục chết người. Nhưng nếu như có một vài cá nhân nào đó chết khi đẻ, thì xã hội mới, do chế độ cũ sinh ra, lại không thể tiêu vong được; chẳng qua nó chỉ sinh ra một cách đau đớn hơn và lâu hơn, nó trưởng thành và phát triển chậm hơn mà thôi.

Chiến tranh vẫn chưa chấm dứt. Tình trạng kiệt quệ chung đã thành một sự thật rõ rệt rồi. Hai kết quả *trực tiếp* của chiến tranh, mà Ăng-ghen đã dự đoán một cách có điều kiện (hoặc là giai cấp công nhân đã thu được thắng lợi hoặc là việc tạo ra những điều kiện nhất định đưa đến thắng lợi ấy, *bất chấp tất cả mọi khó khăn*), *cả hai* điều kiện ấy thì hiện nay, vào giữa năm 1918, đã có được rồi.

Trong một nước kém phát triển nhất trong số các nước tư bản chủ nghĩa, giai cấp công nhân *đã thu được* thắng lợi. Tại các nước khác, những điều kiện khiến thắng lợi ấy «dẫu thế nào cũng không sao tránh khỏi», đang được tạo ra với một sự cố gắng phi thường và với những nỗi đau đớn phi thường.

Cứ để cho bọn người «xã hội chủ nghĩa» ươn hèn báo điềm xấu đi; cứ để cho giai cấp tư sản giãy giụa, phát điên phát cuồng lên. Chỉ có những kẻ nhắm mắt để khỏi phải trông và bịt tai để khỏi phải nghe, mới có thể không nhận thấy rằng, trên toàn thế giới, xã hội tư bản chủ nghĩa cũ mang thai chủ nghĩa xã hội, đã bắt đầu đau đẻ rồi. Nước chúng ta, một nước mà những sự biến đã tạm thời đặt vào địa vị tiên

phong của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, thì hiện nay đang phải chịu đựng những cơn đau đặc biệt mãnh liệt trong giai đoạn đầu của quá trình sinh đẻ. Chúng ta có tất cả căn cứ để nhìn tương lai, một cách tuyệt đối kiên định và tuyệt đối tin tưởng, cái tương lai đang chuẩn bị cho chúng ta những bạn đồng minh mới, những thắng lợi mới của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa tại nhiều nước tiên tiến hơn. Chúng ta có quyền tự hào và sung sướng rằng chúng ta là những người đầu tiên có dịp hạ thủ, trên một địa điểm của quả đất, con thú dữ là chủ nghĩa tư bản, cái chủ nghĩa đã dìm thế giới trong máu khiến loài người lâm vào tình cảnh đói rét và thoái hóa, nhưng dù trong cơn giãy chết nó có hung hãn quái ác và tàn bạo đến đâu đi nữa thì cuối cùng nó cũng nhất định sẽ bị tiêu diệt và sắp bị tiêu diệt.

Ngày 29 tháng Sáu 1918. Toàn tập, t. 36

TRÍCH:
CÁCH MẠNG VÔ SẢN
VÀ
TÊN PHẢN BỘI CAU-XKY

Cau-xky biến Mác thành một người thuộc phái tự do tầm thường như thế nào

Vấn đề cơ bản mà Cau-xky bàn đến trong cuốn sách của hắn[275] là vấn đề nội dung căn bản của cách mạng vô sản, tức là: chuyên chính vô sản. Đó là vấn đề có ý nghĩa trọng đại nhất đối với tất cả các nước, nhất là đối với các nước tiên tiến, nhất là đối với các nước đang tham chiến, nhất là trong lúc này. Người ta có thể nói không quá đáng rằng chính đó là vấn đề chủ yếu của toàn bộ cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản. Vì thế, cần phải xét kỹ vấn đề ấy.

Cau-xky đặt vấn đề như thế này: «sự đối lập của hai khuynh hướng xã hội chủ nghĩa» (tức là phái bôn-sê-vích và phái không phải bôn-sê-vích) là «sự đối lập giữa hai phương pháp khác nhau về căn bản: phương pháp *dân chủ* và phương pháp *chuyên chính*» (tr. 3).

Nhân tiện, cũng nên nói rằng, khi gọi những người không phải bôn-sê-vích ở Nga, tức phái men-sê-vích và phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng, là những người xã hội chủ nghĩa, thì như thế Cau-xky chỉ căn cứ vào *danh hiệu* của họ, nghĩa là vào một từ chứ không căn cứ vào *vị trí thực tế* của họ trong cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản. Hiểu và vận dụng chủ nghĩa Mác như vậy thật là tài đấy! Nhưng về vấn đề này rồi ta sẽ bàn đến tỉ mỉ hơn.

Bây giờ, cần bàn đến cái chủ yếu: sự phát hiện vĩ đại của Cau-xky về «sự đối lập căn bản» giữa những «phương pháp dân chủ và phương pháp chuyên chính». Đó là mấu chốt của vấn đề. Đó cũng là toàn bộ thực chất của tập sách của Cau-xky. Và đó là lẫn lộn một cách rất kỳ quặc về mặt lý luận, là hoàn toàn từ bỏ chủ nghĩa Mác, nói thật ra thì, về điều đó, Cau-xky đã vượt xa Béc-stanh rồi.

Vấn đề chuyên chính vô sản là vấn đề thái độ của nhà nước vô sản đối với nhà nước tư sản, của chế độ dân chủ vô sản đối với chế độ dân chủ tư sản. Điều đó há chẳng rõ như ban ngày sao? Thế mà Cau-xky, giống như một nhà giáo trung học bị khô cằn trong việc lặp lại những

sách giáo khoa lịch sử, vẫn khăng khăng quay lưng lại thế kỷ XX và, hướng về thế kỷ XVIII, vẫn nhai lại một cách nhạt nhẽo, hàng trăm lần, trong cả một loạt tiết mục, những điều cũ rích về thái độ của phái dân chủ tư sản đối với chế độ quân chủ chuyên chế và chế độ thời trung cổ!

Thật đúng là hắn vừa ngủ vừa nhai giẻ rách vậy!

Như vậy thật là hoàn toàn không hiểu vấn đề một tí gì cả. Những điều công toi của Cau-xky hòng chứng minh rằng có những người đang truyền bá «thái độ miệt thị chế độ dân chủ» (tr. 11), v. v., chỉ làm cho người ta buồn cười mà thôi. Cau-xky phải dùng những lời nói vô giá trị như thế để xóa mờ, làm rối vấn đề, chính là vì hắn đặt vấn đề theo kiểu của phái tự do, về chế độ dân chủ nói chung, chứ không phải về chế độ dân chủ *tư sản*. Thậm chí, hắn còn tránh cả cái khái niệm chính xác, có tính chất giai cấp đó, và hắn cứ cố nói đến chế độ dân chủ «tiền xã hội chủ nghĩa». Cái máy nói của chúng ta đã dùng gần một phần ba cuốn sách, hết 20 trang trong số 63 trang, để viết những lời ba hoa rất dễ lọt vào tai giai cấp tư sản, bởi vì những lời lẽ ấy chẳng khác gì tô son vẽ phấn cho chế độ dân chủ tư sản và che lấp vấn đề cách mạng vô sản.

Thế mà nhan đề cuốn sách của Cau-xky vẫn cứ là: «Chuyên chính vô sản». *Thực chất* của học thuyết Mác chính là ở đấy, ai cũng đều biết như thế. Nên Cau-xky, sau khi đã ba hoa ngoài đề như thế, cũng *buộc phải* trích dẫn những lời của Mác về chuyên chính vô sản.

«Nhà mác-xít» Cau-xky đã trích dẫn *như thế nào*, đấy thật là một trò khôi hài hoàn toàn! Xin các bạn hãy nghe đây:

«Quan điểm ấy (Cau-xky nói đó là thái độ miệt thị chế độ dân chủ) là căn cứ vào độc một câu của Các Mác». Đó là nguyên văn câu viết ở trang 20. Và đến trang 60, hắn còn nhắc lại và thậm chí lại nói rằng (những người bôn-sê-vích) «đã kịp thời nhớ đến câu cỏn con ấy» (nguyên văn như thế đấy!! des Wörtchens) «về chuyên chính vô sản, mà Mác đã dùng một lần, hồi 1875, trong một bức thư».

Đây là «câu cỏn con» ấy của Mác:

«Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa, có một thời kỳ chuyển biến cách mạng từ xã hội nọ sang xã hội kia. Thích ứng với thời kỳ đó, là một thời kỳ quá độ chính trị, trong đó nhà nước sẽ không thể là cái gì khác hơn là chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản»[276].

Trước hết, gọi lời nghị luận nổi tiếng đó của Mác, lời nghị luận đã tóm tắt toàn bộ học thuyết cách mạng của Mác, là «độc một câu» và thậm chí là «một câu cỏn con», như vậy là nhạo báng chủ nghĩa Mác, là hoàn toàn từ bỏ chủ nghĩa Mác. Không nên quên rằng Cau-xky hầu như đã thuộc lòng các tác phẩm của Mác; rằng nếu cứ xem tất cả các văn kiện của hắn thì thấy hắn đã có sẵn trên bàn giấy hay trong đầu cả một lô ngăn kéo phân chia cẩn thận tất cả những điều Mác đã viết để có thể dễ dàng trích dẫn ra được. Cau-xky *không thể không biết* rằng Mác và Ăng-ghen, trong các thư từ cũng như trong những tác phẩm đã xuất bản, đã *nhiều lần* nói đến chuyên chính vô sản, cả trước và nhất là sau Công xã Pa-ri. Cau-xky không thể không hiểu rằng công thức: «chuyên chính vô sản» chỉ nói lên một cách cụ thể hơn về mặt lịch sử và chính xác hơn về mặt khoa học, nhiệm vụ này của giai cấp vô sản là: «đập tan» bộ máy nhà nước tư sản, — nhiệm vụ mà Mác và Ăng-ghen, căn cứ vào kinh nghiệm các cuộc cách mạng 1848 và nhất là vào kinh nghiệm cuộc cách mạng 1871, đã nói đến từ 1852 tới 1891, tức là *trong vòng bốn mươi năm.*

Làm thế nào giải thích được việc Cau-xky, một người thuộc làu chủ nghĩa Mác, lại xuyên tạc chủ nghĩa Mác một cách kỳ quặc như vậy? Nếu xét về cơ sở triết học của hiện tượng đó, thì như thế là đem chủ nghĩa chiết trung và thuật ngụy biện thay thế cho phép biện chứng. Cau-xky quả là tài về cái ngón đánh lộn sòng đó. Đứng về phương diện chính trị và thực tiễn mà xét, thì như thế là cúi rạp mình trước bọn cơ hội chủ nghĩa, tức là chung quy cúi rạp mình trước giai cấp tư sản. Sau khi nổ ra chiến tranh, Cau-xky ngày càng tiến tới nhanh chóng và đã trở thành tinh thông về cái nghệ thuật: miệng thì nói mác-xít, nhưng trên hành động lại là kẻ làm tôi tớ cho giai cấp tư sản.

Điều đó lại còn rõ hơn nữa, khi người ta xét cái lối đặc sắc mà Cau-xky dùng để «giải thích» cái «câu cỏn con» của Mác về chuyên chính vô sản. Các bạn hãy nghe đây:

«Đáng tiếc là Mác lại bỏ sót không nói ra tường tận hơn rằng ông đã hiểu nên chuyên chính ấy như thế nào...» (Đây là câu nói hoàn toàn dối trá của con người phản bội, vì chính Mác và Ăng-ghen đã đưa ra một loạt những lời chỉ dẫn rất tỉ mỉ mà Cau-xky, cái con người thuộc làu chủ nghĩa Mác ấy, đã cố tình bỏ qua.) «...Theo đúng nguyên văn, từ chuyên chính có nghĩa là xóa bỏ dân chủ. Nhưng nếu theo sát nghĩa từng chữ, thì rõ ràng từ đó cũng có nghĩa là quyền bính riêng của độc một cá nhân, quyền bính không bị bất cứ một pháp luật nào hạn chế cả. Quyền bính cá nhân đó khác với chế

độ chuyên chế ở chỗ là nó không được coi là một thiết chế thường trực của nhà nước, mà là một biện pháp cực đoan tạm thời.

«Chuyên chính vô sản», nghĩa là chuyên chính không phải của độc một cá nhân, mà là chuyên chính của độc một giai cấp, từ ngữ đó chứng tỏ rằng, ở đây, Mác không nghĩ đến chuyên chính theo nghĩa đen của từ đó.

Ở đây, Mác không nói đến *hình thức chính quyền,* mà nói đến *trạng thái,* trạng thái này tất nhiên phải phát sinh ra ở nơi nào mà giai cấp vô sản đã đoạt được chính quyền. Điều này chứng tỏ rằng ở đây, Mác không nói đến hình thức chính quyền, chính là vì ông cho rằng ở Anh và ở Mỹ thời kỳ quá độ có thể được tiến hành một cách hòa bình, tức là bằng con đường dân chủ» (tr. 20)

Chúng tôi cố ý dẫn ra đây toàn bộ đoạn nghị luận đó để độc giả có thể thấy rõ được những phương pháp mà «nhà lý luận» Cau-xky đã dùng.

Cau-xky đã có ý định dùng một định nghĩa của *«từ»* chuyên chính để đề cập vấn đề.

Rất hay. Đó là quyền thiêng liêng của mỗi người muốn đề cập vấn đề thế nào tùy ý. Chỉ cần phân biệt rõ thái độ nghiêm chỉnh và thật thà với thái độ không thật thà. Người nào khi đề cập đến vấn đề bằng cách như thế mà muốn bàn luận vấn đề một cách nghiêm chỉnh, thì phải đưa ra *định nghĩa của mình* về «từ» đó. Có thế, vấn đề mới được đặt ra rõ ràng và thẳng thắn. Cau-xky lại không hề làm như thế. Hắn viết: «Theo nghĩa đen, từ chuyên chính có nghĩa là xóa bỏ dân chủ».

Thứ nhất, đay không phải là một định nghĩa. Nếu Cau-xky muốn tránh định nghĩa khái niệm chuyên chính, thì tại sao hắn lại chọn cách đề cập vấn đề như vậy?

Thứ hai, cái đó rõ ràng là không đúng. Dĩ nhiên, một người theo phái tự do thì chỉ nói đến «dân chủ» nói chung. Còn người mác-xít thì không bao giờ lại quên không hỏi: «dân chủ cho giai cấp nào?». Mọi người đều biết, chẳng hạn, — và «nhà sử học» Cau-xky cũng biết, — rằng những cuộc khởi nghĩa và cả phong trào sôi sục lớn của nô lệ thời cổ, đã làm lộ rõ ngay thực chất của nhà nước thời cổ, tức là *chuyên chính của bọn chủ nô.* Thử hỏi chuyên chính đó có thủ tiêu dân chủ *trong* bọn chủ nô và *đối với* bọn chúng không? Mọi người đều thấy là không.

«Nhà mác-xít» Cau-xky đã đưa ra một điều vô lý rất kỳ quặc và một điều trái với sự thật, là vì hắn đã *«quên mất»* đấu tranh giai cấp...

Muốn làm cho lời khẳng định tự do chủ nghĩa và dối trá của Cau-xky trở thành lời khẳng định mác-xít và phù hợp với sự thật thì phải

nói rằng: chuyên chính không nhất thiết có nghĩa là thủ tiêu dân chủ của giai cấp thi hành quyền chuyên chính đó đối với các giai cấp khác, mà nhất thiết có nghĩa là thủ tiêu (hay hạn chế về căn bản, như thế cũng là một trong những hình thức thủ tiêu) dân chủ đối với giai cấp bị chuyên chính hay bị trấn áp.

Nhưng dù lời khẳng định đó có đúng đến đâu chăng nữa, thì nó vẫn không định nghĩa được chuyên chính.

Ta hãy xem câu nói sau đây của Cau-xky:

«...Nhưng, nếu theo sát nghĩa từng chữ thì rõ ràng từ đó cũng có nghĩa là quyền bính riêng của độc một cá nhân, quyền bính không bị bất cứ một pháp luật nào hạn chế cả...»

Giống như một con chó con mù, đưa mũi ngửi bâng quơ chỗ này chỗ kia, Cau-xky ở đây, vô tình đã rơi vào *một* ý đúng (tức chuyên chính là một quyền bính không bị bất cứ một pháp luật nào hạn chế cả); *tuy nhiên, hắn vẫn không định nghĩa được* thế nào là chuyên chính, và ngoài ra, hắn còn đưa ra một điều sai trái hiển nhiên với lịch sử, cho rằng chuyên chính là quyền bính của độc một cá nhân. Đứng về mặt ngữ pháp mà nói, điều đó cũng không đúng nữa, vì thực hành chuyên chính cũng có thể là do một nhóm người, một bọn đầu sỏ, một giai cấp, v. v., nữa.

Tiếp đó, Cau-xky vạch ra sự khác nhau giữa chuyên chính và chuyên chế; nhưng dù sự khẳng định của hắn rõ ràng là sai lầm, chúng ta cũng không bàn đến, vì điều đó không có chút liên quan gì tới vấn đề mà chúng ta đang quan tâm đến. Ai nấy đều thấy rõ cái khuynh hướng của Cau-xky muốn quay lưng từ thế kỷ XX để hướng về thế kỷ XVIII, rồi lại quay lưng từ thế kỷ XVIII để hướng về thời cổ đại, nên chúng ta hy vọng rằng, khi đã lập được chuyên chính, giai cấp vô sản Đức sẽ chú ý đến cái khuynh hướng đó và sẽ bổ nhiệm Cau-xky, chẳng hạn, làm giáo sư môn cổ sử trong một trường trung học. Cứ triết lý suông về chuyên chế để tránh định nghĩa thế nào là chuyên chính vô sản, như thế thì hoặc là cực kỳ ngu ngốc, hoặc là gian trá quá vụng về.

Kết quả là: trong khi nói về chuyên chính thì Cau-xky đã nói huyên thuyên nhiều điều trái sự thật một cách rõ rệt, mà chẳng đưa ra được một định nghĩa nào cả! Giá hắn ta đừng tự hào về tài trí của mình mà cứ lục lại trong trí nhớ, thì có lẽ hắn đã rút ra được từ những «ngăn kéo» trong óc hắn, tất cả những trường hợp mà Mác nói về chuyên chính.

Nhất định hắn sẽ tìm được hoặc là cái định nghĩa dưới đây, hoặc là một định nghĩa, về thực chất, giống như thế:

Chuyên chính là một chính quyền dựa trực tiếp vào bạo lực và không bị một luật pháp nào hạn chế cả.

Chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản là một chính quyền do giai cấp vô sản giành được và duy trì bằng bạo lực đối với giai cấp tư sản, chính quyền không bị một luật pháp nào hạn chế cả.

Và chính cái chân lý đơn giản ấy, chân lý rõ như ban ngày đối với bất cứ người công nhân giác ngộ nào (đại biểu cho quần chúng chứ không phải cho những tầng lớp trên của cái bọn đê tiện tiểu tư sản bị bọn tư bản mua chuộc, tức là bọn đế quốc chủ nghĩa - xã hội ở tất cả các nước), chính cái chân lý ấy, chân lý hiển nhiên đối với mọi người đại biểu cho những người bị bóc lột đang đấu tranh để tự giải phóng, chân lý rành rành không thể chối cãi ấy đối với mọi người mác-xít, chính cái chân lý ấy, chúng ta buộc phải «giành lại bằng đấu tranh quyết liệt» trong tay nhà đại bác học Cau-xky đấy! Do đâu mà phải như thế? Do bọn lãnh tụ Quốc tế II đã nhiễm phải tinh thần nô lệ, bọn này đã trở thành những kẻ tay sai đáng khinh bỉ, phục vụ cho giai cấp tư sản.

Trước hết, Cau-xky gian lận bằng cách khẳng định một điều vô lý rõ ràng nói rằng nghĩa đen của từ chuyên chính là chuyên chính của một cá nhân; rồi — xuất phát từ sự xuyên tạc đó! — hắn tuyên bố rằng, «do đó» mà ở Mác, chuyên chính của một giai cấp *không nói theo* nghĩa đen (mà theo nghĩa là giành đa số một cách «hòa bình» dưới «chế độ dân chủ» tư sản, — xin hãy chú ý điều đó, — chứ không có nghĩa là bạo lực cách mạng).

Như các bạn thấy đấy, cần phải phân biệt «trạng thái» với «hình thức chính quyền». Đó là một sự phân biệt sâu sắc lạ thường, hệt như khi chúng ta phân biệt «trạng thái» ngu xuẩn của một người suy luận một cách không thông minh với «hình thức» của những sự ngu xuẩn của người đó.

Cau-xky *cần* giải thích chuyên chính là một «trạng thái thống trị» (đó là nguyên văn từ ngữ hắn dùng ở trang sau đó, tr. 21), vì như thế thì *bạo lực cách mạng không còn nữa, cách mạng bạo lực* không còn nữa. «Trạng thái thống trị» là trạng thái mà trong đó bất cứ đa số nào cũng tồn tại được dưới... «chế độ dân chủ» mà lại! Nhờ cái trò lừa bịp xảo trá như thế, mà *cách mạng biến đi* một cách êm ru đấy!

Nhưng vì cái trò lừa bịp đó quá thô sơ nên nó không giúp ích gì cho Cau-xky cả. Chuyên chính bao hàm và có nghĩa là một «trạng thái»

bạo lực cách mạng của giai cấp này đối với giai cấp khác — trạng thái rất khó chịu cho bọn phản bội — đó chính là một sự thật như «cái kim bọc trong giẻ có ngày phải thòi ra». Phân biệt giữa «trạng thái» với «hình thức chính quyền» là điều hoàn toàn rõ ràng vô lý. Ở đây mà nói đến hình thức chính quyền thì còn ngu xuẩn gấp bội nữa, vì bất cứ một đứa trẻ nào cũng đều hiểu được rằng chế độ quân chủ và chế độ cộng hòa là hai hình thức chính quyền khác nhau. Cần phải chứng minh để ngài Cau-xky hiểu rằng *cả hai* hình thức chính quyền đó, cũng như tất cả mọi «hình thức chính quyền» quá độ trong chế độ tư bản, thực chất chỉ là những biến thể của *nhà nước tư sản*, tức là của *chuyên chính tư sản* mà thôi.

Cuối cùng, nói đến hình thức chính quyền tức là xuyên tạc một cách ngu ngốc, và cũng là xuyên tạc một cách thô lỗ tư tưởng của Mác, vì ở đây, Mác nói một cách hoàn toàn phân minh đến hình thức hay kiểu *nhà nước*, chứ không nói đến hình thức chính quyền.

Cách mạng vô sản không thể thành công được, nếu không phá hủy bằng bạo lực bộ máy nhà nước tư sản và thay vào đó một bộ máy *mới*, mà theo Ăng-ghen thì bộ máy này «không còn là một nhà nước theo nghĩa đen của từ đó nữa»[277].

Tất cả những điều đó, Cau-xky đều cần phải che giấu và xuyên tạc đi: lập trường phản bội của hắn bắt hắn phải làm như vậy.

Các bạn hãy xem hắn đã dùng những thuật dối trá bẩn tiện như thế nào.

Thuật dối trá thứ nhất. «...Điều chứng tỏ rằng ở đây Mác không nói đến hình thức chính quyền, là ở chỗ ông cho rằng ở Anh và ở Mỹ, thời kỳ quá độ có thể được tiến hành một cách hòa bình, tức là bằng con đường dân chủ...»

Hình thức chính quyền tuyệt nhiên không có ăn nhập gì ở đây cả, vì có những nước quân chủ không đặc trưng cho *nhà nước* tư sản, chẳng hạn như những nước quân chủ không có chế độ quân phiệt; và có những nước cộng hòa lại có đủ mọi tính chất của nhà nước tư sản, tức là có chế độ quân phiệt và chế độ quan liêu chẳng hạn. Đây là một sự kiện lịch sử và chính trị mà ai cũng biết, và Cau-xky không thể nào xuyên tạc được.

Nếu Cau-xky muốn lập luận một cách đúng đắn và thật thà, thì hắn sẽ phải tự hỏi: có những quy luật lịch sử nào về cách mạng mà lại không có ngoại lệ không? Rồi hắn sẽ trả lời: không, không có những quy luật như thế. Những quy luật ấy chỉ nhằm cái có tính cách điển

hình, cái mà Mác đã có lúc gọi là «có tính cách lý tưởng» theo nghĩa là chủ nghĩa tư bản trung bình, thông thường, điển hình.

Sau nữa. Thử hỏi rằng *về phương diện mà chúng ta đang xét đó,* thì trong những năm 70, có cái gì đã làm cho nước Anh và nước Mỹ thành một ngoại lệ chăng? Phàm đối với người nào hiểu biết chút ít về yêu cầu khoa học trong địa hạt các vấn đề lịch sử, thì hiển nhiên là vấn đề đó cần phải được đề ra. Không đề ra vấn đề đó, là xuyên tạc khoa học, là ngụy biện. Đã đặt vấn đề đó ra, thì chắc chắn là phải trả lời như thế này: chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản là dùng *bạo lực* đối với giai cấp tư sản; và như Mác và Ăng-ghen đã giải thích nhiều lần và hết sức cặn kẽ (đặc biệt là trong cuốn «Nội chiến ở Pháp» và trong bài tựa của tác phẩm đó), sở dĩ cần phải có bạo lực đó *chủ yếu* là do có *chế độ quân phiệt và chế độ quan liêu.* Thế mà, chính trong những năm 70 của thế kỷ XIX, khi Mác đã nêu ra nhận xét của mình, thì ngay ở Anh và ở Mỹ lại *không có* chính những chế độ đó! (Bây giờ, cả ở Anh lẫn ở Mỹ đều *đang có* những chế độ đó.)

Để che giấu sự phản bội của mình, Cau-xky bất cứ ở chỗ nào cũng nhất nhất phải giở trò lừa bịp!

Và các bạn cứ xem hắn đã vô tình để lòi đuôi ra như thế nào; hắn viết: «một cách hòa bình, *tức là bằng con đường dân chủ*»!!

Khi định nghĩa chuyên chính, Cau-xky đã đem hết nghị lực ra che giấu không cho độc giả thấy điểm căn bản của khái niệm ấy, tức là: *bạo lực* cách mạng. Và bây giờ thì sự thật đã rành rành ra rồi: vấn đề chính là sự đối lập giữa *cách mạng hòa bình* và *cách mạng bạo lực.*

Thực chất của vấn đề là ở đó. Dối trá, ngụy biện, xuyên tạc gian lận, tất cả những thủ đoạn đó, Cau-xky đều cần đến để *tránh không nói đến* cách mạng *bạo lực,* để che lấp việc hắn từ bỏ cách mạng bạo lực, che lấp việc hắn nhảy sang phía chính sách công nhân *thuộc phái tự do,* tức là sang phía giai cấp tư sản. Thực chất vấn đề chính là ở đó.

«Nhà sử học» Cau-xky xuyên tạc lịch sử một cách vô liêm sỉ đến nỗi hắn «quên mất» điểm căn bản này: chủ nghĩa tư bản trước độc quyền, — mà thời kỳ cực thịnh chính là vào những năm 70 của thế kỷ XIX, — do những đặc điểm *kinh tế* căn bản của nó, những đặc điểm này biểu hiện ra rõ rệt ở Anh và ở Mỹ, nên nó tỏ ra hết sức rõ ràng — nói một cách tương đối thôi — là yêu chuộng hòa bình và yêu chuộng tự do. Còn chủ nghĩa đế quốc, tức chủ nghĩa tư bản độc quyền, mà chỉ vào thế kỷ XX mới chín muồi, do những đặc tính *kinh tế* căn bản của nó, nên nó tỏ ra rõ ràng là ít yêu chuộng hòa bình nhất và ít

yêu chuộng tự do nhất, và chủ nghĩa quân phiệt của nó thì phát triển đến cao độ và phổ biến nhất. Khi xét xem cách mạng hòa bình hay cách mạng bạo lực là điển hình đến mức nào hoặc có thể xảy ra đến mức nào, mà «không để ý» đến điểm đó, thì như vậy là rơi xuống hàng kẻ tôi tớ tầm thường nhất của giai cấp tư sản.

Thuật dối trá thứ hai. Công xã Pa-ri là chuyên chính vô sản; nhưng nó do đầu phiếu *phổ thông* bầu ra, tức là có cả giai cấp tư sản không bị tước quyền bầu cử bầu ra, tức là bầu ra *«một cách dân chủ»*. Rồi Cau-xky đắc ý nói: «... Đối với Mác» (hay theo Mác) «thì chuyên chính vô sản là một trạng thái nhất định phải sản sinh ra từ chế độ dân chủ thuần túy, nếu như giai cấp vô sản chiếm được đa số» (bei überwiegendem Proletariat, S. 21).

Lý lẽ đó của Cau-xky thật là tức cười đến nỗi người ta cảm thấy thực sự có một tình trạng embarras de richesses (lúng túng trong việc lựa chọn vì quá nhiều... lời bác bỏ). Một là, ai nấy đều biết rằng tinh hoa của giai cấp tư sản, bộ tham mưu và tầng lớp trên của giai cấp đó, đã chạy trốn từ Pa-ri đến Véc-xây. Ở Véc-xây, lúc đó, có «nhà xã hội chủ nghĩa» Lu-i Blăng, việc đó lại càng xác nhận sự giả dối trong những lời của Cau-xky nói rằng «tất cả các phái» theo chủ nghĩa xã hội đều đã tham gia Công xã Pa-ri. Dân cư Pa-ri phân chia thành hai phe giao chiến với nhau, mà một trong hai phe đó đã tập hợp được toàn bộ giai cấp tư sản chiến đấu và tích cực về mặt chính trị, như thế mà cho là «dân chủ thuần túy» với «đầu phiếu phổ thông», thì có phải là lố bịch không?

Hai là, Công xã Pa-ri đã đấu tranh chống lại Véc-xây, với tư cách là một chính phủ công nhân *của nước Pháp* chống lại chính phủ tư sản. Khi mà chính Pa-ri đã quyết định vận mệnh của cả nước Pháp, thì còn nói đến «dân chủ thuần túy» và «đầu phiếu phổ thông» ở đây làm gì chứ? Khi Mác nhận định rằng Công xã Pa-ri đã phạm một sai lầm vì không chiếm lấy ngân hàng của toàn nước Pháp [278], thì Mác có xuất phát từ những nguyên tắc và thực tiễn của «dân chủ thuần túy» không??

Thật ra, người ta thấy rằng Cau-xky đã viết trong một nước mà cảnh sát cấm không cho người ta «xúm nhau lại» cười, chứ không thì có lẽ Cau-xky đã chết vì cái cười đó rồi.

Ba là, tôi xin trân trọng nhắc ngài Cau-xky, người đã thuộc lòng Mác và Ăng-ghen, hãy nhớ lại lời nhận định sau đây của Ăng-ghen về Công xã Pa-ri, trên quan điểm... «dân chủ thuần túy»:

«Các ngài ấy» (tức là những người phản đối quyền uy) «có bao giờ nhìn thấy một cuộc cách mạng chưa? Cách mạng chắc chắn là một việc dùng quyền uy nhiều nhất. Cách mạng là một hành vi của một bộ phận dân cư dùng súng, lưỡi lê, đại bác, tức là những thủ đoạn quyền uy phi thường, để cưỡng bức một bộ phận khác phải phục tùng ý chí của mình. Đảng chiến thắng bắt buộc phải dùng vũ khí của mình làm cho bọn phản động khiếp sợ, để duy trì quyền thống trị của mình. Nếu Công xã Pa-ri không dùng quyền uy của nhân dân cầm vũ khí để chống lại giai cấp tư sản, thì liệu nó có thể đứng vững được quá một ngày không? Trái lại, há chúng ta không thể trách Công xã là đã dùng quyền uy đó quá ít hay sao?» [279].

Đó, «dân chủ thuần túy» là như thế đấy! Còn những lời chua cay nào mà Ăng-ghen không dùng để đập cho tên tiểu thị dân tầm thường, tên «dân chủ - xã hội» (nói theo nghĩa mà ở Pháp người ta dùng trong những năm 40, hay theo nghĩa dùng ở toàn châu Âu hồi 1914 - 1918) đã dám nói chung chung đến «dân chủ thuần túy» trong một xã hội chia thành giai cấp!

Song, nói về vấn đề đó như thế cũng đủ rồi. Không thể nào kể ra hết được tất cả mọi điều vô lý mà Cau-kxy đã nói ra, vì mỗi câu nói của hắn chứa đầy tinh thần phản bội.

Mác và Ăng-ghen đã phân tích Công xã Pa-ri một cách hết sức tỉ mỉ; hai ông đã vạch ra rằng công lao của Công xã là đã tìm cách *đập tan, phá hủy* «bộ máy nhà nước sẵn có» [280]. Đối với hai ông, điểm đó có một ý nghĩa rất quan trọng, cho nên đó là điểm *duy nhất* mà hồi 1872, hai ông đã sửa chữa lại trong bản cương lĩnh (có đôi chỗ) «đã cũ rồi» của «Tuyên ngôn của Đảng cộng sản» [281]. Mác và Ăng-ghen đã vạch ra rằng Công xã đã thủ tiêu quân đội và chế độ quan liêu, đã thủ tiêu *chế độ đại nghị*, đã trừ bỏ «cái bướu thừa bám hại đó, tức là nhà nước», v. v.. Thế mà Cau-xky, con người rất thông thái ấy, mũ ni che tai vẫn cứ lặp lại những câu chuyện trẻ con về «dân chủ thuần túy» mà các giáo sư thuộc phái tự do đã kể đi kể lại hàng nghìn lần.

Không phải là vô cớ mà, ngày 4 tháng Tám 1914, Rô-da Lúc-xăm-bua tuyên bố rằng đảng dân chủ - xã hội Đức, từ nay, đã là một cái *thây ma đang thối nát*.

Thuật dối trá thứ ba. «Nếu chúng ta nói chuyên chính là một hình thức chính quyền, thì chúng ta không thể nói đến chuyên chính của giai cấp được. Vì giai cấp, như chúng tôi đã vạch rõ, chỉ có thể thống trị,

chứ không thể quản lý được...» Chính các «tổ chức» hay các «chính đảng» mới quản lý được.

Ngài «cố vấn hồ đồ» ơi, ngài đã làm rồi tất cả, ngài đã làm rồi một cách vô liêm sỉ! Chuyên chính không phải là một «hình thức chính quyền», nói thế thật là lố bịch. Vả lại, Mác không nói đến «hình thức chính quyền», nhưng nói đến hình thức hay cái kiểu *nhà nước*. Hai cái đó hoàn toàn không phải như nhau, hoàn toàn không phải. Mà cho rằng một *giai cấp* không thể quản lý được, thì cũng hoàn toàn sai nốt: lời nói tầm bậy như thế chỉ có thể là của một tên «nghị viên ngu xuẩn» không nhìn thấy gì cả ngoài cái nghị viện tư sản, và không thấy gì cả ngoài các «chính đảng đang chấp chính». Bất cứ một nước nào ở châu Âu cũng đều cho Cau-xky thấy những ví dụ về việc một *giai cấp* thống trị quản lý nhà nước, chẳng hạn như những tên chúa đất trong thời trung cổ, mặc dù tính tổ chức của chúng chưa được đầy đủ.

Tóm lại, Cau-xky đã xuyên tạc một cách chưa từng thấy khái niệm chuyên chính vô sản, bằng cách biến Mác thành một người thuộc phái tự do tầm thường, nghĩa là bản thân hắn đã rơi xuống hàng những kẻ thuộc phái tự do, những kẻ tuôn ra những lời tầm thường vô vị về «dân chủ thuần túy», đã che lấp và xóa nhòa nội dung giai cấp của chế độ dân chủ *tư sản*, đã sợ *bạo lực cách mạng* của giai cấp bị áp bức hơn tất cả mọi cái. Trong khi «giải thích» khái niệm «chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản» sao cho gạt bỏ ra khỏi khái niệm đó việc dùng bạo lực cách mạng của giai cấp bị áp bức đối với những kẻ áp bức, Cau-xky đã giật giải quán quân trên thế giới trong việc xuyên tạc chủ nghĩa Mác theo quan điểm của phái tự do. So với tên phản bội Cau-xky, thì tên phản bội Béc-stanh chẳng qua chỉ là một con chó con mà thôi.

Viết xong hồi tháng Mười - ngày 10
tháng Mười một 1918

Toàn tập, t. 37

QUỐC TẾ III
VÀ ĐỊA VỊ CỦA NÓ TRONG LỊCH SỬ

Bọn đế quốc trong các nước phe «Đồng minh» [282] đã phong tỏa nước Nga, chúng tìm cách cắt nước Cộng hòa như cắt cái ổ truyền nhiễm, ra khỏi thế giới tư bản. Những kẻ đó khoe khoang về «tính chất dân chủ» của chế độ của chúng lại bị lòng căm thù đối với nước Cộng hòa xô-viết làm cho mù quáng đến nỗi không nhận thấy rằng chính chúng đã tự làm cho mình thành lố bịch. Các bạn hãy thử suy nghĩ một chút xem: những nước tiên tiến, văn minh nhất và «dân chủ» nhất, được vũ trang đầy đủ, và về mặt quân sự thì đang hoàn toàn làm bá chủ trên toàn thế giới, mà lại sợ như sợ lửa, sự truyền nhiễm về mặt *tư tưởng* của một nước bị phá sản, đói rét, lạc hậu và thậm chí, như chúng vẫn quả quyết, còn ở trong một tình trạng nửa dã man!

Chỉ riêng mâu thuẫn đó cũng đủ làm cho quần chúng lao động tất cả các nước tỉnh ngộ và cũng giúp ta lột trần được bộ mặt giả dối của bọn đế quốc như Clê-măng-xô, Lô-ít Gioóc-giơ, Uyn-xơn và những chính phủ của chúng.

Song, điều thuận lợi cho chúng ta không phải chỉ ở chỗ bọn tư bản căm thù các Xô-viết mà thành ra mù quáng, mà còn ở chỗ là giữa bọn chúng với nhau có sự tranh giành khiến chúng đi đến chỗ đấm đá lẫn nhau. Chúng đã cùng nhau thật sự tổ chức một cuộc âm mưu bưng bít hòng ngăn cản việc mà chúng sợ hơn hết, tức là việc truyền bá những tin tức xác thực về nước Cộng hòa xô-viết nói chung và về những văn kiện chính thức của nước đó nói riêng. Song tờ «Thời báo» («Le Temps»), cơ quan chủ yếu của giai cấp tư sản Pháp, lại đăng tin về việc thành lập, tại Mát-xcơ-va, Quốc tế III, tức Quốc tế cộng sản.

Chúng ta xin gửi tới cơ quan ngôn luận chủ yếu của giai cấp tư sản Pháp, tới kẻ lãnh đạo của chủ nghĩa sô-vanh và chủ nghĩa đế quốc Pháp, lòng biết ơn kính cẩn nhất của chúng ta. Chúng ta sẵn sàng gửi tới tờ «Thời báo» một lời chào trân trọng để tỏ với họ rằng chúng ta xiết bao cảm kích về sự giúp đỡ rất đúng dịp và rất sáng suốt của báo đó đối với chúng ta.

Cách tờ «Thời báo» soạn tin theo đài phát thanh của chúng ta, đã vạch ra hết sức rõ rệt động cơ của cái cơ quan ngôn luận ấy của túi tiền. Tờ «Thời báo» muốn châm chọc và làm bẽ mặt Uyn-xơn: ấy, những

người mà ông nhận đàm phán với họ là như thế đấy! Những tên viết thuê cho túi tiền không nhận thấy rằng khi chúng muốn đem chủ nghĩa bôn-sê-vích ra làm con ngoáo ộp để dọa Uyn-xơn, thì chúng đã tuyên truyền cho những người bôn-sê-vích với quần chúng cần lao. Một lần nữa, chúng ta rất kính cẩn tỏ lòng biết ơn tờ báo của các nhà triệu phú Pháp!

Việc thành lập Quốc tế III đã tiến hành trong một hoàn cảnh thế giới mà không một sự cấm đoán nào, không một âm mưu ti tiện và hèn hạ nào của bọn đế quốc trong phe «Đồng minh» hay của bọn làm đầy tớ cho chủ nghĩa tư bản, như bọn Sai-đê-man ở Đức, bọn Ren-nơ ở Áo, lại có thể ngăn cấm được cái tin về Quốc tế đó và những sự đồng tình mà nó đã gây ra, khỏi lan tràn vào giai cấp công nhân toàn thế giới. Sở dĩ có hoàn cảnh đó, chính là do cách mạng vô sản đang trưởng thành rõ rệt ở khắp mọi nơi, không phải từng ngày mà từng giờ, từng phút. Sở dĩ có hoàn cảnh đó, chính là do có phong trào *xô-viết* trong quần chúng cần lao, phong trào đó mạnh mẽ đến nỗi trở thành một phong trào thật sự *quốc tế*.

Quốc tế I (1864 - 1872) đã đặt nền tảng cho tổ chức quốc tế của công nhân để chuẩn bị cuộc tấn công cách mạng của họ chống tư bản. Quốc tế II (1889 - 1914) là tổ chức quốc tế của phong trào vô sản đã phát triển theo *chiều rộng*, điều đó không khỏi đã làm cho trình độ cách mạng tạm thời thấp xuống, làm cho chủ nghĩa cơ hội tạm thời được mạnh lên, và chủ nghĩa cơ hội này rốt cuộc đưa Quốc tế đó đến chỗ phá sản nhục nhã.

Quốc tế III đã thực sự ra đời năm 1918, lúc mà quá trình đấu tranh lâu dài chống chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa xã hội - sô-vanh, nhất là trong thời kỳ chiến tranh, đã đạt tới chỗ thành lập những đảng cộng sản ở nhiều nước. Về mặt chính thức thì Quốc tế III đã được thành lập tại Đại hội lần thứ nhất của nó, hồi tháng Ba 1919 ở Mát-xcơ-va. Và nét đặc trưng của Quốc tế này, sứ mệnh của nó là thi hành, là áp dụng những giáo huấn của chủ nghĩa Mác và thực hiện lý tưởng cổ truyền của chủ nghĩa xã hội và của phong trào công nhân, — nét đặc trưng đó của Quốc tế III biểu lộ ngay ra ở chỗ là «Hội liên hiệp lao động quốc tế» mới, «Hội liên hiệp lao động quốc tế» thứ ba này, *hiện nay*, trong một phạm vi nhất định, *đã trở thành đồng nhất với Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết.*

Quốc tế I đã đặt nền tảng cho cuộc đấu tranh vô sản, có tính chất quốc tế, để thực hiện chủ nghĩa xã hội.

Quốc tế II đã đánh dấu thời kỳ chuẩn bị cơ sở để cho phong trào lan rộng trong quần chúng ở nhiều nước.

Quốc tế III đã thừa hưởng những thành quả hoạt động của Quốc tế II, nó đã trừ bỏ khỏi Quốc tế II bọn sâu mọt tư sản và tiểu tư sản, cơ hội và xã hội - sô-vanh và đã *bắt đầu thực hiện* chuyên chính vô sản.

Hội liên hiệp quốc tế các đảng lãnh đạo phong trào cách mạng nhất thế giới, phong trào của giai cấp vô sản để lật đổ ách tư bản, hiện nay có một cơ sở vững chắc chưa từng thấy là: một số *Cộng hòa xô-viết*, đã thể hiện, trong phạm vi quốc tế, chuyên chính của giai cấp vô sản và thắng lợi của giai cấp đó đối với chủ nghĩa tư bản.

Ý nghĩa lịch sử toàn thế giới của Quốc tế III, tức là Quốc tế cộng sản, là ở chỗ nó đã bắt đầu thực hiện khẩu hiệu vĩ đại nhất của Mác, khẩu hiệu tổng kết bước tiến trong một thế kỷ này của chủ nghĩa xã hội và của phong trào công nhân, khẩu hiệu biểu hiện bằng khái niệm: chuyên chính của giai cấp vô sản.

Dự kiến thiên tài đó, lý luận thiên tài đó đã trở thành hiện thực.

Thành ngữ la-tinh đó hiện nay đã được dịch ra tất cả các thứ tiếng phổ thông của châu Âu hiện đại, và hơn thế nữa, ra tất cả các thứ tiếng trên thế giới.

Một kỷ nguyên mới đã mở ra trong lịch sử thế giới.

Nhân loại đang vứt bỏ hình thức cuối cùng của chế độ nô lệ: chế độ nô lệ tư bản hay chế độ nô lệ làm thuê.

Thoát khỏi được chế độ nô lệ đó, lần đầu tiên nhân loại sẽ bước vào chế độ tự do chân chính.

Làm thế nào mà nước đầu tiên thực hiện chuyên chính vô sản và thành lập Cộng hòa xô-viết lại là một trong những nước lạc hậu nhất châu Âu? Chúng ta không đến nỗi sai lầm, khi chúng ta nói rằng chính cái mâu thuẫn đó giữa tình trạng lạc hậu của nước Nga với bước «nhảy vọt» của nó vượt qua chế độ dân chủ tư sản để tiến lên một hình thức dân chủ cao nhất, tiến lên chế độ dân chủ xô-viết hay dân chủ vô sản, chính mâu thuẫn đó (cộng thêm với những tập quán cơ hội chủ nghĩa và những thiên kiến phi-li-xtanh còn nặng nề trong phần đông các lãnh tụ xã hội chủ nghĩa) đã là một trong những nguyên nhân khiến phương Tây đặc biệt khó mà hiểu được hay chậm hiểu được vai trò của các Xô-viết.

Quần chúng công nhân tất cả các nước, do bản năng của mình, đã hiểu được tầm quan trọng của các Xô-viết, vũ khí đấu tranh của giai cấp vô sản và hình thức của nhà nước vô sản. Nhưng «những lãnh

tụ», bị chủ nghĩa cơ hội làm hư hỏng, thì từ trước tới nay vẫn tiếp tục sùng bái chế độ dân chủ tư sản và gọi đó là chế độ «dân chủ» nói chung.

Có nên lấy làm lạ rằng việc thực hiện chuyên chính vô sản trước hết đã làm lộ rõ «mâu thuẫn» đó giữa tình trạng lạc hậu của nước Nga với «bước nhảy vọt» của nó *vượt qua* chế độ dân chủ tư sản không? Nếu lịch sử đem lại cho chúng ta việc thực hiện một hình thức dân chủ *mới* mà *không* gây ra một số mâu thuẫn, thì đó mới là lạ.

Nếu chúng ta hỏi bất cứ một người mác-xít nào, thậm chí bất cứ một người nào am hiểu khoa học hiện đại rằng: «Liệu các nước tư bản khác nhau có thể chuyển một cách đều đặn, nhịp nhàng và cân đối sang chế độ chuyên chính vô sản được không?» — thì chắc chắn họ sẽ trả lời rằng không. Trong thế giới tư bản, không bao giờ có và không thể có sự phát triển đều đặn, nhịp nhàng và cân đối được. Mỗi nước, khi phát triển, đều làm nổi bật lên một mặt nào đó, một đặc điểm nào đó hay một loạt những đặc điểm nào đó của chủ nghĩa tư bản và của phong trào công nhân. Quá trình phát triển đã diễn ra một cách không đều.

Khi nước Pháp làm cuộc đại cách mạng tư sản, do đó mở ra cho toàn bộ lục địa châu Âu một kỷ nguyên lịch sử mới, thì nước Anh về phương diện tư bản, phát triển hơn nước Pháp nhiều, lại cầm đầu khối liên minh phản cách mạng. Nhưng phong trào công nhân Anh trong thời kỳ đó đã tài tình đưa ra trước được rất nhiều điểm của chủ nghĩa Mác sau này.

Khi nước Anh sản sinh ra phong trào Hiến chương, phong trào cách mạng vô sản to lớn đầu tiên, thật sự có tính chất quần chúng và có hình thức chính trị, thì lúc đó trên lục địa châu Âu thường thường chỉ có những cuộc cách mạng tư sản yếu ớt thôi, nhưng ở Pháp lần đầu tiên lại nổ ra cuộc nội chiến lớn giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản. Giai cấp tư sản đã đánh bại từng đội quân vô sản ở các nước bằng nhiều biện pháp khác nhau tùy theo từng nước.

Nước Anh, — theo lời của Ăng-ghen, — là điển hình một nước trong đó giai cấp tư sản đã tạo ra, bên cạnh tầng lớp quý tộc tư sản hóa, một tầng lớp trên của giai cấp vô sản hết sức tư sản hóa [283]. Về mặt đấu tranh cách mạng vô sản, thì nước tư bản tiên tiến đó đã trở thành lạc hậu hàng mấy chục năm. Nước Pháp hình như đã làm kiệt sức giai cấp vô sản trong hai cuộc khởi nghĩa anh dũng của giai cấp công nhân chống giai cấp tư sản trong năm 1848 và 1871, là hai cuộc khởi nghĩa đã làm cho lịch sử thế giới phong phú lên rất nhiều. Bá quyền lãnh đạo trong Quốc tế của phong trào công nhân về sau đã

chuyển sang nước Đức, trong những năm 70 của thế kỷ XIX, trong lúc mà nước này còn lạc hậu hơn nước Anh và nước Pháp về mặt kinh tế. Và khi nước Đức đã vượt hai nước kia về mặt kinh tế, tức là vào khoảng trước những năm 20 của thế kỷ XX, thì lúc đó đảng công nhân mác-xít Đức, một đảng kiểu mẫu đối với toàn thế giới đã chịu sự lãnh đạo của một nhúm người cực kỳ đê tiện, một bọn đê hèn bẩn thỉu nhất đã bán mình cho bọn tư bản, kể từ Sai-đê-man và Nô-xkê cho đến Đa-vít và Lê-ghin, là những tên đao phủ ghê tởm nhất xuất thân từ công nhân và đã chạy sang phục vụ cho chế độ quân chủ và cho giai cấp tư sản phản cách mạng.

Lịch sử thế giới không ngừng đi tới chuyên chính vô sản, nhưng tuyệt nhiên không phải đi theo những con đường bằng phẳng, giản đơn, thẳng tắp.

Khi Các-lơ Cau-xky còn là một nhà mác-xít, — chứ không phải là một tên phản bội chủ nghĩa Mác như ngày nay, vì y đang chiến đấu cho sự thống nhất với bọn Sai-đê-man và cho chế độ dân chủ tư sản chống lại chế độ dân chủ xô-viết hay dân chủ vô sản, — y đã viết, ngay từ đầu thế kỷ XX, một bài nhan đề là: «Những người Xla-vơ và cách mạng». Trong bài đó, Cau-xky đã nêu rõ những điều kiện lịch sử khiến người ta dự đoán được rằng quyền lãnh đạo phong trào cách mạng quốc tế chuyển vào tay những người Xla-vơ.

Quả thật là đúng như thế. Trong một thời gian, — rất ngắn, điều đó là tất nhiên, — quyền lãnh đạo trong Quốc tế vô sản cách mạng đã chuyển vào tay người Nga, cũng như trong các thời kỳ thuộc thế kỷ XIX, quyền đó đã nằm trong tay người Anh, rồi qua người Pháp, tiếp đến người Đức.

Tôi đã nhiều lần nói rằng: so với các nước tiên tiến, thì đối với người Nga, *bắt đầu* cuộc đại cách mạng vô sản là việc dễ dàng hơn, nhưng *tiếp tục* cuộc cách mạng đó và đưa nó đến thắng lợi cuối cùng, với ý nghĩa là tổ chức toàn vẹn một xã hội xã hội chủ nghĩa, lại là một việc khó khăn hơn.

Sở dĩ chúng ta đã bắt đầu được dễ dàng hơn, trước hết là vì tình trạng lạc hậu khác thường về mặt chính trị của chế độ quân chủ Nga hoàng, — đối với châu Âu hồi thế kỷ XX, — đã khiến cho cuộc tiến công cách mạng của quần chúng có một sức mạnh chưa từng thấy. Hai là, tình trạng lạc hậu ở nước Nga đã kết hợp một cách độc đáo cách mạng vô sản chống giai cấp tư sản với cách mạng nông dân chống bọn địa chủ. Chính là chúng ta đã bắt đầu từ đó, hồi tháng Mười năm

1917, và nếu chúng ta hành động khác đi thì chúng ta đã không thể thắng được dễ dàng đến như thế. Ngay từ năm 1856, khi nói về nước Phổ, Mác đã vạch rõ khả năng kết hợp một cách độc đáo cách mạng vô sản với chiến tranh nông dân[284]. Những người bôn-sê-vích, từ đầu năm 1905, đã bênh vực ý niệm chuyên chính dân chủ cách mạng của giai cấp vô sản và nông dân. Ba là, cuộc cách mạng 1905 đã đóng góp hết sức nhiều vào việc giáo dục chính trị cho quần chúng công nhân và nông dân, vừa về mặt làm cho đội tiên phong của họ nhận thức được «những điều mới nhất» của chủ nghĩa xã hội phương Tây, lại vừa về mặt *hành động* cách mạng của quần chúng. Nếu không có cuộc «tổng diễn tập» năm 1905 đó thì có lẽ đã không thể có được những cuộc cách mạng 1917, tức là cuộc Cách mạng tư sản tháng Hai và cuộc Cách mạng vô sản tháng Mười. Bốn là, hoàn cảnh địa lý của nước Nga đã giúp cho nước đó có thể cầm cự được lâu hơn các nước khác, mặc dù các lực lượng quân sự của các nước tư bản tiên tiến chiếm ưu thế. Năm là, thái độ đặc biệt của giai cấp vô sản đối với nông dân đã làm cho cách mạng tư sản chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa được dễ dàng, và đã làm cho ảnh hưởng của những người vô sản ở thành thị dễ tác động vào các tầng lớp nửa vô sản, tầng lớp những người lao động nghèo nhất ở nông thôn. Sáu là, trong một tình hình cách mạng sâu sắc và đã trở nên ngày càng nghiêm trọng một cách mau chóng thì sự rèn luyện lâu dài của cuộc đấu tranh bãi công và kinh nghiệm của phong trào công nhân có tính chất quần chúng ở châu Âu đã làm cho dễ xuất hiện một hình thức tổ chức cách mạng vô sản độc đáo là *các Xô-viết*.

Đương nhiên, kể ra như thế chưa phải là đã đầy đủ. Nhưng tạm thời ta có thể chỉ kể ra như thế thôi.

Chế độ dân chủ xô-viết hay dân chủ vô sản đã phát sinh ở Nga. So với Công xã Pa-ri thì đó là bước quan trọng thứ hai có một ý nghĩa lịch sử toàn thế giới. Cộng hòa xô-viết vô sản và nông dân là một cộng hòa xã hội chủ nghĩa vững vàng đầu tiên trên thế giới. Từ nay, là một *kiểu nhà nước mới*, nó không thể bị tiêu vong. Ngày nay, nó không còn đơn độc nữa.

Muốn tiếp tục sự nghiệp kiến thiết xã hội chủ nghĩa và hoàn thành tốt sự nghiệp ấy, còn có rất nhiều việc phải làm. Ở các nước tiên tiến hơn, nơi mà giai cấp vô sản có nhiều thế lực và ảnh hưởng hơn, thì những Cộng hòa xô-viết ở đó có mọi khả năng để vượt nước Nga, khi mà họ bước vào con đường chuyên chính vô sản.

Ngày nay, Quốc tế II phá sản đang tiêu vong và mục ruỗng. Thực

tế nó đã chạy sang phục vụ cho giai cấp tư sản quốc tế. Đó thật sự là một Quốc tế vàng. Những lãnh tụ tư tưởng lớn nhất của Quốc tế đó như Cau-xky, đều tán dương chế độ dân chủ *tư sản*, cho đó là «dân chủ» nói chung hay — còn vô lý hơn và thô lỗ hơn nữa — là «dân chủ thuần túy».

Chế độ dân chủ tư sản đã hết thời rồi, cũng y như Quốc tế II, khi nó đã hoàn thành nhiệm vụ lịch sử tất yếu và có ích của nó trong một thời kỳ mà nhiệm vụ trước mắt là phải rèn luyện quần chúng công nhân ngay trong khuôn khổ của chế độ dân chủ tư sản đó.

Chế độ cộng hòa tư sản dân chủ nhất bao giờ cũng là và chỉ có thể là một bộ máy mà tư bản dùng để áp bức những người lao động, một công cụ cho quyền lực chính trị của tư bản, tức là chuyên chính tư sản. Chế độ cộng hòa dân chủ tư sản đã hứa hẹn và đã tuyên bố chính quyền của đại đa số, nhưng chừng nào mà chế độ tư hữu về ruộng đất và về những tư liệu sản xuất khác vẫn còn tồn tại, thì không bao giờ nó có thể thực hiện được điều đó.

Quyền «tự do» trong chế độ cộng hòa dân chủ tư sản thật ra chỉ là quyền tự do *cho bọn giàu có*. Những người vô sản và những người lao động ở nông thôn đã có thể và đã phải sử dụng tự do đó để chuẩn bị lực lượng của mình để lật đổ tư bản, để chiến thắng chế độ dân chủ tư sản, nhưng thông thường thì quần chúng cần lao không bao giờ lại có thể *thật sự* hưởng được quyền dân chủ trong chế độ tư bản cả.

Lần đầu tiên trên thế giới, nền dân chủ xô-viết hay dân chủ vô sản đã kiến lập *chế độ dân chủ* cho quần chúng, cho những người lao động, cho công nhân và tiểu nông.

Trước đây trên thế giới chưa bao giờ có một chính quyền nhà nước nào do *đa số* quần chúng nắm giữ, một chính quyền *thật sự* của đa số này, như Chính quyền xô-viết.

Chính quyền này thủ tiêu «tự do» của bọn bóc lột và tay chân của chúng; nó tước quyền «tự do» bóc lột của bọn chúng, quyền «tự do» làm giàu của bọn chúng trên sự đói khổ của người khác, quyền «tự do» chiến đấu để khôi phục quyền lực của tư bản, quyền «tự do» câu kết với giai cấp tư sản nước ngoài chống lại công nhân và nông dân trong nước.

Chúng ta hãy để cho bọn Cau-xky bênh vực thứ tự do đó. Phải là một kẻ phản bội chủ nghĩa Mác, một kẻ phản bội chủ nghĩa xã hội mới làm như thế.

Sự phá sản của bọn lãnh tụ tư tưởng của Quốc tế II, như Hin-phéc-đinh và Cau-xky, chưa bao giờ lại lộ ra rõ rệt như trong việc họ hoàn toàn không hiểu nổi ý nghĩa của chế độ dân chủ xô-viết hay dân chủ vô sản, mối liên hệ của nó với Công xã Pa-ri, địa vị của nó trong lịch sử, tính tất yếu của nó về phương diện là một hình thức chuyên chính vô sản.

Báo «Tự do» («Die Freiheit»), cơ quan của Đảng dân chủ - xã hội Đức «độc lập» (nên gọi là tầm thường, phi-li-xtanh, tiểu tư sản), số 74, ra ngày 11 tháng Hai 1919, đã đăng một bản kêu gọi: «Gửi giai cấp vô sản cách mạng Đức».

Bản kêu gọi đã được ban lãnh đạo của Đảng và tất cả đảng đoàn của Đảng trong «Quốc hội» tức là «Quốc hội lập hiến» Đức, ký.

Bản kêu gọi đó kết tội bọn Sai-đê-man là muốn thủ tiêu *các Xô-viết* và đề nghị — xin chớ cười! — *kết hợp* các Xô-viết với Quốc hội lập hiến, và để cho các Xô-viết ấy có một số quyền lợi quốc gia nhất định, một địa vị nhất định trong hiến pháp.

Điều hòa và liên hợp chuyên chính tư sản với chuyên chính vô sản à! Không còn gì giản đơn hơn nữa! Đó quả là một ý kiến tài tình kiểu phi-li-xtanh!

Chỉ tiếc rằng ý kiến đó đã được đem thực nghiệm ở nước Nga dưới thời Kê-ren-xki, bởi bọn men-sê-vích và bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng liên kết với nhau, những bọn dân chủ tiểu tư sản đó vẫn tự xưng là người xã hội chủ nghĩa.

Đọc tác phẩm của Mác mà lại không hiểu được rằng trong xã hội tư bản, trong mỗi trường hợp nghiêm trọng, trong mỗi cuộc xung đột giai cấp gay go, thì chỉ có thể có hoặc là chuyên chính tư sản hoặc là chuyên chính vô sản, — không hiểu được như thế thì thật là không hiểu một tí gì về học thuyết chính trị và kinh tế của Mác cả.

Nhưng ý kiến tài tình kiểu phi-li-xtanh của Hin-phéc-đinh, Cau-xky và đồng bọn về việc kết hợp một cách hòa bình chuyên chính tư sản với chuyên chính vô sản, đòi hỏi phải được nghiên cứu riêng, nếu muốn vạch ra tất cả những điều phi lý về mặt kinh tế và chính trị chồng chất trong bản kêu gọi ngày 11 tháng Hai cực kỳ đặc sắc và đáng tức cười ấy. Chúng ta phải tạm gác vấn đề đó để một bài báo sau [285].

Mát-xcơ-va, ngày 15 tháng Tư 1919

Toàn tập, t. 38

CHÀO MỪNG CÔNG NHÂN HUNG-GA-RI

Các đồng chí, những tin tức mà chúng tôi vừa nhận được của những người lãnh đạo Xô-viết Hung-ga-ri làm cho chúng tôi hết sức vui mừng phấn khởi. Chính quyền xô-viết ở Hung-ga-ri vừa mới thành lập được có hơn hai tháng một chút, nhưng về mặt tổ chức, giai cấp vô sản Hung-ga-ri hình như đã vượt chúng tôi rồi. Điều đó cũng dễ hiểu thôi. Ở Hung-ga-ri, trình độ văn hóa chung của nhân dân cao hơn; sau đó, tỷ lệ công nhân công nghiệp trong số dân cư ở Hung-ga-ri lại vô cùng lớn hơn (trong số 8 triệu dân hiện nay ở Hung-ga-ri thì thủ đô Bu-đa-pét có tới 3 triệu người); sau hết, việc chuyển sang chế độ xô-viết, sang chuyên chính vô sản ở Hung-ga-ri được thực hiện hết sức dễ dàng hơn và hòa bình hơn.

Tình huống nói sau đó thì đặc biệt quan trọng. Phần lớn bọn lãnh tụ xã hội chủ nghĩa ở châu Âu, bọn có xu hướng xã hội - sô-vanh cũng như bọn theo xu hướng Cau-xky, đều sa lầy trong những thiên kiến thuần túy tiểu tư sản, những thiên kiến đã được nuôi dưỡng trong hàng chục năm dưới chủ nghĩa tư bản tương đối «hòa bình» và dưới chế độ đại nghị tư sản, đến nỗi họ không thể hiểu được Chính quyền xô-viết là thế nào và chuyên chính vô sản là thế nào. Giai cấp vô sản không thể hoàn thành sứ mệnh giải phóng có ý nghĩa lịch sử toàn thế giới của mình, nếu không gạt bọn lãnh tụ đó ra khỏi con đường của mình, nếu không đuổi cổ chúng đi. Bọn người đó đã tin hoàn toàn hoặc tin một nửa vào những luận điệu dối trá của giai cấp tư sản về Chính quyền xô-viết ở Nga; họ đã không biết phân biệt bản chất của chế độ dân chủ mới, dân chủ vô sản, dân chủ đối với những người lao động, dân chủ xã hội chủ nghĩa biểu hiện trong Chính quyền xô-viết với chế độ dân chủ tư sản mà họ cúi đầu sùng bái một cách nô lệ và cho đó là «dân chủ thuần túy» hay «dân chủ» nói chung.

Bọn người mù quáng đó, tiêm nhiễm đầy những thiên kiến tư sản, đã không hiểu được bước ngoặt lịch sử thế giới từ chế độ dân chủ tư

sản lên chế độ dân chủ vô sản, từ chuyên chính tư sản lên chuyên chính vô sản. Họ đã lẫn lộn một số đặc điểm của Chính quyền xô-viết Nga, của lịch sử sự phát triển của Chính quyền xô-viết ở Nga, với Chính quyền xô-viết theo ý nghĩa quốc tế của nó.

Cách mạng vô sản Hung-ga-ri đã giúp cho ngay cả những người mù cũng sáng mắt ra. Ở Hung-ga-ri, bước chuyển lên chuyên chính vô sản đã được thực hiện dưới một hình thức hoàn toàn khác nước Nga: chính phủ tư sản tự nguyện rút lui, sự thống nhất của giai cấp công nhân, sự thống nhất của chủ nghĩa xã hội được tức thời lập lại *trên cơ sở của cương lĩnh cộng sản*. Ngày nay, thực chất của Chính quyền xô-viết càng biểu lộ rõ ràng hơn nữa: trên thế giới hiện nay, không thể có một chính quyền nào khác được sự ủng hộ của những người lao động, đứng đầu là giai cấp vô sản, ngoài Chính quyền xô-viết, ngoài chuyên chính vô sản.

Chuyên chính ấy đòi hỏi phải dùng thủ đoạn bạo lực không thương xót, mau lẹ và quyết liệt để đập tan sự phản kháng của bọn bóc lột, bọn tư sản, bọn địa chủ và tay sai của chúng. Kẻ nào không hiểu được điều đó, không phải là người cách mạng; phải đuổi cổ kẻ đó ra khỏi địa vị lãnh tụ hay cố vấn của giai cấp vô sản.

Nhưng thực chất của chuyên chính vô sản không phải chỉ là bạo lực, cũng không phải chủ yếu là bạo lực. Thực chất chủ yếu của chuyên chính đó là ở tính tổ chức và tính kỷ luật của đội ngũ tiên tiến của những người lao động, của đội tiên phong của đội ngũ đó, của người lãnh đạo duy nhất của đội ngũ đó, tức là của giai cấp vô sản. Mục đích của giai cấp vô sản là thiết lập chủ nghĩa xã hội, xóa bỏ sự phân chia xã hội thành giai cấp, biến tất cả những thành viên trong xã hội thành người lao động, tiêu diệt cơ sở của tình trạng người bóc lột người. Mục đích đó người ta không thể đạt ngay tức khắc được; muốn thế cần phải có một thời kỳ quá độ khá lâu dài từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, vì cải tổ sản xuất là việc khó khăn; vì cần phải có thời gian, mới thực hiện được những thay đổi căn bản trong mọi lĩnh vực của sinh hoạt, và vì phải trải qua một cuộc đấu tranh quyết liệt lâu dài, mới có thể thắng được thế lực to lớn của thói quen quản lý theo kiểu tiểu tư sản và tư sản. Bởi vậy, Mác có nói đến cả một thời kỳ chuyên chính vô sản là thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

Suốt trong thời kỳ quá độ đó, cách mạng sẽ vấp phải sự phản kháng của bọn tư bản, cũng như của rất nhiều tay chân của chúng

trong giới trí thức tư sản, là những kẻ chống lại một cách có ý thức, và sẽ vấp phải sự phản kháng của khối rất lớn những người lao động, — trong đó có nông dân, — họ đang bị đè quá nặng dưới những phong tục và tập quán tiểu tư sản, và thường phản kháng một cách không tự giác. Các tầng lớp nhân dân ấy không tránh khỏi ngả nghiêng. Nông dân, với tư cách là người lao động, thì ngả theo chủ nghĩa xã hội; họ thích chuyên chính của công nhân hơn là chuyên chính của giai cấp tư sản. Nhưng với tư cách là người bán lúa mì, thì họ lại ngả về phía giai cấp tư sản, về phía buôn bán tự do, nghĩa là thụt lùi về phía chủ nghĩa tư bản cũ kỹ «từng quen thuộc», «vốn có xưa nay».

Phải có chuyên chính vô sản, chính quyền của một giai cấp duy nhất, sức mạnh của tính tổ chức và tính kỷ luật của giai cấp đó, thế lực tập trung của nó dựa trên tất cả những thành tựu văn hóa, khoa học, kỹ thuật của chủ nghĩa tư bản, sự thông cảm vô sản của nó với tâm trạng của mọi người lao động, uy tín của nó đối với những người lao động ở nông thôn, hay trong tiểu sản xuất, sống phân tán, kém phát triển, kém kiên quyết về mặt chính trị, thì giai cấp vô sản mới có thể *lôi kéo được theo mình* giai cấp nông dân và nói chung, tất cả những tầng lớp tiểu tư sản. Ở đây, những câu nói suông về «dân chủ» nói chung, về «thống nhất» hay về «thống nhất của dân chủ lao động», về «bình đẳng» của tất cả «những người lao động» v. v., v. v., — những câu mà bọn xã hội - sô-vanh và bọn Cau-xky tư sản hóa rất ưa thích — chẳng dùng được vào việc gì cả. Những câu đó chỉ làm cho người ta lóa mắt và làm mờ ý thức, kéo dài tình trạng ngu xuẩn cũ kỹ, tình trạng trì trệ và thủ cựu của chủ nghĩa tư bản, của chế độ đại nghị, của chế độ dân chủ tư sản.

Việc xóa bỏ giai cấp là kết quả của một cuộc *đấu tranh giai cấp* lâu dài, gay go và kiên trì; tức là cuộc đấu tranh, *sau khi* lật đổ chính quyền của tư bản, *sau khi* phá hủy nhà nước tư sản, *sau khi* thiết lập chuyên chính vô sản, thì *không biến mất* (như những nhân vật tầm thường của phái xã hội chủ nghĩa cũ và của phái dân chủ - xã hội cũ vẫn tưởng) mà chỉ thay đổi hình thức và, về nhiều mặt trở nên kịch liệt hơn.

Bằng đấu tranh giai cấp chống sự phản kháng của giai cấp tư sản, chống tình trạng trì trệ, thủ cựu, do dự, ngả nghiêng của giai cấp tiểu tư sản, giai cấp vô sản phải bảo vệ chính quyền của mình, phải củng cố tác dụng tổ chức của mình, phải tranh thủ «sự trung lập» của những tầng lớp đang sợ phải xa rời giai cấp tư sản nên đi theo giai cấp vô

sản một cách quá ngập ngừng, phải củng cố kỷ luật mới, kỷ luật anh em của những người lao động, phải cững cố mối liên hệ vững chắc của họ với giai cấp vô sản, sự đoàn kết chặt chẽ của họ chung quanh giai cấp vô sản, cái kỷ luật mới đó, cái cơ sở mới đó của những quan hệ xã hội, để thay cho kỷ luật của chế độ nông nô trong thời kỳ trung cổ, thay cho kỷ luật của sự nghèo đói, thay cho kỷ luật của chế độ nô lệ làm thuê «tự do» dưới chế độ tư bản.

Muốn xóa bỏ các giai cấp, phải có một thời kỳ chuyên chính do một giai cấp duy nhất tiến hành, chính do một trong số những giai cấp bị áp bức, có khả năng không những lật đổ được bọn bóc lột, không những thẳng tay đập tan được sự phản kháng của chúng, mà còn có khả năng đoạn tuyệt hẳn với toàn bộ hệ tư tưởng dân chủ tư sản, với tất cả những câu nói rỗng tuếch tầm thường về tự do và bình đẳng nói chung (thật ra, như Mác đã chứng minh từ lâu, câu nói rỗng tuếch đó có nghĩa là «tự do và bình đẳng» của *bọn sở hữu hàng hóa*, «tự do và bình đẳng» giữa *nhà tư bản với công nhân*).

Hơn thế nữa. Trong số các giai cấp bị áp bức, chỉ có giai cấp nào đã được giáo dục, đã đoàn kết, đã được bồi dưỡng, tôi luyện qua hàng chục năm đấu tranh bãi công và đấu tranh chính trị chống tư bản; — chỉ có giai cấp nào đã hấp thu được toàn bộ nền văn hóa của thành thị, của công nghiệp và của chủ nghĩa đại tư bản, có quyết tâm và có khả năng bảo vệ nền văn hóa đó, bảo tồn và phát triển hơn nữa tất cả những thành quả của nó, và làm cho toàn dân và tất cả những người lao động đều có thể hưởng thụ được những thành quả đó; — chỉ có giai cấp nào biết gánh vác mọi trách nhiệm nặng nề, chịu mọi thử thách, mọi gian khổ, mọi hy sinh lớn lao mà lịch sử nhất thiết đề ra cho bất cứ người nào đoạn tuyệt với quá khứ và dũng cảm mở một con đường tiến đến một tương lai mới; — chỉ có giai cấp nào mà những phần tử ưu tú nhất của nó căm thù và khinh ghét tất cả những cái gì là tầm thường và phi-li-xtanh, những tính chất rất thịnh hành trong giai cấp tiểu tư sản, trong viên chức nhỏ và những «người trí thức»; — chỉ có giai cấp nào «đã được tôi luyện trong trường học lao động» và do năng lực lao động của mình mà được tất cả những người lao động, tất cả những người trung thực quý trọng thì mới có khả năng xóa bỏ các giai cấp bằng chuyên chính của mình.

Các đồng chí công nhân Hung-ga-ri, các đồng chí đã nêu cho toàn thế giới một tấm gương tốt đẹp hơn là gương của nước Nga xô-viết, vì các đồng chí đã biết tập hợp được ngay tức khắc tất cả những

người xã hội chủ nghĩa trên lập trường của một nền chuyên chính vô sản chân chính. Một nhiệm vụ rất khó khăn, nhưng rất vinh dự đang chờ đón các đồng chí là: phải đứng vững trong cuộc chiến tranh gay go chống khối Đồng minh. Các đồng chí hãy kiên quyết. Nếu trong hàng ngũ những người xã hội chủ nghĩa, hôm qua đây, đi theo các đồng chí, đi với chuyên chính vô sản, hoặc trong hàng ngũ giai cấp tiểu tư sản, mà có những hiện tượng ngả nghiêng, thì các đồng chí hãy thẳng tay trấn áp ngay những sự ngả nghiêng ấy. Bị xử bắn, đó là số phận đích đáng của kẻ hèn nhát trong chiến tranh.

Các đồng chí đang tiến hành một cuộc chiến tranh duy nhất chính đáng, chính nghĩa và thật sự cách mạng, cuộc chiến tranh của những người bị áp bức chống bọn áp bức, cuộc chiến tranh của những người lao động chống bọn bóc lột, cuộc chiến tranh để giành thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội. Tất cả những người trung thực trong giai cấp công nhân toàn thế giới đều đứng về phía các đồng chí. Mỗi tháng càng làm cho cách mạng vô sản toàn thế giới tiến gần lại.

Các đồng chí hãy kiên quyết! Thắng lợi nhất định sẽ về tay các đồng chí!

27. V. 1919 *Lê-nin*

Toàn tập, t. 38

TRÍCH:
SÁNG KIẾN VĨ ĐẠI

(Nói về tinh thần anh dũng của công nhân ở hậu phương. Nhân câu chuyện «Những ngày thứ bảy cộng sản»)

Hãy bớt lải nhải về chính trị, mà quan tâm nhiều hơn nữa đến những sự việc kiến thiết chủ nghĩa cộng sản, những sự việc giản đơn nhất nhưng sinh động, rút trong đời sống và được đời sống kiểm nghiệm, — khẩu hiệu này, tất cả chúng ta, người viết văn, người cổ động, người tuyên truyền, người tổ chức, v. v., chúng ta cần luôn luôn nhắc nhở cho nhau.

Tất nhiên và không thể tránh được rằng, thời gian đầu sau cuộc cách mạng vô sản, cái làm cho chúng ta phải quan tâm đến nhiều nhất là nhiệm vụ chủ yếu và căn bản này: thắng sự phản kháng của giai cấp tư sản, thắng bọn bóc lột, đập tan những âm mưu của chúng (như «âm mưu của bọn chủ nô» nhằm nộp thành phố Pê-tơ-rô-grát, âm mưu mà tất cả, từ bọn Trăm đen và bọn dân chủ - lập hiến đến bọn men-sê-vích và bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng đều nhúng tay vào[286]). Song bên cạnh nhiệm vụ đó, một nhiệm vụ khác nhất thiết cũng phải được đặt ra, — và đặt ra ngày càng mạnh mẽ hơn, — một nhiệm vụ trọng yếu hơn tức là tích cực xây dựng chủ nghĩa cộng sản, sáng tạo ra những quan hệ kinh tế mới, sáng tạo ra một xã hội mới.

Chuyên chính vô sản, — như tôi đã có dịp vạch ra nhiều lần, chẳng hạn cả trong bài diễn văn của tôi đọc trong phiên họp của Xô-viết đại biểu ở Pê-tơ-rô-grát, ngày 12 tháng Ba, — không phải chỉ là bạo lực đối với bọn bóc lột, và cũng không phải chủ yếu là bạo lực. Cơ sở kinh tế của bạo lực cách mạng đó, cái bảo đảm sức sống và thắng lợi của nó, chính là việc giai cấp vô sản đưa ra được và thực hiện được kiểu tổ chức lao động xã hội cao hơn, so với chủ nghĩa tư bản. Đấy là thực chất của vấn đề. Đó là nguồn gốc của sức mạnh và là cái bảo đảm cho thắng lợi hoàn toàn và tất yếu của chủ nghĩa cộng sản.

Tổ chức lao động xã hội của chế độ phong kiến dựa vào kỷ luật roi vọt trong tình trạng ngu muội và bị đè nén đến cùng cực của người

lao động bị một nhúm địa chủ cướp bóc, khinh khi. Tổ chức lao động xã hội của chủ nghĩa tư bản dựa vào kỷ luật của sự nghèo đói; và mặc dù mọi tiến bộ của nền văn hóa tư sản và của dân chủ tư sản, quảng đại quần chúng lao động, ngay cả trong những nước cộng hòa văn minh, dân chủ và tiên tiến nhất, cũng vẫn là một đám quần chúng ngu muội và bị đè nén, những người nô lệ làm thuê hoặc nông dân bị một nhúm tư bản áp bức cướp bóc và khinh khi. Tổ chức lao động xã hội của chủ nghĩa cộng sản mà bước đầu là chủ nghĩa xã hội, thì dựa vào và sẽ ngày càng dựa vào một kỷ luật tự giác và tự nguyện của chính ngay những người lao động, những người đã bẻ gãy gông cùm của bọn địa chủ và tư bản.

Kỷ luật mới này không phải từ trên trời rơi xuống, cũng chẳng phải do những mong ước thành tâm sinh ra; nó xuất hiện từ những điều kiện vật chất của nền đại sản xuất tư bản, và chỉ xuất hiện từ những điều kiện đó thôi. Không có những điều kiện này, kỷ luật đó không thể có được. Mà người đại biểu và tạo ra những điều kiện vật chất đó là một giai cấp lịch sử nhất định, do chế độ đại tư bản sản sinh, tổ chức, gắn bó, giáo dục, dạy bảo, rèn luyện nên. Giai cấp đó là giai cấp vô sản.

Chuyên chính vô sản, nếu chúng ta diễn đạt thành ngữ la-tinh có tính chất khoa học, lịch sử và triết học đó, bằng cách nói đơn giản hơn thì nó có nghĩa là:

chỉ có một giai cấp nhất định, — tức công nhân thành thị và, nói chung, công nhân nhà máy, công nhân công nghiệp, — mới có khả năng lãnh đạo được toàn thể quần chúng lao động và những người bị bóc lột trong cuộc đấu tranh để lật đổ ách tư bản, trong chính ngay quá trình lật đổ ách đó, trong cuộc đấu tranh để duy trì và củng cố thắng lợi, trong sự nghiệp sáng tạo ra một chế độ xã hội mới, chế độ xã hội chủ nghĩa, trong toàn bộ cuộc đấu tranh để hoàn toàn xóa bỏ các giai cấp. (Chúng ta hãy ghi chú điểm này: sự khác nhau về mặt khoa học giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản chỉ là ở chỗ: danh từ trên thì chỉ giai đoạn đầu của xã hội mới, lọt lòng từ chủ nghĩa tư bản; còn danh từ dưới thì chỉ giai đoạn sau đó, giai đoạn cao hơn của xã hội).

Sai lầm của Quốc tế «Béc-nơ», Quốc tế vàng[287], là ở chỗ những thủ lĩnh của nó chỉ thừa nhận đấu tranh giai cấp và vai trò lãnh đạo của giai cấp vô sản trên lời nói mà thôi: họ sợ suy nghĩ đến cùng, họ sợ chính cái kết luận tất nhiên đó, cái kết luận mà giai cấp tư sản đặc biệt ghê sợ và tuyệt đối không thể tiếp nhận được. Họ sợ không

dám thừa nhận rằng chuyên chính vô sản *cũng* là một thời kỳ đấu tranh giai cấp, — cuộc đấu tranh này không thể tránh khỏi được, chừng nào mà các giai cấp vẫn chưa được xóa bỏ, nó thay đổi hình thức của nó và trở nên đặc biệt tàn khốc và đặc biệt độc đáo trong thời gian đầu, tiếp sau khi lật đổ tư bản. Sau khi chiếm được chính quyền, giai cấp vô sản vẫn không ngừng đấu tranh giai cấp; nó tiếp tục cuộc đấu tranh đó, — cho đến khi thủ tiêu được các giai cấp, — song cố nhiên là trong những điều kiện khác, dưới một hình thức khác, bằng những thủ đoạn khác.

Và thế nào là «xóa bỏ các giai cấp»? Hết thảy những ai tự cho mình là người xã hội chủ nghĩa, đều thừa nhận mục đích cuối cùng đó của chủ nghĩa xã hội, nhưng không phải tất cả mọi người đều suy nghĩ sâu đến ý nghĩa của nó. Người ta gọi là giai cấp, những tập đoàn to lớn gồm những người khác nhau về địa vị của họ trong một hệ thống sản xuất xã hội nhất định trong lịch sử, khác nhau về quan hệ của họ (thường thường thì những quan hệ này được pháp luật quy định và thừa nhận) đối với những tư liệu sản xuất, về vai trò của họ trong tổ chức lao động xã hội, và bởi vậy khác nhau về cách thức hưởng thụ và về phần của cải xã hội ít hoặc nhiều mà họ được hưởng. Giai cấp là những tập đoàn người, mà tập đoàn này thì có thể chiếm đoạt lao động của tập đoàn khác, do chỗ các tập đoàn đó có địa vị khác nhau trong một chế độ kinh tế xã hội nhất định.

Rõ ràng là muốn hoàn toàn xóa bỏ các giai cấp thì chẳng những phải lật đổ bọn bóc lột, bọn địa chủ và bọn tư bản, chẳng những phải xóa bỏ quyền sở hữu *của chúng*; mà còn phải xóa bỏ *hết thảy* mọi quyền tư hữu về tư liệu sản xuất; phải xóa bỏ cả sự khác nhau giữa thành thị và nông thôn cũng như sự khác nhau giữa những người lao động chân tay và lao động trí óc. Đấy là công việc lâu dài lắm. Muốn hoàn thành công việc đó, phải thực hiện một bước tiến lớn lao trong sự phát triển lực lượng sản xuất, phải chiến thắng sự phản kháng (thường là thụ động, đặc biệt dai dẳng và đặc biệt khó khắc phục) của nhiều tàn dư của sản xuất nhỏ, phải chiến thắng sức mạnh to lớn của tập quán và thói quen thủ cựu, gắn liền với những tàn dư đó.

Cho rằng hết thảy mọi «người lao động» đều có khả năng như nhau để làm việc ấy, nói như thế là hoàn toàn vô nghĩa, hoặc là một ảo tưởng của người xã hội chủ nghĩa cổ hủ của thời đại trước Mác. Vì khả năng ấy không thể bỗng dưng mà có được; nó xuất hiện trong lịch sử và *chỉ* xuất hiện từ những điều kiện vật chất của đại sản xuất tư bản chủ nghĩa

mà thôi. Ở đầu con đường tiến từ chủ nghĩa tư bản đến chủ nghĩa xã hội thì *chỉ* có giai cấp vô sản mới có khả năng đó thôi. Nó có khả năng hoàn thành nhiệm vụ lớn lao mà nó phải gánh vác, trước hết vì nó là giai cấp mạnh nhất và tiên tiến nhất trong các xã hội văn minh; hai là vì nó là đa số trong dân cư các nước phát triển nhất; ba là vì trong các nước tư bản lạc hậu, như nước Nga, thì đa số dân cư là những người nửa vô sản, nghĩa là những người luôn luôn phải sống cảnh vô sản trong một phần của năm, những người luôn luôn tìm sinh kế, một phần nào đó, bằng cách đi làm thuê trong các xí nghiệp tư bản.

Những ai toan tính giải quyết vấn đề bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội bằng những câu sáo về tự do, bình đẳng, dân chủ nói chung, về bình đẳng của dân chủ lao động v. v. (như Cau-xky, Mác-tốp và những anh hùng khác của Quốc tế vàng Béc-nơ đã làm), thì chỉ để lộ rõ bản chất tiểu tư sản, phi-li-xtanh của họ, bản chất của hạng người thiển cận đang nô lệ chạy theo đuôi giai cấp tư sản về mặt tư tưởng. Muốn giải quyết đúng đắn vấn đề này, chỉ có cách là nghiên cứu cụ thể những quan hệ riêng biệt giữa một giai cấp đặc biệt đã chiếm được chính quyền, tức là giai cấp vô sản, với hết thảy quần chúng phi vô sản, cũng như quần chúng nửa vô sản, trong nhân dân lao động; và những quan hệ đó không phải được hình thành trong những điều kiện hòa hợp một cách hư ảo và «lý tưởng», mà được hình thành trong những điều kiện thực tế của một sự phản kháng điên cuồng, về nhiều mặt, của giai cấp tư sản.

Đại đa số dân cư — và chắc chắn là đại đa số dân cư cần lao — trong bất cứ một nước tư bản nào, kể cả nước Nga, đã thấy chính mình và thân thuộc mình phải nghìn lần chịu khổ sở về ách áp bức của tư bản, cảnh bị cướp bóc, bị sỉ nhục đủ điều. Chiến tranh đế quốc, — tức là sự tàn sát cả chục triệu người chỉ nhằm mục đích xem giữa tư bản Anh và tư bản Đức, ai sẽ nắm được địa vị bậc nhất trong việc cướp bóc toàn thế giới, — đã làm cho những thử thách nói trên thêm trầm trọng, rộng và sâu sắc một cách phi thường; nó đã làm cho mọi người nhận thấy rõ những thử thách đó. Do đó, nhất định đại đa số dân cư và đặc biệt là quần chúng lao động, đều tỏ ra đồng tình với giai cấp vô sản là giai cấp, với một tinh thần quả cảm anh dũng, với một ý chí cương quyết cách mạng, đang đạp đổ ách áp bức của tư bản, đang lật đổ bọn bóc lột, đang trấn áp sự phản kháng của chúng, đang hy sinh xương máu của mình để tự mở ra con đường tiến tới thiết lập một xã hội mới, trong đó không còn có chỗ cho bọn bóc lột nữa.

Mặc dầu những quần chúng không phải vô sản và nửa vô sản trong nhân dân lao động còn có những dao động và ngả nghiêng tiểu tư sản, mạnh mẽ và không tránh khỏi như thế nào chăng nữa, muốn quay về «trật tự» tư sản, dưới «sự che chở» của giai cấp tư sản, nhưng họ cũng vẫn không thể không thừa nhận uy tín về tinh thần và về chính trị của giai cấp vô sản được, vì giai cấp này không những chỉ đánh đổ bọn bóc lột và đè bẹp sự kháng cự của chúng, mà còn xây dựng những quan hệ xã hội mới cao hơn, một kỷ luật xã hội cao hơn: kỷ luật của những người lao động tự giác và đoàn kết, không còn bị một thứ ách nào đè nén nữa và không biết đến một quyền lực nào khác ngoài quyền lực của sự đoàn kết của chính bản thân họ, của đội tiên phong giác ngộ hơn, gan dạ hơn, cố kết hơn, cách mạng và kiên quyết hơn của chính bản thân họ.

Muốn chiến thắng, muốn thiết lập và củng cố chủ nghĩa xã hội, giai cấp vô sản phải hoàn thành hai nhiệm vụ nhưng chỉ là một: một là dùng tinh thần anh dũng bất diệt trong cuộc đấu tranh cách mạng của mình chống tư bản, để lôi cuốn tất cả quần chúng lao động và bị bóc lột, lôi cuốn, tổ chức, lãnh đạo họ nhằm đánh đổ giai cấp tư sản và hoàn toàn đè bẹp mọi sự phản kháng của giai cấp đó; hai là, làm cho hết thảy quần chúng lao động và bị bóc lột, cũng như tất cả mọi tầng lớp tiểu tư sản, đi theo mình vào con đường kiến thiết kinh tế mới, vào con đường tạo ra những quan hệ xã hội mới, một kỷ luật lao động mới, một tổ chức lao động mới, có khả năng phối hợp những thành tựu mới nhất của khoa học và kỹ thuật tư bản với sự tập hợp đông đảo những người lao động tự giác, những người tạo ra nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Nhiệm vụ thứ hai này khó hơn nhiệm vụ thứ nhất, vì trong bất cứ trường hợp nào cũng không thể giải quyết được nhiệm vụ đó bằng một hành động anh hùng nhất thời; nhiệm vụ đó đòi hỏi phải có tinh thần dũng cảm lâu dài nhất, bền bỉ nhất, khó khăn nhất của công tác quần chúng *hàng ngày*. Nhưng nhiệm vụ đó quan trọng hơn nhiệm vụ thứ nhất vì, xét cho cùng, thì nguồn lực lượng to lớn nhất để chiến thắng giai cấp tư sản và cái bảo đảm duy nhất cho những thắng lợi đó được bền vững và không gì phá vỡ nổi, chỉ có thể là một phương thức sản xuất xã hội mới, cao hơn, chỉ có thể là việc đem sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa thay thế cho sản xuất tư bản và tiểu tư sản.

* * *

«Ngày thứ bảy cộng sản» có một ý nghĩa lịch sử vô cùng rộng lớn, chính vì nó chỉ cho ta thấy sáng kiến tự nguyện và tự giác của công nhân nhằm tăng năng suất lao động, chuyển sang áp dụng một kỷ luật lao động mới, tạo ra những điều kiện xã hội chủ nghĩa trong kinh tế và đời sống.

Sau những bài học năm 1870 - 1871, G. Gia-cô-by, một người trong số những người dân chủ tư sản hiếm có, có lẽ nói cho đúng hơn, một trong số những người dân chủ tư sản đặc biệt hiếm có ở Đức, đã không đi theo chủ nghĩa sô-vanh, cũng không đi theo chủ nghĩa tự do dân tộc, mà lại đi theo chủ nghĩa xã hội, — đã nói rằng việc thành lập một hội liên hiệp công nhân có một ý nghĩa lịch sử vĩ đại hơn là trận Xa-đô-va[288]. Điều đó đúng. Trận Xa-đô-va đã quyết định vấn đề giữa hai chế độ quân chủ tư sản, Áo và Phổ, chế độ nào sẽ nắm được ưu thế để thành lập nhà nước tư bản dân tộc Đức. Thành lập được một hội liên hiệp công nhân là đã tiến được một bước nhỏ trên con đường đi đến chỗ giai cấp vô sản chiến thắng giai cấp tư sản trên toàn thế giới. Đối với chúng ta cũng thế, chúng ta cũng có thể nói được rằng ngày thứ bảy cộng sản đầu tiên do anh em công nhân xe lửa đường Mát-xcơ-va - Ca-dan tổ chức ngày 10 tháng Năm 1919 ở Mát-xcơ-va, đã có một ý nghĩa lịch sử vĩ đại hơn bất cứ một cuộc chiến thắng nào của Hin-đen-buốc hoặc của Phô-sơ và của người Anh trong chiến tranh đế quốc 1914 - 1918. Những chiến thắng của chủ nghĩa đế quốc, chính là sự tàn sát hàng triệu công nhân để kiếm lợi nhuận cho bọn tỷ phú Anh, Mỹ và Pháp; chính là sự dã man, tàn bạo của chủ nghĩa tư bản hấp hối, đã chương phù lên và đang thối nát. Ngày thứ bảy cộng sản của công nhân đường sắt Mát-xcơ-va - Ca-dan là một trong những tế bào của xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa, báo hiệu sự giải phóng của tất cả các dân tộc trên địa cầu thoát khỏi ách tư bản và chiến tranh.

Các ngài tư sản và bọn tay sai của chúng, gồm cả bọn men-sê-vích và bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng, quen thói tự coi mình là đại biểu cho «dư luận công chúng», cố nhiên là họ nhạo báng hy vọng của những người cộng sản; hy vọng này bọn họ gọi là một «cây cổ thụ trồng trong chậu cảnh»; họ nhạo báng rằng con số cỏn con những ngày thứ bảy cộng sản nào có thấm vào đâu so với vô số những trường hợp trộm cắp, chây lười, sút kém năng suất, hủy hoại nguyên vật liệu, sản phẩm v. v.. Chúng ta trả lời các ngài ấy rằng: nếu những nhà trí thức tư sản đem kiến thức của mình giúp những người lao động, chứ đừng đem

giúp bọn tư bản Nga và tư bản nước ngoài khôi phục lại chính quyền của chúng, thì cách mạng sẽ diễn biến nhanh chóng hơn và hòa bình hơn rồi. Nhưng đây là một điều không tưởng, vì vấn đề phải được giải quyết bằng đấu tranh giai cấp, và phần đông các trí thức lại hướng theo giai cấp tư sản. Chính không phải là nhờ có sự giúp đỡ của các nhà trí thức, mà trái lại, chính là bất chấp sự đối lập của họ (ít ra cũng trong phần lớn các trường hợp), giai cấp vô sản vẫn cứ chiến thắng bằng cách loại trừ những phần tử trí thức tư sản bất trị, bằng cách cải tạo, giáo dục lại những phần tử nào đang dao động và bắt họ phải phục tùng, bằng cách lôi kéo dần dần ngày càng nhiều người trong bọn họ đi theo giai cấp vô sản. Chế nhạo những khó khăn và những thất bại của cách mạng, gieo rắc hoang mang, tuyên truyền lùi bước, đó là những vũ khí và những thủ đoạn đấu tranh giai cấp mà bọn trí thức tư sản đang sử dụng. Giai cấp vô sản sẽ chẳng để cho họ lừa dối mình đâu.

Nhưng nếu người ta xét thực chất của vấn đề, thì có bao giờ người ta thấy trong lịch sử lại có một phương thức sản xuất mới nào đứng vững ngay được mà không trải qua nhiều thất bại trong thời kỳ lâu dài, nhiều sai lầm và tái phạm không? Sau khi chế độ nông nô sụp đổ, một nửa thế kỷ đã trôi qua, thế mà nông thôn Nga vẫn còn giữ không ít những tàn dư của chế độ ấy. Sau khi xóa bỏ tình trạng nô lệ của những người da đen ở Mỹ, một nửa thế kỷ đã trôi qua, thế mà trong nhiều địa phương ở Mỹ, họ vẫn còn ở vào tình trạng nửa nô lệ. Các nhà trí thức tư sản, kể cả bọn men-sê-vích và bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng, vẫn chứng nào tật ấy, chúng vẫn phục vụ tư bản và bảo vệ lý lẽ giả nhân giả nghĩa thối tha của chúng: trước cách mạng vô sản, chúng đã chê trách chúng ta là không tưởng, bây giờ chúng lại đòi chúng ta phải thủ tiêu những tàn dư của quá khứ với một tốc độ quái đản!

Nhưng chúng ta chẳng phải là hạng người không tưởng, và chúng ta biết «những lý lẽ» tư sản có giá trị thực tế như thế nào rồi; chúng ta hiểu rằng trong phong tục, những tàn dư của quá khứ, trong một thời gian nào đó sau cách mạng, tất nhiên vẫn còn thắng những mầm non của cái mới. Trong lúc cái mới vừa nảy sinh ra, thì cái cũ, trong một thời gian nào đó, vẫn còn mạnh hơn cái mới; trong giới tự nhiên cũng như trong đời sống xã hội, đều luôn luôn có hiện tượng như thế. Những lời chế nhạo chua cay đối với sự yếu ớt của những mầm non của cái mới, thái độ hoài nghi nông nổi của giới trí thức, v. v., tất cả

những cái đó, thực ra, cũng chỉ là những phương sách đấu tranh giai cấp của giai cấp tư sản để chống lại giai cấp vô sản mà thôi, để bảo vệ chủ nghĩa tư bản chống lại chủ nghĩa xã hội mà thôi. Chúng ta nên nghiên cứu cẩn thận những mầm non của cái mới, hết sức chú ý đến chúng, giúp bằng đủ mọi cách cho chúng trưởng thành lên và «chăm sóc» những mầm còn non yếu đó. Trong số những mầm non ấy, có một số nào đó sẽ không tránh khỏi bị diệt vong. Chúng ta không thể bảo đảm rằng chính «những ngày thứ bảy cộng sản» sẽ có một tác dụng đặc biệt quan trọng. Vấn đề không phải là ở đó. Vấn đề là ở chỗ phải khuyến khích tất cả mọi mầm non của cái mới, cuộc sống sẽ chọn lọc những cái nào có thể sống lâu nhất trong số những mầm non đó. Nếu như muốn giúp loài người khắc phục được bệnh giang mai mà một nhà bác học Nhật đã kiên nhẫn thí nghiệm đến 605 liều thuốc trước khi tìm ra liều thuốc thứ 606, đáp ứng những điều kiện đòi hỏi nhất định, thì những ai định giải quyết một vấn đề khó khăn hơn, tức là vấn đề chiến thắng chủ nghĩa tư bản, cũng phải có đủ kiên nhẫn để thí nghiệm hàng trăm, hàng nghìn những phương pháp, phương thức, thủ đoạn đấu tranh mới, để hoàn chỉnh được những cái nào thích hợp hơn cả.

«Ngày thứ bảy cộng sản» sở dĩ rất quan trọng như thế là vì nó không phải do công nhân ở trong những điều kiện đặc biệt tốt đưa ra mà do công nhân thuộc nhiều ngành chuyên môn khác nhau, kể cả những anh em không chuyên nghiệp, như lao công ở trong những điều kiện *thông thường*, nghĩa là những điều kiện *khó khăn hơn cả*. Tất cả chúng ta đều biết rõ lý do căn bản làm cho năng suất lao động sút kém, chẳng cứ ở Nga, mà cả trên thế giới nữa, đó là: tình trạng phá sản và bần cùng hóa, tâm lý tức giận và tình trạng mệt mỏi do chiến tranh đế quốc gây nên, các bệnh tật và nạn thiếu ăn. Nạn thiếu ăn, do tầm quan trọng của nó, đã chiếm hàng đầu. Đói, đó là nguyên nhân. Mà muốn tiêu diệt nạn đói, thì phải nâng cao năng suất cả trong nông nghiệp, trong ngành vận tải và trong công nghiệp nữa. Do đó, người ta đứng trước một cái vòng luẩn quẩn: muốn nâng cao năng suất lao động thì phải thoát khỏi nạn đói, mà muốn thoát khỏi nạn đói thì lại phải nâng cao năng suất lao động.

Người ta biết rằng trong thực tiễn, những mâu thuẫn như thế được giải quyết bằng cách phá vỡ cái vòng luẩn quẩn ấy, bằng một sự chuyển biến trong tâm trạng quần chúng, bằng sáng kiến anh dũng của một số tập đoàn đã nhờ sự chuyển biến ấy mà thường có được

một tác dụng quyết định. Lao công và công nhân đường sắt Mát-xcơ-va (cố nhiên là tôi nói đa số, chứ không phải nói một nhúm người đầu cơ, các nhân viên quản lý và các phần tử bạch vệ khác) đều là những người lao động sống trong những điều kiện khó khăn ghê gớm. Các anh em đó thiếu ăn thường xuyên, và bây giờ, trước mùa gặt mới, do tình hình trầm trọng chung của nạn khủng hoảng lương thực, thì chỉ có bị đói mà thôi. Thế mà chính những công nhân đói lả ấy, bị sự tuyên truyền hằn học, phản cách mạng của giai cấp tư sản, của bọn men-sê-vích và bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng bao vây, chính họ lại đang tổ chức ra «những ngày thứ bảy cộng sản», đang làm thêm giờ *mà không lấy một đồng thù lao nào cả,* và đang *nâng năng suất lao động lên rất cao,* mặc dù nạn thiếu ăn đã làm cho họ mệt mỏi, tiều tụy, kiệt sức. Đó há không phải là tinh thần anh dũng vĩ đại nhất hay sao? Đó há không phải là mở đầu bước ngoặt có một ý nghĩa lịch sử toàn thế giới hay sao?

Xét đến cùng, thì năng suất lao động là cái quan trọng nhất, căn bản nhất cho thắng lợi của chế độ xã hội mới. Chủ nghĩa tư bản đã tạo ra một năng suất lao động chưa từng thấy dưới chế độ nông nô. Chủ nghĩa tư bản có thể bị đánh bại hẳn, và sẽ bị đánh bại hẳn, vì chủ nghĩa xã hội đang tạo ra một năng suất lao động mới, cao hơn nhiều. Nhiệm vụ rất khó khăn và rất lâu dài, nhưng nhiệm vụ đó *đã được bắt đầu thi hành,* và đấy là điều căn bản. Nếu như mùa hạ 1919, ở Mát-xcơ-va túng đói, công nhân chịu cảnh đói khổ, sau khi đã trải qua bốn năm gian khổ của chiến tranh đế quốc, rồi qua mười tám tháng nội chiến còn gian khổ hơn, mà vẫn cứ có thể bắt đầu được sự nghiệp vĩ đại đó, như vậy thử hỏi khi chúng ta đã thắng trong cuộc nội chiến và giành được hòa bình rồi, thì những tiến bộ tương lai sẽ như thế nào?

Chủ nghĩa cộng sản, có nghĩa là năng suất lao động cao hơn năng suất thời tư bản, là năng suất của những công nhân tự nguyện tự giác, liên hợp với nhau, sử dụng kỹ thuật tiên tiến. Những ngày thứ bảy cộng sản quý giá vô cùng, vì nó là bước đầu *thực sự* của *chủ nghĩa cộng sản,* đấy lại là một việc cực kỳ hiếm có, vì chúng ta đang ở một giai đoạn mà chúng ta «mới chỉ bước những *bước đầu tiên* đến việc chuyển từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản» (như cương lĩnh của đảng ta đã nói rất đúng).

Chủ nghĩa cộng sản bắt đầu ở chỗ nào mà những *công nhân bình thường* đã tỏ ra biết lo lắng với tinh thần quên mình, trong khi làm

tròn được công việc nặng nhọc, để nâng cao năng suất lao động, giữ gìn *từng pút lúa mì, than đá, sắt* và các sản phẩm khác là những thứ không vào tay cá nhân những người lao động, không vào tay những «bà con thân thuộc» của họ, mà vào tay «bà con xa» của họ, tức là vào tay toàn thể xã hội, vào tay hàng chục và hàng trăm triệu người liên hợp trước hết thành một nhà nước xã hội chủ nghĩa, và sau đó thành Liên bang cộng hòa Xô-viết.

Trong bộ «Tư bản», Các Mác chế giễu cái hoa mỹ và cái khoa trương của bản đại hiến chương dân chủ tư sản về tự do và các quyền của con người, chế giễu tất cả câu nói sáo rỗng về tự do, bình đẳng, bác ái *nói chung* ấy, những câu nói ấy đang làm mờ mắt bọn tiểu thị dân và bọn phi-li-xtanh trong tất cả các nước, kể cả những vị anh hùng bỉ ổi hiện tại của cái Quốc tế Béc-nơ bỉ ổi. Để đối lập với những lời tuyên bố hoa mỹ về nhân quyền đó, Mác đã đưa ra cái cách giản dị khiêm tốn, thực tiễn và thường ngày mà giai cấp vô sản vẫn dùng để đặt vấn đề là: đòi nhà nước rút ngắn ngày lao động, đó là một trong những tấm gương điển hình về cách đặt vấn đề. Nội dung của cách mạng vô sản càng phát triển thì chúng ta càng thấy rõ ràng và hiển nhiên rằng những nhận xét của Mác thật là chính xác và sâu sắc. Những «công thức» của chủ nghĩa cộng sản chân chính khác với luận điệu hoa mỹ, trau chuốt và trịnh trọng của bọn Cau-xky, bọn men-sê-vích và bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng, và của cả đám «anh em» thân yêu của chúng ở Béc-nơ nữa, chính là ở chỗ những công thức đó đều quy tất cả vào *điều kiện lao động*. Hãy bớt những lời ba hoa về «dân chủ lao động», về «tự do, bình đẳng và bác ái», về «chủ quyền của nhân dân», và v. v.: công nhân và nông dân giác ngộ ngày nay đã phân biệt được dễ dàng cái món gian trá của phần tử trí thức tư sản trong những lời nói trống rỗng đó, cũng như một người từng trải việc đời, khi nhìn bộ mặt hoàn toàn «nhẵn nhụi» và cái bề ngoài của một «con người rất mực bảnh bao» thì xác định được ngay không sai lầm: «Cầm chắc đó là một thằng ba que».

Hãy bớt những lời hoa mỹ đi, và hãy làm thêm những công việc giản dị, *hàng ngày*, hãy quan tâm thêm chút nữa đến pút lúa mì và pút than. Hãy quan tâm thêm chút nữa để cho pút lúa mì và pút than cần thiết cho người công nhân đói khổ và cho người nông dân rách rưới, trần truồng, đến được tay những người đó, *không phải* là do con đường *giao dịch con buôn*, do con đường tư bản, mà do lao động tự nguyện tự giác, lao động anh dũng và đầy hy sinh của những

người lao động bình thường, chẳng hạn như những người lao công và công nhân xe lửa đường Mát-xcơ-va - Ca-dan.

Hết thảy chúng ta đều phải thừa nhận rằng những vết tích của cách nói ba hoa của bọn trí thức tư sản khi bàn đến những vấn đề cách mạng, đều luôn biểu hiện ra khắp mọi nơi, và ngay cả trong hàng ngũ chúng ta nữa. Chẳng hạn, báo chí của ta cũng ít đấu tranh chống lại những tàn dư thối tha đó của cái quá khứ dân chủ tư sản thối tha; nó cũng ít ủng hộ những mầm non chất phác, khiêm tốn, và thường thấy hàng ngày, nhưng sinh động của chủ nghĩa cộng sản chân chính.

Các đồng chí hãy xem tình trạng của phụ nữ. Về mặt này, trong suốt hàng chục năm, không có một đảng dân chủ nào trên thế giới, ở một trong những nước cộng hòa tư sản tiên tiến nhất, đã làm được một phần trăm cái mà chúng ta đã thực hiện được ngay trong năm đầu của chính quyền chúng ta. Chúng ta đã hoàn toàn phá bỏ theo nghĩa chân chính của từ đó, những luật lệ bỉ ổi về tình trạng không bình đẳng của phụ nữ, về việc cản trở ly dị, về những thủ tục xấu xa trong việc ly dị, về việc không thừa nhận con hoang, về việc tìm cho ra người cha của chúng v. v., — những luật lệ mà tàn dư của nó đang còn nhan nhản trong tất cả các nước văn minh, làm nhục cho giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản. Chúng ta hoàn toàn có lý do để tự hào về những điều chúng ta đã làm được về mặt đó. Nhưng chúng ta *càng quét sạch* cái đống rác rưởi những luật lệ và chế độ cũ kỹ của giai cấp tư sản đi chừng nào, chúng ta càng thấy rõ ràng đây mới chỉ là những công việc quét dọn trước khi xây dựng, chứ chưa phải là đích thân việc xây dựng.

Mặc dù có mọi luật lệ giải phóng, nhưng phụ nữ vẫn tiếp tục còn là *nô lệ trong gia đình*, vì *những công việc nội trợ nhỏ nhặt* còn đè nặng lên lưng họ, làm cho họ nghẹt thở, mụ mẫm, nhục nhằn, ràng buộc họ vào bếp núc, vào buồng con cái, tiêu phí sức lực của họ vào một công việc cực kỳ vô ích, tủn mủn, làm cho nhọc nhằn, đần độn, bị gò bó. Chỉ khi nào và nơi nào có đấu tranh quần chúng bắt đầu (dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản nắm chính quyền nhà nước) chống lại nền kinh tế nhỏ gia đình ấy, hay nói cho đúng hơn, khi nào *cải tạo được toàn khối* nền kinh tế nhỏ đó thành kinh tế xã hội chủ nghĩa quy mô lớn, thì mới bắt đầu thật sự *giải phóng phụ nữ* và mới có chủ nghĩa cộng sản thật sự được.

Đối với vấn đề đó, về mặt lý luận, bất cứ đảng viên cộng sản nào cũng thấy không cần phải tranh luận nữa, nhưng về mặt thực tiễn,

chúng ta đã chú ý đến đầy đủ chưa? Cố nhiên là chưa. Đối với những *mầm mống* của chủ nghĩa cộng sản, hiện đã biểu hiện trong lĩnh vực này, chúng ta đã quan tâm đến đầy đủ chưa? Lại một lần nữa, cũng vẫn chưa quan tâm đến. Nhà ăn công cộng, nhà giữ trẻ, vườn trẻ, đó là những cái mẫu của những mầm mống ấy, đó là những phương tiện giản đơn, bình thường, không có chút gì là lộng lẫy, khoa trương, long trọng cả, thế mà *thực tế* lại có khả năng *giải phóng phụ nữ*, thực tế lại giảm bớt và trừ bỏ được tình trạng không bình đẳng của phụ nữ đối với nam giới, không bình đẳng về vai trò của họ trong sản xuất và đời sống xã hội. Những phương tiện đó không phải mới lạ; chủ nghĩa đại tư bản đã tạo ra nó rồi (cũng như, nói chung, đã tạo ra tất cả những tiền đề vật chất cho chủ nghĩa xã hội); nhưng dưới chế độ đại tư bản, thì trước hết, những phương tiện đó còn hiếm; hai là, — điều này đặc biệt quan trọng, — những phương tiện đó hoặc là những cơ sở *buôn bán* với những mặt xấu xa nhất của đầu cơ, trục lợi, dối trá, giả mạo hoặc là một «trò ảo thuật về từ thiện của giai cấp tư sản» mà tất cả những công nhân ưu tú căm ghét và khinh bỉ một cách chính đáng.

Không còn nghi ngờ gì nữa, ở nước ta, những tổ chức đó đã trở nên ngày càng nhiều hơn và *bắt đầu* thay đổi tính chất. Không còn nghi ngờ gì nữa, trong giới phụ nữ công nông, đã có nhiều người *có tài tổ chức* hơn là con số mà chúng ta đã biết, những người biết tổ chức công việc thực tiễn, làm cho một số lớn cán bộ và một số lớn hơn nữa những người tiêu thụ tham gia vào đó, mà không phải tốn nhiều lời, không bận rộn túi bụi, không tranh cãi, không ba hoa về kế hoạch, về hệ thống v. v., tức là không mắc phải những bệnh mà những «nhà trí thức» tự phụ một cách lố lăng, hoặc những «người cộng sản» non nớt vẫn thường «mắc phải». Nhưng chúng ta *chưa chăm sóc* đúng mức đến những mầm non đó của cái mới.

Các đồng chí hãy xem giai cấp tư sản. Cái gì cần *cho nó* thì nó biết cách quảng cáo rầm rộ đến chừng nào! Những xí nghiệp «kiểu mẫu», theo con mắt của bọn tư bản, đã được phô trương biết bao trên hàng triệu tờ báo *của chúng*: bọn chúng đã khéo biết bao để biến những tổ chức tư sản «kiểu mẫu» đó trở thành đối tượng tự hào dân tộc! Những báo chí của chúng ta không hề hoặc hầu như không chú ý miêu tả những nhà ăn và nhà giữ trẻ tốt nhất, không kiên trì hàng ngày tìm cách làm cho một số nhà ăn và nhà giữ trẻ đó phải biến thành những tổ chức kiểu mẫu, không chú ý ca ngợi những tổ chức đó, không

chú ý mô tả một cách tỉ mỉ rằng, nhờ có *lao động cộng sản gương* mẫu, người ta đã tiết kiệm được lao động của con người như thế nào, người ta đã đem lại những điều thuận tiện cho người tiêu dùng như thế nào, người ta đã tiết kiệm được vật phẩm như thế nào, phụ nữ đã được giải phóng khỏi chế độ nô lệ gia đình như thế nào, những điều kiện vệ sinh đã được cải thiện như thế nào, đó là những kết quả có thể đạt được và mở rộng cho toàn thể xã hội, cho toàn thể những người lao động.

Sản xuất gương mẫu, những ngày thứ bảy cộng sản gương mẫu, tính chăm lo và liêm khiết gương mẫu trong việc sản xuất và phân phối từng pút lúa mì; những nhà ăn kiểu mẫu, sự sạch sẽ đáng làm gương trong nhà công nhân này, trong khối nhà cửa kia — biết bao nhiêu là cái cần được báo chí ta, và cả *mỗi* tổ chức công nhân và nông dân phải mười phần chú ý và săn sóc đến hơn nữa. Đấy là những mầm mống của chủ nghĩa cộng sản, và chăm sóc đến những cái đó là nhiệm vụ chung và nhiệm vụ cấp bách của tất cả chúng ta. Mặc dù tình trạng lương thực và sản xuất của chúng ta có khó khăn đến mấy, nhưng cũng không thể chối cãi được rằng, trong 18 tháng chính quyền bôn-sê-vích, chúng ta đều có tiến *trên mọi mặt trận*: việc dự trữ lúa mì đã tăng từ 30 triệu pút (từ ngày 1. VIII. 1917 đến 1. VIII. 1918) lên 100 triệu pút (từ 1. VIII. 1918 đến 1. V. 1919); việc trồng rau đã tăng lên, diện tích ruộng bỏ hóa đã giảm bớt, vận tải đường sắt bắt đầu được cải thiện, mặc dầu ta gặp rất nhiều khó khăn về mặt nhiên liệu, v. v.. Trong khung cảnh chung đó, và với sự giúp đỡ của chính quyền nhà nước vô sản, những mầm mống của chủ nghĩa cộng sản sẽ không tàn lụi đi, mà sẽ lớn lên để trở thành chủ nghĩa cộng sản hoàn toàn.

* * *

Cần phải suy nghĩ kỹ về ý nghĩa của «những ngày thứ bảy cộng sản» để rút trong sáng kiến vĩ đại ấy ra những bài học thực tiễn có tầm quan trọng lớn lao.

Ủng hộ sáng kiến ấy bằng mọi cách, đó là bài học đầu tiên, bài học chủ yếu. Tiếng «công xã», chúng ta đã dùng nó một cách quá dễ dàng. Bất cứ cơ sở nào do những người cộng sản dựng lên hoặc giúp sức dựng lên, đều thường được tuyên bố ngay là «công xã». Và người ta thường quên rằng cái *tên vinh dự đó*, phải *đoạt lấy* nó bằng lao động lâu dài và bền bỉ, bằng một thành tựu *thực tiễn* được kiểm nghiệm trong sự nghiệp kiến thiết thật sự cộng sản.

Cho nên, theo ý tôi, các quyết định chín chắn của đa số ủy viên Ban chấp hành trung ương về việc hủy bỏ phần nói về việc *dùng tên* «công xã tiêu dùng»[289] ở trong sắc lệnh của Hội đồng dân ủy là hoàn toàn đúng. Chúng ta hãy đặt cho nó một cái tên giản dị hơn. Nhân tiện xin nói thêm rằng những khuyết điểm, sai lầm trong bước *đầu* của công tác tổ chức mới mẻ, không được đổ cho những «công xã», mà (theo lẽ công bằng) lại phải coi đó là lỗi của những người cộng sản *tồi*. Sẽ hay biết mấy nếu bỏ được tiếng «công xã» trong cách dùng *thường ngày* đi, cấm không cho bất cứ ai cũng được dùng tiếng đó, nói một cách khác, *chỉ thừa nhận danh hiệu đó* cho những công xã nào chân chính, đã thực tế chứng minh trong thực tiễn (được nhân dân xung quanh nhất trí công nhận) là có khả năng và biết tổ chức mọi công việc theo kiểu cộng sản. Trước hết, hãy tỏ rõ là mình có khả năng làm việc không công cho lợi ích của xã hội, cho lợi ích của tất cả các người lao động, hãy tỏ rõ là mình có khả năng «làm việc theo kiểu cách mạng», có khả năng nâng cao năng suất lao động, tổ chức lao động một cách gương mẫu, rồi chỉ sau đó hãy giơ tay nhận lấy danh hiệu vinh dự là «công xã»!

Về mặt này, «ngày thứ bảy cộng sản» là một ngoại lệ hết sức quý giá. Vì ở đây, những người lao công và công nhân đường sắt Mát-xcơ-va - Ca-dan *trước hết*, đã tỏ ra *trên thực tế* rằng mình có khả năng làm việc như *những người cộng sản*, và chỉ sau khi làm được như thế, họ mới gọi sáng kiến của họ là «ngày thứ bảy cộng sản». Phải phấn đấu và phấn đấu cho bằng được để sau này cũng đạt được như vậy, để cho tất cả và mỗi một người nào tự đặt cho xí nghiệp mình, cơ quan của mình, hoặc công việc của mình cái tên là công xã mà *không chứng thực* được điều đó bằng một quá trình lao động gian khổ và bằng *thành công* thực tiễn của *một số cố gắng lao động lâu dài*, bằng cách tổ chức công việc một cách gương mẫu và thật sự cộng sản thì sẽ bị chế giễu không thương xót và khinh miệt như những tên bịp bợm hay những kẻ ba hoa.

Sáng kiến vĩ đại về «những ngày thứ bảy cộng sản» còn phải được dùng cả về một mặt khác nữa: để *thanh* đảng. Điều tuyệt đối không thể tránh khỏi được là thời gian đầu ngay sau ngày cách mạng, trong lúc đông đảo những người gọi là «thành thực» và có đầu óc tầm thường còn tỏ ra đặc biệt sợ sệt; trong lúc các trí thức tư sản, dĩ nhiên là kể cả bọn men-sê-vích và bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng, tất cả bọn chúng, không trừ tên nào cả, đều phá hoại để tỏ lòng quỳ gối trước

giai cấp tư sản, thì tuyệt đối không thể tránh khỏi có những bọn phiêu lưu và phần tử rất nguy hại khác chui vào đảng cầm quyền. Bất cứ cuộc cách mạng nào cũng không tránh khỏi điều đó và sẽ không tránh khỏi được. Tất cả vấn đề là ở chỗ đảng cầm quyền dựa vào một giai cấp tiên tiến và lành mạnh, phải biết làm cho hàng ngũ của mình được trong sạch.

Về mặt này, chúng ta đã bắt tay vào việc từ lâu rồi. Bây giờ phải tiếp tục công việc đó một cách kiên trì và không mệt mỏi. Việc động viên các đảng viên cộng sản ra chiến đấu đã giúp ta trong việc đó: bọn nhát gan và bọn chó chết đã trốn khỏi đảng. Để cho chúng cút đi cho rảnh! Giảm bớt số lượng đảng viên *như vậy* là làm cho lực lượng và trọng lượng của đảng *tăng lên rất nhiều.* Cần tiếp tục thanh đảng bằng cách sử dụng sáng kiến về «những ngày thứ bảy cộng sản»: chỉ kết nạp vào đảng, chẳng hạn, sau 6 tháng «học việc» hay «tập sự» trong một «công tác theo kiểu cách mạng». Cũng phải có biện pháp kiểm tra như thế đối với *tất cả* các đảng viên đã vào đảng sau ngày 25 tháng Mười 1917 và chưa cố gắng hay chưa có những cống hiến đặc biệt để tỏ ra là tuyệt đối đáng tin cậy, tuyệt đối trung thành và xứng đáng là đảng viên cộng sản.

Việc thanh đảng, gắn liền với những *đòi hỏi ngày càng tăng* của đảng về một công tác thật sự có tính chất cộng sản, sẽ cải thiện *bộ máy* chính quyền nhà nước và sẽ thúc đẩy hết sức mạnh mẽ nông dân *đứng hẳn* về phía giai cấp vô sản cách mạng.

Ngoài ra, «ngày thứ bảy cộng sản» còn làm sáng tỏ và nổi bật tính chất giai cấp của bộ máy chính quyền nhà nước dưới chuyên chính vô sản. Ban chấp hành trung ương đảng đã viết một bức thư nói về «lao động theo kiểu cách mạng». Tư tưởng này do Ban chấp hành trung ương của một đảng gồm từ 100 đến 200 nghìn đảng viên (tôi giả định rằng sau một cuộc thanh đảng nghiêm chỉnh, cũng vẫn còn con số như thế, vì số đảng viên của chúng ta hiện nay đông hơn thế nhiều) đề ra.

Chủ trương đó được anh em công nhân trong công đoàn hưởng ứng. Ở Nga và U-cra-i-na, chúng ta đã có đến 4 triệu đoàn viên công đoàn. Tuyệt đại đa số họ đều ủng hộ chính quyền nhà nước vô sản, ủng hộ chuyên chính vô sản. 20 vạn và 4 triệu, đó là tỷ lệ giữa «những bánh xe răng cưa» nếu tôi có thể nói như vậy được. Rồi đến *hàng chục triệu* nông dân chia thành ba bộ phận chủ yếu: bộ phận đông nhất và gần giai cấp vô sản nhất, đó là những người nửa vô sản hay nông dân

nghèo; tiếp đến tầng lớp trung nông; sau hết, bộ phận cuối cùng, rất ít người, tức là bọn cu-lắc hay giai cấp tư sản nông thôn.

Chừng nào còn có khả năng buôn bán lúa mì và đầu cơ nhân dịp nạn đói, thì người nông dân vẫn còn (điều này trong một thời gian nào đó, dưới chuyên chính vô sản, vẫn không thể tránh được) là người vừa lao động, vừa đầu cơ. Khi là kẻ đầu cơ, thì họ đối địch với ta; họ đối địch với nhà nước vô sản, họ có xu hướng ăn cánh với giai cấp tư sản và bọn tôi tớ trung thành của giai cấp này, kể cả tên men-sê-vích Se-rơ hay tên xã hội chủ nghĩa - cách mạng B. Tséc-nen-cốp, là những kẻ tán thành tự do buôn bán lúa mì. Nhưng *khi là người lao động*, thì người nông dân lại là bạn của nhà nước vô sản, bạn đồng minh trung thành nhất của công nhân trong cuộc đấu tranh chống địa chủ và tư bản. Khi là người lao động, thì nông dân, với số lượng rất đông đảo hàng triệu người của mình, ủng hộ «bộ máy» nhà nước do đội tiên phong của giai cấp vô sản lãnh đạo, một đội tiên phong có mười hoặc hai mươi vạn đảng viên và bao gồm hàng triệu quần chúng vô sản có tổ chức.

Chưa bao giờ người ta thấy trên thế giới một nhà nước nào dân chủ hơn, theo nghĩa chân chính của danh từ đó, và gắn bó mật thiết hơn với quần chúng cần lao và bị bóc lột.

Chính công tác vô sản đó, công tác đã được biểu lộ và thực hiện bằng «những ngày thứ bảy cộng sản», sẽ góp phần củng cố hoàn toàn lòng kính trọng và yêu thương của nông dân đối với nhà nước vô sản. Công tác đó — và chỉ có công tác đó — mới làm cho nông dân hoàn toàn tin chắc rằng chúng ta đúng, chủ nghĩa cộng sản đúng; nó làm cho nông dân trở thành bạn đồng minh vĩnh viễn của chúng ta. Và như thế có nghĩa là nó dẫn tới chỗ hoàn toàn khắc phục được những khó khăn về mặt lương thực; tới chỗ chủ nghĩa cộng sản hoàn toàn thắng chủ nghĩa tư bản trong việc sản xuất và phân phối lúa mì; tới chỗ củng cố hoàn toàn chủ nghĩa cộng sản.

Ngày 28 tháng Sáu 1919

Toàn tập, t. 39

BÀN VỀ NHÀ NƯỚC

BÀI GIẢNG ĐỌC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC XVÉC-ĐLỐP NGÀY 11 THÁNG BẢY 1919

Các đồng chí, theo chương trình học tập của các đồng chí đã đưa cho tôi, thì đề tài cuộc nói chuyện hôm nay là vấn đề nhà nước. Tôi không biết các đồng chí đã làm quen với vấn đề này đến mức độ nào. Nếu tôi không nhầm, thì các lớp học của các đồng chí mới bắt đầu, và đây là lần đầu tiên mà các đồng chí đề cập đến vấn đề này một cách có hệ thống. Nếu như vậy thì rất có thể là trong buổi nói chuyện thứ nhất về vấn đề khó đó, bản trình bày của tôi sẽ không được rõ ràng lắm mà cũng không dễ hiểu lắm đối với nhiều thính giả của tôi. Và nếu có như thế thì các đồng chí cũng không nên lo ngại, vì vấn đề nhà nước là một trong những vấn đề phức tạp nhất, khó khăn nhất, có lẽ là vấn đề mà các học giả, các nhà văn và các nhà triết học tư sản đã làm cho rắc rối nhất. Vì vậy, chúng ta không bao giờ nên hy vọng rằng, trong một bài nói chuyện ngắn, lại có thể làm sáng tỏ hoàn toàn vấn đề đó ngay được. Sau bài nói chuyện thứ nhất về vấn đề này, các đồng chí nên ghi lấy những đoạn khó hiểu hay tối nghĩa, để rồi nghiên cứu lại lần thứ hai, lần thứ ba, lần thứ tư; để sau này bổ sung và làm sáng tỏ những điểm trước còn khó hiểu, bằng cách tham khảo thêm tài liệu, cũng như bằng cách nghe các bài giảng và dự các buổi nói chuyện. Tôi hy vọng rằng chúng ta lại sẽ có dịp họp lại với nhau và khi đó, chúng ta sẽ có thể trao đổi quan điểm về tất cả các vấn đề mới phát sinh thêm, và làm sáng tỏ điểm nào còn tối nhất. Tôi hy vọng rằng để bổ sung các bài nói chuyện và các bài giảng, các đồng chí sẽ dành một số thì giờ nhất định để đọc ít nhất là một vài tác phẩm chủ yếu của Mác và Ăng-ghen. Tôi tin chắc rằng trong bản kê các sách nên đọc, và trong các sách mà thư viện của các đồng chí dành cho các học viên ở trường của Chính phủ xô-viết và của đảng, — chắc chắn là các đồng chí sẽ tìm thấy các tác phẩm chủ yếu đó; và tuy rằng tính chất khó hiểu của sự trình bày sẽ làm cho một số đồng chí có thể sinh ra hoảng sợ ngay

từ đầu, nhưng tôi cũng phải báo trước cho các đồng chí một lần nữa rằng các đồng chí không nên vì thế mà lo ngại, rằng chỗ nào đọc lần đầu còn khó hiểu thì sẽ trở thành dễ hiểu khi đọc đến lần thứ hai hoặc khi các đồng chí đề cập vấn đề theo một khía cạnh khác; tôi xin nhắc lại, vấn đề ấy hết sức phức tạp và đã bị các học giả và tác giả tư sản làm rắc rối nhiều đến nỗi người nào muốn thật sự nghiên cứu vấn đề ấy và tự mình hiểu sâu vấn đề ấy, thì phải nghiên cứu nhiều lần vấn đề ấy, luôn luôn trở lại vấn đề ấy và xem xét vấn đề ấy trên nhiều khía cạnh, mới có thể hiểu rõ ràng và chắc chắn được. Và các đồng chí lại càng dễ trở lại vấn đề đó, vì đây là một vấn đề rất chủ yếu, rất mấu chốt trong toàn bộ chính trị, đến nỗi không những trong thời đại giông tố và cách mạng như thời đại chúng ta, mà ngay cả trong các thời đại yên tĩnh nhất, thì hàng ngày trên mọi báo chí, khi bàn đến bất cứ vấn đề kinh tế hay chính trị nào, bao giờ các đồng chí cũng sẽ vấp phải câu hỏi này: nhà nước là gì, bản chất của nó là gì, vai trò của nó là gì, và thái độ của đảng ta, của đảng đấu tranh để lật đổ chế độ tư bản, của Đảng cộng sản, đối với nhà nước như thế nào; — hàng ngày, vì lý do này hay lý do khác, các đồng chí sẽ gặp lại vấn đề đó. Điều chủ yếu nhất là việc các đồng chí đọc sách, nghe các buổi nói chuyện và nghe giảng về nhà nước sẽ mang lại cho các đồng chí cái kết quả là biết tự mình đề cập đến vấn đề ấy, vì các đồng chí sẽ gặp phải vấn đề ấy trong rất nhiều trường hợp khác nhau, trong từng vấn đề nhỏ một, trong các sự kết hợp bất ngờ nhất, trong các cuộc nói chuyện và các cuộc tranh luận của các đồng chí với đối phương của mình. Chỉ khi nào các đồng chí tự mình biết tìm ra phương hướng trong vấn đề đó, — chỉ khi ấy, các đồng chí mới có thể tự coi là mình đã đủ vững vàng trong những niềm tin của mình và bảo vệ những niềm tin đó một cách thắng lợi trước bất cứ người nào và bất cứ lúc nào.

Sau vài nhận xét vắn tắt ấy, tôi nói sang bản thân vấn đề: nhà nước là gì, nó đã xuất hiện như thế nào và thái độ của Đảng cộng sản, đảng của giai cấp công nhân đang đấu tranh để lật đổ hoàn toàn chủ nghĩa tư bản, đối với nhà nước, về căn bản phải như thế nào?

Tôi đã nói rằng chắc chắn không có một vấn đề nào lại bị các đại biểu của khoa học, triết học, luật học, chính trị kinh tế học và báo chí tư sản, vô tình hay cố ý, làm cho rắc rối như vấn đề nhà nước. Rất nhiều khi và ngay cả bây giờ nữa, người ta xen các vấn đề tôn giáo vào vấn đề này; rất nhiều khi, không những tín đồ của các học thuyết tôn giáo

(đó là điều hoàn toàn tự nhiên về phần họ), mà ngay cả những người tự cho là đã thoát khỏi mọi thành kiến tôn giáo cũng vậy, họ đều đem những vấn đề tôn giáo xen vào vấn đề riêng biệt về nhà nước; họ mưu đồ dựng lên một lý luận thường thường là phức tạp, dựa trên một quan niệm và một lập luận thuộc loại tư tưởng và triết học, lý luận cho rằng nhà nước là một cái gì thần bí, siêu tự nhiên, là một sức mạnh này nọ đã làm cho nhân loại sống được, một sức mạnh đem lại cho con người hay phải đem lại cho con người, và đem theo nó một cái gì không phải là của con người, mà từ ngoài vào con người; rằng đó là một sức mạnh do trời sinh ra. Và cần phải nhấn mạnh rằng lý luận ấy gắn liền rất mật thiết với lợi ích của các giai cấp bóc lột, — giai cấp địa chủ và tư bản, — nó phục vụ rất đắc lực cho lợi ích của bọn họ, nó tiêm nhiễm một cách rất sâu vào các tập quán, tư tưởng và khoa học của các ngài đại biểu của giai cấp tư sản, đến nỗi các đồng chí luôn luôn thấy những vết tích của nó, và thấy ngay cả trong quan niệm của bọn men-sê-vích và bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng về nhà nước, bọn này gạt bỏ một cách căm phẫn ngay cả ý kiến cho rằng bọn chúng bị các thành kiến tôn giáo chi phối, và tin chắc rằng bọn chúng có thể quan niệm vấn đề nhà nước một cách hoàn toàn sáng suốt. Sở dĩ vấn đề này rắc rối và phức tạp đến như thế là vì, hơn tất cả các vấn đề khác, nó đụng chạm đến lợi ích của các giai cấp thống trị (về mặt này, nó chỉ kém các nguyên lý của khoa học kinh tế thôi). Học thuyết về nhà nước là dùng để bào chữa cho những đặc quyền xã hội, bào chữa cho sự bóc lột, bào chữa cho sự tồn tại của chủ nghĩa tư bản; vì vậy, sẽ sai lầm lớn nếu hy vọng rằng người ta sẽ tỏ ra vô tư trong vấn đề này, nếu cho rằng những người tự cho mình là có tính khoa học thì có thể đem lại cho các đồng chí một quan điểm khoa học thuần túy về vấn đề này. Trong vấn đề nhà nước, trong học thuyết về nhà nước, trong lý luận về nhà nước, khi các đồng chí đã làm quen với vấn đề ấy và nghiên cứu nó một cách khá sâu, thì bao giờ các đồng chí cũng sẽ thấy cuộc đấu tranh giữa các giai cấp, cuộc đấu tranh được phản ánh hay thể hiện trong cuộc đấu tranh giữa các quan niệm khác nhau về nhà nước, trong các nhận thức khác nhau về vai trò và ý nghĩa của nhà nước.

Muốn đề cập vấn đề này một cách khoa học nhất, ta cần nhìn lại, trong quá trình lịch sử, nguồn gốc và sự phát triển của nhà nước, dù chỉ là nhìn lướt qua. Trong vấn đề thuộc về khoa học xã hội, phương pháp chắc chắn nhất và cần thiết nhất để thực sự có được thói quen xem xét vấn đề đó một cách đúng đắn và để không lạc hướng trong

rất nhiều chi tiết, hoặc trong rất nhiều ý kiến đối lập nhau, — điều kiện quan trọng nhất của một sự nghiên cứu khoa học là không nên quên mối liên hệ lịch sử căn bản; là xem xét mỗi vấn đề theo quan điểm sau đây: một hiện tượng nhất định đã xuất hiện trong lịch sử như thế nào, hiện tượng đó đã trải qua những giai đoạn phát triển chủ yếu nào, và đứng trên quan điểm của sự phát triển đó để xét xem hiện nay nó đã trở thành như thế nào.

Tôi mong rằng, về vấn đề nhà nước, các đồng chí sẽ đọc tác phẩm của Ăng-ghen: «Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước». Đó là một trong những tác phẩm chủ yếu của chủ nghĩa xã hội hiện đại, trong đó ta có thể tin vào từng câu, ta có thể chắc chắn rằng mỗi câu đó không phải đã viết một cách thiếu suy nghĩ, mà nó căn cứ vào những tài liệu lịch sử và chính trị hết sức dồi dào. Chắc chắn là tất cả các phần đó không phải đều dễ đọc và dễ hiểu như nhau: một vài phần đòi hỏi người đọc phải có sẵn một số kiến thức về lịch sử và kinh tế. Nhưng tôi xin nhắc lại: các đồng chí không nên lo ngại nếu các đồng chí không hiểu tác phẩm này khi mới đọc lần đầu. Mới đọc lần đầu mà hiểu được, điều đó hầu như không bao giờ có thể có được. Nhưng về sau, khi các đồng chí đọc lại quyển đó, khi các đồng chí đã thấy hứng thú thì cuối cùng các đồng chí sẽ hiểu phần lớn quyển đó, nếu không phải là toàn bộ. Sở dĩ tôi nói đến quyển đó là vì nó chỉ ra cách để cập vấn đề một cách đúng đắn trên phương diện mà tôi đã nói. Nó bắt đầu bằng cách phác qua lịch sử phát sinh của nhà nước.

Muốn để cập vấn đề ấy một cách đúng đắn, cũng như mọi vấn đề khác chẳng hạn như những vấn đề: sự phát sinh của chủ nghĩa tư bản, tình trạng người bóc lột người, chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa xã hội đã phát sinh như thế nào, những điều kiện nào đã đẻ ra chủ nghĩa xã hội — muốn để cập mọi vấn đề thuộc loại đó một cách nghiêm chỉnh, chắc chắn, thì trước hết phải nhìn lại toàn bộ sự phát triển lịch sử của nó. Về vấn đề này thì điều cần phải chú ý trước tiên là nhà nước không phải bao giờ cũng có. Đã có một thời kỳ chưa có nhà nước. Nhà nước chỉ xuất hiện ở nơi nào và lúc nào đã xuất hiện việc phân chia xã hội thành giai cấp, đã xuất hiện những kẻ bóc lột và những người bị bóc lột.

Trước khi nảy ra hình thức đầu tiên của tình trạng người bóc lột người, hình thức đầu tiên của sự phân chia thành giai cấp, — chủ nô và nô lệ, — thì đã có gia đình gia trưởng, hay đôi khi người ta gọi

là gia đình *theo chế độ clan* (clan nghĩa là thị tộc, gia tộc, khi mà người ta sống thành thị tộc, gia tộc), và những di tích khá rõ của những thời đại cổ xưa đó vẫn còn lại trong phong tục của nhiều dân tộc nguyên thủy; và nếu các đồng chí lấy bất cứ quyển sách nào nói về văn hóa nguyên thủy, thì các đồng chí sẽ luôn luôn thấy những đoạn miêu tả, những điều chỉ dẫn, những ký ức ít nhiều rõ rệt, chứng tỏ rằng đã có một thời ít nhiều tương tự như chủ nghĩa cộng sản nguyên thủy, trong đó không có tình trạng xã hội chia thành chủ nô và nô lệ. Hồi ấy không có nhà nước, không có bộ máy đặc biệt để dùng bạo lực một cách triệt để và bắt buộc người ta phục tùng bạo lực. Chính bộ máy đó, người ta gọi là nhà nước.

Trong xã hội nguyên thủy, khi người ta sống thành từng thị tộc nhỏ, còn ở vào trình độ phát triển thấp nhất, trong một tình trạng gần như man rợ, một thời kỳ cách nhân loại văn minh hiện nay hàng mấy nghìn năm, thì người ta chưa thấy dấu vết sự tồn tại của nhà nước. Trong xã hội ấy, chúng ta thấy có ưu thế của tập quán, có uy tín, lòng tôn trọng và quyền hành mà các bô lão trong thị tộc được hưởng; chúng ta thấy quyền hành ấy có khi lại ở trong tay phụ nữ, — địa vị người phụ nữ hồi đó không giống như địa vị phụ nữ thời nay, thời mà họ không có quyền gì cả và bị áp bức, — nhưng bất cứ ở đâu, người ta cũng không thấy có một *hạng* người đặc biệt tự tách ra để thống trị người khác và sử dụng một cách có hệ thống, thường xuyên, nhằm mục đích thống trị, cái bộ máy cưỡng bách, cái bộ máy bạo lực mà hiện nay, tất cả các đồng chí đều hiểu đó là những đội võ trang, những nhà tù và những phương tiện khác để bắt buộc, bằng bạo lực, người khác phải phục tùng, tức là những cái cấu thành bản chất của nhà nước.

Nếu ta không kể tới những học thuyết mệnh danh là học thuyết tôn giáo, những thủ đoạn xảo trá, những hệ thống triết học, tất cả các ý kiến mà bọn học giả tư sản nêu ra, và nếu thực sự đi sâu vào vấn đề thì ta sẽ thấy rằng nhà nước rút cục lại chính là cái bộ máy cai trị đã tự tách ra từ xã hội loài người. Khi nào mà xuất hiện một nhóm người đặc biệt chỉ có nhiệm vụ cai trị như thế, cái nhóm mà muốn cai trị thì cần có một bộ máy cưỡng bức đặc biệt, — nhà tù, các đội ngũ đặc biệt, quân đội, v. v., — để bắt buộc, bằng bạo lực, người khác phải phục tùng thì lúc đó nhà nước xuất hiện.

Nhưng đã có một thời kỳ trong đó không có nhà nước, trong đó các quan hệ xã hội, bản thân xã hội, kỷ luật, tổ chức lao động đều duy trì được nhờ có sức mạnh của phong tục và tập quán, nhờ có

uy tín và lòng tôn trọng mà những bô lão của thị tộc, hoặc phụ nữ — địa vị của phụ nữ hồi đó không những chỉ ngang với địa vị của nam giới mà thường khi còn cao hơn nữa — được hưởng và trong đó không có một hạng người riêng biệt, hạng người chuyên môn, để cai trị. Lịch sử chứng minh rằng nhà nước, một bộ máy cưỡng bức đặc biệt, chỉ xuất hiện ở nơi nào và khi nào mà xã hội đã chia thành giai cấp, tức là chia thành các nhóm người, trong đó những nhóm này luôn luôn có thể chiếm đoạt lao động của những nhóm khác, một người này bóc lột người khác.

Chúng ta luôn luôn cần phải thấy rõ rằng sự phân chia xã hội thành giai cấp như thế trong quá trình lịch sử là sự kiện căn bản. Sự tiến hóa của tất cả các xã hội loài người qua hàng nghìn năm, ở tất cả các nước, không trừ nước nào cả, đã chỉ cho chúng ta thấy tính quy luật chung, tính chính xác, tính quán triệt của sự tiến hóa đó: bắt đầu là một xã hội không có giai cấp, một xã hội gia trưởng, nguyên thủy, không có quý tộc; sau đến là một xã hội dựa trên chế độ nô lệ, một xã hội chiếm hữu nô lệ. Toàn bộ châu Âu văn minh hiện nay đều trải qua giai đoạn đó: cách đây hai nghìn năm, chế độ nô lệ thống trị hoàn toàn ở châu Âu. Ở tuyệt đại đa số các dân tộc trên các lục địa khác cũng đều như vậy. Hiện nay, dấu vết của chế độ nô lệ vẫn còn ở các dân tộc chậm phát triển nhất; như ở châu Phi chẳng hạn, các đồng chí sẽ thấy hiện nay cũng vẫn còn các thiết chế thuộc về chế độ nô lệ. Chủ nô và nô lệ: đó là sự phân chia lớn đầu tiên về giai cấp. Nhóm thứ nhất làm chủ chẳng những tất cả các tư liệu sản xuất: ruộng đất, công cụ còn thô sơ và cổ lỗ, — mà làm chủ cả người nữa. Nhóm đó gọi là chủ nô; còn những người làm lụng và lao động khó nhọc cho kẻ khác thì gọi là nô lệ.

Tiếp sau hình thức đó, có một hình thức khác trong lịch sử: chế độ nông nô. Trong tuyệt đại đa số các nước, chế độ nô lệ, khi phát triển, đã trở thành chế độ nông nô. Địa chủ - chủ nô và nông nô: đó là sự phân chia căn bản của xã hội. Hình thức của quan hệ giữa người với người đã thay đổi. Trước kia, chủ nô coi nô lệ như vật sở hữu của mình; pháp luật cũng công nhận quan điểm đó và coi người nô lệ là một vật thuộc quyền sở hữu hoàn toàn của chủ nô. Đối với người nông nô, ách áp bức giai cấp, sự lệ thuộc hãy còn tồn tại; nhưng lãnh chúa thì không được coi là có quyền sở hữu nông dân như sở hữu một đồ vật nữa; nó chỉ có quyền chiếm đoạt kết quả lao động của nông dân và cưỡng bức nông dân phải làm tròn một số nghĩa vụ nào đó thôi. Các đồng chí đều biết rằng trong thực tế, chế

độ nông nô cũng chẳng khác gì chế độ nô lệ, nhất là ở nước Nga là nơi mà chế độ đó đã được duy trì lâu nhất và đã có những hình thức tàn bạo nhất.

Sau nữa, cùng với sự phát triển của thương mại và sự hình thành của một thị trường toàn thế giới, cùng với sự phát triển của lưu thông tiền tệ, thì một giai cấp mới, giai cấp các nhà tư bản, cũng xuất hiện trong xã hội nông nô. Từ hàng hóa, từ việc trao đổi hàng hóa, từ sự sinh ra thế lực của tiền bạc, đã sinh ra thế lực của tư bản. Trong suốt thế kỷ XVIII, hay nói cho đúng hơn, từ cuối thế kỷ XVIII, và suốt thế kỷ XIX, nhiều cuộc cách mạng đã nổ ra trên toàn thế giới. Chế độ nông nô bị xóa bỏ trong tất cả các nước ở Tây Âu. Nước Nga đứng vào hàng cuối cùng trong số những nước ấy. Ở Nga, năm 1861, cũng đã có một sự biến đổi làm cho hình thức xã hội này được thay thế bằng một hình thức xã hội khác — chế độ nông nô nhường chỗ cho chủ nghĩa tư bản, trong đó sự phân chia giai cấp vẫn còn, cũng như vẫn còn những dấu vết và tàn dư của chế độ nông nô, nhưng về căn bản, sự phân chia giai cấp đã có một hình thức khác.

Trong tất cả các nước tư bản, những người làm chủ tư bản, những người làm chủ ruộng đất, những người làm chủ các công xưởng và nhà máy thì trước kia và hiện nay, đều là một thiểu số rất nhỏ trong nhân dân, nắm quyền sử dụng toàn bộ lao động của nhân dân và do đó, chi phối, áp bức và bóc lột toàn bộ quần chúng lao động mà đa số là những người vô sản, những công nhân làm thuê, tức là những người, trong quá trình sản xuất, chỉ có thể có được tư liệu sinh hoạt bằng cách bán cánh tay lao động, bán sức lao động của mình. Cùng với bước chuyển sang chủ nghĩa tư bản, những nông dân đã bị phân tán và bị áp bức trong thời đại nông nô, thì nay một phần biến thành vô sản (đó là đa số), một phần biến thành những nông dân khá giả (đó là thiểu số), tức là những người cũng lại tự mình thuê công nhân và hợp thành giai cấp tư sản nông thôn.

Các đồng chí không nên bao giờ quên sự thật cơ bản này: xã hội chuyển từ các hình thức nguyên thủy của chế độ nô lệ sang chế độ nông nô, và sau cùng sang chủ nghĩa tư bản; — thật vậy, chỉ khi nào các đồng chí nhớ sự thật cơ bản đó, chỉ khi nào các đồng chí xếp tất cả các học thuyết chính trị vào trong cái khuôn khổ cơ bản đó thì các đồng chí mới có thể đánh giá các học thuyết ấy một cách đúng đắn và nhận rõ các học thuyết ấy có quan hệ với cái gì, vì trong số những thời kỳ lớn ấy của lịch sử loài người — thời kỳ chiếm hữu

nô lệ, thời kỳ nông nô và thời kỳ tư bản — mỗi thời kỳ kéo dài hàng chục và hàng trăm thế kỷ, và có rất nhiều hình thức chính trị, rất nhiều học thuyết, rất nhiều ý kiến, rất nhiều cuộc cách mạng chính trị khác nhau đến nỗi chúng ta không thể nào lẩn ra được trong tình trạng phức tạp lạ thường ấy và trong tình trạng khác nhau cực kỳ ấy — là tình trạng có liên hệ chủ yếu với các lý luận chính trị, triết học và các lý luận khác của những nhà học giả và những nhà chính trị tư sản, — nếu chúng ta không kiên quyết lấy sự phân chia xã hội thành giai cấp như vậy, sự thay đổi các hình thức thống trị của giai cấp, làm sợi dây cơ bản dẫn đường, và nếu ta không đứng trên quan điểm đó để phân tích tất cả các vấn đề xã hội — các vấn đề kinh tế, chính trị, tinh thần, tôn giáo, v. v..

Nếu các đồng chí xét vấn đề nhà nước, xuất phát từ sự phân chia cơ bản đó, các đồng chí sẽ thấy, như tôi đã nói, rằng trước khi xã hội chia thành giai cấp, thì chưa có nhà nước. Nhưng cùng với sự xuất hiện và sự xác lập của tình trạng xã hội phân chia thành giai cấp, cùng với sự phát sinh của xã hội có giai cấp thì nhà nước cũng xuất hiện và được củng cố. Trong quá trình lịch sử của loài người, hàng chục và hàng trăm nước đã và đang còn trải qua chế độ nô lệ, chế độ nông nô và chủ nghĩa tư bản. Trong mỗi nước, mặc dầu các cuộc biến đổi lịch sử hết sức to lớn đã xảy ra, mặc dầu có tất cả các biến thiên chính trị và các cuộc cách mạng gắn liền với sự phát triển ấy của loài người, với bước chuyển từ chế độ nô lệ sang chế độ nông nô, rồi sang chế độ tư bản, và sang cuộc đấu tranh toàn thế giới hiện nay chống chủ nghĩa tư bản, — bao giờ các đồng chí cũng thấy nhà nước xuất hiện. Nhà nước bao giờ cũng là một bộ máy nhất định, nó tự tách ra từ xã hội và là một nhóm người chỉ chuyên hay gần như chỉ chuyên, hay chủ yếu chỉ chuyên làm công việc cai trị. Loài người chia thành những người bị trị và thành những kẻ chuyên môn cai trị là những kẻ tự đặt mình lên trên xã hội, những kẻ mà ta gọi là những người cai trị, những người đại diện của nhà nước. Bộ máy đó, cái nhóm người cai trị những người khác đó bao giờ cũng nắm trong tay một bộ máy cưỡng bức nào đó, một cơ quan thực lực, dù cho bạo lực ấy được thi hành bằng một cái gậy nguyên thủy, hoặc như trong thời đại nô lệ, bằng những vũ khí cải tiến hơn, hoặc bằng các súng ống xuất hiện trong thời trung cổ, hoặc sau cùng, bằng các vũ khí hiện đại, tức là những kỳ quan thực sự, trong thế kỷ XX, dựa hoàn toàn vào những thành tựu mới nhất của kỹ thuật hiện đại. Các hình thức thi

hành bạo lực đã thay đổi, nhưng bao giờ cũng vậy, trong mỗi xã hội có nhà nước, cũng đều có một nhóm người cai trị, chỉ huy, thống trị, và để giữ chính quyền, họ sử dụng một bộ máy cưỡng bức, một bộ máy bạo lực, họ sử dụng vũ khí phù hợp với trình độ kỹ thuật của mỗi thời đại. Và chỉ khi nào chúng ta xét những sự kiện có tính chất chung đó, chỉ khi nào chúng ta tự hỏi tại sao lại không có nhà nước khi không có giai cấp, không có người bóc lột và người bị bóc lột và tại sao nhà nước lại xuất hiện khi các giai cấp xuất hiện — chỉ khi đó, chúng ta mới tìm thấy một câu trả lời dứt khoát cho vấn đề bản chất và ý nghĩa của nhà nước.

Nhà nước là một bộ máy dùng để duy trì sự thống trị của một giai cấp này đối với giai cấp khác. Khi xã hội còn chưa có giai cấp; khi con người, trước thời nô lệ, còn lao động trong các điều kiện nguyên thủy có nhiều bình đẳng hơn và năng suất lao động còn hết sức thấp; khi con người nguyên thủy đã phải rất khó nhọc mới tìm ra được các tư liệu cần thiết cho đời sống hết sức thô sơ và nguyên thủy của mình thì khi đó, không có và cũng không thể có một nhóm người đặc biệt chuyên trách cai trị và thống trị bộ phận còn lại trong xã hội. Chỉ khi nào xuất hiện hình thức đầu tiên của sự phân chia xã hội thành giai cấp, khi nào xuất hiện chế độ nô lệ, khi nào một giai cấp nhất định gồm những người chuyên môn làm những công việc lao động nông nghiệp dưới những hình thức thô lậu nhất, đã có thể sản xuất ra được một số dư thừa nào đó; và khi nào số dư thừa đó, không phải là tuyệt đối cần thiết cho đời sống hết sức khổ cực của người nô lệ, đã bị người chủ nô chiếm đoạt, thì khi đó, sự tồn tại của giai cấp chủ nô mới được củng cố; nhưng muốn cho nó có thể được củng cố thì nhà nước phải xuất hiện.

Thế là xuất hiện nhà nước của chế độ nô lệ, một bộ máy nó đem lại cho chủ nô quyền lực và khả năng cai trị tất cả những người nô lệ. Cả xã hội lẫn nhà nước hồi đó thì nhỏ bé hơn bây giờ nhiều; có những phương tiện liên lạc thô sơ hơn bây giờ nhiều: lúc đó chưa có những phương tiện giao thông như hiện nay. Hồi đó, núi, sông, biển là những trở ngại lớn hơn bây giờ nhiều, và nhà nước cũng hình thành trong những biên giới địa lý nhỏ hẹp hơn nhiều. Bộ máy nhà nước, rất kém về mặt kỹ thuật, lúc đó phục vụ cho một quốc gia có biên giới tương đối nhỏ hẹp và có phạm vi hoạt động hạn chế. Song đó vẫn là một bộ máy dùng để duy trì những người nô lệ trong địa vị nô lệ, và cho phép một bộ phận này của xã hội cưỡng bức và

đàn áp bộ phận kia. Người ta không thể bắt buộc được đại bộ phận của xã hội làm việc đều đặn cho bộ phận khác nếu không có một bộ máy cưỡng bức thường trực. Chừng nào chưa có giai cấp thì chưa có bộ máy đó. Khi các giai cấp đã xuất hiện, bao giờ và bất cứ ở đâu mà sự phân chia giai cấp ngày càng rõ rệt và cố định, thì người ta cũng đều thấy xuất hiện một tổ chức đặc biệt là: nhà nước. Nhà nước có hết sức nhiều hình thức khác nhau. Trong thời đại nô lệ, ở các nước tiên tiến nhất, khai hóa nhất và văn minh nhất của thời đại ấy, chẳng hạn như Hy-lạp và La-mã thời cổ, là những nước hoàn toàn kiến lập trên chế độ nô lệ, chúng ta đã thấy có nhiều hình thức nhà nước khác nhau. Bấy giờ, người ta đã phân biệt chính thể quân chủ và chính thể cộng hòa, chính thể quý tộc và chính thể dân chủ. Chính thể quân chủ, tức là chính quyền của một người; trong chính thể cộng hòa, thì không một quyền lực nào là không phải do bầu cử mà có; chính thể quý tộc tức là chính quyền của một thiểu số tương đối nhỏ hẹp; chính thể dân chủ, tức là chính quyền của nhân dân (nền dân chủ, theo nguyên nghĩa trong tiếng Hy-lạp là: chính quyền của nhân dân). Tất cả các sự phân biệt ấy đã xuất hiện trong thời đại chế độ nô lệ. Mặc dù có những sự khác nhau như thế, nhưng nhà nước, trong thời đại chế độ nô lệ, dù là quân chủ hay cộng hòa quý tộc hay cộng hòa dân chủ, đều là nhà nước chủ nô.

Tất cả các sách giáo khoa về lịch sử thời cổ, tất cả các bài giảng nói về vấn đề đó sẽ trình bày cho các đồng chí cuộc đấu tranh giữa các nhà nước quân chủ và cộng hoà; nhưng điều căn bản là người nô lệ lúc ấy không được coi là người; không những không được coi là công dân, mà cũng không được coi là người nữa. Theo quan điểm của luật pháp La-mã, họ là các đồ vật. Không nói đến các luật lệ khác về bảo vệ cá nhân, ngay các luật lệ về tội giết người cũng không áp dụng cho người nô lệ. Luật pháp chỉ bảo vệ chủ nô là những người duy nhất có mọi quyền công dân. Nhưng dù là quân chủ hay cộng hòa, đó vẫn là chính thể quân chủ chủ nô hoặc cộng hòa chủ nô. Tất cả các quyền đều thuộc về chủ nô, còn nô lệ thì chỉ là đồ vật dưới con mắt pháp luật; tất cả mọi thứ bạo lực đều có thể dùng đối với nô lệ, ngay cả giết một người nô lệ cũng không coi là phạm tội. Các cộng hòa chủ nô có khác nhau về tổ chức nội bộ: có những cộng hòa quý tộc và những cộng hòa dân chủ. Trong một cộng hòa quý tộc, chỉ một số ít người có đặc quyền được tham gia bầu cử; trong một cộng hòa dân chủ thì tất cả mọi người đều được tham gia bầu cử, — nhưng

đây cũng lại là tất cả mọi người chủ nô, tất cả mọi người, trừ những người nô lệ. Chúng ta không nên quên trường hợp chủ yếu đó, vì chính nó soi sáng hơn cả vấn đề nhà nước và làm sáng rõ bản chất của nhà nước.

Nhà nước là một bộ máy để cho giai cấp này áp bức giai cấp khác, một bộ máy dùng để duy trì dưới sự thống trị của một giai cấp, tất cả các giai cấp bị lệ thuộc khác. Bộ máy đó mang nhiều hình thức khác nhau. Trong nhà nước chủ nô, có chính thể quân chủ, chính thể cộng hòa quý tộc, hoặc ngay cả chính thể cộng hòa dân chủ nữa. Thực ra, hình thức chính quyền có khác nhau hết sức, nhưng nội dung vẫn không thay đổi: nô lệ không có quyền gì cả và vẫn là một giai cấp bị áp bức, họ không được coi là người. Trong nhà nước phong kiến cũng vậy.

Sự thay đổi hình thức bóc lột đã biến nhà nước chủ nô thành nhà nước phong kiến. Điều đó có một ý nghĩa to lớn. Trong xã hội chiếm hữu nô lệ, nô lệ không có quyền gì cả, không được coi là người; trong xã hội phong kiến, nông dân bị trói buộc vào ruộng đất. Đặc điểm căn bản của chế độ nông nô là ở chỗ nông dân (nông dân hồi đó chiếm đa số, dân cư thành thị hãy còn rất ít) được coi là bị trói buộc vào ruộng đất; do đó mà có từ chế độ nông nô. Người nông nô có thể lao động một số ngày nhất định cho chính mình, trên miếng đất mà chúa phong kiến giao cho họ; còn những ngày khác, họ làm việc cho chủ họ. Bản chất của xã hội có giai cấp vẫn tồn tại: xã hội dựa trên sự bóc lột giai cấp. Chỉ riêng các chúa phong kiến là có đủ mọi quyền, còn nông dân thì không có quyền gì cả. Trên thực tế, địa vị của nông dân chỉ khác rất ít địa vị của nô lệ trong xã hội chiếm hữu nô lệ. Tuy nhiên, một con đường rộng rãi hơn đã mở ra cho sự giải phóng của họ, cho sự giải phóng của nông dân, vì nông nô không bị coi là vật sở hữu trực tiếp của chúa phong kiến. Họ có thể dùng một phần thì giờ để làm việc trên miếng đất của họ; có thể nói rằng con người họ đã có thể thuộc về họ đến một mức độ nào đó; còn chế độ phong kiến đã chứa sẵn những khả năng phát triển lớn hơn cho những sự trao đổi và những quan hệ thương mại, nên nó ngày càng tan rã và phạm vi của sự giải phóng nông dân cũng ngày càng mở rộng hơn. Xã hội phong kiến bao giờ cũng phức tạp hơn xã hội chiếm hữu nô lệ. Nó có một yếu tố lớn là sự phát triển thương mại và công nghiệp; điều đó, ngay từ thời kỳ ấy đã dẫn đến chủ nghĩa tư bản. Trong thời trung cổ, chế độ nông nô chiếm ưu thế. Cả trong thời ấy nữa, các

hình thức nhà nước cũng khác nhau, cả trong thời ấy nữa, cũng có chính thể quân chủ và chính thể cộng hòa, tuy nhiên chính thể cộng hòa này biểu hiện ít rõ rệt hơn nhiều; nhưng bao giờ bọn địa chủ phong kiến cũng vẫn được công nhận là giai cấp thống trị duy nhất. Người nông dân nông nô thì hoàn toàn không có quyền chính trị gì cả.

Dưới chế độ nô lệ cũng như dưới chế độ nông nô, việc một thiểu số nhỏ thống trị tuyệt đại đa số thì không thể không dùng đến cưỡng bức. Toàn bộ lịch sử đều đầy dẫy những mưu toan không ngừng của các giai cấp bị áp bức nhằm lật đổ ách áp bức. Trong lịch sử chế độ nô lệ, đã có những cuộc chiến tranh kéo dài hàng chục năm nhằm tự giải phóng khỏi ách nô lệ. Vì thế, hiện nay những người cộng sản Đức — là đảng duy nhất của nước Đức đang đấu tranh thực sự chống ách áp bức của chủ nghĩa tư bản — lấy tên là Xpác-ta-cút, vì Xpác-ta-cút, gần hai nghìn năm về trước, là một trong những vị anh hùng lỗi lạc nhất của một trong những cuộc khởi nghĩa lớn nhất của nô lệ. Trong nhiều năm ròng, đế quốc La-mã, hoàn toàn kiến lập trên chế độ nô lệ và tưởng chừng như hùng cường nhất, đã bị rung động và lay chuyển bởi một cuộc khởi nghĩa to lớn của những người nô lệ, họ đã tự võ trang và tập hợp thành một đạo quân rất lớn dưới sự chỉ huy của Xpác-ta-cút. Nhưng cuối cùng, họ đã bị bọn chủ nô tàn sát, bắt bớ và tra tấn. Các cuộc nội chiến ấy đã liên tiếp diễn ra trong toàn bộ lịch sử của xã hội có giai cấp. Tôi vừa dẫn ra ví dụ về cuộc nội chiến quan trọng nhất trong thời chế độ nô lệ. Toàn bộ thời đại nông nô cũng đầy dẫy những cuộc khởi nghĩa của nông dân. Ví dụ như ở Đức, cuộc đấu tranh giữa giai cấp phong kiến và giai cấp nông nô, trong thời trung cổ, đã có những quy mô rộng lớn và biến thành một cuộc nội chiến thực sự của nông dân chống phong kiến. Tất cả các đồng chí đều biết nhiều ví dụ về những cuộc khởi nghĩa nông dân như thế chống bọn chúa phong kiến, cả ở Nga nữa.

Để duy trì sự thống trị của nó, để bảo vệ chính quyền của nó, chúa phong kiến phải có một bộ máy tập hợp và thu phục một số rất đông người, bắt họ phải tuân theo những luật pháp nhất định, những quy tắc nhất định; và về căn bản, tất cả các luật pháp đó chung quy chỉ là một: duy trì chính quyền của chúa phong kiến đối với nông nô. Đó là nhà nước phong kiến, nhà nước này, ở Nga chẳng hạn, hoặc ở các nước rất lạc hậu ở châu Á là nơi mà cho đến nay vẫn còn chế độ nông nô, đều có các hình thức khác nhau: hoặc là cộng hòa, hoặc là quân chủ. Khi

nhà nước là chế độ quân chủ, thì chính quyền của một người được công nhận; khi nhà nước là chế độ cộng hòa thì sự tham gia ít nhiều rộng rãi của các đại biểu của xã hội phong kiến được công nhận; điều đó đã có trong một xã hội dựa trên chế độ nông nô. Xã hội phong kiến biểu hiện một sự phân chia giai cấp, trong đó tuyệt đại đa số là nông nô bị lệ thuộc hoàn toàn vào một thiểu số rất nhỏ là bọn chúa phong kiến, những kẻ chiếm hữu ruộng đất.

Sự phát triển của thương mại, sự phát triển của trao đổi hàng hóa làm xuất hiện một giai cấp mới: giai cấp những nhà tư bản. Tư bản xuất hiện vào cuối thời trung cổ, khi mà nền thương mại thế giới, sau khi tìm ra châu Mỹ, đã có một đà phát triển phi thường, khi mà số lượng các kim khí quý đã tăng lên, khi mà vàng và bạc đã trở thành một phương tiện trao đổi, khi mà lưu thông tiền tệ làm cho vô số của cải tích lũy trong tay riêng một bọn người. Vàng và bạc đã được công nhận là của cải trên toàn thế giới. Lực lượng kinh tế của giai cấp phong kiến bị suy tàn, trong khi đó thì sức mạnh của một giai cấp mới lại lớn lên, đó là giai cấp những đại biểu của tư bản. Sự cải tạo xã hội đã khiến cho tất cả các công dân đều được bình đẳng về nguyên tắc, đã xóa bỏ sự phân chia cũ thành chủ nô và nô lệ và đã kiến lập quyền bình đẳng của mọi người trước pháp luật, không kể số tư bản họ có trong tay là bao nhiêu: chủ đất đai có quyền tư hữu hay người cùng khổ chỉ có cánh tay để lao động, tất cả đều trở nên bình đẳng trước pháp luật. Pháp luật bảo vệ mọi người như nhau; nó bảo vệ tài sản của những người có của chống lại sự xâm phạm của cái khối lớn những người không có của, mà chỉ có hai cánh tay, và dần dần bị bần cùng hóa, bị phá sản và biến thành vô sản. Đó là xã hội tư bản chủ nghĩa.

Tôi không thể phân tích điểm đó một cách chi tiết hơn nữa. Các đồng chí sẽ trở lại vấn đề này khi các đồng chí nghiên cứu cương lĩnh của đảng: lúc đó, người ta sẽ nói với các đồng chí cái gì là đặc điểm của xã hội tư bản. Xã hội đó đã chống lại chế độ phong kiến, chống lại chế độ cũ, chống lại chế độ nông nô, dưới khẩu hiệu tự do. Nhưng đó là một thứ tự do cho người có của. Và một khi chế độ nông nô bị xóa bỏ, vào cuối thế kỷ XVIII, hay vào đầu thế kỷ XIX — và ở Nga, muộn hơn các nơi khác, vào năm 1861 — thì nhà nước tư bản thay thế cho nhà nước phong kiến; nó tuyên bố mọi người đều được tự do, nó nói rằng nó là biểu hiện ý chí của tất cả mọi người, nó không nhận nó là một nhà nước giai cấp; thế là giữa

những người xã hội chủ nghĩa đấu tranh cho tự do của toàn thể nhân dân, và nhà nước tư bản, diễn ra một cuộc đấu tranh, nó vừa đưa đến việc thành lập nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết và đang lan tràn khắp thế giới.

Muốn hiểu rõ cuộc đấu tranh chống tư bản thế giới, muốn hiểu rõ bản chất của nhà nước tư bản, chúng ta cần nhớ rằng khi nhà nước này chống chế độ phong kiến, thì nó cũng đứng ra chiến đấu dưới khẩu hiệu tự do. Thủ tiêu chế độ nông nô có nghĩa là tự do cho những đại biểu của nhà nước tư bản; và có lợi cho họ trong chừng mực chế độ nông nô bị lật đổ, và người nông dân có thể có quyền sở hữu hoàn toàn về mảnh đất mà họ đã chuộc lại, hoặc sở hữu một phần về mảnh đất mà họ đã có được bằng cách trả tô; điều này không quan hệ gì mấy đối với nhà nước: nhà nước bảo vệ mọi tài sản, không kể nguồn gốc của tài sản đó như thế nào, vì nhà nước dựa trên chế độ tư hữu tài sản. Nông dân đã trở thành những người tư hữu trong tất cả các nước văn minh hiện đại. Nhà nước cũng bảo vệ chế độ tư hữu ở nơi nào mà người chủ đất đã giao lại một phần ruộng đất của mình cho nông dân, nhà nước bồi thường cho chủ đất bằng cách chuộc lại bằng tiền. Nhà nước tựa như tuyên bố sẽ duy trì quyền tư hữu đầy đủ và trọn vẹn, và nhà nước hoàn toàn ủng hộ và bảo vệ quyền tư hữu. Nhà nước lại công nhận quyền sở hữu đó cho mỗi nhà buôn, cho mỗi nhà công nghiệp hoặc chủ công xưởng. Và xã hội đó, kiến lập trên chế độ tư hữu, trên quyền lực của tư bản, trên sự lệ thuộc hoàn toàn của tất cả các công nhân vô sản và quần chúng nông dân lao động, — thế mà xã hội ấy lại tuyên bố rằng sự thống trị của nó là dựa trên cơ sở tự do. Khi đấu tranh chống chế độ nông nô, xã hội đó đã tuyên bố mọi quyền sở hữu đều được tự do và nó lại đặc biệt tự hào cho rằng nhà nước tuồng như không còn là nhà nước giai cấp nữa.

Nhưng nhà nước vẫn là một bộ máy giúp cho bọn tư bản giữ nông dân nghèo khổ và giai cấp công nhân trong vòng lệ thuộc; song bề ngoài, nhà nước đó là tự do. Nó tuyên bố quyền đầu phiếu phổ thông; tuyên bố, qua lời nói của những kẻ ủng hộ nó, của các nhà tuyên truyền, các nhà bác học và các nhà triết học của nó, rằng nó không phải là một nhà nước giai cấp. Ngay cả ngày nay, khi mà các nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết bắt đầu đấu tranh chống lại nó, thì bọn đó vu cáo chúng ta là vi phạm tự do, là xây dựng lên một nhà nước dựa trên sự cưỡng bức, trên sự đàn áp của những người này đối

với những người kia, còn họ thì họ đại biểu cho nhà nước của toàn dân, nhà nước dân chủ. Và hiện nay, khi cách mạng xã hội chủ nghĩa đã bắt đầu trên toàn thế giới, khi cách mạng thắng ở một số nước, khi cuộc đấu tranh chống tư bản toàn thế giới đã trở nên đặc biệt quyết liệt thì vấn đề nhà nước đã có một ý nghĩa cực kỳ quan trọng, có thể nói là đã trở thành vấn đề nóng hổi nhất, trở thành trung tâm của mọi vấn đề chính trị và mọi cuộc tranh luận chính trị trong thời đại hiện nay.

Chúng ta cứ xét bất cứ đảng nào ở Nga hay ở một nước nào văn minh hơn, thì thấy hiện nay, hầu hết mọi cuộc tranh luận, mọi sự bất đồng ý kiến, mọi chính kiến đều xoay quanh khái niệm nhà nước. Trong một nước tư bản, trong một nước cộng hòa dân chủ, — nhất là ở Thụy-sĩ và ở Mỹ, — trong các nước cộng hòa dân chủ tự do nhất, nhà nước là biểu hiện ý chí của nhân dân, là tổng hợp những quyết định của toàn dân, là biểu hiện ý chí của dân tộc, v. v., hay lại là một bộ máy mà bọn tư bản các nước ấy dùng để duy trì quyền lực của họ đối với giai cấp công nhân và nông dân? Đó là vấn đề cơ bản mà hiện nay các cuộc tranh luận chính trị trên toàn thế giới đang bàn tới. Người ta nói gì về chủ nghĩa bôn-sê-vích? Báo chí tư sản đang mạt sát những người bôn-sê-vích. Các đồng chí sẽ không tìm thấy một tờ báo nào mà lại không lặp lại luận điệu vu cáo đã trở nên thông thường cho rằng người bôn-sê-vích vi phạm dân quyền. Nếu bọn men-sê-vích và bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng ở nước ta, trong tâm hồn ngây thơ của họ (nhưng ở đây, có lẽ là cái gì khác hẳn sự ngây thơ, hoặc có lẽ là thứ ngây thơ mà người ta bảo là tệ hơn sự thâm hiểm chăng?), nghĩ rằng họ đã phát hiện và phát minh ra được lời vu cáo nói rằng những người bôn-sê-vích đã vi phạm tự do và dân quyền, thì họ đã lầm một cách đáng buồn cười nhất. Hiện nay, trong các nước giàu có nhất, không có một tờ báo giàu có nhất nào lại không tiêu hàng chục triệu vào việc phát hành hàng chục triệu số báo của nó; không gieo rắc luận điệu dối trá tư sản và ca tụng chính sách đế quốc của nó; không có một tờ báo nào thuộc loại đó không lặp lại những lý lẽ ấy và những lời buộc tội ghê gớm đó đối với những người bôn-sê-vích, và nói rằng Mỹ, Anh và Thụy-sĩ đều là những nhà nước tiên tiến, nhân dân có chủ quyền, còn Cộng hòa bôn-sê-vích là một nhà nước của bọn ăn cướp, không biết tự do là gì, rằng những người bôn-sê-vích đã vi phạm ngay cả tư tưởng dân quyền và họ đã đi đến chỗ giải tán Quốc hội lập hiến. Các lời buộc tội ghê gớm ấy đối với những người bôn-sê-vích

được lặp đi lặp lại trên toàn thế giới. Tất cả những lời buộc tội đó đều đưa chúng ta đến vấn đề: nhà nước là gì? Muốn hiểu những lời buộc tội ấy, và muốn nghiên cứu, muốn phân tích những lời ấy một cách hoàn toàn tự giác, và không chỉ căn cứ vào những lời đồn đại, để có một nhận định vững chắc, thì ta cần phải hiểu rõ nhà nước là gì. Ở đây, chúng ta có tất cả các loại nhà nước tư bản và tất cả các lý luận đã được tạo ra trước chiến tranh để biện hộ cho các loại nhà nước ấy. Muốn giải quyết đúng đắn vấn đề đó, ta phải xét tất cả các lý luận ấy và tất cả các quan điểm ấy, bằng con mắt phê phán.

Để giúp cho công tác nghiên cứu của các đồng chí, tôi đã giới thiệu với các đồng chí tác phẩm của Ăng-ghen: «Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước», trong đó, chính là có nói rằng mọi nhà nước, dù dân chủ đến đâu chăng nữa, nếu trong đó còn có quyền tư hữu về ruộng đất và về tư liệu sản xuất, trong đó tư bản còn thống trị, thì đều là một nhà nước tư bản chủ nghĩa, một bộ máy nằm trong tay bọn tư bản để giữ giai cấp công nhân và nông dân nghèo trong tình trạng phải phục tùng. Mà quyền đầu phiếu phổ thông, Quốc hội lập hiến, nghị viện đều chỉ là hình thức, chỉ là một thứ hối phiếu, không thay đổi được gì về thực chất cả.

Hình thức thống trị của nhà nước có thể khác nhau: tư bản biểu thị sức mạnh của nó bằng cách này ở nơi có hình thức này, hoặc bằng cách khác ở nơi có hình thức khác; nhưng thực ra thì chính quyền vẫn ở trong tay tư bản, dù là dưới chế độ bầu cử dựa trên thuế suất hay không dựa trên thuế suất, thậm chí dù là dưới chế độ cộng hòa dân chủ; hơn thế nữa, sự thống trị ấy của chủ nghĩa tư bản càng tàn bạo, càng vô liêm sỉ hơn, nếu chế độ cộng hòa càng dân chủ hơn. Nước Mỹ là một trong những nước cộng hòa dân chủ nhất thế giới, nhưng trong nước ấy (ai đã ở đó sau năm 1905, chắc chắn đều nhận thấy), quyền lực của tư bản, quyền lực của một nhúm bọn tỷ phú đối với toàn thể xã hội biểu hiện một cách tàn bạo hơn, bằng sự mua chuộc trắng trợn hơn ở đâu hết. Một khi đã xuất hiện, thì tư bản thống trị toàn thể xã hội, và không một chế độ cộng hòa dân chủ nào, không một luật bầu cử nào có thể thay đổi được mảy may tình trạng đó.

So với chế độ phong kiến, thì chế độ cộng hòa dân chủ và chế độ đầu phiếu phổ thông là một bước tiến rất lớn: những cái đó đã làm cho giai cấp vô sản có thể đạt đến trình độ thống nhất, đoàn kết mà hiện nay nó đã có được; làm cho giai cấp vô sản có thể thành lập đội ngũ có kỷ luật và có tổ chức để tiến hành một cuộc đấu tranh có hệ

thống chống lại tư bản. Điều đó và ngay cả điều gần như thế, người nông nô đã không có được, chứ đừng nói gì người nô lệ. Chúng ta đều biết nô lệ đã nổi dậy khởi nghĩa, đã làm các cuộc bạo động, đã gây ra các cuộc nội chiến, nhưng họ không bao giờ có thể hợp thành một đa số tự giác, lập ra các chính đảng có khả năng lãnh đạo cuộc đấu tranh của họ; họ không thể có một ý niệm rõ ràng về mục đích mà họ theo đuổi; và ngay trong các thời kỳ cách mạng nhất của lịch sử, họ vẫn luôn luôn là những quân cờ trong tay các giai cấp thống trị. Chế độ cộng hòa tư sản, nghị viện, đầu phiếu phổ thông, tất cả những cái đó, xét về phương diện phát triển của xã hội trên toàn thế giới, là một bước tiến rất lớn. Nhân loại đã đi tới chủ nghĩa tư bản; và chỉ có chủ nghĩa tư bản, nhờ có nền văn hóa thành thị, mới có thể làm cho giai cấp vô sản bị áp bức, giác ngộ về địa vị của mình và tạo nên một phong trào công nhân thế giới, tổ chức hàng triệu công nhân trên toàn thế giới thành những chính đảng — đảng xã hội chủ nghĩa — lãnh đạo cuộc đấu tranh của quần chúng một cách tự giác. Nếu không có chế độ đại nghị, không có nguyên tắc bầu cử, giai cấp công nhân sẽ không thể phát triển như thế được. Đấy là lý do tại sao tất cả những cái đó đã có ý nghĩa rất lớn đối với quảng đại quần chúng. Đấy là lý do tại sao bước ngoặt lại có vẻ khó khăn đến thế. Không phải chỉ có bọn người cố ý giả dối, bọn học giả và bọn giáo sĩ mới kiên trì và bảo vệ luận điệu dối trá tư sản nói rằng nhà nước có tự do và có nhiệm vụ bảo vệ lợi ích của mọi người, mà nhiều người khác đã thành thực lặp lại những thành kiến cũ rích và không thể hiểu nổi bước chuyển từ xã hội tư bản cũ lên chủ nghĩa xã hội. Những người lệ thuộc trực tiếp vào giai cấp tư sản, bị tư bản áp bức hay bị nó mua chuộc (phục vụ tư bản là một đám đông những học giả, nghệ sĩ, giáo sĩ, v. v. thuộc tất cả các loại) và cả những người chỉ bị ảnh hưởng bởi những thành kiến về tự do tư sản, — tất cả những người đó, trên toàn thế giới, đều khai chiến với chủ nghĩa bôn-sê-vích, bởi vì khi mới thành lập, nước Cộng hòa xô-viết đã vứt bỏ luận điệu dối trá tư sản ấy và tuyên bố công khai rằng: các người cho nhà nước của các người có tự do nhưng thực ra, chừng nào mà chế độ tư hữu còn, thì nhà nước của các người, dù là cộng hòa dân chủ, cũng chỉ là một bộ máy ở trong tay bọn tư bản để đàn áp công nhân, và nhà nước càng tự do, thì điều đó càng lộ ra rõ rệt hơn. Nước Thụy-sĩ ở châu Âu, nước Hoa-kỳ ở châu Mỹ, là một thí dụ nói lên điều đó. Không ở đâu, sự thống trị của tư bản lại vô liêm sỉ và tàn nhẫn bằng ở các

nước đó, và không ở đâu, lại rõ rệt bằng ở nước đó, tuy rằng các nước ấy là những cộng hòa dân chủ, mặc dù có ngụy trang khéo léo, mặc dù có tất cả mọi luận điệu về dân chủ đối với người lao động, về quyền bình đẳng của mọi người công dân. Thật ra, ở Thụy-sĩ và ở Mỹ, chính là tư bản thống trị và hễ khi nào công nhân mưu toan đòi cải thiện thiết thực đời sống của mình đôi chút thì người ta liền dùng ngay nội chiến để ứng phó lại. Các nước đó là những nước có ít binh lính và quân đội thường trực hơn cả: ở Thụy-sĩ có các đội dân vệ, và mỗi người Thụy-sĩ đều có súng trong nhà; từ trước đến nay, nước Mỹ vẫn không có quân đội thường trực. Bởi vậy, khi có một cuộc bãi công nổ ra, thì giai cấp tư sản tự võ trang, tuyển mộ binh lính và đàn áp cuộc bãi công, và không ở đâu, phong trào công nhân lại bị đàn áp dữ dội như ở Thụy-sĩ và ở Mỹ; không ở đâu, ảnh hưởng của tư bản lại tác động mạnh mẽ đến nghị viện như ở hai nước đó. Sức mạnh của tư bản là tất cả, sở giao dịch là tất cả, còn nghị viện, các cuộc bầu cử chỉ là những con rối, những bù nhìn mà thôi... Nhưng thời gian càng trôi qua thì công nhân càng mở mắt ra, tư tưởng về Chính quyền xô-viết càng lan rộng hơn, nhất là sau cuộc thảm sát đẫm máu mà chúng ta vừa trải qua. Giai cấp công nhân ngày càng thấy rõ là cần phải đấu tranh quyết liệt chống bọn tư sản.

Dù chính thể cộng hòa mang hình thức nào chăng nữa, ngay cả là cộng hòa dân chủ nhất, nhưng nếu đó là một cộng hòa tư sản, nếu quyền tư hữu ruộng đất, quyền tư hữu về nhà máy và công xưởng còn tồn tại trong các nước đó, và nếu ở đây toàn thể xã hội còn bị tư bản tư nhân duy trì trong chế độ nô lệ làm thuê, nói một cách khác, nếu ở đây người ta không thực hiện những điều mà cương lĩnh của đảng ta và Hiến pháp xô-viết đã công bố, thì nhà nước đó vẫn là một bộ máy để cho những người này áp bức những người khác. Và bộ máy đó, chúng ta sẽ đặt vào trong tay của giai cấp có nhiệm vụ đánh đổ chính quyền của tư bản. Chúng ta sẽ vứt bỏ tất cả những thành kiến cũ kỹ cho rằng nhà nước là sự bình đẳng cho tất cả mọi người. Đó chỉ là một sự lừa bịp: chừng nào còn có bóc lột, thì không thể có bình đẳng được. Địa chủ không thể bình đẳng với công nhân, cũng như người đói không thể bình đẳng với người no được. Bộ máy đó, mà người ta gọi là nhà nước, mà mọi người sùng bái một cách mê tín và tin vào các câu chuyện hoang đường cũ nói rằng nhà nước là chính quyền của toàn dân, — bộ máy đó, giai cấp vô sản vứt bỏ nó đi và nói: đó là một sự dối trá của tư sản. Bộ máy đó, chúng ta đã tước

của bọn tư bản, chúng ta đã nắm lấy nó. Nhờ bộ máy đó hoặc nhờ cái gậy đó, chúng ta sẽ đập tan được mọi sự bóc lột, và khi nào trên quả đất không còn có khả năng bóc lột người khác nữa, không còn có chủ đất, chủ công xưởng, không còn có một bên là những người no kềnh bụng và một bên là những người đói lả nữa, — chỉ khi nào không thể có tình trạng đó nữa, thì chúng ta mới vứt bỏ được bộ máy ấy vào đống sắt vụn. Khi ấy, sẽ không có nhà nước, không có bóc lột. Đó là quan điểm của Đảng cộng sản chúng ta. Tôi mong rằng chúng ta sẽ trở lại vấn đề này trong các buổi nói chuyện sau, và trở lại nhiều lần.

Toàn tập, t. 39

KINH TẾ VÀ CHÍNH TRỊ TRONG THỜI ĐẠI CHUYÊN CHÍNH VÔ SẢN

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ hai ngày thành lập Chính quyền xô-viết, tôi có ý định viết một cuốn sách nhỏ về vấn đề nêu trên đầu bài. Nhưng vì công việc hàng ngày dồn dập, nên cho tới nay tôi chưa thể làm được gì nhiều hơn là sơ thảo ra một số phần của cuốn sách. Vì vậy, tôi quyết định thử trình bày một cách ngắn và gọn những tư tưởng mà tôi cho là chính yếu nhất trong vấn đề ấy. Dĩ nhiên trình bày vắn tắt như thế, sẽ có nhiều chỗ không thuận tiện và thiếu sót. Nhưng có thể là đối với một bài báo nhỏ, thì làm như vậy cũng vẫn sẽ đạt được một mục đích nho nhỏ là: nêu vấn đề và đưa ra những nét chính để cho các đồng chí cộng sản ở các nước thảo luận.

1

Về lý luận, không thể nghi ngờ gì được rằng giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản, có một thời kỳ quá độ nhất định. Thời kỳ đó không thể không bao gồm những đặc điểm hoặc đặc trưng của cả hai kết cấu kinh tế xã hội ấy. Thời kỳ quá độ ấy không thể nào lại không phải là một thời kỳ đấu tranh giữa chủ nghĩa tư bản đang giãy chết và chủ nghĩa cộng sản đang phát sinh, hay nói một cách khác, giữa chủ nghĩa tư bản đã bị đánh bại nhưng chưa bị tiêu diệt hẳn, và chủ nghĩa cộng sản đã phát sinh nhưng vẫn còn rất non yếu.

Không riêng gì đối với một người mác-xít, mà cả đối với bất cứ một người trí thức nào đã hiểu theo cách này hay cách khác học thuyết tiến hóa, thì tính tất yếu của cả một thời đại lịch sử mang những đặc điểm ấy của thời kỳ quá độ, tự nó cũng đã là hiển nhiên rồi. Tuy nhiên, tất cả những lập luận về bước chuyển sang chủ nghĩa xã hội mà chúng ta nghe thấy ở cửa miệng những đại biểu hiện đại của phái dân chủ tiểu tư sản (tất cả những đại biểu của Quốc tế II,

kể cả những người như Mác - Đô-nan và Giăng Lông-ghê, Cau-xky và Phri-đrích Át-lơ, mặc dầu mang cái nhãn hiệu giả danh xã hội chủ nghĩa, nhưng cũng vẫn cứ là những đại biểu hiện đại của phái dân chủ tiểu tư sản), đều tỏ ra là đã hoàn toàn quên mất chân lý hết sức hiển nhiên đó. Phái dân chủ tiểu tư sản bản chất vốn chán ghét đấu tranh giai cấp; mơ tưởng rằng có thể không cần phải đấu tranh giai cấp, cố gắng tìm cách xoa dịu, điều hòa, làm cho cuộc đấu tranh bớt gay gắt. Cho nên những người dân chủ này, hoặc là họ từ chối dứt khoát không thừa nhận cả một giai đoạn lịch sử quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản; hoặc là họ cho rằng nhiệm vụ của họ là nghĩ ra những kế hoạch điều hòa hai lực lượng chiến đấu, chứ không phải là lãnh đạo cuộc đấu tranh của một trong hai lực lượng ấy.

2

Vì nước ta là một nước tiểu tư sản và rất lạc hậu, cho nên nền chuyên chính vô sản ở Nga tất nhiên phải có một số đặc điểm khác với các nước tiên tiến. Nhưng những lực lượng cơ bản — và những hình thức cơ bản của nền kinh tế xã hội — ở Nga thì cũng giống như ở bất cứ nước tư bản nào khác, thành thử những đặc điểm đó chỉ có thể thuộc về những cái gì không phải là chủ yếu nhất.

Những hình thức cơ bản ấy của nền kinh tế xã hội là: chủ nghĩa tư bản, tiểu sản xuất hàng hóa, chủ nghĩa cộng sản. Những lực lượng cơ bản ấy là: giai cấp tư sản, giai cấp tiểu tư sản (nhất là nông dân), giai cấp vô sản.

Nền kinh tế của nước Nga, ở thời đại chuyên chính vô sản, chính là cuộc đấu tranh của những hình thái buổi đầu của lao động liên hợp theo nguyên tắc cộng sản chủ nghĩa, trong phạm vi một quốc gia rộng lớn, — chống lại nền tiểu sản xuất hàng hóa và chủ nghĩa tư bản đang còn tồn tại, cũng như chủ nghĩa tư bản đang phục hồi trên cơ sở nền tiểu sản xuất.

Lao động ở Nga được liên hợp theo nguyên tắc cộng sản chủ nghĩa, trong chừng mực mà một là quyền tư hữu tư liệu sản xuất đã bị thủ tiêu, và hai là chính quyền của nhà nước vô sản tổ chức được, trong phạm vi toàn quốc, nền đại sản xuất trên những ruộng đất của nhà nước và trong những xí nghiệp thuộc về nhà nước, phân phối được nhân công cho các ngành kinh tế và cho các xí nghiệp, phân phối

được cho những người lao động cái khối lượng rất lớn những sản phẩm tiêu dùng thuộc về nhà nước.

Chúng ta nói đến «những bước đầu» của chủ nghĩa cộng sản ở Nga (như trong cương lĩnh của đảng ta được thông qua hồi tháng Ba 1919 cũng đã nói), vì tất cả những điều kiện ấy, ở nước ta, chỉ mới thực hiện được có một phần, hay nói một cách khác: sự thực hiện những điều kiện ấy chỉ mới ở giai đoạn đầu. Cái gì, nói chung, có thể hoàn thành ngay lập tức thì đã được làm ngay lập tức bằng chỉ một hành động cách mạng, thí dụ: ngay ngày đầu tiên của chuyên chính vô sản, ngày 26 tháng Mười 1917 (tức là ngày 8 tháng Mười một 1917, lịch mới), quyền tư hữu ruộng đất đã được thủ tiêu, không bồi thường gì cho bọn chiếm hữu nhiều ruộng đất cả; những tên đại địa chủ đã bị tịch thu tài sản. Trong vòng mấy tháng, hầu hết bọn tư bản lớn, bọn chủ xưởng, chủ nhà máy, chủ xí nghiệp cổ phần, chủ ngân hàng, chủ đường sắt, v. v. đã bị tịch thu, cũng không bồi thường gì cả. Việc nhà nước tổ chức nền đại sản xuất công nghiệp, việc chuyển từ hình thức «công nhân kiểm soát» sang «công nhân quản lý» những công xưởng, những nhà máy, những đường sắt, cả hai việc đó đã được thực hiện trên những nét cơ bản và chủ yếu nhất. Nhưng về phần nông nghiệp, thì công việc đó chỉ mới bắt đầu («nông trường xô-viết» tức là những nông trường lớn, do nhà nước công nhân tổ chức trên phần ruộng đất thuộc về nhà nước). Việc tổ chức các hình thức hợp tác của tiểu nông, coi như những hình thức quá độ từ tiểu nông nghiệp hàng hóa tiến lên nông nghiệp cộng sản chủ nghĩa thì cũng thế, chỉ vừa mới bắt đầu *. Cả đến việc nhà nước tổ chức phân phối sản phẩm, để thay cho thương nghiệp tư nhân, nghĩa là việc nhà nước thu mua và cung cấp lúa mì cho thành thị, sản phẩm công nghiệp cho nông thôn, thì cũng phải nói như trên kia, là chỉ mới bắt đầu. Dưới đây, chúng ta sẽ đưa ra những số liệu thống kê về vấn đề đó.

Nền kinh tế nông dân hiện vẫn còn là một nền tiểu sản xuất hàng hóa. Đó là một cơ sở vô cùng rộng lớn của chủ nghĩa tư bản, một cơ sở có những cỗi rễ rất sâu và rất chắc. Dựa vào cơ sở ấy, chủ nghĩa tư bản tự duy trì được và phục hồi lại trong cuộc đấu tranh ác liệt

* Trong nước Nga xô-viết, số lượng «những nông trường xô-viết» tính ra độ 3 536 cái và «những công xã nông nghiệp» độ 1 961 cái; số lượng những ác-ten nông nghiệp độ 3 696 cái. Cục thống kê trung ương của chúng ta đương tiến hành thống kê chặt chẽ tất cả những nông trường xô-viết và tất cả những công xã. Những kết quả đầu tiên sẽ được biết vào tháng Mười một 1919.

nhất chống chủ nghĩa cộng sản. Những hình thức của cuộc đấu tranh ấy là: sự hoạt động của bọn mê-sô-tsơ-ni-ki* và bọn đầu cơ chống lại việc nhà nước thu mua lúa mì (cũng như những sản phẩm khác) — nói chung, chống lại việc nhà nước phân phối sản phẩm.

3

Để trình bày được rõ ràng những nguyên lý trừu tượng ấy, chúng tôi sẽ dẫn ra những con số cụ thể.

Theo những số liệu của Bộ dân ủy lương thực, thì nhà nước đã thu mua được ở Nga từ ngày I tháng Tám 1917 đến ngày I tháng Tám 1918, gần 30 triệu pút lúa mì. Năm sau, chừng 110 triệu pút. Trong ba tháng đầu chiến dịch thu mua tiếp theo đó (1919 - 1920), sẽ thu mua được áng chừng 45 triệu pút, so với năm 1918, cũng trong ba tháng này (từ tháng Tám đến tháng Mười) thì nhà nước chỉ thu mua được 37 triệu pút mà thôi.

Đứng về phương diện sự thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản đối với chủ nghĩa tư bản mà nói thì những con số ấy biểu hiện rõ rệt là tình hình của chúng ta đang được cải thiện một cách từ từ nhưng liên tục. Những sự cải thiện đó đã được thực hiện, mặc dù chúng ta gặp phải những khó khăn chưa từng thấy gây nên bởi cuộc nội chiến mà bọn tư bản nước Nga và ngoại quốc tổ chức ra bằng cách huy động tất cả mọi lực lượng của các cường quốc lớn nhất trên thế giới.

Vì vậy, dầu cho bọn tư sản tất cả các nước và bè lũ tay sai công khai hay lén lút của chúng (bọn «xã hội chủ nghĩa» trong Quốc tế II) đã bịa đặt và vu khống đến thế nào đi nữa, thì một điều vẫn không thể chối cãi được là: đứng về quan điểm giải quyết vấn đề kinh tế cơ bản của chuyên chính vô sản mà xét, thì ở nước ta, sự thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản đối với chủ nghĩa tư bản là điều đã được đảm bảo. Sở dĩ giai cấp tư sản toàn thế giới đã lồng lộn lên và điên cuồng chống chủ nghĩa bôn-sê-vích, tổ chức những cuộc xâm lược quân sự, những âm mưu, v. v. để chống lại những người bôn-sê-vích, chính là vì chúng thừa hiểu rằng nhất định chúng ta sẽ thắng lợi trong việc cải tạo nền kinh tế xã hội, trừ phi chúng ta bị lực lượng quân sự đè bẹp. Song, chúng đã không đè bẹp nổi chúng ta bằng phương pháp đó.

* — Bọn gian thương đầu cơ lúa mì và các sản phẩm khác trong thời kỳ nội chiến. *BT.*

Trong khoảng thời gian ngắn ngủi mà chúng ta đã có, và mặc dầu chúng ta đã phải hoạt động trong những hoàn cảnh khó khăn chưa từng thấy, nhưng chúng ta đã chiến thắng được chủ nghĩa tư bản chính là tới một mức độ nào, thì những con số tổng hợp sau đây sẽ nêu lên rõ. Cục thống kê trung ương vừa chuẩn bị để đem công bố những số liệu về sản xuất và tiêu thụ lúa mì, không phải của toàn nước Nga xô-viết, mà của 26 tỉnh trong nước thôi.

Đây là những con số đó:

26 tỉnh của nước Nga xô-viết	Dân số (tính theo triệu người)	Sản lượng lúa mì (không kể giống má và thức ăn cho gia súc) (tính theo triệu pút)	Lúa mì đã cung cấp (tính theo triệu pút)		Tổng số lúa mì mà dân chúng đã có (tính theo triệu pút)	Số lúa mì mỗi nhân khẩu (tính theo pút)
			do Bộ dân ủy lương thực	do bọn mê-sô-tsơ-ni-ki		
Những tỉnh sản xuất	Thành phố 4,4	—	20,9	20,6	41,5	9,5
	Nông thôn 28,6	625,4	—	—	481,8	16,9
Những tỉnh tiêu thụ	Thành phố 5,9	—	20,0	20,0	40,0	6,8
	Nông thôn 13,8	114,0	12,1	27,8	151,4	11,0
Tổng cộng (26 tỉnh)	52,7	739,4	53,0	68,4	714,7	13,6

Như thế, Bộ dân ủy lương thực đã cung cấp vào khoảng một nửa số lúa mì cho thành phố; còn nửa kia là do bọn mê-sô-tsơ-ni-ki cung cấp. Một cuộc điều tra tỉ mỉ về việc cung cấp lương thực cho công nhân ở thành phố hồi năm 1918, đã cho biết chính cái tỷ lệ ấy. Cần nói thêm rằng, lúa mì của nhà nước cung cấp thì công nhân mua với giá *chín lần rẻ hơn* lúa mì của bọn mê-sô-tsơ-ni-ki. Giá đầu cơ của lúa mì cao gần *mười lần* giá bán của nhà nước. Việc nghiên cứu tỉ mỉ những con số chi thu của công nhân đã cho biết như thế.

4

Nếu ta suy nghĩ kỹ về những con số nêu ra trên đây, ta sẽ thấy nó minh họa một cách chính xác tất cả những đặc điểm chủ yếu của nền kinh tế nước Nga ngày nay.

Những người lao động đã được giải phóng khỏi tay bọn đã áp bức và bóc lột họ hàng bao thế kỷ, tức là bọn địa chủ và bọn tư bản. Bước tiến ấy về tự do thật sự và bình đẳng thật sự, bước tiến mà xét về mức độ, về quy mô, và về tốc độ, là một bước tiến xưa nay chưa từng có, — bước tiến ấy không được bọn ủng hộ giai cấp tư sản (kể cả bọn dân chủ tiểu tư sản) đếm xỉa đến, chúng nói đến tự do và bình đẳng theo ý nghĩa dân chủ tư sản đại nghị mà chúng gọi láo là «dân chủ» nói chung, hay «dân chủ thuần túy» (Cau-xky).

Nhưng điều mà những người lao động chú ý đến chính là quyền bình đẳng thật sự, quyền tự do thật sự (tự do ở chỗ họ đã được giải phóng khỏi tay bọn địa chủ và bọn tư bản), và chính vì thế mà họ ủng hộ Chính quyền xô-viết một cách cương quyết như vậy.

Trong một nước nông dân, thì chính nông dân nói chung là những người được hưởng lợi trước nhất, nhiều nhất, hưởng lợi ngay từ đầu, về nền chuyên chính vô sản. Ở Nga, dưới thời bọn địa chủ và tư bản, người nông dân phải nhịn đói. Suốt bao thế kỷ dài đằng đẵng trong lịch sử nước ta, người nông dân chưa bao giờ có thể làm việc cho mình: họ nhịn đói mà vẫn phải cung cấp hàng trăm triệu pút lúa mì cho bọn tư bản, cho thành thị và ra nước ngoài. Dưới thời chuyên chính vô sản, người nông dân *lần đầu tiên* làm việc cho mình và *ăn uống đầy đủ hơn người thành thị.* Lần đầu tiên, người nông dân đã được hưởng tự do thật sự: tự do ăn chiếc bánh mì của mình, tự do ở chỗ không phải nhịn đói nữa. Như người ta đã biết, sự bình đẳng đã đạt được đến mức tối đa trong việc phân chia ruộng đất: trong tuyệt đại đa số trường hợp, nông dân chia ruộng đất «căn cứ theo miệng ăn».

Chủ nghĩa xã hội là sự xóa bỏ giai cấp.

Muốn xóa bỏ giai cấp, trước hết cần phải đánh đổ bọn địa chủ và bọn tư bản. Phần nhiệm vụ đó, chúng ta đã hoàn thành rồi, nhưng đấy mới chỉ là một phần, và hơn nữa cũng *không phải* là phần khó nhất. Muốn xóa bỏ giai cấp, thứ hai cần phải xóa bỏ sự khác nhau giữa công nhân và nông dân, làm cho *tất cả mọi người* đều trở thành *những người lao động* như nhau. Việc đó, không thể làm xong ngay một lúc được. Đó là một nhiệm vụ vô cùng khó khăn hơn và tất nhiên là

một nhiệm vụ lâu dài. Người ta không thể giải quyết nhiệm vụ đó bằng cách đánh đổ một giai cấp nào đó. Người ta chỉ có thể giải quyết nhiệm vụ đó bằng cách cải tạo lại toàn bộ nền kinh tế xã hội, bằng cách chuyển từ nền kinh tế hàng hóa nhỏ, cá nhân, riêng lẻ, sang nền kinh tế tập thể lớn. Bước quá độ này tất nhiên là rất dài. Dùng những biện pháp lập pháp hay hành chính hấp tấp và không thận trọng, thì chỉ có thể làm cho thời kỳ đó kéo dài thêm và gặp khó khăn thêm mà thôi. Chỉ có đem lại cho nông dân một sự giúp đỡ có khả năng cải tiến được trên quy mô lớn toàn bộ kỹ thuật canh tác và cải tạo được triệt để nền kỹ thuật ấy, người ta mới có thể thúc đẩy giai đoạn quá độ này tiến nhanh lên được.

Muốn giải quyết phần thứ hai của nhiệm vụ, phần khó khăn nhất, thì giai cấp vô sản, sau khi đã đánh bại giai cấp tư sản, phải luôn luôn theo đúng đường lối cơ bản sau đây trong chính sách đối với giai cấp nông dân: giai cấp vô sản phải phân biệt và phân định rõ ranh giới giữa người nông dân lao động với người nông dân tư hữu, — giữa người nông dân lao động với người nông dân con buôn, — giữa người nông dân cần lao với người nông dân đầu cơ.

Tất cả thực chất của chủ nghĩa xã hội là ở trong sự phân định ranh giới đó.

Và không có gì đáng ngạc nhiên khi thấy những kẻ ngoài miệng là xã hội chủ nghĩa mà trong thực tế lại là dân chủ tiểu tư sản (bọn Mác-tốp và bọn Tséc-nốp, bọn Cau-xky và bè lũ) đã không hiểu được thực chất ấy của chủ nghĩa xã hội.

Sự phân định ranh giới nói trên là một việc khó khăn vì trong đời sống thực tế, các đặc tính của «nông dân» dù khác nhau đến đâu, dù trái ngược nhau đến đâu chăng nữa, cũng vẫn hòa lẫn cả vào nhau thành một chỉnh thể. Tuy nhiên, việc phân định ấy vẫn có thể thực hiện được và không những chỉ là điều có thể thực hiện được, mà còn là điều mà những điều kiện của nền kinh tế nông dân và những điều kiện của đời sống của nông dân tất nhiên sẽ dẫn đến. Hàng bao thế kỷ, người nông dân lao động sống dưới sự áp bức của bọn địa chủ, bọn tư bản, bọn con buôn, bọn đầu cơ và nhà nước *của bọn chúng*, kể cả trong những nước cộng hòa tư sản dân chủ nhất. Hàng bao thế kỷ, người nông dân lao động đã nuôi dưỡng cho mình chí căm thù và lòng oán ghét đối với những kẻ áp bức bóc lột đó; và «sự nuôi dưỡng» do đời sống thực tế đem lại ấy *bắt buộc* nông dân phải tìm cách liên minh với công nhân chống lại bọn tư bản, bọn đầu cơ, bọn con buôn.

Và cũng trong khoảng thời gian ấy, hoàn cảnh kinh tế, hoàn cảnh của nền kinh tế hàng hóa, tất nhiên làm cho người nông dân trở thành con buôn và kẻ đầu cơ (không phải bao giờ cũng thế, nhưng trong đại đa số trường hợp thì như thế).

Những số liệu thống kê mà chúng ta nêu ra ở trên chỉ rõ chỗ khác nhau giữa nông dân lao động và nông dân đầu cơ. Người nông dân nào, năm 1918 - 1919, đã cung cấp cho công nhân bị nạn đói ở thành thị 40 triệu pút lúa mì theo giá quy định, theo giá cả nhà nước, — đã cung cấp số lúa mì ấy cho các cơ quan nhà nước, mặc dù tất cả những khuyết điểm của các cơ quan ấy, những khuyết điểm mà chính phủ công nhân đã hoàn toàn thấy rõ, nhưng không thể khắc phục được ngay trong buổi đầu của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội — thì người nông dân đó là một nông dân lao động, một người đồng chí hoàn toàn bình quyền của người công nhân xã hội chủ nghĩa, người bạn đồng minh chắc chắn nhất và người anh em ruột thịt của công nhân xã hội chủ nghĩa trong cuộc đấu tranh chống ách tư bản. Những người nông dân nào đã lợi dụng tình trạng thiếu thốn và nạn đói của công nhân thành thị, lừa dối nhà nước, làm tăng thêm và gây ra ở khắp nơi những hành động lừa bịp, cướp bóc, những thủ đoạn gian lậu để bán lén lút 40 triệu pút lúa mì với một giá mười lần cao hơn giá nhà nước quy định, thì người nông dân đó là một kẻ đầu cơ; kẻ đó là đồng minh của bọn tư bản, là kẻ thù giai cấp của người công nhân, đó là một kẻ bóc lột. Vì có thừa lúa mì thu hoạch được trên ruộng đất thuộc nhà nước, nhờ những dụng cụ được chế tạo ra do lao động không những của nông dân mà cả của công nhân đã bỏ ra bằng cách này hay cách khác, v. v., — có thừa lúa mì mà đầu cơ tức là bóc lột người công nhân đói.

Các anh là những kẻ phá hoại tự do, bình đẳng, dân chủ — khắp nơi người ta đã kêu ca chúng ta nnư vậy, họ vạch ra sự bất bình đẳng giữa công nhân và nông dân ghi trong Hiến pháp của chúng ta, việc giải tán Quốc hội lập hiến, việc dùng bạo lực để trưng thu lúa mì thừa, v. v.. Chúng ta đáp lại: trên thế giới chưa từng bao giờ có một nhà nước nào đã làm được nhiều như thế để xóa bỏ sự bất bình đẳng thật sự, sự thiếu tự do thật sự mà người nông dân cần lao đã phải chịu đựng hàng bao thế kỷ nay. Nhưng chúng ta sẽ không bao giờ thừa nhận bình đẳng với người nông dân đầu cơ, cũng như chúng ta không thừa nhận «bình đẳng» giữa kẻ bóc lột với người bị bóc lột, giữa kẻ no nê với người đói lả, «tự do» của kẻ đi bóc lột và kẻ no

nê đi cướp bóc người bị bóc lột và người đói lả. Và những người trí thức nào không muốn hiểu chỗ khác nhau ấy, thì chúng ta sẽ đối với họ cũng như đối với bọn bạch vệ, dù cho họ có tự xưng là dân chủ, là xã hội chủ nghĩa, là quốc tế chủ nghĩa, là phái Cau-xky, phái Tséc-nốp, phái Mác-tốp chăng nữa.

5

Chủ nghĩa xã hội là sự xóa bỏ giai cấp. Chuyên chính vô sản đã làm tất cả những điều có thể làm được để thực hiện công cuộc xóa bỏ ấy. Nhưng không thể nào ngay một lúc mà xóa bỏ được giai cấp.

Và các giai cấp *vẫn tồn tại* và *sẽ tồn tại* trong suốt thời đại chuyên chính vô sản. Chuyên chính sẽ trở nên vô ích, khi các giai cấp không còn nữa. Các giai cấp sẽ không bao giờ biến mất, nếu không có chuyên chính vô sản.

Trong thời đại chuyên chính vô sản, các giai cấp vẫn tồn tại, nhưng bộ mặt của *mỗi một* giai cấp đều có thay đổi; quan hệ qua lại giữa các giai cấp cũng có biến đổi. Cuộc đấu tranh giai cấp chưa chấm dứt dưới thời chuyên chính vô sản, nó chỉ diễn ra dưới những hình thức khác mà thôi.

Dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, giai cấp vô sản là một giai cấp bị áp bức, một giai cấp bị tước đoạt mất mọi quyền sở hữu tư liệu sản xuất, là giai cấp duy nhất trực tiếp và hoàn toàn đối lập với giai cấp tư sản và, do đó, là giai cấp duy nhất có khả năng làm cách mạng đến cùng. Sau khi đã lật đổ giai cấp tư sản và giành được chính quyền, giai cấp vô sản đã trở thành giai cấp *thống trị*: nó nắm chính quyền nhà nước, nó sử dụng những tư liệu sản xuất đã được xã hội hóa, nó lãnh đạo các phần tử và các giai cấp dao động, trung gian, nó đàn áp sự phản kháng ngày càng tăng của bọn bóc lột. Tất cả những cái đó là những nhiệm vụ *đặc biệt* của cuộc đấu tranh giai cấp, những nhiệm vụ mà trước kia giai cấp vô sản đã không đề ra được và không thể nào đề ra được.

Giai cấp của bọn bóc lột, tức là giai cấp của bọn địa chủ và tư bản, đã không biến mất và không thể nào biến mất ngay lập tức, dưới thời chuyên chính vô sản. Bọn bóc lột đã bị đánh bại nhưng chưa bị tiêu diệt. Chúng vẫn còn có một cơ sở quốc tế, tức là tư bản quốc tế, mà chúng là một chi nhánh. Chúng vẫn còn có một phần tư

14—3573

liệu sản xuất, vẫn còn có tiền, vẫn còn có những mối liên hệ xã hội rất rộng rãi. Chính vì chúng đã thất bại, nên sức phản kháng của chúng càng tăng lên, gấp trăm, gấp nghìn lần. «Nghệ thuật» quản lý nhà nước, quân đội, kinh tế tạo cho chúng một ưu thế rất và rất lớn, khiến cho tác dụng của chúng vô cùng to lớn hơn là số lượng của chúng trong toàn thể dân số. Cuộc đấu tranh giai cấp của bọn bóc lột đã bị lật đổ chống đội tiền phong đã chiến thắng của những người bị bóc lột, nghĩa là chống giai cấp vô sản, đã trở nên vô cùng ác liệt hơn. Và sẽ không thể nào khác thế được, nếu ta nói đến cách mạng, nếu ta không đem những ảo tưởng cải lương ra để thay thế khái niệm cách mạng đó (như tất cả những tay hảo hán trong Quốc tế II vẫn thường làm).

Sau hết, *ngay cả* dưới chế độ chuyên chính vô sản, nông dân, cũng như mọi giai cấp tiểu tư sản nói chung, vẫn giữ một địa vị đứng giữa, một địa vị trung gian: một mặt, họ là một số quần chúng lao động khá đông đảo (vô cùng đông đảo trong nước Nga lạc hậu) đoàn kết với nhau vì lợi ích chung của những người lao động là giải thoát khỏi bọn địa chủ và tư bản; một mặt khác, họ là những tiểu chủ riêng lẻ, tiểu tư hữu và tiểu thương. Địa vị kinh tế như thế tất nhiên sẽ làm cho họ dao động, ngả nghiêng giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản. Trong cuộc đấu tranh gay gắt giữa hai giai cấp vô sản và tư sản ấy, trong thời kỳ mà tất cả những quan hệ xã hội đã bị đảo lộn một cách cực kỳ nhanh chóng, trong tình trạng mà chính những người nông dân và những người tiểu tư sản, nói chung, vẫn còn có thói quen hết sức ăn sâu đối với những cái gì đã lâu đời, cổ cựu, bất di bất dịch, — thì tự nhiên là chúng ta tất phải thấy trong số những người đó, có những kẻ nhảy từ bên này sang bên kia, những kẻ dao động, đổi chiều chuyển hướng, lưỡng lự, v. v..

Đối với giai cấp ấy, — hay là đối với những thành phần xã hội ấy, — nhiệm vụ của giai cấp vô sản là lãnh đạo họ, là đấu tranh để gây ảnh hưởng đối với họ. Lôi cuốn những kẻ do dự, những kẻ bấp bênh, đó là điều giai cấp vô sản phải làm.

Nếu chúng ta so sánh chung tất cả các lực lượng hoặc giai cấp cơ bản và mối quan hệ qua lại giữa họ, — mối quan hệ mà nền chuyên chính vô sản đã làm biến đổi đi, — thì chúng ta sẽ thấy cái quan niệm tiểu tư sản thịnh hành, cho rằng người ta có thể «kinh qua con đường dân chủ» nói chung, mà tiến tới chủ nghĩa xã hội được, quan niệm mà chúng ta thấy ở tất cả các đại biểu của Quốc tế II, là phi lý biết bao về mặt lý luận, và ngu xuẩn biết chừng nào. Cơ sở của quan niệm

sai lầm đó là thiên kiến kế thừa của giai cấp tư sản cho rằng «dân chủ» bao hàm một nội dung tuyệt đối, phi giai cấp. Nhưng thực ra thì trong thời kỳ chuyên chính vô sản, ngay cả dân chủ cũng bước vào một giai đoạn hoàn toàn mới, và cuộc đấu tranh giai cấp tiến lên một trình độ cao hơn, chi phối hết tất cả mọi hình thức.

Những câu chung chung về tự do, bình đẳng, dân chủ, thực ra là lặp lại một cách mù quáng các khái niệm phản ánh những quan hệ sản xuất hàng hóa. Dùng những câu chung chung ấy để giải quyết những nhiệm vụ cụ thể của chuyên chính vô sản, có nghĩa là hoàn toàn chuyển sang theo lập trường lý luận, lập trường nguyên tắc của giai cấp tư sản. Theo quan điểm của giai cấp vô sản, thì vấn đề chỉ đặt ra như thế này: tự do thoát khỏi sự áp bức của giai cấp nào? bình đẳng của giai cấp nào với giai cấp nào? dân chủ trên cơ sở quyền tư hữu hay trên cơ sở cuộc đấu tranh để thủ tiêu quyền tư hữu? v. v..

Trong cuốn «Chống Đuy-rinh», Ăng-ghen đã vạch rõ từ lâu rằng khái niệm bình đẳng, tức là sự phản ánh của quan hệ sản xuất hàng hóa, sẽ biến thành thiên kiến, nếu người ta không hiểu bình đẳng theo nghĩa *xóa bỏ các giai cấp*. Cái chân lý sơ đẳng ấy về chỗ khác nhau giữa quan niệm dân chủ tư sản với quan niệm xã hội chủ nghĩa về bình đẳng thường bị nhãng quên, và nếu không quên điều đó, thì ta sẽ thấy hiển nhiên rằng giai cấp vô sản, khi lật đổ được giai cấp tư sản, là đã bước được một bước hết sức quyết định trên con đường đi tới xóa bỏ giai cấp; rằng muốn hoàn thành sự nghiệp ấy, giai cấp vô sản cần phải tiếp tục cuộc đấu tranh giai cấp của mình, sử dụng bộ máy chính quyền nhà nước, và áp dụng những phương sách khác nhau để đấu tranh, ảnh hưởng, tác động đến giai cấp tư sản bị lật đổ và giai cấp tiểu tư sản dao động ngả nghiêng.

(Còn nữa *)

30. X. 1919

Toàn tập, t. 39

---

* Bài này đã không được viết xong. *BT*.

TRÍCH:
BỆNH ẤU TRĨ «TẢ KHUYNH» TRONG PHONG TRÀO CỘNG SẢN

Một trong những điều kiện căn bản đã làm cho những người bôn-sê-vích thành công

Chắc chắn là ngày nay, hầu hết mọi người đều thấy rằng những người bôn-sê-vích sẽ không giữ vững được chính quyền, tôi không nói được tới hai năm rưỡi, mà ngay cả đến hai tháng rưỡi cũng không được nữa, nếu đảng ta không có kỷ luật hết sức nghiêm minh, kỷ luật sắt thật sự, không được sự ủng hộ đầy đủ nhất và hết lòng của quảng đại quần chúng giai cấp công nhân, tức là của tất cả những người nào trong giai cấp ấy biết suy nghĩ, trung thực, tận tụy đến mức hy sinh quên mình, có uy tín, có khả năng dẫn dắt theo mình hoặc lôi cuốn được những tầng lớp chậm tiến.

Chuyên chính vô sản là cuộc chiến đấu anh dũng nhất và quyết liệt nhất của giai cấp mới chống kẻ thù *mạnh hơn*, chống giai cấp tư sản, giai cấp mà sức phản kháng của nó tăng lên *gấp bội* vì bị lật đổ (dầu mới chỉ là trong một nước), và thế lực của nó không phải chỉ ở sức mạnh của tư bản quốc tế, ở những mối liên hệ quốc tế mạnh mẽ và vững chắc của giai cấp tư sản, mà còn ở *sức mạnh của tập quán*, ở sức mạnh của *nền tiểu sản xuất*. Vì đáng tiếc là hiện nay, trên thế giới, nền tiểu sản xuất đang còn chiếm phần rất, rất lớn, mà nền tiểu sản xuất thì từng ngày, từng giờ, luôn luôn *đẻ ra* chủ nghĩa tư bản và giai cấp tư sản một cách tự phát và trên những quy mô rộng lớn. Vì tất cả những lẽ đó, nên cần phải có chuyên chính vô sản; và không thể nào chiến thắng được giai cấp tư sản nếu không có một cuộc chiến đấu lâu dài, kiên trì, quyết liệt, nếu không có một cuộc chiến đấu sống mái đòi hỏi phải có tính kiên định, kỷ luật quyết tâm, một ý chí thống nhất và không gì lay chuyển nổi.

Tôi xin nhắc lại là kinh nghiệm của chuyên chính vô sản thắng lợi ở Nga đã chỉ rõ cho những ai không biết suy nghĩ hay chưa có dịp

ngẫm nghĩ về vấn đề này, thấy rằng chế độ tập trung tuyệt đối và kỷ luật hết sức nghiêm minh của giai cấp vô sản là một trong những điều kiện căn bản để chiến thắng giai cấp tư sản.

Người ta thường nhắc đến điểm ấy. Nhưng người ta lại rất ít khi tự hỏi như thế nghĩa là thế nào, trong điều kiện nào thì có thể được như thế? Khi ca ngợi Chính quyền xô-viết và những người bôn-sê-vích thì đồng thời há lại không nên *thường xuyên hơn chút nữa phân tích một cách rất xác đáng xem những nguyên nhân nào* đã làm cho những người bôn-sê-vích có thể tạo ra được cái kỷ luật cần thiết cho giai cấp vô sản cách mạng?

Từ năm 1903, chủ nghĩa bôn-sê-vích đã tồn tại thành một trào lưu tư tưởng chính trị và một chính đảng rồi. Chỉ có lịch sử của chủ nghĩa bôn-sê-vích, trong *suốt cả* thời gian tồn tại của nó, mới có thể giải thích một cách thỏa đáng vì sao trong những điều kiện khó khăn nhất, chủ nghĩa bôn-sê-vích đã có thể xây dựng và duy trì được cái kỷ luật sắt cần thiết cho chiến thắng của giai cấp vô sản.

Và trước hết, vấn đề đặt ra là: cái gì làm cho kỷ luật của đảng cách mạng của giai cấp vô sản được vững chắc? cái gì kiểm tra kỷ luật ấy? cái gì đã làm chỗ dựa cho nó? Thứ nhất, đó là sự giác ngộ của đội tiên phong của giai cấp vô sản và lòng trung thành của nó đối với cách mạng, tính kiên cường, tinh thần hy sinh và chí khí anh dũng của nó. Thứ hai là khả năng của nó biết liên hệ, gần gũi và có thể nói là hòa mình tới một mức độ nào đó với quần chúng lao động rộng rãi nhất, trước hết là với quần chúng vô sản, *nhưng cũng cả với* quần chúng lao động *không phải là vô sản*. Thứ ba là sự lãnh đạo chính trị đúng đắn mà đội tiên phong ấy đã thực hiện, chiến lược và sách lược chính trị đúng đắn của nó, nhưng điều cần thiết là quảng đại quần chúng, *do kinh nghiệm bản thân*, tin tưởng vững chắc vào sự đúng đắn ấy. Thiếu những điều kiện đó thì không thể thực hiện được kỷ luật trong một đảng cách mạng, thật sự có khả năng là đảng của giai cấp tiên phong, giai cấp có sứ mệnh đánh đổ giai cấp tư sản và cải tạo toàn thể xã hội. Thiếu những điều kiện đó thì mọi ý đồ thiết lập ra kỷ luật ấy không khỏi biến thành những câu nói suông, những lời trống rỗng, những điều gian dối giả tạo. Nhưng mặt khác, những điều kiện nói trên không thể xuất hiện ngay tức khắc được. Chỉ có trải qua một công tác lâu dài, một kinh nghiệm gian khổ, mới tạo ra được những điều kiện ấy; nhờ có một lý luận cách mạng đúng đắn, không phải là giáo điều và chỉ hình thành hẳn được do có sự liên hệ chặt chẽ với thực tiễn của

một phong trào thật sự quần chúng và thật sự cách mạng, thì việc tạo ra được những điều kiện đó mới được thuận lợi.

Nếu từ 1917 đến 1920, trong những điều kiện khó khăn không thể tưởng tượng được, mà chủ nghĩa bôn-sê-vích đã có thể xây dựng và thực hiện thành công một chế độ tập trung hết sức chặt chẽ và một kỷ luật sắt thì đó chỉ là do nước Nga đã có một loạt đặc điểm lịch sử.

Một mặt, chủ nghĩa bôn-sê-vích đã phát sinh năm 1903 trên một cơ sở vững chắc nhất, là lý luận mác-xít. Và tính chất đúng đắn của lý luận cách mạng ấy — và chỉ của lý luận ấy thôi — đã được chứng minh không những bởi kinh nghiệm thế giới trong suốt thế kỷ XIX mà còn và nhất là bởi kinh nghiệm của những sự ngả nghiêng và do dự, những sai lầm và thất vọng của tư tưởng cách mạng ở Nga. Trong gần nửa thế kỷ, vào khoảng từ những năm 40 đến những năm 90, ở Nga, dưới ách thống trị dã man và phản động chưa từng thấy của chế độ Nga hoàng, tư tưởng tiên phong đã khao khát đi tìm một lý luận cách mạng đúng đắn, bằng cách theo dõi với một tinh thần hăng hái và với một sự chú tâm lạ thường, từng «thành tựu mới nhất» của châu Âu và châu Mỹ về vấn đề này. Thật ra, để quán triệt được chủ nghĩa Mác, lý luận cách mạng duy nhất đúng, nước Nga đã phải *trải qua* một nửa thế kỷ đầy những sự thống khổ và hy sinh ghê gớm, đầy tinh thần dũng cảm cách mạng vô song, đầy những nghị lực chưa từng có, đầy sự hy sinh quên mình trong việc tìm tòi và học tập, đầy những kinh nghiệm thực tiễn, những thất vọng, đầy những việc kiểm tra, đối chiếu với kinh nghiệm châu Âu. Vì chế độ Nga hoàng buộc những người cách mạng phải chạy ra nước ngoài, nên trong nửa cuối thế kỷ XIX, nước Nga cách mạng có rất nhiều mối liên hệ quốc tế, hiểu biết được rất nhiều về những hình thức và lý luận của phong trào cách mạng toàn thế giới, hơn bất kỳ một nước nào khác.

Mặt khác, phát sinh trên một cơ sở lý luận vững như đá hoa cương ấy, chủ nghĩa bôn-sê-vích đã có một lịch sử thực tiễn mười lăm năm (1903 - 1917), một lịch sử mà về mặt kinh nghiệm phong phú thì trên thế giới, chưa có đâu sánh kịp. Trong mười lăm năm ấy, không một nước nào khác đã trải qua, dẫu chỉ gần được như thế thôi, một cuộc sống mãnh liệt như thế về phương diện kinh nghiệm cách mạng, về tốc độ và tính muôn màu muôn vẻ của sự chuyển tiếp giữa các hình thức khác nhau của phong trào, hợp pháp hay bất hợp pháp, hòa bình hay bão táp, bí mật hay công khai, có tính chất từng nhóm nhỏ hay có tính chất quần chúng, có tính chất nghị trường hay có tính chất khủng

bổ. Không một nước nào khác, trong một thời gian ngắn ngủi như thế, mà lại tập trung được nhiều hình thức, màu sắc, phương pháp phong phú như vậy trong cuộc đấu tranh của *tất cả* các giai cấp của xã hội đương thời, một cuộc đấu tranh, do tình trạng lạc hậu của nước Nga, và ách thống trị nặng nề của chế độ Nga hoàng, đã chín muồi đặc biệt nhanh chóng và tiếp thu một cách khao khát và có hiệu quả những «thành tựu mới nhất», phù hợp với nó, về kinh nghiệm chính trị của châu Mỹ và châu Âu.

Viết vào tháng Tư - tháng Năm 1920 — Toàn tập, t. 41

NHIỆM VỤ CỦA ĐOÀN THANH NIÊN

(Diễn văn tại Đại hội III của Đoàn thanh niên cộng sản Nga, ngày 2 tháng Mười 1920)

(L ê - n i n đ ư ợ c đ ạ i h ộ i h o a n h ô n h i ệ t l i ệ t.) Các đồng chí, hôm nay, tôi muốn nói với các đồng chí về vấn đề những nhiệm vụ cơ bản của Đoàn thanh niên cộng sản là như thế nào và nhân đó, về vấn đề các tổ chức thanh niên nói chung, trong nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa, cần phải là những tổ chức như thế nào.

Càng cần nói nhiều đến vấn đề này, vì theo một ý nghĩa nào đó, có thể nói rằng nhiệm vụ thật sự xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa trước mắt chính là của thanh niên. Vì rõ ràng là thế hệ những người lao động được đào tạo trong xã hội tư bản chủ nghĩa thì giỏi lắm chỉ có thể phá được nền móng của chế độ tư bản chủ nghĩa cũ dựa trên sự bóc lột, mà thôi. Giỏi lắm thì họ cũng chỉ giải quyết được những vấn đề kiến lập một kết cấu xã hội có khả năng giúp cho giai cấp vô sản và các giai cấp cần lao giữ lấy chính quyền trong tay, và đặt những nền móng vững chắc, trên đó chỉ có thế hệ khởi công trong những điều kiện mới, trong một hoàn cảnh không còn quan hệ người bóc lột người nữa thì mới có thể xây dựng được.

Cho nên, khi đề cập đến vấn đề những nhiệm vụ của thanh niên theo quan điểm đó, tôi cần phải nói rằng những nhiệm vụ đó của thanh niên nói chung, và của Đoàn thanh niên cộng sản và các tổ chức khác nói riêng, có thể diễn đạt bằng một từ: nhiệm vụ là học.

Dĩ nhiên, đây chỉ là «một từ» thôi. Nó chưa giải đáp được những vấn đề chính và cơ bản nhất, là: học cái gì và học như thế nào? Nhưng ở đây, toàn bộ vấn đề là ở chỗ cùng với việc cải tạo xã hội tư bản chủ nghĩa cũ, việc học tập, rèn luyện và giáo dục của những thế hệ mới, những thế hệ sẽ xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa, không thể y nguyên như trước được. Việc học tập, rèn luyện và giáo dục của thanh niên phải xuất phát từ những vật liệu mà xã hội cũ để lại cho chúng ta. Chúng ta chỉ có thể xây dựng chủ nghĩa cộng sản từ cái tổng số kiến thức, tổ chức và thiết chế, từ cái nhân lực và vật lực mà xã hội cũ đã để lại

cho chúng ta. Chỉ có cải tổ triệt để việc học tập, tổ chức và rèn luyện của thanh niên thì chúng ta mới có thể làm cho những cố gắng của thế hệ trẻ đạt được kết quả là sáng tạo ra một xã hội không giống xã hội cũ, nghĩa là sáng tạo ra xã hội cộng sản chủ nghĩa. Cho nên, chúng ta phải nghiên cứu kỹ xem chúng ta phải dạy những gì và thanh niên phải học như thế nào nếu họ thật sự muốn tỏ ra xứng đáng với danh hiệu là thanh niên cộng sản chủ nghĩa, và chúng ta phải chuẩn bị cho thanh niên như thế nào để cho họ biết hoàn thành và hoàn thành tốt sự nghiệp mà chúng ta đã bắt đầu.

Tôi phải nói rằng lời giải đáp đầu tiên, hình như vậy, và cũng có vẻ tự nhiên nhất, là Đoàn thanh niên và nói chung tất cả thanh niên, muốn đi tới chủ nghĩa cộng sản, thì đều phải học chủ nghĩa cộng sản.

Nhưng một câu trả lời «học chủ nghĩa cộng sản» như thế thì chung chung quá. Vậy chúng ta cần những gì để học chủ nghĩa cộng sản? Chúng ta phải rút ra được những gì trong tổng số kiến thức chung để thâu thái được những kiến thức về chủ nghĩa cộng sản? Ở đây, có hàng loạt nguy cơ đang đe dọa chúng ta, những nguy cơ đó xuất hiện liền sau khi mà nhiệm vụ học chủ nghĩa cộng sản được đặt ra không đúng hay được hiểu một cách quá phiến diện.

Điều tự nhiên là thoạt tiên, chúng ta nghĩ ngay rằng học chủ nghĩa cộng sản nghĩa là thâu thái lấy tổng số kiến thức đã trình bày trong các sách giáo khoa, các tập sách nhỏ và các trước tác viết về chủ nghĩa cộng sản. Những định nghĩa như thế về việc nghiên cứu chủ nghĩa cộng sản có lẽ là quá thô sơ và thiếu sót. Nếu học chủ nghĩa cộng sản chỉ là thâu thái những cái đã trình bày trong các tác phẩm, các sách nói về chủ nghĩa cộng sản thì chúng ta rất dễ tạo ra những người cộng sản mọt sách hay những kẻ khoác lác và như thế thì luôn luôn gây nguy hại và tổn thất cho chúng ta, vì những người đó, sau khi đã học và đọc những cái đã trình bày trong các sách viết về chủ nghĩa cộng sản, sẽ không có khả năng kết hợp được tất cả những kiến thức đó lại và sẽ không có khả năng hành động theo đúng yêu cầu thực sự của chủ nghĩa cộng sản.

Một trong những tai họa và tệ nạn lớn nhất mà xã hội tư bản chủ nghĩa cũ đã để lại cho chúng ta, đó là sự tách rời hoàn toàn giữa sách vở và cuộc sống thực tế, vì chúng ta đã có những quyển sách trong đó mọi cái đều được miêu tả một cách đẹp đẽ nhất đời, nhưng phần nhiều những sách này chỉ là sự dối trá giả nhân giả nghĩa ghê tởm nhất, đem lại cho chúng ta một hình ảnh giả dối về xã hội tư bản chủ nghĩa.

Cho nên, nếu chỉ thấm nhuần một cách thuần túy sách vở những điều đã viết trong các sách nói về chủ nghĩa cộng sản thì thật là hết sức không đúng. Ngày nay, những diễn văn, những bài báo của chúng ta không lặp lại một cách đơn giản những cái trước đây người ta đã nói về chủ nghĩa cộng sản, vì rằng những diễn văn, những bài báo của chúng ta đều gắn liền với công tác hàng ngày và toàn diện. Không có công tác đó, không có đấu tranh thì kiến thức sách vở về chủ nghĩa cộng sản lượm lặt được trong các tác phẩm viết về chủ nghĩa cộng sản sẽ không có một chút giá trị nào cả, vì rằng kiến thức đó cũng chỉ là tiếp tục tình trạng tách rời trước kia giữa lý luận và thực tiễn, tình trạng tách rời đó là đặc trưng ghê tởm nhất của xã hội tư sản cũ.

Nguy cơ sẽ còn lớn hơn nữa, nếu chúng ta chỉ thấm nhuần những khẩu hiệu cộng sản không thôi. Nếu chúng ta không kịp thời hiểu mối nguy cơ đó và nếu chúng ta không hướng toàn bộ công tác của chúng ta nhằm trừ bỏ nguy cơ đó đi thì sự tồn tại của nửa triệu hay một triệu nam nữ thanh niên, sau khi được học chủ nghĩa cộng sản theo lề lối trên, rồi tự xưng là những người cộng sản, sẽ chỉ đưa đến một tổn thất lớn cho sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản thôi.

Do đó, vấn đề đặt ra cho chúng ta là: phải làm thế nào mà kết hợp được tất cả những điều trên đây để học chủ nghĩa cộng sản? Chúng ta phải lấy của nhà trường cũ, của khoa học cũ những gì? Nhà trường cũ tuyên bố rằng nó muốn đào tạo ra con người có tri thức toàn diện, rằng nó dạy khoa học nói chung. Chúng ta biết rằng đó là điều hoàn toàn dối trá, vì toàn thể xã hội trước đây đã được xây dựng và dựa trên sự phân chia loài người thành giai cấp, thành người bóc lột và người bị bóc lột. Lẽ tự nhiên là tất cả những nhà trường cũ, đầy dẫy tinh thần giai cấp, chỉ mang lại kiến thức cho con cái của giai cấp tư sản thôi. Mỗi lời nói của những nhà trường ấy, vì lợi ích của giai cấp tư sản, đều là dối trá. Trong các trường học đó, thế hệ trẻ của công nhân và nông dân không được giáo dục bao nhiêu, mà chủ yếu bị tập luyện nhằm phục vụ lợi ích của giai cấp tư sản. Người ta giáo dục thế hệ đó nhằm mục đích đào tạo cho giai cấp tư sản những tôi tớ được việc, có thể đem lại cho bọn chúng nhiều lợi nhuận mà vẫn không quấy rầy đến cảnh yên ổn và thói ăn không ngồi rồi của chúng. Cho nên, trong khi bài trừ nhà trường cũ, chúng ta tự đặt cho mình nhiệm vụ là chỉ lấy ở nhà trường cũ cái gì cần thiết cho chúng ta để đạt được một nền giáo dục cộng sản chủ nghĩa chân chính.

Ở đây, tôi nói đến những lời chỉ trích, những lời buộc tội nhà trường cũ, những lời mà người ta luôn luôn nói ra và thường thường đã đưa đến những sự giải thích hoàn toàn sai lầm. Người ta nói rằng nhà trường cũ là học như vẹt, học nhồi sọ, học gạo. Cái đó đúng, nhưng phải biết phân biệt rõ nhà trường cũ có chỗ nào xấu và chỗ nào có lợi cho ta; phải biết rút ra ở đó cái gì cần thiết cho chủ nghĩa cộng sản.

Nhà trường cũ là một nhà trường dạy theo lối sách vở, nó bắt buộc người ta phải thấm nhuần một đống kiến thức vô ích, thừa và không sinh động, làm cho đầu óc con người mụ đi và biến thế hệ trẻ thành những viên quan lại đúc cùng một khuôn. Nhưng, nếu do đó mà các đồng chí lại kết luận rằng người ta có thể trở thành người cộng sản mà không cần thấm nhuần những kiến thức do loài người đã tích lũy được, thì các đồng chí phạm một sai lầm nghiêm trọng. Các đồng chí sẽ mắc sai lầm khi nghĩ rằng chỉ cần thấm nhuần những khẩu hiệu cộng sản, những kết luận của khoa học cộng sản, chứ không cần phải thấm nhuần tổng số những kiến thức mà chính bản thân chủ nghĩa cộng sản cũng là kết quả. Chủ nghĩa Mác là một thí dụ chỉ rõ rằng chủ nghĩa cộng sản đã phát sinh như thế nào từ tổng số kiến thức của nhân loại.

Các đồng chí đã đọc và đã nghe nói rằng lý luận cộng sản, khoa học cộng sản, — chủ yếu là do Mác sáng lập ra, — rằng học thuyết mác-xít đó đã không còn là sự nghiệp của một người xã hội chủ nghĩa duy nhất, dù là có thiên tài, của thế kỷ XIX nữa, rằng học thuyết đó nay đã trở thành học thuyết của hàng triệu và hàng chục triệu vô sản trên toàn thế giới, họ đã vận dụng học thuyết đó trong cuộc đấu tranh của họ chống chủ nghĩa tư bản. Và nếu các đồng chí đặt câu hỏi sau đây: tại sao học thuyết của Mác đã có thể chiếm được hàng triệu và hàng chục triệu trái tim trong giai cấp cách mạng nhất thì các đồng chí sẽ chỉ được nghe một câu trả lời duy nhất: sở dĩ như thế, là vì Mác đã dựa vào nền móng vững chắc của những kiến thức mà loài người đã thu được dưới chủ nghĩa tư bản; sau khi nghiên cứu quy luật phát triển của xã hội loài người, Mác hiểu rằng chủ nghĩa tư bản phát triển tất nhiên sẽ đưa đến chủ nghĩa cộng sản và chủ yếu là Mác chứng minh điều đó, chỉ dựa vào việc nghiên cứu xã hội tư bản một cách chính xác nhất, tỉ mỉ nhất, sâu sắc nhất, do đã hoàn toàn lĩnh hội được toàn bộ những cái mà khoa học trước đây đã cung cấp. Tất cả những cái mà xã hội loài người đã sáng tạo ra, Mác đã nghiền ngẫm lại với óc phê phán, không hề bỏ sót một điểm nào. Tất cả những cái mà tư tưởng loài

người đã sáng tạo ra, Mác đã nghiền ngẫm lại, đã phê phán, đã kiểm tra lại căn cứ vào phong trào công nhân và đã nêu ra những kết luận mà những kẻ bị giam hãm trong những giới hạn chật hẹp của khuôn khổ tư sản hay bị những thành kiến tư sản trói buộc, không thể nào nêu ra được.

Không nên quên điều đó, khi chúng ta nói, chẳng hạn, đến vấn đề văn hóa vô sản. Không hiểu rõ rằng chỉ có kiến thức chính xác về nền văn hóa được toàn bộ quá trình phát triển của loài người tạo ra, chỉ có cải tạo nền văn hóa đó mới có thể xây dựng được nền văn hóa vô sản — nếu không hiểu được như vậy thì chúng ta sẽ không thể giải quyết được vấn đề ấy. Nền văn hóa vô sản không phải tự nhiên mà có, không phải do những người tự xưng là chuyên gia về văn hóa vô sản phát minh ra. Tất cả cái đó là điều nhảm nhí hoàn toàn. Nền văn hóa vô sản phải là sự phát triển có tính quy luật của cái kho những kiến thức mà loài người đã tích lũy được dưới ách thống trị của xã hội tư bản chủ nghĩa, của xã hội bọn địa chủ, của xã hội bọn quan liêu. Tất cả những con đường đó, lớn và nhỏ, đã, đang và sẽ dẫn tới nền văn hóa vô sản, cũng hệt như chính trị kinh tế học, do Mác nghiền ngẫm lại, đã chỉ cho ta thấy xã hội loài người phải đi đến đâu, thấy con đường tiến lên đấu tranh giai cấp, tiến lên bước đầu của cuộc cách mạng vô sản.

Khi chúng ta nghe thấy những đại biểu thanh niên và một số người bênh vực nền giáo dục mới thường đả kích nhà trường cũ, cho rằng nhà trường cũ là nhà trường nhồi sọ, thì chúng ta phải bảo họ rằng chúng ta phải lấy của nhà trường cũ những cái hay của nó. Chúng ta không nên bắt chước nhà trường cũ là nhồi nhét đầy trí nhớ của thanh niên quá nhiều kiến thức mà chín phần mười là vô ích và một phần mười còn lại là sai lệch, nhưng như thế không có nghĩa là chúng ta chỉ bo bo vào những kết luận cộng sản chủ nghĩa và chỉ học thuộc lòng những khẩu hiệu cộng sản chủ nghĩa. Không xây dựng chủ nghĩa cộng sản theo kiểu đó được. Người ta chỉ có thể trở thành người cộng sản sau khi đã làm giàu trí nhớ của mình bằng toàn bộ cái kho tàng tri thức mà nhân loại đã tạo ra.

Chúng ta không cần lối học gạo mà chúng ta cần phát triển và hoàn thiện trí nhớ của mỗi học sinh bằng cách làm cho họ hiểu biết những sự việc cơ bản, vì chủ nghĩa cộng sản sẽ trở thành một từ trống rỗng, sẽ chỉ là một cái chiêu bài vô nghĩa, người cộng sản sẽ chỉ là một anh khoác lác tầm thường, nếu như tất cả các kiến thức đã thâu thái không được tiêu hóa trong ý thức của anh ta. Những kiến thức đó, các đồng

chí không nên chỉ hấp thu một cách giản đơn; mà phải hấp thu sao cho có phê phán, sao cho trí óc các đồng chí không phải chất đầy một mớ giẻ rách vô ích, nhưng là để làm giàu trí óc bằng sự am hiểu mọi sự việc, mà không có sự am hiểu đó thì không thể trở thành một người hiện đại có học thức được. Người cộng sản nào cậy mình hiểu biết chủ nghĩa cộng sản vì đã học thuộc lòng những câu kết luận sẵn có của chủ nghĩa cộng sản, không hề làm một công tác lớn rất quan trọng và rất khó khăn, không hề tìm tòi để thấy rõ những sự việc anh ta cần xem xét với tinh thần phê phán, một người cộng sản như vậy thì thật là một người tồi. Một thái độ hời hợt như thế quả là có hại. Nếu tôi biết rằng tôi hiểu biết ít, tôi sẽ tìm mọi cách để hiểu biết nhiều hơn nữa, nhưng nếu một người đã nói rằng mình là cộng sản, rồi cho rằng mình không cần phải biết điều gì cơ bản nữa thì sẽ không bao giờ anh ta có một hành động giống người cộng sản cả.

Nhà trường cũ đào tạo những tôi tớ cần thiết cho bọn tư bản; nhà trường cũ biến những nhà khoa học thành những người bắt buộc phải viết và phải nói theo ý muốn của bọn tư bản. Cho nên chúng ta phải vứt bỏ nhà trường cũ. Nhưng nếu chúng ta phải vứt bỏ nó, nếu chúng ta phải phá hủy nó thì như thế có phải là chúng ta không cần rút ra ở nhà trường cũ tất cả những cái gì cần thiết mà loài người đã tích lũy được cho con người hay không? Có phải là chúng ta không cần phân biệt những cái cần thiết cho chủ nghĩa tư bản với những cái cần thiết cho chủ nghĩa cộng sản hay không?

Để thay thế lối nhồi sọ cũ được thi hành trong xã hội tư bản chủ nghĩa trái với ý chí của đa số, chúng ta đưa ra kỷ luật tự giác của công nhân và nông dân, là những người kết hợp lòng căm thù xã hội cũ với sự quyết tâm, bản lĩnh và ý chí sẵn sàng đoàn kết và tổ chức lực lượng của mình để đấu tranh, sao cho với ý chí của hàng triệu, hàng chục triệu người sống lẻ loi, rời rạc, phân tán trên khắp đất nước mênh mông, phải rèn luyện được một ý chí duy nhất, vì không có ý chí duy nhất đó thì chắc chắn là chúng ta sẽ bị đánh bại. Không có sự cố kết đó, không có kỷ luật tự giác đó của công nhân và nông dân thì sự nghiệp của chúng ta sẽ không có hy vọng gì. Không có những cái đó, chúng ta không thể thắng được bọn tư bản và bọn địa chủ trên toàn thế giới. Chúng ta cũng sẽ không thể làm được ngay cả việc củng cố các nền móng nữa, huống hồ là xây dựng trên những nền móng đó một xã hội mới, cộng sản chủ nghĩa. Trong khi phủ nhận nhà trường cũ, căm phẫn nhà trường cũ một cách hoàn toàn chính đáng

và cần thiết, coi trọng ý chí sẵn sàng phá hủy nhà trường cũ, chúng ta phải hiểu rằng cần thay thế lối học tập cũ, lối rèn luyện cũ, lối nhồi sọ cũ bằng nghệ thuật biến toàn bộ tổng số kiến thức của nhân loại thành những kiến thức của chính ta và hấp thu những kiến thức ấy sao cho chủ nghĩa cộng sản, ở trong các đồng chí, không còn là những điều học thuộc lòng, mà là những điều do chính các đồng chí đã nghiền ngẫm lại, là những kết luận tất nhiên được rút ra theo quan điểm giáo dục hiện đại.

Đó là cách đặt những nhiệm vụ cơ bản, khi chúng ta bàn về vấn đề: học chủ nghĩa cộng sản.

Để giải thích cho các đồng chí rõ điểm đó, đồng thời để cập đến vấn đề phải học tập như thế nào, tôi xin lấy một thí dụ thực tiễn. Tất cả các đồng chí đều biết rằng sau nhiệm vụ quân sự, nhiệm vụ bảo vệ nước cộng hòa, thì nhiệm vụ được đặt ra cho chúng ta là nhiệm vụ kinh tế. Chúng ta biết rằng không thể xây dựng xã hội cộng sản nếu không khôi phục công nghiệp và nông nghiệp, nhưng không phải là khôi phục theo kiểu cũ. Phải khôi phục công nghiệp và nông nghiệp trên một cơ sở hiện đại, phù hợp với những thành tựu khoa học mới nhất. Các đồng chí đều biết rằng cơ sở đó là điện lực, rằng chỉ khi nào ở khắp nước, tất cả các ngành công nghiệp và nông nghiệp đã được điện khí hóa, chỉ khi nào các đồng chí hoàn thành được nhiệm vụ đó, thì khi ấy các đồng chí mới có thể xây dựng cho bản thân mình xã hội cộng sản, là xã hội mà thế hệ trước không thể xây dựng nổi. Nhiệm vụ đặt ra cho các đồng chí là kiến thiết lại nền kinh tế cả nước, tổ chức lại và khôi phục nông nghiệp và công nghiệp trên một cơ sở kỹ thuật hiện đại, dựa trên khoa học hiện đại, trên kỹ thuật và trên điện lực. Các đồng chí hoàn toàn hiểu rằng những người mù chữ thì không làm điện khí hóa được và một trình độ đọc thông viết thạo thông thường thì cũng không đủ để làm việc đó. Ở đây, chỉ biết điện lực là gì thì chưa đủ: phải biết áp dụng như thế nào, về mặt kỹ thuật, điện lực vào công nghiệp và nông nghiệp và vào những ngành khác nhau của công nghiệp và nông nghiệp. Phải tự học, phải huấn luyện cho tất cả thế hệ những người lao động đang lớn lên. Đó là nhiệm vụ của mọi người cộng sản giác ngộ, của mọi thanh niên tự cho mình là người cộng sản và hoàn toàn hiểu rõ rằng khi gia nhập Đoàn thanh niên cộng sản, mình đã nguyện giúp đảng xây dựng chủ nghĩa cộng sản và giúp tất cả thế hệ trẻ sáng tạo ra xã hội cộng sản. Họ phải hiểu rằng điều đó chỉ có thể thực hiện được trên cơ sở một nền giáo dục hiện đại,

và nếu họ không có nền giáo dục đó thì chủ nghĩa cộng sản vẫn chỉ là một nguyện vọng mà thôi.

Nhiệm vụ của thế hệ trước là lật đổ giai cấp tư sản. Nhiệm vụ chủ yếu trước kia là phê phán giai cấp tư sản, phát triển trong quần chúng lòng căm thù giai cấp tư sản, nâng cao ý thức giai cấp, biết tập hợp các lực lượng của mình lại. Thế hệ mới có một nhiệm vụ phức tạp hơn. Nhiệm vụ của các đồng chí không phải chỉ là tập hợp tất cả mọi lực lượng của mình để ủng hộ chính quyền công nông chống sự xâm lược của bọn tư bản. Điều đó các đồng chí phải làm. Các đồng chí đã hiểu rõ điều đó và mọi người cộng sản đều thừa hiểu điều đó. Nhưng như thế chưa đủ. Các đồng chí phải xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa. Trên nhiều lĩnh vực, phần đầu của công việc đã làm xong. Cái cũ đã bị phá hủy theo đúng như nó đáng bị phá hủy, nó đã biến thành đống điêu tàn theo đúng như nó cần phải được biến thành đống điêu tàn. Mảnh đất đã được dọn quang và chính trên mảnh đất đó, thế hệ thanh niên cộng sản chủ nghĩa phải xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa. Xây dựng, đó là nhiệm vụ của các đồng chí và các đồng chí sẽ chỉ có thể làm tròn nhiệm vụ đó khi các đồng chí nắm được tất cả những kiến thức hiện đại, khi các đồng chí biết biến chủ nghĩa cộng sản từ những công thức, những ý kiến, phương pháp, chỉ thị, cương lĩnh có sẵn và học thuộc lòng thành cái thực tế sinh động là cái kết hợp với công tác trực tiếp của các đồng chí; khi các đồng chí biết lấy chủ nghĩa cộng sản làm kim chỉ nam cho công tác thực tiễn của mình.

Đó là nhiệm vụ của các đồng chí, nhiệm vụ mà các đồng chí phải chấp hành trong công tác giáo dục, rèn luyện, bồi dưỡng tất cả thế hệ trẻ. Tất cả nam nữ thanh niên đều phải là những người xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa mà các đồng chí là những người đầu tiên trong số hàng triệu người xây dựng đó. Nếu các đồng chí không lôi cuốn được toàn thể quần chúng thanh niên công nông vào sự nghiệp xây dựng đó thì các đồng chí sẽ không thể xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa được.

Dĩ nhiên là bây giờ tôi nói đến vấn đề chúng ta phải giáo dục chủ nghĩa cộng sản như thế nào và đặc điểm của phương pháp của chúng ta phải như thế nào.

Trước hết, ở đây tôi nói đến vấn đề luân lý cộng sản chủ nghĩa.

Các đồng chí phải tự rèn luyện mình thành những người cộng sản. Nhiệm vụ của Đoàn thanh niên là phải tổ chức hoạt động thực tiễn

của mình sao cho khi học tập, khi tổ chức nhau lại, khi tập hợp nhau lại, khi đấu tranh, tầng lớp thanh niên ấy tự rèn luyện mình và tất cả những ai coi mình là lãnh tụ, thành những người cộng sản. Phải làm cho toàn bộ sự nghiệp rèn luyện, giáo dục và học tập của thanh niên hiện nay thành việc giáo dục luân lý cộng sản chủ nghĩa trong thanh niên.

Nhưng có luân lý cộng sản chủ nghĩa hay không? Có đạo đức cộng sản chủ nghĩa hay không? Tất nhiên là có. Người ta thường nói là chúng ta không có luân lý của chúng ta và giai cấp tư sản thường buộc tội chúng ta, những người cộng sản, là bác bỏ mọi luân lý. Đó là thủ đoạn làm rối loạn ý niệm, ném cát vào mắt công nhân và nông dân.

Chúng ta bác bỏ luân lý, bác bỏ đạo đức theo ý nghĩa nào?

Theo ý nghĩa mà giai cấp tư sản đã tuyên truyền, nó cho rằng đạo đức là do giới luật của Thượng đế mà ra. Về điểm này, dĩ nhiên là chúng ta nói rằng chúng ta không tin Thượng đế và chúng ta biết rất rõ là bọn thầy tu, bọn địa chủ và giai cấp tư sản chỉ viện danh nghĩa Thượng đế để thực hiện quyền lợi bóc lột của chúng. Hoặc giả, không nói rằng luân lý đó là do quy tắc của đạo đức, do giới luật của Thượng đế mà ra thì chúng lại giải thích luân lý bằng những câu duy tâm hay nửa duy tâm, những câu này rút cục lại bao giờ cũng rất giống với những giới luật của Thượng đế.

Toàn bộ đạo đức này, xuất phát từ những quan niệm ở ngoài nhân loại, ở ngoài các giai cấp, chúng ta đều bác bỏ. Chúng ta nói rằng đấy chỉ là lừa bịp, dối trá, nhồi sọ công nhân và nông dân để mưu lợi ích riêng cho bọn địa chủ và bọn tư bản.

Chúng ta nói rằng đạo đức của chúng ta hoàn toàn phụ thuộc vào lợi ích của cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản. Đạo đức của chúng ta là từ những lợi ích của cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản mà ra.

Xã hội cũ đã được xây dựng trên sự áp bức của bọn địa chủ và bọn tư bản đối với tất cả công nhân và nông dân. Chúng ta phải phá hủy tất cả những cái đó, phải lật đổ bọn áp bức; nhưng muốn làm được như thế, thì phải tạo ra sự đoàn kết. Thượng đế chí thiện không sáng tạo ra được sự đoàn kết đó.

Sự đoàn kết đó chỉ có các công xưởng, các nhà máy, chỉ có một giai cấp vô sản có học thức và đã tỉnh dậy sau một giấc hôn mê trước kia mới có thể tạo ra được. Chỉ khi nào giai cấp đó thành hình thì phong trào quần chúng mới bắt đầu và như chúng ta đã thấy hiện nay, phong

trào đó đã dẫn tới thắng lợi của cách mạng vô sản ở một trong những nước yếu nhất, từ ba năm nay đã đương đầu với giai cấp tư sản toàn thế giới. Và chúng ta đã thấy cách mạng vô sản dâng lên trên toàn thế giới. Bây giờ, căn cứ vào kinh nghiệm, chúng ta nói rằng chỉ có giai cấp vô sản mới có thể sáng tạo ra được lực lượng cố kết mà giai cấp nông dân sống rời rạc và tản mạn đang đi theo, lực lượng đã đứng vững trước tất cả các cuộc tấn công của bọn bóc lột. Chỉ có giai cấp đó mới có thể giúp quần chúng cần lao đoàn kết nhau lại, thắt chặt hàng ngũ, triệt để bảo vệ, triệt để củng cố xã hội cộng sản chủ nghĩa, triệt để xây dựng xã hội đó.

Vì thế, chúng ta nói rằng: đối với chúng ta, đạo đức ở ngoài xã hội loài người thì không thể có được; đó là lừa bịp. Đối với chúng ta, đạo đức phải phụ thuộc vào lợi ích của cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản.

Nhưng cuộc đấu tranh giai cấp đó là gì? Là lật đổ Nga hoàng, lật đổ bọn tư bản, thủ tiêu giai cấp bọn tư bản.

Và giai cấp nói chung là gì? Đó là một bộ phận trong xã hội có thể chiếm hữu lao động của một bộ phận khác. Nếu một bộ phận của xã hội chiếm hữu tất cả ruộng đất thì chúng ta thấy có giai cấp địa chủ và giai cấp nông dân. Nếu một bộ phận của xã hội có những nhà máy và công xưởng, có cổ phần và tư bản trong khi bộ phận khác lao động trong các công xưởng đó thì chúng ta thấy có giai cấp bọn tư bản và giai cấp những người vô sản.

Đuổi cổ Nga hoàng thì không khó, — chỉ vài ngày là đủ. Đuổi cổ bọn địa chủ cũng không khó lắm, — chúng ta đã làm được việc này trong vài tháng; đuổi cổ bọn tư bản cũng không khó lắm. Nhưng thủ tiêu các giai cấp thì vô cùng khó khăn; sự phân chia ra công nhân và nông dân vẫn còn tồn tại. Nếu người nông dân cày cấy trên mảnh đất của mình và giữ làm của riêng số lúa mì thừa, nghĩa là số lúa mà chính anh ta cũng như đàn gia súc của anh ta không cần dùng đến, trong lúc mà tất cả những người khác đang không có lúa mì, thì người nông dân đó biến thành kẻ bóc lột. Giữ số lúa này càng nhiều bao nhiêu thì người đó càng có lợi bấy nhiêu, còn những người khác có thể bị đói: «họ càng đói bao nhiêu, ta càng bán lúa này đắt bấy nhiêu». Cần làm cho tất cả mọi người phải lao động theo một kế hoạch chung trên một mảnh đất chung, trong những công xưởng và nhà máy chung và theo một quy tắc chung. Điều đó liệu có dễ thực hiện không? Các đồng chí thấy rằng ở đây, giải quyết được vấn đề đó thì sẽ khó khăn hơn

khi phải đuổi cổ Nga hoàng, bọn địa chủ và bọn tư bản. Ở đây, giai cấp vô sản cần phải cải tạo, giáo dục lại một bộ phận nông dân, lôi kéo những người nào là nông dân lao động, để đập tan sức phản kháng của những nông dân giàu có đang làm giàu trên sự nghèo khổ của người khác. Như thế có nghĩa nhiệm vụ của cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chưa phải là đã chấm dứt do chỗ chúng ta đã lật đổ Nga hoàng và đuổi cổ bọn địa chủ và bọn tư bản; và chính đó là nhiệm vụ của chế độ mà chúng ta gọi là chuyên chính vô sản.

Đấu tranh giai cấp vẫn tiếp diễn; nó chỉ có thay đổi về hình thức thôi. Đó là cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản để không cho bọn bóc lột cũ trở lại, để liên hợp quần chúng nông dân chưa giác ngộ, sống tản mạn, thành một khối duy nhất. Đấu tranh giai cấp vẫn tiếp diễn, và nhiệm vụ của chúng ta là làm cho tất cả mọi lợi ích đều phụ thuộc vào cuộc đấu tranh ấy. Và chúng ta làm cho đạo đức cộng sản của chúng ta phụ thuộc vào nhiệm vụ ấy. Chúng ta nói rằng: đạo đức đó là những gì góp phần phá hủy xã hội cũ của bọn bóc lột và đoàn kết tất cả những người lao động chung quanh giai cấp vô sản đang sáng tạo ra xã hội mới của những người cộng sản chủ nghĩa.

Đạo đức cộng sản là đạo đức phục vụ cuộc đấu tranh ấy, đạo đức đoàn kết những người lao động chống mọi sự bóc lột, chống mọi chế độ tư hữu nhỏ, vì chế độ tư hữu nhỏ trao cho một cá nhân thành quả lao động do toàn thể xã hội sáng tạo ra. Ruộng đất của chúng ta là tài sản chung.

Nhưng, nếu trong tài sản chung này, tôi lấy đi một phần; trên phần đó, tôi sản xuất gấp đôi số lúa cần thiết cho tôi và tôi đầu cơ chỗ lúa thừa ra thì thế nào? Nếu tôi tự nhủ là càng có nhiều người đói thì người ta càng mua đắt của tôi? Như thế có phải là tôi đã hành động như một người cộng sản không? Không, tôi đã hành động như một kẻ bóc lột, một tên chủ đất. Cần phải đấu tranh chống lại hành vi đó. Nếu cứ giữ y nguyên như thế thì tất cả sẽ đi giật lùi về chính quyền của bọn tư bản, chính quyền của giai cấp tư sản, như nhiều lần đã xảy ra trong các cuộc cách mạng trước kia. Và muốn ngăn cản sự phục hồi chính quyền của bọn tư bản và của giai cấp tư sản, phải cấm lối buôn bán đầu cơ, không để cho một số cá nhân làm giàu trên lưng người khác; muốn thế những người lao động phải đoàn kết với giai cấp vô sản và thiết lập xã hội cộng sản chủ nghĩa. Đó là đặc trưng chủ yếu của nhiệm vụ cơ bản của liên đoàn và tổ chức thanh niên cộng sản.

Xã hội cũ xây dựng trên nguyên tắc là: anh ăn cắp của người khác

hoặc người khác ăn cắp của anh; anh làm cho người khác hưởng hoặc người khác làm cho anh hưởng; anh làm chủ hoặc anh làm nô lệ. Ai nấy đều hiểu rằng những người được đào tạo ở trong xã hội đó đã nhiễm phải, có thể nói là với sữa mẹ, một tâm lý, những tập quán và những quan điểm sau đây: hoặc là chủ, hoặc là nô lệ, hoặc là tiểu chủ, là viên chức nhỏ, là người trí thức, tóm lại, là một người chỉ chăm lo nghĩ đến bản thân còn thì mặc người khác.

Nếu tôi cày cấy trên mảnh đất này thì tôi mặc người khác; nếu một người nào khác có bị đói thì càng tốt, tôi sẽ bán lúa của tôi với giá đắt hơn. Nếu tôi có một địa vị nhỏ là thầy thuốc, kỹ sư, giáo viên, viên chức, thì tôi mặc người khác. Có thể là nhờ nịnh hót, bợ đỡ những kẻ có quyền thế, tôi sẽ giữ vững được địa vị ấy của tôi và tôi sẽ có thể nhoi lên, trở thành một nhà tư sản. Một tâm lý như thế và một tâm trạng như thế không phải là của người cộng sản chủ nghĩa. Khi nào công nhân và nông dân đã chứng tỏ rằng với sức mạnh của bản thân chúng ta, chúng ta có khả năng tự bảo vệ và xây dựng một xã hội mới thì lúc đó bắt đầu một nền giáo dục mới, một nền giáo dục cộng sản chủ nghĩa, một nền giáo dục dựa trên cuộc đấu tranh chống những kẻ bóc lột, một nền giáo dục dựa trên sự liên minh với giai cấp vô sản chống bọn ích kỷ và bọn tiểu chủ, chống cái tâm lý và tập quán khiến người ta nói rằng: lợi nhuận của tôi, thế thôi, ngoài ra chẳng có cái gì đáng để cho tôi chú ý cả.

Đó là câu trả lời cho thế hệ thanh niên đang trưởng thành phải học chủ nghĩa cộng sản như thế nào.

Thế hệ thanh niên chỉ có thể học chủ nghĩa cộng sản khi đã gắn liền từng bước học tập, rèn luyện và giáo dục của mình với cuộc đấu tranh không ngừng của vô sản và những người lao động chống lại xã hội cũ của bọn bóc lột. Khi người ta nói đạo đức với chúng ta thì chúng ta trả lời: đối với một người cộng sản, toàn bộ đạo đức là ở kỷ luật đoàn kết nhất trí đó và ở cuộc đấu tranh tự giác của quần chúng chống bọn bóc lột. Chúng ta không tin vào đạo đức vĩnh viễn và chúng ta bóc trần sự dối trá của tất cả những câu chuyện hoang đường về đạo đức. Đạo đức giúp xã hội loài người tiến lên cao hơn, thoát khỏi ách bóc lột lao động.

Muốn đạt được điều đó thì cần có thế hệ thanh niên là những người đã bắt đầu trở thành những người giác ngộ, trong một hoàn cảnh đấu tranh có kỷ luật và quyết liệt chống giai cấp tư sản. Trong cuộc đấu tranh này, thế hệ đó sẽ đào tạo ra được những người cộng sản chân

chính; thế hệ đó phải làm cho từng bước học tập, rèn luyện và giáo dục của mình phụ thuộc và gắn liền vào cuộc đấu tranh ấy. Giáo dục thanh niên cộng sản không phải là nói cho họ nghe những bài diễn văn êm dịu hay là những quy tắc đạo đức. Không phải như thế là giáo dục. Khi người ta đã được thấy cha mẹ mình sống dưới ách của bọn địa chủ và bọn tư bản, khi người ta đã chịu chung nỗi đau khổ của những ai đã đứng lên chiến đấu chống bọn bóc lột, khi người ta đã thấy phải hy sinh biết bao để tiếp tục cuộc đấu tranh đó nhằm bảo vệ những thắng lợi đã giành được và đã thấy rõ bọn địa chủ và bọn tư bản là những kẻ thù hung tợn như thế nào, — thì khi đó, người ta đã tự rèn luyện mình thành những người cộng sản. Cơ sở của đạo đức cộng sản là cuộc đấu tranh để củng cố và hoàn thành công cuộc xây dựng chủ nghĩa cộng sản. Chính đó cũng là cơ sở của việc rèn luyện, giáo dục và học tập cộng sản chủ nghĩa. Đó là lời giải đáp cho vấn đề phải học tập chủ nghĩa cộng sản như thế nào.

Chúng ta không tin vào việc học tập, rèn luyện và giáo dục, nếu những việc đó chỉ đóng khung trong nhà trường và tách rời cuộc sống sôi nổi. Chừng nào công nhân và nông dân còn bị bọn địa chủ và bọn tư bản áp bức, chừng nào nhà trường còn ở trong tay bọn địa chủ và bọn tư bản, thì thế hệ thanh niên còn phải chịu ngu muội và dốt nát. Mà nhà trường của chúng ta phải đem lại cho thanh niên những kiến thức cơ bản, dạy cho họ tự xây dựng nên những quan điểm cộng sản, và phải đào tạo họ thành những người có học thức. Nhà trường của chúng ta phải làm cho thanh niên, trong khi học tập, trở thành những chiến sĩ đấu tranh giải phóng khỏi bọn bóc lột. Đoàn thanh niên cộng sản chỉ xứng đáng với cái tên của nó là Đoàn thể của thế hệ cộng sản trẻ tuổi, nếu nó gắn liền từng bước học tập, rèn luyện và giáo dục của nó với việc tham gia cuộc đấu tranh chung của tất cả những người lao động chống lại bọn bóc lột. Vì các đồng chí đều biết rõ rằng chừng nào nước Nga còn là nước cộng hòa công nhân duy nhất, và ở các nước khác trên toàn thế giới vẫn còn tồn tại trật tự tư sản cũ thì chúng ta sẽ còn yếu hơn chúng; rằng chúng ta còn luôn luôn đứng trước nguy cơ có một cuộc tấn công mới; rằng chỉ khi nào chúng ta học tập đoàn kết nhau lại và hành động nhất trí thì chúng ta mới thắng lợi trong các cuộc đấu tranh sau này, và một khi đã mạnh hơn, chúng ta sẽ thật sự trở thành vô địch. Cho nên, là người cộng sản, tức là phải tổ chức và đoàn kết cả thế hệ đang trưởng thành, phải làm gương mẫu về rèn luyện và kỷ luật trong cuộc đấu tranh này. Lúc đó, các đồng

chí mới có thể bắt đầu và hoàn thành công cuộc xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Để các đồng chí thấu triệt được điểm ấy, tôi sẽ lấy một thí dụ. Chúng ta tự xưng là người cộng sản. Người cộng sản là thế nào? Cộng sản là một từ la-tinh. Cộng sản có nghĩa là chung. Xã hội cộng sản chủ nghĩa có nghĩa là tất cả là của chung: ruộng đất, công xưởng, lao động chung — chủ nghĩa cộng sản là như thế đó.

Liệu có thể lao động chung được không, nếu mỗi người cứ cày cấy một mảnh đất riêng cho mình? Không thể trong chốc lát mà sáng tạo ra lao động chung được. Không thể như vậy được. Lao động chung không phải là từ trên trời rơi xuống. Phải làm ra nó, phải gian khổ làm ra nó, phải sáng tạo ra nó. Nó được sáng tạo ra trong quá trình đấu tranh. Ở đây, không dựa vào sách vở cũ được, chẳng ai tin sách vở cũ cả. Ở đây, cần phải dựa vào kinh nghiệm sống của bản thân. Khi Côn-tsắc và Đê-ni-kin từ Xi-bi-ri và từ phía Nam tiến đến — nông dân đã theo chúng. Chủ nghĩa bôn-sê-vích không làm cho họ hài lòng vì những người bôn-sê-vích mua lúa mì của họ với giá quy định. Nhưng khi nông dân đã nếm mùi của chính quyền của Côn-tsắc và Đê-ni-kin ở Xi-bi-ri và U-cra-i-na thì họ hiểu rằng nông dân không phải lựa chọn nữa: hoặc là quay về với nhà tư bản, và hắn lại bắt họ làm nô lệ cho bọn địa chủ, hoặc là đi theo công nhân là người, thực ra, không hứa hẹn thiên đường cực lạc gì cả mà đòi hỏi họ phải có một kỷ luật sắt và một ý chí kiên cường trong cuộc chiến đấu gay go, nhưng lại là người giải phóng họ thoát khỏi ách nô lệ của bọn tư bản và bọn địa chủ. Ngay cả những nông dân dốt nát khi đã hiểu điều đó và bản thân đã trải qua kinh nghiệm đó thì cũng trở thành những người ủng hộ chủ nghĩa cộng sản, một cách tự giác, và được tôi luyện gian khổ. Đoàn thanh niên cộng sản phải lấy kinh nghiệm đó làm cơ sở cho toàn bộ hoạt động của mình.

Tôi đã giải đáp vấn đề chúng ta phải học tập những gì và phải lấy những gì của nhà trường cũ và của khoa học cũ. Tôi cũng sẽ cố gắng giải đáp vấn đề phải học cái đó như thế nào: chỉ có gắn liền chặt chẽ mỗi bước hoạt động trong nhà trường, mỗi bước rèn luyện, giáo dục và học tập với cuộc đấu tranh của tất cả những người lao động chống lại bọn bóc lột.

Bằng mấy thí dụ rút trong kinh nghiệm công tác của một số tổ chức thanh niên, tôi sẽ trình bày cụ thể với các đồng chí là phải tiến hành

giáo dục cộng sản chủ nghĩa như thế nào. Mọi người đều nói đến việc thanh toán nạn mù chữ. Các đồng chí đều biết rằng không thể xây dựng một xã hội cộng sản chủ nghĩa trong một nước có những người mù chữ. Để làm việc đó, Chính quyền xô-viết ra lệnh, hay là đảng đưa ra một khẩu hiệu nhất định, hay là người ta huy động một số chiến sĩ ưu tú nhất thì như vậy cũng chưa đủ. Còn cần phải làm cho thế hệ thanh niên tự mình đảm đương lấy việc đó. Chủ nghĩa cộng sản là ở chỗ các nam nữ thanh niên trong Đoàn thanh niên tự nhủ rằng: đây là công việc của chúng tôi, chúng tôi sẽ tập hợp nhau lại và sẽ về nông thôn để thanh toán nạn mù chữ, để cho thế hệ đang trưởng thành không còn có người mù chữ nữa. Chúng ta cố gắng làm cho tính chủ động của thế hệ thanh niên đang trưởng thành sẽ được dành cho công việc ấy. Các đồng chí đều biết rằng không thể nhanh chóng làm cho nước Nga từ chỗ là một nước dốt nát, mù chữ thành một nước Nga biết chữ được; nhưng nếu Đoàn thanh niên gánh vác nhiệm vụ đó, nếu tất cả thanh niên sẽ lao động vì lợi ích của mọi người, thì đoàn đó, gồm 40 vạn nam nữ thanh niên, sẽ có quyền tự xưng là Đoàn thanh niên cộng sản. Nhiệm vụ của Đoàn còn là trong khi hấp thu các kiến thức này nọ thì phải giúp đỡ cho một phần thanh niên là những người không thể tự mình thoát khỏi tình trạng tối tăm dốt nát được. Đã là đoàn viên của Đoàn thanh niên thì phải biết làm sao để cống hiến lao động và sức lực của mình cho sự nghiệp chung. Đó chính là giáo dục cộng sản chủ nghĩa. Chỉ có qua lao động như vậy thì thanh niên, nam hay nữ, mới trở thành người cộng sản chân chính được. Chỉ có trong trường hợp họ đạt được kết quả thực tiễn trong công tác đó thì họ mới trở thành người cộng sản được.

Hãy lấy thí dụ việc làm vườn rau ở những vùng ngoại ô. Đấy chẳng phải là một công tác hay sao? Đấy là một trong những nhiệm vụ của Đoàn thanh niên cộng sản. Nhân dân đang đói, trong các công xưởng và các nhà máy đang có nạn đói. Để thoát khỏi nạn đói, phải phát triển trồng rau, nhưng việc trồng trọt còn làm theo kiểu cũ. Vì vậy, những phần tử giác ngộ hơn phải đảm đương công tác, và lúc đó các đồng chí sẽ thấy số lượng và diện tích các vườn rau tăng thêm và kết quả tốt đẹp hơn. Đoàn thanh niên cộng sản phải góp phần tích cực vào công tác ấy. Mỗi tổ chức hay mỗi chi đoàn của Đoàn phải coi công tác ấy như công tác của bản thân mình.

Đoàn thanh niên cộng sản phải là một đội xung kích, một đội mà trong tất cả các công tác đều biết giúp đỡ, đều có tinh thần chủ động

và có sáng kiến. Đoàn phải làm thế nào để cho bất cứ công nhân nào cũng có thể thấy rằng đoàn gồm những người mà học thuyết của họ đối với anh ta có lẽ còn khó hiểu và có lẽ anh ta chưa thể tin ngay được, nhưng công tác thực tế và sự hoạt động của họ chứng minh với anh ta rằng chính họ là những người chỉ cho anh ta con đường đúng.

Nếu Đoàn thanh niên cộng sản không biết sắp xếp như vậy công tác của mình trong tất cả các lĩnh vực thì tức là đoàn đã đi lạc vào con đường cũ, tư sản. Phải gắn liền nền giáo dục của chúng ta với cuộc đấu tranh của những người lao động chống bọn bóc lột, để giúp họ giải quyết được những nhiệm vụ do học thuyết cộng sản đặt ra.

Các đoàn viên của Đoàn phải dùng mọi giờ rảnh của mình để cải tiến các vườn rau, để tổ chức trong mỗi nhà máy hay mỗi công xưởng nào đó việc học tập cho thanh niên, v. v.. Chúng ta muốn làm cho nước Nga từ một nước nghèo khổ và bần cùng thành một nước giàu có. Và cần làm cho Đoàn thanh niên cộng sản gắn liền việc giáo dục, học tập và rèn luyện của mình với lao động của công nhân và nông dân, cho Đoàn không tự giam mình trong các trường học của mình và không chỉ hạn chế ở chỗ đọc sách báo và tài liệu cộng sản. Chỉ có cùng lao động với công nhân và nông dân mới trở nên một người cộng sản chân chính được. Phải làm cho mọi người thấy rằng mỗi một đoàn viên của Đoàn thanh niên đều là người có tri thức và đồng thời cũng giỏi lao động. Khi tất cả mọi người thấy rằng chúng ta đã trừ bỏ lối tập luyện xưa của nhà trường cũ, đã thay thế nó bằng một kỷ luật tự giác, rằng tất cả các thanh niên đều tham gia ngày thứ bảy cộng sản, rằng tất cả các thanh niên đã sử dụng mỗi mảnh đất ở vùng ngoại ô để giúp đỡ nhân dân, thì khi đó nhân dân sẽ có một quan niệm về lao động khác quan niệm xưa kia.

Nhiệm vụ của Đoàn thanh niên cộng sản là ở chỗ tổ chức ở nông thôn hay khu phố của họ, việc giúp đỡ trong việc — tôi lấy một ví dụ nhỏ, — như trong việc làm vệ sinh hay việc phân phối thực phẩm. Việc này được thực hiện trong xã hội tư bản cũ ra sao? Mỗi người chỉ làm việc cho bản thân mình và chẳng có ai chú ý xem có những người già hay người ốm không, hoặc tất cả công việc nội trợ đều có đổ lên đầu phụ nữ không, do đó phụ nữ ở vào địa vị bị áp bức và bị nô dịch. Ai phải đấu tranh chống lại những cái đó? Các đoàn thanh niên. Họ phải tuyên bố rằng: chúng tôi sẽ thay đổi tình trạng đó, chúng tôi sẽ tổ chức những đội thanh niên để giúp việc đảm bảo vệ sinh hay phân phối thực phẩm, bằng cách thường xuyên đến thăm các gia đình,

để cùng nhau hoạt động cho lợi ích toàn thể xã hội, bằng cách phân phối đúng đắn những lực lượng của mình và bằng cách chứng tỏ rằng lao động cần phải là lao động có tổ chức.

Cái thế hệ gồm những người hiện nay đã gần 50 tuổi thì không thể hy vọng được trông thấy xã hội cộng sản. Từ đây cho tới đó, thế hệ ấy sẽ mất đi. Nhưng cái thế hệ gồm những người hiện nay mới có 15 tuổi thì sẽ được thấy xã hội cộng sản và bản thân họ sẽ xây dựng xã hội đó. Và họ phải biết rằng nhiệm vụ của cả đời họ là xây dựng xã hội đó. Trong xã hội cũ, mỗi gia đình làm ăn riêng lẻ và không có ai phối hợp lao động, ngoài bọn địa chủ và bọn tư bản áp bức quần chúng nhân dân ra. Chúng ta phải tổ chức tất cả các công việc không quản khó khăn và dơ bẩn đến như thế nào sao cho mỗi công nhân và mỗi nông dân có thể tự nhủ rằng: tôi là một phần tử trong đạo quân lao động tự do vĩ đại và tôi sẽ biết cách tự xây dựng lấy cuộc đời của tôi không cần có bọn địa chủ và bọn tư bản, tôi sẽ biết kiến lập chế độ cộng sản chủ nghĩa. Đoàn thanh niên cộng sản cần giáo dục mọi người từ khi họ còn nhỏ tuổi, theo tinh thần lao động tự giác và có kỷ luật. Như thế, chúng ta có thể hy vọng rằng những vấn đề đặt ra hiện nay sẽ được giải quyết. Chúng ta cần dự tính ít nhất phải mất mười năm để điện khí hóa cả nước, khiến cho đất đai nghèo nàn của chúng ta có thể lợi dụng được những thành tựu mới nhất của kỹ thuật. Cho nên thế hệ hiện nay mới có 15 tuổi và trong vòng từ 10 đến 20 năm nữa, sẽ sống trong xã hội cộng sản, thế hệ đó phải đề ra toàn bộ nhiệm vụ học tập của mình như thế nào để hàng ngày, ở mỗi làng mạc, mỗi thành phố, thanh niên giải quyết được một cách thực tiễn nhiệm vụ này khác của lao động chung, dù đó là nhiệm vụ bé nhỏ nhất và giản đơn nhất. Điều đó ngày càng được thực hiện ở mỗi làng mạc, cuộc thi đua cộng sản chủ nghĩa ngày càng phát triển, thanh niên ngày càng chứng minh rằng họ biết làm ăn chung, thì thắng lợi của công cuộc xây dựng chủ nghĩa cộng sản ngày càng được đảm bảo. Chỉ khi nào chúng ta căn cứ vào sự thành công của công cuộc xây dựng đó mà nhận xét mỗi bước đi của chúng ta, chỉ khi nào chúng ta tự hỏi liệu chúng ta đã làm hết sức để thành những người lao động đoàn kết và tự giác chưa, thì khi đó Đoàn thanh niên cộng sản mới có thể tập hợp được nửa triệu đoàn viên của mình thành một đội quân lao động duy nhất và được tất cả mọi người tin mến. (*Vỗ tay vang dội.*)

Toàn tập, t. 41

BÀN VỀ CUỘC CÁCH MẠNG CỦA CHÚNG TA
(Nhân đọc tập ký ức của N. Xu-kha-nốp)

I

Mấy ngày nay, tôi đã đọc qua tập ký ức của Xu-kha-nốp viết về cách mạng. Điểm nổi bật nhất, đó là bệnh thông thái rởm của tất cả bọn dân chủ tiểu tư sản ở nước ta, cũng như của tất cả bọn anh hùng của Quốc tế II. Chưa kể rằng chúng là một bọn nhát gan không thể tưởng tượng được, rằng ngay những kẻ khá nhất trong bọn chúng cũng chỉ biết có một cách là đánh tháo mỗi khi thấy phải xa rời đôi chút cái kiểu mẫu Đức, — chưa nói ngay đến cả cái đặc tính đó của tất cả bọn dân chủ tiểu tư sản, đặc tính mà chúng đã biểu lộ khá rõ ràng trong toàn bộ quá trình của cuộc cách mạng, thì điểm nổi bật của chúng là tính bắt chước quá khứ một cách nô lệ.

Tất cả bọn chúng đều tự xưng là người mác-xít, nhưng chúng hiểu chủ nghĩa Mác một cách mô phạm hết chỗ nói. Chúng không hề biết một tí gì về điểm căn bản trong chủ nghĩa Mác, tức là: biện chứng cách mạng của chủ nghĩa Mác. Thậm chí chúng cũng hoàn toàn không hiểu ngay cả những lời chỉ dẫn trực tiếp của Mác nói rằng trong thời kỳ cách mạng, thì cần phải hết sức mềm dẻo; chúng cũng không nhận thấy, chẳng hạn, những lời chỉ dẫn trong những thư của Mác, vào năm 1856 thì phải, trong đó, Mác nói lên là ông hy vọng được thấy thực hiện ở Đức, sự kết hợp giữa chiến tranh nông dân với phong trào công nhân, sự kết hợp có thể tạo ra một tình thế cách mạng. Ngay cả lời chỉ dẫn trực tiếp đó, chúng cũng trốn tránh không nói đến, chúng xoay quanh, trốn bên này, né bên kia lời chỉ dẫn đó, như con mèo xoay quanh một bát nước xáo nóng.

Tất cả hành vi cử chỉ của chúng tỏ ra rằng chúng là những bọn cải lương nhát gan, sợ không dám xa rời giai cấp tư sản và tất nhiên là càng không dám đoạn tuyệt với giai cấp đó; đồng thời, chúng lại dùng những lời lẽ trống rỗng và huênh hoang vô độ để che đậy sự nhát gan của chúng. Nhưng ngay cả về phương diện thuần túy lý luận thì điểm nổi bật nhất cũng vẫn là ở chỗ chúng, tất cả bọn chúng, hoàn toàn không thể hiểu được tư tưởng sau đây của chủ nghĩa Mác: chúng đã thấy là, cho đến nay, chủ nghĩa tư bản và chế độ dân chủ tư sản vẫn phát triển theo một con đường nhất định ở Tây Âu. Nên chúng không thể nào tưởng tượng

được rằng con đường đó chỉ có thể coi như một kiểu mẫu nếu mutatis mutandis*, nếu có những sửa đổi như thế nào đó (những sửa đổi này hoàn toàn không có nghĩa lý gì cả, nếu đứng về mặt cuộc vận động chung của lịch sử toàn thế giới mà xét).

Thứ nhất là cách mạng đã gắn liền với cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới thứ nhất. Trong một cuộc cách mạng như thế, tất nhiên phải có những đặc điểm mới, hay ít nhất cũng có những đặc điểm đã đổi khác do chính cuộc chiến tranh đó, vì chưa bao giờ trên thế giới đã có một cuộc chiến tranh như thế trong những điều kiện như thế. Cho tới ngày nay, chúng ta vẫn thấy rằng sau cuộc chiến tranh đó, giai cấp tư sản trong những nước giàu có nhất không làm sao khôi phục lại được những mối quan hệ tư sản «bình thường». Thế mà bọn cải lương ở nước ta, bọn tiểu tư sản tự xưng là những người cách mạng, lại đã cho và vẫn còn cho rằng những quan hệ tư sản bình thường là một giới hạn (mà người ta không tài nào vượt qua được), và chúng hiểu cái «bình thường» đó theo nghĩa hết sức tầm thường và chật hẹp.

Thứ hai là chúng hoàn toàn không hiểu được rằng tính quy luật chung của sự phát triển trong lịch sử toàn thế giới đã không loại trừ, mà trái lại, còn bao hàm một số giai đoạn phát triển nào đó, những giai đoạn này có những đặc trưng hoặc về hình thức, hoặc về trật tự của sự phát triển đó. Chẳng hạn, chúng thậm chí cũng chưa bao giờ nghĩ rằng nước Nga nằm ở giữa những nước văn minh và những nước lần đầu tiên đã được cuộc chiến tranh đó đưa hẳn lên con đường văn minh, nghĩa là toàn bộ phương Đông, những nước ở ngoài châu Âu, — rằng do đó mà nước Nga có thể và phải có một số đặc trưng nào đó, những đặc trưng này tất nhiên nằm trong khuôn khổ chung của sự phát triển của thế giới, nhưng làm cho cách mạng của chính nước Nga khác với tất cả các cuộc cách mạng trước kia trong những nước ở Tây Âu, và mang lại một số điểm mới cục bộ, khi tiến sang các nước phương Đông.

Chẳng hạn, chúng đã viện một lý lẽ hết sức tầm thường mà chúng đã học thuộc lòng trong thời kỳ phát triển của phái dân chủ - xã hội Tây Âu, lý lẽ cho rằng chúng ta chưa được thành thục để có thể thực hiện chủ nghĩa xã hội, rằng theo lời một số những ngài «thông thái» của chúng thì chúng ta chưa có những tiền đề kinh tế khách quan để thực hiện chủ nghĩa xã hội. Chưa thấy ai tự hỏi rằng: một dân tộc

* — sửa đổi cái cần sửa đổi. *BT*.

đứng trong một hoàn cảnh cách mạng như hoàn cảnh đã diễn ra trong thời kỳ chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thứ nhất, đứng trước một tình thế không có lối thoát, thử hỏi dân tộc đó lại không có thể lăn mình vào một cuộc đấu tranh mang lại cho mình dù chỉ là đôi chút hy vọng đạt được những điều kiện không hẳn là quen thuộc, đặng phát triển sau này nền văn minh hay sao?

«Lực lượng sản xuất của nước Nga chưa đạt đến mức phát triển đầy đủ để có thể thực hiện được chủ nghĩa xã hội». Luận điểm đó, tất cả bọn anh hùng của Quốc tế II, tất nhiên là gồm cả Xu-kha-nốp nữa, đều phô trương công khai. Cái luận điểm không ai chối cãi được đó, chúng nhai đi nhai lại bằng đủ mọi giọng và chúng tưởng rằng luận điểm đó là tiêu chuẩn quyết định nhất để đánh giá cuộc cách mạng của chúng ta.

Phải, nhưng nếu một tình huống đặc biệt đã đặt nước Nga, trước hết, vào một cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, trong đó tất cả các nước Tây Âu, dù có ít thế lực chăng nữa, cũng đều tham gia; và đặt sự phát triển của nước Nga vào chỗ giáp với những cuộc cách mạng đang bắt đầu và đã bắt đầu từng phần của phương Đông, vào trong những điều kiện cho phép chúng ta thực hiện được chính ngay việc kết hợp giữa «chiến tranh nông dân» với phong trào công nhân, việc kết hợp mà một nhà «mác-xít» như Mác, năm 1856, đã coi là một trong những triển vọng mà nước Phổ có thể đạt đến được, — nếu như thế thì sao?

Và nếu tình hình hoàn toàn không có lối thoát, và do đó làm tăng thêm gấp bội lực lượng của công nông, cho phép chúng ta có thể tiến hành việc tạo ra những tiền đề căn bản cho nền văn minh một cách khác hẳn với tất cả các nước khác ở Tây Âu, nếu như thế thì sao? Phương hướng chung của bước phát triển của lịch sử thế giới có vì thế mà thay đổi không? Những quan hệ căn bản giữa những giai cấp chủ yếu trong mỗi nước đang bị lôi cuốn hay đã bị lôi cuốn vào tiến trình chung của lịch sử toàn thế giới, những quan hệ đó có thay đổi không?

Nếu để thiết lập chủ nghĩa xã hội, thì cần phải đạt tới một trình độ văn hóa nhất định (tuy nhiên chưa ai có thể nói chắc được «trình độ văn hóa» nhất định đó là thế nào, vì trong mỗi nước Tây Âu, trình độ đó có khác nhau), thì tại sao lại không bắt đầu trước hết, bằng việc giành lấy, bằng con đường cách mạng, những điều kiện tiên quyết cho trình độ nhất định đó, *rồi sau đó*, nhờ có một chính quyền công nông,

nhờ có chế độ xô-viết, mà chuyển bước để đuổi kịp được những dân tộc khác?

Ngày 16 tháng Giêng 1923

II

Các anh nói là muốn tạo ra chủ nghĩa xã hội thì phải có trình độ văn minh đã. Đúng lắm. Nhưng tại sao chúng ta lại không có thể bắt đầu tạo ra ở nước ta, những điều kiện tiên quyết ấy của văn minh, bằng cách đuổi cổ bọn địa chủ, đuổi cổ bọn tư bản khỏi nước Nga, để rồi bắt đầu tiến lên chủ nghĩa xã hội? Các anh đã đọc trong những quyển sách nào đấy, mà nói rằng những sự thay đổi như thế trong trình tự lịch sử thông thường là không thể thừa nhận được, không thể có được?

Tôi nhớ lại rằng Na-pô-lê-ông có nói: «On s'engage et puis... on voit». Trong bản lược dịch ra tiếng Nga, có nghĩa là: «Cứ tiến hành một trận đánh thật sự rồi sau thì sẽ thấy». Chúng ta cũng đã làm như thế: trước hết, chúng ta đã tiến hành một trận đánh thật sự hồi tháng Mười 1917, rồi thì quá trình phát triển đã chỉ cho chúng ta thấy rõ những chi tiết (đứng về phương diện lịch sử thế giới mà nói, thì chắc chắn đó chỉ là những chi tiết) như hòa ước Brét hay chính sách kinh tế mới, v. v.. Và hiện nay, chắc chắn là chúng ta đã thắng lợi về căn bản.

Bọn Xu-kha-nốp của chúng ta, và tất nhiên là cả bọn dân chủ - xã hội đứng về phía hữu hơn bọn Xu-kha-nốp, cũng không tưởng tượng được rằng, nói chung, những cuộc cách mạng không thể xảy ra khác thế được. Bọn tiểu tư sản của chúng ta ở châu Âu cũng không tưởng tượng được rằng những cuộc cách mạng sau này — trong những nước ở phương Đông có dân số đông hơn vô cùng và có những điều kiện xã hội vô cùng khác nhau hơn — chắc chắn là sẽ có rất nhiều những đặc điểm hơn là trường hợp của cách mạng Nga.

Tất nhiên là quyển sách giáo khoa viết theo kiểu Cau-xky, rất có ích trong thời nó ra đời. Nhưng bây giờ đã đến lúc, thật ra, phải bỏ cái tư tưởng cho rằng quyển sách giáo khoa đó đã tiên đoán được tất cả mọi hình thức của bước phát triển sau này của lịch sử thế giới. Kẻ nào nghĩ như vậy, thật đáng gọi ngay là đồ ngu.

Ngày 17 tháng Giêng 1923

Toàn tập, t. 45

CHÚ THÍCH

[1] Lê-nin viết bài này cho cuốn từ điển bách khoa, do anh em Gra-nát xuất bản, mùa xuân 1914 ở Pô-rô-ni-nô (Ga-li-xi-a) và viết xong vào tháng Mười một 1914 ở Béc-nơ.

Bài này được in năm 1915 trong cuốn từ điển nói trên, ký tên là V. I-lin và có kèm theo một mục lục tham khảo những tác phẩm của chủ nghĩa Mác. Kiểm duyệt đã bỏ đi hai chương: «Chủ nghĩa xã hội» và «Sách lược đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản» và có sửa đổi đôi chút trong văn bản.

Năm 1918, Nhà xuất bản «Sóng vỗ» đã xuất bản bài này thành sách riêng, có kèm thêm bài tựa của Lê-nin, nhưng không có phần mục lục tham khảo.

Năm 1925, toàn bộ văn bản của bài này mới được xuất bản trong tập «Mác — Ăng-ghen — chủ nghĩa Mác», do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô soạn. Bản in này cũng không kèm theo mục lục tham khảo. — 5.

[2] Ph. Ăng-ghen, «Lút-vích Phơ-bách và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức», trong C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Tuyển tập, gồm 2 tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, xuất bản lần thứ 2, Hà-nội, 1970, t. II. — 5.

[3] Trong tập này chúng tôi không in mục lục sách tham khảo. Xin xem V. I. Lê-nin, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1963, t. 21, tr. 81 - 84. — 6.

[4] Đây là nói về bài của Các Mác: «Những lời biện hộ cho thông tín viên ở Mô-den» (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. I, tr. 187 - 217). — 6.

[5] Các Mác, «Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hê-ghen. Lời nói đầu», tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1962. — 6.

[6] *Đồng minh những người cộng sản* — Năm 1834, nhiều người Đức cách mạng bị trục xuất khỏi nước, lập ở Pa-ri Đồng minh những người bị trục xuất. Năm 1836, Đồng minh này đổi tên là Đồng minh những người chính nghĩa. Về sau phần thì nhiều chiến sĩ bị khủng bố, phần thì vì chủ

trương của Đồng minh sai nên năm 1847, sau khi Mác và Ăng-ghen gia nhập, Đồng minh đổi tên thành «Đồng minh những người cộng sản». Mác và Ăng-ghen lãnh đạo Đồng minh và được Đồng minh ủy cho thảo ra bản «Tuyên ngôn của Đảng cộng sản». Đồng minh hoạt động đến năm 1852, sau vụ án những người cộng sản ở Cô-lô-nhơ thì giải tán. Những nhân vật nổi tiếng nhất trong Đồng minh, những người cộng sản, sau này đều giữ những vai trò lãnh đạo trong Quốc tế I. (Muốn biết rõ lịch sử Đồng minh những người cộng sản xin coi bài «Góp vào lịch sử của Đồng minh những người cộng sản» của Ăng-ghen.). — 7.

[7] Đây là cuộc cách mạng tư sản tháng Hai 1848 ở Pháp. — 7.

[8] Đây là cuộc cách mạng tư sản ở Đức và ở Áo vào đầu tháng Ba 1848. — 7.

[9] Đây là cuộc biểu tình của nhân dân do một đảng tiểu tư sản («Đảng Núi») tổ chức ở Pa-ri để phản đối việc tổng thống và đa số trong Quốc hội lập hiến đã không tôn trọng hiến pháp do cuộc cách mạng năm 1848 thông qua. Cuộc biểu tình bị giải tán. — 7.

[10] Lê-nin có ý nói tới những bức thư trao đổi giữa Mác và Ăng-ghen được xuất bản thành bốn tập ở Đức vào tháng Chín 1913 dưới nhan đề: «Der Brief-wechsel zwichen Friedrich Engels und Karl Marx von 1844 bis 1883», herausgegeben von A. Bebel und Ed. Bernstein. Vier Bände. Stuttgart, 1913. — 7.

[11] Lê-nin có ý nói tới bài văn công kích «Ông Phô-gtơ» của Mác trả lời lại cuốn sách có tính chất vu khống «Vụ án của tôi chống «Allgemeine Zeitung»» của Phô-gtơ, kẻ lâu la của Bô-na-pác-tơ. — 7.

[12] Đây là «Tuyên ngôn thành lập Hội liên hiệp lao động quốc tế» (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Tuyển tập, gồm 2 tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, xuất bản lần thứ 2, 1970, t. I, tr. 456 - 466. — 8.

[13] *«Công xã Pa-ri»* là kinh nghiệm đầu tiên trong lịch sử về việc thành lập nền chuyên chính vô sản, là chính phủ cách mạng của giai cấp công nhân được thiết lập nhờ kết quả cuộc khởi nghĩa ở Pa-ri ngày 18 tháng Ba 1871. Công xã giữ vững được tới ngày 28 tháng Năm 1871.

Công xã Pa-ri đã tách bỏ giáo hội khỏi nhà nước và trường học khỏi giáo hội, thay thế quân đội thường trực bằng việc tổng vũ trang nhân dân, bằng việc nhân dân bầu cử các chánh án và viên chức, khẳng định tiền lương của viên chức không được quá tiền lương của công nhân, đã đề ra nhiều biện pháp nhằm nâng cao vị trí kinh tế của công nhân cũng như dân nghèo thành thị, v. v.. Ngày 21 tháng Năm 1871 đội quân của chính phủ phản cách mạng Chi-e kéo vào Pa-ri và gây ra cuộc tàn sát khốc liệt đối với công nhân Pa-ri. — 8.

[14] *Chủ nghĩa Ba-cu-nin* — một trào lưu gọi theo tên của M. A. Ba-cu-nin, nhà tư tưởng của chủ nghĩa vô chính phủ. Bọn Ba-cu-nin không

chấp nhận bất cứ kiểu nhà nước nào. Theo ý kiến của họ thì một hội cách mạng bí mật bao gồm những nhân sĩ tăm tiếng sẽ phải cầm đầu các cuộc nổi loạn của nhân dân, do đó sẽ dẫn đến một tình trạng không có nhà nước. Sách lược của họ nhằm phá rối, nổi loạn tức thời và khủng bố là sách lược phiêu lưu, thù địch với học thuyết về khởi nghĩa của chủ nghĩa Mác. Chủ nghĩa Ba-cu-nin gắn với chủ nghĩa Pru-đông — một trào lưu tiểu tư sản phản ánh hệ tư tưởng của lớp cá thể nhỏ đang phá sản.

Sau khi lọt được vào Quốc tế I, Ba-cu-nin đã đặt ra mục đích của mình là chiếm lĩnh lấy Hội đồng trung ương. Y tiến hành cuộc đấu tranh chống lại Mác mà không từ một thủ đoạn ghê tởm nào. Ba-cu-nin bị đuổi ra khỏi Quốc tế I (năm 1872) vì có hoạt động phá tổ chức. Mác và Ăng-ghen đã lên án gay gắt lý luận và sách lược của bọn Ba-cu-nin. — 8.

15 Xem Ph. Ăng-ghen, «Chống Đuy-rinh», tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1959. — 10.

16 Xem Ph. Ăng-ghen, «Lút-vích Phơ-bách và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức», trong C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Tuyển tập, gồm 2 tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ 2, 1970, t. II, tr. 453. — 11.

17 Xem Ph. Ăng-ghen, «Chống Đuy-rinh», tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1959. — 12.

18 Xem Ph. Ăng-ghen, «Lút-vích Phơ-bách và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức», trong C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Tuyển tập, gồm 2 tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ 2, 1970, t. II, tr. 473, 442, 472. — 13.

19 Xem Ph. Ăng-ghen, «Chống Đuy-rinh», tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1959. — 13.

20 Xem Ph. Ăng-ghen, «Lút-vích Phơ-bách và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức», trong C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Tuyển tập, gồm 2 tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ 2, 1970, t. II, tr. 457 - 458. — 14.

21 *Thời đại Phục tích* là thời kỳ trong lịch sử nước Pháp (1814 - 1830) khi mà dòng vua Buốc-bông, sau khi bị cách mạng tư sản Pháp 1792 lật đổ, lại phục hồi và thống trị. — 17.

22 Xem «Tuyên ngôn của Đảng cộng sản», trong C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Tuyển tập, gồm 2 tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ 2, 1970, t. 1, tr. 39. — 18.

23 Xem Các Mác, «Tư bản», tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1959, q. I, t. I, tr. 107 - 108. — 19.

[24] C. Mác, «Góp phần phê phán chính trị kinh tế học» (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 13, tr. 16). — 19.

[25] Xem Các Mác, «Tư bản», tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1959, q. I, t. I, tr. 232. — 20.

[26] *Thuyết hữu dụng giới hạn* là do cái mà người ta gọi là trường phái Áo đặt ra vào cuối thế kỷ XIX nhằm đối lập với lý luận mác-xít về giá trị của lao động. Trường phái Áo tuyên truyền một loại kinh tế chính trị tầm thường. Nó cho rằng quyết định giá trị của hàng hóa thì không phải chỉ có tính hữu dụng của hàng hóa đó, mà còn có tính hữu dụng của đơn vị cuối cùng của dự trữ khi đã thỏa mãn nhu cầu cấp bách nhất. Thuyết hữu dụng giới hạn là nhằm bảo vệ sự bóc lột của bọn tư bản. — 24.

[27] Xem «Tuyên ngôn của Đảng cộng sản», trong C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Tuyển tập, gồm 2 tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ 2, 1970, t. I, tr. 48. — 30.

[28] Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Tuyển tập, gồm 2 tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ 2, 1970, t. II, tr. 393 - 394. — 31.

[29] Xem Ph. Ăng-ghen, «Chống Đuy-rinh», tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1959. — 31.

[30] Xem «Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước», trong C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Tuyển tập, gồm 2 tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ 2, 1970, t. II, tr. 395 - 396. — 31.

[31] Xem «Vấn đề nông dân ở Pháp và Đức», trong C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Tuyển tập, gồm 2 tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ 2, 1970, t. II, tr. 513 - 538. — 32.

[32] «*Die Neue Zeit*» («Thời mới») là tạp chí lý luận của Đảng dân chủ - xã hội Đức xuất bản ở Stút-ga từ 1883 đến 1923. Đến tháng Mười năm 1917 tạp chí đó do Cau-xky biên tập, sau đó người chủ bút là Cu-nốp. Đó là tạp chí đầu tiên in những tác phẩm của Mác và Ăng-ghen. Ăng-ghen thường phê phán tạp chí về những sai lầm đi trệch khỏi chủ nghĩa Mác.

Sau khi Ăng-ghen mất năm 1895, tạp chí đăng những bài báo có tính chất xét lại, trong đó có những bài lấy tên là «Những vấn đề của chủ nghĩa xã hội» của Béc-stanh mở đầu cho việc chống lại chủ nghĩa Mác. Trong chiến tranh thế giới lần thứ nhất, tạp chí theo lập trường phái giữa, ủng hộ chủ nghĩa xã hội - sô-vanh. — 32.

[33] *Phong trào Hiến chương* nổi lên ở Anh năm 1840 là phong trào có tính chất quần chúng đầu tiên của giai cấp công nhân. Phái Hiến chương đòi thực hiện chế độ phổ thông đầu phiếu, xóa bỏ chế độ chiếm hữu ruộng đất, và có đại biểu trong nghị viện, v. v.. Quần chúng tham gia phong trào và những

cuộc biểu tình đã diễn ra bao gồm hàng triệu công nhân và thợ thủ công trong cả nước. Tháng Tư 1848, hội nghị toàn quốc lần thứ 3 của phong trào thông qua một bản Hiến chương gửi lên nghị viện có hơn 5 triệu người ký tên. Quốc hội gồm chủ yếu những đại biểu của giai cấp quý tộc lãnh chúa và giai cấp đại tư sản, đã gạt bỏ bản Hiến chương cùng những điều thỉnh nguyện của nó. Chính phủ bắt đầu đàn áp phong trào Hiến chương và bắt giữ những lãnh tụ. Mặc dù phong trào bị dập tắt, nhưng nó đã để lại dấu vết trong phong trào công nhân quốc tế. — 34.

34 Xem «Tuyên ngôn của Đảng cộng sản», trong C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Tuyển tập, gồm 2 tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ 2, 1970, t. I, tr. 64.

Cuộc khởi nghĩa ở Cra-cốp là cuộc khởi nghĩa dân chủ giải phóng dân tộc trong nước Cộng hòa Cra-cốp, là nước bị Áo, Phổ và Nga kiểm soát. Những người khởi nghĩa thành lập Chính phủ dân tộc, chính phủ này ra một bản tuyên bố xóa bỏ những đảm phụ phong kiến và hứa sẽ trao ruộng đất cho nông dân không bồi thường. Trong một bản tuyên bố khác, chính phủ này báo rằng sẽ thành lập những xưởng công nhân có tính chất toàn quốc, tăng tiền công và ban bố quyền bình đẳng cho tất cả mọi công dân. Sau ít ngày, cuộc khởi nghĩa bị dẹp tan. — 34

35 Xem «Giai cấp tư sản và phản cách mạng», trong C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Tuyển tập, gồm 2 tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ 2, 1970, t. I, tr. 70 - 71. — 35.

36 *Gioong-ke* là bọn địa chủ quý tộc Phổ. — 35.

37 *Đạo luật ngoại lệ chống những người xã hội chủ nghĩa* do chính phủ phản động Đức chủ trương năm 1878 để chống phong trào công nhân và xã hội chủ nghĩa, cấm chỉ mọi tổ chức của Đảng dân chủ - xã hội Đức, những tổ chức công nhân có tính chất quần chúng, và báo chí công nhân, hạ lệnh tịch thu các tác phẩm có tính chất dân chủ - xã hội, định ra hình phạt đi đày đối với những đảng viên Đảng dân chủ - xã hội. Đến năm 1890, do áp lực của phong trào công nhân, đạo luật đó đã bị thủ tiêu. — 36.

38 Xem những bức thư của Mác gửi Ăng-ghen đề các ngày 23 tháng Bảy 1877, ngày 1 tháng Tám 1877, ngày 10 tháng Chín 1879 và những bức thư của Ăng-ghen gửi Mác đề các ngày 20 tháng Tám 1879, ngày 9 tháng Chín 1879 (C. Mác và Ph. Ăng-ghen, «Những bức thư chọn lọc», tiếng Nga, Mát-xcơ-va, 1965). — 36.

39 Đây là hai câu thơ của Nê-cra-xốp trong bài thơ «Kỷ niệm Đô-brô-li-u-bốp». — 37.

40 Xem Ph. Ăng-ghen, Lời tựa viết cho tác phẩm «Chiến tranh nông dân ở Đức», trong C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Tuyển tập, gồm 2 tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ 2, 1970, t. I, tr. 771 - 772. — 39.

15—3573

41 *«Niên giám Pháp - Đức»* do Các Mác và A. Ru-gơ sáng lập ở Pa-ri. Chỉ có một số (số đôi) xuất bản năm 1884. — 41.

42 Ph. Ăng-ghen, «Chống Đuy-rinh», tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1959. — 43.

43 Ph. Ăng-ghen, «Chủ nghĩa xã hội phát triển từ không tưởng đến khoa học», dựa vào ba chương trong cuốn «Chống Đuy-rinh», mà in thành sách lẻ dưới nhan đề nói trên, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1958. — 43.

44 Xem tác phẩm này trong C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Tuyển tập, gồm 2 tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ 2, 1970, t. I, tr. 268, 287. — 43.

45 *Như trên*, tr. 445 - 497. — 43.

46 Đây là nói bài «Chính sách đối ngoại của chính phủ Nga hoàng», đăng trong tạp chí «Người dân chủ - xã hội», số đầu tiên (số đôi), dưới đầu đề: «Chính sách ngoại giao của nền đế chế Nga».

«Người dân chủ - xã hội», một tạp chí văn học và chính trị xuất bản ở Luân-đôn và Giơ-ne-vơ hồi 1890 - 1892. Tạp chí này đã có một tác dụng lớn trong việc tuyên truyền chủ nghĩa Mác ở Nga. Sau đó có tái bản 4 lần. — 43.

47 Ph. Ăng-ghen, «Về vấn đề nhà ở», trong C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Tuyển tập, gồm 2 tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ 2, 1970, t. I, tr. 661 - 765. — 43.

48 Ph. Ăng-ghen, «Bàn về những quan hệ xã hội ở Nga», trong C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Tuyển tập, gồm 2 tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ 2, 1970, t. II, tr. 54 - 67. — 43.

49 Tác phẩm của Ăng-ghen «Bàn về những quan hệ xã hội ở Nga», có kèm theo Lời bạt của Người viết cho tác phẩm đó, được dịch ra tiếng Nga và xuất bản thành sách ở Giơ-ne-vơ, năm 1894, dưới nhan đề: «Phri-đrích Ăng-ghen nói về nước Nga». — 43.

50 Cũng như quan niệm của Ăng-ghen, Lê-nin đã ví cuốn «Các học thuyết về giá trị thặng dư» do Mác viết trong thời gian 1862 - 1863, là quyển IV của bộ «Tư bản». Trong Lời tựa quyển II của bộ «Tư bản», Ăng-ghen đã viết: «Tôi có ý định xuất bản phần phê phán của bản thảo đó thành quyển IV của bộ «Tư bản», sau khi gạt bỏ nhiều đoạn đã được dùng trong quyển II và quyển III».

Người mất năm 1895 và đã không kịp chuẩn bị cho việc in quyển đó. Quyển «Các học thuyết về giá trị thặng dư» được Cau-xky xuất bản lần đầu tiên trong những năm 1905, 1910, trong việc xuất bản sách, Cau-xky đã vi phạm những nguyên tắc cơ bản đối với một tác phẩm khoa học và đã xuyên tạc nhiều tư tưởng của Mác.

Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô đã cho xuất bản quyển IV mới, chia làm 3 tập, căn cứ vào bản thảo năm 1862 - 1863. — 43.

51 Thư của Ăng-ghen gửi G. P. Bếc-cơ ngày 15 tháng Mười 1884. — 44.

52 Các Mác, «Điều lệ chung của Hội liên hiệp lao động quốc tế», trong C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Tuyển tập, gồm 2 tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ 2, 1970, t. I, tr. 467; và Ph. Ăng-ghen, Lời tựa để cho bản tiếng Đức «Tuyên ngôn của Đảng cộng sản», xuất bản 1890, trong «Tuyển tập», nói trên, tr. 22. — 45.

53 Bài «Tập thư giữa Mác và Ph. Ăng-ghen» là phần đầu của một tác phẩm lớn do Lê-nin định viết nhân dịp xuất bản 4 tập thư từ giữa Mác và Ăng-ghen bằng tiếng Đức năm 1913. Lê-nin nghiên cứu cẩn thận tập thư giữa Mác và Ăng-ghen. Trong kho lưu trữ của Viện Mác - Lê-nin còn giữ lại được một cuốn vở lớn của Lê-nin (76 trang), trong đó có bản tóm tắt ngắn gọn 4 tập thư và trích lục.

Tác phẩm của Lê-nin «Tập thư giữa Mác và Ăng-ghen» được dự định đăng trong tạp chí «Giáo dục» năm 1914, như báo «Sự thật vô sản» số 7, ngày 14 tháng Chạp, đã báo tin, nhưng khi đó bài báo chưa viết xong, và chỉ được đăng trong báo «Sự thật» ngày 28 tháng Mười một 1920, nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Ăng-ghen. Nhân dịp này, khi chuẩn bị bài báo, Lê-nin đã thêm vào đó tiêu đề nhỏ: «Ăng-ghen, một trong những người sáng lập chủ nghĩa cộng sản» và ghi chú thêm: «Phần đầu một bài báo viết hãy còn dở dang, viết vào năm 1913 hay đầu năm 1914». — 46.

54 *Chủ nghĩa dân túy* — Sau cuộc giải phóng nông nô (1861), phong trào này tiếp tục chủ nghĩa tự do cũ ở Nga, một chủ nghĩa trước đây đã đeo đuổi mãi cuộc đấu tranh chống chế độ phong kiến. Phái dân túy thấy rằng muốn chữa bệnh cho nước nhà thì không phải là bắt chước phương Tây, mà phải quay về với những truyền thống lành mạnh của công xã nông thôn và của các hội liên hiệp lao động gọi là ác-ten. Theo ý họ thì những truyền thống này phân biệt hẳn nhân dân Nga với mọi nhân dân khác và sẽ đưa dân tộc Nga thẳng đến chủ nghĩa xã hội, không cần trải qua những biến động của chủ nghĩa tư bản. Lê-nin nói về học thuyết của phái dân túy như sau: «Hệ thống quan niệm đó có 3 điểm đặc biệt sau này:

1) *Đánh giá chủ nghĩa tư bản ở Nga như là một hiện tượng suy tàn, thụt lùi.* Do đó, có ý muốn «giữ» và «chặn» không cho chủ nghĩa tư bản làm tan rã những trụ cột nghìn xưa của nước Nga, và do đó nảy ra những lời than vãn phản động khác.

2) *Tuyên bố tính chất độc đáo của chế độ kinh tế Nga nói chung, và của người dân với công xã, ác-ten của họ, nói riêng.* Phái dân túy cho rằng ở Nga không cần áp dụng quan niệm về giai cấp xã hội và về xung đột giữa những giai cấp ấy, quan niệm mà khoa học hiện đại đã dựng lên... Họ phủ nhận hay che đậy một sự thật là trong nông dân cũng có những đối kháng riêng của bất cứ nền kinh tế hàng hóa và tư bản chủ nghĩa nào.

3) Không biết đến mối liên hệ giữa những «người trí thức», những cơ quan tư pháp và chính trị với quyền lợi vật chất của một số giai cấp nào đó trong xã hội. Việc phủ nhận mối liên hệ đó, việc không giải thích một cách duy vật những nhân tố xã hội đó bắt buộc người ta phải xem chúng là một lực lượng có thể «đẩy lịch sử theo một chiều hướng khác...» («Chúng ta từ bỏ di sản nào?». Bài báo đó viết vào khoảng cuối năm 1897 khi bị đày ở Xi-bi-ri. Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1974, t. 2, tr. 631 - 689).

Thời kỳ khá nhất của phong trào dân túy là từ 1870 đến 1881 với những tổ chức «Ruộng đất và tự do» rồi đến «Dân ý», những tổ chức này lăn mình vào cuộc đấu tranh cách mạng trực tiếp, và đã tạo ra cho cách mạng Nga một số những người tiền bối anh dũng. Lê-nin luôn luôn kính trọng các vị anh hùng của những tổ chức này. Năm 1881, sau vụ ám sát A-lếch-xan-đrơ II, thì đến những cuộc đàn áp làm tiêu tan hết các tổ chức dân túy. Ngay sau đó, sự phát triển của chủ nghĩa tư bản Nga, sự hình thành của một giai cấp vô sản đông đúc và bị áp bức hết sức nặng nề đã tạo ra một miếng đất thuận lợi cho Đảng dân chủ - xã hội lớn mạnh lên trong cuộc đấu tranh chống truyền thống của phái dân túy. — 50.

55 *Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng* là đảng tiểu tư sản ra đời vào cuối năm 1901 đầu năm 1902 do việc thu hút và thống nhất các nhóm và tiểu tổ dân túy. Quan điểm của họ là một món hẩu lốn gồm chủ nghĩa dân túy và chủ nghĩa xét lại, như Lê-nin đã vạch ra, phái dân túy ra sức «vá víu lại những chỗ rách nát trong những tư tưởng dân túy bằng những mảnh vụn của cái «chủ nghĩa phê phán» chủ nghĩa Mác, một thứ chủ nghĩa phê phán cơ hội chủ nghĩa đang thịnh hành». Họ không nhìn thấy những sự khác nhau về mặt giai cấp giữa giai cấp vô sản và nông dân, làm lu mờ sự sắp xếp giai cấp và những mâu thuẫn giai cấp trong nông dân và không thừa nhận vai trò lãnh đạo của giai cấp vô sản trong cách mạng. Sự khủng bố cá nhân được coi là phương sách chủ yếu trong cuộc đấu tranh chống chế độ Nga hoàng, đã gây thiệt hại lớn cho phong trào công nhân.

Cương lĩnh ruộng đất của họ yêu cầu xóa bỏ chế độ tư hữu ruộng đất và chuyển ruộng đất vào tay các công xã nông dân để sử dụng bình quân và yêu cầu phát triển bằng mọi cách các hợp tác xã. Mặc dù họ gọi đó là một cương lĩnh «xã hội hóa ruộng đất», cương lĩnh đó không hề giống với chủ nghĩa xã hội, bởi vì — như Lê-nin đã vạch ra — chỉ riêng việc xóa bỏ chế độ tư hữu ruộng đất thì không thể chấm dứt được sự thống trị của tư bản và cảnh cùng khổ của quần chúng. Điểm tiến bộ duy nhất trong cương lĩnh của họ là đòi hỏi xóa bỏ chế độ chiếm hữu ruộng đất, — điều này, về mặt khách quan, phản ánh những lợi ích và nguyện vọng của nông dân trong cuộc cách mạng dân chủ tư sản.

Đảng bôn-sê-vích đã vạch trần những mưu đồ của những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng muốn tự coi mình là những người xã hội chủ nghĩa, và đấu tranh chống ảnh hưởng của họ trong nông dân, vạch rõ tác hại của cái sách lược khủng bố cá nhân của họ trong phong trào công nhân.

Đồng thời những người bôn-sê-vích tán thành liên minh với những người xã hội chủ nghĩa cách mạng với điều kiện là cùng thành lập một mặt trận thống nhất chống chế độ Nga hoàng.

Trong cuộc Cách mạng Nga lần thứ nhất, cánh hữu của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng thành lập *Đảng lao động xã hội chủ nghĩa - nhân dân*, là một đảng hợp pháp, liên minh với Đảng dân chủ - lập hiến; còn cánh tả của nó thì đã thành lập một tổ chức nửa vô chính phủ chủ nghĩa là *Liên đoàn của phái đa số*. Trong cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất, những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng đã đứng trên lập trường xã hội - sô-vanh.

Sau Cách mạng tháng Hai 1917, phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng, dân chủ - lập hiến và men-sê-vích là những cột trụ chính của Chính phủ lâm thời tư sản - địa chủ phản cách mạng và ba lãnh tụ của bọn chúng — Kê-ren-xki, Áp-xen-chi-ép và Tséc-nốp — là những thành viên của chính phủ đó. Cuối tháng Mười một 1917, cánh tả xã hội chủ nghĩa - cách mạng thành lập *Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng cánh tả*. Để duy trì ảnh hưởng của họ trong nông dân, cánh tả xã hội chủ nghĩa - cách mạng, trên hình thức thừa nhận Chính quyền xô-viết và thỏa thuận với những người bôn-sê-vích, nhưng chẳng bao lâu sau, họ đã tỏ ra chống lại Chính quyền xô-viết. — 50.

56 *Chủ nghĩa Pru-đông* — những người theo một trào lưu xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản phản khoa học và thù địch với chủ nghĩa Mác, trào lưu này lấy tên của Pru-đông, một phần tử vô chính phủ chủ nghĩa Pháp và là nhà tư tưởng của trào lưu này. Pru-đông đứng trên lập trường tiểu tư sản để phê phán chế độ đại sở hữu tư bản chủ nghĩa, ông mơ ước duy trì vĩnh viễn chế độ tiểu tư hữu, đề xướng việc tổ chức ngân hàng «nhân dân» và ngân hàng «trao đổi» thông qua đó công nhân tuồng như có thể sắm các tư liệu sản xuất cho bản thân mình, trở thành những thợ thủ công và đảm bảo việc tiêu thụ «công bằng» các sản phẩm của mình. Pru-đông không hiểu vai trò lịch sử của giai cấp vô sản, có thái độ phủ nhận đối với cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản; đứng trên lập trường vô chính phủ ông đã phủ nhận sự cần thiết của nhà nước. Mác và Ăng-ghen đấu tranh triệt để chống lại các mưu toan của phái Pru-đông muốn Quốc tế I chấp hành theo những quan điểm của họ. Chủ nghĩa Pru-đông bị Mác kịch liệt phê phán trong tác phẩm «Sự khốn cùng của triết học». Cuộc đấu tranh quyết liệt của Mác, Ăng-ghen và của những môn đồ của hai ông chống chủ nghĩa Pru-đông trong Quốc tế I đã kết thúc bằng thắng lợi hoàn toàn của chủ nghĩa Mác đối với chủ nghĩa Pru-đông.

Lê-nin gọi chủ nghĩa Pru-đông là «một sự ngu xuẩn của anh chàng tiểu thị dân và phi-li-xtanh» không có khả năng hấp thụ quan điểm của giai cấp công nhân. Tư tưởng Pru-đông đã được «các nhà lý luận» tư sản sử dụng rộng rãi nhằm tuyên truyền cho thuyết hợp tác giai cấp. — 50.

57 Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Nga, t. XXI, tr. 33. — 51.

58 *«Chủ nghĩa xã hội chân chính»* là một xu hướng phản động trong số trí thức tiểu tư sản ở Đức năm 1840. Đại biểu cho xu hướng này là C. Gruyn, M. Hét-xơ, H. Cri-ghê và những người khác; nó pha trộn chủ nghĩa xã hội với những thuyết giáo tình cảm về tình thương yêu và bác ái phổ biến, phủ nhận tính tất yếu của một cuộc cách mạng dân chủ tư sản ở Đức. «Chủ nghĩa xã hội chân chính» đã được Mác và Ăng-ghen phê phán trong cuốn «Hệ tư tưởng Đức», «Thông tư chống lại Cri-ghê», «Tuyên ngôn của Đảng cộng sản» và các tác phẩm khác. — 51.

59 Bài của V. I. Lê-nin «Ba nguồn gốc và ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác», viết nhân dịp kỷ niệm 30 năm ngày mất của Các Mác, đã được đăng trong tạp chí «Giáo dục», số 3, năm 1913.

«Giáo dục» là tạp chí xã hội - chính trị và văn học bôn-sê-vích ra hằng tháng, xuất bản hợp pháp ở Pê-téc-bua từ tháng Chạp 1911. Tạp chí được thành lập theo chỉ thị của Lê-nin để thay cho tờ tạp chí bôn-sê-vích «Tư tưởng», xuất bản ở Mát-xcơ-va, bị chính phủ Nga hoàng đóng cửa. Từ nước ngoài, Lê-nin lãnh đạo tạp chí «Giáo dục», trong tạp chí đã đăng những tác phẩm sau đây của Người: «Những vấn đề nguyên tắc của chiến dịch bầu cử», «Tổng kết cuộc bầu cử», «Những nhận xét phê phán về vấn đề dân tộc», «Bàn về quyền dân tộc tự quyết» và các tác phẩm khác.

Tạp chí bị chính phủ Nga hoàng đóng cửa trước ngày nổ ra chiến tranh thế giới lần thứ nhất, vào tháng Sáu 1914. Tạp chí đã được xuất bản lại vào mùa thu 1917: tạp chí xuất bản được một số (số đôi), trong đó có đăng tác phẩm của Lê-nin «Những người bôn-sê-vích có giữ được chính quyền không?» và «Sửa đổi cương lĩnh của Đảng». — 55.

60 Bài này đăng lần đầu ngày 1 tháng Ba 1913 trong tờ báo bôn-sê-vích công khai «Sự thật», số 50 (254).

«Sự thật» — báo bôn-sê-vích hợp pháp ra hàng ngày; số đầu tiên ra ở Pê-téc-bua ngày 22 tháng Tư (5 tháng Năm) năm 1912. Báo xuất bản do tiền của công nhân quyên góp; nó được phổ biến với số lượng đến 4 vạn tờ, số lượng in một số cá biệt đã đến 6 vạn. Việc ra tờ báo công nhân hàng ngày, V. I. Lê-nin coi đó là một sự nghiệp lịch sử vĩ đại mà công nhân Pê-téc-bua đã thực hiện được. «Sự thật» hàng ngày gắn liền đảng với đông đảo quần chúng nhân dân. Chung quanh tờ báo đã tập hợp cả một đạo quân thông tin viên công nhân. V. I. Lê-nin đã lãnh đạo tờ báo. Hầu như hàng ngày Người viết bài cho báo, ra chỉ thị cho tòa soạn nhằm làm cho tờ báo có tinh thần chiến đấu và cách mạng. Trong tòa soạn «Sự thật» đã tập trung đại bộ phận công tác tổ chức của đảng.

«Sự thật» thường xuyên bị cảnh sát truy nã. Ngày 8 (21) tháng Bảy năm 1914, báo bị đóng cửa. Việc xuất bản tờ báo được bắt đầu lại chỉ sau cuộc Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917. Vì bị Chính phủ lâm thời tư sản truy nã, nên báo đã phải đổi tên nhiều lần. Từ ngày 27 tháng Mười (9 tháng Mười một) báo ra dưới cái tên cũ «Sự thật». Hiện nay, báo «Sự thật» là cơ quan của Ban chấp hành trung ương ĐCSLX. — 61.

[61] Cách mạng 1848 nổ ra ở Pháp ngày 24 tháng Hai 1848. Kết quả:

1) vua Lu-i Phi-líp thoái vị;

2) chế độ cộng hòa được dựng lên với một chính phủ lâm thời gồm có La-mác-tin, A-ra-gô, Đuy-pông đơ Lơ-rơ, Ma-ri, Gác-ni-ê Pa-gie, Crê-mi-ơ, Ma-rát, Lơ-đơ-ruy Rô-lanh, Lu-i Blăng, Phlô-công, người công nhân An-be;

3) phổ thông đầu phiếu và quyền lao động được ban hành.

Nhưng sau đó thì lập tức tư sản và vô sản đấu tranh với nhau. Cuộc đấu tranh kết thúc vào những ngày đổ máu tháng Sáu 1848 (24 - 26 tháng Sáu). Vô sản thất bại. Từ đó, tư sản dọn đường cho nền đế chế của Na-pô-lê-ông III (1852). — 61.

[62] *Quốc tế I* (1864 - 1872) hay là Hội liên hiệp lao động quốc tế. Mác đã soạn ra điều lệ; trên đầu bản điều lệ có một bài mở đầu bất hủ và Lời kêu gọi thành lập Hội. — 62.

[63] Cuối năm 1893 tạp chí «Của cải nước Nga» đã tập hợp xung quanh mình bọn dân túy tự do, in bài chống lại chủ nghĩa Mác. Những bài báo này xuyên tạc học thuyết của chủ nghĩa Mác về xã hội, về cách mạng, về chủ nghĩa xã hội.

Cuốn sách của V. I. Lê-nin «Những «người bạn dân» là thế nào và họ đấu tranh chống những người dân chủ - xã hội ra sao?» đã đóng một vai trò to lớn trong việc đập tan phái dân túy.

«Những người bạn dân» là ám chỉ bọn dân túy, phe cánh của phái dân túy, một trào lưu chính trị tư tưởng xuất hiện ở Nga vào những năm 60 - 70 của thế kỷ XIX. Xem thêm chú thích 54. — 65.

[64] Lê-nin dùng cái tên A-rắc-tsê-ép, một quyền thần dưới triều vua Pa-ven I và A-lếch-xan-đrơ I, thành danh từ chung. Tên hắn gắn liền với cả một thời kỳ độc tài cảnh sát vô hạn độ và chuyên chế quân phiệt của chính phủ. — 66.

[65] Đây là nói về đảng «Dân quyền», tổ chức bí mật của những người trí thức dân chủ thành lập vào năm 1893, có những hội viên cũ của phái Dân ý tham gia và đã bị chính phủ Nga hoàng phá vỡ năm 1894. Tổ chức này đã đưa ra hai tài liệu cương lĩnh: «Một vấn đề cấp thiết» và «Bản tuyên ngôn». Xem lời nhận xét của Lê-nin về các đảng viên đảng «Dân quyền» về phương diện là một chính đảng và tác phẩm «Những nhiệm vụ của những người dân chủ - xã hội Nga» (Toàn tập, t. 2). Phần đông đảng viên đảng «Dân quyền» sau đó đều gia nhập phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng. — 67.

[66] *Phái Dân ý* là tổ chức chính trị bí mật của phái dân túy, chủ trương khủng bố, thành lập vào tháng Tám 1879. Mục đích trực tiếp của họ là lật đổ chế độ Nga hoàng. Cương lĩnh của họ là chủ trương thiết lập chế độ «đại biểu nhân dân thường trực» trên cơ sở đầu phiếu phổ thông, thực hiện

các quyền tự do dân chủ, chuyển ruộng đất vào tay nhân dân và thi hành những biện pháp nhằm đặt các nhà máy dưới sự kiểm soát của công nhân. Song, phái Dân ý đã không được quần chúng ủng hộ và đã dùng đến chính sách âm mưu và hành động khủng bố cá nhân.

Phái Dân ý đã bị chính phủ Nga hoàng phá tan sau vụ ám sát A-lếch-xan-đrơ II ngày 1 (13) tháng Ba 1881. — 69.

[67] Ý nói đến các nước Tây Âu, nơi chủ nghĩa tư bản xuất hiện và phát triển sớm hơn ở Nga. — 70.

[68] *Cái giường Prô-crút* — đây là lối nói phỏng theo tên của Prô-crút, một tên kẻ cướp khổng lồ trong thần thoại, tên này quyến rũ những người đồng hành đến với mình và đặt họ lên giường: đối với những người nằm ngắn hơn giường thì Prô-crút kéo cho dài thêm, còn đối với những người nằm dài hơn giường thì Prô-crút chặt bớt chân đi. Từ đó mà có câu nói: đặt nằm vào cái giường Prô-crút, nghĩa là dùng vũ lực mà gán ghép một cách không tự nhiên, một cái gì đó vào một hình thức không thích hợp. — 76.

[69] Xem Lời bạt viết cho lần xuất bản thứ hai, quyển I, bộ «Tư bản» (C. Mác, «Tư bản», tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1960, q. I, t. I, tr. 28). — 78.

[70] Lê-nin dẫn thư của C. Mác gửi cho Ru-gơ (tháng Chín 1843). Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghen, «Bàn về văn học và nghệ thuật», tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1958, tr. 22. — 78.

[71] *Lời phản kháng của những người dân chủ - xã hội Nga* — do Lê-nin thảo ra năm 1899 hồi đang bị đày. Mục đích của bài này là nhằm chống lại bản «Credo», tuyên ngôn của «phái kinh tế» (X. Prô-cô-pô-vích, E. Cu-xcô-va và nhiều người khác, sau này đều trở thành dân chủ - lập hiến). Ngay sau khi nhận được bản «Credo» (thông qua A. Ê-li-da-rô-va, chị ruột của Lê-nin), Lê-nin liền thảo bài này, nhằm kịch liệt phản đối và vạch mặt nạ bản «Credo» ấy.

«Lời phản kháng» được đưa ra nghiên cứu và được nhất trí thông qua trong một cuộc họp của 17 người mác-xít (bị đày về hoạt động chính trị), cuộc họp này do Lê-nin tổ chức tại làng Éc-ma-cốp-xcôi-ê, trong huyện Mi-nu-xin-xcơ. Những nhóm bị đày ở Tu-ru-khan-xcơ và Ô-ri-ôn (trong tỉnh Vi-át-ca) cũng tán thành «Lời phản kháng» đó.

Văn kiện này đã được Lê-nin gửi ra ngoài nước, cho nhóm «Giải phóng lao động». Đầu năm 1900, nó được đăng trong một văn tập do G. Plê-kha-nốp xuất bản: «Vademecum» («Chỉ nam») nhằm chống lại phái kinh tế, đồng thời gởi cho tờ «Sự nghiệp công nhân». — 81.

[72] *Nhóm «Giải phóng lao động»* là một nhóm mác-xít Nga đầu tiên do Plê-kha-nốp thành lập ở Giơ-ne-vơ năm 1883 và tồn tại cho đến Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga (1903).

Nhóm đó đóng một vai trò quan trọng trong việc truyền bá chủ nghĩa Mác ở Nga. Nhóm ấy đã dịch, cho in ở nước ngoài và bí mật phổ biến ở Nga những tác phẩm của các vị sáng lập ra chủ nghĩa Mác: «Tuyên ngôn của Đảng cộng sản» của Mác và Ăng-ghen, «Lao động làm thuê và tư bản» của Mác, «Chủ nghĩa xã hội phát triển từ không tưởng đến khoa học» của Ăng-ghen, v. v.. Plê-kha-nốp và nhóm «Giải phóng lao động» đã giáng một đòn quyết định vào phái dân túy. Nhưng nhóm đó đã phạm những sai lầm nghiêm trọng, là mầm mống của những quan điểm men-sê-vích sau này của một số phần tử trong nhóm; chính Plê-kha-nốp cũng là một trong những phần tử đó. — 81.

73 *Chủ nghĩa Blăng-ki* là một xu hướng xuất hiện trong phong trào xã hội chủ nghĩa ở Pháp, do Lu-i Ôguy-xtơ Blăng-ki (1805 - 1881) chủ trương. Các sách kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin tuy vẫn coi Blăng-ki là một nhà cách mạng xuất chúng và là một người tán thành chủ nghĩa xã hội, nhưng phê bình ông ta về chủ nghĩa biệt phái và phương pháp hoạt động bằng âm mưu của ông ta. Chủ nghĩa Blăng-ki không thừa nhận đấu tranh giai cấp và không cho là có thể giải phóng nhân loại khỏi ách nô lệ làm thuê bằng cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản, mà chỉ bằng âm mưu của một thiểu số trí thức. — 82.

74 *Chủ nghĩa Béc-stanh* là một xu hướng đối địch với chủ nghĩa Mác trong phong trào dân chủ - xã hội quốc tế, hồi cuối thế kỷ XIX ở Đức, và sở dĩ gọi như vậy là lấy tên E-đu-a Béc-stanh, một thủ lĩnh trội nhất của những phần tử cơ hội chủ nghĩa cánh hữu trong Đảng dân chủ - xã hội Đức. Béc-stanh chủ trương xét lại chủ nghĩa Mác theo tinh thần của chủ nghĩa tự do tư sản.

Ở Nga, những kẻ theo chủ nghĩa Béc-stanh gồm có phái «mác-xít hợp pháp», phái kinh tế, phái Bun và phái men-sê-vích. — 83.

75 Xem chú thích 33. — 85.

76 *Hội liên hiệp lao động quốc tế*, tức là *Quốc tế I*, — do Mác sáng lập ra ở Luân-đôn, vào mùa thu 1864. Được Mác và Ăng-ghen lãnh đạo, Quốc tế I lãnh đạo đấu tranh kinh tế và chính trị của các nước và củng cố sự đoàn kết quốc tế giữa các nước đó. Nó đấu tranh chống bọn vô chính phủ chủ nghĩa theo phái Pru-đông, bọn Ba-cu-nin và những phái khác chống chủ nghĩa Mác. Trên thực tế, Quốc tế I đã giải tán từ năm 1872. Ý nghĩa lịch sử của nó là ở chỗ «đã đặt những cơ sở cho tổ chức quốc tế của những người lao động để họ chuẩn bị mở cuộc tấn công cách mạng chống tư bản» (Lê-nin). — 86.

77 Xem chú thích 56. — 86.

78 C. Mác, «Sự khốn cùng của triết học». — 87.

79 *Chủ nghĩa xã hội giảng đường* là một khuynh hướng xuất hiện trong những năm 70 của thế kỷ XIX trong chính trị kinh tế học tư sản Đức. Những

người đại biểu cho khuynh hướng này đã lợi dụng giảng đàn các trường đại học để truyền bá chủ nghĩa cải lương tự do của giai cấp tư sản thay cho chủ nghĩa xã hội. Những người theo khuynh hướng này quả quyết rằng nhà nước tư sản là một nhà nước gọi là siêu giai cấp, có khả năng hòa giải các giai cấp thù địch, và thực hiện «chủ nghĩa xã hội» một cách tuần tự, không cần phải đụng chạm đến quyền lợi của các nhà tư bản và đồng thời chiều cố, nếu có thể được, đến những yêu sách của nhân dân lao động. — 88.

80 Ở đây Lê-nin phê phán cái luận điểm của phái Lát-xan cho rằng so với giai cấp công nhân, thì tất cả các giai cấp khác chỉ là một khối phản động. Luận điểm ấy đã đưa vào trong cương lĩnh của những người dân chủ - xã hội Đức, tại Đại hội Gô-ta năm 1875, đại hội thống nhất hai phái trước đây vẫn chia rẽ: phái Ai-xơ-nách và phái Lát-xan.

Tính chất phản cách mạng của luận điểm ấy đã được Mác vạch rõ trong cuốn «Phê phán cương lĩnh Gô-ta» (trong C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Tuyển tập, gồm 2 tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ 2, 1970, t. II, tr. 23 - 24.) — 88.

81 *Hội liên hiệp công nhân Nga ở miền Bắc* là một trong những tổ chức chính trị cách mạng đầu tiên của giai cấp công nhân ở Nga, khi mà phong trào công nhân bắt đầu xây dựng được cơ sở. Hội được thành lập ở Xanh Pê-téc-bua vào cuối năm 1878 bởi Vích-to Ốp-noóc-xki, một người thợ nguội và Khan-tu-rin, một người thợ mộc. Cương lĩnh của hội được thông qua trong cuộc họp ngày 23 và 30 tháng Chạp 1878, đã xác định rõ vai trò lịch sử của giai cấp công nhân. Khẳng định rằng giai cấp công nhân là giai cấp tiên tiến nhất trong xã hội, nó đòi hỏi những quyền lợi chính trị và những quyền tự do cho công nhân, coi đó là một sự thiết yếu để giải phóng họ khỏi sự bóc lột, và kêu gọi công nhân Nga phối hợp lực lượng của họ với giai cấp vô sản các nước khác trong cuộc đấu tranh giai cấp chung. Mục tiêu cuối cùng của nó là «đánh đổ chế độ chính trị và kinh tế hiện hành là một chế độ cực kỳ bất công». Tuy nhiên, nó vẫn chưa thoát khỏi ảnh hưởng của phái dân túy.

Đầu năm 1879, hội có 200 hội viên và khá nhiều người cảm tình. Nó tiến hành đấu tranh tích cực. Năm 1879 và đầu năm 1880, nó bị chính phủ Nga hoàng giải tán. Ngày 15 tháng Hai 1880, nó cho ra tờ «Bình minh công nhân», một tờ báo công nhân đầu tiên ở Nga, nhưng hầu hết các bản đều bị cảnh sát tịch thu. — 88.

82 *Hội liên hiệp công nhân Nga ở miền Nam* là một trong những tổ chức chính trị cách mạng đầu tiên của giai cấp công nhân ở Nga. Hội được thành lập hồi tháng Tư - tháng Năm 1875 ở Ô-đét-xa, do nhà trí thức cách mạng I. O. Da-xláp-xki. Điều lệ của hội là bản điều lệ lần đầu tiên trong lịch sử phong trào công nhân Nga, đã bàn đến vấn đề đấu tranh của công nhân chống chủ nghĩa tư bản và đã vạch ra rằng chỉ có «thông qua một cuộc cách mạng bạo lực», công nhân mới có thể giành được việc thừa

nhận những quyền lợi của mình. Hội gồm có 60 hội viên và độ 150 đến 200 người cảm tình. Những hội viên của hội họp bí mật, đọc những sách báo dân chủ và cách mạng và lưu hành những sách báo đó trong nhân dân. Họ cũng tham gia hoạt động tích cực trong cuộc đấu tranh.

Hội ra sức giành ảnh hưởng trong công nhân vùng Rô-xtốp trên sông Đôn, Khác-cốp, Ta-gan-rốp và các trung tâm công nghiệp khác ở miền Nam nước Nga. Hội bị chính phủ Nga hoàng giải tán hồi tháng Chạp 1875, sau tám, chín tháng tồn tại. Những hội viên chạy thoát khỏi cuộc bắt bớ vẫn tiếp tục hoạt động cách mạng. — 88.

83 *Báo «Tư tưởng công nhân»* là tờ báo của «phái kinh tế», xuất bản từ tháng Mười 1897 đến tháng Chạp 1902, tất cả mười sáu số. Số 3 - 11 và 16 xuất bản ở Béc-lanh, các số khác — ở Pê-téc-bua. Tờ báo này do K. Ta-ta-rép và những người khác lãnh đạo.

Lê-nin đã phê phán những quan điểm của «Tư tưởng công nhân». Trong nhiều tác phẩm của Người, nhất là trong những bài đăng trong báo «Tia lửa», cũng như trong cuốn «Làm gì?», Lê-nin cho những quan niệm ấy là một loại chủ nghĩa cơ hội quốc tế ở Nga. — 90.

84 *«Báo công nhân Xanh Pê-téc-bua khổ nhỏ»* là cơ quan của Hội liên hiệp đấu tranh để giải phóng giai cấp công nhân Pê-téc-bua. Chỉ ra được hai số. Số 1 vào tháng Hai (để là tháng Giêng, theo lịch cũ) 1897, và số 2 ở Giơ-ne-vơ hồi tháng Chín 1897.

Tờ báo kêu gọi công nhân kết hợp cuộc đấu tranh kinh tế của họ với những yêu sách chính trị rộng lớn, và nhấn mạnh sự cần thiết phải thành lập một đảng công nhân. — 90.

85 *«Báo công nhân»* là cơ quan bất hợp pháp của nhóm dân chủ - xã hội Ki-ép, ra được hai số: số 1, hồi tháng Tám 1897, và số 2, tháng Chạp (trên tờ báo để là tháng Mười một theo lịch cũ) 1897. Đại hội lần thứ nhất của Đảng dân chủ - xã hội Nga đã công nhận «Báo công nhân» là cơ quan chính thức của đảng. Nhưng sau đại hội, nhà in của tờ báo bị cảnh sát cướp phá, và các ủy viên Ban chấp hành trung ương bị bắt, nên «Báo công nhân» không ra được nữa. — 90.

86 *Đại hội I Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga,* họp ở Min-xcơ, từ 1 đến 3 (13 đến 15) tháng Ba 1898. Tham dự đại hội có 9 đại biểu của 6 tổ chức: Pê-téc-bua, Mát-xcơ-va, Ê-ca-tê-ri-nô-xláp, và «Hội liên hiệp đấu tranh để giải phóng giai cấp công nhân» ở Ki-ép, nhóm «Báo công nhân» ở Ki-ép và Tổng hội Bun. Đại hội đã bầu Ban chấp hành trung ương của đảng, thừa nhận «Báo công nhân» là cơ quan chính thức của đảng, công bố một bản Tuyên ngôn và tuyên bố rằng «Hội liên hiệp những người dân chủ - xã hội Nga ở nước ngoài» là tổ chức đại diện cho đảng ở nước ngoài (xem «Đảng cộng sản Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị và hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương», ph. I, 1954, tr. 11 - 15).

Ý nghĩa của Đại hội I Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga là ở chỗ trong những quyết định và trong bản Tuyên ngôn của mình, đại hội đã tuyên bố thành lập Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga và do đó đã đóng một vai trò cách mạng - tuyên truyền rất lớn. Nhưng đại hội đã không thông qua bản cương lĩnh, không thảo ra điều lệ của đảng. Ban chấp hành trung ương do đại hội bầu ra đã bị bắt, nhà in «Báo công nhân» đã bị tịch thu, cho nên đại hội đã không thống nhất và gắn bó các nhóm và tổ chức mác-xít lại được. Đảng đã không có sự lãnh đạo của một trung ương duy nhất và của một đường lối duy nhất trong công tác của các tổ chức địa phương. — 90.

87 Xem chú thích 66. — 92.

88 *Đại hội Han-nô-vơ của đảng dân chủ - xã hội Đức* họp từ ngày 9 đến 14 tháng Mười (tức là từ 27 tháng Chín đến ngày 2 tháng Mười lịch cũ) 1899. Au-gu-xtơ Bê-ben đã phát biểu về vấn đề chủ yếu trong chương trình nghị sự «Những cuộc tấn công vào các quan điểm cơ bản của đảng và vào sách lược của đảng». Nói về bài phát biểu này, Lê-nin đã viết rằng những bài diễn văn ấy mãi mãi sẽ là «một mẫu mực về việc bảo vệ những quan điểm mác-xít và đấu tranh có tính chất thật sự xã hội chủ nghĩa của đảng công nhân» (V. I. Lê-nin, Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 23, tr. 368 - 369).

Mặc dù chính trong đại hội cũng có những ý kiến bất đồng với những quan điểm xét lại của Béc-stanh, nhưng nó đã không có được một sự phê phán thích đáng chủ nghĩa Béc-stanh.

Nghị quyết thông qua ở đại hội ấy đã bác bỏ những yêu sách của bọn xét lại, nhưng lại không phê phán và vạch mặt chủ nghĩa Béc-stanh. Cả những người tán thành Béc-stanh cũng biểu quyết tán thành nghị quyết. — 94.

89 Đây là nói về «Báo công nhân», mà bài báo này viết để gửi đăng ở đó. — 95.

90 *Đạo luật ngày 2 (14) tháng Sáu 1897* quy định ngày làm việc 11 giờ rưỡi trong các xí nghiệp công nghiệp và các công xưởng đường sắt. Trước khi ban hành đạo luật này, ngày lao động ở Nga không có giới hạn và kéo dài đến 14 - 15 giờ. Dưới sức ép của phong trào công nhân đang ngày càng phát triển dưới sự lãnh đạo của Hội liên hiệp đấu tranh để giải phóng giai cấp công nhân do Lê-nin chỉ đạo, chính phủ Nga hoàng đã buộc phải ban hành đạo luật ngày 2 tháng Sáu 1897. Lê-nin đã phân tích tỉ mỉ và phê phán đạo luật ấy trong bài «Luật công xưởng mới» (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1974, t. 2, tr. 321 - 368). Xem thêm chú thích 106. — 96.

91 *Phái Lát-xan và phái Ai-xơ-nách* là hai đảng trong phong trào công nhân Đức vào những năm 60 và vào đầu những năm 70 của thế kỷ XIX; giữa hai đảng này đã diễn ra một cuộc đấu tranh khốc liệt, chủ yếu là về vấn đề sách lược và trước hết là về vấn đề gay gắt nhất của đời sống chính trị nước Đức trong những năm đó: những giải pháp để thống nhất nước Đức.

Phái Lát-xan, gồm những người tán thành và những môn đồ của nhà xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản Đức Ph. Lát-xan, những thành viên của Tổng hội công nhân Đức. Tổng hội này được thành lập vào năm 1863 tại đại hội toàn thể công nhân họp ở Lai-pxích, để đối lập với những phần tử tiến bộ tư sản muốn giai cấp công nhân phải chịu ảnh hưởng của họ. Lát-xan, người thảo ra cương lĩnh và những nguyên lý sách lược của Tổng hội, là chủ tịch đầu tiên của Tổng hội công nhân Đức. Cương lĩnh chính trị của Tổng hội là đấu tranh cho quyền phổ thông đầu phiếu; cương lĩnh kinh tế của nó là đòi thành lập các nghiệp đoàn do nhà nước trợ cấp. Trong hoạt động thực tiễn của họ, Lát-xan và những người tán thành và kế tục Lát-xan đã thích nghi với nền độc tài của nước Phổ, đã ủng hộ chính sách nước lớn của Bi-xmác. Ngày 27 tháng Giêng 1865, Ph. Ăng-ghen đã viết cho C. Mác như sau: «khách quan mà nói thì đối với toàn bộ phong trào công nhân, đó là hành động đê tiện và là sự phản bội có lợi cho bọn người Phổ» (C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Nga, t. XXIII, 1932, tr. 232). C. Mác và Ph. Ăng-ghen đã phê phán nhiều lần và kịch liệt lý luận, sách lược và những nguyên tắc tổ chức của phái Lát-xan, coi đó là một trào lưu cơ hội chủ nghĩa trong phong trào công nhân Đức.

Phái Ai-xơ-nách gồm những đảng viên Đảng công nhân dân chủ - xã hội Đức, được thành lập ở Ai-xơ-nách vào năm 1869. A. Bê-ben và V. Liếp-nếch — là những người chịu ảnh hưởng tư tưởng của C. Mác và Ph. Ăng-ghen — là những lãnh tụ của phái Ai-xơ-nách chỉ rõ rằng Đảng công nhân dân chủ - xã hội Đức coi mình là «một chi bộ của Hội liên hiệp công nhân quốc tế và tán thành khuynh hướng của hội đó». Nhờ những lời khuyên và sự phê phán thường xuyên của Mác và Ăng-ghen, phái Ai-xơ-nách đã thực hiện được chính sách cách mạng triệt để hơn Tổng hội công nhân Đức của phái Lát-xan; đặc biệt là trong các vấn đề thống nhất nước Đức, phái Ai-xơ-nách đã giữ vững «đường lối dân chủ và vô sản, đấu tranh chống lại những sự nhượng bộ, dù là nhỏ nhất đối với chủ nghĩa Phổ, chủ nghĩa Bi-xmác, chủ nghĩa dân tộc» (V. I. Lê-nin, Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 23, tr. 336).

Việc thành lập đế quốc Đức năm 1871 đã xóa bỏ được sự bất đồng chủ yếu về sách lược giữa phái Lát-xan và phái Ai-xơ-nách và năm 1875, do ảnh hưởng của cao trào công nhân và do chính phủ tăng cường đàn áp, tại đại hội Gô-ta, hai đảng đã hợp nhất lại thành một đảng duy nhất, Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Đức (về sau là Đảng dân chủ - xã hội Đức). — 98.

92 *Phái Ghe-đơ và phái khả năng chủ nghĩa* là hai trào lưu cách mạng và cơ hội chủ nghĩa trong phong trào xã hội chủ nghĩa Pháp. Sau khi Đảng công nhân Pháp bị phân liệt tại đại hội Xanh Ê-chiên năm 1882, nó đã hình thành hai đảng.

Phái Ghe-đơ gồm những người tán thành Gi. Ghe-đơ và P. La-phác-gơ, là trào lưu mác-xít cánh tả, bênh vực chính sách cách mạng độc lập của giai cấp vô sản. Phái Ghe-đơ giữ nguyên tên «Đảng công nhân

Pháp» và vẫn trung thành với cương lĩnh của đảng đã thông qua năm 1880 ở Ha-vrơ, cương lĩnh mà phần lý luận là do C. Mác viết. Phái Ghe-đơ có ảnh hưởng lớn trong các trung tâm công nghiệp Pháp, đã đoàn kết được những phần tử tiên tiến trong giai cấp công nhân.

Phái khả năng chủ nghĩa (P. Brút-xơ, B. Ma-lông, v. v.) là trào lưu cải lương tiểu tư sản, hướng giai cấp vô sản vào con đường thoát ly những phương pháp đấu tranh cách mạng. Phái khả năng chủ nghĩa thành lập «Đảng công nhân xã hội - cách mạng»; họ phủ nhận cương lĩnh cách mạng và sách lược cách mạng của giai cấp vô sản, làm lu mờ những mục đích xã hội chủ nghĩa của phong trào công nhân, đề ra nhiệm vụ hạn chế cuộc đấu tranh của công nhân trong khuôn khổ «có khả năng» (possible), — và đó là tên gọi của phái này. Ảnh hưởng của phái khả năng chủ nghĩa lan rộng chủ yếu là trong những vùng kinh tế lạc hậu nhất của nước Pháp và trong những tầng lớp chậm tiến của giai cấp công nhân.

Cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, do việc nhà xã hội chủ nghĩa Min-lơ-răng tham gia nội các tư sản, nên trong hàng ngũ chủ nghĩa xã hội Pháp đã có sự phân chia lại lực lượng: năm 1901, những người tán thành đấu tranh giai cấp cách mạng, đứng đầu là Gi. Ghe-đơ, đã hợp thành Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp (các đảng viên của đảng này được người ta dùng tên lãnh tụ của mình để đặt tên đảng: phái Ghe-đơ); năm 1902, những người cải lương chủ nghĩa tán thành hợp tác với giai cấp tư sản và tham gia các cơ quan của nhà nước tư sản («phái tham gia nội các»), đã thành lập Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp, đứng đầu là Gi. Giô-re-xơ. Năm 1905, hai đảng này hợp nhất thành Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp. Trong thời kỳ chiến tranh đế quốc chủ nghĩa 1914 - 1918, ban lãnh đạo của đảng này (Ghe-đơ, Xam-ba, v. v.) phản bội lại sự nghiệp của giai cấp công nhân, đã chuyển sang lập trường chủ nghĩa xã hội - sô-vanh. — 98.

93 *Phái Pha-biêng* gồm những thành viên của Hội Pha-biêng, một tổ chức cải lương chủ nghĩa ở Anh, thành lập năm 1884; hội mang tên của một thống soái La-mã ở thế kỷ III trước công nguyên: Pha-bi-út Mác-xim, được mệnh danh là «Công-ta-to» («Người chờ thời») vì chiến thuật chờ thời cơ của ông, không chịu mở những trận đánh quyết định trong cuộc chiến tranh chống Han-ni-ban. Các hội viên của Hội Pha-biêng gồm chủ yếu là những đại biểu của giới trí thức tư sản: các nhà bác học, nhà văn, nhà hoạt động chính trị (chẳng hạn như X. và B. Ve-bơ, B. Sô, R. Mác - Đô-nan, v. v.), họ phủ nhận tính tất yếu của cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản và của cách mạng xã hội chủ nghĩa và khẳng định rằng bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội chỉ có thể thực hiện được bằng những cuộc cải cách nhỏ, cải tạo xã hội dần dần. Hội Pha-biêng, thù địch với chủ nghĩa Mác, đã và đang giữ vai trò truyền ảnh hưởng tư sản vào giai cấp công nhân, đã sản sinh ra những tư tưởng cơ hội chủ nghĩa và xã hội - sô-vanh trong phong trào công nhân Anh. V. I. Lê-nin đã nhận định chủ nghĩa Pha-biêng là «xu hướng *chủ nghĩa cơ hội cực đoan*» (xem V. I. Lê-nin, Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 16, tr. 338). Năm 1900, Hội Pha-biêng gia nhập Công đảng Anh. «Chủ nghĩa xã hội Pha-

biêng» là một trong những nguồn gốc của hệ tư tưởng của Công đảng Anh.

Qua những tiếng *Những người dân chủ - xã hội*, Lê-nin muốn nói đến những thành viên của Liên đoàn dân chủ - xã hội Anh, thành lập cũng vào năm 1884. Cùng gia nhập vào Liên đoàn dân chủ - xã hội với phái cải lương chủ nghĩa (Hen-đman, v. v.) và phái vô chính phủ chủ nghĩa thì còn có nhóm những người dân chủ - xã hội cách mạng (H. Quen-sơ, T. Man, E. Ê-vê-linh, Ê-lê-ô-nô-ra Mác, v. v.), họ tán thành chủ nghĩa Mác và là cánh tả của phong trào xã hội chủ nghĩa Anh. Ph. Ăng-ghen đã kịch liệt phê phán Liên đoàn dân chủ - xã hội về chủ nghĩa giáo điều và chủ nghĩa bè phái của nó, về việc nó tách rời phong trào quần chúng công nhân Anh và coi thường tính đặc thù của phong trào đó. Năm 1907, Liên đoàn dân chủ - xã hội lấy tên là Đảng dân chủ - xã hội; năm 1911, đảng này cùng với những phần tử phái tả trong Đảng công nhân độc lập, lập ra Đảng xã hội chủ nghĩa Anh; năm 1920, đa số đảng viên của đảng này đã tham gia thành lập Đảng cộng sản Anh. — 98.

94 *Những người dân chủ - xã hội* — các nhà mác-xít cách mạng Nga, đảng viên Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga thành lập tại đại hội lần thứ nhất của đảng ấy vào năm 1898. Thời cuối thế kỷ XIX các nhà mác-xít Nga như G. V. Plê-kha-nốp, V. I. Lê-nin và những người khác đã lên tiếng phê phán kịch liệt những quan điểm lý luận và chiến lược của phái dân túy. — 98.

95 *Phái tham gia nội các hay chủ nghĩa Min-lơ-răng* là một xu hướng cơ hội chủ nghĩa, lấy tên một nhà xã hội chủ nghĩa cải lương Pháp A. E. Min-lơ-răng là người đã tham gia chính phủ tư sản phản động Pháp năm 1899 và giữ chức bộ trưởng Bộ thương mại. Việc Min-lơ-răng tham gia vào chính phủ tư sản là một biểu hiện rõ ràng của chính sách hợp tác giai cấp của các thủ lĩnh cơ hội chủ nghĩa trong đảng dân chủ - xã hội đối với giai cấp tư sản, sự cự tuyệt của chúng đối với cuộc đấu tranh cách mạng, sự phản bội những quyền lợi của các giai cấp lao động. Khi nhận định chủ nghĩa Min-lơ-răng như là chủ nghĩa xét lại và một sự phản bội, Lê-nin đã chỉ ra rằng những phần tử xã hội chủ nghĩa cải lương, sau khi tham gia vào chính phủ tư sản, nhất quyết trở thành những nhân vật phỗng và làm bình phong cho bọn tư bản, công cụ lừa dối quần chúng của chính phủ này. — 99.

96 Xem chú thích 74. — 99.

97 *Các nhà phê bình Nga* — ý nói đến cái gọi là «những nhà mác-xít hợp pháp», cũng như đến trào lưu cơ hội chủ nghĩa trong Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga vẫn quen gọi là «chủ nghĩa kinh tế». Vào những năm 90 của thế kỷ XIX sang đầu thế kỷ XX, «những nhà mác-xít hợp pháp» và «những nhà kinh tế» đã phê phán học thuyết cách mạng của Mác. Tư tưởng của «những nhà mác-xít hợp pháp» và «những nhà kinh tế chủ nghĩa» là một biến dạng tư tưởng của chủ nghĩa Béc-stanh. — 99.

98 *Giuy-pi-te và Mi-néc-vơ* là những vị thần của thời cổ La-mã. Giuy-pi-te là thần không trung, thần ánh sáng và mưa, thần sét; sau cùng là vị thần tối cao của nhà nước La-mã. Mi-néc-vơ là nữ thần chiến tranh và là thần đỡ đầu thủ công nghiệp, khoa học và nghệ thuật. Trong thần thoại La-mã thì Giuy-pi-te và Mi-néc-vơ được coi giống như Dớt và A-tê-na trong thần thoại Hy-lạp. Tất cả những thần thoại về Dớt và A-tê-na đều được chuyển thành thần thoại về Giuy-pi-te và Mi-néc-vơ, chẳng hạn như chuyện A-tê-na xuất hiện, vũ trang đầy đủ, từ đầu Dớt ra. — 100.

99 Lê-nin trích dẫn lời tựa của Ăng-ghen viết cho cuốn «Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ» của Mác, xuất bản lần thứ ba bằng tiếng Đức (xem trong C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Tuyển tập, gồm 2 tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, xuất bản lần thứ 2, t. I, tr. 289 - 290). — 100.

100 *«Sự nghiệp công nhân»* là tạp chí, cơ quan của «Hội liên hiệp những người dân chủ - xã hội Nga ở nước ngoài». Tạp chí xuất bản ở Giơ-ne-vơ từ tháng Tư 1899 đến tháng Hai 1902, do B. N. Cri-tsép-xki, N. Ph. Tê-plốp (Xi-bi-ri-ác), V. P. I-van-sin và sau đó là A. X. Mác-tư-nốp, biên tập, ra được 12 số (chín tập). Ban biên tập tạp chí «Sự nghiệp công nhân» là trung ương ở nước ngoài của «phái kinh tế», tờ «Sự nghiệp công nhân» ủng hộ khẩu hiệu của phái Béc-stanh về «tự do phê bình» chủ nghĩa Mác, đứng trên lập trường cơ hội chủ nghĩa trong các vấn đề sách lược và nhiệm vụ tổ chức của Đảng dân chủ - xã hội Nga, phủ nhận khả năng cách mạng của nông dân, v. v.. Phái «Sự nghiệp công nhân» tuyên truyền tư tưởng cơ hội chủ nghĩa cho rằng đấu tranh chính trị của giai cấp vô sản phải phụ thuộc vào đấu tranh kinh tế, nó sùng bái tính tự phát của phong trào công nhân và phủ nhận vai trò lãnh đạo của đảng. Một trong những biên tập viên của tạp chí «Sự nghiệp công nhân», V. P. I-van-sin, đã tham gia biên tập tờ «Tư tưởng công nhân» là tờ báo của «phái kinh tế» công khai được tạp chí «Sự nghiệp công nhân» ủng hộ. Tại Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, phái «Sự nghiệp công nhân» đại diện cho cánh cực hữu, cơ hội chủ nghĩa trong đảng. — 102.

101 *«Hội liên hiệp những người dân chủ - xã hội Nga ở nước ngoài»* thành lập năm 1894, theo sáng kiến của nhóm «Giải phóng lao động», với điều kiện là tất cả các thành viên của hội đều thừa nhận cương lĩnh của nhóm này. Nhóm này có trách nhiệm xuất bản các sách báo của Hội liên hiệp. Tháng Ba 1905, nhóm này đã chuyển nhà in của mình cho hội sử dụng.

Đại hội I Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, họp hồi tháng Ba 1898, đã thừa nhận Hội liên hiệp này là đại diện của đảng ở ngoài nước. Về sau, những phần tử cơ hội chủ nghĩa — «phái kinh tế» hay «phái trẻ» — chiếm ưu thế trong Hội liên hiệp. Họ phủ nhận bản tuyên ngôn của đại hội là bản đã tuyên bố rằng việc giành quyền tự do chính trị là mục tiêu trước mắt của đảng dân chủ - xã hội. Tháng Mười một 1898, Hội liên hiệp họp đại hội lần thứ nhất ở Xuy-rích, trong đó nhóm «Giải phóng lao

động» báo tin rằng họ từ chối không xuất bản những sách báo của Hội liên hiệp, trừ «Báo công nhân», số 5 - 6 và mấy tác phẩm của V. I. Lê-nin: «Nhiệm vụ của những người dân chủ - xã hội Nga» và «Luật công xưởng mới» là những sách báo mà nhóm đó buộc phải xuất bản. Tháng Tư 1899, Hội liên hiệp bắt đầu xuất bản tờ tạp chí của «phái kinh tế» «Sự nghiệp công nhân». Hội liên hiệp tỏ ra đồng tình với Béc-stanh, phái Min-lơ-răng và những người cơ hội chủ nghĩa khác. Cuộc đấu tranh trong nội bộ Hội liên hiệp tiếp diễn cho đến Đại hội II của Hội liên hiệp và cả trong đại hội này nữa (họp hồi tháng Tư 1900 ở Giơ-ne-vơ). Nhóm «Giải phóng lao động» và những người cùng tư tưởng với họ rời bỏ đại hội và thành lập tổ chức «Người dân chủ - xã hội» riêng.

Tại Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, các đại biểu của Hội liên hiệp (những người thuộc nhóm «Sự nghiệp công nhân») đứng trên một lập trường cực kỳ cơ hội chủ nghĩa và đã rời bỏ đại hội, khi mà đại hội thừa nhận Đồng minh những người dân chủ - xã hội cách mạng Nga ở nước ngoài là tổ chức duy nhất của đảng ở nước ngoài. Đại hội giải tán Hội liên hiệp. — 102.

102 *Tạp chí «Bình minh»* là tạp chí chính trị và khoa học mác-xít, do ban biên tập báo «Tia lửa» xuất bản ở Stút-ga năm 1901 và 1902. Ra được tất cả bốn số (ba tập).

Tạp chí phê phán chủ nghĩa xét lại Nga và chủ nghĩa xét lại quốc tế và bênh vực những nguyên lý lý luận của chủ nghĩa Mác. Tạp chí đã đăng những bài của V. I. Lê-nin viết về những vấn đề ấy: «Những kẻ áp bức hội đồng địa phương và những A-ni-ban của phái tự do», «Các «nhà phê bình» trong vấn đề ruộng đất» (bốn chương đầu của tác phẩm «Vấn đề ruộng đất và «những kẻ phê phán Mác»»), «Cương lĩnh ruộng đất của đảng dân chủ - xã hội Nga», và cả những trước tác của G. V. Plê-kha-nốp: «Sự phê phán của các nhà phê phán ở nước ta. Phần I. Ngài P. Xtơ-ru-vê đóng vai trò những nhà phê phán lý luận của Mác về vấn đề phát triển xã hội», «Can-tơ chống lại Can-tơ hay là lời di chúc tinh thần của ngài Béc-stanh» cùng các tác phẩm khác. — 102.

103 Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Tuyển tập, gồm 2 tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ 2, 1970, t. II, tr. 11. — 103.

104 *Cương lĩnh Gô-ta* là cương lĩnh của Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Đức, thông qua năm 1875 tại Đại hội Gô-ta là đại hội thống nhất hai đảng xã hội chủ nghĩa Đức, — phái Ai-xơ-nách đứng đầu là Au-gu-xtơ Bê-ben và Vin-hem Liếp-nếch (là những người chịu ảnh hưởng tư tưởng của Mác và Ăng-ghen) và phái Lát-xan. Cương lĩnh có tính chất chiết trung chủ nghĩa và cơ hội chủ nghĩa, vì trên những vấn đề quan trọng, phái Ai-xơ-nách đã nhượng bộ phái Lát-xan và đã chấp nhận những công thức của phái Lát-xan. Mác và Ăng-ghen đã nghiêm khắc phê phán cương lĩnh Gô-ta, coi đó là một bước thụt lùi so với cương lĩnh Ai-xơ-nách năm 1869 (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Tuyển tập, gồm 2 tập, tiếng Việt, Nhà

xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ 2, 1970, t. II, tr. 13-38).— 103.

[105] Lê-nin tự tay mình trích dịch đoạn văn trong Lời tựa của Ăng-ghen viết cho cuốn «Chiến tranh nông dân ở Đức» (xem trong C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Tuyển tập, gồm 2 tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ 2, 1970, t. I, tr. 790). — 106.

[106] Lê-nin muốn nói đến cuộc bãi công có tính chất quần chúng của công nhân Pê-téc-bua năm 1896. Cuộc bãi công bắt đầu ngày 23 tháng Năm ở nhà máy sợi Ca-li-nin, đã nhanh chóng lan ra tất cả các nhà máy sợi và dệt chủ yếu ở Pê-téc-bua và sau đó đến các nhà máy cơ khí, nhà máy cao-su, nhà máy giầy và nhà máy đường. Cuộc bãi công này là một hành động lần đầu tiên có phối hợp của giai cấp vô sản Pê-téc-bua chống bọn bóc lột. Trên 30 000 công nhân đã tham gia bãi công.

Cuộc bãi công do «Hội liên hiệp đấu tranh để giải phóng giai cấp công nhân» Pê-téc-bua lãnh đạo. Hội liên hiệp đã cho ra những truyền đơn và những bản tuyên bố kêu gọi công nhân đoàn kết và kiên trì đấu tranh để giành những quyền lợi của mình. Họ in và phổ biến những yêu sách cơ bản của công nhân, như đòi giảm ngày lao động xuống 10 giờ rưỡi một ngày, nâng cao tiền công, trả lương đúng kỳ hạn, v. v..

Những tin tức tường thuật về cuộc bãi công đã gây một ấn tượng sâu sắc ở nước ngoài. Những cuộc bãi công của giai cấp vô sản Pê-téc-bua đã góp phần thúc đẩy phong trào công nhân Mát-xcơ-va và các nơi khác ở Nga, buộc chính phủ Nga hoàng phải vội vàng xem lại luật công xưởng và ban hành đạo luật ngày 2 (14) tháng Sáu, — đạo luật này giảm ngày lao động tại các công xưởng xuống 11 giờ rưỡi. Lê-nin đã viết rằng những cuộc bãi công ấy «đã mở ra một kỷ nguyên của phong trào công nhân tiến lên không ngừng» (xem V. I. Lê-nin, Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 16, tr. 110-111). — 107.

[107] *«Hội liên hiệp đấu tranh để giải phóng giai cấp công nhân»* do V. I. Lê-nin thành lập vào mùa thu 1895, tập hợp vào khoảng 20 tiểu tổ công nhân mác-xít ở Pê-téc-bua. Hội được xây dựng trên nguyên tắc tập trung dân chủ và kỷ luật chặt chẽ, và đứng đầu là nhóm trung tâm do V. I. Lê-nin lãnh đạo.

Nó là tổ chức đầu tiên ở Nga đem chủ nghĩa xã hội thâm nhập vào phong trào công nhân. Nó kết hợp cuộc đấu tranh của công nhân cho những yêu sách kinh tế với cuộc đấu tranh chính trị chống chế độ Nga hoàng. Hội in những truyền đơn và những cuốn sách nhỏ cho công nhân. V. I. Lê-nin thảo các tác phẩm đó, Người chỉ đạo việc xuất bản tờ «Sự nghiệp công nhân» là tờ báo chính trị của công nhân. Ảnh hưởng của Hội liên hiệp lan rộng ra ngoài phạm vi Pê-téc-bua. Theo sáng kiến của V. I. Lê-nin, các tiểu tổ công nhân ở Mát-xcơ-va, Ki-ép, Ê-ca-tê-ri-nô-xláp, cùng các thành phố khác và địa phương khác ở Nga, đã thống nhất lại với nhau trong Hội liên hiệp đấu tranh.

Đêm ngày 8 rạng ngày 9 (20 - 21) tháng Chạp 1895, V. I. Lê-nin cùng với một số đồng chí hội viên khác của hội bị bắt, và số đầu tờ «Sự nghiệp công nhân» bị tịch thu.

Trong thời gian ở tù, V. I. Lê-nin vẫn chỉ đạo sự hoạt động của Hội liên hiệp và giúp đỡ hội bằng những ý kiến chỉ dẫn, đồng thời đặt mật hiệu để gửi những thư từ và truyền đơn của Người ra ngoài. Trong tù, Người cũng đã viết cuốn «Bàn về bãi công» (đến nay chưa tìm thấy) và cuốn «Dự thảo và thuyết minh cương lĩnh của đảng dân chủ - xã hội».

Theo V. I. Lê-nin, Hội liên hiệp là mầm mống của một đảng cách mạng dựa vào sự ủng hộ của phong trào công nhân và lãnh đạo cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản. Sáu tháng cuối năm 1898, phái kinh tế nắm lấy Hội liên hiệp. Thông qua tờ «Tư tưởng công nhân» của họ, họ truyền bá chủ nghĩa công liên và chủ nghĩa Béc-stanh ở Nga. Những hội viên cũ của Hội liên hiệp còn chưa bị bắt, vẫn dựa vào những truyền thống của Hội liên hiệp của V. I. Lê-nin. Họ tham gia vào việc chuẩn bị Đại hội I của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga họp năm 1898 và vào việc dự thảo bản Tuyên ngôn được in ra sau đại hội. — 109.

108 Những cuộc đàn áp những công nhân tham gia bãi công tại nhà máy sợi lớn ở I-a-rô-xláp ngày 27 tháng Tư (ngày 9 tháng Năm) 1895. Kêu gọi phản đối việc hạ thấp tiền lương, cuộc bãi công đã thu hút được hơn 4 000 công nhân tham gia.

Mười đại đội thuộc trung đoàn Pha-na-gô-ri đã được gọi đến để đàn áp. Súng đã nổ. Kết quả là 1 công nhân chết và 14 người bị thương. Ni-cô-lai II đã phê vào bản báo cáo của Ban chỉ huy trung đoàn như sau: «Cảm ơn những người Pha-na-gô-ri dũng cảm về thái độ cương quyết và cứng rắn của họ trong thời gian rối loạn ở nhà máy».

Bài của V. I. Lê-nin viết về vụ bãi công tới nay vẫn chưa tìm thấy. — 110.

109 Đây là nói về «Tuyên ngôn của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga» được xuất bản theo chỉ thị Đại hội I của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga và nhân danh Ban chấp hành trung ương của đảng này. Bản «Tuyên ngôn» đề ra việc đấu tranh giành quyền tự do chính trị và lật đổ chuyên chế như là nhiệm vụ chủ yếu của đảng dân chủ - xã hội Nga, gắn liền cuộc đấu tranh chính trị với các nhiệm vụ chung của phong trào công nhân. — 110.

110 *«Tia lửa»* là tờ báo mác-xít bất hợp pháp toàn Nga đầu tiên, do V. I. Lê-nin sáng lập năm 1900 và đã đóng vai trò quyết định trong việc thành lập đảng mác-xít cách mạng của giai cấp công nhân Nga.

Số đầu tiên của tờ «Tia lửa» lê-ni-nít xuất bản vào tháng Chạp 1900 tại Lai-pxích, những số sau xuất bản ở Muyn-khen, từ tháng Bảy 1902 xuất bản ở Luân-đôn và từ mùa xuân 1903 — ở Giơ-ne-vơ. Trong việc tổ chức tờ báo (việc tổ chức nhà in bí mật, mua bộ chữ in tiếng Nga và những việc khác) có sự giúp đỡ lớn của các đảng viên Đảng dân chủ -

xã hội Đức là C. Txét-kin, A. Brau-nơ cùng những người khác, nhà cách mạng Ba-lan Gi. Mác-khlép-xki vào những năm ấy sống tại Muyn-khen và G. Quen-sơ, một trong những lãnh tụ của Liên đoàn dân chủ - xã hội Anh.

Trong ban biên tập báo «Tia lửa» có: V. I. Lê-nin, G. V. Plê-kha-nốp, L. Mác-tốp, P. B. Ác-xen-rốt, A. N. Pô-tơ-rê-xốp và V. I. Da-xu-lích. Thư ký tòa soạn, ban đầu là I. G. Xmi-đô-vích - Lê-man, sau đó, từ mùa xuân 1901, là N. C. Crúp-xcai-a, bà Crúp-xcai-a đồng thời đảm nhiệm việc trao đổi thư từ của báo «Tia lửa» với các tổ chức dân chủ - xã hội Nga.

Trọng tâm chú ý của báo «Tia lửa» là những vấn đề đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản và của toàn thể nhân dân lao động Nga chống chế độ chuyên chế Nga hoàng, báo chú ý nhiều đến những sự kiện quan trọng trong sinh hoạt quốc tế, mà chủ yếu là của phong trào công nhân quốc tế. Lê-nin trên thực tế là chủ bút kiêm người lãnh đạo báo «Tia lửa», đã viết những bài về các vấn đề cơ bản về xây dựng đảng và đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản Nga.

Báo «Tia lửa» trở thành trung tâm đoàn kết các lực lượng của đảng, tập hợp và giáo dục cán bộ đảng. Hàng loạt các thành phố ở Nga (Pê-téc-bua, Mát-xcơ-va, Xa-ma-ra và các thành phố khác) đã thành lập các nhóm và các đảng ủy Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga theo đường lối «Tia lửa» lê-ni-nít. Tháng Giêng 1902, tại đại hội của phái «Tia lửa» ở Xa-ma-ra, tổ chức «Tia lửa» Nga đã được thành lập. Các tổ chức «Tia lửa» xuất hiện và hoạt động dưới sự chỉ đạo trực tiếp của các học trò và bạn chiến đấu của V. I. Lê-nin — N. E. Bau-man, I. V. Ba-bu-skin, X. I. Gu-xép, M. I. Ca-li-nin, P. A. Cra-xi-cốp, G. M. Crơ-gi-gia-nốp-xki, Ph. V. Len-gních, P. N. Lê-pê-sin-xki, I. I. Rát-tsen-cô và những người khác.

Theo sáng kiến của V. I. Lê-nin và với sự tham gia trực tiếp của Người, ban biên tập báo «Tia lửa» đã thảo ra bản dự thảo cương lĩnh của đảng (được công bố trong số 21 của báo «Tia lửa» ngày 1 tháng Sáu 1902) và chuẩn bị cho Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, họp từ ngày 17 (30) tháng Bảy đến 10 (23) tháng Tám 1903. Đến lúc đại hội được triệu tập, đa số các tổ chức địa phương của đảng dân chủ - xã hội Nga đã đi theo báo «Tia lửa», tán thành sách lược, cương lĩnh và kế hoạch tổ chức của nó, thừa nhận nó là cơ quan lãnh đạo của mình. Trong một quyết nghị riêng, đại hội đã xác nhận vai trò đặc biệt của báo «Tia lửa» trong cuộc đấu tranh cho đảng và tuyên bố nó là cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga.

Chẳng bao lâu sau Đại hội II của đảng, với sự ủng hộ của Plê-kha-nốp bọn men-sê-vích đã chiếm tờ báo «Tia lửa» vào tay mình. Từ số 52, báo «Tia lửa» đã không còn là cơ quan chiến đấu của chủ nghĩa Mác cách mạng nữa. — 110.

111 *Cuộc họp riêng* — Lê-nin muốn nói đến cuộc họp riêng ở Pê-téc-bua từ ngày 14 đến ngày 17 tháng Hai (ngày 26 tháng Hai — ngày 1 tháng Ba, theo lịch mới) 1897. Tham dự cuộc họp ấy có V. I. Lê-nin, A. A. Va-nê-

ép, C. M. Crơ-gi-gia-nốp-xki và những hội viên khác của «Hội liên hiệp đấu tranh để giải phóng giai cấp công nhân» Pê-téc-bua — là những hội viên «cũ» của Hội liên hiệp, và được tạm tha cho được tự do trong ba ngày trước khi đày đi Xi-bi-ri, và những người lãnh đạo «mới» của Hội liên hiệp từ sau khi Lê-nin bị bắt. — 111.

112 *«Người lao động» khổ nhỏ* là tờ báo của «Hội liên hiệp những người dân chủ - xã hội Nga ở nước ngoài», xuất bản không đều kỳ ở Giơ-ne-vơ từ 1896 đến 1898. Ra tất cả được 10 số. Những số 1 đến số 8 do nhóm «Giải phóng lao động» xuất bản.

Do đa số hội viên Hội liên hiệp chuyển theo chủ nghĩa kinh tế, nên nhóm «Giải phóng lao động» từ chối không in những sách báo của Hội liên hiệp nữa. Những số 9 và 10 (tháng Mười một 1898) do phái kinh tế xuất bản. — 112.

113 Sen đầm của Nga hoàng mặc đồng phục mầu xanh. — 113.

114 *V. V.* — biệt hiệu của V. P. Vô-rôn-txốp, một trong những nhà tư tưởng của phái dân túy tự do chủ nghĩa trong những năm 90 thế kỷ XIX. Lê-nin dùng từ ngữ «những V. V. trong đảng dân chủ - xã hội Nga» để chỉ những người thuộc phái kinh tế, là một xu hướng cơ hội chủ nghĩa trong phong trào dân chủ - xã hội Nga. — 114.

115 *Đại hội Viên của Đảng dân chủ - xã hội Áo* họp từ ngày 2 đến ngày 6 (lịch mới) tháng Mười một 1901; đã thông qua một cương lĩnh mới của đảng thay cho cương lĩnh Hen-phen năm 1888. Dự thảo cương lĩnh mới do một tiểu ban đặc biệt (gồm có Vích-to Át-lơ và những người khác) thảo ra (tiểu ban này do Đại hội Bri-un năm 1899 cử ra), đã có những nhượng bộ quan trọng đối với chủ nghĩa Béc-stanh; điều đó đã gây ra một loạt những ý kiến nhận xét phê bình. Riêng Cau-xky, trong bài «Die Revision des Programms der Sozialdemokratie in Östereich» («Việc xét lại cương lĩnh của Đảng dân chủ - xã hội Áo») đăng trên tạp chí «Die Neue Zeit» («Thời mới»), số 3, năm 1901 - 1902, đã tán thành giữ lại phần nguyên tắc trong cương lĩnh Hen-phen, coi đó là phần biểu hiện một cách đầy đủ và đúng đắn cái quan điểm của đảng dân chủ - xã hội về diễn biến chung của quá trình lịch sử và nhiệm vụ của giai cấp công nhân. — 116.

116 V. I. Lê-nin muốn nói đến cuốn sách của X. N. Prô-cô-pô-vích «Phong trào công nhân phương Tây. Khái luận nghiên cứu có tính chất phê phán. Tập I. Nước Đức. Nước Bỉ», Xanh Pê-téc-bua, 1899 và bài của P. B. Xtơ-ru-vê đăng trong tạp chí «Archiv für soziale Gezetzgebung und Statistik», XIV Band, Berlin, 1899 («Tài liệu lưu trữ về pháp chế xã hội và thống kê», t. XIV, Béc-lanh, 1899): «Die Marxsche Theorie der sozialen Entwicklung» («Học thuyết Mác về sự phát triển xã hội») và bài bình luận của ông ta về cuốn sách của E. Béc-stanh: «Những tiền đề của chủ nghĩa xã hội và những nhiệm vụ của đảng dân chủ - xã hội», và cuốn sách của Cau-xky: «Béc-stanh và cương lĩnh dân chủ - xã hội».

Đối với cuốn sách đầy tinh thần chủ nghĩa cải lương của Prô-cô-pô-vích thì nét đặc trưng của nó là nghiên cứu tài liệu một cách hời hợt, thái độ thù địch đối với chủ nghĩa xã hội khoa học và hoạt động của đảng dân chủ - xã hội cách mạng; trong cuốn sách, Prô-cô-pô-vích đã cố chứng minh rằng trong phong trào công nhân Đức và Bỉ, không có những điều kiện cho cuộc đấu tranh cách mạng và cho chính sách cách mạng của đảng dân chủ - xã hội. Còn trong những bài báo của mình, thì Xtơ-ru-vê đứng trên lập trường của chủ nghĩa Béc-stanh để cố bác bỏ lý luận chung của chủ nghĩa Mác và những tiền đề triết học của lý luận đó, phủ nhận tính tất yếu và sự cần thiết của cuộc cách mạng xã hội và nền chuyên chính của giai cấp vô sản. — 118.

117 *Các công đoàn Hiếc-sơ - Đun-cơ* là những tổ chức công đoàn cải lương chủ nghĩa ở Đức, do những nhà hoạt động của đảng cấp tiến tư sản M. Hiếc-sơ và Ph. Đun-cơ thành lập vào năm 1868. Tuyên truyền tư tưởng «hòa hợp» lợi ích giữa lao động và tư bản, những nhà tổ chức các công đoàn Hiếc-sơ - Đun-cơ cho rằng ngoài công nhân ra, có thể kết nạp cả các nhà tư bản vào công đoàn, phủ nhận tính chất hợp lý của đấu tranh bãi công. Họ khẳng định rằng dùng pháp chế của nhà nước tư sản và với sự giúp đỡ của tổ chức công đoàn, có thể giải phóng công nhân khỏi ách tư bản trong khuôn khổ của xã hội tư bản chủ nghĩa; họ coi nhiệm vụ chủ yếu của công đoàn là làm trung gian giữa công nhân và các nhà doanh nghiệp và tích lũy tiền. Thái độ phủ nhận bãi công đã biến các công đoàn Hiếc-sơ - Đun-cơ thành các tổ chức của những kẻ phá hoại bãi công; hoạt động của các công đoàn này chủ yếu chỉ giới hạn trong phạm vi các quỹ tương tế và các tổ chức văn hóa - giáo dục. Các công đoàn Hiếc - sơ - Đun-cơ tồn tại cho đến tháng Năm 1933, và mặc dù tất cả những cố gắng của giai cấp tư sản và sự giúp đỡ của các cơ quan chính phủ, các công đoàn đó không bao giờ là lực lượng quan trọng trong phong trào công nhân Đức. Năm 1933, các nhà hoạt động cơ hội chủ nghĩa của các công đoàn Hiếc-sơ - Đun-cơ gia nhập «mặt trận lao động» phát-xít. — 119.

118 *Cuốn «Một bước tiến, hai bước lùi (Cuộc khủng hoảng trong đảng ta)»* đã được V. I. Lê-nin viết trong vòng mấy tháng. Người đã nghiên cứu kỹ các biên bản (được xuất bản hồi tháng Giêng 1904) của các phiên họp và các nghị quyết của Đại hội II Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, các lời phát biểu của từng đại biểu, các phe phái hình thành tại đại hội, cũng như các văn kiện của Ban chấp hành trung ương và Hội đồng đảng. Trong tác phẩm này, V. I. Lê-nin đã giáng đòn chí mạng vào chủ nghĩa cơ hội của phái men-sê-vích về những vấn đề tổ chức. Ý nghĩa lịch sử lớn lao của cuốn sách, trước hết, là trong sách này Lê-nin tiếp tục phát triển hơn nữa học thuyết mác-xít về đảng, đã đề ra những nguyên tắc tổ chức của đảng cách mạng của giai cấp vô sản; lần đầu tiên trong lịch sử của chủ nghĩa Mác, Lê-nin đã phê phán một cách cặn kẽ chủ nghĩa cơ hội về mặt tổ chức, đã nêu rõ nguy cơ của việc hạ thấp ý nghĩa của tổ chức đối với phong trào công nhân.

Cuốn sách này đã làm cho phái men-sê-vích tức tối công kích dữ dội. Plê-kha-nốp đòi Ban chấp hành trung ương tách xa khỏi cuốn sách ấy của Lê-nin, còn phái hòa giải trong Ban chấp hành trung ương thì cố trì hoãn việc in và phát hành cuốn sách đó.

Bất chấp mọi cố gắng của phái cơ hội chủ nghĩa, tác phẩm của Lê-nin «Một bước tiến, hai bước lùi» đã được phổ biến rộng rãi trong công nhân tiên tiến của nước Nga.

Tác phẩm «Một bước tiến, hai bước lùi» lại được Lê-nin xuất bản trong văn tập «Trong 12 năm» hồi 1907 (nhưng ở bìa giả thì đề: 1908). — 121.

119 Đây là nói về *Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga* họp từ ngày 17 (30) tháng Bảy đến 10 (23) tháng Tám 1903. Mười ba phiên họp đầu của đại hội được tiến hành tại Bruy-xen. Nhưng về sau vì sự truy nã của cảnh sát nên các phiên họp của đại hội được chuyển đến Luân-đôn.

Đại hội này đã được báo «Tia lửa» chuẩn bị, dưới sự lãnh đạo của Lê-nin tờ báo đã tiến hành một công tác to lớn nhằm đoàn kết những người dân chủ - xã hội Nga trên cơ sở những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác cách mạng.

Tham gia đại hội gồm 43 đại biểu có quyền biểu quyết, là đại biểu của 26 tổ chức (nhóm «Giải phóng lao động», tổ chức «Tia lửa», Ban chấp hành ở nước ngoài và Ban chấp hành trung ương của tổ chức Bun, «Liên đoàn những người dân chủ - xã hội cách mạng Nga ở nước ngoài», «Hội liên hiệp những người dân chủ - xã hội Nga ở nước ngoài» và 20 ban chấp hành, liên minh dân chủ - xã hội Nga khác). Có một số đại biểu được quyền biểu quyết 2 phiếu, vì vậy số phiếu quyết định tại đại hội có tất cả là 51 phiếu. Thành phần đại hội không đồng nhất. Tham dự đại hội không phải chỉ có những người thuộc phái «Tia lửa», mà còn có những người đối lập của phái này, đồng thời có cả những phần tử không vững vàng, hay dao động nữa. Những vấn đề tối quan trọng của đại hội là vấn đề thông qua cương lĩnh và điều lệ đảng và bầu cử các cơ quan lãnh đạo trung ương của đảng. Tại đại hội, Lê-nin và các môn phái của Người đã đấu tranh cương quyết chống phái cơ hội chủ nghĩa.

Bản dự thảo cương lĩnh của đảng, do ban biên tập báo «Tia lửa» thảo ra, đặc biệt là luận điểm về vai trò lãnh đạo của đảng trong phong trào công nhân, điểm nói về sự cần thiết phải giành chuyên chính vô sản và phần nói về ruộng đất trong cương lĩnh, khi đem ra thảo luận tại đại hội đã bị phái cơ hội chủ nghĩa công kích kịch liệt. Đại hội đã chống lại bọn cơ hội chủ nghĩa và đã nhất trí (trừ một phiếu trắng) thông qua cương lĩnh của đảng, mà trong đó có nêu lên những nhiệm vụ trước mắt của giai cấp vô sản trong cuộc cách mạng dân chủ - tư sản sắp tới (cương lĩnh tối thiểu), cũng như những nhiệm vụ nhằm đưa đến thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa và thiết lập nền chuyên chính vô sản (cương lĩnh tối đa). Lần đầu tiên trong lịch sử phong trào công nhân quốc tế, sau khi Mác và Ăng-ghen mất, một cương lĩnh cách mạng được thông qua, mà trong đó, nhờ

sự kiên trì của Lê-nin, cuộc đấu tranh cho chuyên chính vô sản đã được coi là nhiệm vụ cơ bản của đảng của giai cấp công nhân.

Khi thảo luận điều lệ đảng đã nổ ra một cuộc đấu tranh gay gắt về vấn đề những nguyên tắc tổ chức trong xây dựng đảng.

Lê-nin và những người ủng hộ Người đã đấu tranh để thành lập một chính đảng cách mạng có tính chiến đấu của giai cấp công nhân và họ cho rằng cần phải thông qua một điều lệ, mà nhờ đó có thể hạn chế việc gia nhập đảng đối với tất cả những phần tử không vững vàng và dao động. Vì vậy trong công thức của Lê-nin về điều một của điều lệ, điều kiện gia nhập đảng không những chỉ bao gồm sự thừa nhận cương lĩnh và sự ủng hộ vật chất đối với đảng, mà còn bao gồm sự tham gia của bản thân vào một trong các tổ chức đảng. Mác-tốp đã đề nghị tại đại hội công thức của mình về điều một, mà theo đó điều kiện gia nhập đảng, ngoài sự thừa nhận cương lĩnh và sự ủng hộ vật chất đối với đảng, chỉ bao gồm thêm sự giúp đỡ thường xuyên của cá nhân đối với đảng dưới sự chỉ đạo của một trong những tổ chức của đảng. Công thức của Mác-tốp nhằm làm cho tất cả các phần tử không vững vàng được dễ dàng gia nhập đảng, công thức ấy tại đại hội không những đã được sự ủng hộ của bọn chống «Tia lửa» và của phái «đầm lầy» («phái giữa»), mà còn được sự ủng hộ của nhóm «ôn hòa» (những kẻ không vững vàng) trong phái «Tia lửa» và đã được đại hội thông qua với đa số phiếu không lớn. Về căn bản, đại hội đã thông qua bản điều lệ do Lê-nin thảo ra. Đại hội đồng thời đã thông qua một loạt nghị quyết về các vấn đề sách lược.

Tại đại hội đã có sự phân liệt giữa những người triệt để theo xu hướng «Tia lửa», là phái Lê-nin, với phái «Tia lửa» «ôn hòa», là phái ủng hộ Mác-tốp. Những người theo xu hướng Lê-nin đã chiếm đa số phiếu trong các cuộc bầu cử vào các cơ quan trung ương của đảng nên được gọi là phái bôn-sê-vích, còn bọn cơ hội chủ nghĩa bị thiểu số, nên bị gọi là phái men-sê-vích.

Đại hội có ý nghĩa lớn lao đối với sự phát triển của phong trào công nhân ở Nga. Nó chấm dứt tình trạng hoạt động kiểu thủ công và tình trạng tiểu tổ trong phong trào dân chủ - xã hội và đặt nền móng của đảng mác-xít cách mạng ở Nga, đảng bôn-sê-vích. Lê-nin viết: «Chủ nghĩa bôn-sê-vích, với tư cách là trào lưu tư tưởng chính trị và một chính đảng, đã tồn tại từ năm 1903» (V. I. Lê-nin, Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 41, tr. 6).

Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga đã sáng lập nên một đảng vô sản kiểu mới, đảng kiểu mẫu cho tất cả những người mác-xít cách mạng ở tất cả các nước, nên đại hội là một bước ngoặt trong phong trào công nhân quốc tế. — 121.

120 Đây nói về Ban tổ chức thành lập hồi tháng Mười một 1902 để tiến tới triệu tập Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. — 121.

121 «Kill with kindness» có nghĩa là chính sách nhượng bộ và dò xét. — 122.

122 *Hội đồng của đảng* (1903 - 1905), theo điều lệ thành lập, đã được Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga thông qua, là một cơ quan tối cao của đảng để nhất trí và liên kết hoạt động của Ban chấp hành trung ương và Ban biên tập của cơ quan ngôn luận trung ương, để khôi phục lại Ban chấp hành trung ương và Ban biên tập của cơ quan ngôn luận trung ương trong trường hợp nếu toàn bộ thành phần của một trong những ban đó khiếm khuyết, cũng như để đại diện cho đảng trong việc tiếp xúc với các đảng khác.

Lúc đầu Lê-nin ở trong Hội đồng với danh nghĩa của Ban biên tập của cơ quan ngôn luận trung ương, sau đó, khi Người rời khỏi Ban biên tập, — của Ban chấp hành trung ương. Sau khi Plê-kha-nốp quay sang phía chủ nghĩa cơ hội cũng như sau khi bọn men-sê-vích chiếm lĩnh Ban biên tập của cơ quan ngôn luận trung ương thì Hội đồng của đảng trở thành công cụ đấu tranh của bọn men-sê-vích chống lại những người bôn-sê-vích.

Theo điều lệ được Đại hội II của đảng thông qua thì Hội đồng của đảng bị giải tán. — 122.

123 Bọn Gi-rông-đanh trong đảng dân chủ - xã hội là bọn bị Lê-nin gọi là trào lưu cơ hội chủ nghĩa trong đảng dân chủ - xã hội, tức là bọn men-sê-vích. — 126.

124 Đây nói về bài báo của V. I. Lê-nin «Bàn về cương lĩnh ruộng đất của chúng ta» đăng trong số 12 của báo «Tiến lên» — tuần báo không hợp pháp của phái bôn-sê-vích xuất bản tại Giơ-ne-vơ vào những năm 1904 - 1905. — 127.

125 *«Westfälische Dampfboot»* («Tàu thủy Ve-xtơ-pha-li») là một tập san Đức có khuynh hướng dân chủ xuất bản ở Ve-xtơ-pha-li, từ 1845 đến 1848, thỉnh thoảng có đăng những bài của Mác và Ăng-ghen. — 127.

126 *Cuốn «Hai sách lược của đảng dân chủ - xã hội trong cách mạng dân chủ»* của V. I. Lê-nin viết xong vào tháng Sáu - tháng Bảy 1905 sau Đại hội III của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, và sau hội nghị của phái men-sê-vích ở Giơ-ne-vơ, hội nghị này họp cùng một lúc với đại hội đảng. Về nhan đề cuốn sách của mình, Lê-nin có ghi: «Hai sách lược của đảng dân chủ - xã hội trong cách mạng dân chủ (Những suy nghĩ và nhận xét về những nghị quyết của Đại hội III Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga và của hội nghị những người dân chủ - xã hội đã ly khai)» (Văn tập Lê-nin, t. V, tiếng Nga, 1929, tr. 315).

Vạch trần chủ nghĩa cơ hội trong các nghị quyết của hội nghị men-sê-vích, Lê-nin đã viết trong bài «Bước lùi thứ ba» — bài này đăng trong báo «Người vô sản», số 6, ra ngày 3 tháng Bảy (20 tháng Sáu) năm 1905 — rằng vấn đề này sẽ được phân tích cụ thể hơn «trong một quyển sách riêng, đang được in và sẽ được xuất bản trong thời gian sắp tới» (xem V. I. Lê-nin, Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 10, tr. 327). Vài tuần sau — ngày 9 tháng Tám (27 tháng Bảy) trong tờ báo «Người vô sản» số 11 có đăng tin là: «Mới xuất bản cuốn sách nhỏ của N. Lê-nin «Hai sách lược

của đảng dân chủ - xã hội trong cách mạng dân chủ». Cuốn sách được Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga xuất bản ở Giơ-ne-vơ, là nơi Lê-nin lúc đó đang sống và làm việc. Cũng trong năm 1905, ở nước Nga, cuốn sách đó đã được Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga tái bản và được thành ủy Mát-xcơ-va của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga xuất bản riêng, với số lượng 10 000 bản.

Việc cuốn sách «Hai sách lược của đảng dân chủ - xã hội trong cách mạng dân chủ» của V. I. Lê-nin được xuất bản là một sự kiện lớn trong sinh hoạt của đảng. Cuốn sách đó đã được bí mật phổ biến rộng ở Pê-téc-bua, Mát-xcơ-va, Péc-mơ, Ca-dan, Ti-phlít, Ba-cu và các thành phố khác ở Nga. Nhận được cuốn sách ấy, X. I. Gu-xép, lúc đó là bí thư thành ủy Ô-đét-xa của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, đã viết cho V. I. Lê-nin như sau: «Cuốn sách của đồng chí, theo tôi, nếu không tạo nên một thời đại, thì dù sao nó cũng đóng một vai trò to lớn. Điều đặc biệt làm tôi khâm phục là tinh thần cách mạng quán triệt trong cuốn sách ấy, tính chất rõ ràng lạ thường và tính chất đại chúng của cuốn sách» («Cách mạng vô sản», số 12, 1925, tr. 41). Cuốn «Hai sách lược» được nghiên cứu trong các nhóm bí mật của đảng và của công nhân. Trong khi lục soát, cảnh sát Nga hoàng luôn luôn tìm thấy cuốn sách này ở khắp mọi nơi trong nước Nga. Chẳng hạn, tháng Chạp năm 1905, cuốn sách này đã bị tìm thấy trong khi lục soát một căn nhà ở thành phố Xu-van-ki. Tháng Giêng năm 1906 cuốn sách ấy bị tịch thu tại câu lạc bộ công nhân ở Ta-gan-rô-gơ, nơi đã có cuộc họp của những người nghiên cứu cuốn sách đó. Tháng Hai năm 1907, Ủy ban báo chí Pê-téc-bua đã ra lệnh tịch thu cuốn sách này với lý do là nội dung của cuốn sách ấy chứa đựng những hành động tội lỗi chống lại chính phủ Nga hoàng. Sau khi phê duyệt lệnh tịch thu đó hồi tháng Ba, Viện tư pháp Pê-téc-bua, trong một phiên tòa vào tháng Chạp năm ấy, đã ra quyết định, trong đó nói: «...cuốn sách nhan đề «N. Lê-nin. Hai sách lược của đảng dân chủ - xã hội trong cách mạng dân chủ» cần phải được thủ tiêu». Tuy nhiên, chính phủ Nga hoàng không thể nào thủ tiêu được tác phẩm có tầm quan trọng vĩ đại đó của V. I. Lê-nin.

Cuốn «Hai sách lược của đảng dân chủ - xã hội trong cách mạng dân chủ» được Lê-nin cho xuất bản trong tập đầu của tập luận văn nhan đề «Trong 12 năm» được xuất bản vào giữa tháng Mười một 1907 ở Pê-téc-bua. Lê-nin bổ sung cho cuốn sách ấy nhiều chú thích cuối trang. Trong lời tựa của tập luận văn ấy, Lê-nin đã viết về ý nghĩa cuốn sách như sau: «Ở đây được trình bày một cách có hệ thống những sự bất đồng ý kiến *cơ bản* về sách lược với những người men-sê-vích; — các nghị quyết của «Đại hội III của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga» họp hồi mùa xuân ở Luân-đôn (đại hội của phái bôn-sê-vích) và các nghị quyết của hội nghị men-sê-vích tại Giơ-ne-vơ đã hoàn toàn biểu lộ rõ những sự bất đồng đó, và đã dẫn đến sự bất đồng *cơ bản* trong việc đánh giá toàn bộ cuộc cách mạng tư sản ở nước ta, xét về mặt những nhiệm vụ của giai

cấp vô sản» (xem V. I. Lê-nin, Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 16, tr. 110 - 111). Tập luận văn «Trong 12 năm» vừa mới được xuất bản chẳng bao lâu thì bị tịch thu, nhưng một số lượng quan trọng đã được cất giấu, và cuốn sách ấy vẫn được tiếp tục bí mật tái bản.

Sau cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, cuốn «Hai sách lược của đảng dân chủ - xã hội trong cách mạng dân chủ» được phổ biến rộng rãi. Trong những năm dưới Chính quyền xô-viết — theo số liệu tính đến ngày 1 tháng Bảy 1960 — cuốn sách này đã được xuất bản 146 lần bằng 49 thứ tiếng các dân tộc trong Liên-xô, với tổng số là 5 734 000 bản. Ngoài ra cuốn sách này còn được xuất bản ở nước ngoài bằng các thứ tiếng Anh, Bun-ga-ri, Hung-ga-ri, Việt-nam, In-đô-nê-xi-a, Tây-ban-nha, Trung-quốc, Triều-tiên, Mã-lai, Mông-cổ, Đức, Ba-lan, Bồ-đào-nha, Ru-ma-ni, Xéc-bi, Xlô-vác, Pháp, Phần-lan, Hin-đi, Tséc-khi-a, Nhật-bản và các thứ tiếng khác. — 134.

127 *«Báo Rê-na-ni mới»* xuất bản ở Cô-lô-nhơ từ ngày 1 tháng Sáu 1848 đến 19 tháng Năm 1849, dưới sự lãnh đạo của Mác và Ăng-ghen; Mác là chủ bút. Ăng-ghen đã viết về tờ báo này như sau: «Trước kia cũng như sau này, không có một tờ báo Đức nào mà lại có được sức mạnh và ảnh hưởng như tờ báo đó, mà lại biết thu hút sự chú ý của quần chúng công nhân được như tờ báo đó». Lê-nin cũng đã viết rằng «đó là một tờ báo hay nhất, không báo nào vượt được, của giai cấp vô sản cách mạng». — 134.

128 *«Người vô sản»* là tuần báo bí mật bôn-sê-vích, cơ quan trung ương của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, thành lập theo nghị quyết Đại hội III của đảng. Một quyết định của Hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương của đảng ngày 27 tháng Tư (10 tháng Năm) 1905 chỉ định Lê-nin làm chủ bút tờ báo đó.

Báo «Người vô sản» xuất bản ở Giơ-ne-vơ từ 14 (27) tháng Năm đến 12 (25) tháng Mười một 1905. Ra được 26 số. Các đồng chí Vô-rốp-xki, Lu-na-tsác-xki và M. Ôn-mi-xki đã tham gia liên tục vào ban biên tập. Báo «Người vô sản» đi theo đường lối chính trị của báo «Tia lửa» cũ của Lê-nin và kế tục đầy đủ truyền thống của báo bôn-sê-vích «Tiến lên». Lê-nin đã viết cho tờ báo này trên 50 bài nghị luận và bút ký. Các bài nghị luận của Lê-nin ở báo «Người vô sản» đã được đăng lại trong báo chí bôn-sê-vích địa phương hoặc in thành truyền đơn.

Ngay sau khi Lê-nin trở về Nga, tháng Mười một 1905, thì báo «Người vô sản» đình bản. Hai số sau cùng của nó (số 25 và 26) là do V. V. Vô-rốp-xki làm chủ biên. — 134.

129 Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 5, tr. 431. — 135.

130 *Như trên*, tr. 39. — 135.

131 Lê-nin muốn nói đến những sự kiện ngày 9 tháng Giêng 1905.

Ngày 9 tháng Giêng 1905, theo lệnh trực tiếp của Nga hoàng, quân đội của chính phủ đã nổ súng bắn vào đoàn biểu tình hòa bình của công

nhân Pê-téc-bua; đoàn này do cố đạo Ga-pon dẫn đầu, đang tiến về cung điện Mùa đông để đưa tờ thỉnh nguyện cho Nga hoàng. Hành động tàn bạo đó đã làm nổi lên một làn sóng bãi công chính trị quần chúng và những cuộc biểu tình trên toàn nước Nga, dưới khẩu hiệu «Đả đảo chế độ chuyên chế!». Những sự biến ngày 9 tháng Giêng đánh dấu bước mở đầu của cuộc cách mạng 1905 - 1907. — 136.

132 Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 5, tr. 40. — 136.

133 *Như trên*, tr. 10. — 136.

134 *Như trên*, tr. 63 - 64. — 137.

135 *Như trên*, tr. 299. — 139.

136 *«Giải phóng»* là tờ bán nguyệt san của phái tự do xuất bản ở nước ngoài từ 1902 đến 1905, do P. B. Xtơ-ru-vê làm chủ biên. Năm 1903, nó là cơ quan ngôn luận của «Hội liên hiệp giải phóng» thuộc phái quân chủ tự do. Hội này chính thức thành lập hồi tháng Giêng 1904 và tồn tại cho đến tháng Mười 1905, khi nó trở thành hạt nhân của Đảng dân chủ - lập hiến (thành lập tháng Mười 1905). — 139.

137 *Cương lĩnh ruộng đất của phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng* dự tính xóa bỏ quyền tư hữu cá nhân về ruộng đất và chuyển ruộng đất cho công xã quản lý, tiến hành «sự cân bằng» trong việc sử dụng ruộng đất cũng như phát triển hợp tác hóa. Bản cương lĩnh mà những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng mệnh danh là «sự xã hội hóa ruộng đất» này thực tế chẳng có chút tính chất xã hội chủ nghĩa nào. Khi phân tích bản cương lĩnh của họ, Lê-nin đã chỉ ra rằng, việc bảo tồn sản xuất hàng hóa và kinh tế cá thể trên ruộng đất chung không xóa bỏ được sự thống trị của tư bản, không cứu vãn được nông dân lao động khỏi áp bức và tan rã; cả việc tập thể hóa trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản cũng không thể là biện pháp cứu vớt được cho lớp tiểu nông, bởi vì công việc ấy chỉ làm giàu cho giai cấp tư sản nông nghiệp. Đồng thời Lê-nin cũng vạch ra rằng việc đòi phải sử dụng ruộng đất một cách cân bằng tuy chưa mang tính chất xã hội chủ nghĩa, nhưng về mặt lịch sử đã có tính chất dân chủ cách mạng tiên tiến, bởi vì nó nhằm chống lại tình trạng chiếm hữu ruộng đất của bọn địa chủ phản động. — 139.

138 Cơ quan báo của *«Hội liên hiệp công nhân Cô-lô-nhơ»* thoạt đầu lấy tên là «Zeitung des Arbeitervereins zu Köln» («Báo của Hội liên hiệp công nhân Cô-lô-nhơ»), với phụ đề «Tự do, bác ái, lao động». Chủ biên là Giô-dép Mon và Các-lơ Sáp-pơ, những thành viên của Đồng minh những người cộng sản. Báo ra được 40 số, từ tháng Tư đến tháng Mười 1848. Tháng Mười 1848, tờ báo đổi tên, lấy phụ đề nói trên «Tự do, bác ái, lao động» làm tên chính, và dưới tên gọi đó, lại ra thêm được 23 số từ tháng Mười 1848 đến tháng Sáu 1849. — 140.

139 *«Đồng chí»* là báo tư sản ra hàng ngày, xuất bản ở Pê-téc-bua từ ngày 15 (28) tháng Ba 1906 đến 30 tháng Chạp 1907 (12 tháng Giêng 1908).

Chính thức thì tờ báo này không phải là cơ quan ngôn luận của một đảng nào cả, nhưng trên thực tế nó là của phái dân chủ - lập hiến cánh tả. Trực tiếp tham gia tờ báo này có X. N. Prô-cô-pô-vích và E. Đ. Cu-xcô-va. Tham gia báo này còn có bọn men-sê-vích. — 143.

140 Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghen, «Tuyển tập», gồm 2 tập, tiếng Nga, 1955, t. II, tr. 333 - 334. — 143.

141 *Khle-xta-cốp* là một nhân vật huênh hoang và bịp bợm trong tác phẩm «Viên thanh tra» của N. V. Gô-gôn. — 143.

142 *Đảng dân chủ - lập hiến* là một đảng tư sản chủ yếu của giai cấp tư sản tự do - quân chủ ở Nga. Đảng dân chủ - lập hiến thành lập vào tháng Mười 1905; đảng này bao gồm các đại diện của giai cấp tư sản, các nhà hoạt động hội đồng địa phương xuất thân là địa chủ, và các nhà trí thức tư sản. Những nhân vật nổi tiếng của đảng dân chủ - lập hiến là P. N. Mi-li-u-cốp, X. A. Mu-rôm-txép, V. A. Ma-cla-cốp, A. I. Sin-ga-rép, P. B. Xtơ-ru-vê, Ph. I. Rô-đi-tsép, v. v. . Về sau đảng dân chủ - lập hiến biến thành đảng của giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa. Trong những năm chiến tranh thế giới lần thứ nhất bọn dân chủ - lập hiến đã tích cực ủng hộ chính sách đối ngoại xâm lược của chính phủ Nga hoàng. Trong thời kỳ cuộc Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai, bọn này đã cố cứu chế độ quân chủ. Giữ địa vị chỉ huy Chính phủ lâm thời tư sản, bọn dân chủ - lập hiến đã thi hành chính sách phản cách mạng, phản dân, phục vụ ý muốn của bọn đế quốc Anh - Mỹ - Pháp. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại, bọn dân chủ - lập hiến đã tỏ ra là kẻ thù không đội trời chung của Chính quyền xô-viết, đã tham gia tất cả các cuộc phiến loạn vũ trang phản cách mạng và các cuộc tiến quân của bọn can thiệp. Sau khi can thiệp và bọn bạch vệ bị đánh bại, bọn dân chủ - lập hiến lưu vong ở nước ngoài vẫn không chấm dứt hoạt động phản cách mạng chống Liên-xô. — 145.

143 *Phái «Vô đề»* là nhóm nửa dân chủ - lập hiến nửa men-sê-vích trong giới trí thức tư sản Nga (N. X. Prô-cô-pô-vích, E. Đ. Cu-xcô-va, V. I-a. Bô-gu-tsác-xki, V. V. Poóc-tu-ga-lốp, V. V. Khi-giơ-ni-a-cốp, v. v.) hình thành vào thời kỳ cuộc cách mạng 1905 - 1907 bắt đầu thoái trào. Nhóm này được đặt tên theo tờ tuần báo chính trị «Vô đề» xuất bản ở Pê-téc-bua vào tháng Giêng - tháng Năm 1906, do X. N. Prô-cô-pô-vích chủ biên; và về sau nhóm «Vô đề» tập hợp xung quanh tờ báo dân chủ - lập hiến cánh tả «Đồng chí». Núp sau sự không đảng phái có tính chất hình thức, phái «Vô đề» là những kẻ tuyên truyền cho tư tưởng của chủ nghĩa tự do tư sản và chủ nghĩa cơ hội, ủng hộ bọn xét lại trong phong trào dân chủ - xã hội Nga và quốc tế. — 145.

144 *Trăm đen* là những lũ người theo chế độ quân chủ được cảnh sát Nga hoàng tổ chức để chống lại phong trào cách mạng. Bọn chúng giết hại các nhà cách mạng, xâm phạm giới trí thức tiến bộ, triệt hạ người Do-thái.

Vụ Ki-si-nép là một trong những vụ tàn sát Do-thái khốc liệt nhất ở nước Nga Nga hoàng, do V. C. Plê-vê bộ trưởng Bộ nội vụ gây ra hồi tháng Tư 1903. Hàng mấy trăm người bị chết và bị thương và hơn một nghìn nhà ở bị cướp bóc và tàn phá.

Vụ Xết-lê-txơ là vụ tàn sát xảy ra vào cuối tháng Tám 1906. Pháo binh đã được điều đến, súng nổ vào thành phố, hàng trăm người bị chết và bị thương. — 106.

145 Xem chú thích 73. — 148.

146 *«Thời mới»* là báo hàng ngày, xuất bản ở Pê-téc-bua từ năm 1868 đến năm 1917; nó thuộc về nhiều nhóm biên tập và đã nhiều lần thay đổi khuynh hướng chính trị. Lúc đầu thì thuộc phái ôn hòa tự do chủ nghĩa, từ năm 1876 báo này trở thành cơ quan ngôn luận của các giới quý tộc phản động và giới quan lại quan liêu. Từ năm 1905, nó trở thành cơ quan ngôn luận của bọn Trăm đen. Sau cuộc Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai, báo này hoàn toàn ủng hộ chính sách phản cách mạng của Chính phủ tư sản lâm thời và điên cuồng đả kích những người bôn-sê-vích. Báo «Thời mới» bị Ủy ban quân sự - cách mạng trực thuộc Xô-viết đại biểu công nhân và binh sĩ ở Pê-tơ-rô-grát đóng cửa ngày 26 tháng Mười (8 tháng Mười một) 1917. V. I. Lê-nin gọi «Thời mới» là điển hình của những tờ báo viết thuê. — 148.

147 Lê-nin muốn nói đến tờ «Zihna» («Đấu tranh»), cơ quan trung ương của Đảng dân chủ - xã hội Lát-vi-a. Báo ra đời hồi tháng Ba 1904.

Năm 1940, tờ báo trở thành cơ quan của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Lát-vi-a và của Xô-viết tối cao của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết Lát-vi-a. — 148.

148 *Đảng xã hội Ba-lan* là một tổ chức dân tộc cải lương chủ nghĩa thành lập năm 1892. — 151.

149 *Nác-txít* — theo thần thoại cổ Hy-lạp là một chàng trai tuấn tú thích ngắm hình ảnh của mình in trên mặt nước; tên của chàng trai đó trở thành đồng nghĩa với người tự yêu bản thân mình. — 152.

150 Ý nói đến «Bản báo cáo về Đại hội hợp nhất của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga (Thư gửi công nhân Pê-téc-bua)». — 153.

151 Xem chú thích 56. — 157.

152 Xem bức thư của C. Mác gửi L. Cu-ghen-man đề ngày 9 tháng Mười 1866. — 157.

153 Xem bức thư của C. Mác gửi L. Cu-ghen-man đề ngày 6 tháng Ba 1868. — 158.

154 *Như trên.* — 158.

155 Xem bức thư của C. Mác gửi L. Cu-ghen-man đề ngày 5 tháng Chạp 1868. — 158.

156 Quan điểm của những người đặt nền móng cho chủ nghĩa Mác về các vấn đề quan trọng nhất của cuộc cách mạng Đức năm 1848 - 1849 đã được trình bày trong tác phẩm của Ăng-ghen «Cách mạng và phản cách mạng ở Đức», in thành loạt bài báo đăng trên tờ «New-York Daily Tribune» («Diễn đàn Niu-oóc hàng ngày») từ 25 tháng Mười 1851 đến 23 tháng Mười 1852 dưới ký tên Các Mác, người đã xem lại các bài báo ấy trước khi gửi chúng đi đăng. Mãi đến 1913, khi công bố những bức thư trao đổi giữa C. Mác và Ph. Ăng-ghen, người ta mới biết là tác phẩm này do Ph. Ăng-ghen viết. — 159.

157 *Triều đại Háp-xbuốc* là một dòng họ nhà vua Đức, những đời vua thuộc dòng họ này đã ngự trị đế quốc thần thánh La-mã (đứt quãng trong những khoảng thời gian từ 1273 đến 1806), đã làm vua ở Áo (từ năm 1804) và ở nước Áo - Hung (1867 - 1918). — 159.

158 *Triều đại Hô-hen-txô-léc* là một dòng họ nhà vua ở Bran-đơ-bua, đã có những đời làm vua nước Phổ (1701 - 1918) và làm hoàng đế nước Đức (1871 - 1918). — 159.

159 Xem bức thư của C. Mác gửi L. Cu-ghen-man đề ngày 6 tháng Tư 1866. — 159.

160 *Đế chế thứ hai ở Pháp* — đế chế do Na-pô-lê-ông III thiết lập ở Pháp từ ngày 10 tháng Chạp 1852 và sụp đổ hồi tháng Chín 1870, sau khi Na-pô-lê-ông III bị thất bại trong cuộc chiến tranh Pháp - Phổ, bị bắt làm tù binh ở Xê-đăng và bị truất ngôi. — 159.

161 Xem bức thư của C. Mác gửi L. Cu-ghen-man đề ngày 3 tháng Ba 1869. — 159.

162 *Chủ nghĩa Bren-ta-nô* là một trào lưu cải lương chủ nghĩa tư sản gắn liền với tên tuổi của nhà kinh tế học Đức là Lu-i-ô Bren-ta-nô. Là một người chống lại học thuyết cách mạng của Mác, y khẳng định rằng có thể giải quyết được mâu thuẫn của xã hội tư bản bằng con đường cải lương, y tuyên truyền cho «một nền hòa bình xã hội», «sự hòa giải» giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản.

Chủ nghĩa Xtơ-ru-vê hay «chủ nghĩa Mác hợp pháp» là sự bóp méo chủ nghĩa Mác theo kiểu bọn tư sản tự do; chủ nghĩa này xuất hiện như một chiều hướng chính trị xã hội tự lập vào những năm 90 của thế kỷ XIX trong giới trí thức tư sản tự do ở Nga.

Trong thời kỳ đó, chủ nghĩa Mác đã được truyền bá khá rộng rãi ở nước Nga, nên bọn trí thức tư sản núp dưới lá cờ của chủ nghĩa Mác để truyền bá các quan điểm của mình trên các tờ báo hợp pháp. Vì thế mà chúng được gọi là «những người mác-xít hợp pháp».

Trong cuộc đấu tranh phê phán phái dân túy là kẻ bảo vệ nền sản xuất nhỏ, «những người mác-xít hợp pháp» đã có dùng chủ nghĩa Mác, nhưng họ lột bỏ mất tính chất cách mạng của nó đi. «Những người mác-xít hợp pháp» vứt khỏi cái chủ yếu nhất trong học thuyết của Mác là học

thuyết về cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản. Thủ lĩnh của «những người mác-xít hợp pháp» là P. B. Xtơ-ru-vê.

Chủ nghĩa Đôm-bác-tơ là một trào lưu tư sản tự do gọi theo tên của một trong những nhà tư tưởng của chủ nghĩa này là V. Đôm-bác-tơ, nhà kinh tế tư sản tầm thường Đức. Đôm-bác-tơ, như V. I. Lê-nin đã viết, đã đánh tráo «chủ nghĩa Mác thành chủ nghĩa Bren-ta-nô bằng cách sử dụng thuật ngữ của Mác, trích dẫn các điều khẳng định riêng lẻ của Mác, giả mạo dưới danh nghĩa chủ nghĩa Mác». — 160.

163 Lê-nin có ý nói tới «Lời kêu gọi thứ hai của Hội đồng trung ương của Hội liên hiệp lao động quốc tế về cuộc chiến tranh Pháp - Phổ» do Mác viết. — 161.

164 *«Con người sống trong lồng kính»* là nhân vật chính trong một truyện ngắn của A. P. Tsê-khốp, lấy tên đó làm nhan đề. Điển hình của một gã phi-li-xtanh thiển cận, sợ mọi cái mới, mọi sáng kiến. — 162.

165 *Con cá mương khôn ranh* là điển hình một kẻ phi-li-xtanh nhát gan trong một truyện ngắn của nhà văn châm biếm Nga là M. E. Xan-tư-cốp - Sê-đrin. — 162.

166 Lê-nin dẫn cuốn «Nội chiến ở Pháp» của Mác; xem trong C. Mác và Ph. Ăng-ghen, «Tuyển tập», gồm 2 tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ 2, 1970, t. I, tr. 569 - 660. — 163.

167 *«Đời sống hiện nay»* là một tờ báo men-sê-vích xuất bản ở Mát-xcơ-va, từ tháng Tư 1906 đến tháng Ba 1907. — 167.

168 *«Tiếng vang»* là một tập san men-sê-vích xuất bản ở Pê-téc-bua từ 1906 đến 1907. Ra được 3 số. — 167.

169 Xem chú thích số 93: «Phái Pha-biêng». — 168.

170 V. I. Lê-nin trích dẫn bức thư của Ph. Ăng-ghen gửi Ph. A. Doóc-ghê đề ngày 29 tháng Mười một 1886. — 168.

171 *Ý kiến mở một «đại hội công nhân» và thành lập một «đảng công nhân rộng rãi»* là do phái thủ tiêu đưa ra, — phái này đại biểu cho xu hướng cơ hội chủ nghĩa nảy nở trong phái men-sê-vích sau khi cuộc cách mạng 1905 - 1907 bị thất bại. I-u. La-rin là thủ lĩnh của phái thủ tiêu.

Sở dĩ gọi là phái thủ tiêu vì họ đòi thủ tiêu đảng cách mạng bất hợp pháp của giai cấp công nhân. Họ yêu cầu công nhân đình chỉ cuộc đấu tranh chống chế độ Nga hoàng, và chủ trương thành lập một «đảng công nhân rộng rãi», có tính chất cơ hội chủ nghĩa, tiểu tư sản, với một cơ quan tối cao dưới hình thức một «đại hội công nhân», trong đó có cả những người dân chủ - xã hội, những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng và những người vô chính phủ chủ nghĩa cùng tham gia. Đảng này — theo như quan điểm của phái thủ tiêu — sẽ vứt bỏ những khẩu hiệu cách mạng

và chỉ tiến hành hoạt động hợp pháp, do chính phủ Nga hoàng cho phép, Lê-nin đã vạch rõ cái mưu toan rất nguy hại của bọn men-sê-vích định thủ tiêu Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga và xóa bỏ đội tiền phong của giai cấp công nhân trong quần chúng tiểu tư sản. Chính sách của phái thủ tiêu không được công nhân ủng hộ. Hội nghị Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga họp ở Pra-ha hồi tháng Giêng 1912 đã khai trừ phái thủ tiêu ra khỏi đảng. — 168.

172 Xem bức thư của Ph. Ăng-ghen gửi Ph. A. Doóc-ghê đề ngày 29 tháng Mười một 1886. — 169.

173 *«Die Zukunft»* («Tương lai») là một tạp chí thuộc chiều hướng xã hội chủ nghĩa - cải lương do một nhóm đảng viên của Đảng dân chủ - xã hội Đức ấn hành từ tháng Mười 1877 đến tháng Mười một 1878 ở Béc-lanh. Người xuất bản là C. Huê-khbéc, y muốn lôi kéo đảng vào con đường cải lương chủ nghĩa. C. Sram và E. Béc-stanh cũng đã từng cộng tác với tạp chí đó. — 171.

174 Xem bức thư của C. Mác gửi Ph. A. Doóc-ghê đề ngày 19 tháng Mười 1877. — 171.

175 Xem chú thích 37. — 172.

176 Xem bức thư của C. Mác gửi Ph. A. Doóc-ghê đề ngày 19 tháng Chín 1879. — 172.

177 *«Der Sozialdemokrat»* («Người dân chủ - xã hội») là cơ quan trung ương của Đảng dân chủ - xã hội Đức vào thời kỳ có đạo luật ngoại lệ chống những người xã hội chủ nghĩa; xuất bản ở Xuy-rích từ 28 tháng Chín 1879 đến 22 tháng Chín 1888, và ở Luân-đôn từ 1 tháng Mười 1888 đến 27 tháng Chín 1890. Từ 1879 đến 1880 chủ bút của tờ báo đó là G. Phôn-ma; từ tháng Giêng 1881 là Ê. Béc-stanh, trong những năm đó còn chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của Ph. Ăng-ghen. Sự lãnh đạo của Ăng-ghen về mặt tư tưởng đã đảm bảo cho tờ «Người dân chủ - xã hội» đi theo khuynh hướng mác-xít. Tinh thần chiến đấu của quần chúng công nhân Đức — những người đã khắc phục sự hoang mang đầu tiên do việc thi hành đạo luật ngoại lệ gây nên — đã có một ý nghĩa rất lớn đối với hoạt động của tờ báo. Mặc dù có một số sai lầm, báo «Người dân chủ - xã hội» đã kiên quyết bảo vệ sách lược cách mạng và giữ một vai trò xuất sắc trong việc tập hợp và tổ chức lực lượng của Đảng dân chủ - xã hội Đức. Sau khi đạo luật ngoại lệ chống những người xã hội chủ nghĩa bị hủy bỏ, báo «Người dân chủ - xã hội» ngừng xuất bản, báo «Vorwärts» («Tiến lên») lại trở thành cơ quan trung ương của đảng. — 172.

178 Đây là nói về sự bất đồng ý kiến trong đảng đoàn dân chủ - xã hội ở nghị viện Đức về vấn đề trợ cấp tàu thủy (Dampfersubvention). Vì lợi ích của chính sách xâm chiếm thuộc địa của Đức, nên cuối năm 1884 thủ tướng Đức là Bi-xmác đòi nghị viện thông qua khoản trợ cấp cho giới kinh doanh

tàu thủy để họ tổ chức những chuyến tàu thường xuyên đi Đông Á, châu Úc và châu Phi. Cánh tả của đảng đoàn dân chủ - xã hội do A. Bê-ben và C. Liếp-nếch lãnh đạo thì phủ quyết khoản trợ cấp ấy. Trong khi thảo luận lại vấn đề này ở nghị viện vào tháng Ba 1885 thì cánh hữu của đảng đoàn dân chủ - xã hội lại bỏ phiếu tán thành việc thành lập tuyến đường tàu thủy đi Đông Á và châu Úc; họ tán thành dự án của Bi-xmác với điều kiện chấp nhận một số đòi hỏi, chẳng hạn như việc để cho các con tàu mới được đóng tại các bãi đóng tàu của Đức. Chỉ sau khi nghị viện cự tuyệt đòi hỏi ấy thì toàn thể đảng đoàn mới bỏ phiếu chống lại dự án của chính phủ. Hành vi ấy của cánh hữu đã gây ra sự công kích từ phía báo «Người dân chủ - xã hội» và các tổ chức của Đảng dân chủ - xã hội Đức. — 173.

179 Lê-nin muốn nói đến Đại hội thứ nhất của Quốc tế II và đại hội do phái «khả năng» Pháp và Liên minh dân chủ - xã hội Anh triệu tập, — cùng họp ở Pa-ri. — 174.

180 *«Những hiệp sĩ lao động», «Đoàn cao quý của những hiệp sĩ lao động»* là một tổ chức của công nhân Mỹ thành lập năm 1869 ở Phi-la-đen-phi. Cho đến năm 1881 thì «Những hiệp sĩ lao động» là tổ chức bí mật. Hoạt động của họ phát triển rộng vào những năm 80, khi «Những hiệp sĩ lao động» tham gia vào các phong trào bãi công rộng lớn. Vào thời kỳ này tổ chức đã có tới trên 70 vạn thành viên, trong đó có 60 nghìn người da đen. Nhưng sự lãnh đạo cơ hội của các thủ lĩnh, những người từ bỏ đấu tranh giai cấp cách mạng, đã dần dần làm giảm uy tín của đoàn trong quần chúng. Đến cuối những năm 90 thì hoạt động của tổ chức này đã không còn gì nữa. — 174.

181 Lê-nin muốn nói đến bức thư của Ph. Ăng-ghen gửi Ph. Ken-lây - Vi-snê-vết-xca-i-a để ngày 2 tháng Năm 1888. — 175.

182 Lê-nin muốn nói đến bức thư của Ph. Ăng-ghen gửi Ph. A. Doóc-ghê để ngày 18 tháng Giêng 1893. — 176.

183 Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Tuyển tập, gồm 2 tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ 2, 1970, t. II, tr. 7 - 30. — 179.

184 *Cuộc bãi công ở Đê-ca-dơ-vi-lơ* do công nhân ở Pháp phát động hồi tháng Giêng 1886. Nó bị quân đội dập tắt.

Các nghị sĩ tư sản, kể cả các nghị sĩ cấp tiến, đều lên tiếng ủng hộ chính phủ và việc trấn áp những người bãi công. Hành động đó của phái cấp tiến đã làm cho các nghị sĩ công nhân xa lánh phái cấp tiến và hình thành một nhóm riêng của mình trong hạ nghị viện. — 179.

185 Lê-nin muốn nói đến cuộc chiến tranh Nga - Thổ năm 1877 - 1878. — 181.

186 *Đu-ma nhà nước* là một cơ quan đại diện mà chính phủ Nga hoàng buộc lòng phải triệu tập do kết quả những biến cố cách mạng năm 1905. Về

hình thức thì Đu-ma nhà nước là cơ quan lập pháp, song trong thực tế nó không có quyền hành nào cả.

Các cuộc bầu cử vào Đu-ma nhà nước không phải là trực tiếp, bình đẳng và phổ thông đầu phiếu. Quyền bầu cử của các giai cấp cần lao, cũng như của các dân tộc không phải Nga sinh sống trong nước Nga, bị cắt xén nhiều, phần lớn công nhân và nông dân hoàn toàn không có quyền bầu cử.

Đu-ma nhà nước I (tháng Tư - tháng Sáu 1907) đã bị chính phủ Nga hoàng giải tán. — 182.

187 Về những người thuộc phái Dân ý xin xem chú thích 66.

«Chia đều ruộng đất» là một tổ chức của phái dân túy gọi theo tên cơ quan ngôn luận của nó là «Chia đều ruộng đất» được thành lập vào mùa thu năm 1869 sau vụ chia rẽ trong một tổ chức dân túy là «Ruộng đất và tự do». Những người của tổ chức «Chia đều ruộng đất» vẫn dừng lại trên lập trường chủ nghĩa xã hội không tưởng của phái dân túy, nhưng họ chống lại việc khủng bố. Tổ chức này tan rã vào đầu những năm 80. Một vài thành viên nổi tiếng nhất của tổ chức này (G. V. Plê-kha-nốp, V. I. Da-xu-lích và những người khác) đoạn tuyệt với phái dân túy và thành lập nhóm mác-xít «Giải phóng lao động». — 182.

188 Trong một bức thư gửi cho V. I. Da-xu-lích đề ngày 23 tháng Tư 1885, Ăng-ghen đã viết về «Những sự bất đồng giữa chúng ta» và về tính chất của cuộc cách mạng sắp nổ ra ở Nga. — 182.

189 Lê-nin muốn nói đến bài «Chết cho nền Cộng hòa» trong cuốn sách nhan đề «Chiến dịch quân sự ở Đức để giành lấy một hiến pháp trong đế quốc» (tức là đế quốc Đức). — 183.

190 *Phái tháng Mười hay là «Hội liên hiệp ngày 17 tháng Mười»* là một chính đảng phản cách mạng của giai cấp đại tư sản công nghiệp và bọn địa chủ kinh doanh ruộng đất của chúng theo những phương thức tư bản chủ nghĩa. Hội này thành lập hồi tháng Mười một 1905. Phái tháng Mười, ngoài miệng thì thừa nhận bản tuyên ngôn ngày 17 tháng Mười, trong đó Nga hoàng vì khiếp sợ cách mạng, nên đã hứa cho nhân dân những «quyền tự do công dân» và hứa sẽ có hiến pháp, nhưng đồng thời họ lại hoàn toàn ủng hộ chính sách đối nội và đối ngoại của chính phủ Nga hoàng, các thủ lĩnh của phái tháng Mười là A. Gu-tsơ-cốp, một nhà đại công nghiệp, và M. Rốt-di-an-cô, một tên địa chủ có những điền trang rộng lớn. — 187.

191 *Cuộc chính biến ngày 3 (16) tháng Sáu 1907* — Ngày 3 tháng Sáu 1907, chính phủ giải tán Đu-ma II và ban hành đạo luật mới về việc bầu cử Đu-ma. Đạo luật này tăng số đại biểu của địa chủ và của giai cấp tư sản công thương nghiệp lên rất nhiều. Đa số dân cư phần nước Nga thuộc châu Á bị tước mất quyền bầu cử, còn số đại biểu của Ba-lan và Cáp-ca-dơ thì bị giảm đi một nửa. Chính phủ Nga hoàng đã vi phạm bản tuyên ngôn

ngày 17 tháng Mười 1905, đã xóa bỏ các quyền lập hiến, đã đưa ra truy tố và đày những nghị sĩ trong đảng đoàn dân chủ - xã hội tại Đu-ma II.

Cuộc chính biến ngày 3 tháng Sáu đánh dấu bước đầu của thời kỳ phản động Xtô-lư-pin, thường được gọi là «chế độ ngày 3 tháng Sáu». — 188.

192 *Môn-tsa-lin* là một nhân vật trong vở hài kịch của Gri-bô-ê-đốp «Khổ vì khôn», điển hình một kẻ cầu cạnh danh lợi và nịnh hót.

Danh từ này đồng nghĩa với tính hèn hạ và bợ đỡ. — 188.

193 Xem bức thư của C. Mác gửi L. Cu-ghen-man ngày 3 tháng Ba 1869. — 191.

194 *Cuộc khởi nghĩa tháng Chạp* là một cuộc khởi nghĩa vũ trang chống chế độ Nga hoàng ở Mát-xcơ-va vào tháng Chạp 1905. Các chiến lũy được dựng lên ở khu công nhân. Trong vòng chín ngày công nhân, đứng đầu là những người bôn-sê-vích, đã anh dũng chiến đấu chống cảnh sát và quân đội Nga hoàng. Chính phủ Nga hoàng đã đàn áp cuộc khởi nghĩa ở Mát-xcơ-va một cách cực kỳ tàn ác. — 193.

195 *Ba-la-lai-kin - Môn-tsa-lin*

— Về Môn-tsa-lin xem chú thích 192.

— Ba-la-lai-kin là một nhân vật trong tác phẩm «Một bài ca hoa tình hiện đại» của M. E. Xan-tư-cốp - Sê-đrin. Điển hình về anh chàng ba hoa theo kiểu phái tự do, một kẻ phiêu lưu và dối trá, đặt những lợi ích riêng ích kỷ lên trên hết. — 193.

196 Lê-nin muốn nói đến tác phẩm của Mác «Lời kêu gọi lần thứ hai của Hội đồng trung ương của Hội liên hiệp lao động quốc tế về chiến tranh Pháp - Phổ». — 194.

197 *Đu-ma Bu-lư-ghin* là cơ quan đại diện thương nghị mà chính phủ Nga hoàng định triệu tập năm 1905. Một ủy ban dưới sự chủ trì của bộ trưởng Bộ nội vụ là Bu-lư-ghin đã soạn ra bản dự thảo đạo luật về Đu-ma nhà nước thương nghị và bản điều trình về việc bầu cử Đu-ma. Phái bôn-sê-vích tuyên bố kịch liệt tẩy chay Đu-ma Bu-lư-ghin. Chính phủ không triệu tập được Đu-ma ấy và nó đã bị cuộc cách mạng 1905 - 1907 quét bỏ. — 196.

198 *«Người vô sản» (ở Giơ-ne-vơ) và «Người vô sản» (ở Nga)* là những tờ báo bất hợp pháp của phái bôn-sê-vích, đã được xuất bản: tờ thứ nhất — từ tháng Năm đến tháng Mười một 1905, tờ thứ hai — từ năm 1906 đến năm 1909. — 196.

199 Bài này viết hồi tháng Tư 1908 (xuất bản năm đó trong tập «Để kỷ niệm Các Mác»), trong thời kỳ mà V. I. Lê-nin đấu tranh gay go chống bọn Ba-da-rốp, Bô-gđa-nốp, I-u-skê-vích, v. v.. Bọn này đưa ra xét lại lý luận mác-xít. — 199.

200 *Phái Can-tơ mới* là trào lưu triết học tư sản, xuất hiện ở Đức trong nửa cuối thế kỷ XIX, lặp lại những luận điểm duy tâm phản động nhất của triết học Can-tơ và gạt bỏ những yếu tố duy vật trong triết học đó. Với khẩu hiệu «Quay về với Can-tơ», phái Can-tơ mới đả kích chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Trong tác phẩm «Lút-vích Phơ-bách và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức», Ăng-ghen đã gọi phái Can-tơ mới là «bọn phản động về mặt lý luận», là «những phần tử tồi tệ nhất và hèn mạt nhất của chủ nghĩa chiết trung».

Phái Can-tơ mới trong Đảng dân chủ - xã hội Đức (Béc-stanh, Xmít và những người khác) đã xét lại triết học Mác, lý luận kinh tế của Mác và học thuyết của Mác về đấu tranh giai cấp và về chuyên chính vô sản. Ở Nga, bọn theo phái Can-tơ mới là bọn «mác-xít hợp pháp» (Xtơ-ru-vê, Bun-ga-cốp và những người khác), bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng và bọn men-sê-vích.

V. I. Lê-nin đã phê phán phái «mác-xít hợp pháp» và mưu toan của họ muốn đưa chủ nghĩa Can-tơ mới vào nước Nga. Xem: «Nội dung kinh tế của chủ nghĩa dân túy và sự phê phán trong cuốn sách của ông Xtơ-ru-vê về nội dung đó (Sự phản ánh chủ nghĩa Mác trong sách báo tư sản)» (1905) và «Một sự phê phán không có tính chất phê phán» (1900). Người đã bình luận những bài của Plê-kha-nốp chống phái Can-tơ mới, đăng trên báo chí ở nước ngoài vào cuối những năm 90 của thế kỷ trước. Plê-kha-nốp gọi chủ nghĩa Can-tơ mới của Béc-stanh và Xmít là một «lý luận phản động của giai cấp tư sản phản động». Lê-nin đã phê phán sâu sắc phái Can-tơ mới trong tác phẩm của Người: «Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán» (1909).

Người chỉ ra rằng cái triết học duy tâm chủ quan Can-tơ mới là trái ngược với những tri thức khoa học về tự nhiên và về xã hội và Người đã vạch rõ bản chất giai cấp của triết học này, coi đó là một hệ tư tưởng tư sản. Ngày nay, những tư tưởng của chủ nghĩa Can-tơ mới được các nhà triết học phản động sử dụng trong cuộc đấu tranh của họ chống chủ nghĩa Mác - Lê-nin. — 201.

201 C. Mác, «Tư bản», Lời bạt viết cho lần xuất bản thứ hai. «Tư bản», tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1959, q. I, t. 1, tr. 27. — 201.

202 Vào tháng Năm 1909, Lê-nin cho ra cuốn «Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán», trong đó Người đã kịch liệt phê phán Bô-gđa-nốp và những kẻ khác theo chủ nghĩa xét lại, cùng những ông thầy triết học của họ như A-vê-na-ri-út và Ma-khơ. Tác phẩm của Lê-nin đã bảo vệ những cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác, chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; tác phẩm này tổng hợp theo phương pháp duy vật tất cả những thành tựu của khoa học, trước hết là các ngành khoa học tự nhiên, trong suốt thời kỳ từ khi Ăng-ghen mất cho đến khi tác phẩm này của Lê-nin ra đời. — 202.

203 Xem chú thích 95. — 205.

[204] *Phái chính thống* là đảng viên Đảng dân chủ - xã hội Đức chống đối việc xét lại chủ nghĩa Mác.

Về *chủ nghĩa Béc-stanh* xem chú thích 74. — 206.

[205] Về *phái Ghe-đơ* xem chú thích 92.

Phái Giô-re-xơ — các môn phái của Gi. Giô-re-xơ, một nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào xã hội chủ nghĩa Pháp và quốc tế. Giô-re-xơ đấu tranh cho dân chủ, cho các quyền tự do của nhân dân, cho hòa bình, chống lại ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc và chống các cuộc chiến tranh xâm lược. Tuy nhiên, Giô-re-xơ và môn phái đã xét lại những nguyên lý của chủ nghĩa Mác. Phái Giô-re-xơ cho rằng chủ nghĩa xã hội sẽ thắng không phải bằng con đường đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản, mà là nhờ «sự phát triển cao độ của tư tưởng dân chủ». Họ tuyên truyền chủ trương hòa bình giai cấp giữa những kẻ áp bức và những người bị áp bức, phụ họa theo những ảo tưởng của Pru-đông về hợp tác xã, cho rằng việc phát triển hợp tác xã trong điều kiện chủ nghĩa tư bản tuồng như sẽ giúp cho việc quá độ dần dần lên chủ nghĩa xã hội. Năm 1902 phái Giô-re-xơ đã thành lập Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp theo lập trường cải lương chủ nghĩa. Năm 1905, đảng này đã thống nhất với Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp của Ghe-đơ thành một đảng, lấy tên là Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp. V. I. Lê-nin kịch liệt phê phán các quan điểm cải lương của Giô-re-xơ và của môn phái ông ta. Cuộc đấu tranh của Giô-re-xơ cho hòa bình, chống nguy cơ chiến tranh sắp nổ ra đã làm cho giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa căm ghét ông. Ngay trước khi cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất nổ ra, Giô-re-xơ bị bọn tay chân của thế lực phản động giết chết.

Trong thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ nhất phái Giô-re-xơ chiếm đa số trong ban lãnh đạo của Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp, đã công khai ủng hộ cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa và giữ lập trường xã hội - sô-vanh. — 206.

[206] *Những người thuộc phái Brút-xơ* (theo tên của P. Brút-xơ) hay là những người thuộc phái khả năng chủ nghĩa. Xem chú thích 92. — 206.

[207] *Đảng công nhân độc lập Anh* (Independent Labour Party) - một tổ chức theo chủ nghĩa cải lương, do những người lãnh đạo của «các hội công liên mới» lập ra vào năm 1893 trong tình hình cuộc đấu tranh bãi công đang phát triển và trong cao trào của giai cấp công nhân Anh đấu tranh cho sự độc lập của mình đối với các đảng tư sản. Đảng công nhân độc lập Anh bao gồm thành viên của «các hội công liên mới» và của một số công đoàn cũ, đại biểu của tầng lớp trí thức và của giai cấp tiểu tư sản chịu ảnh hưởng của phái Pha-biêng. Đứng đầu đảng là Kê-rơ Hác-đi và R. Mác - Đô-nan. Ngay từ khi thành lập, Đảng công nhân độc lập Anh giữ lập trường tư sản - cải lương chủ nghĩa, chủ yếu chú ý đến hình thức đấu tranh nghị trường và các cuộc liên minh trong nghị trường với đảng tự do. Khi nhận xét về Đảng công nhân độc lập Anh, V. I. Lê-nin viết: «trên

thực tế đây là một đảng cơ hội chủ nghĩa luôn luôn phụ thuộc vào giai cấp tư sản» (xem V. I. Lê-nin, Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 39, tr. 90).

Vào đầu cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất, Đảng công nhân độc lập Anh ra tuyên bố phản đối chiến tranh, nhưng chẳng bao lâu sau đã đứng trên lập trường xã hội - sô-vanh. — 206.

208 *Phái toàn bộ* là những người theo chủ nghĩa xã hội «toàn bộ» (nguyên vẹn), một kiểu chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản. Là một khuynh hướng phái giữa trong Đảng xã hội chủ nghĩa Ý, họ đã đấu tranh chống khuynh hướng cải lương chủ nghĩa, một khuynh hướng đứng trên lập trường cơ hội chủ nghĩa cực đoan. — 260.

209 *«Chủ nghĩa công đoàn cách mạng»* là một xu hướng tiểu tư sản nửa vô chính phủ chủ nghĩa trong phong trào công nhân Tây Âu vào cuối thế kỷ XIX.

Phái công đoàn chủ nghĩa chủ trương rằng giai cấp vô sản không cần phải tiến hành cuộc đấu tranh chính trị, rằng các hội công liên (các công đoàn) có thể đánh đổ chủ nghĩa tư bản và nắm lấy việc kiểm soát sản xuất, — không cần phải làm một cuộc cách mạng, — bằng cách phát động một cuộc tổng bãi công của công nhân. Lê-nin vạch ra rằng ở trong nhiều nước, chủ nghĩa công đoàn cách mạng dẫn đến cái kết quả trực tiếp và không thể tránh khỏi là chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa cải lương và chủ nghĩa ngu ngốc nghị trường. — 206.

210 Xem Lời tựa riêng cho lần xuất bản bằng tiếng Anh năm 1892 cuốn «Chủ nghĩa xã hội phát triển từ không tưởng đến khoa học» của Ph. Ăng-ghen, trong C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Tuyển tập, gồm 2 tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ 2, 1970, t. II, tr. 110. — 210.

211 Lê-nin muốn nói đến những tác phẩm của Ăng-ghen: «Chống Đuy-rinh» (1878), «Lút-vích Phơ-bách và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức» (1888) và Lời tựa cho lần xuất bản thứ hai bằng tiếng Anh (1892) cuốn «Chủ nghĩa xã hội phát triển từ không tưởng đến khoa học». — 210.

212 Xem trong C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Tuyển tập, tiếng Nga, Mát-xcơ-va, 1962, t. II, tr. 371. — 212.

213 *Những người theo thuyết nội tại, trường phái nội tại trong triết học* — một chiều hướng duy tâm chủ quan trong triết học tư sản cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX. Các đại diện của loại triết học này khẳng định rằng sự tồn tại «thuộc về» nhận thức, tức là thế giới khách quan không tồn tại độc lập ngoài nhận thức và nằm trong nhận thức, tức là nội dung bên trong của nhận thức. — 215.

214 *«Báo hải ngoại»* («Gazette Etrangère») là tuần báo của nhóm người lưu vong Nga, xuất bản ở Giơ-ne-vơ năm 1908.

«Giáo dục» — tạp chí chính trị văn học hợp pháp xuất bản ở Pê-téc-bua từ năm 1892 đến năm 1909. — 217.

[215] *Bài «Những ý kiến bất đồng trong phong trào công nhân châu Âu»* đăng trong tờ báo «Ngôi sao», số 1, mục «Những bức thư từ nước ngoài gửi về».

«Ngôi sao» là báo hợp pháp của phái bôn-sê-vích, tiền thân của báo «Sự thật», xuất bản ở Pê-téc-bua từ 16 (29) tháng Chín 1910 đến 22 tháng Tư (5 tháng Năm) 1912 (lúc đầu báo ra hàng tuần, từ tháng Giêng 1912 ra mỗi tuần 2 lần, và tháng Ba mỗi tuần 3 lần). Ngày 26 tháng Hai (10 tháng Ba) 1913, đồng thời với báo «Ngôi sao», đã xuất bản số 1 của báo «Ngôi sao Nê-va», tờ báo kế tục báo «Ngôi sao» sau khi báo này bị đóng cửa. Số báo cuối cùng, số 27, của tờ «Ngôi sao Nê-va» đã xuất bản vào ngày 5 (18) tháng Mười 1912.

Cộng tác với báo «Ngôi sao» có V. M. Mô-lô-tốp, M. S. Ôn-min-xki, N. N. Ba-tu-rin, N. G. Pô-lê-ta-ép, K. S. Ê-rê-mê-ép, A. M. Goóc-ki. Cho đến mùa thu 1911, những đảng viên men-sê-vích (phái Plê-kha-nốp) cũng tham gia báo «Ngôi sao». V. I. Lê-nin (từ nước ngoài) lãnh đạo tờ báo về mặt tư tưởng. Trong báo «Ngôi sao» và báo «Ngôi sao Nê-va» đã đăng gần 50 bài của Người.

Tờ báo thường xuyên bị chính phủ đàn áp: trong 96 số của tờ báo «Ngôi sao» và «Ngôi sao Nê-va» có 39 số bị tịch thu, 10 số bị phạt. Báo «Ngôi sao» đã chuẩn bị cho việc xuất bản tờ báo hàng ngày bôn-sê-vích «Sự thật», báo bị chính phủ đóng cửa trong ngày xuất bản báo «Sự thật» số 1. — 221.

[216] *Phái «trẻ»* gồm một nhóm tiểu tư sản, nửa vô chính phủ chủ nghĩa hình thành năm 1890 trong Đảng dân chủ - xã hội Đức. Hạt nhân của nhóm này gồm «những sinh viên bác học nửa mùa», và những nhà văn trẻ (do đó, nhóm này gọi là phái trẻ). Họ đưa ra một cương lĩnh là bác bỏ mọi sự tham gia của những người dân chủ - xã hội vào nghị viện. Tháng Mười 1891, tại Đại hội Éc-phuya của Đảng dân chủ - xã hội Đức, phái «trẻ» bị khai trừ ra khỏi đảng. — 225.

[217] *Phái Vê-khi* là những người cộng tác ra văn tập «Vê-khi» («Những cái mốc») của phái dân chủ - lập hiến, xuất bản ở Mát-xcơ-va vào mùa xuân 1909, có những bài của N. Béc-đi-ai-ép, S. Bun-ga-cốp, P. Xtơ-ru-vê, M. Ghéc-sen-xôn và những đại biểu khác của giai cấp tư sản tự do phản cách mạng. Trong những bài của bọn họ nói về trí thông hiểu của người Nga, họ ra sức làm mất ảnh hưởng của những truyền thống dân chủ cách mạng của những đại biểu ưu tú của nhân dân Nga, kể cả Bê-lin-xki và Tséc-nư-sép-xki, chúng bôi nhọ phong trào cách mạng 1905 và cảm ơn chính phủ Nga hoàng «đã dùng lưỡi lê và nhà tù» để cứu giai cấp tư sản thoát khỏi «cơn điên cuồng của dân chúng». Văn tập kêu gọi những người trí thức hãy phục vụ chế độ chuyên chế. — 229.

[218] Trong sách báo chính trị Nga, đó là tên gọi những đại biểu cực hữu của tầng lớp chúa đất phong kiến phản động. — 229.

[219] *«Chủ nghĩa triệu hồi»* là một xu hướng cơ hội chủ nghĩa xuất hiện trong một phe phái bôn-sê-vích sau khi cách mạng 1905 - 1907 bị thất bại.

Phái triệu hồi (Bô-gđa-nốp, Lu-na-tsác-xki và những người khác) phản đối việc lợi dụng các hình thức hợp pháp để hoạt động, đòi phải gọi các nghị sĩ dân chủ - xã hội trong Đu-ma nhà nước về, và từ chối không chịu tiến hành công tác trong các hội công liên và tổ chức hợp pháp khác của quần chúng lao động.

Chủ nghĩa triệu hồi là sự kế tục trực tiếp của chủ nghĩa tẩy chay, — một xu hướng cơ hội chủ nghĩa trong nội bộ của phái bôn-sê-vích năm 1907, — đứng đầu là Bô-gđa-nốp và Ca-mê-nép. Năm 1908, phái triệu hồi họp thành một nhóm biệt lập, tiến hành đấu tranh chống Lê-nin. Họ dứt khoát từ chối không tham gia Đu-ma nhà nước, các công đoàn công nhân, các hợp tác xã và các tổ chức quần chúng khác hợp pháp và nửa hợp pháp, để thu hẹp vào trong một tổ chức bí mật. Che đậy dưới một luận điệu «cách mạng», nhưng thực tế là ủng hộ xu hướng thủ tiêu: họ ngăn cản đảng lợi dụng các hình thức đấu tranh hợp pháp, muốn làm cho đảng xa rời quần chúng ngoài đảng và làm cho đảng bị thế lực phản động công phá. — 231.

220 *Phái «Núi»* và *phái «Gi-rông-đanh»* là tên gọi hai nhóm chính trị của giai cấp tư sản trong thời kỳ cách mạng tư sản Pháp vào cuối thế kỷ XVIII. Phái Núi — phái Gia-cô-banh — là những đại biểu kiên quyết nhất của giai cấp cách mạng đương thời, là giai cấp tư sản, họ chủ trương nhất thiết phải tiêu diệt chế độ chuyên chế và chế độ phong kiến. Khác với phái Gia-cô-banh, phái Gi-rông-đanh dao động giữa cách mạng và phản cách mạng, và đi vào con đường thỏa hiệp với bọn quân chủ.

V. I. Lê-nin gọi trào lưu cơ hội chủ nghĩa trong đảng dân chủ - xã hội là «phái Gi-rông-đanh xã hội chủ nghĩa»; gọi những người dân chủ - xã hội cách mạng là những người Gia-cô-banh vô sản, là «phái Núi». Sau khi Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga phân liệt thành phái bôn-sê-vích và phái men-sê-vích, Lê-nin luôn luôn nhấn mạnh rằng phái men-sê-vích đại diện cho trào lưu Gi-rông-đanh trong phong trào công nhân. — 234.

221 *Quan lại địa phương* — chỉ những nhà đương cục ở địa phương trong nước Nga thời Nga hoàng, do giai cấp địa chủ quý tộc trả lương, giữ những chức vụ hành chính và tư pháp ở các địa phương. — 235.

222 *«Bình minh của chúng ta»* — tạp chí hợp pháp của phái men-sê-vích thủ tiêu, ra hàng tháng ở Pê-téc-bua từ tháng Giêng 1910 đến tháng Chín 1914. Quanh tạp chí «Bình minh của chúng ta» đã hình thành một trung tâm của phái thủ tiêu ở Nga. — 236.

223 Xem chú thích 171. — 237.

224 *«Sự nghiệp cuộc sống»* — tạp chí hợp pháp, cơ quan ngôn luận của phái men-sê-vích thủ tiêu, xuất bản ở Pê-téc-bua từ tháng Giêng đến tháng Mười 1911. — 237.

«Phục hưng» — tạp chí hợp pháp của phái men-sê-vích thủ tiêu, xuất bản ở Mát-xcơ-va từ tháng Chạp 1908 đến tháng Bảy 1910. — 237.

[225] *«Tiếng nói người dân chủ - xã hội»* là cơ quan ngôn luận của phái men-sê-vích ở nước ngoài; lúc đầu, tờ báo đã xuất bản ở Giơ-ne-vơ từ tháng Hai 1908 đến tháng Chạp 1911, sau đó đã xuất bản ở Pa-ri. Từ năm 1909, tờ báo này trở thành trung tâm tư tưởng của phái thủ tiêu. — 237.

[226] Đây là nói về cuộc cải cách ruộng đất của Xtô-lư-pin nhằm tạo ra một chỗ dựa vững chắc ở nông thôn là giai cấp phú nông. Ngày 9 (22) tháng Mười một 1906 chính phủ Nga hoàng đã ban hành sắc lệnh về cách thức cho nông dân rời khỏi công xã và giữ phần ruộng được chia làm của tư hữu. Sau khi được Đu-ma nhà nước và Hội đồng nhà nước chấp thuận với vài chỗ sửa đổi sắc lệnh này được gọi là sắc lệnh ngày 14 tháng Sáu 1910. Với sắc lệnh Xtô-lư-pin này (được gọi theo tên của chủ tịch Hội đồng bộ trưởng P. A. Xtô-lư-pin) nông dân có thể rời khỏi công xã, lấy phần ruộng được chia làm của riêng, có thể bán phần ruộng ấy. Cuộc cải cách của Xtô-lư-pin đã thúc đẩy quá trình phát triển chủ nghĩa tư bản ở nông nghiệp, quá trình phân hóa giai cấp nông dân và làm cho cuộc đấu tranh giai cấp ở nông thôn trở nên gay gắt. — 240.

[227] Sau khi cách mạng 1848 - 1849 — một cuộc cách mạng để ra nhiệm vụ chủ yếu của mình là thống nhất nước Đức lại thành một nước cộng hòa dân chủ duy nhất — bị thất bại, giai cấp đại địa chủ phản động Phổ do Bi-xmác cầm đầu tiến hành một chính sách thống nhất nước Đức «bằng máu và sắt». Mục đích của Bi-xmác là tạo ra một quốc gia quân chủ duy nhất có vua Phổ là kẻ đứng đầu nền quân chủ ấy. Để thực hiện «cuộc cách mạng từ trên xuống» này, bọn đại địa chủ Phổ dựa vào sự ủng hộ của giai cấp tư sản kếch xù Đức. — 240.

[228] *Những người men-sê-vích ủng hộ đảng* đã chống lại phái thủ tiêu trong những năm phản động (1907 - 1910), nhưng họ vẫn đứng trên lập trường của phái men-sê-vích. Họ duy trì và củng cố tổ chức đảng bất hợp pháp và, có mục đích ấy, họ đã liên minh với phái bôn-sê-vích; đến cuối năm 1911, sự liên minh này đã bị cắt dứt. — 242.

[229] Lê-nin muốn nói đến hồi ký của W. Liếp-nếch về Các Mác. — 247.

[230] Xem chú thích 33. — 247.

[231] *Phong trào Phê-ni-ăng* (từ chữ phê-ni mà ra).

Phê-ni là các hội viên của tổ chức cách mạng bí mật ở Ai-rơ-len.

Phê-ni đưa ra yêu sách về nền độc lập dân tộc cho nước mình, đòi lập ra nước cộng hòa dân chủ, đòi biến những nông dân canh tác thành những người sở hữu ruộng đất do mình canh tác, v. v.. Phê-ni cho rằng phải dựa vào một cuộc khởi nghĩa vũ trang thì mới có thể thực hiện được cương lĩnh chính trị đó. Tuy nhiên những mưu toan bí mật ấy không thành. Năm 1867, Phê-ni chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang nhưng mới tháng Chín năm ấy thì chính phủ Anh đã kịp thời bắt giam và truy tố những người cầm đầu phong trào phê-ni. Phê-ni bị đàn áp. Ở Anh đã nổi lên

một phong trào nhằm bảo vệ những người phê-ni bị xử, và Hội đồng trung ương của Quốc tế I đã ủng hộ phong trào ấy. — 249.

232 *«Người dân chủ - xã hội»* là tờ báo bất hợp pháp, cơ quan trung ương của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga; phát hành từ tháng Hai 1908 đến tháng Giêng 1917. Số 1 xuất bản ở nước Nga, sau đó việc xuất bản phải chuyển ra nước ngoài; những số từ 2 đến 32 (tháng Hai 1909 - tháng Chạp 1913) xuất bản ở Pa-ri, những số từ 33 đến 58 (tháng Mười một 1914 - tháng Giêng 1917) in ở Giơ-ne-vơ. Cả thảy có 58 số; trong số đó có 5 số có phụ bản. Từ tháng Chạp 1911 báo «Người dân chủ - xã hội» do Lê-nin làm chủ bút. Báo này đã đăng hơn 80 bài và bút ký của Lê-nin. — 255.

233 Xem tác phẩm «Tin tức mật» của C. Mác. — 260.

234 Xem bài «Cuộc khởi nghĩa ở Pra-ha» của Ph. Ăng-ghen, đăng trên «Báo Rê-na-ni mới», số 18, ngày 18 tháng Sáu 1848. — 260.

235 Xem bức thư của C. Mác gửi Ph. Ăng-ghen để ngày 2 tháng Mười một 1867. — 260.

236 *Chuồng ngựa Áp-ghi* — theo thần thoại Hy-lạp, đó là những chuồng ngựa rất lớn của vua Áp-ghi, trong nhiều năm không được quét dọn và đã do Hê-ra-clơ (một trong những nhân vật anh hùng của thần thoại Hy-lạp) dọn sạch trong một ngày. Thành ngữ «chuồng ngựa Áp-ghi» đồng nghĩa với sự chất đống mọi thứ rác bẩn hay là một sự cực kỳ lộn xộn trong công việc. — 261.

237 *«Die Glocke»* («Cái chuông») — tạp chí do một đảng viên đảng dân chủ - xã hội Đức là Pác-vu-xơ (Ghen-phan-đơ), một kẻ xã hội - sô-vanh, xuất bản ở Muyn-khen, rồi sau ở Béc-lanh trong những năm 1915 - 1925. — 261.

238 Xem Ph. Ăng-ghen, «Chủ nghĩa đại Xla-vơ dân chủ». — 261.

239 Cuốn *«Bàn về vấn đề phép biện chứng»* là một sự khái quát đặc sắc của V. I. Lê-nin về các vấn đề triết học trong những năm 1914 - 1915.

Trong cuốn này, Lê-nin đã phân tích quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập của phép biện chứng, các quan niệm siêu hình và biện chứng về sự phát triển, các phạm trù tuyệt đối và tương đối, trừu tượng và cụ thể, cái tổng thể, cái đặc thù và đơn nhất, v. v., khám phá ra tính chất biện chứng của quá trình nhận thức, chỉ ra những cội nguồn nhận thức luận và giai cấp của chủ nghĩa duy tâm. — 262.

240 Xem Ph. Ăng-ghen, «Chủ nghĩa đại Xla-vơ dân chủ». — 268.

241 Xem Ph. Ăng-ghen, «Sách báo của phái lưu vong». — 269.

242 Xem chú thích 97. — 273.

243 Nhóm Xim-méc-van cánh tả do V. I. Lê-nin sáng lập tại Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Xim-méc-van tháng Chín 1915. Nhóm này gồm có

8 đại biểu đại diện của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga và của các đảng dân chủ - xã hội cánh tả Thụy-điển, Na-uy, Thụy-sĩ, Đức, nhóm đối lập dân chủ - xã hội Ba-lan và đảng dân chủ - xã hội vùng Lát-vi-a. Nhóm Xim-méc-van cánh tả đứng đầu là V. I. Lê-nin đã đấu tranh chống phái đa số trung tâm trên hội nghị và đã đưa ra các dự thảo nghị quyết và tuyên ngôn; trong đó đã lên án chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, vạch trần bộ mặt phản bội của bọn xã hội - sô-vanh và chỉ rõ sự cần thiết phải đấu tranh tích cực chống chiến tranh. Những dự thảo đó đã bị phái đa số trung tâm bác bỏ. Nhưng nhóm Xim-méc-van cánh tả đã đạt được việc đưa vào bản tuyên ngôn đã được hội nghị thông qua một số những điều khoản quan trọng từ bản dự thảo nghị quyết của mình. Đánh giá bản tuyên ngôn như là bước đầu trong cuộc đấu tranh chống chiến tranh đế quốc, nhóm Xim-méc-van cánh tả, sau khi đã nhấn mạnh trong một bản công bố đặc biệt tính chất nửa vời, tính không triệt để của bản tuyên ngôn và những lý do bỏ phiếu tán thành của mình, đã bỏ phiếu tán thành bản tuyên ngôn này. Đồng thời nhóm Xim-méc-van cánh tả đã tuyên bố là vẫn ở lại liên minh chung Xim-méc-van, họ sẽ làm việc độc lập trên quy mô quốc tế và truyền bá các quan điểm của mình. Họ đã bầu ra cơ quan lãnh đạo — ban thường vụ mà thành phần trong đó có V. I .Lê-nin, G. Ê. Di-nô-vi-ép và C. Ra-đếch. Nhóm Xim-méc-van cánh tả đã có cơ quan ngôn luận của mình — tạp chí «Vorbote» («Người tiên khu») bằng tiếng Đức, trong tạp chí này có đăng một số bài của Lê-nin.

Lực lượng chính trong nhóm Xim-méc-van cánh tả là những người bôn-sê-vích, những người duy nhất giữ vững lập trường quốc tế vô sản triệt để và đến cùng. Lê-nin đã đấu tranh chống sự giao động cơ hội chủ nghĩa của Ra-đếch, phê phán những sai lầm của một số người theo cánh tả khác. Những phần tử quốc tế chủ nghĩa của phong trào dân chủ - xã hội quốc tế đã đoàn kết xung quanh nhóm Xim-méc-van cánh tả. Tại hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế lần thứ hai họp vào tháng Tư 1916 ở làng Ki-en-tan, gần Béc-nơ, nhóm Xim-méc-van cánh tả đã đoàn kết được 12 trong số 43 đại biểu của hội nghị, và về một số vấn đề đã có khoảng một nửa đại biểu bỏ phiếu tán thành những đề nghị của họ. Những người dân chủ - xã hội cánh tả của một số nước nằm trong nhóm Xim-méc-van cánh tả đã tiến hành công tác cách mạng lớn lao và đóng vai trò quan trọng trong việc thành lập các đảng cộng sản ở nước mình.

Về nhóm Xim-méc-van cánh tả, xem những bài của V. I. Lê-nin «Bước đầu» và «Những người mác-xít cách mạng tại hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế họp ngày 5 - 8 tháng Chín 1915» (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 27, tr. 37 - 42, 43 - 47). — 274.

244 *«Jugend - Internationale»* («Thanh niên quốc tế») là cơ quan của Liên đoàn quốc tế các tổ chức thanh niên xã hội chủ nghĩa đi theo nhóm Xim-méc-van cánh tả xuất bản ở Xuy-rích từ tháng Chín 1915 đến tháng Năm 1918. — 279.

245 *«Neues Leben»* («Đời sống mới») — tạp chí, cơ quan ngôn luận của Đảng dân chủ - xã hội Thụy-sĩ, xuất bản ở Béc-nơ từ tháng Giêng 1915 đến tháng Chạp 1917; tạp chí này tuyên truyền các quan điểm của nhóm Xim-méc-van cánh hữu, từ đầu năm 1917, tạp chí này theo lập trường của chủ nghĩa xã hội - sô-vanh.

«Vorbote» («Người tiên khu») — cơ quan lý luận của nhóm Xim-méc-van cánh tả, xuất bản ở Béc-nơ từ tháng Giêng đến tháng Tư 1916, ra có hai số. — 279.

246 *Nhóm «Quốc tế»*, về sau gọi là nhóm «Xpác-tác» («Xpác-ta-cút»), do những người dân chủ - xã hội cánh tả Đức là C. Liếp-nếch, R. Lúc-xăm-bua, Ph. Mê-rinh, C. Txét-kin, I-u. Mác-khlép-xki, L. I-ô-ghi-khê-xơ (Tư-sca) và V. Pích thành lập vào chiến tranh đế quốc thế giới.

Tháng Tư 1915, R. Lúc-xăm-bua và Ph. Mê-rinh đã sáng lập ra tạp chí «Die Internationale», tờ này đã đoàn kết xung quanh mình nhóm cơ sở của những người dân chủ - xã hội cánh tả Đức. Từ năm 1916, khi nhóm «Quốc tế» bắt đầu xuất bản bất hợp pháp và truyền bá «Những bức thư chính trị» ký tên là «Xpác-tác», nhóm này đã được gọi là nhóm «Xpác-tác». Những người thuộc nhóm «Xpác-tác» đã tuyên truyền cách mạng trong quần chúng, đã tổ chức quần chúng tiến hành chống chiến tranh, lãnh đạo các cuộc đình công, vạch trần tính chất đế quốc chủ nghĩa của cuộc chiến tranh thế giới và sự phản bội của những thủ lĩnh cơ hội của đảng dân chủ - xã hội. Nhưng những người nhóm «Xpác-tác» đã mắc những sai lầm nghiêm trọng về các vấn đề lý luận và chính sách: đã phủ định khả năng chiến tranh giải phóng dân tộc ở thời đại đế quốc chủ nghĩa, không có lập trường triệt để về khẩu hiệu biến chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thành nội chiến, coi nhẹ vai trò đảng của giai cấp vô sản như là đội tiền phong của giai cấp công nhân, đánh giá chưa đúng mức giai cấp nông dân như là người bạn đồng minh của giai cấp vô sản, không dám cương quyết tuyệt giao với bọn cơ hội chủ nghĩa. Lê-nin đã nhiều lần phê phán những sai lầm của những người dân chủ - xã hội cánh tả Đức, giúp họ đứng vững trên lập trường đúng đắn (xem, ví dụ, tác phẩm «Bàn về cuốn sách nhỏ của I-u-ni-út», «Bàn về một sự phỏng họa xuyên tạc chủ nghĩa Mác và về «chủ nghĩa kinh tế đế quốc»», Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 30, tr. 1 - 16, 77 - 130).

Tháng Tư 1917 những người thuộc nhóm «Xpác-tác» đã tham gia đảng trung phái chủ nghĩa, tức là Đảng dân chủ - xã hội độc lập Đức nhưng vẫn giữ nguyên sự độc lập về tổ chức của mình. Tháng Mười một 1918, trong quá trình cách mạng ở Đức, những người thuộc nhóm «Xpác-tác» đã tổ chức thành «Liên minh Xpác-tác» và sau khi công bố cương lĩnh của mình vào ngày 14 tháng Chạp 1918, đã tuyệt giao với «phái độc lập». Tại Đại hội thành lập họp từ ngày 30 tháng Chạp 1918 đến ngày 1 tháng Giêng 1919, những người thuộc nhóm «Xpác-tác» đã sáng lập Đảng cộng sản Đức. — 280.

247 *Pa-na-ma* — một sự bịp bợm khổng lồ trong xí nghiệp tư bản chuyên việc lạm dụng và mua chuộc các nhân vật có chức vụ.

Chữ này đã trở thành một danh từ chung nhân việc một công ty Pháp thầu khai kênh đào Pa-na-ma bị phá sản năm 1889 vì có quá nhiều lần phạm vào hành vi lạm dụng. — 284.

248 Xem C. Mác, Lời tựa cho cuốn «Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ», xuất bản lần thứ hai. — 284.

249 *«Người cộng sản»* — tạp chí do V. I. Lê-nin sáng lập ra và do ban biên tập báo «Người dân chủ - xã hội» xuất bản ở Giơ-ne-vơ năm 1915. — 285.

250 *Ban tổ chức* — trung tâm lãnh đạo của phái men-sê-vích, thành lập năm 1912 tại cuộc hội nghị tháng Tám của phái men-sê-vích thủ tiêu và của tất cả các nhóm, các trào lưu phản đảng. Ban tổ chức hoạt động cho đến khi Ban chấp hành trung ương của phái men-sê-vích được bầu cử vào tháng Tám 1917. — 285.

251 *Các ban công nghiệp chiến tranh* do giai cấp đại tư sản đế quốc chủ nghĩa thành lập ở Nga năm 1915. Muốn nắm công nhân trong phạm vi ảnh hưởng của chúng và khiến cho họ đi theo chủ nghĩa vệ quốc, giai cấp tư sản đã nghĩ ra cách thành lập những «nhóm công nhân» trực thuộc các ban ấy. Chúng có lợi trong việc tập hợp trong các nhóm ấy những đại biểu của công nhân có nhiệm vụ phải tuyên truyền trong quần chúng công nhân để tăng năng suất trong các nhà máy chiến tranh. Bọn men-sê-vích đã tham gia một phần tích cực vào cái công việc yêu nước giả hiệu ấy của giai cấp tư sản. Những người bôn-sê-vích đã tẩy chay các ban công nghiệp chiến tranh một cách thắng lợi, nhờ có sự ủng hộ của đa số công nhân. — 293.

252 *Đảng đoàn Tsơ-khê-ít-dê* là nhóm nghị sĩ men-sê-vích trong Đu-ma IV do N. S. Tsơ-khê-ít-dê đứng đầu. Trong chiến tranh thế giới thứ nhất, nhóm này tỏ ra theo lập trường phái giữa, nên đã tự xếp mình ngang hàng với bọn xã hội - sô-vanh Nga. — 296.

253 *«Sự nghiệp của chúng ta»* là tạp chí men-sê-vích ra hàng tháng, cơ quan chủ yếu của phái thủ tiêu và bọn xã hội - sô-vanh Nga; xuất bản năm 1915 ở Pê-tơ-rô-grát thay cho tạp chí «Bình minh của chúng ta» bị cấm vào tháng Mười 1914.

«Tiếng nói lao động» là tạp chí hợp pháp của phái men-sê-vích, xuất bản ở Xa-ma-ra năm 1916. — 296.

254 Xem C. Mác, «Phê phán cương lĩnh Gô-ta» và Ph. Ăng-ghen, «Lời tựa cho văn tập «Internationales aus dem Volksstaat (1871 - 1875)»». — 299.

255 Theo xác nhận của C. Mác và Ph. Ăng-ghen thì thành ngữ này là của Hai-nơ và đã được C. Mác và Ph. Ăng-ghen lần đầu tiên đưa vào tác phẩm «Hệ tư tưởng Đức». — 301.

256 Xem bức thư của C. Mác gửi Ph. A. Doóc-ghê đề ngày 29 tháng Mười một 1886. — 304.

257 Câu thơ trong tác phẩm «Phau-xtơ» của Gơ-tơ. — 306.

258 Đây là lời nói của Mi-li-u-cốp, thủ lĩnh Đảng dân chủ - lập hiến. Trong một bữa tiệc chiêu đãi tại Luân-đôn ngày 19 tháng Sáu (tức là ngày 2 tháng Bảy lịch mới) do huân tước May-ơ mời, Mi-li-u-cốp đã nói rằng: «... Chừng nào mà viện lập pháp ở Nga vẫn còn kiểm soát ngân sách, thì phái đối lập ở Nga vẫn chỉ là phái đối lập của nhà vua, chứ không phải là phái đối lập với nhà vua» (báo «Ngôn luận», số 167, ngày 21 tháng Sáu (4 tháng Bảy) 1909).

«Phái đối lập của nhà vua» là một từ ngữ nghị trường Anh dùng để gọi thiểu số đối lập gồm những nghị sĩ tư sản, tuy vẫn trung thành với chế độ tư bản và với chính quyền của nhà vua, nhưng vì lý do đảng phái hay phe nhóm, lại từ chối không ủng hộ chính phủ và phản đối chính sách của chính phủ. Cái sách lược đối lập ở nghị trường đó được các đảng tư sản và tiểu tư sản sử dụng rộng rãi để lừa bịp quần chúng.

Lê-nin dùng từ ngữ này để nêu lên được đặc tính của chính sách của bọn men-sê-vích và xã hội chủ nghĩa - cách mạng, ngoài miệng thì giả vờ không đồng tình với giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa, nhưng trên thực tế, đã ủng hộ chúng khi mà cuộc cách mạng dân chủ - tư sản chuyển biến thành cách mạng xã hội chủ nghĩa, ký hiệp ước thỏa thuận với giai cấp tư sản này, cũng hệt như trước kia bọn dân chủ - lập hiến đã ký hiệp ước thỏa thuận với chế độ Nga hoàng trong thời kỳ cách mạng dân chủ - tư sản. — 309.

259 *«Không cần Nga hoàng, mà cần chính phủ công nhân»* — khẩu hiệu phản bôn-sê-vích, do Pác-vu-xơ, một người xã hội chủ nghĩa - sô-vanh, đưa ra năm 1905. Khẩu hiệu này là một trong những luận điểm chủ yếu của «học thuyết» Tơ-rốt-xki về cuộc cách mạng không ngừng mà không có giai cấp nông dân tham gia, một học thuyết đi trái với học thuyết của V. I. Lê-nin về việc chuyển biến cuộc cách mạng dân chủ - tư sản thành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa với quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản trong toàn bộ phong trào nhân dân. — 309.

260 Xem C. Mác, «Nội chiến ở Pháp» và Ph. Ăng-ghen, Lời tựa viết cho cuốn «Nội chiến ở Pháp» của Mác. — 310.

261 Lê-nin muốn nói đến cuốn «Chủ nghĩa vô chính phủ và chủ nghĩa xã hội» của Plê-kha-nốp, được dịch sang tiếng Đức và xuất bản ở Béc-lanh năm 1894. — 311.

262 Xem chú thích 32. — 312.

263 Xem C. Mác, «Nội chiến ở Pháp», trong C. Mác và Ph. Ăng-ghen, «Tuyển tập», gồm 2 tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ 2, 1970, t. I, tr. 569 - 660. — 318.

264 *Sy-lốc* là một tên cho vay nặng lãi trong vở kịch của Sếch-xpia «Người lái buôn thành Vơ-ni-dơ». — 326.

265 *Pô-mi-a-lôp-xki* là nhà văn Nga, đã viết truyện ngắn «Sơ lược về đời sống ở trường dòng», trong đó ông miêu tả đời sống của học sinh trường dòng. — 327.

266 Lê-nin muốn nói đến Pê-tơ-rô-grát và Mát-xcơ-va. — 334.

267 Cuộc phiến loạn Coóc-ni-lốp — cuộc phiến loạn phản cách mạng của bọn tư sản và bọn địa chủ hồi tháng Tám 1917. Viên tướng tổng chỉ huy quân đội Nga hoàng là Coóc-ni-lốp đã cầm đầu cuộc phiến loạn này. Âm mưu của chúng nhằm mục tiêu chiếm lấy Pê-tơ-rô-grát, phá tan quân đội bôn-sê-vích, đặt chế độ độc tài quân sự trong nước và chuẩn bị phục hồi nền quân chủ.

Giai cấp công nhân và nông dân dưới sự lãnh đạo của đảng bôn-sê-vích đã đập tan cuộc tấn công của Coóc-ni-lốp. Trước áp lực của quần chúng Chính phủ lâm thời đành phải ra lệnh bắt giam Coóc-ni-lốp cùng bọn của y và đưa bọn tham gia cuộc phiến loạn ra tòa án xét xử. — 334.

268 *Hội nghị dân chủ toàn Nga* do bọn men-sê-vích và xã hội chủ nghĩa - cách mạng triệu tập nhằm quyết định vấn đề chính quyền, đã họp ở Pê-tơ-rô-grát từ ngày 14 đến 22 tháng Chín (27 tháng Chín đến 5 tháng Mười, lịch mới) 1917. Có hơn 1 500 đại biểu đến dự. Các thủ lĩnh phái men-sê-vích và xã hội chủ nghĩa - cách mạng tìm mọi cách để giảm số đại biểu công nhân và nông dân và tăng số đại biểu của các tổ chức tư sản và tiểu tư sản lên thật đông, hòng đảm bảo cho chúng giành được đa số trong hội nghị. Những người chủ trương triệu tập hội nghị này nhằm đánh lạc hướng của quần chúng khiến cho họ không chú ý đến cao trào cách mạng đang dâng lên mạnh.

Những người bôn-sê-vích quyết định tham gia hội nghị nhằm lợi dụng hội nghị làm diễn đàn để vạch mặt bọn men-sê-vích và xã hội chủ nghĩa - cách mạng.

Ngày 19 tháng Chín (1 tháng Mười, lịch mới), hội nghị thông qua một quyết định thành lập một Tiền nghị viện (một Hội đồng lâm thời của nước cộng hòa). Đó là một cách để lập ra một cái giống như một chế độ đại nghị ở nước Nga. Những quy định của Chính phủ lâm thời khiến cho Tiền nghị viện này chỉ giản đơn là một cơ quan tư vấn của chính phủ. Lê-nin đã nhấn mạnh sự cần thiết phải tẩy chay Tiền nghị viện này, nếu không nó sẽ đẻ ra cái ảo tưởng là cơ quan đó có khả năng giải quyết được những nhiệm vụ của cách mạng. Ban chấp hành trung ương của đảng quyết định các đại biểu bôn-sê-vích rút ra khỏi cái Tiền nghị viện ấy, chỉ có Ca-mê-nép và những kẻ đầu hàng khác, — muốn làm giai cấp vô sản sao lãng những công việc chuẩn bị khởi nghĩa mới cứ khăng khăng đòi tham gia Tiền nghị viện.

Ngày 7 (20) tháng Mười, khi Tiền nghị viện nhóm họp, thì những người bôn-sê-vích đọc lời tuyên bố của mình và bỏ ra về. Họ tố cáo sự hoạt động phản cách mạng của Tiền nghị viện, và họ chuẩn bị cho quần chúng cuộc khởi nghĩa vũ trang. — 336.

269 *A-lếch-xan-đrin-ca* là nhà hát A-lếch-xan-đrin-xki ở Pê-tơ-rô-grát, nơi Hội nghị dân chủ họp.

Pê-tơ-rô-páp-lốp-ca, thành lũy của Pi-e và Pôn, đối diện với cung điện Mùa đông (dưới thời Nga hoàng, đó là nơi giam giữ những nhà cách mạng). — 338.

270 *Học sinh sĩ quan* là học sinh học viện quân sự dưới thời Nga hoàng. — 338.

271 *«Sư đoàn dã man»* là sư đoàn được thành lập trong chiến tranh thế giới thứ nhất. Những người tình nguyện vào sư đoàn này được tuyển mộ trong những dân cư miền núi của miền Bắc Cáp-ca-dơ. Nó là một lực lượng tấn công của quân đội do tướng Coóc-ni-lốp chỉ huy chống Pê-tơ-rô-grát cách mạng. — 338.

272 Xem Ph. Ăng-ghen, «Cách mạng và phản cách mạng ở Đức». — 341.

273 *Đội quân Văng-đê* — Văng-đê là một tỉnh miền Tây nước Pháp, ven bờ Đại tây dương, nơi sào huyệt của thế lực phản cách mạng ở Pháp trong cuộc cách mạng tư sản cuối thế kỷ XVIII.

Trong những trận chiến đấu chống nước Pháp cách mạng, những thế lực phản cách mạng này đã dựa vào những người nông dân lạc hậu vùng Văng-đê chịu ảnh hưởng nặng nề của các cha cố.

Trong và sau cách mạng tháng Mười ở Nga một bộ phận bọn Cô-dắc khá giả đã tích cực tham gia vào cuộc tấn công phản cách mạng, vì vậy V. I. Lê-nin gọi chúng là «đội quân Văng-đê». — 341.

274 *«Đời sống mới»*, *«Tiến lên»* là những tờ tạp chí men-sê-vích.

«Sự nghiệp nhân dân» là tờ báo của phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng. — 347.

275 Lê-nin muốn nói đến cuốn sách «Chuyên chính vô sản» của Cau-xky, được xuất bản ở Viên năm 1918. — 350.

276 Xem C. Mác, «Phê phán cương lĩnh Gô-ta». — 351.

277 Xem bức thư của Ph. Ăng-ghen gửi A. Bê-ben đề ngày 18 - 28 tháng Ba 1875. — 356.

278 Ý này Ăng-ghen đã phát biểu trong Lời nói đầu cho cuốn sách của Mác «Nội chiến ở Pháp», xem trong C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Tuyển tập, gồm 2 tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ 2, 1970, t. I. — 358.

279 Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Tuyển tập, gồm 2 tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, lần xuất bản thứ 2, 1970, t. I, bài của Ph. Ăng-ghen «Bàn về quyền uy», tr. 766 - 770. — 359.

280 Xem bức thư của C. Mác gửi cho L. Cu-ghen-man đề ngày 12 tháng Tư 1871, cuốn sách của C. Mác «Nội chiến ở Pháp» và Lời nói đầu của Ph. Ăng-ghen cho cuốn sách «Nội chiến ở Pháp» viết năm 1890. — 359.

[281] Lê-nin muốn nói đến Lời tựa của C. Mác và Ph. Ăng-ghen cho «Tuyên ngôn của Đảng cộng sản», xuất bản bằng tiếng Đức, đã viết năm 1872. — 359.

[282] *«Đồng minh»* là một khối đế quốc chủ nghĩa gồm Anh, Pháp và Nga, hình thành năm 1907, để đối lập với khối Liên minh tay ba gồm Đức, Áo - Hung và Ý. Trong chiến tranh thế giới thứ nhất, Đồng minh lại có thêm một số nước khác gia nhập là Mỹ, Nhật, Ý và mấy nước nữa. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, Anh, Pháp, Mỹ và Nhật là những nước cầm đầu khối Đồng minh đã tổ chức và tham gia cuộc can thiệp quân sự chống nước Nga xô-viết. — 361.

[283] Xem bức thư của Ph. Ăng-ghen gửi cho C. Mác đề ngày 7 tháng Mười 1858. — 364.

[284] Xem bức thư của C. Mác gửi cho Ph. Ăng-ghen đề ngày 16 tháng Tư 1856. — 366.

[285] Xem bài «Những vị anh hùng của Quốc tế Béc-nơ», trong V. I. Lê-nin, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1968, t. 29, tr. 439 - 449. — 368.

[286] Lê-nin muốn nói đến cái âm mưu nộp Pê-tơ-rô-grát, do một tổ chức phản cách mạng gồm bọn gián điệp và bọn phá hoại là bọn dân chủ - lập hiến, men-sê-vích và xã hội chủ nghĩa - cách mạng thực hiện. Đứng đầu tổ chức là nhóm «Trung tâm quốc gia» hoạt động theo chỉ thị của các cơ quan gián điệp nước ngoài. Đúng theo kế hoạch của tổ chức này, cuộc nổi loạn của pháo đài «Cra-xnai-a Goóc-ca» đã nổ ra ngày 13 tháng Sáu 1919. Ngày 16 tháng Sáu, quân đội xô-viết chiếm được pháo đài. Các tổ chức phản cách mạng cầm đầu cuộc âm mưu đã bị bại lộ và bị tiêu diệt. — 374.

[287] Quốc tế «Béc-nơ», Quốc tế vàng là tên gọi một nhóm gồm các đảng phái xã hội - sô-vanh và phái giữa, hình thành năm 1919 tại Hội nghị Béc-nơ để tái lập Quốc tế II. Lê-nin đã phê phán nhóm này trong một bài nhan đề «Những nhiệm vụ của Quốc tế III» (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1968, t. 29, tr. 557 - 579). — 375.

[288] Trận Xa-đô-va. Xa-đô-va là một làng (hiện nay là thành phố) ở Tiệp-khắc.

Trận Xa-đô-va diễn ra ngày 3 tháng Bảy 1866, đã kết thúc bằng sự thắng lợi của nước Phổ và đã quyết định kết cục của cuộc chiến tranh Áo - Phổ. — 379.

[289] Sắc lệnh ngày 16 - 3 - 1919 của Hội đồng dân ủy đã quyết định cải tổ các hợp tác xã tiêu dùng và gọi là «Công xã tiêu dùng». Nhưng tên gọi này làm cho nông dân dễ hiểu lầm về sắc lệnh. Vì thế, Ban chấp hành trung ương toàn Nga đã quyết định thay tên là «hội tiêu dùng», một danh từ quen thuộc hơn với nông dân. — 387.

BẢN CHỈ DẪN TÊN NGƯỜI

A

A-ki-mốp, (Ma-khnô-vê-txơ), V. P. (1872 - 1921) là người dân chủ - xã hội Nga, một đại biểu xuất sắc của «phái kinh tế», một người cực kỳ cơ hội chủ nghĩa. — 125.

A-rắc-tsê-ép, A. A. (1769 - 1834) là một quyền thần dưới triều vua Pôn I và A-lếch-xan-đrơ I. Tên hắn gắn liền với cả một thời kỳ độc tài cảnh sát vô hạn độ và chuyên chế quân phiệt của chính phủ Nga hoàng. — 66.

A-ri-xtốt (384 - 322 trước công lịch) là nhà triết học và nhà bác học Hy-lạp mà tác phẩm bao quát hầu hết các lĩnh vực tri thức của thời đại đó. Những quan điểm triết học của ông ngả nghiêng giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm. — 262, 264.

A-vê-na-ri-út, Ri-sa (1843 - 1896) là nhà triết học Đức, đề xướng ra chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán lặp lại chủ nghĩa duy tâm chủ quan của Béc-cli và Hi-um. — 212, 214, 215, 217, 218.

Ác-nim - Xu-cốp, Hen-rich A-lếch-xan-đrơ (1798 - 1861) là nhà ngoại giao Phổ, bộ trưởng Bộ ngoại giao trong nội các Cam-phau-den (tháng Ba - tháng Sáu 1848). — 137.

Ác-xen-rốt, P. B. (1850 - 1928) là người dân chủ - xã hội Nga. Năm 1883, là một trong những người tổ chức ra nhóm «Giải phóng lao động». Từ năm 1900, một trong số những biên tập viên của tờ báo «Tia lửa» và tạp chí «Bình minh». Sau Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga (1903), trở thành một người hoạt động tích cực của phái men-sê-vích. — 89, 90, 103, 286.

Át-lơ, Phri-đrích (1879 - 1960) là người dân chủ - xã hội Áo, một trong số những nhà lý luận của cái «chủ nghĩa Mác Áo» — một xu hướng dùng những lời lẽ mác-xít để che đậy việc từ bỏ chủ nghĩa Mác cách mạng và đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản. — 410.

Át-lơ, Vích-to (1852 - 1918) là người tổ chức và lãnh đạo Đảng dân chủ - xã hội Áo, duy trì mối quan hệ với Ăng-ghen trong những năm 1880 - 1890, nhưng

những sách của ông này sang tiếng Anh. — 210.

Bi-xmác, Ốt-tô Ê-đu-a Lê-ô-pôn (1815 - 1898) là nhà ngoại giao và chính khách của Phổ (sau này của Đức). Năm 1862, là thủ tướng kiêm bộ trưởng Bộ ngoại giao Phổ. Từ 1871 đến 1890, là Quốc vụ khanh đầu tiên của đế chế Đức. Đã dùng bạo lực để thống nhất Đức dưới sự thống trị của Phổ. Tác giả đạo luật ngoại lệ chống những người xã hội chủ nghĩa. — 6, 35, 81, 183, 240, 248.

Bít-xô-la-ti, Lê-ô-ni-đa (1857 - 1920) là người sáng lập Đảng xã hội chủ nghĩa Ý, thủ lĩnh cánh hữu. Trong chiến tranh thế giới thứ nhất, đã đứng trên lập trường xã hội - sô-vanh. Bộ trưởng không bộ trong những năm 1916 - 1918. — 294.

Blăng, Lu-i (1811 - 1882) là một người xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản Pháp, nhà sử học, phản đối cách mạng vô sản, chủ trương thỏa hiệp với giai cấp tư sản. — 50, 142, 309, 358.

Blăng-ki, Lu-i Ô-guy-xtơ (1805 - 1881) là nhà cách mạng Pháp, một đại biểu nổi tiếng của chủ nghĩa cộng sản không tưởng, đã tổ chức những đoàn thể bí mật và những cuộc âm mưu; tán thành việc xây dựng xã hội không có giai cấp, đã không hiểu được bản chất của học thuyết của Mác về cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản, cho rằng cuộc cách mạng có thể do một nhóm những người âm mưu thực hiện được. — 82, 88, 148, 149, 151, 152, 161, 162, 163.

Boóc-khem, Xi-ghi-dơ-mun Lút-vích (1825 - 1885) là nhà chính luận Đức, một người dân chủ, tham gia cuộc cách mạng 1848 - 1849 ở Đức. — 343.

Boóc-nơ, Xtê-phan (tên thật là *Bút-te-min-khơ, Xi-môn*) (1824 - 1898) là công nhân Đức, thợ xếp chữ, một thành viên của Đồng minh những người cộng sản; trong cuộc cách mạng Đức 1848 - 1849, là một trong những người đại biểu đầu tiên của chủ nghĩa cải lương trong phong trào công nhân Đức, rút lui khỏi phong trào sau cuộc cách mạng đó. — 140, 141, 142, 143.

Bô-gđa-nốp, A. A. (1873 - 1928) là một người dân chủ - xã hội Nga, nhà triết học, nhà xã hội học và kinh tế học, mưu toan dựng lên một hệ thống riêng của mình là chủ nghĩa kinh nghiệm nhất nguyên (một biến tướng của triết học Ma-khơ duy tâm chủ nghĩa, che đậy dưới những câu nói mác-xít giả hiệu). — 202, 208, 215, 219.

Bôm-Ba-véc, Ơ-giê-ni (1851 - 1914) là nhà kinh tế học tư sản, người sáng lập một trường phái tầm thường, gọi là trường phái chính trị kinh tế học Áo. — 202, 204.

Bớc-xơ, Giôn (1858 - 1943) là công nhân Anh, đã trở thành một chính khách, một trong những người lãnh đạo Hội công liên trong

những năm 80 thế kỷ XIX. Nghị sĩ từ 1892. Tại nghị viện, y chống lại những lợi ích của công nhân và bênh vực sự hợp tác với bọn tư bản. Bộ trưởng từ 1905 đến 1914. Sau đó, rút lui khỏi sân khấu chính trị. — 180.

Brắc-kê, Vin-hem (1842 - 1880) là người dân chủ - xã hội Đức, một trong những người sáng lập và lãnh đạo phái Ai-xơ-nách (1869), duy trì mối quan hệ với Mác và Ăng-ghen. — 172, 314.

Bren-ta-nô, Lu-i-ô (1844 - 1931) là nhà kinh tế học tư sản Đức, một trong những người đại diện chủ yếu của «chủ nghĩa xã hội giảng đường», tuyên truyền cho việc khước từ đấu tranh giai cấp và cho khả năng giải quyết những mâu thuẫn xã hội trong xã hội tư bản chủ nghĩa bằng con đường tổ chức những công đoàn cải lương chủ nghĩa và ra đạo luật công xưởng. — 160.

Brúc-ke, Lu-i đơ (1870 - 1951) là lãnh tụ và nhà lý luận của Đảng công nhân Bỉ, trong những năm trước chiến tranh thế giới thứ nhất, là thủ lĩnh cánh tả của đảng này. Trong chiến tranh thế giới thứ nhất 1914 - 1918, trở thành một tên xã hội - sô-vanh. — 206.

Brút-xơ, Pôn (1854 - 1912) là người xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản Pháp, thủ lĩnh và nhà tư tưởng của phái khả năng chủ nghĩa là phái cơ hội chủ nghĩa trong phong trào xã hội chủ nghĩa Pháp. — 175, 206.

Bu-lư-ghin, A. G. (1851 - 1919) là địa chủ lớn, một chính khách của chính phủ Nga hoàng, bộ trưởng Bộ nội vụ năm 1905, thảo ra đạo luật thành lập Đu-ma nhà nước có tính chất tư vấn, nhằm mục đích dập tắt phong trào cách mạng đang lớn mạnh ở trong nước. Đu-ma Bu-lư-ghin không triệu tập được, vì nó đã bị cơn bão táp cách mạng 1905 - 1907 quét sạch. — 196.

Bun-ga-cốp, X. N. (1871 - 1944) là nhà kinh tế học Nga, một nhà triết học duy tâm. Sau cách mạng 1905 - 1907, đứng về phe dân chủ - lập hiến, tuyên truyền chủ nghĩa thần bí triết học, tham gia tập «Vê-khi» («Những cái mốc») phản cách mạng. — 158.

Bun-kin (Xê-mê-nốp), Ph. A. (sinh năm 1888) là một người dân chủ - xã hội Nga, là người theo phái thủ tiêu trong những năm thế lực phản động hoành hành (1907 - 1910) và cao trào cách mạng vừa mới lên. — 295.

Buy-khơ-nơ, Lút-vích (1824 - 1899) là nhà sinh lý học và triết học Đức, đại diện cho trường phái duy vật chủ nghĩa tầm thường. — 11, 158, 210.

C

Ca-bê, Ê-chiên (1788 - 1856) là nhà chính luận Pháp, một đại biểu có tiếng tăm của chủ nghĩa cộng sản không tưởng hòa bình. — 50.

Ca-blu-cốp, N. A. (1849 - 1919) là nhà kinh tế học và thống kê Nga,

theo chủ nghĩa dân túy tự do. Cho rằng nền kinh tế tiểu nông là «vững chắc» và cho rằng công xã nông thôn là hình thức ngăn chặn được việc phân hóa trong nông dân. — 138.

Ca-mư-san-xki, P. C. là một ủy viên công tố viện tư pháp Pê-téc-bua, là ủy viên công tố trong vụ án của đảng đoàn dân chủ - xã hội tại Đu-ma nhà nước II. — 192.

Ca-ni-txơ, Au-gu-xtơ (1783 - 1852) là một tướng Phổ, đại biểu của giai cấp quý tộc phản động và của bọn quan lại, bộ trưởng Bộ quốc phòng trong nội các của Cam-phau-den trong thời gian tháng Năm - tháng Sáu 1848. — 137.

Ca-ra-u-lốp, M. A. (1878 - 1917) là một người quân chủ, nghị sĩ Đu-ma II và IV. — 235.

Ca-ru-xơ, Pôn (1852 - 1919) là một nhà triết học Mỹ, theo chủ nghĩa duy tâm chủ quan và thần bí, cố gắng điều hòa tôn giáo với khoa học, truyền bá đạo Phật. — 217.

Cam-phau-den, Luy-đôn-phơ (1803 - 1890) là thủ tướng nội các Phổ năm 1848, thủ lĩnh giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa, thực hiện một chính sách xảo quyệt thỏa hiệp với thế lực phản động. — 135, 137.

Can-tơ, Im-ma-nu-in (1724 - 1804) là một nhà triết học Đức, sáng lập chủ nghĩa duy tâm cổ điển Đức. — 11, 201, 210, 211, 212, 266.

Cau-xky, Các-lơ (1854 - 1938) là một trong những lãnh tụ của Đảng dân chủ - xã hội Đức và của Quốc tế II; lúc đầu là người mác-xít, y đã phản bội chủ nghĩa Mác, y là nhà tư tưởng của phái giữa (chủ nghĩa Cau-xky) là một loại hình nguy hiểm nhất và độc hại nhất của chủ nghĩa cơ hội. — 47, 116, 145, 146, 154, 276, 277, 281, 282, 285, 286, 288, 289, 290, 292, 293, 297, 298, 299, 309, 313, 350, 351, 352, 353, 254, 355, 356, 357, 358, 359, 360, 365, 367, 368, 377, 383, 410, 414, 415, 417, 444.

Chi-e, A-đôn-phơ (1797 - 1877) là nhà sử học tư sản và chính khách Pháp, tên đao phủ đàn áp Công xã Pa-ri. — 17.

Chi-e-ry, Ô-guy-xtanh (1795 - 1856) là nhà sử học Pháp, thuộc phái tư sản tự do chủ nghĩa trong thời kỳ phục hưng. — 17.

Clê-măng-xô, Goóc-giơ (1841 - 1929) là một chính khách Pháp. Thủ tướng nội các năm 1906 - 1909 và 1917 - 1920. Một người tổ chức và gây ra cuộc can thiệp vũ trang vào nước Nga xô-viết, ủng hộ bọn phản cách mạng Nga, ra sức tiến hành cuộc «bao vây kinh tế» và bóp nghẹt nước Nga. — 361.

Coóc-nê-li-út Han-xơ (1863 - 1947) là một nhà triết học Đức, duy tâm chủ quan. Với ý đồ bổ sung chủ nghĩa Ma-khơ bằng triết học nội tại và thực dụng, ông ta đứng giữa chủ nghĩa Ma-khơ và chủ nghĩa thực chứng mới. — 217.

D

truyền bá những tư tưởng mác-xít ở Pháp và cổ vũ phong trào xã hội chủ nghĩa Pháp, nhưng ông phạm sai lầm về tính chất bè phái trong lý luận và trong sách lược. — 206.

Ghéc-txen, A. I. (1812 - 1870) là một người dân chủ cách mạng Nga, một nhà triết học duy vật, nhà văn và nhà chính luận. — 104.

Ghéc-txen-stanh, M. I-a. (1859 - 1906) là nhà kinh tế học Nga, một thủ lĩnh của Đảng dân chủ - lập hiến và là nhà lý luận của đảng đó về vấn đề ruộng đất. — 138.

Ghê, A. I-u. (1879 - 1919) là một người vô chính phủ Nga; sau cuộc cách mạng tháng Mười, ủng hộ Chính quyền xô-viết. — 328.

Ghi-dô, Phrăng-xoa (1787 - 1874) là một nhà sử học tư sản Pháp và chính khách; từ 1840 cho đến cách mạng tháng Hai 1848, thực tế lãnh đạo chính sách đối nội và đối ngoại của Pháp, biểu hiện lợi ích của đại tư sản tài chính. — 17.

Gia-cô-by, Giô-han (1805 - 1877) là nhà chính luận Đức, nhà hoạt động chính trị, một người dân chủ tư sản. Gia nhập Đảng dân chủ - xã hội Đức năm 1872, một nghị sĩ trong Quốc hội năm 1874. Ông ta không phải là người mác-xít, nhưng Mác và Ăng-ghen đã đánh giá ông ta là một nhà dân chủ đã đi theo phong trào vô sản, mặc dù nhiều lúc Mác và Ăng-ghen có những quan điểm khác với ông ta. — 379.

Giêm-xơ, Uy-li-am (1842 - 1910) là nhà triết học và tâm lý học Mỹ, người duy tâm chủ quan, một trong những người sáng lập chủ nghĩa thực dụng. — 215.

Gioóc-giơ, Hen-ri (1839 - 1897) là nhà chính luận Mỹ, một nhà kinh tế học tư sản; bênh vực chủ trương nhà nước tư sản quốc hữu hóa ruộng đất, coi đó là một biện pháp để giải quyết tất cả những mâu thuẫn xã hội dưới chủ nghĩa tư bản; mưu toan nắm lấy phong trào công nhân Mỹ và đưa phong trào đi theo chủ nghĩa cải lương tư sản. — 168, 169.

Gioóc-giơ V (1865 - 1936) là vua nước Anh trong những năm 1910 - 1936. — 275.

Giô-re-xơ, Giăng (1859 - 1914) là một nhà hoạt động có tiếng tăm trong phong trào xã hội chủ nghĩa Pháp và quốc tế, người sáng lập và chủ bút báo «L'Humanité» («Nhân đạo»), thủ lĩnh cánh hữu cải lương chủ nghĩa trong Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp. Tích cực chống chủ nghĩa quân phiệt. Ngay trước ngày chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918) bùng nổ, ông bị ám sát bởi một tên hung thủ do bọn quân phiệt thuê tiền. — 206.

Giu-ni-út, — *xem* Lúc-xăm-bua, Rô-da.

Glát-xtôn, Uy-li-am I-u-ác (1809 - 1898) là một chính khách Anh, thủ lĩnh Đảng tự do. Thủ tướng

nội các trong những năm 1868 - 1874 và nhiều lần sau đó, một thành viên trong những nội các do Đảng tự do cầm quyền, thực hiện chính sách thực dân xâm lược. — 251.

Grim, Rô-béc (1881 - 1958) là nhà dân chủ - xã hội Thụy-sĩ; trong chiến tranh thế giới thứ nhất, là người theo chủ nghĩa quốc tế; năm 1917 đã liên minh với những người xã hội - sô-vanh. — 279.

Gra-vơ, Giăng (1854 - 1939) là người xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản Pháp, một nhà lý luận của chủ nghĩa vô chính phủ; trong chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918), trở thành một người xã hội - sô-vanh. — 327.

Gruyn, Các-lơ (1817 - 1887) là nhà chính luận tiểu tư sản Đức, vào giữa những năm 1840 là một trong những đại biểu chính của «chủ nghĩa xã hội chân chính». — 50, 51, 209.

Gruyn-béc, Các-lơ (1861 - 1940) là một người dân chủ - xã hội Áo, nhà luật học, kinh tế học và sử học; trong những năm 1911 - 1929 đã xuất bản 14 cuốn sách «Archiv für die Geschichte des Sozialismus und der Arbeiterbewegung» («Lưu trữ về lịch sử của chủ nghĩa xã hội và phong trào công nhân»). — 270.

Gu-tsơ-cốp, A. I. (1862 - 1936) là một nhà tư bản lớn, người tổ chức và thủ lĩnh của Đảng tháng Mười. Sau cuộc cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917 là bộ trưởng Bộ chiến tranh và hải quân trong Chính phủ tư sản lâm thời, sau cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười là tên bạch vệ lưu vong. — 300, 307, 309.

Gvô-dơ-đép, C. A. (sinh năm 1883) là một người men-sê-vích - thủ tiêu; trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918), đứng trên lập trường xã hội - sô-vanh. — 295, 297.

H

Hai-nơ, Hen-rích (1797 - 1856) là nhà thơ lớn người Đức, một nhà chính luận. — 186.

Han-xơ-man, Đa-vít I-u-xtút (1790 1804) là một chính khách Phổ, thủ lĩnh của giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa, làm bộ trưởng Bộ tài chính Phổ từ tháng Ba đến tháng Chín 1848 trong nội các Cam-phau-den và nội các Au-éc-svan, tiến hành một chính sách xảo quyệt thỏa hiệp với thế lực phản động. — 137, 138.

Hen-dơ, Giôn (sinh năm 1839) là một người công liên chủ nghĩa. Từ năm 1872, thủ lĩnh cánh cải lương chủ nghĩa trong Hội đồng liên bang Anh trong Quốc tế, tiến hành những hành động chống Hội đồng trung ương của Quốc tế I và các lãnh tụ Quốc tế I là Mác và Ăng-ghen, giữ những quan điểm sô-vanh đối với phong trào công nhân Ai-rơ-len. Tháng Năm 1873, bị Hội đồng trung ương của Quốc tế I khai trừ ra khỏi Quốc tế. — 290.

Hen-đéc-xơn, Ác-tuya (1863 - 1935) là một thủ lĩnh Đảng lao động và của phong trào công đoàn Anh, trong thời kỳ chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, là người theo chủ nghĩa xã hội - sô-vanh. Đã nhiều lần tham gia các chính phủ tư sản Anh. — 296.

Hen-đman, Hen-ri May-ơ (1842 - 1921) là một người xã hội chủ nghĩa Anh theo chủ nghĩa cải lương. Năm 1881, ông ta thành lập Liên đoàn dân chủ, mà đến năm 1884 đã chuyển thành Liên đoàn dân chủ - xã hội. Là một trong những thủ lĩnh Đảng xã hội chủ nghĩa Anh, nhưng ra đảng năm 1916 sau khi bị Hội nghị đảng ở Xôn-phoóc phê bình cảnh cáo về lập trường xã hội - sô-vanh của y đối với cuộc chiến tranh đế quốc. — 175, 296, 297.

Hê-ghen, Gioóc-giơ Vin-hem Phri-đrích (1770 - 1831) là một đại biểu xuất sắc cho triết học cổ điển Đức, đã phân tích sâu sắc và toàn diện phép biện chứng duy tâm. —5, 9, 10, 12, 13, 39, 56, 105, 123, 201, 210, 211, 262, 264, 266.

Hê-ra-clít ở Ê-phe-xơ (khoảng 530 - 470 trước công lịch) là một nhà triết học duy vật Hy-lạp cổ, người sáng lập phép biện chứng cổ đại. — 262, 266.

Hi-um, Đa-vít (1711 - 1776) là một nhà triết học Anh, một người duy tâm chủ quan, một người theo thuyết bất khả tri. — 11, 210, 211, 266.

Hiếc-kê là nghị sĩ Hạ nghị viện Phổ, bộ trưởng Bộ nông nghiệp trong nội các Han-xơ-man (1848). — 138.

Hiếc-sơ, Mác-xơ (1832 - 1905) là nhà kinh tế học và chính luận tư sản Đức, đảng viên của Đảng tiến bộ, đại biểu Quốc hội. Năm 1868, ông cùng với Phrang-txơ Đun-cơ sáng lập ra một số hội liên hiệp công đoàn cải lương chủ nghĩa (gọi là «công đoàn Hiếc-sơ - Đun-cơ»). Trong tác phẩm của mình, Hiếc-sơ đã đưa ra tư tưởng «điều hòa» giữa lao động và tư bản, chống lại sách lược cách mạng của giai cấp vô sản, bảo vệ chủ nghĩa cải lương. — 114, 119.

Hin-đen-buốc, Pôn (1847 - 1934) là thống chế Đức, một chính khách; trong chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới (1914 - 1918), chỉ huy quân đội Đức ở mặt trận phía Đông, sau đó là tổng tham mưu trưởng. Trong những năm 1925 - 1934 là tổng thống Cộng hòa Vai-mác. — 379.

Hin-phéc-đinh, Ru-đôn-phơ (1877 - 1941) là một thủ lĩnh cơ hội chủ nghĩa trong phong trào dân chủ - xã hội Đức và trong Quốc tế II. Năm 1910, đã xuất bản cuốn «Tư bản tài chính» là một cuốn sách đã có một tác dụng tích cực nhất định trong việc nghiên cứu chủ nghĩa tư bản độc quyền, nhưng cuốn sách này mang những sai lầm nghiêm trọng về mặt lý luận và lại đưa ra những đề nghị cơ hội chủ nghĩa. Năm 1917, trở thành thủ lĩnh của Đảng dân chủ - xã hội độc lập Đức. — 286, 288, 368.

I

K

«Tình cảnh giai cấp công nhân ở Anh» của Ăng-ghen sang tiếng Anh, về sau trở thành một người theo chủ nghĩa cải lương tư sản. — 168.

Kê-ren-xki, A. Ph. (1881 - 1970) là một người xã hội chủ nghĩa - cách mạng; sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917 là bộ trưởng Bộ tư pháp, Bộ chiến tranh và hải quân; sau đó là chủ tịch Chính phủ tư sản lâm thời và tổng tư lệnh các lực lượng vũ trang. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, hoạt động chống Chính phủ xô-viết và đến năm 1918, lưu vong ra nước ngoài. — 335, 368.

Ki-đê-vét-te, A. A. (1866 - 1933) là một nhà sử học và một nhà chính luận Nga theo phái tự do tư sản, một thủ lĩnh của Đảng dân chủ - lập hiến. Trong những tác phẩm của mình, ông ta xuyên tạc ý nghĩa của cuộc cách mạng Nga 1905 - 1907. — 192.

L

La-bri-ô-la, Ác-tu-rô (1873 - 1959) là nhà hoạt động chính trị Ý, nhà luật học và nhà kinh tế học, một lãnh tụ của phong trào công đoàn ở Ý; tác giả của những cuốn sách lý luận về chủ nghĩa công đoàn, trong đó ông ta mưu toan đem cái cương lĩnh của ông ta gọi là «chủ nghĩa công đoàn cách mạng» thích ứng với chủ nghĩa Mác bằng cách «sửa đổi» chủ nghĩa Mác. — 206.

La-gác-đen-lơ, Huy-be (1874 - 1958) là một người hoạt động chính trị tiểu tư sản Pháp, một người công đoàn chủ nghĩa vô chính phủ. — 206.

La-phác-gơ, Lô-ra — xem *Mác, Lô-ra.*

La-phác-gơ, Pôn (1842 - 1911) là nhà hoạt động xuất sắc của phong trào công nhân Pháp và quốc tế, một trong những người sáng lập Đảng công nhân Pháp, nhà chính luận có tài ba, một trong những người đầu tiên gia nhập chủ nghĩa cộng sản ở Pháp, người bạn và người cộng tác thân thiết của Mác và Ăng-ghen. — 9, 176, 248.

La-rin, I-u. (Lu-ri-ê, M. A.) (1882 - 1932) là một người dân chủ - xã hội Nga, thuộc phái men-sê-vích. Sau khi cách mạng 1905 - 1907 bị thất bại, tích cực ủng hộ phái thủ tiêu. Tháng Tám 1917, đã được kết nạp vào đảng bôn-sê-vích. — 237, 238, 239, 240, 242, 243, 244, 245.

Lan-ghê, Phri-đrích An-béc (1828 - 1875) là nhà triết học Đức, theo phái Can-tơ mới, kẻ thù của chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa xã hội. — 158, 210.

Lát-xan, Phéc-đi-năng (1825 - 1864) là nhà xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản Đức, một trong những người thành lập Tổng hội công nhân Đức (1863). Việc thành lập Tổng hội đó có ý nghĩa tích cực đối với phong trào công nhân, nhưng Lát-xan, được bầu làm chủ tịch Tổng hội, đã đưa phong trào công nhân Đức đi vào con đường cơ hội chủ nghĩa. Mác và

Ăng-ghen đã phê phán kịch liệt những quan điểm lý luận và chính trị của ông ta. — 35, 46, 86, 87, 118, 170, 314, 315, 321, 322, 323.

Lê-ghin, Các-lơ (1861 - 1920) là người dân chủ - xã hội cánh hữu Đức, lãnh tụ công hội Đức, một người xét lại, một tên xã hội - sô-vanh cực đoan trong chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918). — 289, 296, 365.

Lê-vi-txơ-ki (Txê-đéc-bau-mơ), V. Ô. (sinh năm 1883) là người dân chủ - xã hội Nga, men-sê-vích. Một người cầm đầu phái thủ tiêu. — 236, 244.

Lên-sơ, Pôn (1873 - 1926) là một người dân chủ - xã hội Đức đứng trên lập trường xã hội - sô-vanh trong chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918). — 261, 292.

Liếp-nếch, Vin-hem (1826 - 1900) là nhà hoạt động xuất sắc của phong trào công nhân Đức và quốc tế, một trong những người sáng lập và lãnh tụ của Đảng dân chủ - xã hội Đức. Từ 1875 cho đến cuối đời, ông là ủy viên Ban chấp hành trung ương của Đảng dân chủ - xã hội Đức và là chủ bút của cơ quan trung ương là tờ «Vorwärts» («Tiến lên»). Đã tích cực hoạt động trong Quốc tế I và trong việc thành lập Quốc tế II. — 35, 46, 73, 171, 172, 174, 175, 180, 241.

Lô-it Gioóc-giơ, Đa-vít (1863 - 1945) là một chính khách Anh, thủ lĩnh Đảng tự do, thủ tướng năm 1916 - 1922. Một trong những kẻ xúi giục và kẻ tổ chức cuộc can thiệp vũ trang và cuộc phong tỏa nước Nga xô-viết. — 295, 296, 297, 361.

Lô-pa-tin, G. A. (1845 - 1918) là một nhà cách mạng Nga, người dân túy. Trong những năm 1870, lưu vong ở nước ngoài, có quan hệ bạn bè với C. Mác và Ph. Ăng-ghen, là ủy viên trong Hội đồng trung ương của Quốc tế I. — 247.

Lô-pa-tin, L. M. (1855 - 1920) là nhà triết học duy tâm Nga. — 217.

Lông-ghê, Giăng (1876 - 1938) là nhà hoạt động của Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp và Quốc tế II, một nhà chính luận, là con của Sác-lơ Lông-ghê và Giên-ni Mác. Trong chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918), đã đứng đầu thiểu số cánh giữa ở trong Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp. — 410.

Lông-ghê, Giên-ni (1844 - 1883) là nhà hoạt động của phong trào công nhân quốc tế, là con gái C. Mác, vợ của Sác-lơ Lông-ghê. — 9.

Lông-ghê, Sác-lơ (1839 - 1903) là nhà xã hội chủ nghĩa Pháp, theo chủ nghĩa Pru-đông, sau này theo phái khả năng chủ nghĩa, ủy viên Hội đồng trung ương Quốc tế I (1866 - 1867 và 1871 - 1872) và tham gia Công xã Pa-ri (1871). — 9, 248.

Mô-xtơ, Giô-han (1846 - 1906) là một người Đức vô chính phủ chủ nghĩa. Những năm 60 thế kỷ XIX, gia nhập phong trào công nhân. Sau khi đạo luật ngoại lệ chống những người xã hội chủ nghĩa được ban hành, thì Mô-xtơ lánh sang Anh và năm 1882, ông ta đi Mỹ và tiếp tục tuyên truyền chủ nghĩa vô chính phủ. — 36, 171, 172, 225.

Muyn-béc-gơ, Ác-tuya (1847 - 1907) là nhà chính luận tiểu tư sản Đức, người theo chủ nghĩa Pru-đông, một bác sĩ. — 200.

N

Na-pô-lê-ông I (Bô-na-pác-tơ) (1769 - 1821) là hoàng đế Pháp (1804 - 1814 và 1815). — 444.

Na-pô-lê-ông III (Bô-na-pác-tơ, Lu-i) (1808 - 1873) là hoàng đế Pháp (1852 - 1870). — 159.

Ni-cô-lai II (1868 - 1918) là hoàng đế Nga cuối cùng (1894 - 1917). — 275, 305, 345.

Nô-xkê, Gu-xta-vơ (1868 - 1946) là một người dân chủ - xã hội Đức thuộc cánh cực hữu, kẻ phản bội và là tên tàn sát giai cấp công nhân, kẻ tổ chức việc ám sát Các-lơ Liếp-nếch và Rô-da Lúc-xăm-bua hồi tháng Giêng 1919. — 365.

O

Oác-đơ, Giêm-xơ (1843 - 1925) là nhà sinh lý học Anh, một nhà triết học duy tâm, theo thuyết duy linh. — 215, 217, 218.

Ô

Ô-oen, Rô-bớc (1771 - 1858) là người xã hội chủ nghĩa không tưởng Anh vĩ đại. — 86, 105.

Ô-xtơ-van-đơ, Vin-hem Phri-đrích (1853 - 1932) là nhà khoa học tự nhiên, một nhà triết học duy tâm, người sáng lập thuyết «duy năng» — một biến dạng của chủ nghĩa duy tâm «vật lý». — 215, 216.

P

Pan-nê-cúc, An-tô-ni (1873 - 1960) là một người dân chủ - xã hội Hà-lan; một trong những người sáng lập tờ «De Tribune» («Diễn đàn») (1907), cơ quan của cánh tả của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Hà-lan, — cánh tả này đến năm 1909 trở thành Đảng dân chủ - xã hội Hà-lan. Trong các năm 1918 - 1921, đã đứng trong hàng ngũ Đảng cộng sản Hà-lan và tham gia các công tác của Quốc tế cộng sản. Giữ lập trường cực tả có tính chất bè phái. Năm 1921, Pan-nê-cúc ra khỏi Đảng cộng sản và sau đó không tham gia tích cực hoạt động chính trị nữa. — 221, 224, 225.

Pê-tơ-run-kê-vích, I. I. (1844 - 1928) là một trong những người thành lập Đảng dân chủ - lập hiến, chủ tịch Ban chấp hành trung ương của đảng này, nghị sĩ Đu-ma nhà nước I. — 137.

Pết-txôn-tơ, I-ô-xíp (1862 - 1929) là nhà triết học Đức, duy tâm chủ quan, đồ đệ của Ma-khơ và

hoành hành (1907 - 1910), ông đã chống lại việc theo chủ nghĩa Ma-khơ để xét lại chủ nghĩa Mác và chống lại chủ nghĩa thủ tiêu. Có thái độ phủ nhận đối với Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, nhưng cũng không tham gia hoạt động chống Chính quyền xô-viết. — 43, 65, 94, 121, 141, 143, 160, 161, 163, 164, 182, 186, 201, 202, 262, 265, 280, 296, 299, 310, 311, 327.

Poanh-ca-rê, Hăng-ri (1854 - 1912) là một nhà toán học và một nhà vật lý học Pháp xuất sắc, những quan điểm triết học của ông gần với Ma-khơ. — 215, 216.

Poanh-ca-rê, Ray-mông (1860 - 1934) là chính khách tư sản Pháp, nhiều lần đã giữ những chức vụ bộ trưởng và thủ tướng. Tổng thống Pháp vào những năm 1913 - 1920. Một trong những kẻ chủ mưu gây ra cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới (1914 - 1918). — 275.

Pô-mi-a-lốp-xki, N. G. (1835 - 1863) là một nhà văn dân chủ Nga nổi tiếng. — 327.

Pô-pốp (Rô-da-nốp, V. N.) (1876 - 1939) là một người dân chủ - xã hội Nga; trong Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga (1903) đứng trên lập trường của phái giữa; sau đại hội, trở thành một thành viên tích cực của phái men-sê-vích. — 122.

Pô-tơ-rê-xốp, A. N. (1869 - 1934) là một trong những thủ lĩnh men-sê-vích; trong những năm thế lực phản động hoành hành (1907 - 1910) và cao trào cách mạng mới, ông ta cầm đầu phái thủ tiêu, lãnh đạo tờ «Bình minh của chúng ta» và những tờ báo công khai khác của phái thủ tiêu. Sau cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, là một kẻ bạch vệ lưu vong. — 244, 289, 295, 297.

Prô-cô-pô-vích, X. N. (1871 - 1955) là nhà kinh tế học tư sản và nhà chính luận Nga. Cuối những năm 90 của thế kỷ XIX, là một đại biểu có tiếng tăm của «chủ nghĩa kinh tế» và là một trong những người đầu tiên truyền bá chủ nghĩa Béc-stanh ở Nga. Năm 1906, là ủy viên Ban chấp hành trung ương của Đảng dân chủ - lập hiến. Là tác giả của những cuốn sách về lao động viết theo lập trường của chủ nghĩa Béc-stanh. — 118.

Pru-đông, Pi-e Giô-dép (1809 - 1865) là nhà chính luận Pháp, nhà kinh tế học và xã hội học, nhà tư tưởng tiểu tư sản, một trong những người sáng lập chủ nghĩa vô chính phủ. — 6, 8, 50, 51, 86, 105, 117, 142, 162, 163, 200, 248, 249, 257, 260, 268, 271, 272.

R

Ren-nơ, Các-lơ (1870 - 1950) là chính khách Áo, thủ lĩnh và nhà chính luận của những người dân chủ - xã hội cánh hữu Áo, một trong những người đề ra cái lý luận tư sản dân tộc chủ nghĩa là «quyền tự trị dân tộc về mặt

văn hóa». Trong những năm 1919 - 1920 là Quốc vụ khanh Áo. — 362.

Ri-a-da-nốp, Đ. B. (1870 - 1938) là một người dân chủ - xã hội Nga; trong chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918), đã theo lập trường phái giữa, công tác trong các tờ báo men-sê-vích «Tiếng nói» và «Sự nghiệp của chúng ta». — 270.

Ri-các-đô, Đa-vít (1772 - 1823) là nhà kinh tế học Anh, một trong những đại biểu nổi tiếng nhất của chính trị kinh tế học tư sản cổ điển. — 25, 57, 158.

Rô-đi-tsép, Ph. I. (sinh năm 1856) là một tên đại địa chủ Nga, thủ lĩnh Đảng dân chủ - lập hiến, ủy viên Ban chấp hành trung ương của đảng này, nghị sĩ Đu-ma nhà nước I, II, III và IV. — 137, 138.

Rốt-béc-tút - I-a-ghê-txốp, Giô-han Các-lơ (1805 - 1875) là nhà kinh tế học tầm thường và chính khách Đức, đã cổ vũ cho tư tưởng phản động về «chủ nghĩa xã hội nhà nước» Phổ. — 25.

Rơ-năng, Éc-ne-xtơ (1823 - 1892) là nhà ngôn ngữ học Pháp và nhà sử học thiên chúa giáo, một nhà triết học duy tâm. — 143.

Rơ-nô-đen, Pi-e (1871 - 1935) là một thủ lĩnh cải lương chủ nghĩa trong Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp; sau khi Giô-re-xơ mất, là chủ bút của tờ «L'Humanité» («Nhân đạo») (1914 - 1920). — 296, 297.

Ru-ghê, Ác-nôn (1802 - 1880) là nhà chính luận Đức, thuộc phái Hê-ghen trẻ, theo quan điểm cấp tiến tư sản. — 6, 41.

S

Sai-đê-man, Phi-líp (1865 - 1939) là một thủ lĩnh cánh cực hữu trong Đảng dân chủ - xã hội Đức; trong chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới (1914 - 1918), bênh vực những quan điểm xã hội - sô-vanh. Từ tháng Hai đến tháng Sáu 1919, cầm đầu chính phủ tư sản Đức; một trong những kẻ tổ chức cuộc đàn áp đẫm máu phong trào công nhân Đức trong những năm 1918 - 1921. — 296, 297, 362, 365, 368.

Sam-pi-ôn, Hen-ri Ha-ít (1859 - 1928) là một người xã hội - cải lương chủ nghĩa Anh, một thành viên trong Liên minh dân chủ - xã hội; năm 1887, bị khai trừ ra khỏi Liên minh vì đã câu kết với phái bảo thủ trong cuộc bầu cử. — 181.

Sáp-pơ, Các-lơ (1812 - 1870) là nhà hoạt động xuất sắc của phong trào công nhân Đức và quốc tế, một trong những người lãnh đạo Đồng minh những người chính nghĩa, ủy viên Ban chấp hành trung ương Đồng minh những người cộng sản, tham gia cách mạng 1848 - 1849 ở Đức; năm 1850, một trong những thủ lĩnh của nhóm bè phái phiêu lưu trong thời kỳ Đồng minh những người cộng sản bị phân liệt; năm 1856, lại gần gũi với Mác. — 35, 140.

cấp công nhân» ở Pê-téc-bua. Mùa thu 1902, là ủy viên Ban tổ chức để triệu tập Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga; Tơ-ra-vin-xki đã không đến dự đại hội đó được (1903), nhưng vẫn được bầu vào Ban chấp hành trung ương. — 121.

Tơ-rốt-xki (Brôn-stanh) L. Đ. (1879 - 1940) là kẻ thù điên cuồng của chủ nghĩa Lê-nin, tại Đại hội II của đảng (1903) đã bênh vực phái men-sê-vích, sau đại hội đã tiến hành đấu tranh chống lại những người bôn-sê-vích về tất cả các vấn đề lý luận và thực tiễn của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. — 121, 285, 288.

Tơ-ru-bê-txơ-côi, X. N. (1862 - 1905) là một công tước Nga có những quan điểm chính trị tự do chủ nghĩa, một nhà triết học duy tâm, cố gắng củng cố chế độ Nga hoàng bằng một hiến pháp ôn hòa. — 138.

Tséc-nen-cốp, B. N. (sinh năm 1883) là một người xã hội chủ nghĩa - cách mạng. Năm 1919, là thành viên của nhóm «Nhân dân» xã hội chủ nghĩa - cách mạng, một nhóm đã từ bỏ cuộc đấu tranh vũ trang chống Chính quyền xô-viết. — 389.

Tséc-nốp, V. M. (1876 - 1952) là một thủ lĩnh Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng, bộ trưởng Bộ nông nghiệp trong Chính phủ tư sản lâm thời (1917); sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, là một trong những tên tổ chức cuộc phản cách mạng, một tên bạch vệ lưu vong. — 327, 335.

Tséc-nư-sép-xki, N. G. (1828 - 1889) là một người dân chủ cách mạng Nga, một bậc tiền bối xuất sắc của những người dân chủ - xã hội Nga, những quan điểm triết học của ông là đỉnh cao của triết học duy vật trước Mác. — 104.

Tsơ-khê-ít-dê, N. X. (1864 - 1926) là một trong những thủ lĩnh của phái men-sê-vích. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, là chủ tịch Quốc hội lập hiến của chính phủ men-sê-vích phản cách mạng ở Gru-di-a. Năm 1921, sau khi Chính quyền xô-viết được thành lập ở Gru-di-a, hắn đã di cư ra nước ngoài. — 306, 309.

Tsơ-khên-kê-li, A. I. (1874 - 1959) là một người dân chủ - xã hội Nga, một người men-sê-vích, nghị sĩ Đu-ma nhà nước IV. Trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918), đã đứng trên lập trường xã hội - sô-vanh; trong những năm 1918 - 1921, là bộ trưởng Bộ ngoại giao của chính phủ men-sê-vích Gru-di-a; sau đó là tên bạch vệ lưu vong. — 289.

Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki, M. I. (1865 - 1919) là nhà kinh tế học tư sản Nga; trong những năm 90 thế kỷ XIX, là một đại biểu có tiếng tăm của «chủ nghĩa Mác hợp pháp»; về sau gia nhập Đảng dân chủ - lập hiến. — 323.

Tuy-nên, Giô-han Hen-rich (1783 - 1850) là nhà kinh tế học tư sản Đức, chuyên về kinh tế nông nghiệp; một địa chủ lớn. Chủ trương sự điều hòa giai cấp, phủ nhận những mâu thuẫn đối kháng giữa lao động và tư bản. — 158.

Txê-rê-tê-li, I. G. (1882 - 1959) là một trong những thủ lĩnh của phái men-sê-vích. Bộ trưởng Bộ bưu điện, sau là bộ trưởng Bộ nội vụ trong Chính phủ tư sản lâm thời năm 1917. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, là một thủ lĩnh trong chính phủ men-sê-vích phản cách mạng ở Gru-di-a. Sau khi Chính quyền xô-viết thắng lợi ở Gru-di-a (1921), y là một tên bạch vệ lưu vong. — 306, 309, 327, 335.

U

Uyn-xơn, Vu-đrô (1856 - 1924) là tổng thống Mỹ trong những năm 1913 - 1921, tiến hành một chính sách đàn áp dã man phong trào công nhân ở trong nước. Một trong những người cầm đầu những kẻ gây ra và tổ chức cuộc can thiệp vũ trang chống nước Nga xô-viết. — 361, 362.

V

V. I. — ъ (I-van-sin, V. P.) (1869 - 1904) là người dân chủ - xã hội Nga, người thuộc phái «kinh tế», một trong những biên tập viên của tờ «Sự nghiệp công nhân». Sau Đại hội II Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga (1903) là người men-sê-vích. — 112.

V. V. — xem Vô-rôn-txốp, V. P.

Va-nê-ép, A. A. (1872 - 1899) là một người cách mạng Nga, một người dân chủ - xã hội, cùng với Lê-nin, Crơ-gi-gia-nốp-xki và những người khác là thành viên của Nhóm trung tâm của «Hội liên hiệp đấu tranh để giải phóng giai cấp công nhân» ở Pê-téc-bua. — 109, 111.

Va-xi-li-ép (Len-gních, Ph. V.) (1873 - 1936) là một người dân chủ - xã hội Nga, một người bôn-sê-vích; từ năm 1893, tham gia phong trào cách mạng; tại Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga (1903) được bầu vào Ban chấp hành trung ương và Hội đồng của đảng. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, được giao trách nhiệm giữ những chức vụ quan trọng trong chính phủ và trong đảng. — 121.

Vai-đê-mai-ơ, I-ô-xíp (1818 - 1866) là một nhà cách mạng Đức, thành viên của Đồng minh những người cộng sản, tham gia cách mạng 1848 - 1849 ở Đức, sau đó di cư sang Mỹ; ủy viên của Quốc tế I, người bạn của Mác và Ăng-ghen. — 312.

Vai-tling, Vin-hem (1808 - 1871) là nhà hoạt động xuất sắc trong giai đoạn đầu của phong trào công nhân Đức, một nhà lý luận của chủ nghĩa cộng sản bình quân chủ nghĩa không tưởng. — 117.

Van-déc-van-đơ, Ê-mi-lơ (1866 - 1938) là lãnh tụ của Đảng công

Xi-xmôn-đi, Giăng Sác-lơ Lê-ô-na Xi-mông đơ (1773 - 1842) là một nhà kinh tế học Thụy-sĩ, một người đứng trên lập trường tiểu tư sản để phê phán chủ nghĩa tư bản. — 284.

Xmít, A-đam (1723 - 1790) là nhà kinh tế học Anh, một trong những đại biểu xuất sắc của chính trị kinh tế học tư sản cổ điển. — 22.

Xpác-ta-cút (mất năm 71 trước công lịch) là một vũ sĩ trường đấu thời cổ La-mã, lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa rất lớn của những người nô lệ ở La-mã cổ đại trong những năm 73 - 71 trước công lịch. — 401.

Xpếch-ta-to (Na-khim-xôn, M. I.) (sinh năm 1880) là một nhà kinh tế học và chính luận Nga; một người thuộc phái Bun trong những năm 1899 - 1921, đã đứng trên lập trường phái giữa trong những năm chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới (1914 - 1918). Đã viết những cuốn sách về kinh tế thế giới. — 285, 286.

Xpi-nô-da, Ba-rúc (1632 - 1677) là một nhà triết học duy vật Hà-lan, nhà vô thần luận. — 266.

Xtê-clốp, I-u. M. (1873 - 1921) là một người dân chủ - xã hội Nga; sau Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga là người theo phái bôn-sê-vích. — 306, 309.

Xtiếc-linh, Giêm-xơ (1820 - 1909) là một nhà triết học E-cốt-xơ, đã viết một cuốn sách về Hê-ghen và những tác phẩm khác. — 47.

Xtô-lư-pin, P. A. (1862 - 1911) là chính khách Nga hoàng, một địa chủ lớn, thủ tướng chính phủ và bộ trưởng Bộ nội vụ (1906 - 1911). Tên tuổi y gắn liền với một thời kỳ phản động chính trị khốc liệt nhằm tiêu diệt phong trào cách mạng. — 188, 192, 241, 242, 244, 245.

Xtơ-ru-vê, P. B. (1870 - 1944) là một nhà kinh tế học tư sản Nga, một nhà chính luận, người phát ngôn nổi tiếng của «chủ nghĩa Mác hợp pháp» trong những năm 90 thế kỷ XIX; về sau là ủy viên Ban chấp hành trung ương Đảng dân chủ - lập hiến. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười 1917, là một tên bạch vệ lưu vong. — 40, 160, 188, 191, 192, 219, 235.

Xu-kha-nốp (Ghim-me, N. N.) (sinh năm 1882) là một nhà kinh tế học Nga và một nhà chính luận theo xu hướng tiểu tư sản, một người men-sê-vích. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười 1917, công tác trong các cơ quan kinh tế xô-viết. Năm 1931, bị kết tội là người cầm đầu một tổ chức men-sê-vích bí mật. — 441, 443, 444.

MỤC LỤC

